

Chú giải Kinh Pháp Cú
(DHAMMAPADA-AṬṬHAKATHĀ)
QUYỂN 2

**NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO
SAMMĀSAMBUDDHASSA**



**THÀNH KÍNH ĐẢNH LỄ ĐỨC THẾ TÔN,
BẠC ỨNG CÚNG, ĐẮNG CHÁNH BIẾN TRI**

THERAVĀDA
PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY
Bhadantācāriya BUDDHAGHOSA

Chú giải

Kinh Pháp Cú

Dhammapada-aṭṭhakathā
Quyển 2

Dịch giả
Trưởng lão PHÁP MINH

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

PL. 2555 * DL. 2011

- Kính dâng đến: Thầy Tổ
- Kính Tri Ân đến: Các Bậc Ân Sư
- Kính dâng đến: Cha Mẹ
- Kính Tri Ân đến: Các Thiện Nam, Tín Nữ



*Với phần phước Thiện Pháp Thí thanh cao này.
Xin nguyện làm nhân cho con đường đi đến*

Giác Ngộ Giải Thoát.



QUÁN PHI NGÃ CÁI TA, CỦA TA

Mực đen giấy trắng bôi nhòa,
Nói rằng đây chính là Ta cũng kỳ!...
Nhờ người ngắm lại xem đi,
“Hình ai sao thấy giống y Sư già”?!
Mũi to tợ mũi kỳ đà,
Mắt sâu, tai vảnh như là tai trâu.
Má gồ, cằm lún phún râu,
Trán nhăn, không mũ trọc đầu là ai?...
Mặt này chẳng phải Như Lai,
Mà dòng họ Nguyễn Văn Tài thế nhân.
Phạm Thị Minh vốn mẫu thân,
Cả hai đều lánh dương trần từ lâu.
Bảy mươi tuổi thọ dài đâu,
Miệng cười móm gượng giải sầu chúng sanh.
Tỳ khưu Nguyên Thủy Pháp Minh,
Hăm một năm trước phải hình vậy chẳng?
Thân ta nào có thường hằng,
Mấy ai đáy nước mò trăng được nào?...
“Chân nhân” bước quá ngọn sào,
Kêu tên, nghe Dạ! Làm sao thấy người?
“Cái ta nguy hiểm” lạ đời!

Mình khuyên mình chớ đổi đời, khổ sanh.
Cũng đừng háo lợi mê danh,
Thần kinh náo nức, thân hình ốm o!
Khỏi rừng Ái Dục nhẹ lo,
Nhứt là Sắc dục, bầy dò hiểm nguy.
Đẹp người, trắc nết, ích chi?
Hảo tâm, thiện trí, xấu gì cũng nên!
Tự mình nguệch vẽ mình ên,
Dưới chua dịch giả sắp bên ảnh Ngài.
Phật Nô, Tăng Thống đặt bài,
“Cái ta nguy hiểm”, thì ai chẳng ngờ.
“Lòng phàm chưa hết bụi nhơ,
Mâu thuẫn để dựng cột cờ cống cao!”
Nhưng mình đâu dám tự hào?
Bạn xin hình giả, lòng nào chẳng cho?
Thịt xương còn hóa đất tro,
“Chân dung” giấy mực, ra trò trống chi?...
Cạn lời, khó dứt thị phi,
Tâm “Không”, chứng Hữu Dư Y Niết Bàn.../.
Cốc Bình Thủy, đêm 05/12/Đinh Mão
23 – 01 – 1998 - Tỳ khưu Pháp Minh
(Lưu niệm 100 ngày không nằm lần thứ hai,
Bắt đầu từ 19/10/Đinh Mão)



LỜI PHI LỘ

Kinh Pháp Cú một trong 15 bộ thuộc Tiểu Bộ Kinh (Khuddakanikāya) trong Tam Tạng Thánh Điển (Tipitaka) Phật Giáo Đây là bộ kinh Phật được dịch ra nhiều thứ tiếng nhất và được tất cả các tông phái Phật giáo đồng nhìn nhận là chứa đựng những lời dạy nguyên thủy của Đức Phật.

Kinh Pháp Cú có nghĩa là những lời huấn ngôn, con đường chân lý hay những kệ ngôn chánh pháp. Tác phẩm này là một kết tập của 423 kệ ngôn được Đức Phật tuyên thuyết trong hơn 225 trường hợp khác nhau. Đó là một tác phẩm mang nội dung cô đọng nhưng phong phú. Những tích truyện của Kinh Pháp Cú cho phép những người Phật tử hôm nay có một cái nhìn chân xác về Đức Phật và Thánh chúng trong suốt thời Phật trụ thế.

Xem qua những tích chuyện trong chú giải kinh Pháp cú, chúng ta sẽ bắt gặp được khuôn mặt của những con người có thành công, có thất bại, có cao quý, có tầm thường trên con đường hướng cầu giải thoát. Những con người đó sống bên chân Phật nhưng tâm tư của họ lại rất gần với chúng ta những con người sống trong thế kỷ 21 này.

Người đọc nếu sẵn nhiệt tâm hướng về đạo pháp nên nghiền ngẫm và thường xuyên suy niệm về những lời vàng ngọc chứa đựng trong kinh rồi đem ra thực hành, áp dụng vào cuộc sống hàng ngày của mình. Hãy tự thanh lọc thân tâm. Chắc chắn người đọc có thể thu hoạch được một niềm vui về tinh thần vượt lên cao hơn tất cả những thứ hạnh phúc khác trên thế gian, sẽ gặt hái được nhiều lợi ích cho chính bản thân

mình ngay trong hiện tại cũng như trong tương lai. Người đọc sẽ thấy Kinh Pháp Cú luôn đem lại nguồn cảm hứng, an ủi, nâng đỡ, hộ trì và cải thiện tâm linh của mình trên những bước thăng trầm trong cuộc sống. Lời kinh khơi nguồn cảm hứng cao đẹp và mở ra một lối đi đầy hướng thiện, tạo ra một sức mạnh cảm hóa kỳ diệu, giúp cho người đọc có một niềm tin vững chắc hơn trên con đường tu học để tiến đến bến bờ giác ngộ và nhờ đó mà được giải thoát.

Tư tưởng Pháp Cú là bức thông điệp muôn thuở mà Đức Phật đã truyền đạt cho con người trong cõi nhân gian với mục đích là dạy cho con người nhận chân được cuộc sống. Sống đúng nghĩa. Sống cao thượng. Kinh Pháp Cú xưa nay thường được xem như là cao điểm của tư tưởng hướng thượng hiền thiện. Trong công việc tu học để đạt đến chân lý, Đức Phật đã từng tuyên bố rõ ràng rằng Ngài chỉ là người dẫn đường chỉ nẻo chứ Ngài không thể "cứu rỗi" hay tu thay cho ai được cả và con người phải tự mình tu để giải thoát cho chính mình. Công trình tu tập và kết quả đạt được hoàn toàn nằm trong tay chúng ta.

Ước mong sao những lời dạy của Đức Phật trong tập Kinh Pháp Cú sẽ là ngọn đuốc rực rỡ soi sáng dẫn đường, là ngón tay chỉ hướng cho mọi hành động, ngôn ngữ, tâm tư của người đọc và do đó đem lại an lạc và hạnh phúc. Tự mình nghe theo lời Phật dạy mà tu sửa, rồi tự mình sẽ giác ngộ và sự giác ngộ đó sẽ giúp cho mình được giải thoát khỏi vòng luân hồi sinh tử đầy khổ đau. Niết Bàn yên vui tươi sáng đang chờ chúng ta. Chúng ta mỗi ngày cố gắng đi một chút chắc chắn thế nào cũng sẽ tới đích, cũng sẽ thành công.

III. PHẨM TÂM (CITTA VAGGA)

11 bài kệ: Pháp Cú số 33 – 43
9 tích truyện



III. 1- Tích TRƯỞNG LÃO MÊ KỲ DẠ (Meghiyattheravatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 33 – 34)

“Phandanam capalam cittam, *“Tâm xao động không yên,*
Durakkham dunnivārayam; *Khó giữ, khó kiềm định.*
Ujum karoti medhāvī, *Người trí điều tâm chinh,*
Usukāro’va tejanam.” *Như thợ khéo uốn tên.”*

“Vārijo’va thale khitto, *“Như thủy tộc bị vớt,*
Okamokata ubbhato; *Bỏ lên bờ xa nước.*
Pariphandati’dam cittam, *Tâm này run lạt thường,*
Māradheyam pahātaveti.” *Hãy thoát cảnh Ma vương.”*

Hai bài kệ Pháp Cú này (33 – 34) Đức Bốn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại núi Cālīka (Trà Lý Ca), đề cập đến Đại đức Meghiya (Mê Kỳ Dạ).

(Sự tích Đại đức Meghiya có giải rộng trong kinh Meghiya. Nơi đây chỉ tóm tắt sơ lược.)

Trong thời kỳ Đại đức Ānanda chưa xuất gia, Đại đức Meghiya là vị Sa môn tùy tùng của Đức Bốn Sư, một hôm trông thấy một vườn xoài, cảnh trí u nhã. Đại đức

phát tâm mãnh liệt, muốn vào đó để tu tập, mong sớm đắc đạo quả. Đại đức bèn ngỏ lời xin phép Đức Thế Tôn, nhưng Ngài đã ngăn cản Đại đức ba lần mà Đại đức vẫn quyết tâm bỏ Ngài ra đi.

Vào đến vườn xoài, Đại đức cố gắng hành Sa môn pháp, nhưng vì tâm còn dục vọng chưa tự chủ được, nên phiền não dậy lên. Đại đức thối chuyển bèn quay về tạ tội với Đức Bốn Sư.

Khi ấy Đức Bốn Sư quở trách rằng:

Này Meghiya! Tội của ông làm thật nặng nề lắm, Ta đã can ngăn, bảo ông rằng: “Này Meghiya, hãy khoan. Hiện giờ Ta chỉ có một mình, chùng nào ta kiếm thấy vị Tỳ khưu khác thay thế cho ông, rồi ông hãy đi.” Ông đã chẳng kể gì đến lời yêu cầu của Ta, bỏ Như Lai một mình mà ra đi. Mang danh Tỳ khưu mà có tâm nông nổi, không vâng lời Như Lai, thì thật là không nên vậy. Trái lại, ông nên sửa đổi tâm mình sao cho nhẹ nhàng uyển chuyển, mềm mại dễ uốn nắn.

Nói rồi Đức Bốn Sư ngâm kệ rằng:

“Phandanam capalam cittam,
Durakkham dunnivārayam;
Ujum karoti medhāvī,
Usukāro’va tejanam.”

*“Tâm phàm xao xuyến rộn ràng,
Rất khó kiểm soát, khó hàng phục thay!
Người trí uốn nắn tâm ngay,
Dễ dàng như thợ có tài uốn tên.”*

“Vārijo’va thale khitto,
Okamokata ubbhato;
Pariphandati’dam cittam,

Māradheyyaṃ pahātaveti.”

“Như thủy tộc nằm vút trên,
Xa bờ cách nước, vẩy lên hải hùng.
Tâm này run rẩy hải hùng,
Hãy mau chóng thoát khỏi vùng ác ma.”



CHÚ GIẢI:

Trong bài kệ Phạn ngữ, tiếng *Phandanam* nghĩa là xao xuyến, rung động khi tiếp xúc với cảnh (đối tượng) là Ngũ trần (Sắc, Thính, Khí, Vị, Xúc).

Capalam: Rộn ràng, không trú vững trong một đối tượng, giống như trẻ con ở miền quê, không giữ được một oai nghi.

Cittam: Tâm là thức (viññāṇa) đây nói về tứ đại tâm, là tâm nương theo đối tượng ở bốn cõi: Dục, Sắc, Vô sắc và Siêu thế.

Durakkham: Khó gìn giữ tâm không cho nó đeo níu theo Ngũ trần là đối tượng mà nó ưa thích mỗi khi có sự tiếp xúc. Cũng như khó giữ gìn một con bò không cho nó ăn lúa, khi thả nó tự do đi trong đồng lúa chín.

Dunnivārayam: Khó kiểm soát, khó giữ gìn, khó ngăn chặn không cho tâm chạy theo đối tượng khác với đề mục đã chọn.

Usukāro'va tejanaṃ: Cũng như người thợ chuốt tên khi vô rừng chọn một khúc cây rễ chắc đem về, đẽo vót thành mũi tên, cho nó trở nên mềm dịu, dễ uốn nắn và đem hơ trên lửa nóng, cho nó trở nên mềm dịu, dễ uốn nắn, đoạn buộc ép nó vào một cây cột thật chặt ngay thẳng, hoàn thành một mũi tên không lệch lạc, mà người

ấy dùng bắn một sợi tóc ở đằng xa, với mũi tên ấy, người thợ vào triều biểu diễn tài nghệ bắn cung cho đức vua và bá quan xem, ắt được ban thưởng trọng hậu như thế nào, thì cũng như thế ấy, một nam tử hiền minh có đủ trí tuệ trước hết thọ trì hạnh Đầu đà ngụ nơi rừng vắng để cho phàm tâm của mình bớt xao xuyến rộn ràng. Như người thợ chuốt tên đẽo vót các phiên não thô sơ bên ngoài cái phàm tâm, tẩm nó bằng thứ dầu yêu mến đức tin nơi Chánh Pháp. Hơ nó lên ngọn lửa nóng là sự nhiệt thành tinh tấn cả thân tâm, đoạn đem nó lên buộc ép trên cây cột Chi, Quán (Samathavipassanā) làm cho nó trở nên ngay thẳng, phẳng phiêu, rồi ắt sẽ thấu triệt các pháp hữu vi, phá vỡ cái khối vô minh vĩ đại, chứng đắc Tam minh, Lục thông, Cừu Chánh Pháp. Khi làm chủ được các pháp siêu nhân ấy rồi, người trở nên là bậc Ứng Cúng tối thượng rất đáng thọ dụng các vật dâng cúng của tín thí vậy.

Vārijo'va: Như là loài thủy tộc, giống vật sống dưới nước như cá.

Thale khitto (bị vút lên bờ): là bị người ta dùng tay chân, lưới, chài, hoặc phương tiện nào khác bắt được bỏ nằm trên bờ.

Okamokata ubbhato: Trong thành ngữ này, chữ *Oka* có đủ cả hai nghĩa: một là nước, như nói okapunṇehi cīvarehi (với những ly đầy nước), hai là chỗ ở như đã nói: Okam pahāya aniketasārī (bỏ nhà làm kẻ lang thang không nhà). Loài thủy tộc sanh trưởng dưới nước, thì nước là chỗ trú của nó vậy. *Ubbhato* là bị vớt lên, bị kéo lên khỏi chỗ ở.

Pariphandatidaṃ cittam: Cũng như con cá bị vớt lên khỏi nước là chỗ ở thường xuyên của nó, bị bỏ nằm trên khô, nó hăng vùng vẫy như thế nào, thì cái phàm tâm này cũng thế; khi nó bị kéo lôi ra khỏi gian nhà ngũ dục mà nó hăng vui say thỏa thích, bị đặt lên đề mục niệm

Minh Sát, lúc mà hành giả thân tâm tinh tấn, cần tu nhiệt tâm tinh cần để mau thoát khỏi cái vòng luân hồi, gọi là cảnh giới của ác ma thì nó cũng run rẩy, vậy vùng không chịu yên lặng. Tuy nhiên là kẻ nam tử, là bậc trí tuệ cũng không vì thấy khó mà bỏ qua hay là xao lãng phận sự rèn luyện tâm mình, uốn nắn nó trở nên chân chánh và dễ sử dụng. Hoặc là: Cái phàm tâm này, vì còn bị trói buộc trong vòng luân hồi khổ não, còn ở dưới quyền thao túng của Ma vương cho nên nó run rẩy hãi hùng như loài thủy tộc bị vớt lên khỏi nước vậy. Hãy mau thoát khỏi cảnh giới của ác ma, thoát ra cái gọi là vòng luân hồi khổ não hằng làm cho tâm phàm run rẩy hãi hùng.

Bài kệ vừa dứt, Đại đức Meghiya chứng đắc Tu Đà Hườn quả, trong số các Tỳ khưu khác cũng chứng đạt Thánh quả như Tu Đà Hườn.



Dịch Giả Cẩn Đề

*Ngài Mê Kỳ Dạ quyết tu thiền,
Ngặt nổi tâm phàm khó định yên!
Thầy dạy: Hãy khoan chờ thị giả!
Trò xin: Cho gấp đến lâm tuyền!
Rừng sâu tường chứa nhiều pháp tịnh,
Cảnh vắng càng sanh lắm sự phiền!
Rót cuộc lui về nương bóng Phật,
Buổi này, chưa hiệp đủ nhân duyên.*

DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC MEGHIYA



**33. Người trí làm thẳng tâm đao động như thợ rèn
tên làm thẳng mũi tên.**



34. Like a fish out of its watery abode,
This mind trembles at having to abandon Māra's realm.

**34. Giống như con cá ra khỏi nước,
Tâm này dao động vì phải từ bỏ cảnh giới Ác ma.**

III. 2- Tích VỊ TỖ KHƯU Ở THỦY LƯU THÔN (*Aññatarabhikkhavatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 35)

“Dunnigghassa lahuno, “Lanh lệ khó kiềm thúc,
Yatthakāmanipātino; Mê say theo ngũ dục.
Cittassa damatho sādhu, Lành thay điều phục tâm,
Cittam dantam sukhāvahanti.” Tâm điều dưỡng hạnh phúc.”

Kệ Pháp Cú này, Đức Bốn Sư đã thuyết ra khi Ngài ngự tại Tinh xá Jetavana (Tinh xá Kỳ Viên), đề cập đến một vị Tỳ khưu nọ.

Tương truyền rằng: Nơi miền sơn cước, thuộc lãnh thổ vương quốc Kosala, có một ngôi làng tên Mātikagāma (Thủy Lưu thôn), là một địa phương cư dân trù mật.

Một lần nọ, có sáu mươi vị Tỳ khưu xin Đức Bốn Sư khẩu truyền đề mục niệm cho đắc A La Hán quả. Rồi cùng nhau đi kiếm nơi hành đạo và đồng vào khát thực trong Mātikagāma.

Khi ấy, vị thân mẫu của thôn trưởng Mātikagāma trông thấy chư Tăng, bèn rước thỉnh vào nhà, mời ngồi dàng hoàng rồi dâng cúng các thực phẩm thượng vị. Sau đó, bà bạch hỏi rằng: “Bạch Đại đức Tăng, chẳng hay quý Ngài định đi đến đâu?”.

- Nầy bà đại tín nữ, chư Tăng đi tìm chỗ thuận tiện, thuận cảnh.

Bà đại tín nữ hiểu ngay là: “Ý các Ngài muốn tìm kiếm chỗ để an cư.”. Bà liền sụp xuống đánh lễ và yêu cầu:

- Nếu quý Ngài lưu lại nơi đây trong ba tháng an cư này, tôi sẽ xin thọ trì Tam qui và Ngũ giới và thọ luôn Bát giới vào những ngày Bát quan trai.

Chư Tăng bảo nhau: “Chúng ta nương nhờ bà này khỏi phải đi khất thực, chắc có thể hành đạo đến nơi rất ráo được.”. Thế là, chư Tăng hoan hỷ nhận lời.

Bà đại tín nữ lo cất lên một ngôi đạo tràng Tinh xá rồi cúng dường đến chư Tăng.

Một hôm nọ, sau khi đã ở yên, chư Tăng tập hợp đông đủ và cùng khuyến dụ lẫn nhau rằng: “Nầy chư huynh đệ, chúng ta không nên hành đạo một cách dễ dãi cầu thả. Quả thật, tám cảnh địa ngục đang mở rộng cửa chờ kẻ dễ dãi, như chờ đón ông chủ sắp trở về nhà. Và lại, chúng ta đã thọ giáo đề mục do chính Đức Phật hiện thể khẩu truyền rồi mới đến đây. Ân huệ của chư Phật chúng ta không thể nào hưởng bằng cách gian dối được. Ta hãy là người không phóng dật, ta không nên đứng hay ngồi hai vị một chỗ với nhau. Buổi tối, trong giờ phục dịch các vị Trưởng lão, và buổi sáng trong giờ đi khất thực chúng ta sẽ họp mặt nhau. Ngoài ra trong những thời khác, chúng ta không nên ở chung hai vị trong một chỗ. Thảng như có vị Tỳ khưu nào thân thể bất an, đến đánh keng ở giữa đạo tràng để kêu gọi, chúng ta nghe tiếng hiệu lệnh sẽ đến lo thuốc men, săn sóc vị ấy.”.

Sau khi đồng ý, chư Tăng giữ đúng theo lời giao ước, mỗi vị ở riêng một nơi để hành đạo.

Thế rồi, một hôm vào buổi sáng, bà đại tín nữ dẫn cả đoàn tỳ nữ và gia đình mang theo những thứ thuốc chữa bệnh như bơ, đường... đi vào Tinh xá. Vào đến nơi, bà không thấy vị Tỳ khưu nào cả, bà hỏi những người lân cận:

- Các Ngài đi đâu hết cả rồi?

- Chắc các Ngài đang ngồi riêng nơi chỗ hành đạo của mình.

Nghe đáp như vậy, bà lại hỏi:

- Ta phải làm sao mới được gặp các Ngài đây?

Khi ấy, có một người hiểu biết nội qui giao ước của chư Tăng, mới thưa rằng: “Thưa bà! Hễ nghe tiếng keng thì chư Tăng sẽ hội lại.”.

Bà đại tín nữ liền sai gia nhân đánh keng.

Chư Tỳ khưu nghe được tín hiệu bất thường, nghĩ chắc có vị Tỳ khưu nào thọ bệnh nên kêu gọi, bèn rời chỗ ngụ riêng biệt của mình, tập trung vào Tinh xá. Khi đi thì mỗi vị từ mỗi ngã đến, không ai đi chung đường với ai. Bà đại tín nữ thấy vậy, lấy làm lạ, nghĩ thầm: “Chắc là các con trai của ta (Mamaputta) đã sanh sự bất hoà với nhau.”

Sau khi đánh lễ Đại đức Tăng, bà hỏi:

- Bạch chư Đại đức, các Ngài sanh sự bất hòa phải chăng?

- Chư Tăng không có sự bất hoà đâu, nầy bà đại tín nữ.

- Bạch các Ngài, nếu các Ngài không sanh sự bất hòa thì tại sao khi mới đến nhà chúng tôi, tất cả các Ngài cùng đi chung, còn bây giờ thì các Ngài từ chỗ ngụ riêng rẽ, mỗi Ngài đi một mình đến đây?

- Nầy bà đại tín nữ, chư Tăng đang hành Sa môn pháp, thì mỗi vị phải ở riêng mỗi nơi.

- Bạch các Ngài! Sa môn pháp đó là cái chi?

- Nầy bà đại tín nữ, chư Tăng niệm đề mục ba mươi hai thể trước và quán sự sanh diệt của danh sắc.

- Bạch các Ngài! Sự niệm ba mươi hai thể trước và quán sự sanh diệt của danh sắc như vậy, đó là công việc riêng của các Ngài hay là của cả chúng tôi nữa?

- Này bà đại tín nữ, pháp đó Đức Thế Tôn không cấm đoán ai cả.

- Thế thì xin các Ngài hoan hỷ dạy chúng tôi niệm ba mươi hai thể trước và quán sự sanh diệt của danh sắc.

Chư Tăng bèn đem pháp Thiền Chỉ - Quán truyền dạy tất cả cho bà đại tín nữ học tập.

Từ đó về sau, bà đại tín nữ lo chăm niệm ba mươi hai thể trước xong, quán luôn sự sanh diệt của danh sắc trong tự ngã, liền chứng đắc đạo quả A Na Hàm trước cả chư Tăng, đồng thời bà cũng đạt được tứ phân tích với thần thông thắng trí.

Sau khi hưởng thụ hương vị đạo quả, bà dùng thiên nhãn quan sát xem thử coi: “Chừng nào các con trai của ta mới đạt đến pháp này?”. Bà thấy rằng: “Tất cả chư Tăng đều chưa đắc thiên định đạo quả chi hết. Vì tâm còn vương tham, sân, si.”. Bà lại quán xét xem: “Các con trai ta có căn lành chứng đắc A La Hán chăng?”. Bà thấy rằng có, bà lại quán xét thử: “Chỗ ngụ có được thích hợp chăng?”. Bà thấy rằng chỗ ngụ thích hợp, bà lại tìm xét rằng: “Bạn lữ có thích hợp chăng?”. Bà lại thấy rằng bạn lữ thích hợp.

Khi quán đến vật thực có thích hợp chăng, bà lại thấy rằng: “Vật thực chẳng thích hợp với chư Tăng!”.

Từ đó về sau, bà lo nấu dọn nhiều thứ khác nhau, vô số thứ kẹo ngọt, nhiều món ăn mới lạ đặc biệt, rồi thỉnh chư Tăng vào ngồi trong nhà, xối nước khai mạc lễ cúng dường và ngỏ lời yêu cầu là:

- Bạch chư Đại đức, các Ngài cần dùng món nào, xin cứ tự tiện lấy món đó mà độ đi.

Được lời thỉnh cầu, chư Tăng thọ dụng món cháo, cơm hay vật thực chi khác, tùy theo sở thích.

Nhờ độ vật thực thích hợp, các Ngài hành thiền đắc định tâm (ekaggam cittam), với tâm định các Ngài càng tăng tiến pháp Minh sát (Vipassanā), không bao lâu chứng đạt A La Hán quả. Khi ấy, chư Tăng nghĩ rằng: “Quả thật, nhờ ơn bà đại tín nữ, chúng ta mới thành đạt được như vậy, nếu thiếu vật thực thích hợp thì chúng ta chẳng hưởng thụ được Đạo Quả. Bây giờ chờ khi ra hạ, tự tứ Tăng rồi, chúng ta sẽ trở về yết kiến Đức Bốn Sư.”.

Đến khi mãn mùa hạ, chư Tăng đến từ giã bà đại tín nữ:

- Hôm nay chư Tăng chúng tôi định về yết kiến Đức Bốn Sư.

Bà đáp: “Lành thay! Bạch các Ngài.”.

Nói rồi, bà theo tiền chân, đưa chư Tăng đi một đôi đường, vừa thốt lên những lời ưu ái, bà còn nói:

- Bạch các Ngài, xin các Ngài có dịp nào rảnh thì các Ngài đến thăm viếng, nhắc nhở chúng tôi.

Khi chư Tăng về đến Tinh xá Jetavana, gần thành Sāvattthī, sau khi đánh lễ Đức Bốn Sư, ngồi qua một bên xong. Đức Bốn Sư phán hỏi: “Này các Tỳ khưu! Các ông hành đạo có kham nhẫn không? Có khỏi phải đi bát vật và không?”. Chư Tỳ khưu đáp:

- Bạch Ngài, chúng con hành đạo kham nhẫn và tự túc dễ dàng. Bạch Ngài, chúng con khát thực không bao giờ vất vả. Thật vậy, nhờ một bà đại tín nữ là mẹ của thôn trưởng ở Mātikagāma biết được tâm niệm của chúng con

mỗi khi chúng con ước muốn: “Chà phải chi mình được cúng dường món ăn danh sắc như thế!” Thì bà liền đem cúng dường món ăn mà chúng con ước muốn ngay.

Chư Tỳ khưu hết lời tán dương công đức của bà đại tín nữ.

Một vị Tỳ khưu nọ, được nghe chư Tăng nhập hạ tại Mātikagāma, tán dương công hạnh của bà đại tín nữ. Cũng muốn đến đó hành đạo, bèn xin thọ giáo đề mục thiền định nơi Đức Bốn Sư và bạch rằng: “Bạch Ngài, con sẽ đi đến làng Mātikagāma.”

Sau khi bái biệt Đức Bốn Sư, Tỳ khưu này khởi hành từ Jetavana du hành lần hồi đến làng Mātikagāma, vào ngồi trong Tinh xá, nghĩ rằng: “Nghe đồn bà đại tín nữ này có Tha tâm thông. Nay ta đã đến đây, đi đường xa mệt mỏi, không thể quét dọn Tinh xá được, phải chi bà gọi một người nam đến cho phục dịch bần tăng.”

Bà đại tín nữ đang ngồi ở nhà, quán thấy tư tưởng của vị Tỳ khưu mới đến, bèn gọi một gia đình vào bảo:

- Này con, hãy vào Tinh xá, phụ đỡ công việc cho vị Đại đức đi.

Tên gia đình vâng lệnh chủ, vào quét dọn trong Tinh xá. Khi ấy, vị Tỳ khưu khát nước, bèn ước rằng: “Chà, phải chi bà ấy có nước giải khát gọi đến cho ta dùng nhỉ?”

Bà tín nữ liền gọi nước giải khát.

Vị Tỳ khưu lại ước: “Phải chi sáng ngày mai bà tín nữ đến cúng dường ta cháo nấu thật như với thực phẩm hảo hạng.”

Bà đại tín nữ cũng làm thỏa mãn vị ấy. Độ cháo xong rồi, Tỳ khưu lại ước: “Chà, phải chi bà có thứ kẹo bánh ngọt đó thì gọi đến cúng dường cho ta.”

Bà đại tín nữ lại cho người mang thứ bánh kẹo đó đến dâng. Vị Tỳ khưu lại nghĩ rằng: “Ta ao ước bất cứ thứ gì, bà tín nữ ấy đều gọi đến cả. Bây giờ ta muốn gặp mặt bà, phải chi bà cho người mang cúng dường đến ta thứ vật thực thượng vị, còn bà thì đi tay không đến đây.”

Bà tín nữ kêu gọi gia đình: “Con trai ta muốn gặp mặt ta. Vậy các con hãy chờ ta cùng đi một lượt.”

Cho gia đình mang theo vật thực, bà đi đến Tinh xá cúng dường vị Tỳ khưu. Độ xong bữa, vị Tỳ khưu hỏi bà đại tín nữ:

- Phải bà là Mātikamātā chẳng?
- Bạch Ngài, phải.
- Này bà đại tín nữ, bà có Tha tâm thông phải chẳng?
- Bạch Ngài, tại sao Ngài lại hỏi tôi như thế?
- Tôi ước trong tâm vật này, vật nọ, thấy sao bà làm đúng theo tất cả, nên mới hỏi bà như thế.
- Bạch Ngài, chư Tỳ khưu biết được tâm người khác cũng có nhiều vị.
- Này bà đại tín nữ, tôi không hỏi người khác, tôi chỉ hỏi mỗi một mình bà thôi.

Mặc dầu có Tha tâm thông, nhưng bà đại tín nữ cũng không khoe khoang “Tôi biết được tâm người khác”, bà chỉ trả lời: “Này con trai (Putta), những ai có Tha tâm thông thường làm như thế đó.”. Nghe vậy, vị Tỳ khưu lo ngại rằng: “Quá thật vậy, việc này chướng ngại cho ta quá, còn là phạm nhơn thì trong tâm còn có những tư tưởng quàng xiên ô trược, lẫn lộn với những tư tưởng chơn chánh thanh cao. Nếu rui mà ta nghĩ đến điều không phải, thì cũng bị bà này thấu rõ tới tim đen của ta, y như kẻ trộm bị người

nắm chớp mai, bắt được với tất cả tang vật. Vậy ta phải chạy cho xa chỗ này.”.

Nghĩ rồi, vị Tỳ khưu bảo bà Mātikamātā rằng:

- Này bà tín nữ, tôi sẽ ra đi ngay bây giờ.
- Bạch Đại đức, Ngài đi đâu?
- Tôi trở về với Đức Bốn Sư, bà tín nữ à.
- Bạch Ngài! Xin thỉnh Ngài hãy ở lại đây.
- Tôi không thể ở lại đây đâu. Này bà tín nữ, tôi nhất định sẽ ra đi.

Nói rồi, vị Tỳ khưu ra khỏi Tinh xá, lên đường trở về chỗ ngụ của Đức Bốn Sư.

Khi vị Tỳ khưu về đánh lễ Đức Bốn Sư, Ngài phán hỏi:

- Này Tỳ khưu, ông không còn ở lại tại chỗ ấy sao?
- Vâng, bạch Ngài con không thể ở tại chỗ ấy được.
- Tại có lẽ nào vậy, Tỳ khưu?
- Bạch Ngài! Bà tín nữ ấy có Tha tâm thông, biết rõ cả những tư tưởng của người khác, con còn là phàm nhân, con có những ý nghĩ thanh cao xen lẫn với những dục vọng bất hảo. Nếu như con nghĩ tưởng đến điều chi sai quấy, sợ e bà ấy biết rõ tâm xấu của con, như người ta nắm lấy chớp mao của kẻ gian phi với những tang vật. Vì vậy, con không dám ở đó, phải trở về đây.
- Này Tỳ khưu! Nếu quả như thế thì ông nên ở lại nơi đó.
- Bạch Ngài, con không thể trở lại nơi đó nữa.

- Này Tỳ khưu, có thể ở lại nơi đó được, nếu ông có thể gìn được một vật.

- Bạch Ngài, vật chi?

- Cái tâm của ông. Tâm là vật rất khó kèm giữ, nhưng ông phải cố gắng chế ngự nó, đừng nghĩ tưởng đến việc nào khác. Tâm là vật khó bắt giữ được.

Nói đoạn Đức Bốn Sư ngâm lên kệ ngôn:

“Dunniggahassa lahuno,
Yatthakāmanipātino;
Cittassa damatho sādhu,
Cittam dantam sukhāvahanti.”

*“Tâm phàm ngũ dục mê sa,
Biến hoá lạnh lẽo khó mà bắt thay!
Người thu thúc được tâm này,
Mới là thông thả thảnh thơi yên vui.”*



CHÚ GIẢI:

Dunniggaham: Khó giữ, khó kèm chế cái tâm phàm lẫn.

Lahuno: Lạnh lẽ, là nói về tốc độ sanh diệt của tâm trong từng sát na (Khana), vì lẽ tâm sanh diệt liên liên, biến đổi luôn luôn nên khó mà nắm giữ kèm chế nó được.

Yatthakāmanipātino: Hễ ưa thích chỗ nào thì sa đọa theo chỗ ấy, không kể gì giới hạnh. Quả thật tâm phàm không biết chỗ nào nên, chỗ nào hư, chỗ nào phải, chỗ nào quấy. Không phân biệt giai cấp, tông tộc chi cả, hễ ưa thích chỗ nào thì nó mê sa theo chỗ ấy mà thôi.

Citassa damatho sādhu: Lành thay, nếu tâm

phàm ấy được điều phục bằng bốn Thánh đạo. Lành thay! Nếu tâm phàm ấy được bình tịnh hoá, (*cittam dantam sukhāvaham*) vì sao? Quả nhiên, vì người điều phục tâm hưởng được hạnh phúc, nhờ tâm định tĩnh, người sẽ hưởng thụ được sự an lạc của đạo quả và sự an lạc tối đại Níp Bàn chẳng sai.



Bài kệ vừa dứt, trong số chư Tăng hiện có, nhiều người chứng đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả, đại chúng thính pháp cũng được hưởng sự lợi ích.

Đức Bốn Sư phủ dụ Tỳ khưu bằng huấn từ sau đây:

- Này Tỳ khưu! Ông cứ đi đến đó hành đạo. Đừng lo nghĩ vẩn vơ khác mà làm chi.

Vị Tỳ khưu thọ lãnh huấn từ của Đức Bốn Sư ra đi, đến làng Mātikagāma, ngày đêm chuyên lo gìn giữ tâm mình, ngoài ra không tưởng đến việc chi khác.

Bà đại tín nữ dùng Thiên nhãn thông nhìn thấy Đại đức:

- Bây giờ con trai ta đã thọ lãnh huấn từ của đức Thầy rồi nên trở lại đây.

Bà lại dùng Tâm thông để biết rõ ý muốn của vị Tỳ khưu, rồi cho người nấu nướng thực phẩm thích hợp đem đến cúng dường vị ấy. Nhờ độ vật thực thích hợp, mấy hôm sau, vị Tỳ khưu đắc A La Hán quả, hưởng được tịnh lạc của đạo quả. Vị ấy suy nghĩ: “Bà tín nữ này hộ độ ta rất lớn, nhờ sự hộ độ này mà ta giải thoát được trần lao! Trong kiếp này bà hộ ta như thế, không biết trong những kiếp trước, khi ta còn lang thang trong vòng luân hồi bà có hộ ta hay không?”.

Nghĩ rồi, vị Tỳ khưu dùng Túc mạng thông, nhớ lại từ một cho đến chín mươi chín kiếp của mình. Trong chín

mười chín kiếp, có kiếp bà đại tín nữ này là bạn gối chăn của vị Tỳ khưu, nhưng lại sanh tâm ngoại tình và hạ sát chồng, thấy sự trắc nết lang tâm của bà vợ trong kiếp ấy, vị Đại đức nghĩ thầm: “Chao ôi! Bà đại tín nữ này đã tạo tội ác nặng nề quá lắm.”.

Ngay lúc ấy, bà đại tín nữ cũng ngồi trong nhà mình dùng Thiên nhãn thông quán sát vị Tỳ khưu: “Không biết con trai đã đạt đến mục đích cứu cánh của bậc xuất gia chưa?”. Khi biết được vị ấy đã đắc thành A La Hán, bà nói thầm: “Nhờ pháp Minh sát mà con ta đã đắc A La Hán quả; đang nghĩ rằng: Ôi! Bà đại tín nữ này có công hộ độ ta rất lớn không biết trong đời quá khứ, bà có hộ độ ta như thế không?”.

Vẫn tiếp tục theo dõi tâm vị Tỳ khưu, bà đại tín nữ thấy vị ấy dùng Túc mạng thông, nhớ lại được chín mươi chín kiếp, bà nói thầm: “Trong chín mươi chín kiếp, có kiếp ta đã giao tình cùng kẻ khác và đã sát hại vị này. Vị này thấy sự lang tâm trắc nết của ta trong những kiếp trước, nghĩ rằng: “Chao ôi! Bà đại tín nữ tạo tội ác nặng nề thay?”.”

Khi được hiểu biết như vậy, bà đại tín nữ tự hỏi:

- Trong khi lang thang trong vòng luân hồi, trong kiếp trước nữa ta có hộ độ con trai ta không?

Nghĩ rồi, bà cố ôn lại kiếp thứ một trăm, trong kiếp này bà cũng là vợ của vị ấy, đã hi sinh mạng sống, chết thế cho chồng: “Ôi! Ta đã là một đại ân nhân cho con trai ta vậy.”.

Biết được như thế, bà đại tín nữ ngồi ở nhà mình dùng thân thông nhắc vị ấy rằng: “Ngài hãy hồi cố xa hơn nữa đi.”. Vị Tỳ khưu nhờ Thiên nhĩ, nghe được tiếng nhắc của bà đại tín nữ, bèn nhớ lại tiền kiếp thứ một trăm, thấy

được rằng trong kiếp ấy, bà tín nữ này đã hi sinh mạng sống, chết thế cho chồng: “Ôi, bà đại tín nữ này cũng đã từng là người hỗ trợ ta trong kiếp quá khứ kia mà!”.

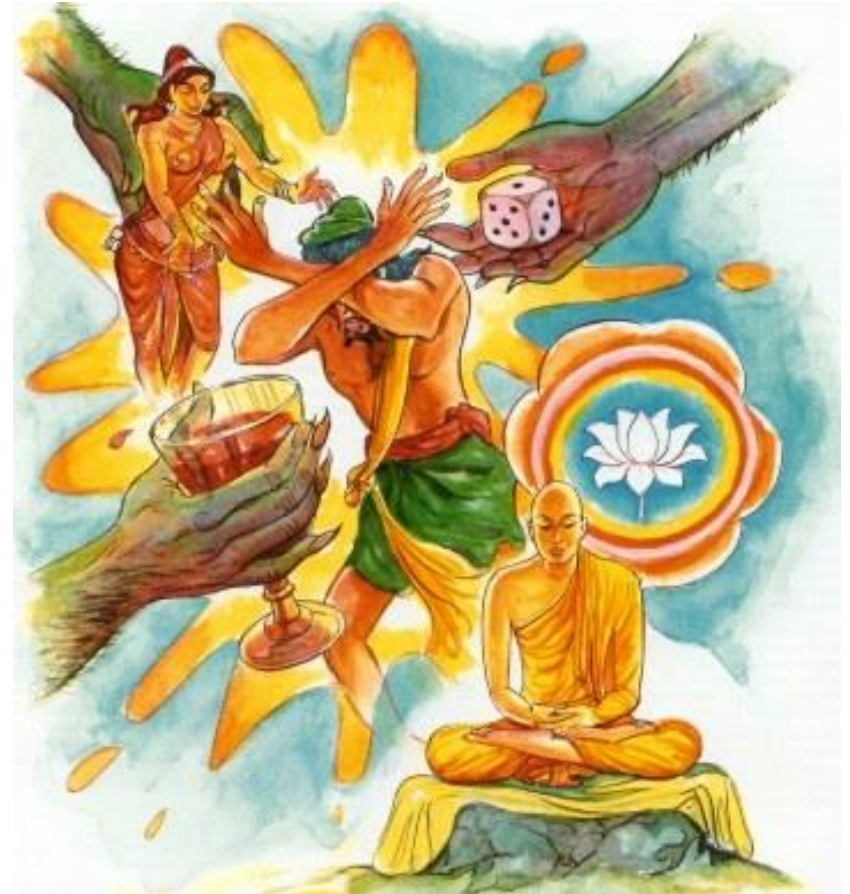
Nghĩ như vậy, vị Tỳ khưu rất hoan hỷ, giải đáp về bốn câu hỏi về quả vị tối cao của đại tín nữ ngay tại chỗ ngồi. Vừa dứt lời thì vị ấy viên tịch, chứng đạt Vô Dư Níp Bàn (Anupādisesanibbāna).



Dịch Giả Cần Đề

*Hai chuyến đi về bến Thủy Lưu,
Cầu mong tín nữ hộ Tỳ khưu,
Nhờ cơm thích hợp thành công lớn,
Mượn cảnh tương nghi, đạt pháp mẫu!
Án trước há đành tâm bội bạc?
Thù sau chi để đạt ưu sầu?
Ngược dòng đời, lướt qua dòng đạo,
Nước chảy thuyền xuôi mãi tận đâu!*

DỨT TÍCH TỖ KHƯU Ở THỦY LƯU THÔN



35. It is well indeed retraining this fleeting, wandering mind. Such restraint brings happiness.

35. Tốt lành thay điều phục tâm này đang quay cuồng dao động. Sự điều phục ấy đem đến an lạc hạnh phúc.

III. 3- Tích VỊ TỖ KHƯU BẤT MÃN (*Ukkhaṇṭhitabhikkhuvatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 36)

**“Sududdasaṃ sunipuṇaṃ, *“Vi tế khéo lẫn lút,*
Yatthakāmanipātināṃ; *Đắm chìm trong ngũ dục.*
Cittaṃ rakkhetha medhāvī, *Kẻ trí họ trì tâm,*
Cittaṃ guttaṃ sukhāvahanti.” *Tâm họ hưởng hạnh phúc.”***

Kệ Pháp Cú này, Đức Bốn Sư thuyết ra khi Ngài an ngự tại Jetavana (Kỳ Viên), đề cập đến một vị Tỷ khưu bất mãn.

Tương truyền rằng: Trong thời gian Đức Bốn Sư ngự gần thành Sāvattī (Xá Vệ), có một Công tử con nhà triệu phú (Setṭhiputto) đến bạch với vị Đại đức quen thuộc với gia đình mình như vậy: “Bạch Ngài! Con có ý muốn thoát khổ, xin Ngài hoan hỷ thuyết pháp nào giải khổ được cho con nghe?”.

- Lành thay! Nay đạo hữu, nếu đạo hữu muốn thoát khỏi khổ, đạo hữu nên hành pháp bố thí. Hãy cúng dường bằng cách rút thăm chia phần, để bát. Hãy tổ chức Trai Tăng mỗi kỳ sóc vọng, hãy hộ độ chư Tăng đang an cư kiết hạ, hãy dâng cúng tứ sự.”.

Đạo hữu nên chia tư sản của mình ra làm ba phần, một phần dành để kinh doanh, một phần cấp dưỡng gia đình vợ con, một phần nữa đem ra bố thí cúng dường Phật pháp.

Lành thay! Bạch Ngài.

Công tử vâng lời vị Đại đức, tuân tự thực hành các pháp bố thí, rồi lại đến bạch hỏi vị Đại đức rằng:

- Bạch Ngài! Những điều Ngài chỉ giáo cho con, con đã làm xong. Bây giờ con phải làm gì thêm khác nữa?

- Đạo hữu nên thọ trì Tam Qui và Ngũ Giới.

Sau khi đã thực hành những điều này, Công tử hỏi pháp cao thượng tiếp theo.

- Thế thì, đạo hữu nên thọ trì Thập giới đi.

Công tử vâng chịu: “Lành thay! Bạch Ngài.”. Do nơi cách tạo phước từ thấp tới cao, Công tử được người đương thời mệnh danh là Công tử Tuần Tự (Anupubba).

Sau đó Công tử Anupubba lại bạch hỏi vị Đại đức.

- Bạch Ngài! Còn phước nào cao thượng mà con nên làm nữa chăng?

- Thế thì con hãy xuất gia đi.

Công tử vâng chịu lời vị Đại đức, lìa bỏ gia đình để đi xuất gia. Có được vị Luận Sư là thầy tiếp dẫn và vị Luật Sư là thầy tế độ. Đều là những Đại đức thông suốt về pháp học của mình.

Khi vị tân sư đến gần vị thầy tiếp dẫn, thì được nghe vị ấy thuyết giảng về những đề tài trong tạng Vi Diệu Pháp “Đúng theo chơn lý của Đức Phật đã giác ngộ, pháp này nên hành, pháp này chẳng nên hành...”. Và khi vị ấy đến gần vị thầy tế độ, thì cũng được nghe thầy mình thuyết giảng những học giới trong Tạng Luật: “Đúng theo chánh pháp của Đức Thế Tôn, điều này nên làm, điều này chẳng nên làm... Điều này hợp lẽ đạo, điều này không hợp lẽ đạo...”.

Vị Tỷ khưu ấy suy nghĩ rằng: “Chao ôi! Việc hành đạo này thật là phiền phức, ta xuất gia cầu mong đạt được

sự thoát khổ, nào ngờ vào tu phải học bù đầu, không được thành thời lúc nào cả. Phải biết trước như thế này, ta ở nhà làm cư sĩ, ráng sức tự tu cũng có thể thoát khỏi cái vòng khổ nào được vậy.”.

Từ đó về sau, Tỳ khưu Tuần Tự sanh tâm bất mãn, chán nản đề mục ba mươi hai thể trước không niệm, Phạn ngữ cũng không học, hình thể gầy còm tiêu tụy, mình mẩy nổi gân xanh, tinh thần bạc nhược, ngồi đâu gãi đó.

Khi ấy, các vị Sa di trẻ tuổi nói với thầy Tỳ khưu Tuần Tự rằng: “Sư ơi! Sư làm gì mà đứng ngồi nơi đâu, sư cũng gãi ghe, phải sư mắc bệnh huỳnh đản chẳng mà coi sư ốm o tiêu tụy, mình đầy gân xanh, bần thần đã dượt vậy?”.

- Này các đạo hữu, tôi bất mãn lắm.

- Tại sao vậy sư?

Tỳ khưu Anupubba bèn tỏ thật tâm sự của mình. Máy ông Sa di bèn đem chuyện này bạch lại với ông thầy tiếp dẫn và thầy tế độ. Hai ông này bèn dắt Tỳ khưu bất mãn ấy đến chỗ ngụ của Đức Thế Tôn, Đức Bốn Sư phán hỏi:

- Này các Tỳ khưu! Các ông đến đây có việc chi cần thiết?

- Bạch Ngài! Tỳ khưu này không thỏa mãn ở trong giáo pháp của Ngài.

- Các vị ấy nói thế. Có thật không hỡi Tỳ khưu?

- Dạ đúng, bạch Ngài.

- Tại sao vậy?

- Bạch Ngài, con xuất gia là mong được thoát khổ rồi vô tu, rồi lại được nghe thầy tiếp dẫn thuyết Vi Diệu Pháp, và vị thầy tế độ thuyết về Tạng Luật mà phát mệt, nên con nghĩ rằng: “Nơi đây đầu óc của ta thật là bận rộn, không

được thành thời. Phải chi ta cứ làm cư sĩ, ở nhà hành cũng có thể thoát khổ được vậy.”.

- Này Tỳ khưu! Nếu ông có thể giữ được một vật này thì ngoài nó ra, ông khỏi phải lo phòng hộ cái chi khác nữa.

- Bạch Ngài, vật chi vậy?

- Cái tâm của ông! Ông có thể gìn giữ nó được không?

- Bạch Ngài, con có thể giữ được.

- Thế thì ông hãy hộ trì cái tâm của ông, bấy nhiêu đó đủ để ông thoát khổ được.

Ban huấn từ xong, Đức Thế Tôn thuyết kệ rằng:

“Sududdasaṃ sunipuṇaṃ,
Yatthakāmanipāṭinaṃ;
Cittaṃ rakkhetha medhāvī,
Cittaṃ guttaṃ sukhāvahanti.”

“Tâm phàm bị ngũ dục cuốn lôi,
Vi tế, u uẩn, ngược xuôi khó nhìn.

Người khôn phòng hộ tâm mình,
Yên vui nhờ khéo giữ gìn bản thân.”



CHÚ GIẢI:

Sududdasaṃ: Do hai tiếng Suṭṭhu và duddasaṃ ghép lại, nghĩa là rất khó thấy, khó biết.

Sunipuṇaṃ: (suṭṭhu nipuṇaṃ) nghĩa là rất mềm, uyển chuyển hết sức vi tế, u ẩn.

Yatthakāmanipāṭinaṃ: Vui đâu trút đó, cứ để cho ngũ dục cuốn lôi, không kể giai cấp, tông tộc, tuổi tác... Cho cả về mặt giới luật thì bất chấp nên hư, phải quấy cho

nên nói là thích đầu là mê sa đó.

Cittaṃ rakkhetha medhāvī: Đối với kẻ ngu si, đần độn thì sự phòng hộ bản tâm không thể có được, còn bậc hiền minh trí tuệ, sau khi làm chủ được tâm, đạt đến mức bình thản vô não hại thì có thể phòng hộ bản tâm, cho nên ông hãy phòng giữ tâm như thế ấy. Quả thật, tâm được phòng hộ thì đem chủ nó đến nơi an lạc, là đạo quả Níp Bàn an lạc vậy.

Khi bài kệ vừa dứt, Tỳ khưu bất mãn phát tâm hoan hỷ chứng đắc Dự Lưu quả. Nhiều vị khác cũng chứng đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả. Kỳ dư đại chúng thính pháp đều hưởng được sự lợi ích.



Dịch Giả Căn Đề

*Công tử đi tu chỉ thích nhàn,
Thấy nhiều Kinh Luật phát bi quan.
Pháp môn bốn vạn chia đầy lối,
Học giới vài trăm rẽ đủ đường!
Chẳng ở tiếng đời chê bạc nhược,
Không về cửa đạo chán gian nan!
May nhờ Phật dạy dùng tâm hộ,
Vào được dòng xuôi đến Níp Bàn.*

DỨT TÍCH TỖ KHƯU BẤT MÃN



36. The subtle and secretive mind, when well guarded, will yield happiness.

36. Khi được khéo hộ phòng, tâm tế nhị, khó thấy sẽ mang lại hạnh phúc.

III. 4- Tích ĐẠI ĐỨC HỘ TĂNG DIỆT (*Bhāgineyyasaṅgharakkhitattheravatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 37)

**“Dūraṅgamaṃ ekacaram, *Tâm đi xa một mình,*
Asarīraṃ guhāsayaṃ; *Ẩn hang sâu vô hình.*
Ye cittaṃ saññamessanti, *Ai bình tâm khéo giữ,*
Mokkhanti mārabandhanā.” *Thoát vòng Ma kiết sử.*”**

Kệ Pháp Cú này, Đức Bốn Sư đã thuyết ra khi Ngài an ngự tại Jetavana (Kỳ Viên), đề cập đến vị Tỳ khưu pháp danh là Bhāgineyya-saṅgharakkhita (Hộ Tăng Diệt).

Tương truyền rằng: Trong thành Sāvattī (Xá Vệ), có cậu công tử sau khi nghe pháp của Đức Bốn Sư, bèn lìa bỏ gia đình xuất gia thọ Cụ túc giới, có pháp danh là Saṅgharakkhita (Hộ Tăng), Ngài đã chứng đắc quả La Hán sau vài ngày hành Sa môn pháp.

Người em út của Đại đức, khi có con trai bèn lấy pháp danh của Ngài mà đặt cho con mình, kèm thêm chữ Bhāgineyya (Diệt là cháu) thành ra đứa bé có tên là Bhāgineyyasaṅgharakkhita.

Đến tuổi trưởng thành, Bhāgineyyasaṅgharakkhita xuất gia Sa di với Sư bá, nhưng sau khi thọ Cụ túc, Tỳ khưu ấy lại đi nhập hạ ở một ngôi chùa ở một làng quê.

Khi an cư mùa mưa, Đại đức Bhāgineyyasaṅgharakkhita chia được hai lá y tắm mưa, một lá dài bảy hắc và một lá dài tám hắc tay (hattha: Độ năm tấc tây). Đại đức Saṅgharakkhita cháu nguyện rằng: “Lá y tám hắc tay ta sẽ

dâng thầy tế độ, còn lá y bảy hắc tay ta sẽ giữ lại phần ta.”.

Đến khi mãn mùa an cư, Tỳ khưu Saṅgharakkhita cháu định về thăm Sư bá, nên vừa đi khất thực tự túc, đi bộ lần hồi về đến Tinh xá của Sư bá, nhằm lúc Đại đức đi vắng. Bhāgineyyasaṅgharakkhita bèn vào Tinh xá, quét dọn trai phòng của Đại đức, múc sẵn nước rửa chân, trải sẵn tọa cụ rồi ngồi nghỉ chờ Đại đức về. Khi thấy Sư bá mình về gần đến nơi, Hộ Tăng Diệt đi ra rước bát, thỉnh Đại đức vào an tọa, lấy quạt hầu Đại đức, dâng nước uống và rửa chân Đại đức, xong rồi mới lấy y tắm mưa đem đến đặt dưới chân Đại đức:

- Bạch Ngài! Xin Ngài hãy thọ lãnh y này.

Nói rồi Bhāgineyyasaṅgharakkhita đứng dậy quạt hầu Đại đức. Khi ấy Đại đức nói:

- Này Bhāgineyyasaṅgharakkhita! Y của Sư bá có đầy đủ rồi, con hãy giữ y này lại mà dùng đi.

- Bạch Ngài! Từ khi phát sanh con đã nguyện để dành cúng dường Ngài, xin Ngài hãy thọ dụng.

- Này Bhāgineyyasaṅgharakkhita, con hãy giữ lại mà dùng, Sư bá có đủ y rồi.

- Bạch Ngài, xin Ngài đừng từ chối. Xin Ngài từ bi thọ dụng cho con được nhiều phước lớn.

Mặc dù Tỳ khưu Saṅgharakkhita cháu khẩn khoản yêu cầu nhiều lượt, Đại đức Sư bá chẳng nhận lãnh y.

Thấy vậy, Tỳ khưu cháu không phải nài nỉ y nữa. Tuy đứng làm thỉnh quạt hầu vị Đại đức nhưng trong thâm tâm vị Tỳ khưu này nghĩ rằng: “Khi còn tại gia mình là cháu Đại đức Sư bá. Khi xuất gia rồi mình là đệ tử của Ngài. Thế mà Ngài không thọ lãnh vật mình dâng cúng. Ngài đã không tưởng tình bác cháu, thầy trò thì mình còn ở đây tu

với Ngài làm chi nữa, thà là mình hoàn tục cho rồi.”. Nghĩ đến đây, Tỳ khưu Saṅgharakkhita chau tỉnh thâm: “Đời sống tại gia cũng khó sắp đặt lắm. Hoàn tục rồi, ta sẽ làm gì để sinh nhai đây?”.

Nhớ đến hai lá y, Tỳ khưu Saṅgharakkhita chau phác họa một chương trình: “Mình sẽ đem lá y tám hắc bán lấy tiền mua một con dê cái, dê cái thì mau sanh con lắm, hễ nó đẻ ra bao nhiêu thì ta bán hết bấy nhiêu, góp nhóp tiền bạc cho khá nhiều, rồi mình sẽ cưới vợ, vợ mình sẽ sanh cho mình một đứa con. Khi ấy, mình sẽ lấy tên bác mình đặt tên cho con, để nó ngồi trong cỗ xe nhỏ, rồi mình đưa cả vợ con đến chào bác mình. Đang đi giữa đường, mình bảo vợ mình rằng: “Em trao con qua cho anh bế.”, vợ mình bảo: “Anh ẵm con mà chi, anh hãy đẩy cỗ xe đi.”, rồi vợ mình bế xốc con lên và nói: “Để em ẵm nó.”, nhưng vợ mình bỗng con không quen, buông nó té xuống dưới đường, bánh xe lăn qua cán ngang mình đứa bé. Mình mắng vợ: “Con tao mà mày không bao giờ chịu trao cho tao, để mày ẵm một mình không nổi vậy đó, đồ đàn bà hư nói không biết nghe. Mắng rồi, mình xách gậy đập lên lưng vợ mình.”. Nghĩ miên man đến đó, Tỳ khưu Bhāṇeeyyaṣaṅgharakkhita quên hẳn là mình đang đứng quạt hầu Sư bá, nên cầm cây quạt đánh lên đầu Đại đức Saṅgharakkhita. Đại đức dùng Tha tâm thông quán xem tại sao Đại đức bị cháu đánh lên đầu như thế. Khi biết rõ nguyên nhân, Đại đức nói:

- Này Hộ Tăng diệt, ông đánh phụ nữ không được thì thôi. Chớ Đại đức Trưởng lão này đâu có mắc mớ gì?

Tỳ khưu Saṅgharakkhita chau hoảng hốt: “Chết ta rồi! Đại đức Sư bá Ngài có Tha tâm thông, biết rõ dự định của ta hết. Vậy ta còn mặc y Sa môn làm chi nữa.”.

Nghĩ vậy, Saṅgharakkhita chau quăng cây quạt

xuống đất và phát bỏ chạy đi. Khi ấy Hộ Tăng Diệt bị các Tỳ khưu và Sa di trẻ đuổi theo bắt lại, dắt đến trước mặt Đức Bốn Sư.

Thấy chư Tăng ấy, Ngài phán hỏi: “Này các Tỳ khưu, các ông đến đây có việc chi cần yếu? Các ông ví được một Tỳ khưu phải không?”.

- Vâng, bạch Ngài, ông Sư này bắt mất bỏ chạy đi. Chúng con bắt lại, dắt đến cho Ngài liệu định.

- Này Tỳ khưu! Chư Tăng nói vậy có đúng không?

- Bạch Ngài, đúng vậy.

- Này Tỳ khưu! Ông làm như thế này có lợi ích chi, chi gây tội lỗi nặng nề thì có. Ông há chẳng phải là đứa con trai của một vị Phật tinh cần hay sao? Xuất gia trong giáo pháp của một vị Phật như ta, ông đã không khiến được mọi người nhắc nhớ đến ông với một Thánh quả nào? Một bậc Tu Đà Hườn hoặc bậc Tư Đà Hàm, A Na Hàm hay A La Hán ư. Tại sao ông lại tạo nghiệp nặng nề như thế?

- Bạch Ngài, vì con bất mãn.

- Tại sao ông lại bất mãn?

Tỳ khưu Bhāṇeeyyaṣaṅgharakkhita đem hết mọi sự trình bày với Đức Bốn Sư, từ lúc mình an cư được hai lá y tám mưa cho đến lúc đánh quạt lên đầu Sư bá. Thuật hết rồi, Bhāṇeeyyaṣaṅgharakkhita bạch rằng: “Bạch Ngài, vì lẽ đó mà con bỏ chạy.”.

Đức Bốn Sư bảo rằng:

- Lại đây, Tỳ khưu đừng lo vớ vẩn. Tâm phàm thì nó hay chạy theo cảnh nào mà nó vừa lòng, đâu cho xa vời mấy cũng vậy. Phải ráng tinh tấn thoát khỏi ràng buộc của tham, sân, si.

Rồi Đức Bốn Sư ngâm tiếp kệ ngôn rằng:

“*Dūraṅgamaṃ ekacaram,
Asarīraṃ guhāsayam;
Ye cittaṃ saññamessanti,
Mokkhanti mārabandhanā.*”

“*Tâm phàm lén lúc âm thầm,
Ra đi biệt tích vắng tăm một mình.
Hang sâu như ẩn dạng hình,
Người nào điều phục tâm bình mới hay.
Vòng Ma đã thoát ra ngoài,
Không còn trần trối miệt mài trần lao.*”



CHÚ GIẢI:

Dūraṅgamaṃ: Đi xa. Thật vậy, dù không có những chỉ tơ mảnh mai như tơ nhện, phát đi tứ hướng đông, tây, nam, bắc để liên lạc với cảnh, nhưng hề có cảnh vừa lòng, dẫu xa cách mấy, tâm cũng nhận bắt được cho nên gọi là tâm đi xa.

Ekacaram (đi một mình): Không bao giờ có bảy hay tám tâm nhập chung lại một bó, đồng phát sanh trong một sát na. Lúc sanh thì tâm sanh từng cái một, lúc diệt thì tâm cũng diệt từng cái một, cho nên gọi là tâm đi một mình.

Asarīraṃ (vô hình): Tâm thì không có hình ảnh màu sắc chi cả.

Guhā (hang động): Là tứ đại đất, nước, lửa, gió. Nơi đây chỉ cho sắc trái tim (hadayarūpa), là chỗ tâm nương gá và phát sanh.

Ye cittaṃ (người nào): Chỉ những người nam nữ,

tại gia hay xuất gia mà giữ không cho Tùy phiền não phát sanh lên được, dứt trừ được phiền não đã phát sanh, vì sự mất trí hay đã lãng quên.

Saññamessanti: Có ý thức giữ được tâm bình thản, không điên đảo rộn ràng.

Mokkhanti mārabandhanā: Được giải thoát khỏi vòng luân hồi trong tam giới, khỏi cái gọi là Ma phược (Mārabandhanā), là tất cả những dây trói buộc của phiền não Ma vương.



Bài kệ vừa dứt, Tỳ khưu Hộ Tăng Diệt chứng đắc Tu Đà Hườn quả. Nhiều vị khác cũng chứng đắc Thánh quả, nhất là Sơ quả, kỳ dư thánh chúng đều hưởng được sự lợi ích.



Dịch Giả Cần Đề

*“Một lá y choàng chừa bán ra,
Mà Sư Diệt đã tính non già!
Mua dê, để giống, gom tiền bạc,
Cưới vợ, sanh con, viếng Bác nhà.
Quạt đó, nhưng quên Thầy tế độ,
Gậy dẫu, lại nhớ bạn quần thoa?
Tỉnh rồi mới biết tâm đi lạc,
Đắc quả nhờ nghe pháp Phật Đà.*”

DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC HỘ TĂNG DIỆT





37. *Restraining the wandering, bodiless, cave-dwelling mind, one is freed from death's shackle.*

37. Khi điều phục được tâm vô hình, hay đi xa và ẩn kín này, con người thoát khỏi dây trói buộc của tử ma.

III. 5- Tích ĐẠI ĐỨC PHỤC TÂM (Cittahatthatheravattu)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 38 – 39)

“Anavaṭṭhitacittassa, Saddhammaṃ avijānato; Pariplavapasādaṃ, Paññā na paripūrati.”	“Người chưa có định tâm, Hiếu chánh pháp sai lầm, Tín đức chẳng kiên cố, Chẳng đắc tuệ cao thâm.”
“Anavassutacittassa, Ananvāhatacetaso; Puññapāpapahīnassa, Natthi jāgarato bhayaṃ.”	“Người hết tâm tham ái, Không còn ý nào hại, Phước tội đều dứt trừ, Giác tỉnh không sợ hãi.”

Hai bài kệ Pháp Cú này, Đức Bốn Sư đã thuyết khi Ngài an ngữ tại Jetavana (Kỳ Viên), đề cập đến Đại đức Cittahattha (Phục Tâm).

Tương truyền rằng: Thuở ấy có một vị công tử vào rừng để tìm một con bò đi lạc, theo dấu chân con bò đi mãi cho đến cuối giờ Ngọ, công tử mới tìm gặp được nó. Đuổi cho nó nhập bầy xong, công tử cảm thấy mình vừa đói lại vừa khát. Nhìn thấy cống Tịnh xá cậu nghĩ rằng: “Mình vào đây xin cơm nước, thế nào chư Tăng cũng cho.”. (Trong thời Đức Phật còn tại thế, có vô số thức ăn phụ và canh phát sanh đến chư Tăng luôn luôn.)

Sau khi ăn cơm no, uống nước đã khát, rửa tay và súc miệng rồi, công tử đánh lễ chư Tăng:

- Bạch các Ngài! Hôm nay chắc là có thí chủ thỉnh các Ngài đến nhà thọ bát mang về.

- Không đâu, này ông thiện nam, chư Tăng đi khát thực hằng ngày luôn luôn đều được như thế này.

Công tử suy nghĩ: “Mình thức khuya dậy sớm, làm việc không hờ tay, cũng chưa có được cơm ngon canh ngọt mà dùng mình nghe chư Tăng nói ngày nào cũng độ như vậy thì thật là sướng quá. Mình nên đi tu chớ ở nhà làm gì cực khổ quá.”

Thế rồi, công tử đến xin chư Tăng cho mình được xuất gia nhập đạo.

Khi ấy, chư Tăng đáp: “Lành thay! Ông thiện nam.” Và cho công tử được xuất gia ngay.

Thọ Cù tức giới rồi, tân Tỳ khưu cũng làm hết mọi phận sự lớn nhỏ của một vị Tỳ khưu. Nhờ được thọ hưởng đầy đủ lễ vật phát sanh lên đến chư Thánh Tăng, nên mấy ngày sau vị Sư mới này phát phì.

Khi ấy, vị này nghĩ rằng: “Thà làm người cư sĩ còn hơn là sống đi trì bình khát thực.”. Thế rồi, vị ấy lại hoàn tục trở về nhà. Ở nhà làm công việc được vài hôm thì sút ốm trở lại, thấy vậy chàng nghĩ rằng: “Thà làm vị Sa môn còn hơn ở nhà chịu cực khổ như vậy.”

Nghĩ rồi, công tử lại đến chùa xin xuất gia. Cách vài hôm sau, nhà Sư mới lại bắt mãn, nên hoàn tục nữa. Nhưng trong lúc tại gia, công tử vẫn lui tới nơi chùa làm phụ các việc hộ Tăng. Mấy bữa sau, công tử lại bắt mãn nghĩ thầm: “Ta nên xuất gia chớ ở nhà làm cái gì.”

Thế là, công tử đến đánh lễ chư Tỳ khưu và xin xuất gia lại. Khi ấy, chư Tăng nghĩ công người hộ độ nên cũng chiều lòng cho công tử xuất gia trở lại.

Công tử này xuất gia đi xuất gia lại tất cả là sáu lần như vậy. Mỗi lần thấy công tử xuất gia thì vị nào cũng nói:

- Ông Sư này bây giờ khắc phục tâm được rồi mới xuất gia hành đạo đó.

Vì thế chư Tăng tặng cho vị này danh hiệu Cittahattha. Trong thời gian Đại đức Cittahattha hoàn tục rồi xuất gia trở lại nhiều lần như thế thì cô vợ có thai.

Đến kỳ muốn xuất gia lần thứ bảy, công tử từ rừng xách đồ phụ tùng mang về nhà, bỏ xuống và nói:

- Ta sẽ đáp y trở lại.

Rồi đi ngay vô buồng, nhắm lúc cô vợ chữa của công tử ngủ mê, cô ta để tuột y nội, thân thể lồ lộ mà không hay biết, mũi thì ngáy khò khò, miệng thì há toang hoác, ngó y như thây ma chết sinh. Công tử ghé tởm, tự nghĩ: “Đây là Vô thường, Khổ não. Mình đã mấy lần xuất gia lại hoàn tục, cũng tại cái này đây mà mình không tu làm Tỳ khưu lâu bền được.”

Đoạn công tử lấy y buộc thắt ngang bụng rồi chạy ra khỏi nhà. Khi ấy, bà mẹ vợ đứng bên nhà kế cận, thấy công tử đi vào nhà rồi chạy trở ra, thì tự hỏi: “Thằng này từ rừng mới về nhà, bây giờ lại lấy y vàng buộc ngang lưng bụng chạy trở ra đi về phía chùa. Tại sao vậy cà?”

Bà nhạc vào nhà thấy đứa con gái của mình nằm hờ hang như thế thì biết ngay là: “Thằng này nhìn thấy tướng con này nằm ngủ phát chán nên bỏ ra đi.”

Bà đánh thức con gái: “Dậy đi! Kāḷakaṇṇi (Hắc Nhi), chồng mày thấy tướng mày nằm ngủ, nó chán bỏ đi luôn đó. Từ nay chắc nó không thuộc quyền sở hữu của mày nữa đâu.”

- Má à! Anh ấy đi rồi anh ấy về nhiều lượt rồi mà, vài bữa đây anh ấy lại trở về, chớ có đi luôn đâu mà sợ.

Công tử Cittahattha đi trên đường, chân đặt bước mà

miệng cứ lẩm nhẩm thầm: “Vô thường, Khổ não”, rồi chúng đặt quả Tu Đà Hườn trong lúc đang đi đường.

Đến đành lễ chư Tăng xin xuất gia, công tử bị từ chối:

- Chư Tăng không muốn cho ông xuất gia, ông đâu có đủ tư cách làm vị Sa môn. Đâu ông cứng như đá mài dao.

- Bạch các Ngài, xin các Ngài hoan hỷ từ bi giúp con một lần này nữa mà thôi.

Chư Tăng lại chiều lòng, cho công tử xuất gia, mấy ngày sau Tỳ khưu Cittahattha chứng đắc A La Hán cùng với Tuệ phân tích, chư Tăng không biết việc này, hỏi vị Thánh Tăng mới:

- Nầy đạo hữu! Kỳ này sao lâu quá đạo hữu chưa trở về nhà.

- Bạch các Ngài! Hễ còn luyến ái trong tâm thì còn trở về nhà. Ai dứt được tâm luyến ái thì không còn muốn trở về nhà nữa chứ sao!

Chư Tăng kéo đến bạch cùng Đức Thế Tôn:

- Bạch Ngài! Tỳ khưu này đã dám nói với chư Tăng như thế. Ông nói như thế tức là nói tráo trở, giả dối phạm đại vọng ngữ.

Nhưng Đức Bốn Sư xác nhận: “Nầy các Tỳ khưu! Ông ấy nói đúng sự thật, con trai Ta trong lúc tâm còn bất định, không thông hiểu chánh pháp thì còn đi đi về về. Nhưng bây giờ thì dứt cả việc phước việc tội.”.

Nói rồi Đức Bốn Sư ngâm hai bài kệ như sau:

“Anavatthitacittassa,
Saddhammaṃ avijānato;
Pariplavapasādaṃ,
Paññā na paripūrati.”

“Người tâm bất định xông xao,
Không thông Chánh pháp tối cao lạ thường.
Đức tin chẳng được kiên cường,
Thì trí Bát nhã không phượng viên thành.”

“Anavassutacittassa,
Ananvāhatacetaso;
Puññapāpapahīnassa,
Natthi jāgarato bhayaṃ.”

“Người mà tâm đã tịnh thanh,
Không còn tham ái, gian manh thù hận.
Phước tội đều dứt tận căn,
Giác tỉnh chẳng sợ lẽ hằng từ sanh.”



CHÚ GIẢI:

Anavatthitacittassa (Người tâm bất định): Tâm phàm là không có chút gì chơn thường, hay là bất biến. Nó giao động luôn luôn không khi nào đứng yên, cũng như trái bí đặt trên lưng ngựa, như cây đòn xóc dựng trên đồng trấu, cũng như bông Kadamba để trên đầu trọc vậy. Người nào lúc thì làm nô lệ, lúc thì làm tu sĩ ngoại đạo Ājīvaka, lúc thì tu theo Nigantha, lúc thì tu đạo sĩ, không nhất định theo mãi một con đường nào thì gọi là người tâm bất định.

Saddhammaṃ avijānato (Người không thông Chánh pháp): Người có tâm bất định thì không phân tích được ba mươi bảy pháp trợ Bồ đề (Sattatīṃsabodhipakkhiya).

Paññā na paripūrati (Không đầy đủ trí tuệ): Không có trí tuệ cao siêu để hiểu biết, phân tích được các pháp trong cõi Dục, cõi Sắc... Nội trong cõi Dục còn chưa biết cho đầy đủ, có đâu mà hiểu biết tới cõi Sắc, rồi từ cõi

Sắc mà hiểu biết cho đầy đủ cõi Vô sắc và Siêu thế được.

Anavassutacittassa (Người hết tâm tham ái):
Là người đã dứt trừ được tham ái.

Ananvāhatacetaso (Không còn ý nào hại): Là không có tâm muốn dùng cây đánh đập, đầu đang lúc giận, không có ý gì muốn đánh đập làm thiệt hại ai.

Puññapāpaphīnassa (Phước tội đều dứt trừ): Là dứt bỏ bốn đạo, gọi là dứt phước, và diệt tận phiền não gọi là dứt tội.

Natthi jāgarato bhayaṃ (Giác tỉnh không sợ hãi): Đây là nói trạng thái giác tỉnh, vô úy của bậc Lưu tận, bậc đã giác tỉnh, thấy được năm pháp giác tỉnh là: Tín, tấn, niệm, định và tuệ, cho nên đâu thức hay ngủ cũng không sợ phiền não là sự sợ hãi, những phiền não người đã đoạn trừ bằng bốn Thánh đạo, không còn theo đuổi người nữa, nghĩa là những phiền não người đã đoạn trừ bằng Tu Đà Hườn đạo là ba kiết sử thân kiến, hoài nghi và giới cấm thủ không còn trở lại theo người nữa, những phiền não nào người đã đoạn trừ bằng Tu Đà Hàm, A Na Hàm và A La Hán đạo, những phiền não ấy có bảy kiết sử, không còn trở lại đeo níu người ấy nữa.



Nghe dứt hai bài kệ đại chúng đều hưởng được lợi ích và đắc Thánh quả.

Sau đó, có một hôm chư Tỳ khưu đề khởi Pháp luận trong giảng pháp đường như vậy:

- Này chư huynh đệ, những phiền não này quả thật là đáng sợ, một vị công tử có đầy đủ căn lành để đắc A La Hán mà còn bị nó lung lạc, tu rồi hoàn tục đến bảy lần như thế.

Đức Bốn Sư nghe được Pháp thoại đề khởi giữa chư Tỳ khưu, bèn ngự hành vào giảng đường, ngự lên Phật tọa xong, Ngài phán hỏi:

- Này chư Tỳ khưu! Hôm nay các ông hội thảo chuyện chi thế?

- Bạch Ngài như vậy...

Nghe vậy, Đức Bốn Sư xác nhận: “Này các Tỳ khưu! Những phiền não đáng sợ là thế, nếu nó phát sanh lên rồi thì ai cũng bị nó chi phối tất cả. Khắp cõi Sa bà từ chư Thiên, Phạm Thiên đến những chúng sanh ti tiện, không một ai thoát khỏi quyền lực của nó. Cả những người đầy đủ trí tuệ như Ta thuở trước, cũng bị bao gồm trong vòng vây của nó, đừng nói chi là ai khác. Quả thật, Ta cũng đã từng vì nửa gáo hột giống và một cái cốc mà đã hoàn tục, xuất gia cả bảy lần như thế.”.

- Bạch Ngài! Lúc nào vậy?

- Này các Tỳ khưu! Các ông có muốn nghe chăng?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

- Thế thì hãy lắng nghe đây.

Đức Bốn Sư thuật lại tiền tích rằng:

Trong thời quá khứ, khi vua Brahmadatta đóng đô tại thành Bārāṇasī, có một thanh niên tên là Kuddālapaṇḍita (Tráp hiền sĩ), xuất gia làm đạo sĩ. Ở tu tám tháng trong miền Tuyết Sơn, đến mùa mưa thấy đất ướt Kuddāla nghĩ rằng: “Ở nhà còn nửa gáo hột giống bí ngô, với cái cốc cùn. Ta đừng để cho mất giống...”.

Nghĩ rồi, chàng hoàn tục, trở về nhà lấy cốc xới một thửa đất, xới dọn, đem hạt giống bí ngô đi gieo, cắm rào chung quanh để gìn giữ. Đến mùa bí già, hái ăn xong

còn tiếc nuôi để dành một gáo hạt giống mới nữa.

Hết mùa mưa, Kuddāla hiền trí lại tự nghĩ: “Bây giờ ta ở nhà làm gì? Thôi ta hãy xuất gia tu tám tháng nữa đi.”.

Thế là hiền trí Kuddāla lìa nhà, vào tu ở trong miền Tuyết Sơn và đến mùa mưa năm sau lại về. Cứ như thế tất cả sáu lần và cũng về nhà sáu lần, cũng vì đạo sĩ tiếc nuôi nửa gáo hạt giống với cây cuốc cùn. Đến lần thứ bảy, vị hiền trí ấy nghĩ rằng: “Ta đã sáu lần hoàn tục, sáu lần xuất gia lại cũng tại cây cuốc cùn này. Cứ giữ nó hoài tu không được, ta hãy đem liệng bỏ nó đi cho rồi.”.

Xách cuốc tới bờ sông, hiền trí Kuddāla nghĩ rằng: “Nếu ta thấy biết chỗ nó rớt xuống thì sợ e mình còn lượm lấy lại được, chỉ bằng mình liệng dùng dòm thấy chỗ nó rơi xuống mới nên.”.

Nghĩ kỹ rồi, chàng lấy vải gói gáo hạt giống, đoạn cột gáo hạt giống vào cây cuốc, cầm đầu cán cuốc đứng trên bờ sông, nhắm hai mắt lại, quay cái cuốc trên đầu ba vòng cho có trớn chàng ném mạnh nó ra giữa dòng sông. Khi quay đầu mở mắt ra không nhìn thấy dấu vết của cuốc rơi xuống chỗ nào. Hiền sĩ vui thích reo lên ba lần: “Ta đã thắng, ta đã thắng...”.

Trong khi ấy, Quốc vương xứ Bārāṇasī ngự giá thân chinh để bình giặc loạn ở biên cương, ban sư khái hoàn vừa ngự đến bờ sông. Đức vua khoác lên long thể chiếc dục y quý giá, ngự xuống sông để tắm, thì nghe tiếng reo của Kuddāla.

(Các vị lãnh chúa thì không ưa thích tiếng reo: “Ta đã thắng...” như vậy.)

Quốc vương đến gần bậc hiền trí và phán hỏi:

- Trẫm đi bình phiên dẹp loạn, đắc thắng khái hoàn về đến đây. Vừa nghe đạo nhân hô to ba lần: “Ta đã thắng” chẳng hay đạo nhân đã thắng là thắng cái chi?

- Tâu đại vương! Đại vương tuy chiến thắng kẻ tặc loạn bên ngoài, bây giờ tuy nó chịu thua, nhưng cũng có ngày nó dấy binh thắng ngược lại đại vương, còn tôi đã chiến thắng kẻ tặc loạn bên trong là tâm tham ái, không còn sợ bị nó thắng ngược lại. Sự toàn thắng vĩnh viễn như thế mới thật là vẻ vang.

Nói xong, đạo sĩ ngâm lên kệ ngôn rằng:

“Na tam jitaṃ sādhu jitaṃ,
Yam jitaṃ avajīyati;
Tam kho jitaṃ sādhu jitaṃ,
Yam jitaṃ nāvajīyati.”

Giao tranh trên bãi chiến trường,
Thắng rồi lại bại lẽ thường xưa nay.
Toàn thắng mới thật là hay,
Thắng không còn bại vì tay địch thù...”

Ngâm kệ rồi, đạo sĩ nhìn xuống dòng sông, lấy nước làm đề mục niệm, đắc Thần túc thông, bay lên ngồi kiết già giữa hư không.

Quốc vương được nghe Pháp của đại nhân thuyết rồi, liền phủ phục long thể xin Ngài nhận làm đệ tử. Đức vua xuất gia cùng với tướng sĩ từng chinh, thành một đoàn đạo sĩ ở trong một đạo tràng rộng cả một do tuần.

Nghe tin Quốc vương Bārāṇasī đã xuất gia, Quốc vương nước láng giềng cử đại binh định sang đánh chiếm nước này. Nhưng khi tiến binh vào giữa thành đô nguy nga tráng lệ mà không hề có quân phòng thủ, Quốc vương xâm

lăng nghĩ thầm: “Một kinh đô như vậy mà Quốc vương Bārāṇasī còn bỏ đi xuất gia, thì việc xuất gia này không phải là việc thấp hèn đâu. Vậy trăm cũng nên xuất gia cho rồi.”.

Nghĩ vậy, Quốc vương bèn ngự giá thân hành đến tận đạo tràng, xin đại nhân cho mình được xuất gia và đã xuất gia với đoàn quân hộ giá. Lần lượt có tất cả bảy Quốc vương đều xuất gia như trên, thành ra đạo tràng chiếm trọn một vùng đất bảy do tuần. Bảy nhà vua đã phế thải cơ đồ, sự nghiệp, xuất gia chỉ đem theo những người tâm phúc của mình mà thôi.

Đại nhân Kuḍḍāla sống đời phạm hạnh đến khi lâm chung sanh về cõi Phạm Thiên giới.

Thuật hết câu chuyện tiền thân, Đức Bốn Sư dẫn giải rằng:

- Này các Tỳ khưu! Ta là hiền trí Kuḍḍāla thuở xưa và những phiền não quả thật là đáng sợ như thế đó.



Dịch Giả Cầu Đề

Giống cùn, hột giống tiếc mà chi?

Tạo nghiệp dây dưa chẳng định kỳ?

Đất thịt sáu lần còn nghĩ đến,

Rừng thiêng bảy lượt mãi ra đi.

Tham sân tội lớn nên kinh cự,

Tin, tấn căn sâu khó chủ trì.

Quyết thắng được mình là đại thắng,

Phục tâm hiền sĩ cũng tương y.

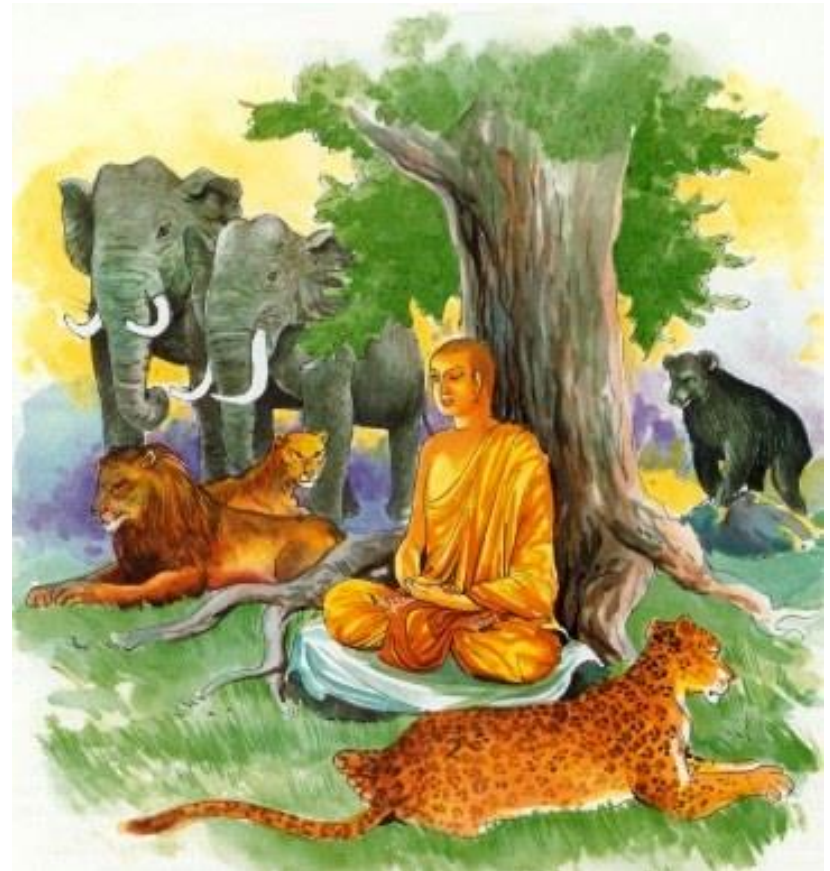
DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC CITTAHATTHA





38. A fickle mind, a shallow faith and ignorance of Dhamma lead not one to total wisdom.

38. Tâm dao động, thiếu tín thành và không hiểu chánh Pháp tất nhiên không đưa đến trí tuệ Viên mãn.



39. A vigilant, lustless, hateless mind
Which transcends good and evil, knows no fear.

**39. Tâm vô sân, lý tuệ, tinh giác
Vượt lên mọi thiện ác không còn biết sợ hãi.**

III. 6- Tích CÁC TỖ KHƯU QUÁN TỰ NGÃ (*Āraddhavipassakabhikkhuvatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 40)

**“Kumbhūpamaṃ kāyamimaṃ viditvā,
Nagarūpamaṃ cittamidaṃ ṭhapetvā;
Yodhetha māraṃ paññāyudhena,
Jitañca rakkhe anivesano siyā.”**

***“Biết thân như ngôi gạch,
Giữ tâm như thành quách.
Dùng gươm trí đánh ma,
Thủ thắng mãi vô địch,
Mọi ô nhiễm đều xa.”***

Kệ Pháp Cú này Đức Bốn Sư thuyết ra khi Ngài an ngự tại gần thành Sāvattī (Xá Vệ), có năm trăm Tỷ khưu đến xin thọ giáo đề mục Minh sát với Ngài rồi cùng nhau đi kiếm chỗ hành Sa môn pháp.

Sau khi trải qua lộ trình hằng trăm do tuần, chư Tỷ khưu đến một thị trấn dân cư trù mật. Khi ấy nhiều người trông thấy chư Tăng, bèn ra rước thỉnh các Ngài vào nhà an tọa trên những chỗ ngồi đã được soạn sẵn, dâng cúng vật thực ngon lành xong rồi hỏi rằng:

- Bạch chư Đại đức chẳng hay các Ngài đi đâu vậy?
- Chúng tôi đi tìm nơi cảnh tịnh nghỉ.

Nghe đáp như thế, họ liền yêu cầu rằng:

- Bạch chư Đại đức, nếu có thể xin thỉnh quý Ngài lưu lại nơi đây, trong ba tháng an cư này, chúng tôi sẽ nhờ quý Ngài giáo truyền Qui giới để vâng giữ hành theo.

Khi được biết chư Tăng đã nhận lời, họ đưa chư Tăng đến một khu rừng lớn gần đó:

- Xin thỉnh các Ngài hãy trú ngụ lại nơi này.

Nói rồi họ cáo từ trở lại làng, để chư Tăng đi vào khu rừng ấy, chư Thiên ngụ trong rừng nghĩ thầm: “Chư Tăng này là những bậc có Giới đức, nay lại có dịp quang lâm đến khu rừng này, trong lúc quý Ngài cư ngụ nơi đây, mà chúng ta đưa con cháu, em út trèo lên ở trên cây thì coi không được.”. Vì thế chư Thiên đều tuột ngồi xuống đất hết, tính thầm rằng: “Chắc quý Ngài chỉ ngụ đờ một đêm này thôi, rồi sáng mai sẽ đi nơi khác.”.

Hôm sau, chư Tỷ khưu vào làng khất thực xong, lại trở về khu rừng ấy. Chư Thiên cho rằng: “Chắc hôm nay có ai thỉnh các Ngài, nên các Ngài còn rần ở lại. Hôm nay chưa đi thì mai các Ngài sẽ đi vậy.”.

Chư Thiên cứ ở dưới đất với sự hy vọng từng ngày như vậy cho đến nửa tháng, khi đó chư Thiên nghĩ thầm rằng: “Chắc hẳn quý vị Đại đức này trú ngụ tại đây cả ba tháng rồi, suốt thời gian quý Ngài cư ngụ tại đây như thế nếu chúng ta ngự trên cây thì không phải cách, còn nếu chúng ta đem con cái em út nằm ngồi dưới mặt đất cả ba tháng trường thì cũng khó nhọc cho chúng ta. Ta phải làm sao cho chư Tỷ khưu này bỏ chạy mới được.”.

Thế rồi, chư Tăng hiện ra làm ma nhát chư Tăng, khi thì cho thấy đầu lâu, khi thì cho thấy thân mình mất đầu, khi thì cho nghe tiếng rú kinh dị của phi nhơn, phi nhơn phá phách khắp nơi ngụ của các Ngài, hoặc nơi hành đạo, trên đường đi kinh hành chẳng hạn.

Chư Tỳ khưu mất ăn mất ngủ, sa sút hao mòn lần lần nhuốm bệnh, quý Ngài hỏi lẫn nhau: “Đạo hữu bệnh gì?”.

Vị thì nói tôi đau thần kinh, vị thì nói tôi đau phổi... truy ra nguyên nhân của bệnh thì mới biết là bị ma nhát.

- Đây đạo hữu, hôm nay tôi thấy một cái đầu lâu ở cuối con đường kinh hành.

- Tôi thì thấy một thân hình không đầu ở trong chỗ ngủ.

- Tôi lại nghe tiếng rú kinh dị ở chỗ ngồi thiền.

- Chúng ta nên bỏ chỗ này, kiếm chỗ khác thích nghi hơn, chớ ở đây thấy bất tiện quá.

- Chúng ta hãy về yết kiến Bậc Đạo Sư.

Chư Tăng đồng ý là bỏ khu rừng, đi bộ lần hồi về đến chỗ ngụ của Đức Bốn Sư, đánh lễ Ngài xong rồi ngồi qua một bên. Khi ấy, Đức Bốn Sư phán hỏi chư Tăng:

- Đây chư Tỳ khưu, chắc hẳn nơi ấy các ông không được an vui phải chăng?

- Vâng bạch Ngài! Trong lúc chúng con ở đó có nhiều hiện tượng phát sanh rất đáng sợ, khiến cho chúng con mất sự an vui, chúng con đồng ý cho rằng: “Nơi này không tốt, cần phải xa lánh”, nên chúng con rời bỏ nơi ấy mà về đây với Ngài.

- Đây các Tỳ khưu, các ông nên đến chỗ ở như vậy.

- Bạch Ngài! Không thể được.

- Đây các Tỳ khưu! Lần trước các ông ra đi không mang theo khí giới. Lần này nên lấy khí giới đem theo rồi hãy lên đường.

- Bạch Ngài! Thứ khí giới nào vậy?

Đức Bốn Sư đáp: “Để Ta ban cho khí giới, các ông nhận lãnh khí giới của Ta ban cho rồi hãy đi.”.

Nói rồi, Đức Bốn Sư khẩu truyền dạy hết bài Kinh Từ Bi:

Karaṇīyamattakusalena

Yantaṃ santaṃ padaṃ abhisamecca

Sakko ujū ca suhujū ca

Suvaco cassa mudu anatimānīti...

“Pháp hữu ích nên hành cần biết,

Đường Niết Bàn nếu quyết ruổi giông.

Trí năng, chơn chánh, phục tòng,

Thẳng ngay, mềm mỏng, không lòng cống cao”...

Tiếp theo bài kinh, Đức Bốn Sư dạy rằng:

- Đây các Tỳ khưu! Bài kinh này các ông hãy tụng niệm cho thường, từ lúc đặt chân vào khu rừng cho đến lúc đến vòng ngoài Tinh xá, rồi sẽ vào trong... Thôi các ông cứ yên trí lên đường.

Chư Tỳ khưu đánh lễ từ biệt Đức Bốn Sư, ra đi lần hồi đến bìa rừng ấy, đồng thanh vừa niệm Kinh Từ Bi vừa đi vào trong rừng. Toàn thể chư Tăng ngụ trong rừng đều phát tâm Từ bi, ra nghinh tiếp chư Tăng, xin rước y bát, hoặc xin đấm lưng, hoặc xin bóp tay chân cho các Ngài. Những nơi ăn, chốn ngủ hoặc chỗ hành thiền. Và xúm nhau gìn giữ luân phiên, sắp đặt trang hoàng, không còn có tiếng kêu rú phi nhơn.

Nhờ thuận cảnh, chư Tăng hành đắc định tâm (Ekaggata citta). Nơi chỗ hành thiền ban đêm và ban ngày các Ngài dùng tâm Minh sát quán sự sanh diệt của tự ngã, tiến hành pháp Quán, các Ngài thấy rõ rằng: “Cái bản ngã này nó giòn yếu, dễ tan vỡ, cũng như một món đồ gốm vậy thôi.”.

Đức Chánh Biến Tri ngự tọa trong hương thất, hiểu biết chư Tỳ khưu ở trong rừng, đang trong trạng thái tiến hành Tuệ Minh sát, bèn gọi các vị ấy và dạy rằng:

- Này các Tỳ khưu, cái bản ngã này có tính dễ tan vỡ, chẳng vững bền như thế.

Nói rồi Đức Bốn Sư phóng hào quang sáu màu rực rỡ, hiện kim thân cho chư Tăng ngó thấy như Ngài đang ngồi đối diện, mặc dù lúc ấy Ngài đứng cách xa chư Tăng hàng trăm do tuần, và đọc kệ rằng:

“Kumbhūpamaṃ kāyamimaṃ veditvā,
Nagarūpamaṃ cittamidaṃ ṭhapetvā;
Yodhetha māraṃ paññāyudhena,
Jitañca rakkhe anivesano siyā.”

“Thân này đã biết mỏng manh,
Như đồ gốm hay bể, thành giữ tâm.
Sẵn gươm trí tuệ đang cầm,
Khá mau đánh dẹp Ma quân vây thành.
Giữ phần thắng lợi về mình,
Chớ đừng đắm trước, mê tình không nên.”



CHÚ GIẢI:

Tiếng **Kumbhūpamaṃ** trên đây, nghĩa là sánh như đồ gốm, là do tính giòn yếu, dễ tan vỡ, không bền bỉ lâu dài. Cái khối tập hợp bởi ba mươi hai thể trước, gọi là xác thân này đây, ta phải biết nó không bền bỉ gì hơn một món đồ gốm, như chậu đất, như bình sành hay là ngói gạch.

Nagarūpamaṃ cittamidaṃ ṭhapetvā (giữ tâm như thành quách): Thành trì thì mặt ngoài kiên cố, chung quanh phải có hào sâu, lũy cao phải có cửa cho chắc. Bên

trong phải có ngăn nắp thứ tự, đường xe rộng rãi, phải có ngã tư, như thế bọn cường khấu bên ngoài muốn vào cướp phá bên trong không thể được, đành phải bỏ đi chẳng khác nào chúng chạm phải núi đá vậy.

Con nhà gia giáo và bậc hiền minh cũng thế, sau khi điều luyện tâm Minh sát cho kiên cố như thành trì, vị này bế cửa thành tâm, đứng vững trong thành.

Yodhetha māraṃ paññāyudhena (Dùng gươm trí đánh Ma): Bọn cướp cầm đủ thứ khí giới, đông con, xông đến hãm thành trì, ví như những ma phiền não cần phải diệt tận hay khử trừ với khí giới làm bằng Minh sát tuệ, Thánh đạo tuệ và Bát nhã tuệ.

Jitañca rakkhe (thù thắng): Là giữ phần thắng là tuệ Minh sát vừa mới phát sanh, đừng cho suy giảm, chọn chỗ ở thích hợp, thời tiết thích hợp, thính pháp thích hợp... mà nương theo để hành cho đắc các bậc thiền rồi xuất thiền, dùng tâm thanh tịnh phán xét, thấu rõ các pháp hữu vi, gọi là đem phần thắng lợi về mình.

Anivesano siyā (Mọi ô nhiễm đều xa): Là hãy dứt lìa sự luyến ái, trở thành bậc vô nhiễm.

Cũng như một chiến tướng ở tiền tuyến, sau khi xây đắp thành trì kiên cố rồi mới giao tranh với địch quân đến lúc đói khát có thể cầm theo hoặc buông bỏ vũ khí, tùy thích trở vào thành bế cửa nghỉ ngơi, ăn uống xong rồi lại nai nịch mang theo vũ khí trở ra chiến đấu nữa. Tướng ấy tuy tạm thủ quyền thắng lợi, nhưng cũng còn lo giữ sự thắng, bằng sự phòng vệ, cho đến lúc đánh tan quân địch. Quả thật, nếu lúc chiến tướng đang nghỉ ngơi vui chơi trong thành như vậy, mà địch quân chiếm phá được thành thì cả vương quốc phải lọt về tay kẻ khác vậy.

Cũng như thế ấy, Tỳ khưu mới đắc tuệ Minh sát,

nhập thiền nhiều lượt rồi mới xuất thiền thì có thể dùng tâm thanh tịnh gìn giữ sự giác ngộ của các pháp hữu vi, thẳng được phiền não Ma vương, nhờ đặc đạo cao thượng. Nếu như vị này vui thích Thiền định, không xuất thiền dùng tâm thanh tịnh mà quán đi quán lại cho thấu triệt các pháp hữu vi thì không thể thấu triệt đạo quả. Vì vậy, chỉ nên gìn giữ pháp nào tâm cần gìn giữ, không nên đắm trước mê say theo nó như sau khi định tâm trong đề mục thiền rồi, không nên lưu luyến giữ mãi tâm nơi đó. Các ông hãy hành như vậy.



Đức Bốn Sư đã thuyết pháp dạy các Tỷ kheu như thế. Khi thời pháp chấm dứt, cả năm trăm vị Tỷ kheu chúng đắc A La Hán quả với Tuệ phân tích ngay tại chỗ ngồi bèn tán thán ca tụng kim thân đáng Như Lai, đánh lễ Ngài rồi lui gót.



Dịch Giả Cầu Đề

Nhờ kinh Bác ái cảm chư Thiên,

Ngũ bá Tỷ kheu ở mới yên.

Hết bị tà ma gây bệnh sợ,

Còn nhờ giả quỷ hộ rừng thiền.

Đem tâm Minh sát xây thành trí,

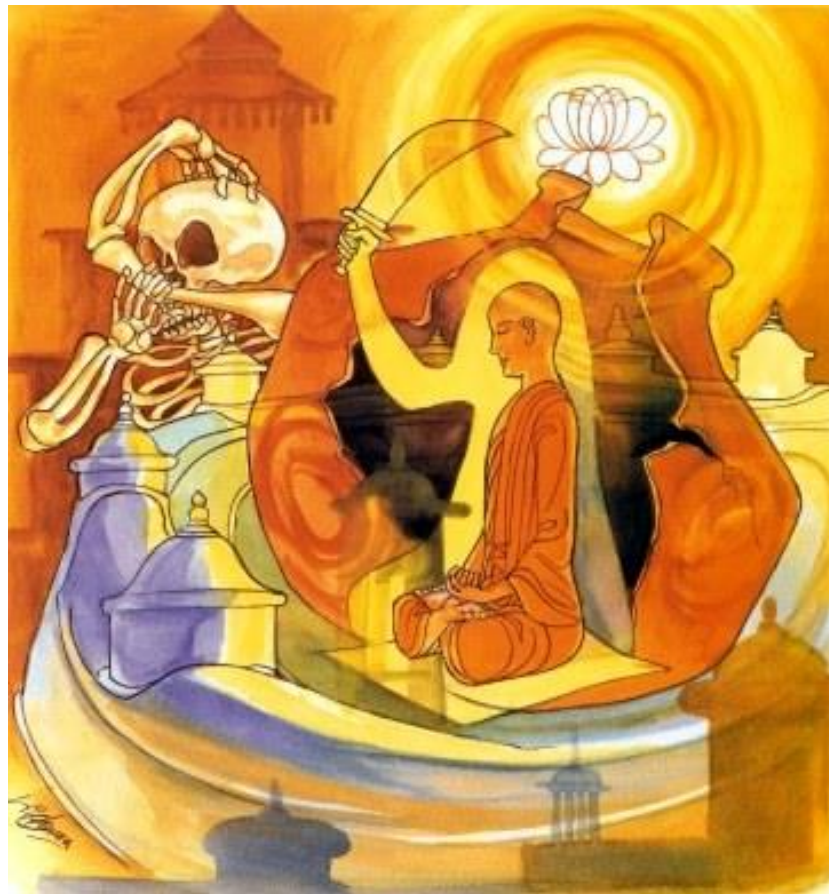
Lấy kiếm siêu nhân dẹp giặc phiền.

Bản ngã quán rời như ngôi bờ,

Thoát trần nhẹ bước gót thiên nhiên.

DỨT TÍCH CÁC TỶ KHEU QUÁN TỰ NGÃ





*40. Win over forces of evil with wisdom,
Fortifying your mind as a guarded city.*

40. Hãy dùng trí tuệ chiến thắng các thế lực của Ác ma và hộ phòng tâm như một thành trì.

III. 7- Tích ĐẠI ĐỨC TISSA THÚI THÂY (*Pūtīgattatissatheravatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 41)

“Aciraṃ vatayaṃ kāyo, Paṭhaviṃ adhisessati; Chuddho apeta viññāṇo, Nirattamaṃ va kaliṅgaranti.”	“Không lâu đâu xác này, Trên đất sẽ nằm ngay, Với thức bị vứt bỏ, Như gỗ mục hết xài.”
--	---

Kệ Pháp Cú này, Đức Bốn Sư thuyết ra khi Ngài an ngự tại Jetavana (Kỳ Viên), đề cập đến Đại đức Tissa thúi thây.

Tương truyền rằng: Thuở ấy có một công tử ở thành Sāvattī (Xá Vệ), sau khi nghe thời pháp của Đức Bốn Sư, bèn ly tục, xuất gia nhập đạo, tu lên Tỳ khưu với pháp danh là Đại đức Tissa.

Trong thời gian đi hành đạo, rày đây mai đó, Đại đức bị nổi đing sang đây mình, ban đầu các mụn ngứa chỉ như hột cải, nhưng càng ngày càng lớn thêm ra to bằng hột đậu xanh, hột đậu đen, bằng trái táo lớn, rồi bằng trái a ma lặc (Āmalaka) bằng trái Beluva.

Khắp châu thân Đại đức đầy những ghè, lở loét, hôi hám, do đó Đại đức mới có biệt hiệu là Tissa thúi thây.

Về sau, xương cũng mục gãy, Đại đức không còn đi đứng tự mình được nữa, các y nội ngoại của Đại đức dính đầy máu mủ, có đóm giống như ổ tàng ong. Các Tỳ khưu, Sa di đệ tử không thể chịu đựng được mùi hôi thúi, nên không đến gần sờ sọc Đại đức, bỏ Đại đức nằm chèo queo một mình.

Chư Phật thì không bao giờ bỏ qua thông lệ quan sát thế gian, mỗi ngày hai lần: Buổi sáng tinh sương, các Ngài bủa lưới trí quán sát từ ngoài thế giới Ta bà vào tới hương thất và buổi chiều chạng vạng tối, các Ngài quan sát từ hương thất trở ra đến ngoại biên.

Trong khi ấy, hình ảnh của Đại đức Tissa thúy thây lọt trong giác võng của Đức Như Lai. Đức Bốn Sư nhìn thấy căn lành của Đại đức Tissa này, đắc được quả A La Hán. Ngài nói thầm: “Tỳ khưu này bị các bạn đồng tu và các đệ tử bỏ rơi, ngoài Ta ra thì ông không còn ai là nơi nương tựa khác.”.

Đức Bốn Sư ngự ra ngoài hương thất, du hành vòng quanh Tinh xá như kinh hành, rồi ngự đến phòng nấu nước (Aggisāla), lấy bình rửa sạch, châm đầy nước, bắt lên lò lửa, rồi đứng chờ cho nước nóng. Khi biết nước đã nóng, Ngài đến nằm đầu giường chỗ Tỳ khưu Tissa đang nằm.

Chư Tăng thấy vậy, liền tranh nhau: “Bạch Thế Tôn! Xin dang ra, để chúng con khiêng cho.”.

Rồi chư Tăng xúm nhau nhắc luôn chiếc giường cùng người, đem vào phòng nấu nước.

Đức Bốn Sư khiến chư Tăng lấy chậu chế nước nóng, cởi y vai trái (uttarasaṅga) của Đại đức, vò sạch sẽ rồi đem phơi nắng.

Kế đó, Ngài đến gần Đại đức, bảo Tăng chúng lấy nước nóng thấm ướt mình Đại đức, rồi tắm rửa, kỳ cọ cho sạch sẽ. Khi Đại đức tắm xong thì y được phơi cũng vừa khô. Đức Bốn Sư dạy chư Tăng lấy y này vận đỡ cho Đại đức, cởi y nội ra đem đi giặt sạch sẽ rồi phơi ngoài nắng.

Khi y nội của Đại đức khô thì mình của Đại đức cũng vừa ráo nước. Được vận một lá y bên dưới, một lá y bên trên xong. Đại đức cảm thấy thân thể nhẹ nhàng, nằm

định tâm trên giường.

Đức Bốn Sư đứng trên đầu nằm của Đại đức phán rằng:

- Nây Tỳ khưu! Thân của ông đây, một khi tâm thức lìa bỏ nó rồi, thì nó không còn có chỗ sở cậy, nó sẽ nằm ngay trên mặt đất như khúc gỗ mục mà thôi.

Nói rồi Đức Bốn Sư thuyết lên kệ ngôn:

“Aciraṃ vatayaṃ kāyo,
Paṭhaviṃ adhisessati;
Chuddho apeta viññāṇo,
Nirattaṃ va kaliṅgaranti.”

*“Thân này hẳn thật không bền,
Rồi đây nó sẽ nằm trên đất mền.
Không hồn như gỗ mục khô,
Bị đem vứt bỏ vì vô dụng mà.”*



CHÚ GIẢI:

Paṭhaviṃ adhisessati: Trong lúc bình sanh, thân này chỉ nằm trên giường, nhưng rồi đây nó sẽ nằm trên đất trong bãi tha ma.

Chuddho: Bị vứt bỏ, ném quăng đi.

Apetaviññāṇo: Khi tâm thức xuất đi rồi thì cái thân trống rỗng, không có hồn nằm trơ như khúc gỗ.

Nirattaṃ va kaliṅgaranti: “Như khúc gỗ mục, vô dụng hết xài.”. Thật thế, những người thợ giàn trò, đi vào rừng, nếu cần cây ngay thì đốn cây ngay, cần cây cong thì đốn cây cong, xong rồi bóc sạch vỏ, chỉ lấy gỗ tốt còn gỗ xấu, mục, lung lổ, bị bọng, không có lõi thì vứt bỏ lại.

Những thợ giàn trò khác, vào thấy những khúc gỗ vứt bỏ này, không ai thèm lấy dùng xài. Tuy nhiên, nếu muốn thì họ cũng lấy làm thanh giường, gỗ chui chân hoặc băng ngồi ngoài vườn chẳng hạn. Chớ ba mươi hai thể trước trong thân này không thể dùng làm được chân giường hay làm được vật chi khác được. Khi tâm thức mất rồi, thân xác này trở nên hoàn toàn vô dụng, y như cây mục nát, chỉ chờ ngày bị dẹp bỏ nằm trong bãi tha ma.



Khi bài pháp vừa dứt, Đại đức Tissa thú vị thân đắc A La Hán quả với Tuệ phân tích. Trong số đó các Tỷ khưu khác cũng có nhiều vị đắc Thánh quả, nhất là quả Dự lưu.

Đại đức Tissa đắc quả A La Hán rồi thì nhập Vô Dư Níp Bàn. Đức Bốn Sư dạy các Tỷ khưu hỏa táng Đại đức, lấy xá lợi để vào Bảo tháp mà thờ.

Chư Tăng bạch hỏi Đức Bốn Sư:

- Bạch Ngài! Đại đức Tissa thú vị thân sanh về cõi nào?
- Này các Tỷ khưu! Tissa đã nhập Vô Dư Níp Bàn.

- Bạch Ngài! Một vị có đầy đủ duyên lành đắc A La Hán quả như thế, tại sao mà thân xác lại lở lói thú vị hôi? Tại lý do nào mà bị gãy xương? Nhờ đâu mà đắc A La Hán quả?

- Này các Tỷ khưu! Tất cả những sự kiện này đều do tiền nghiệp của ông ta.

- Bạch Ngài! Ông ấy đã tạo những nghiệp gì?

- Này các Tỷ khưu! Nếu muốn biết thì các ông hãy lắng nghe.

Đức Bốn Sư dẫn tích rằng:

“Trong thời kỳ của Đức Chánh Biến Tri Kassapa, Tỷ khưu này là một người săn chim, sau khi bắt được chim, y đem dâng cho các vị lãnh chúa, còn dư ra thì đem bán. Khi bán không hết, y sợ làm thịt để dành thì thịt chim không còn tươi, nên bẻ lợi giò, lợi cánh chim để chim còn sống mà không thể thoát được, y để chim nằm chung một đồng.

Qua ngày sau, y lại đem đồng chim ấy ra bán, khi nào săn được nhiều chim thì y cho người nấu nướng chim ấy, tự mình dùng lấy. Một hôm khi phân cơm ngon của y vừa chín thì có vị Đại đức Lưu Tận đang trì bình, đến đứng trước cửa nhà y, thấy Đại đức, y phát tâm tịnh tín nghĩ rằng: “Mình sát hại chúng sanh, ăn thịt cũng nhiều quá rồi. Hôm nay có Đại đức đến đứng ngay trước cửa nhà mình, vậy ta lấy thức ăn ngon lành để dâng cúng Ngài.”

Sau khi thỉnh bát không của Đại đức, y đem đầy bát ngon với thức ăn thượng vị, đem dâng Đại đức và gieo năm vốc xuống đánh lễ: “Bạch Ngài! Xin cho con được chứng ngộ quả tối cao của Ngài.”

Đại đức phúc chúc: “Xin cho người được như ý.”

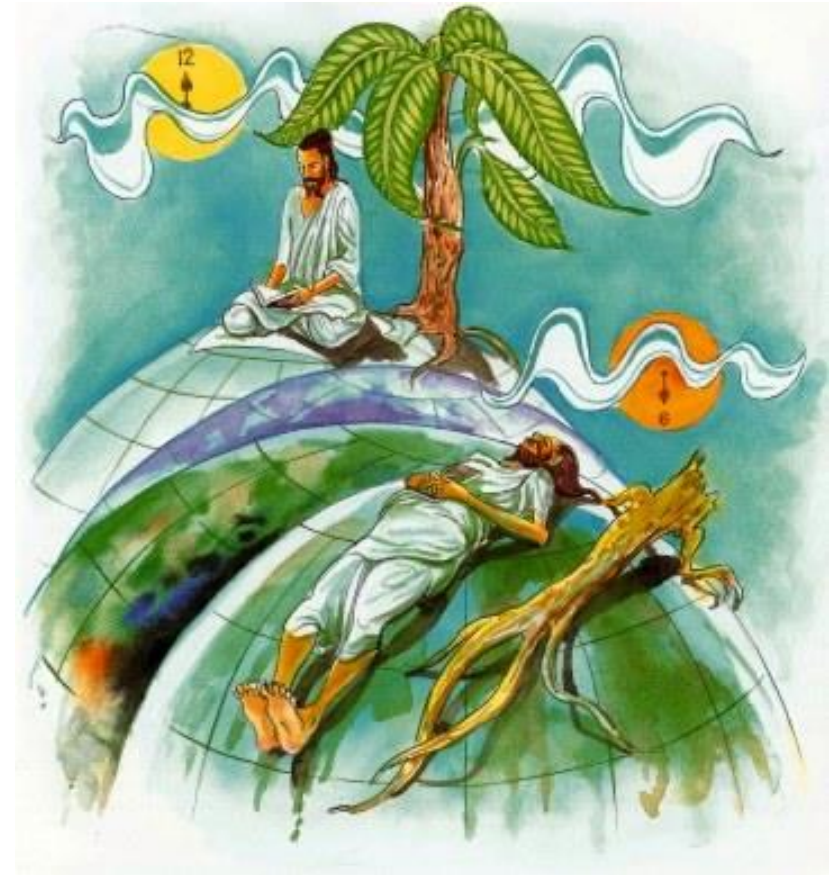
Này các Tỷ khưu do tiền nghiệp ấy mà ngày nay Tissa trả quả. Mình mảy thú vị lở, xương gãy, cũng vì xưa kia đã sát hại và bẻ gãy chân, cánh chim. Còn quả A La Hán là nhờ để bát cúng dường cơm ngon đến vị Lưu Tận.



Dịch Giả Căn Đề

*Nghiệp ác ngày xưa đã tạo gây,
 Báo Ngài Đê Xá khổ thân này.
 Săn chìm bẻ lọi chân cùng cánh,
 Gãi ghe càu banh mủ lộn mảy.
 Thịt thúì xương giòn nằm bại liệt,
 Trò xa bạn lánh sợ truyền lây.
 Định tâm thính pháp rồi viên tịch,
 Sốt bát tròn nhân quả cũng đầy.*

DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC TISSA THÚI THÂY



41. Soon this body will lie lifeless, bereft of consciousness,
 Like a worthless log of burnt wood.

41. Chẳng bao lâu thân này sẽ nằm bất động, vô thức, giống như khúc gỗ đã cháy hết, trở nên Vô dụng.

III. 8- Tích NAN ĐÀ CHỦ TRẠI BÒ (*Nandagopālakavatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 42)

**“Diso disaṃ yaṃ taṃ kayirā, *Cừu địch hại cừu địch,*
Verī vā pana verinaṃ; *Oan gia báo oan gia;*
Micchāpaṇihitaṃ cittaṃ, *Không bằng tâm thiên lệch,*
Pāpiyo naṃ tato kare’ti.” *Khiến kẻ ấy đọa sa.”***

Kệ Pháp Cú này, Đức Bốn Sư thuyết ra khi Ngài an ngự tại Kosala (Kiều Tát La), đề cập đến ông Nanda (Nan Đà) chủ trại bò.

Tương truyền rằng: Ở thành Sāvattthī (Xá Vệ) có một gia chủ là thuộc hạ của ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc), tên là Nanda là một chủ trại bò, rất giàu có, gia tài đồ sộ, sự sản kinh dinh. Người ta bảo nhau rằng: “Cũng như đạo sĩ tóc bính (Jaṭilo) tên Keṇiyo làm người xuất gia, ông Nanda làm nghề nuôi bò, như thế là để gìn giữ tài sản của mình khỏi sự áp chế của đức vua.”

Ông Nanda thỉnh thoảng đem năm món ngưu vị (gorasa) đến biếu ông Anāthapiṇḍika, rồi đến yết kiến Đức Thế Tôn nghe pháp. Sau đó, ông thỉnh Đức Bốn Sư đến nhà ông.

Một hôm đang ngự hành cùng với đại chúng Tỳ khưu trên đường cái. Đức Bốn Sư xét biết rõ căn lành của ông Nanda đã chín mùi rồi, Ngài bèn tách qua con đường nhỏ, ngự đến một gốc cây ngồi gần nhà ông ta.

Ông Nanda đến đánh lễ Đức Bốn Sư chào hỏi thân thiện rồi ngỏ lời thỉnh Đức Bốn Sư ngự đến nhà ông và ông làm phước cúng dường thực phẩm hương đèn có đủ năm thứ ngưu vị đến Tỳ khưu Tăng có Đức Phật làm chủ tọa trong bảy ngày liền.

Đến ngày thứ bảy, Đức Bốn Sư đọc kệ hoan hỷ chúc phúc cho thí chủ xong, thuyết luân tuần tự pháp, giảng giải từ pháp Bồ thí cho đến phước báu của sự Xuất gia.

Khi Ngài chấm dứt pháp thoại, ông chủ trại bò Nanda chúng đảnh lễ Dự Lưu. Ông ôm bát của Đức Thầy đi theo một quãng đường xa. Khi nghe lệnh dạy: “Ông thiện nam hãy dừng bước.” Ông Nanda bèn đánh lễ cáo từ Đức Bốn Sư, rồi quay trở lại nhà. Trong lúc ấy, một người thợ săn bắn trúng ông Nanda, khiến ông ta chết ngay lập tức.

Những Tỳ khưu đi sau, thấy vậy đến than phiền với Đức Bốn Sư:

- Bạch Ngài! Ông Nanda chủ trại bò, vì có Ngài đến đây mới làm đại lễ Trại Tăng và đi tiễn chân Ngài nên khi trở về mới bị giết chết, nếu như Ngài không đến đây thì ông ta chưa chết đâu.

Đức Bốn Sư đáp:

- Này các Tỳ khưu! Dầu Ta có đến đây hay không đến đây cũng vậy. Trong bốn phương tám hướng, cho đâu ông ta có đi hướng nào cũng không thoát khỏi tử thần. Quả thật vậy, tội khổ nào mà cả bọn cướp và kẻ thù đều không thể gây tại hại cho nhau thì chính cái tâm lệch lạc tà vạy thúc đẩy những chúng sanh này phải rơi vào tội khổ ấy.

Nói rồi Đức Bốn Sư đọc kệ rằng:

**“Diso disaṃ yaṃ taṃ kayirā,
Verī vā pana verinaṃ;**

Micchāpaṇihitaṃ cittaṃ,
Pāpiyo naṃ tato kare'ti."
“Kẻ thù hoặc kẻ oan gia,
Hại nhau, hại ấy vẫn là kém xa.
Cái hại của tâm niệm tà,
Khiến cho kẻ ấy đọa sa một mình.”



CHÚ GIẢI:

Hai tiếng *Diso disaṃ* trên đây, có nghĩa là kẻ cướp gặp kẻ cướp. Vì nói tắt nên ngắt bớt chữ gặp (*disvā*).

Yaṃ taṃ kayirā: Nếu làm điều nào để hủy diệt đối thủ làm ngay điều đó.

Verī vā pana verinaṃ: Câu này nghĩa là mường tượng như câu đầu. Ví như một kẻ cướp phản bội một kẻ cướp, làm thiệt hại đến vợ, đồng ruộng, gia sản... của đồng bọn. Trong lúc đang gây hại thù thì bị đồng bọn bắt gặp quả tang, hoặc là gây thù oán vì một lý do nào đó, buộc oan trái với một kẻ khác, khi gặp mặt kẻ ấy thì dùng những thủ đoạn độc ác thô bạo để tàn hại y hoặc là cưỡng bức vợ con của y, hoặc là phá hoại ruộng vườn của y, hoặc là giết y chết.

Micchāpaṇihitaṃ cittaṃ: Tâm lệch lạc là đặt vào chỗ sai quấy, là chỗ ở trên con đường thập ác nghiệp (thân ba, khẩu bốn, ý ba).

Pāpiyo naṃ tato kareti: Vì có tâm tà vạy, kẻ ấy ngày càng làm tội lỗi thêm nhiều, cho nên gọi là khiến cho kẻ ấy đọa sa vào vòng tội ác. Quả thật, kẻ cướp hoặc kẻ thù hoặc là đối phương của họ, trong kiếp này gây khổ cho nhau, hoặc là tàn sát lẫn nhau là cùng.

Trái lại, nếu cái tâm tà vạy, tà kiến, bị đặt nằm trên lộ bất thiện nghiệp trong kiếp này, thì nó đưa kẻ ấy đến chỗ diệt vong, hằng trăm kiếp đọa sa vào bốn ác đạo, không cho cất đầu lên nổi.



Nghe dứt bài kệ nhiều vị Tỳ khưu đắc Thánh quả, nhất là Sơ quả. Đại chúng thính pháp cũng hưởng được sự lợi ích.

Vì chư Tăng không hỏi đến tiền nghiệp của cận sự nam Nanda, cho nên Đức Bốn Sư không dẫn giải.



Dịch Giả Cử Đề

*Cúng Phật Trai Tăng đủ bảy ngày,
Nạn Đà chết dữ cũng kỳ thay!
Mùi tên oan nghiệt, trăm người rõ,
Quả Thánh Tu Đà, mấy kẻ hay?
Tâm niệm khi lành, khi hiểm ác,
Thân sanh lúc sướng, lúc đọa đầy.
Gieo chi gặt nấy, tùy duyên nghiệp,
Tội phước là nhân tạo rủi may.*

DỨT TÍCH NANDA CHỦ TRẠI BÒ





42. *A misdirected, misguided mind does to a person
Far greater harm than a bitter enemy.*

**42. Tâm sai lạc hướng tà gây tai hại cho mỗi người
nhiều hơn là một kẻ thù ác độc.**

III. 9- Tích ĐẠI ĐỨC TU LỆ DA (*Soreyyattheravatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 43)

“Na taṃ mātā pitā kayirā,
Aññe vāpi ca ñātakā;
Sammāpaṇihitaṃ cittaṃ,
Seyyaso naṃ tato kare’ti.”

“*Không phải do cha mẹ,
Hoặc thân nhân làm thế.
Chính tâm niệm chánh chơn,
Khiến người cao thượng hơn.*”

Kệ Pháp Cú này, Đức Bốn Sư đã thuyết ra nhân câu chuyện phát khởi từ thành Soreyya (Tu Lệ Da), về sau chấm dứt tại thành Sāvattthī (Xá Vệ).

Trong thời Đức Chánh Biến Tri an cư gần thành Sāvattthī. Trong thành Soreyya, có công tử con nhà triệu phú Soreyya, cùng với người bạn ngồi chung một cỗ xe nhỏ, nhanh lẹ, gọn gàng đã dắt theo rất đông bộ hạ tùy tùng đi ra phía ngoài thành để tắm.

Ngay lúc đó, Đại đức Mahākaccāyana đang đứng ngoài cổng thành đáp y Tăng Già Lê (Saṅghāṭi) lên mình, định vào thành Soreyya để khát thực, thân sắc của Đại đức sáng đẹp tựa vàng ròng.

Công tử Soreyya trông thấy Đại đức cỡi trần, ước thầm: “Cha! Phải chi Đại đức này là vợ của mình hoặc là vợ mình có được thân hình sáng đẹp như thân hình của

Đại đức này.”.

Vì nghĩ quấy như thế, công tử mất hết cả nam tướng đột nhiên biến thành một tiểu thư, hết sức hổ thẹn, Soreyya tuột xuống xe bỏ trốn.

Cả đoàn tùng giả đều thấy tiểu thư, nhưng không ai nhìn ra đó là công tử của mình, nên ngơ ngác hỏi chuyện nhau: “Cái gì thế? Cái gì thế?”.

Người nam hóa nữ này đi thẳng một mạch đến thành Takkasilā, chẳng từ giả người bạn cũ của mình, báo hại chàng ta đi tìm công tử Soreyya khắp vùng lân cận chung quanh mà chẳng hề gặp.

Sau khi tắm trở về, nghe Trưởng giả hỏi:

- Còn công tử đâu?

Nhóm bộ hạ đáp: “Chúng con tưởng rằng công tử tắm xong trở về nhà trước rồi!”.

Khi hay tin con mình mất tích, ông triệu phú cho người đi tìm công tử khắp nơi nhưng không gặp, thì buồn rầu than khóc, rồi nấu cơm cúng quảy vì nghĩ rằng công tử đã chết chìm.

Tiểu thư Soreyya đi đường gặp một đoàn lái buôn, bèn đi bộ theo sau chiếc xe của ông đoàn trưởng, nhiều người trông thấy tiểu thư liền hỏi rằng:

- Cô gái đi theo xe chúng tôi, cô là con nhà ai chúng tôi không biết?

- Mấy ông cứ đánh xe đi đi, để tôi đi bộ cũng được.

Nhưng đi lâu mỏi chân, tiểu thư cỡi chiếc nhân đeo ở ngón tay ra đổi lấy một chỗ ngồi trên xe.

Những lái buôn suy nghĩ: “Trong thành Takkasilā có công tử là con nhà triệu phú của ta chưa có đôi bạn, để ta

làm mối chỉ se tơ cho cô này với công tử. Chắc ta sẽ được trọng thưởng.”.

Thế là họ đi ngay đến công tử nói rằng:

- Thưa ông chủ! Hôm nay chúng tôi đưa về cho ông chủ một bảo nữ (itthiratana).

Nghe vậy, công tử cho mời Tiểu thư Soreyya đến để công tử xem mặt. Khi thấy tiểu thư trẻ trung xinh đẹp, duyên dáng, công tử sanh lòng yêu mến, bèn nhận cưới làm chánh thất.

(Hiện tượng nam hóa nữ hay nữ hóa nam rất thông thường, mặc dầu là khó thấy. Thật vậy, không hề có việc người nam nào chưa từng hóa thành nữ, và cũng không hề có người nữ nào mà không hóa thành nam. Quả nhiên, những người nam đã gian dâm với vợ kẻ khác, sau khi mệnh chung phải thọ khổ hàng trăm kiếp, nằm trong địa ngục và khi tái sanh làm người thì phải mang thân phụ nữ. Chính Đại đức Ānanda là bậc Thánh Thinh Văn đã hoàn thành pháp độ sau một trăm ngàn đại kiếp, nhưng khi còn luân hồi cũng có lần phạm tội tà dâm trong kiếp sanh làm con người thọ rên. Sau khi mãn kiếp đọa sa vào địa ngục, thọ khổ đền tội xong, do nghiệp còn dư sót, còn phải mang thân phụ nữ, làm vợ người nam trong mười bốn kiếp và trải qua thêm bảy kiếp nữ nhân nữa mới được trở lại làm người nam.

Những phụ nữ, sau khi làm các việc lành như bố thí, trì giới... không muốn mang thân người nữ, nên phát nguyện rằng: “Do phước báu của chúng tôi ngày hôm nay, xin cho chúng tôi được tái sanh làm nam nhân trong ngày vị lai.”, (Idam no puññam purisattabhāvaapaṭilābhāya samvattatūti.), thì sau khi chết được hóa thân thành nam tử. Chư Thiên nữ hầu hạ Thiên Vương cũng do sự hành đạo chơn chánh mà được hóa sanh thành thiên tử.

Công tử Soreyya này vì một lúc dấy ý nghĩ xằng đối với Ngài Mahākaccāyana mà trong kiếp hiện tại hóa thành nữ nhân.).

Ăn ở với con ông triệu phú trong thành Takkaṣilā, cô Soreyya có thai, mãn mười tháng cô sanh con trai, khi đứa con đầu biết đi lẫm lẫm thì cô lại sanh thêm một đứa con trai nữa.

Thế là cô làm mẹ hai đứa con trai, nếu tính chung trước đó, khi còn là công tử Soreyya cô có được hai con trai, thì cô có tất cả là bốn người con trai.

Lúc bấy giờ, chành thanh niên bạn cố tri của cô đang ngồi trên một cỗ xe nhỏ, dẫn đầu năm trăm cỗ xe bò. Chàng từ thành Soreyya sanh thành Takkaṣila. Khi đoàn xe đi vào trong thành, cô Soreyya đứng trên tầng chót tòa lầu đài của mình, mở cửa sổ nhìn xuống đường phố, trông thấy thanh niên thì nhận ra được bạn cố tri, bèn sai nữ tỳ đi mời thanh niên lên lầu thượng, khoản đãi niềm nở, trọng hậu.

Thanh niên không biết chủ nhân nên hỏi:

- Thưa bà! Bà chưa từng tiếp xúc với chúng tôi lần nào, tại sao bà lại hậu đãi chúng tôi như thế này, hay là có quen biết với chúng tôi chăng?

- Vâng thưa công tử tôi có quen biết với công tử, phải công tử ở thành Soreyya không?

- Dạ phải, thưa bà.

Bà chủ nhà lại hỏi thăm tình hình sức khỏe của song thân, của vợ con công tử Soreyya. Công tử đáp:

- Dạ thưa bà, tất cả đều bình an vô bệnh... Thưa bà, bà cũng có quen biết với nhà ông triệu phú ấy nữa sao?

- Dạ thưa công tử, tôi biết ông bà có một cậu công tử. Cậu ấy hiện giờ ở đâu?

- Bà ơi! Cậu ấy mất rồi, xin bà đừng nhắc đến nữa. Một hôm tôi với công tử cùng ngồi chung trên cỗ xe nhỏ, đi ra ngoài thành để tắm. Thế rồi, cậu ấy mất tích chúng tôi không biết cậu ấy đi đâu, tìm khắp quanh vùng cũng không gặp cậu ấy. Về báo tin cho ông bà Trưởng giả, hai ông bà khóc lóc thở than, rồi lo liệu ma chay cầu siêu cho cậu...

- Thưa ông, chính tôi là công tử Soreyya đây.

- Thưa bà! Bà có tỉnh trí không? Mà sao bà lại nói như thế. Bạn của tôi là một công tử khôi ngô tuấn tú, đẹp như Thiên tử cõi Thượng thiên kia mà.

- Thưa công tử, chính tôi là cậu ấy, không dám nói ngoa.

Cậu công tử không tin hỏi lại:

- Sao lạ kỳ vậy?

- Ngày ấy, công tử có thấy Đại đức Mahākaccāyana chớ?

- Vâng, tôi có thấy.

- Tôi đã ngắm nhìn Ngài Đại đức, rồi ước ao rằng: “Chà phải chi Đại đức làm vợ mình, hay là vợ mình có thân hình đẹp dễ như của Đại đức.”, vừa nghĩ quấy như vậy, thì nam tướng biến mất và nữ tướng của tôi hiện rõ rệt ra. Khi ấy, tôi quá hổ thẹn, không dám nói ra cho ai biết cả, bỏ chạy lánh đi chỗ khác đó công tử.

- Ôi thôi! Bạn tệ quá đôi tệ, tại sao lúc bấy giờ bạn không cho tôi hay? Bây giờ bạn đã sám hối với Ngài Đại đức chưa?

- Thừa công tử chưa, công tử biết Đại đức bây giờ ở đâu không?

- Ngài đang cư ngụ trong thành này.

- Nếu Đại đức có trì bình ngang đây. Tôi sẽ xin đặt bát Ngài, cúng dường đến Ngài.

- Thế thì bạn hãy lo sắm sửa lễ vật cho sẵn sàng để chúng ta đi sám hối với Ngài.

Công tử đến chỗ ngụ của Đại đức, đánh lễ Ngài rồi ngồi nép qua một bên, bạch rằng:

- Bạch Ngài, xin thỉnh Ngài ngày mai này đến thọ bát nơi nhà con.

- Này công tử, người từ xa đến đây phải chăng?

- Bạch Ngài ! Xin Ngài đừng hỏi con về việc ấy, chỉ xin thỉnh Ngài ngày mai này thọ bát nơi nhà con.

Đại đức im lặng nhận lời.

Công tử trở về nhà sắp đặt lễ vật cúng dường trọng thể đến Đại đức. Hôm sau, Đại đức đi ngay đến nhà của công tử. Sau khi thỉnh Đại đức an tọa và cúng dường thực phẩm thượng vị đến Đại đức, công tử dắt cô Soreyya ra quì mọp dưới chân Đại đức: “Bạch Ngài, xin Ngài thứ tội cho bạn con.”.

- Chuyện chi thế?

- Bạch Ngài! Cô này đây, trước kia là một người nam, bạn thân thiết của con, có lỗi nhìn trộm Ngài và ước quấy như vậy, thành ra mất hết nam tính, hóa ra thân nữ nhân, xin Ngài xá tội.

- Thôi hãy đứng dậy, ta miễn thứ cho cô đó.

Đại đức vừa dứt lời thì tiểu thư Soreyya hoàn hình

công tử trở lại như trước.

Sau khi ấy, công tử Takkasilā nói với công tử Soreyya:

- Này bạn, hai đứa con này do tôi và bạn sanh ra, hoàn thai và hoàn dưỡng chúng, sanh dưỡng cũng đạo đồng, chúng nó là con của chúng ta, vậy chúng ta cứ tiếp tục chung sống ở đây bạn đừng ngại chi cả.

- Bạn à! Tôi đã sống một kiếp là nam nhân, sau đó là nữ nhân và bây giờ trở lại thân nam nhân như trước. Ba lần thay đổi xác thân. Lần đầu, tôi là cha hai đứa con trai, lần sau là mẹ hai đứa con trai khác, cho nên bây giờ đây tôi đã chán ngán đời sống tại gia. Thôi bạn đừng cố gắng lưu tôi lại làm gì. Tôi sẽ đến xuất gia với Ngài Đại đức, hai đứa con này xin bạn ráng nuôi nấng, dạy dỗ, đừng bỏ chúng vất vả tội nghiệp.

Nói rồi, công tử Soreyya hôn hít, nựng nịu hai đứa con trai, đoạn nắm tay chúng giao trả tận tay cha chúng, rồi từ giã ra đi đến xuất gia với Ngài Đại đức.

Đại đức cho công tử xuất gia làm Sa di, về sau cho thọ Cụ túc giới, rồi dắt đệ tử lần lượt du hành về thành Sāvatthī.

Từ đây, người ta gọi vị tân Sư này là Tỳ khưu Soreyya.

Hiện tượng biến nam thành nữ của Đại đức Soreyya lúc Ngài chưa xuất gia đã làm chấn động dư luận trong xứ. Thiên hạ đua nhau đến hỏi Đại đức:

- Bạch Ngài! Chúng tôi nghe đồn rằng: Ngài đã hóa nữ, rồi lại hóa nam. Chuyện ấy có thật chăng?

- Quả thật như thế, này đạo hữu.

- Bạch Ngài, nếu quả thật vậy, trong hai đợt con ấy, một đợt do Ngài hoài thai và một do hột giống của Ngài, Ngài thương lớp con nào hơn?

- Nay đạo hữu, những con do tôi sanh thì thương nhiều hơn.

Hết kẻ này đến kẻ khác, những kẻ hiếu kỳ luôn luôn tìm gặp Đại đức Soreyya chỉ hỏi bấy nhiêu đó thôi. Đại đức phải lặp đi lặp lại mãi câu trả lời: “Con lọt lòng thì thương hơn.”, vừa then vừa bực, Đại đức tìm lảng vào chỗ thanh vắng để dễ bề hành đạo.

Nhờ hạnh độc cư, Đại đức Soreyya an tâm, quán sự sanh diệt của danh sắc trong tự ngã, chứng đắc A La Hán quả với Tuệ phân tích.

Sau đó, cũng còn nhiều kẻ đến hỏi Ngài nữa:

- Bạch Đại đức nghe đồn rằng: Ngài đã biến tính như thế, có đúng không?

- Quả có thế, này đạo hữu.

- Vậy trong hai lớp con của Ngài, Ngài thương đứa nào nhiều hơn?

- Ta không còn yêu thương lớp con nào nữa cả.

Chư Tăng nghe được câu hỏi trả lời của Đại đức bèn tố cáo với Đức Bốn Sư:

- Bạch Ngài! Tỳ khuu này đại vọng ngữ, những ngày trước đây ông mới nói: “Con lọt lòng thì thương hơn.”. Hôm nay ông lại nói: “Không còn thương con nào hết.”. Thế là ông ta dám khoe dối pháp cao nhân, bạch Ngài.

Đức Bốn Sư phán: “Này các Tỳ khuu! Con trai của Ta không khoe dối pháp cao nhân, nhờ chánh niệm chánh chơn, con ta đã kiến đạo, nên từ đó về sau không còn

thương mến con nào nữa cả. Thật thế, sự nghiệp là Thánh sản mà cả cha lẫn mẹ không thể tạo được cho những chúng sanh này, thì chỉ có nội tâm chơn chánh của họ đã ban bố cho họ mà thôi.”

Để giải rộng luận đề trên, Đức Bốn Sư thuyết pháp thoại và đọc lên kệ ngôn rằng:

“Na tam mātā pitā kayirā,
Aññe vāpi ca ñātakā;
Sammāpaṇihitaṃ cittaṃ,
Seyyaso naṃ tato kare’ti.”

“Chẳng phải do cha mẹ sanh,
Hoặc thân thuộc khác tạo thành mà nên.
Đưa người cao thượng hơn lên,
Chính tâm niệm hướng về bên thiện lành.”



CHÚ GIẢI:

Na tam: Việc ấy không phải do cha hay mẹ hoặc là những bà con họ hàng nào khác làm nên cho họ được.

Sammāpaṇihitaṃ: Đặt đúng trên lộ Thập thiện nghiệp là bố thí, trì giới, thiền định, tôn kính, phục vụ, hồi hướng công đức, tùy hỷ công đức, thỉnh pháp, thuyết pháp nói đạo, chánh kiến.

Seyyaso naṃ tato kare’ti: Chính nhờ tâm niệm chánh của họ, làm cho họ trở nên quý báu, cao thượng hơn lên.

Thật thế, cha mẹ có thể đem tài sản truyền lại cho con trai mình, nhưng không thể khiến cho chúng sống hạnh phúc suốt đời được, như song thân bà Visākha là sở hữu chủ của một sản nghiệp kinh dinh đồ sộ đường ấy, đã

làm cho bà tài sản lớn, mong rằng bà sống suốt đời hạnh phúc, nhưng cũng tùy theo sức mình mà thôi.

Không thể có cha mẹ nào có thể cho con mình cơ đồ của một bậc chuyển luân vương bao trùm bốn châu thiên hạ. Đừng nói chỉ đến tài sản của chư Thiên, hoặc là tài sản của bậc cao nhân là các mức thiên định, hoặc là tài sản siêu thế là các đạo quả. Thế mà, tâm niệm chánh đạo nằm trên đường Thiện nghiệp có thể cho hành giả tất cả những sản nghiệp phi thường ấy, cho nên nói do cái tâm niệm chánh của họ làm cho họ trở nên quý báu cao thượng hơn lên vậy.



Khi thời pháp chấm dứt, nhiều vị Tỳ khưu chứng đắc Thánh quả nhất là Tu Đà Hườn quả. Kỳ dư thánh chúng đều hưởng lợi ích.



Dịch Giả Cầu Đề

*Năm mà hóa nữ lại hoàn nam,
Hai gánh gia đình nghĩ hết ham!
Nghĩa vợ tình chồng thôi đã chán,
Lòng cha, dạ mẹ chỉ thêm nhàm.
Dâm căn nguyện dứt, nương thiền quán,
Giới bốn xin gìn, ngụ thảo am.
Tu Lệ Đa đi về Xá Vệ,
Nhờ môn tâm quý được siêu phàm.*

DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC SOREYYA



DỨT PHẨM TÂM





43. A well-directed mind does to a person far greater good than one's parents or one's kinsmen.

**43. Tâm theo hướng chánh hạnh làm lợi lạc cho
mỗi người nhiều hơn cả cha mẹ hay
Thân quyến nữa.**

IV. PHẨM HOA (PUPPHAVAGGA)

*16 bài kệ: Pháp Cú số 44 – 59
12 tích truyện*



IV. 1- Tích 500 VỊ TỖ KHƯU ĐÀM LUẬN VỀ ĐỊA ĐẠI

(Paṭhavīkathāpasutapañcasatabhikkhuvatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 44 – 45)

“Ko imaṃ paṭhaviṃ vijessati,
Yamalokañca imaṃ sadevakam;
Ko dhammapadam sudesitam,
Kusalo puppham’iva pacesati.”

*“Ai thông suốt địa đại,
Diêm nhân thiên giới này.
Hiếu Pháp Cú khéo giải,
Như thợ tuyển hoa hay.*

“Sekho paṭhaviṃ vijessati,
Yamalokañca imaṃ sadevakam;
Sekho dhammapadam sudesitam,
Kusalo puppham’iva pacesati.”

*“Hữu học thông địa đại,
Diêm nhân thiên giới này.
Hiếu Pháp Cú khéo giải,
Như thợ tuyển hoa hay.”*

Hai bài kệ Pháp Cú này, Đức Bốn Sư thuyết ra khi Ngài an ngự gần thành Sāvattthī (Xá Vệ) đề cập đến năm trăm vị Tỳ khưu đang đàm luận về địa đại. Tương truyền rằng: Một buổi chiều, sau khi Đức Thế Tôn vân du nhiều quốc độ. Trở về Jetavana, chư Tăng cùng vào ngồi trong giảng đường đàm luận về địa hình, địa chất, nhắc lại địa phương mình đã lần lượt trải qua “từ làng nọ đến làng kia, đường xa bằng phẳng hay gập ghềnh, lầy lội hay có nhiều sỏi đá, đất màu đen hay màu nâu.”.

Đức Bốn Sư ngự vào, phán hỏi: “Nầy các Tỳ khưu, hôm nay các ông đang ngồi thảo luận việc chi đây?”.

Chư Tăng đáp: “Bạch Ngài, chúng con đang bàn luận về địa đại, nhắc lại những địa phương chúng con đã trải qua.”.

Đức Bốn Sư phán dạy: “Nầy các Tỳ khưu, các nơi ấy, thuộc về ngoại cảnh địa đại (bāhirappaṭhavi) mà các ông cần nên chỉnh trang hoàn bị.”.

Nói rồi, Đức Bốn Sư đọc hai bài kệ sau đây:

“Ko imaṃ paṭhaviṃ vijessati,
Yamalokañca imaṃ sadevakam;
Ko dhammapadam sudesitam,
Kusalo puppham’iva pacesati.”

*“Ai người thông suốt địa hình,
Diêm ma, nhân giới, thiên đình cũng thông.
Ai như thợ khéo tuyển bông,
Pháp Cú khéo giảng, hiểu thông thực hành.*

“Sekho paṭhaviṃ vijessati,
Yamalokañca imaṃ sadevakam;
Sekho dhammapadam sudesitam,

Kusalo puppham'iva paccessati.”

“Hữu học thông suốt địa hình,
Diêm ma, nhân giới, thiên đình cũng thông.
Hữu học, thợ khéo tuyển bông,
Pháp Cú khéo giảng, hiểu thông thực hành.”



CHÚ GIẢI:

Trong bài kệ Phạn ngữ *Imaṃ paṭhavim* nghĩa là địa đại này ám chỉ xác thân tứ đại của con người gồm có Danh và Sắc.

Ko vijessati: Ai sẽ thấu triệt, hiểu rành, tự do mình giác ngộ mà biết được rõ ráo, làm cho thấu rõ chân lý.

Yamalokaṇca: Diêm ma giới, chỉ bốn khổ cảnh địa ngục, ngã quỷ, súc sanh, a tu la.

Imaṃ sadevakam: Nhân, thiên giới, chỉ cho cõi người và sáu cõi trời Dục giới là Tứ Đại Thiên, Đạo Lợi, Dạ Ma, Đâu Suất, Hóa Lạc và Tha Hóa Tự Tại.

Hai câu kệ đầu nhập lại thành một câu hỏi.

Ko dhammapadam sudesitam: Ai hiểu Pháp Cú khéo giải. Những bài kệ Pháp Cú do chính Đức Bốn Sư đã khéo thuyết giảng chính xác, đúng chân lý, gọi là ba mươi bảy nhân phát sanh quả Bồ đề, ví như những đóa hoa tươi tốt của người thợ khéo làm tràng hoa để tuyển chọn. Ai mà nhận chân được giá trị của chúng, sẽ thu thập, nghiền ngẫm, hiểu cho rõ ráo, làm cho thấu rõ.

Hai câu kệ sau nhập lại cũng thành một câu hỏi.

Sekho (Hữu học): Là bậc đã chứng đắc Thánh quả, nhưng còn đang học tập Tam học là Giới, Định, Tuệ, đầu tiên là Sơ đạo, hay Dự Lưu đạo, hoặc Nhập Lưu đạo. Hành

giả chứng đạt bậc này, chỉ còn sanh lại nhiều nhất là bảy lần, trước khi đắc A La Hán đạo. Trong khoảng thời gian xuôi ngược dòng Thánh vực, bậc hữu học luôn luôn trau dồi Giới, Định, Tuệ, xa lìa tam độc, nhất là tham dục, tự mình thắng phục mình, nhận thức chân xác và làm sao cho thấu rõ bản chất tự ngã, không còn mê đắm nữa. Bậc Hữu học như thế, nhất định sẽ chứng nhập Níp Bàn chậm nhất là sau bảy kiếp.

Như người thợ làm tràng hoa, vào vườn hoa chỉ lựa ròng những bông hoa tươi đẹp rực rỡ, loại bỏ những nụ còn non, những cánh hoa héo úa u nần, bị sâu ăn lung lỗ. Bậc Hữu học cũng khéo nhận thức trong kinh Pháp Cú do Đức Bốn Sư đã thuyết giảng, những pháp vi tế thâm sâu là ba mươi bảy pháp trợ đạo Bồ đề mà thu thập, lãnh hội, thấu triệt và làm cho thấu rõ.



Đức Bốn Sư nêu ra hai câu hỏi và chính Ngài đã tự giải đáp như trên.

Đến cuối bài kệ năm trăm vị Tỳ khưu đều đắc A La Hán quả với Tuệ phân tích. Đồ chúng thính pháp cũng hưởng được sự lợi ích.



Dịch Giả Căn Đề

*Trên bước quan hà khắp đó đây,
Năm trăm Đại đức gặng theo thầy.
Đôi phen lần lướt đường cao sỏi,
Lắm lúc xông pha lộ thấp lầy.
Mặt đất Tỷ khưu xem đã rõ,
Dòng tâm sanh diệt quán chưa hay.
Kỏi quang phản chiếu trề tam độc,
Pháp Cú tri hành, chứng Quả ngay.*

DỨT TÍCH NĂM TRĂM VỊ TỶ KHƯU ĐÀM LUẬN VỀ ĐẠI ĐỊA



44. Who will comprehend this well-taught Dhamma as a garland-maker selects his flowers?

**44. Ai sẽ thấu hiểu Pháp cú khéo giảng này
Như người làm vòng hoa tuyển chọn hoa?**



45. Like a garland-maker, a Learner on the Path will comprehend this well-taught Dhamma.

45. Giống như Người làm vòng hoa, vị Hữu học trong Chánh Đạo sẽ thấu hiểu Pháp cú khéo Giảng này

IV. 2- Tích TỶ KHƯU QUÁN BÀO ẢNH (*Marīcikammaṭṭhānikattheravatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 46)

“Pheṇūpamaṃ kāyamimaṃ viditvā,
Marīcidhammaṃ abhisambudhāno;
Chetvāna mārassa papupphakāni,
Adassanaṃ maccurājassa gacche.”

*“Biết thân như bọt trứng,
Giác thân như huyễn tượng.
Phá vòng hoa Ma quân,
Qua khỏi mắt tử thân.”*

Kệ Pháp Cú này, Đức Bốn Sư đã thuyết ra khi Ngài an ngự gần thành Sāvattī (Xá Vệ) đề cập đến một vị Tỷ khưu quán bào ảnh.

Tương truyền rằng: Tỷ khưu này sau khi thụ huấn đề mục thiền quán nơi Đức Bốn Sư, bèn đi vào trong một khu rừng nọ, lập tâm: “Ta sẽ hành Sa môn pháp.”. Sau một thời gian tinh tấn công phu, không chứng đắc A La Hán, vị Sa môn nghĩ rằng:

- Chắc ta còn thiếu sót, để về xin thầy bổ khuyết.

Đi dọc đường, vị ấy trông thấy ảo ảnh phát sanh lên, bèn tư niệm rằng: “Cũng như ảo ảnh phát hiện trong mùa hè, đứng ở xa trông như là có thật, nhưng đến gần thì chẳng còn hình bóng chi cả. Cái thân ngũ uẩn này, nó cũng sanh diệt hư ảo như thế thôi.”.

Vị Sa môn vừa đi vừa chú tâm quán xét đề mục ảo ảnh, đến khi đường xa mệt mỏi, vị ấy xuống sông Aciravati (Bất Cừu) để tắm, tắm xong lên ngồi nghỉ trên bờ, vị ấy nhìn xuống dòng nước đang chảy xiết. Trên mặt nước cuộn nhiều bọt nước nổi lên rồi tan biến. Vị ấy nghĩ rằng:

- Cái thân ngũ uẩn này nó cũng nổi lên rồi tan biến như bọt nước mà thôi.

Và vị ấy lấy đề tài này làm đề mục tham thiền.

Khi ấy, Đức Bốn Sư đang đứng trong hương thất, Ngài trông thấy vị Tỳ khưu đang ngồi trên bờ sông quán niệm bào ảnh, bèn phán rằng:

- Này Tỳ khưu! Tự ngã này cũng giống như bọt nước, bào ảnh, nó có tính hằng sanh khởi và hoại diệt như thế mãi.

Nói rồi Đức Bốn Sư thuyết lên kệ ngôn:

“Pheṇūpamaṃ kāyamimaṃ veditvā,
Marīcidhammaṃ abhisambudhāno;
Chetvāna mārassa papupphakāni,
Adassanaṃ maccurājassa gacche.”

“*Biết thân bọt nước đâu gành,
Giác thân huyễn hóa diệt sanh sự thường.
Phá vòng hoa dục Ma vương,
Qua mắt thần chết lên đường thoát thân.*”



CHÚ GIẢI:

Trong bài kệ Phạn ngữ này, *Pheṇūpamaṃ* nghĩa là ví như bọt nước. Cái nhóm ba mươi hai thể giả hiệp, gọi là

xác thân này đây, nó yếu đuối, mong manh, không trường tồn vĩnh viễn, thoát sanh diệt từng sát na một, xét ra không khác chi là bọt nước đâu gành.

Marīcidhammaṃ: Nghĩa là ảo ảnh, phát sanh lên do các chất nóng bốc hơi, mặt trời hè đứng ở xa trông thấy giống như cảnh thật ai cũng phải lầm, nhưng khi đến gần thì thấy trống trơn, chẳng có chi hết. Cái giả thân này nó giống như cái huyễn, tạm bợ, thay đổi từng sát na, xem gần thì nó giống như ảo ảnh vậy.

Abhisambudhāno: Nghĩa là giác ngộ, thông suốt, hiểu rõ.

Mārassa papupphakāni: Là hãy thoát đi, vượt qua khỏi tầm thấy biết, tức là quyền hạn của tử thần, hãy đạt đến vô sanh bất tử là Đại Níp Bàn.



Khi bài kệ chấm dứt, Đại đức chúng A La Hán quả với Tuệ phân tích, bèn thốt lời tán dương ca tụng Kim thân của Đức Bốn Sư. Đoạn đánh lễ Ngài rồi lui gót.



Dịch Giả Căn Đề

*Dòng nước trôi xuôi, bọt nổi phình,
 Này thân huyễn hóa kiếp phù sinh...
 Trăm năm nhớ lại như tàn mộng,
 Một sớm rời đi đã biệt hình.
 Tội ác gây nhiều vì ái dục,
 Phước lành tạo ít bởi vô minh.
 Phải như Đại đức vô rừng vắng,
 Gặp Phật tham thiền đắc Quả minh*

DỨT TÍCH TỶ KHUƯ QUÁN BẢO ANH



46. Viewing this body as foam and a mirage,
 One avoids the shafts of death and goes beyond him.

**46. Thấy thân này như bọt nước và ảo ảnh,
 Ta tránh khỏi mũi tên của Thần chết và vượt qua
 tầm nhìn của Ma.**

IV. 3- Tích VIĐŪḌABHA (LƯU LY VƯƠNG) (Viḍḍabhavatthu)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 47)

“Pupphāni h'eva pacinantam, *“Kẻ đang mãi hái hoa,*
Byāsattamanasam naram; *Tâm còn vọng tưởng xa.*
Suttam gāmaṃ mahogho'va, *Bị Từ thần bắt mất,*
Maccu ādāya gacchati.” *Như làng ngụ bị lượ.”*

Kệ Pháp Cú này, Đức Bốn Sư đã thuyết ra khi Ngài an ngự tại Jetavana (Kỳ Viên), đề cập đến vua Viḍḍabha (Lưu Ly Vương) và đoàn tùy giá viễn chinh, đã chết trôi vì nạn lụt.

Thuở ấy ở ba nước láng giềng có ba vị Đông cung Thái tử đồng trang lứa với nhau: Thái tử Pasenadi (Ba Tư Nặc) con vua xứ Kosala (Kiều Tát La), Thái tử Mahāli con dòng Licchavī xứ Vesālī và Thái tử Bandhula con vua Malla xứ Kusinārā.

Ba Thái tử cùng đi du học văn võ với một vị danh sư lừng danh ở thành Takkasilā. Ba vị Thái tử gặp gỡ nhau trong một quán trọ ngoại thành. Sau khi hỏi thăm nhau, biết rõ mục đích cuộc hành trình cùng danh tánh tông tích của nhau, họ bèn kết nghĩa đệ huynh, và đồng đến xin nhập môn một lượt. Không bao lâu cả ba vị Thái tử đồng song này văn ôn võ luyện đã đến mức tinh thông thuần thực. Đồng cùng nhau bái tạ Sư trưởng ra đi, ai về xứ nấy.

Trong ba vị, Thái tử Pasenadi được phụ vương đẹp dạ, truyền ngôi cửu ngũ, sau khi thấy Thái tử biểu diễn tài nghệ cho Ngài duyệt lãm.

Thái tử Mahāli thuộc dòng Licchavī, trong lúc biểu diễn vì dụng lực thái quá, nên hai mắt bị nổ. Các vua Licchavī đồng thanh bảo rằng:

- Ôi! Thật chẳng may cho sư phó của chúng ta, Ngài đã bị mù cả đôi mắt, không lẽ chúng ta bỏ rơi Ngài, chúng ta phải có bốn phận chăm lo phụng dưỡng Ngài mãi đời mới trọn đạo thầy trò.

Các vua đồng ý tặng cho Thái tử chức Huynh môn quan, quyền trấn một cửa cổng thành, trị giá một trăm ngàn đồng.

Nhậm chức rồi, Thái tử liền nhận năm trăm Thái tử dòng Licchavī đến xin thọ giáo để học tập văn võ.

Thái tử Bandhula về nước Kusinārā để biểu diễn nghệ thuật. Các hoàng tộc dòng Malla đích thân bó tre thành từng bó, mỗi bó là sáu mươi cây, ở giữa mỗi bó lại đệm một giáo sắt, đoạn treo nó giữa hư không, hồng mặt đất và thách Thái tử chém cho đứt rơi xuống.

Thái tử bái Tổ xong rồi, cất mình phóng lên hư không cao tám mươi hắc tay. Chân vừa rơi chấm đất, Thái tử hơi gươm chém tới lia lịa, đến bó tre cuối cùng, Thái tử chợt nghe tiếng giáo sắt bị khua chạm lên, bèn hỏi: “Cái gì thế?”.

Khi biết được trong sáu mươi bó tre có đệm giáo sắt, Thái tử ném gươm khóc rằng: “Trong tất cả thân bằng quyến thuộc của ta nơi đây, không một ai thương yêu ta nói cho ta biết trước việc này. Nếu ta biết trước thì ta sẽ chém đứt cả sáu mươi bó tre mà không cho phát lên tiếng khua chạm giáo sắt.”.

Thái tử day lại thưa với phụ hoàng cùng mẫu hậu rằng:

- Tâu phụ vương và mẫu hậu! Xin hãy tru lục bọn này rồi trị quốc mới yên.

- Này vương nhi! Chiếu theo luật vua phép nước, không thể làm việc ấy được (vì quyền trị quốc chỉ có thể truyền từ lưu tôn mà thôi.).

Sau khi nài nỉ song thân nhiều phen không kết quả, Thái tử bèn yêu cầu: “Thế thì phụ hoàng và mẫu hậu cho con sang xứ của bạn con.”. Được mẹ cha chuẩn tấu, Thái tử lên đường đến kinh thành Sāvattihī.

Quốc vương Pasenadi nghe tin Thái tử Bandhula ly hương sang nước mình, liền ngự giá ra đến rước bạn ở ngoài thành, rất trọng thể. Về triều giao cho bạn giữ chức Đại Nguyên soái, thống lãnh quân đội hoàng gia. Khi nhận chức rồi, Thái tử phái người thân tín trở về Kusinārā rước cả phụ vương và mẫu hậu về cùng ở chung với mình nơi thành Sāvattihī.

Một hôm, Quốc vương Pasenadi nhìn xuống đường phố khi Ngài đứng trên lầu ngự của mình thấy chư Tỳ khưu lũ lượt vào thành thọ bát nơi nhà các đại thí chủ như ông Anāthapiṇḍika, Cullānāthapiṇḍika, bà Visākhā, nàng Suppavāsā... Quốc vương phán hỏi thị thần:

- Chư Đại đức đi đâu vậy?

- Tâu Bệ hạ! Mỗi ngày có độ hai ngàn vị Tỳ khưu đến nhà ông Anāthapiṇḍika để dự lễ Trai Tăng hoặc thọ thực do thí chủ dâng cúng hợp pháp đến chư Tăng, rút thăm hoặc là chư Tỳ khưu bịnh chẳng hạn. Nơi nhà của Trưởng giả Cullānāthapiṇḍika có khoảng năm trăm vị đến thọ thực thường xuyên, nơi nhà của bà Visākhā và bà Suppavāsā cũng như thế.

Nghe xong, đức vua phát tâm muốn làm người hộ Tăng, bèn ngự giá đến Tinh xá Jetavana cung thỉnh Đức

Bốn Sư với một ngàn vị Tỳ khưu vào hoàng cung thọ thực.

Quốc vương đích thân đứng ra trông coi việc đặt bát cúng dường trọn cả bảy ngày liền.

Đến ngày thứ bảy, đức vua đánh lễ Đức Bốn Sư và yêu cầu:

- Bạch Ngài! Quả nhân xin thỉnh Ngài cùng năm trăm vị Tỳ khưu thường xuyên thọ thực nơi Hoàng cung.

- Tâu đại vương! Chư Phật không bao giờ thọ thực thường xuyên một nơi, vì còn nhiều chúng sanh chờ đợi các Ngài ngự đến.

- Nếu vậy xin Ngài phái một vị Tỳ khưu nào đó có thể đến hằng ngày.

Đức Thế Tôn giao phận sự này cho Đại đức Ānanda. Trong bảy ngày đầu, khi chư Tăng đến Quốc vương đích thân ngự ra rước bát, đứng trông nom chỉ bảo cho nội thần quyền thuộc hộ độ các Ngài rất chu đáo.

Đến ngày thứ tám, Quốc vương vì long thể bất an, nên xao lảng phận sự hộ độ chư Tăng, chư Tăng vào hoàng cung, không ai soạn sẵn chỗ ngồi, thỉnh các Ngài an tọa và dâng cúng thực phẩm đến tay các Ngài. Chư Tăng bàn với nhau rằng:

- Trong hoàng cung vì thừa hành lệnh của đức vua, nên không ai dám tự chuyên, đứng ra mời chư Tăng ngồi và phục dịch cả.

Vắng mặt Quốc vương, chắc chúng ta không thể nào đến đây lâu được.

Thế là nhiều vị bỏ ra đi.

Qua những ngày sau, Quốc vương cũng vẫn chênh mảng như thế, nhiều vị Tỳ khưu khác lại bỏ ra đi.

Qua những ngày sau đó, tình trạng cũng chẳng lấy làm khả quan hơn, thế là tất cả năm trăm Tỷ khuru đều lần lượt ra đi cả. Chỉ còn lại một mình Đại đức Ānanda (những bậc đại phúc đức bao giờ cũng đầy đủ uy tín, giữ đức tin trong sạch của hàng tại gia cư sĩ. Đệ tử của Đức Như Lai trong hàng xuất gia có Đại đức Sārīputta, Đại đức Moggallāna là hai Thượng Thỉnh Văn, Tỷ khuru Ni Khemā (An Bình), Tỷ khuru Ni Uppalavaṇṇā là hai nữ Thượng Thỉnh Văn, trong hàng tại gia cư sĩ thì có Trưởng giả Citta, Dạ xoa Ālavaka là hai Thượng Thỉnh Văn thiện nam, về tín nữ thì có nàng Velukaṇṭakī Nandamātā và nàng Khujjuttarā là hai nữ Thượng Thỉnh Văn tín nữ. Tám vị này đáng được liệt kê ở hàng đầu trong tứ chúng. Ngoài ra tất cả các vị Thỉnh Văn ở các quốc độ, hễ đã hoàn thành thập độ rồi cũng đều là những bậc Đại phúc đức viên mãn hạnh nguyện hết. Đại đức Ānanda cũng vậy, Ngài đã trải qua một trăm ngàn đại kiếp, hoàn thành đủ pháp độ Ba la mật (Pāramī), hạnh nguyện đã viên mãn, Ngài có đầy đủ uy tín, giữ vững đức tin của hàng tại gia cư sĩ, một mình Ngài được hoàng tộc thỉnh mời ngồi và dâng cúng đàng hoàng tử tế. Sau khi chư Tăng ra về, Quốc vương ngự vào trai đường, trông thấy thực phẩm loại cứng loại mềm còn nguyên trên bàn, bèn phán hỏi nội thị rằng:

- Chư Đại đức không đến thọ bát hay sao?
- Tâu bệ hạ chỉ có một mình Đại đức Ānanda đến mà thôi.

Quốc vương nghe tâu, buồn giận chư Tỷ khuru, nghĩ rằng:

- Các Ngài đã cắt đứt con đường thiện duyên của trăm rồi.

Quốc vương ngự đến bái kiến Đức Bốn Sư và bạch rằng:

- Bạch Ngài quả nhân đã chuẩn bị cả năm trăm cỗ phần để sốt bát cúng dường chư Tăng, mà nghe rằng: Chỉ có một mình Đại đức Ānanda đến thọ thực... Sốt thực phẩm dọn ra mà còn y nguyên. Năm trăm vị Tỷ khuru không thấy vào hoàng cung, không biết vì lý do nào?

Đức Bốn Sư không quở trách chư Tỷ khuru, Ngài chỉ vỗ về đức vua Pasenadi rằng:

- Tâu đại vương! Chắc là chư Thỉnh Văn của Như Lai không có tình thân mật với đại vương, cho nên không đi vào cung nội.

Kế đó, Đức Bốn Sư kêu gọi chư Tăng vào và giảng dạy những trường hợp nào chư Tăng không đến thọ thực nơi nhà thí chủ và những trường hợp nào nên đến. Đoạn Ngài kết thúc bằng bài kinh này:

“Navahi bhikkhave aṅgehi samannāgataṃ kulaṃ anupagantvā ca nālaṃ upagantaṃ upagantvā ca nālaṃ upanissiditaṃ. Katamehi navahi? Na manāpena paccutthenti, na manāpena abhivādenti, manāpena asanaṃ denti, santamassa pariguyhanti, bahukamhi thokaṃ denti, paṇitaṃhi lūkaṃ denti, asakkaccaṃ denti, no sakkaccaṃ, na upanissidanti dhammassavanāya, bhāsantassa na raṇṇiyanti. Imehi kho bhikkhave navahi aṅgehi samannāgataṃ kulaṃ anupagantvā ca nālaṃ upagantaṃ upagantvā ca nālaṃ upanissiditaṃ.” Navahi bhikkhave aṅgehi samannāgataṃ kulaṃ anupagantvā ca alaṃ upangantaṃ upagantvā vā alaṃ upanissiditaṃ.”

“Này các Tỷ khuru, có chín điều mà gia tộc nào hội đủ thì Tăng không nên đến đó nếu chưa đến. Hoặc không nên ngồi nếu đã đến đó. Thế nào là chín?”

1. Họ không hoan hỷ đứng dậy tiếp rước.
2. Họ không hoan hỷ đánh lễ.

3. Họ không hoan hỷ mời ngồi.
4. Có vật dụng mà họ giấu.
5. Có nhiều mà họ dăng ít.
6. Có đồ ngon mà họ dăng đồ dở.
7. Họ dăng bằng cách không cung kính.
8. Họ không giữ lễ, không ngồi gần.
9. Họ không thỏa thích trong khi nghe nói pháp giảng đạo.

Này các Tỳ khưu, chín điều này gia tộc nào hội đủ thì Tăng không nên đến đó nếu chưa đến, hoặc không nên ngồi nếu đã đến rồi.

Này các Tỳ khưu, có chín điều mà gia tộc nào hội đủ thì chư Tăng nên đến đó nếu chưa đến, hoặc nên ngồi nơi đó nếu đã đến rồi. Thế nào là chín?

1. Họ hoan hỷ mời ngồi.
2. Họ hoan hỷ đứng dậy tiếp rước.
3. Họ hoan hỷ đánh lễ.
4. Có vật dụng họ không giấu.
5. Có nhiều mà họ dăng nhiều.
6. Có đồ ngon mà họ dăng đồ ngon.
7. Họ dăng bằng cách cung kính.
8. Họ giữ lễ phép, ngồi gần.
9. Họ thỏa thích nghe pháp, nói đạo.

Này các Tỳ khưu, chín điều này, gia tộc nào mà hội đủ thì Tăng nên đến đó nếu chưa đến, hoặc nên ngồi nếu đã đến rồi.”

Dứt bài kinh, Đức Thế Tôn lại tiếp chuyện với nhà vua:

- Tâu đại vương! Chắc là các Thinh Văn của Như Lai không tìm được thân mật nơi đại vương, cho nên mới không đi vào ngự như vậy. Quả thật, bậc hiền trí ngày xưa, cho đâu được hộ độ chu đáo, nhưng ở chỗ thiếu tình thân mật cũng đã thọ khổ gần chết được, đến nỗi phải ra đi trở về nơi có tình thân mật.

- Bạch Ngài, vào thời nào vậy?

Đức Thế Tôn liền thuật lại tiền tích rằng:

Thuở xưa, dưới triều đại vua Brahmadatta, đóng đô tại thành Bārāṇasī. Có một Quốc vương là Kesava (Quyền Phát) đã từ bỏ ngai vàng điện ngọc, ra đi xuất gia làm đạo sĩ, năm trăm tùy tướng cũng xuất gia theo làm môn đệ của Kesava, người thợ cạo của đức vua cũng xuất gia làm thị giả của đạo sĩ, có tên là Kappaka (Lý Phát).

Đạo sĩ Kesava cùng với những môn sinh tu ở miền Tuyết Sơn (Himavanta) trong tám tháng nắng ráo. Đến mùa mưa, đạo nhân dắt đoàn đạo sĩ môn đệ ra đi đến thành Bārāṇasī, khát thực trong kinh thành.

Khi ấy, vua Brahmadatta trông thấy đạo sĩ Kesava thì phát tâm trong sạch. Thinh được đạo nhân nhận lời an cư bốn tháng trong hoàng thành, đức vua cho người sửa sang vườn ngự uyển để đạo nhân lưu trú. Mỗi ngày hai lượt, sáng và chiều đức vua ngự đến lo việc hộ độ các đạo nhân.

Ở được vài ba ngày, các đạo sĩ đệ tử điếc tai vì các tiếng voi, ngựa hí, chịu không nổi nên xin thầy cho mình rút lui. Đạo nhân hỏi:

- Chư hiền đồ sẽ đi về đâu?
- Bạch Sư phụ, chúng con về núi Tuyết Sơn.

- Này chư hiền đồ, ngày mới đến đây ta đã nhận lời của Quốc vương ở trú an cư nơi này bốn tháng, sao chư hiền đồ lại tính bỏ ra đi?

- Bạch Sư phụ, tại vì Sư phụ nhận lời mà không cho chúng con hay biết. Nơi đây, chúng con không thể ở lại đây, xin cho chúng con kiếm chỗ ở gần nơi đây, hầu có thể nghe ngóng tin tức của Sư phụ.

Nói rồi, cả đoàn đệ tử đánh lễ từ biệt Kesava đạo nhân. Chỉ còn lại mình đạo sĩ Kappaka là vị thị giả ở lại hầu thầy mà thôi.

Khi đến hộ độ các đạo nhân, Quốc vương hỏi:

- Chư đạo sĩ đi đâu hết rồi?

- Tâu đại vương, chư hiền đồ bất mãn nên đã xin trở về núi Tuyết Sơn cả rồi.

Không bao lâu, đạo sĩ Kappaka cũng không thể kham nhẫn, bèn tỏ thật với thầy: “Bạch Sư phụ, con cũng không thể cố gắng ở lại đây lâu hơn nữa được.”.

Sau khi xin phép nhiều lần, vị thị giả được đạo nhân Kesava bằng lòng cho đi về Tuyết Lãnh Sơn nhập chung với các bạn đồng tu, ở một nơi cách đó không bao xa để có thể nghe ngóng tin tức Sư phụ được dễ dàng.

Thời gian sau, đạo sĩ Kesava sanh chứng đau bụng vì nổi nhớ nhung các đệ tử thân yêu. Quốc vương khiến ngự y đến điều trị, nhưng bệnh tình không thuyên giảm chút nào cả.

Đạo nhân thấy đức vua ân cần săn sóc, bèn hỏi:

- Tâu đại vương! Có thật đại vương muốn tôi khỏi bệnh chăng?

- Bạch Ngài ! Nếu quả nhân có cách nào làm cho Ngài mau bình phục thì quả nhân sẽ thi hành ngay.

- Tâu đại vương ! Nếu đại vương muốn cho tôi mau lành bệnh được yên lành, thì đại vương cho người đưa tôi về với các môn sinh.

- Bạch Ngài, được lắm.

Quốc vương truyền lệnh cho nội thị đặt đạo nhân nằm trên một chiếc giường, rồi khiến bốn vị đại thần, có quan Nārada lãnh đạo, đưa đạo nhân đi với lời ủy thác: “Chư khanh đi đến nơi rồi hãy lưu lại, chờ xem bao giờ đạo trưởng bình phục sức khỏe thì báo cho trẫm biết.”.

Thị giả Kappaka nghe tin Sư phụ đã về, lật đặt ra đi tiếp đón. Đạo nhân hỏi: “Còn các hiền đồ khác ở đâu?”.

Đạo sĩ Kappala đáp: “Bạch Sư phụ, nghe nói các sư huynh sư đệ của con ở tại nơi đó.”.

Các đạo sĩ môn đệ hay tin thầy trở về, cũng đều qui tụ lại đông đủ, chung lo chăm sóc đạo nhân, như dâng nước nóng, các thứ trái cây rừng và thực phẩm khác.

Chỉ trong chốc lát, đạo nhân khỏi bệnh và vài ba ngày sau da dẻ đã sáng ánh như vàng ròng. Khi ấy đại thần Nārada hỏi đạo nhân:

“Manussindam jahitvāna,
Sabbakāmasamiddhinam;
Kathannu bhagavā kesi,
Kappassa ramasi assameti.”

*“Chốn thảo am đủ mùi dục lạc,
Sao Thế Tôn Quyền Phát bỏ đi.*

*Thảo am Lý Phát có chi,
Mà Ngài lưu luyến làm gì cho cam?”.*

“Sādūni ramaṇīyāni,
Santi rukkhā manoramā;
Subhāsītāni kappassa,
Nārada ramayanti manti.”

*“Nārada này, chốn thảo am,
Là nơi ta thích, không nhàm chán đâu.
Cỏ cây đẹp mát rừng sâu,
Có trè Lý Phát bạn bầu sớm hôm.”*

“Sālīnaṃ odanaṃ bhutvā,
Sucimaṃsūpasecanaṃ;
Kathaṃ sāmākanivārā,
Aloṇā sādāyanti tanti.”

*“Cơm Sà Li thơm ngon trộn thịt,
Ngài quen dùng thỏa thích sẵn sàng.
Sá chi kê lạt tôi tàn,
Mà Ngài lưu luyến buộc ràng nơi đây?”*

“Asādum yadi vā sādum,
Appaṃ vā yadi vā bahuṃ;
Vissatṭho yattha bhuñjeyya,
Vissāsaparamā rasāti.”

*“Dầu ngon dầu dở trôi trôi,
Dầu nhiều dầu ít, dạ này chẳng lo.
Chung vui bạn lữ thầy trò,
Ăn sao cũng được, miễn cho thâm tình.”*

Thuyết dứt tích Bốn Sanh này, Đức Bốn Sư dẫn giải rằng:

- Quốc vương thời ấy nay là Moggallāna, Nārada nay là Sārīputta, thị giả Kappaka nay là Ānanda và đạo sĩ Kesava chính là đấng Như Lai vậy.

Đức Bốn Sư nói tiếp: “Tâu đại vương, những bậc hiền trí thời xưa đã từng thọ khổ gần đến mạng chung, chỉ vì thiếu tình thân mật như thế đó. Các Thánh Văn của Như Lai, sở dĩ không vào hoàng cung cũng bởi vì không được thân mật với đại vương vậy.”

Quốc vương Pasenadi suy nghĩ: “Bây giờ quả nhân phải làm sao để cho Tăng chúng thân thiện với quả nhân đây? À quả nhân nên cầu hôn với hoàng tộc Thích Ca là quyến thuộc của Đức Chánh Biến Tri, được như vậy các Tỷ khưu và Sa di sẽ thấy quả nhân là quyến thuộc của Đấng Chánh Biến Tri, ắt hẳn sẽ thân thiện với quả nhân và sẽ lui tới trong đền ngự.”

Nghĩ vậy, Quốc vương phái sứ giả sang cầu hôn với dòng Thích Ca: “Khanh hãy đại diện cho trẫm, qua nạp sính lễ cầu hôn, xin cưới một Công chúa thuộc huyết thống Thích Ca rồi trở về đây phục lệnh.”

Sứ thần lãnh mạng ra đi cầu hôn với dòng họ Thích. Tại thành Kapilavatthu, tất cả những vị tai mắt, đại diện cho hoàng tộc Thích Ca, đều được các Quốc vương triệu thỉnh nhóm đại hội dòng tộc biểu, để tham khảo ý kiến. Ai cũng cho rằng: “Vua Pasenadi không phải là dòng môn đẳng hộ đối, dòng huyết thống ngang với chúng ta. Nhưng nếu chúng ta không nhận gả con cho y, thì y sẽ dấy động can qua, hưng binh đánh chiếm nước ta chẳng sai. Vậy ta nên làm gì bây giờ?”

Đức vua Mahānāma (Đại Danh) bèn đề nghị rằng:

- Đứa con gái, tức thế nữ của trăm, tên là Vāsabhakhattiya, có nhan sắc tuyệt đẹp, ta hãy đem gả cho vua ấy.

Giải pháp này được hoàng tộc Thích Ca chấp nhận. Đức vua bèn đáp lời cùng sứ giả: “Quả nhân vui lòng gả Công chúa cho Quốc vương.”.

Sứ giả tâu rằng: “Công chúa ấy là con vị vua nào?”.

- Công chúa là con gái của đức vua Mahānāma, là biểu đệ của Đức Chánh Biến Tri, mỹ hiệu là Vāsabhakhattiya.

Sứ thần về nước mang tin mừng này tâu lên vua Pasenadi. Đức vua phán: “Nếu vậy thì tốt lắm, Khanh hãy qua nghênh đón Công chúa về đây cho mau. Nhưng hãy nên cẩn thận đề phòng, dòng Sát Đế Ly Thích Ca thường man trá. Sợ e đem con gái của bọn phi tần đây. Khanh hãy nài cho được thấy Công chúa dùng cơm chung một mâm với phụ vương trong bữa ăn tiệc tiền hành cho chắc ý, rồi sẽ rước về.”

Các sứ thần mai dong tuân lệnh vua Pasenadi ra đi, gặp vua Mahānāma thì tâu rằng:

- Tâu bệ hạ! Quốc vương của tôi muốn cho Công chúa được ngồi dùng cơm chung với Ngài trong bữa tiệc tiền hành.

- Tốt lắm, này chư hiền sĩ.

Đoạn Quốc vương Mahānāma khiến Công chúa trang điểm hoàn bị, đến giờ ngự thiện thì dùng chung mâm với đức vua cho sứ thần trông thấy. Xong bữa, đức vua chuyển giao Công chúa cho sứ giả hộ giá vu qui.

Đưa dâu về đến thành Sāvattthī, các sứ giả tâu với Quốc vương các việc mình đã mục kích tận tường. Quốc

vương cả đẹp bèn phong cho Công chúa làm Chánh hậu, chương quản một nhóm năm trăm cung phi.

Không bao lâu sao, chánh hậu hạ sanh được một hoàng nam, màu da sáng chói như vàng ròng, đến ngày lễ đặt tên cho hoàng tử, Quốc vương phán quan nội giám đến thỉnh ý hoàng Thái hậu.

- Công chúa Vāsabhakhattiya dòng Thích Ca, là chánh cung hoàng hậu vừa mới hạ sanh hoàng tử, Tổ mẫu ưng đặt tên gì cho cháu nội?

Quan Thái giám lãnh lệnh của Quốc vương là người có tật lẳng tai, khi đến tư cung của hoàng Thái hậu, ông trình bày sứ mạng của ông xong, Thái hậu đáp rằng:

- Thái tử là con của hoàng hậu Vāsabhakhattiya, lúc chưa sanh cũng đã thu phục được lòng người rồi. Bây giờ đây chắc hẳn là được quốc vương sủng ái vô cùng vậy?

Viên nội giám lẳng tai, nghe lầm tiếng Vallabha (Đắc Sùng) thành ra tiếng Viḍḍabha (Lưu Ly), rồi in trí như thế, nên trở về tâu với Quốc vương:

- Tâu bệ hạ, xin bệ hạ đặt Thái tử tên là Viḍḍabha.

Quốc vương nghĩ thầm: “Chắc đây là một tên rất xưa trong hoàng tộc trăm.”. Nghe theo lời của viên nội giám lẳng tai, Quốc vương đặt tên cho Thái tử là Viḍḍabha.

Ngay từ khi thái tử còn ở tuổi thiếu niên, quốc vương muốn lấy lòng Đức Bốn Sư, đã phong thái tử làm chức Hàm đô thống đại nguyên soái.

Lúc mới bảy tuổi, thái tử Viḍḍabha trông thấy các vương tôn hoàng tử đồng tuổi được ngoại tổ gởi cho đồ chơi như hình voi, hình ngựa hoặc thứ này thứ nọ, thì hỏi mẹ:

- Mẫu hậu ơi! Sao mấy hoàng nam khác có ngoại tố gởi đồ chơi đủ thứ, còn con không có ai gởi tặng món chi hết vậy? Bộ con không có ngoại tố phụ mẫu hay sao?

Chánh hậu đáp rằng: “Nầy vương nhi con! Ngoại tố của con là dòng Thích Ca, ở cách đây xa lắm, cho nên không gởi quà tặng cho con được.”.

Đến khi được mười sáu tuổi, thái tử Viḍḍabha lại thừa với mẹ:

- Tâu mẫu hậu! Con muốn được về thăm dòng họ bên ngoại.

Chánh hậu gạt ngang, bảo rằng:

- Thôi vương nhi! Con về bên ấy mà làm gì?

Thái tử cứ theo mẹ mà van xin mãi. Sau cùng Chánh hậu phải chịu theo: “Vương nhi muốn đi thì con cứ đi.”.

Chánh hậu Vāsabhakhattiya khiến người mang thư đi trước thái tử về báo tin cho vua Mahānāma hay, nói rằng: “Con ở đây vẫn bình yên, xin hoàng tộc Thích Ca đừng lộ vẻ gì khác biệt với chồng con, đừng cho thái tử cùng quan hộ giá trông thấy.”.

Hoàng tộc Thích Ca hay tin thái tử Viḍḍabha sắp đến Kapilavatthu, thì thương nghị cùng nhau và quyết định rằng:

- Không thể để cho con cháu chúng ta đánh lễ, chào đón nó.

Thế là bao nhiêu hoàng tôn, thái tử nhỏ tuổi hơn thái tử Viḍḍabha đều được gởi về miền quê đổi gió. Các vị lớn tuổi ở lại tập trung nơi tòa khách thánh trong thành Kapilavatthu.

Thái tử Viḍḍabha được đưa vào thành, khi đứng

trước các vị ấy, họ tự giới thiệu rằng: “Nầy vương nhi, đây là ngoại tố của con. Đây là cừu phụ của con.”.

Thái tử đánh lễ ra mắt tất cả mọi người xong, không thấy có ai đánh lễ lại mình, thì hỏi rằng:

- Sao không ai đánh lễ con hết vậy?

Quyển thuộc Thích Ca trả lời rằng:

- Nầy vương nhi! Các thái tử hoàng tôn tuổi nhỏ hơn con mắc về quê cả rồi.

Và họ sắp đặt tiệc đãi đấng hoàng tử Viḍḍabha rất trọng hậu. Thái tử lưu lại Kapilavatthu vài ba hôm chơi, rồi tạ từ dòng họ Thích Ca lên đường về xứ.

Khi ấy, các cung nữ đến dọn dẹp quét tước ngôi khách thánh, lấy sữa tươi rửa cằm đôn, nơi mà hoàng tử Viḍḍabha đã ngồi, vừa rửa vừa mắng rằng: “Đây là chỗ ngồi của con trai cung nữ Vāsabhakhattiya.”. Bất ngờ thay, có một viên tùy tướng của thái tử bỏ quên khí giới, nên trở lại khách thánh lấy, y nghe được những lời này, bèn gạn hỏi rõ nguyên nhân, mới biết rằng: “Chánh hậu Vāsabhakhattiya tuy là con của đức vua Mahānāma dòng Thích Ca, nhưng mẹ nàng lại là một cung nữ.”.

Viên tùy tướng đem chuyện này thuật lại cho quân sĩ nghe. Thế là, trong sĩ tốt có tiếng xôn xao, đồn rằng: “Bà Vāsabhakhattiya là con gái của một cung nữ.”. Thái tử Viḍḍabha nghe rõ câu chuyện, chàng cảm tức dòng họ Thích Ca, thề rằng: “Mặc cho bọn nó giỏi lấy sữa tươi mà rửa chỗ ngồi của ta, khi nào lên làm vua ta sẽ lấy máu cổ họng chúng nó mà rửa lại chỗ ấy.”.

Khi thái tử về đến thành Sāvattihī, các quan tùy giá thuật lại sự tích ấy do cung nữ Kapilā (Vệ Kim Thành) đã thổ lộ, nguồn gốc của chánh hậu lên đức vua Pasenadi.

Quốc vương rất căm thù dòng họ Thích Ca, nghĩ rằng: “Bọn này đã mạo muội gả con gái cung nhân cho trẫm.”

Quốc vương hạ lệnh tước đoạt phẩm vị của Chánh cung hoàng hậu và Đông cung thái tử, biếm xuống làm cung nhân.

Cách mấy hôm sau, Đức Bốn Sư ngự vào hoàng cung, an ngự vào chỗ ngồi soạn sẵn, quốc vương bèn đánh lễ Ngài và bạch rằng: “Bạch Ngài, quả nhân xin cho Ngài hay biết các quyền thuộc của Ngài đã mạo hôn, gả con gái cung nữ cho quả nhân, vì vậy, cho nên quả nhân đã tước hết phẩm vị Chánh hậu và Đông cung thái tử, cho làm cung nhân, nô tỳ vì phận vị ấy hợp với họ.”

Đức Bốn Sư phán rằng: “Tâu đại vương, việc này rất oan uổng cho họ, Chánh hậu đã được dòng Thích Ca nhìn nhận ngang hàng mới đem gả cho đại vương. Như Lai xác nhận việc này. Đại vương, mẫu hệ không nghĩa lý gì, chỉ có phụ hệ là đáng kể mà thôi.

Như bậc hiền trí thuở xưa đã phong cho một thiếu nữ bần hàn đi mòt củi khô lên làm chánh hậu, thái tử do nàng ấy sanh ra về sau lãnh tụ, là vị chúa tể thống trị cả quốc độ Bārāṇasī rộng đến mười hai do tuần, có danh hiệu là Kaṭṭhavāhanarāja (Tiều Phu Vương).

Nhân dịp này, Đức Bốn Sư thuật tích Bốn Sanh Nữ tiều phu (Kaṭṭhahāriyajātaka).

Quốc vương Pasenadi nghe pháp rồi, công nhận chỉ có phụ hệ là đáng kể nên phát tâm hoan hỷ, bèn truyền lệnh ân xá chánh hậu và thái tử, cho phục hồi cựu vị.

Nói về đô thống tướng quân Bandhula kết hôn với Công chúa Mallikā (Mặt Ly), là con vua xứ Malla, đã lâu ngày không có con. Gia tộc Bandhula kết tội nàng là “vô hậu”, nên đuổi Công chúa trở về cố quốc. Công chúa định

đến bái biệt Đức Bốn Sư rồi sẽ lên đường. Vào Tinh xá Jetavana, Công chúa đánh lễ Đức Như Lai rồi đứng qua một bên. Đức Bốn Sư phán hỏi:

- Con đi đâu đây?
- Bạch Ngài, con trở về sanh quán.
- Tại sao vậy?
- Bạch Ngài, vì con hiếm muộn, chồng con kết tội vô hậu, nên đuổi về xứ.
- Nếu thế thì con khỏi cần đi về quê, con hãy trở lại nhà chồng.

Công chúa mừng rỡ, đánh lễ Đức Thế Tôn rồi trở gót về nhà Thống soái Bandhula, Bandhula hỏi nàng rằng:

- Tại sao nàng trở lại?
- Đức Thập Lực bảo thiếp trở lại.

Đại Tướng quân Bandhula bằng lòng cho vợ ở lại và nghĩ: “Chắc Đức Thập Lực tiên tri, thấy được vị lai. Thôi ta hãy ráng chờ xem.”

Quả thật, chẳng bao lâu Công chúa thọ thai, sanh chứng ốm nghén, thèm khát không chịu đựng được, bèn tỏ thật cùng chồng. Tướng quân Bandhula hỏi: “Nàng thèm món chi?”

- Thừa tướng quân, tại kinh đô Vesālī, trong ngự uyển của vương tộc Licchavī, có hồ sen mà họ dành dùng làm lễ tôn vương. Thiếp thèm tắm rửa và uống nước trong hồ ấy.

Tướng quân Bandhula nói: “Được.”. Đoạn Đại tướng lấy chiếc cung thần có sức mạnh gấp ngàn lần cung nỏ thường đeo lên vai. Gióng xe ra khỏi thành Sāvattthī, nhắm ngay thành Vesālī tiến tới và đột nhập vào thành Vesālī, do

cửa của Thái tử Mahāli trấn giữ. Tư dinh của Thái tử Mahāli gần cửa kinh thành, Mahāli nhủ thầm: “Đây là tiếng xe của Tướng quân Bandhula. Hôm nay chắc các vua dòng Licchavī phải kinh tâm tán đờm.”.

Các hồ cấm có hộ vệ quân trấn giữ, phòng thủ trong ngoài cẩn mật. Trên mặt hồ có lưới nhện mắt, bao phủ kín mít một con chim nhỏ chui qua cũng không lọt.

Thế mà, Đô thống tướng Bandhula xuống xe tuốt gươm đánh đuổi lực lượng phòng vệ thật mau lẹ, chém đứt lưới đồng bao phủ mặt hồ, dìu vợ xuống tắm dưới hồ. Khi Công chúa tắm xong và uống nước thỏa mãn rồi, Tướng quân cũng tự mình xuống tắm.

Xong rồi, Đại tướng lái xe vượt qua khỏi thành Vesālī lên đường trở về bốn quốc.

Quân lính giữ ao hồ báo tin cho các vua Licchavī, các vua nổi giận, thẳng năm trăm cỗ chiến xa, tức tốc dẫn binh xông ra khỏi thành, quyết theo bắt cho được Bandhula và Mallikā.

Các vua ghé vào dinh của Mahāli để cho biết ý định thì Thái tử can rằng: “Thôi chừ vương, đừng đuổi theo. Bandhula sẽ giết sạch chừ vương, không sót một mạng.”.

Các vua đồng thanh nói:

- Dầu sao chúng tôi cũng sẽ rượt theo hẩn.

Mahāli dặn rằng: “Nếu vậy, chừ vương nên lưu ý đề phòng. Hễ khi nào trông thấy bánh chiến xa của y lún xuống tới bùn thì nên thu quân trở lại. Nếu không, khi chừ vương tiến tới mà nghe tiếng nổ vang như sấm, lúc ấy nên lui binh, bằng không chừ vương sẽ thấy các đầu chiến xa của mình đứt đoạn nát tan. Đến đây, chừ vương không nên liều lĩnh tiến xa hơn nữa mà nguy đến tánh mạng.”.

Các vua Licchavī bất chấp lời khuyên ngăn của Thái tử Mahāli, đem hết toàn lực đuổi theo Bandhula Tướng quân. Công chúa Mallikā nhìn lại phía sau lưng, thấy bụi bay mù mịt, nàng nói với chồng: “Thưa phu tướng, hình như có nhiều chiến xa đuổi theo chúng ta.”.

- Nếu vậy, nàng hãy nhìn cho kỹ, chừng nào thấy chiếc xe đầu tiên rõ rệt thì hãy bảo ta.

Khi thấy tất cả đoàn xe hiện ra như một chiếc xe giữa đám bụi mù. Công chúa Mallikā bảo chồng:

- Thưa phu tướng, giờ thiếp thấy rõ như một cái đầu xe.

Tướng quân Bandhula trao dây cương ngựa qua cho vợ, dặn rằng: “Nếu vậy, nàng hãy cầm giữ dây cương này, lái xe cho đi thẳng đường, để một mình ta đối phó với họ.”.

Nói rồi Bandhula lấy thế đứng vững trên xe, lấp sấn tên vào chiếc cung thần.

Khi thấy chiếc chiến xa của tướng Bandhula bị lún bánh xuống tới bùn, các vua thấy vậy cũng chẳng lui bước. Tướng quân Bandhula cho xe mình đi một quãng đường ngắn rồi giơ tay búng dây cung thần, một tiếng nổ vang trời vang lên như tiếng sấm. Các vua Licchavī nghe vậy cũng chẳng nao núng mà còn đuổi theo rất gấp. Bandhula đứng trên xe bắn mũi tên, mũi tên ấy đâm lủng đầu năm trăm cỗ chiến xa địch, xuyên qua mình năm trăm vua Licchavī ngay chỗ dây ngọc đá, rồi cắm phập xuống đất; các vua Licchavī không hay rằng mình đã trúng tên địch, hăng hái xông tới hét lớn: “Tiểu tốt vô danh, có giỏi thì đứng đó đừng chạy.”.

Bandhula dừng xe lại, đợi các vua Licchavī đến gần mắng rằng: “Đồ chết bản, ta không thèm giao chiến với những xác chết đâu.”.

Các vua Licchavī bảo: “Người hãy xem cho kỹ, chúng ta không phải là những xác chết.”.

Bandhula nói: “Tất cả các người đồng chung số phận, các người hãy cởi mở ngọc đá của tên thủ lãnh ra xem.”.

Các vua Licchavī vừa mở dây ngọc đá của tên thủ lãnh thì vị này ngã xuống chết.

- Tất cả các người đều đồng chung số phận với tên đầu lãnh, mỗi người hãy trở về nhà sắp đặt việc hậu sự, từ giã vợ con quyến thuộc, rồi hãy cởi bỏ khôi giáp.

Bandhula đưa Công chúa Mallikā về thành Sāvattthī. Từ đó về sau, Công chúa sanh mười sáu lần sanh đôi con trai. Tất cả đều là những tay vũ dũng, có đờm lược anh hùng, đến tuổi trưởng thành đều am tường lược thao tam lược, mỗi chàng đều có ngàn sĩ tốt bộ hạ. Mỗi lần Bandhula tướng quân về triều yết kiến quốc vương, các công tử và bộ hạ đi theo vào đứng chật cả sân rồng trong đền ngự.

Một hôm, các quan tòa xử án, nhiều người vì bị xử hiếp trong một vụ kiện, trông thấy tướng quân Bandhula đi tới, la ó lên, phản đối các thẩm phán thiên vị và cậy nhờ tướng quân can thiệp. Bandhula tướng quân vào đến giữa tòa, minh xét lại bản án, làm cho rõ ngay gian và giúp cho người sở hữu chủ được thắng kiện. Quần chúng dự thính hoan hô vang dậy.

Quốc vương nghe tiếng reo hò phán hỏi thị thần: “Chuyện chi thế?”. Khi biết rõ nguyên do, Quốc vương rất hài lòng, giáng chức các quan tòa cũ và bổ nhậm Bandhula cầm đầu Tam pháp y. Từ ngày nhậm chức mới, Bandhula xử đoán rất công minh. Các vị tài phán bị cách chức, mất cả danh lợi đâm ra thù ghét Bandhula, nên kiếm chuyện đâm thọc với hoàng thân quốc thích, tuyên truyền rằng:

“Bandhula âm mưu tạo phản.”.

Quốc vương nghe các quyến thuộc tâu vào tâu ra mãi, cũng mắc kế của bọn gian thần, sanh tâm nghi ngờ người bạn cố tri, muốn tru lục cha con Bandhula để trừ hậu hoạn.

- Nếu trẫm ra lệnh hành quyết ngay tại nơi đây, ắt là mang tiếng người đời chê trách.

Quốc vương liền mật sai những tướng quân tâm phúc giả làm quân phiến loạn, đánh phá nơi biên thùy. Đoạn triệu tướng Bandhula vào triều phán rằng:

- Có tin biên thùy dậy loạn, trẫm phú cho hiền đệ và các hiền đệ đi tiêu trừ và bắt cho được bọn cướp thảo khấu ấy.

Tướng quân lãnh mạng ra đi, không ngờ Quốc vương ngầm sai những tướng tài khác đi kèm theo với mấy cha con, với lệnh truyền rằng: “Chém đầu Bandhula với ba mươi hai công tử, đem thủ cấp về đây.”.

Trong lúc đội binh mã rầm rộ kéo đi ra biên thùy. Bọn khấu tặc nghe tin Đô thống tướng Bandhula xuất chinh, bèn tan rã hàng ngũ, bỏ chạy trước. Tướng quân vào thành lập lại trật tự vô an bá tánh, xong rồi kéo đại binh trở về gần tới kinh đô, các tướng sĩ lãnh lệnh vua thi hành bản án tử hình. Bắt hết cha con tướng quân Bandhula xử trảm một lượt.

Hôm ấy, nhằm ngày Công chúa Mallikā cung thỉnh hai vị Thượng Thỉnh Văn và năm trăm Tỷ khưu đến soái phủ thọ thực. Vào buổi sáng hôm ấy, công chúa nhận được thư báo của gia nhân: “Chồng và các con đã bị xử trảm.”. Được biết hung tin công chúa vẫn lặng thinh, nhét phong thơ vào trong vạt áo, lo việc hộ độ chư Tăng, như không có việc gì quan hệ xảy ra, khi ấy bọn nữ tỷ của Công chúa, sau

khi dâng cơm đến chư Tỳ khưu, đang bung cái bình sanh tô (bơ tươi) đến trước hai vị Đại đức thì sút tay, buông rơi cái bình xuống nền bể nát.

Đức Sārīputta nói an ủi rằng:

- Của tạm bợ vô thường, lỡ bể thì thôi, chẳng nên ân hận.

Công chúa Mallikā liền lật vạt áo lên, lấy phong thơ đưa ra và nói: “Bạch Ngài, ba mươi hai đứa con trai và cha nó vừa bị xử trảm, khi được người nhà đưa thư báo tin này, đệ tử đọc rồi còn chẳng ân hận, huống chi là việc bể cái bình sanh tô mà đệ tử ân hận hay sao?”

Đức Tướng quân Chánh pháp liền thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Animittamanaññātaṃ,
Maccānaṃ idha jīvitaṃ;
Kasirañca parittañca,
Tañca dukkheṇa saṃyuttanti.”

*“Sanh tử không kỳ hạn,
Tuổi thọ khó tiên đoán.
Đời tôi tẻ nhỏ nhen,
Đầy khổ đau hoạn nạn.”*

Kế đó, Đại đức thuyết tiếp một thời pháp, rồi đứng lên rời Soái phủ, trở về Tinh xá.

Công chúa cho gọi hết ba mươi hai cô dâu đến phán dạy rằng:

- Chồng các con phải chết vì tay người khác, chẳng qua là trả quả của nghiệp tiền khiên, các con chớ nên buồn rầu khóc lóc, cũng đừng đem lòng oán hận đức vua.

Các thám tử của quốc vương nghe được những lời này, nên về tâu lên quốc vương việc các quả phụ không đem lòng oán hận Ngài. Nghe vậy, quốc vương sanh tâm kinh cảm, ngự đến tư dinh của công chúa Mallikā để xin chịu lỗi với công chúa và các nàng dâu góa bụa, xong rồi ban cho công chúa một ân huệ.

Công chúa tâu: “Thần thiếp xin nhận lãnh ân huệ của bệ hạ.”

Sau khi quốc vương ngự giá về cung, công chúa cử hành tang lễ, trai Tăng cầu siêu, đoạn tắm gội sạch sẽ vào triều yết kiến quốc vương:

- Tâu đại vương! Bệ hạ hứa ban ân huệ, nhưng thần thiếp không cầu mong việc chi khác, ngoài việc xin bệ hạ gia ân cho thần thiếp và ba mươi hai con dâu được trở về xứ sở quê hương.

Quốc vương chuẩn tấu. Công chúa sắp đặt cho ba mươi hai nàng dâu ai về nhà nấy, riêng mình cũng lên đường trở về quê quán trong thành Kusinārā.

Quốc vương ấn phong cháu trai của tướng quân Bandhula là Dīghakārāyana (Trường Lao) làm Đô thống đại Nguyên soái.

Nhưng Dīghakārāyana căm thù quốc vương đã xử trảm Bandhula nên hằng chờ cơ hội để trả thù cho cậu mình.

Lúc bấy giờ, Đức Bốn Sư đang ngự trong thị trấn Medālapa của dòng Thích Ca, quốc vương ngự giá đến đó, an dinh hạ trại cách chùa không bao xa, đoạn rời khỏi đại quân tùy giá vào chùa đánh lễ Đức Bốn Sư, trước khi vào hương thất một mình, quốc vương cởi hết những phù hiệu của nhà vua (mão, hia, kiếm, trượng và hốt), giao cho Dīghakārāyana gìn giữ (đoạn này trong kinh

Dhammacetiya sutta (Pháp Tháp) trong Trung Bộ Kinh có giải rõ từng chi tiết).

Thừa lúc quốc vương Pasenadi vào trong hương thất, Dīghakārāyana lấy hết phù hiệu vương vị, tôn Thái tử Viḍḍabha lên làm vua, kéo rốc toàn quân trở về thành Sāvattī, chỉ chừa lại cho quốc vương một con ngựa già và bà thế nữ hầu hạ vua mà thôi.

Sau khi đàm đạo thân ái với Đức Bốn Sư, quốc vương đánh lễ Ngài trở ra, không thấy binh lính, hỏi bà thế nữ mới tỏ rõ mọi sự. Quốc vương nghĩ thầm: “Quả nhân phải nhờ Vương sanh (cháu kêu Ngài bằng dưỡng, tức là vua Ajātasattu) tiếp viện mà bắt Viḍḍabha mới được.”.

Khi quốc vương Pasenadi đến thành Rājagaha thì đã quá giờ lưu thông, các cổng thành đều đóng kín. Quốc vương buộc lòng phải nghỉ đờ trong một ký túc xá. Cả ngày đi nắng lại bị trúng gió cảm sương, quốc vương thăng hà vào lúc nửa đêm. Thế nữ theo hầu đức vua khóc lóc thở than:

- Bệ hạ ơi! Bệ hạ là chúa của toàn dân xứ Kosala, mà sao phải chọn nằm cô quạnh lạnh lùng...

Khi đêm tàn, trời hừng sáng, nhiều người nghe tiếng nức nở của bà thế nữ, hỏi ra mới biết là đức vua Pasenadi thăng hà ở nơi quán trọ ngoài thành, bèn vào báo tin với quốc vương Ajātasattu, quốc vương bèn ra lệnh hỏa táng một cách trọng thể, y theo nghi lễ tổng chung của bậc đại vương.

Thái tử Viḍḍabha sau khi tức vị, nhớ lại mối hận ngày xưa, bèn chiêu tập binh mã, kéo hết đại binh ra khỏi thành Sāvattī, trong tâm tính rằng: “Trẫm sẽ tận sát dòng Thích Ca.”. Ngày ấy, lúc quán sát thế gian trong buổi sáng, Đức Bốn Sư thấy rằng dòng họ Thích Ca của Ngài sắp bị

tiêu diệt. Ngài tự nghĩ: “Như Lai phải đi về độ tông tộc mới được.”. Thế rồi, trong buổi sáng Ngài đi khất thực, độ xong bữa, Ngài trở về hương thất. Buổi trưa, Ngài nằm thiền, nghiêng mình về phía phải như con hùng sư, và buổi xế Ngài bay đến Kapilavatthu, an tọa dưới một gốc cây có bóng mát loang lổ, nơi giáp ranh hai nước.

Phía bên kia ranh thuộc lãnh thổ của Viḍḍabha có cây đa to, tàn nhánh rậm rạp có nhiều bóng mát.

Vừa trông thấy Đức Bốn Sư, vua Viḍḍabha vội đến gần Ngài đánh lễ và bạch rằng:

- Bạch Ngài ! Trong lúc nắng nôi thế này, sao Ngài lại ngồi chỉ dưới gốc cây có bóng râm loang lổ, xin thỉnh Ngài qua ngồi bên gốc cây đa to có nhiều bóng mát, ở đằng kia.

Đức Bốn Sư đáp rằng: “Tâu đại vương! Bóng râm của thân quyền bao giờ cũng mát mẻ.”.

Nghe vậy, đức vua Viḍḍabha nghĩ rằng: “Chắc Đức Bốn Sư ngồi đây để bảo vệ gia quyến của Ngài.”. Đức vua đánh lễ rồi cáo từ Đức Bốn Sư và thân binh trở về Sāvattī. Đức Bốn Sư cũng đứng dậy bay về Jetavana.

Quốc vương Viḍḍabha không thể quên được mối hận thù đối với dòng Thích Ca, xuất binh lần thứ hai đến chỗ giáp ranh hai nước, cũng gặp Đức Bốn Sư như lần trước, nên lại thu quân trở về. Đến lần thứ ba đức vua lại xuất binh, lại gặp Đức Bốn Sư nơi đó và lại thu quân trở về một lần nữa.

Đến lần xuất binh thứ tư của vua Viḍḍabha, Đức Bốn Sư không can thiệp để cứu quyến thuộc của Ngài nữa. Vì Ngài quán thấy ác nghiệp của họ ở tiền kiếp, đã bỏ thuốc độc xuống dòng sông thuốc cá chết, nay quả tới thời trở quả rồi, không thể che chở cứu vãn được nữa.

Với quyết tâm: “Trẫm sẽ tận diệt dòng họ Thích Ca.”, Viḍḍabha đem đại đội hùng binh ra đi, không còn bị Đức Bốn Sư cản trở. Quyển thuộc của Đức Bốn Sư kiên trì giữ giới sát sanh, thà chịu chết chứ không dám xuống tay giết hại kẻ khác, nghe tin địch quân kéo đến, họ nghĩ ngay rằng: “Chúng ta là những tay thiện xạ bá phát bá trúng, nhưng ta không thể phá giới mà giết hại địch quân, ta chỉ nên bắn dọa cho họ sợ mà chạy thôi.”.

Thấy tên bắn như mưa, vua Viḍḍabha bảo các tùy tướng:

- Các khanh nghĩ sao? Có phải dòng Thích Ca giữ giới không sát sanh, thế mà bây giờ họ giết hại binh sĩ của trẫm.

Khi ấy, một tùy tướng tâu rằng:

- Tàu chúa thượng, vì sao chúa thượng lại lui quân?
- Dòng Thích Ca giết hại binh sĩ của trẫm.
- Ba quân tướng sĩ không có ai bị thương cả. Xin chúa thượng hãy cho kiểm lại quân sĩ xem.

Khi kiểm lại quân sĩ, không thấy thiệt mạng ai cả, vua Viḍḍabha lại truyền lệnh tấn công và dặn rằng:

- Này ba quân tướng sĩ! Các khanh hãy giết sạch những kẻ nào nhận là dòng Thích Ca, trừ những ai đứng gần ngoại tổ của trẫm là vua Mahānāma, thì các khanh hãy dùng tha mạng sống cho họ.

Quân binh của Viḍḍabha phá cửa thành Kapilavatthu tuôn vào như nước vỡ bờ, đi lục soát bắt dòng Thích Ca để tru lục. Có nhiều người không cam tâm chịu chết vô cớ, bèn cầm cỏ hoặc cầm lau sậy đứng chực sẵn. Hễ quân nghịch đến hỏi: “Người có phải là dòng họ Thích Ca không?” Thì nhóm cầm cỏ đáp: “Không phải

Thích Ca, cỏ.” (No sāko tiṇanti), còn nhóm cầm lau thì đáp: “Không phải Thích Ca, vì lô.” (No sāko naḷoti). Quân lính ngoại quốc nghe không rành, tưởng họ phủ nhận dòng Thích Ca, nên không hạ sát họ, các người này đâu có chết cũng không dám phạm giới nói dối, nên đã dùng mẹo khéo nói trớ như vậy mà được sống sót (tiếng Phạn Sāka là rau, đọc mượn tượng như Sākya là Năng Nhân Thích Ca), cả những người chạy theo đứng gần với vua Mahānāma cũng được tồn sanh. Do đó, về sau có danh từ Thảo Thích Ca (Tiṇasākiya) để chỉ những người cầm cỏ và danh từ Vi lô Thích Ca (Naḷasākiya) để chỉ nhóm người đứng cầm lau.

Ngoài ba nhóm kể trên, tất cả hoàng tộc Thích Ca đều là trẻ con còn bú cũng không toàn mạng. Vua Viḍḍabha ra lệnh cắt cổ họ đem dội máu lên cấm đôn mà mình đã ngồi khi trước.

Tông tộc Thích Ca đã bị vua Viḍḍabha tru lục như thế, vua Viḍḍabha ra lệnh bắt vua Mahānāma đem theo làm tù binh rồi mới rút lui trở về nước.

Đến giờ sáng vua Viḍḍabha đình bộ, xuống một nơi thung lũng nghỉ, cho quân hầu bưng cơm và khiến người đi thỉnh ông ngoại đến để cùng ngồi ăn chung một mâm.

Dòng Sát Đế Ly thà bỏ mạng chứ không bao giờ chịu ngồi ăn chung mâm với con trai của thế nữ, cho nên vua Mahānāma nhìn xuống một ao hồ và nói:

- Này vương diệt, mình trẫm lắm lem cát bụi, để trẫm đi tắm đã.

- Vâng, ngoại tổ hãy đi tắm đi.

Vua Mahānāma nghĩ thầm: “Nếu ta không ngồi ăn chung với thằng này, thì chắc chắn nó sẽ giết chết ta, thà là ta tự sát cho rồi.”.

Vua bèn xả búi tóc ra, cột thắt gút phía ngọn tóc, đoạn xô hai chân vào cái nôi, rồi nhảy ùm xuống nước. Do oai lực cao độ của vua Mahānāma, thủy cung của loài rồng phát hiện, Long vương tự hỏi: “Có chuyện gì thế?”. Khi quán thấy được nguyên nhân, Long vương liền rước vua Mahānāma để ngồi trên mang của mình rồi đưa về thủy cung. Vua Mahānāma lưu trú nơi đây trong mười hai năm trường.

Vua Viḍūḍabha ngồi chờ ngoại tổ đã lâu, bèn khiến quân lính túa đi tìm kiếm dưới nước trên bờ, đến tối cũng không thấy, thấp đuốc soi đường mà tìm cũng chẳng thấy được nhà vua mất tích. Sau cùng, vua Viḍūḍabha cho rằng vua Mahānāma đã trốn thoát, nên rút quân lên đường, đại binh đến sông Aciravatī vào lúc ban đêm, nên chia làm hai đội, đóng trại nghỉ tại bờ sông, một đội ngủ trên cồn cát dưới sông, một đội thì ngủ trên bờ cao. Những người ngủ tại cồn cát mà không tạo ác nghiệp thì bị kiến cắn thức dậy la lên: “Chỗ tôi nằm bị kiến cắn.”, thế là họ lên trên bờ cao mà nằm. Còn những người nằm ở trên bờ cao mà tạo ác nghiệp nặng cũng bị kiến cắn, họ thức dậy la rằng: “Chỗ tôi nằm có kiến.”, và họ lại đi xuống cồn cát mà nằm. Ngay lúc ấy, mây đen kéo mù mịt, mưa tuôn như thác đổ, nước sông dâng lên trong nháy mắt, ngập lụt cả bờ sông, cuốn vua Viḍūḍabha cùng đoàn quân ngủ trên cồn cát đưa luôn ra biển. Tất cả những người tạo ác trọng nghiệp đều làm mồi cho cá và rùa.

Đại chúng Tỳ khưu đề khởi lời nghị luận rằng:

- Dòng Thích Ca bị diệt vong quả thật là oan uổng, khi không bị bọn người khát máu, cho rằng dòng Thích Ca đáng bị tru戮, rồi gặt ai chém nấy. Như thế thật là phi lý bất công.

Đức Bốn Sư nghe được lời đàm thoại của chư Tỳ

khưu, bèn dạy rằng:

- Nầy chư Tỳ khưu ! Trong kiếp hiện tại, dòng Thích Ca bị diệt vong như thế là bất xứng, nhưng không có gì oan uổng vì họ chỉ gặt hái cái quả tương xứng với ác nghiệp mà họ đã tạo ra trong dĩ vãng mà thôi.

- Bạch Ngài ! Dòng họ Thích Ca đã tạo nghiệp gì trong dĩ vãng?

- Trong dĩ vãng, họ đã vây thành đoàn, xuống sông bỏ thuốc độc làm cho cá và rùa chết thật nhiều, do cộng nghiệp ấy mà dòng Thích Ca phải bị tiêu diệt như vậy.

Qua ngày sau, chư Tỳ khưu lại nhóm trong giảng đường và đề khởi pháp thoại như vậy:

- Vua Viḍūḍabha hạ sát cả dòng họ Thích Ca, trở về không đến được xứ. Vì nuôi tham vọng quá mức mà dặt dãn cả bao nhiêu người đi theo làm mồi cho cá và rùa ở dưới biển sâu.

Đức Bốn Sư ngự đến giảng đường, phán hỏi rằng:

- Nầy các Tỳ khưu ! Các ông đang hội thảo về việc chi vậy?

Chư Tăng đáp: “Bạch Ngài, chuyện như vậy...”.

- Nầy các Tỳ khưu ! Cũng như dòng nước lũ ngập lụt cả xóm làng đang mê ngủ, tử thần bắt những chúng sanh này trong lúc họ còn ô mê tham vọng chưa thỏa mãn, cắt đứt mạng căn của họ, nhận chìm họ xuống biển tứ ác đạo vậy.

Nói xong, Đức Bốn Sư thuyết kệ rằng:

“Pupphāni h'eva pacinantam,
Byāsattamanasam naram;
Suttam gāmaṃ mahogho'va,

Maccu ādāya gacchati.”

*“Kẻ mãi hái hoa ngũ trần,
Tâm còn mê vọng, tử thần bắt đi.
Như làng xóm ngủ li bì,
Nửa đêm bị nước cuốn đi thành linh.”*



CHÚ GIẢI:

Trong bài kệ Phạn Ngữ, câu *byāsattamanasam* nghĩa là: Tâm còn lưu luyến đến chỗ đã đến, hoặc đến chỗ chưa đến cũng như thợ làm tràng hoa, vào hoa viên để hái hoa, tuy còn đang hái ở đây mà tâm đã vọng tưởng đến chỗ khác, người ấy đưa tâm đi chu du khắp vườn hoa, dự định hái hết chỗ này sang qua chỗ kia, vừa đi vừa hái hoa, vừa để tâm lỏng bông như thế nào, thì cũng như thế ấy, người say mê, đắm nhiễm ngũ trần, khi chiếm hữu một bông hoa biết nói, có một nhan sắc ưa nhìn, hoặc có thanh, hương, vị, xúc vừa lòng đẹp ý rồi, cũng còn hướng tới mơ ước những bông hoa khác nữa, người ấy chưa hề biết đủ và còn thả tâm hồn đi lỏng bông theo các bông hồng xa lạ. Cũng đồng một nghĩa như trên, đối với người thế thì bông hoa ấy là bò, trâu, tôi tớ, trai gái, ruộng vườn, làng, xứ, quận chẳng hạn, còn đối với bậc xuất gia thì là cốc liêu, tịnh thất, y, bát chẳng hạn, đó là những bông hoa có tên là ngũ trần dục lạc mà người mãi mê tham nhặt hết chỗ này đến chỗ khác, là người tâm còn vọng tưởng ngũ trần vậy.

Suttam gāmam (làng ngủ say), không phải là đồ vật trong làng như nhà cửa, vách phen... ngủ mà gọi là làng ngủ say, đây là nói về những chúng sanh như người và súc vật đang ngủ yên giấc lúc ban đêm, làng ngủ bị tử thần là nước dâng lên ngập lụt cả hai ba do tuần cả chiều dài lẫn chiều sâu bị lôi cuốn đem đi.

Cũng như thế ấy, tử thần là dòng nước lũ, lôi cuốn tất cả chúng sanh trong làng không sót một ai, đâu là đàn ông hay đàn bà, bò, trâu, gà, vịt chi cũng bị đưa ra biển làm mồi cho cá và rùa, thì sự tử vong cũng vậy, nó bắt những kẻ đang mê vọng ngũ trần, cắt đứt mạng căn của mình, kẻ ấy bị nhận chìm xuống biển tứ ác đạo.



Khi thời pháp chấm dứt, nhiều vị Tỳ khưu chứng đắc Thánh quả, nhứt là Sơ quả. Đại chúng thính pháp cũng đều hưởng được sự lợi ích.



Dịch Giả Cầu Đề

*Vì chút tư thù khởi chiến tranh,
Liêu Ly Vương tạo nghiệp không lành.
Làn tên hữu ý dầu miễn tử,
Núi kiếm vô tình chẳng phóng sanh?
Máu đỏ loang hồng tòa khách sảnh,
Lòng son tô thắm đất Rừng Thành.
Diệt dòng giới vác vui chưa trọn,
Bụng cá vùi thây chẳng hổ danh.*

DỨT TÍCH VUA VIPŪDBHA





47. As a flood sweeps away a sleeping village,
Death carries away the heedlessly sensuous.

**47. Như lụt cuốn trôi ngôi làng đang ngủ,
Thần chết mang đi những kẻ đắm say Phóng dật.**

IV. 4- Tích NÀNG SƯ PHỤ (*Patipūjikāvatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 48)

“Pupphāni h’eva pacinantam, Byāsattamanasam naram; Atittam yeva kāmesu, Antako kurute vasam.”	“Kẻ đang mãi hái hoa, Tâm còn vọng tưởng xa. Tìm hưởng thú dục lạc, Tử thần nhất chẳng tha.”
--	---

Kệ Pháp Cú này Đức Bốn Sư thuyết ra khi Ngài an ngự gần thành Sāvattthī đề cập đến nàng Patipūjikā (Sư Phụ).

Chuyện này khởi đầu từ trên cung trời Dao Lợi.

Tương truyền rằng: Thuở ấy trên Tam thập tam thiên có vị Thiên tử (Devaputta) có hiệu là Mālābhārī (Hoa Quang), dắt theo hàng ngàn ngọc nữ ngự du trong vườn thượng uyển. Năm trăm thiên nữ trèo lên cây hái hoa ném xuống, năm trăm ở dưới nhặt hoa đi trang điểm cho Thiên tử. Trong số Thiên nữ leo cây, có một nàng đang ngồi trên nhánh cây vừa hết tuổi thọ, ngọc thể của nàng biến mất cũng như ngọn đèn vụt tắt. Tâm thức nàng thọ sanh vào một gia đình khá giả trong thành Sāvattthī.

Khi ra đời, nàng nhớ được tiền kiếp của mình, biết: “Mình trước là ái thiếp của Thiên tử Mālābhārī trên cung trời Dao Lợi.”. Nên vừa lớn khôn nàng đã bắt đầu dâng cúng hương hoa, lễ vật nguyện cầu được siêu sanh trở về đoàn tụ với lang quân.

Lúc mười sáu tuổi, nàng xuất giá, từ đó nàng sống năng làm phước cúng dường thực phẩm đến Tăng bằng những cách thông thường như để bát chư Tỳ khưu mà nàng rút thẻ bắt thăm được, Trai Tăng mỗi ngày Uposatha (ngày rằm và ngày ba mươi), hoặc hộ Tăng trong ba tháng hạ... và phát nguyện rằng: “Xin cho sự phước thí này hãy là món duyên lành, giúp cho con được tái sanh hội hiệp với chồng con.”.

Chư Tỳ khưu nghe nàng ước nguyện như thế, sáng chiều hướng tâm đến chồng, nên đã đặt cho nàng biệt hiệu là nàng Patipūjikā (Sự Phụ). Nàng luôn chăm nom ngôi tọa đường (Āsana sālā) cho người, lo việc dâng nước và sắp đặt chỗ ngồi, những thiếu nữ khác khi muốn cúng dường, Trai Tăng cũng thường nhờ cậy nàng cho mượn chỗ và phụ tiếp công nữa, hoặc đưa vật thực đến mượn nàng thay mặt để lo hộ độ chư Tăng nơi ngôi tọa đường, cứ mỗi bước đến ngôi tọa đường, hoặc đi về nhà, là nàng Patipūjikā có được năm mươi sáu thiện pháp đều đều như vậy.

Nàng thọ thai, được mười tháng thì sanh được đứa con trai, khi đứa con đâu lòng biết đi, nàng sanh thêm được một đứa kế, và cứ thế, nàng hạ sanh được bốn đứa con trai.

Thế rồi, một hôm sau khi bố thí, cúng dường, thỉnh pháp, thọ giới, đến cuối ngày không đau bệnh chi hết, nàng tự nhiên lìa bỏ cõi đời, siêu sanh về tái hội với chồng. Khi ấy, các Thiên nữ khác vẫn còn đang trang điểm cho Thiên tử Mālābhārī. Thiên tử thấy nàng thì hỏi:

- Từ sáng đến giờ không ai thấy nàng, vậy nàng đi đâu?
- Thưa chàng, thiếp đã mệnh chung.
- Nàng nói thật chứ?

- Vâng, quả đúng như thế, thưa chàng.
- Nàng sanh về đâu?
- Trong một gia đình khá giả nơi thành Sāvattthī.
- Nàng ở đó bao lâu?
- Ở trong bụng mẹ mười tháng thì ra đời, đến năm mười sáu tuổi thì xuất giá, sanh được bốn con trai rồi làm phước cúng dường và ước nguyện được trở về với chàng. Nên giờ đây mới được thọ sanh về đây đó chàng.

- Tuổi thọ nhân loại là bao nhiêu?
- Lối một trăm năm.
- Chỉ có bấy nhiêu ư?
- Vâng, thưa chàng.
- Sanh làm con người chỉ có bao nhiêu tuổi thọ thế, họ lại ăn ngủ buông lung, để mặc thời gian trôi qua hay là họ cúng dường làm phước vậy?
- Thưa chàng, chàng nói chi chuyện làm phước, người đời họ luôn luôn để xuôi, buông tuồng, y như là họ sống đến hết A tăng kỳ kiếp, không già không chết vậy.

Nghe đến đây, một mối kinh cảm phát sanh lên trong lòng Thiên tử Mālābhārī. Nghe nói: “Sanh làm người chỉ sống có một trăm tuổi thọ, thế mà họ vẫn sống buông lung ăn ngủ mãi, thì họ biết bao giờ mới thoát khổ.”.

Ở Thiên giới chúng ta, một trăm năm cõi nhân loại chỉ bằng một ngày đêm cõi Đạo Lợi này. Cứ ba mươi ngày đêm là một tháng, mười hai tháng là một năm, tuổi thọ nơi Đạo Lợi thiên cung là một ngàn tuổi, tính theo tuổi nhân loại là ba mươi sáu triệu năm.

Bởi thế, nàng Thiên nữ khi thác xuống cõi người rồi

trở về thiên giới chưa đến một ngày. Coi như mới đi trong chốc lát vậy. Con người có tuổi thọ ít ỏi như thế mà cứ buông lung giải đãi thì thật là không phải cách.

Ngày hôm sau, chư Tỳ khưu vào ngồi trong tọa đường thấy không có người trông nom, chỗ ngồi không ai sắp đặt, nước không ai dâng cúng, bèn hỏi: “Nàng Sự Phụ đâu rồi?”.

- Bạch các Ngài ! Nàng ấy còn đâu nữa chỉ vừa mới ngày hôm qua, khi các Ngài thọ thực xong ra đi, thì chiều hôm ấy nàng đã qui thiên.

Nghe tin buồn, các Tỳ khưu tưởng nhớ đến công đức của nàng tín nữ quá cố mà không cầm được giọt lệ, các Thinh Văn Lưu Tận cũng phát sanh kinh cảm. Sau bữa cơm, chư Tăng về chùa đánh lễ Đức Bốn Sư và bạch hỏi rằng:

- Bạch Ngài, nàng cận sự Patipūjika sáng chiều hằng lo làm phước cúng dường lễ vật, phát nguyện xin được gần chồng, bây giờ nàng đã thác, không biết được thọ sanh về đâu?

- Này các Tỳ khưu ! Nàng thọ sanh về gần gũi với chồng nàng.

- Bạch Ngài ! Nàng chết rồi, đâu còn gần gũi với chồng nàng.

- Này chư Tỳ khưu ! Nàng không phát nguyện gần gũi với chồng ấy đâu. Chồng nàng là thiên tử Mālābhārī trên cõi Dao Lợi, khi nàng đang trèo lên cây hái hoa để trang điểm cho chồng thì hết tuổi thọ, hạ sanh về nhân loại, bây giờ thì đã trở về với chồng cũ rồi.

- Bạch Ngài, có thật như thế ư?

- Này các Tỳ khưu ! Có thật như thế.

- Ôi! Kiếp sống của chúng sanh thật là nhỏ nhen ngắn ngủi bạch Ngài, mới hồi sáng nàng còn hộ độ chúng con, kể buổi chiều nàng phát bệnh chết liền.

Đức Bốn Sư đáp: “Phải đó, các Tỳ khưu, đời sống chúng sanh ngắn ngủi là thường lệ, những chúng sanh này còn đang mãi miết hái hoa ngũ trần dục lạc, thì bị tử thần bắt giữ, đầu cho có than van khóc lóc, tử thần cũng bắt đi luôn.”.

Rồi Đức Bốn Sư thuyết kệ rằng:

“Pupphāni h’eva pacinantam,
Byāsattamanasam naram;
Atittam yeva kāmesu,
Antako kurute vasam.”

*“Kẻ mãi hái hoa vô tình,
Tâm còn vọng tưởng chẳng gìn giữ thân.
Trong giờ thọ hưởng ngũ trần,
Lòng còn nô lệ, tử thần chẳng xa.”*



CHÚ GIẢI:

Pupphāni h’eva pacinantam: Như người thợ làm tràng hoa vào vườn hoa mãi mê hái hoa. Người ham mê ngũ trần mãi mê góp nhặt những vật dính liền vào xác thân. Xác thân và các đồ vật dụng khác, gọi là hoa dục lạc.

Byāsattamanasam naram: Tâm lưu luyến đủ mọi cách, chỗ nào chưa đến thì khát khao mong mỏi, chỗ nào đã đến rồi thì nịch ái đắm say.

Atittam yeva kāmesu: Không bao giờ thỏa mãn trong sự tìm kiếm, thọ hưởng tích trữ mọi thứ ngũ trần dục lạc.

Antako kurute vasam: Bị lọt vào tay của Tử thần là sự chết, đau cho thở than khóc lóc gì cũng vô ích, thế nào cũng bị nó bắt đem đi.



Bài kệ chấm dứt, nhiều vị Tỳ khưu chứng đắc Thánh quả, nhứt là Thánh quả Tu Đà Hườn, đại chúng thính pháp đều được hưởng nhiều lợi ích.



Dịch Giả Căn Đề

*Một phút thiên đình lỡ sẩy chân,
Sự Phụ sa đoạ xuống hồng trần.
Hài hoa còn nhớ khi đoàn tụ,
Làm phước chưa quên buổi hợp quần.
Sống chỉ nguyện siêu về cảnh cũ,
Thác không lo đoạn mất tình thân.
Giữa thời xuân sắc xinh như mộng,
Giã biệt chồng con dứt nợ trần.*

DỨT TÍCH NÀNG SỰ PHỤ



48. Death grabs the pursuer of sensual pleasures at will before reaching the point of satiety.

**48. Thân chết bắt được kẻ chạy theo dục lạc
buông thả, trước khi kẻ ấy được thỏa mãn
Tham dục.**

IV. 5- Tích BÁ HỘ KHAN NANG (*Macchariyakosiyasetṭhivatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 49)

**“Yathā pi bhamaro pupphaṃ, *“Ví như ong lấy mật,*
**Vaṇṇagandhaṃ ahetṭhayaṃ; *Không hại sắc hương hoa.*
**Paleti rasam’ādāya, *Vị Sa môn hành khát,*
Evam gāme munī care.” *Vào làng lại trở ra.”*******

Kệ Pháp Cú này, Đức Bốn Sư thuyết ra khi Ngài an ngự gần thành Sāvattṭhī, đề cập đến bá hộ Macchariya (Túi keo: Khan Nang).

Câu chuyện này khởi đầu tại thành Rājagaha.

Tương truyền rằng: Cách kinh thành Rājagaha không bao xa, có một thị trấn tên là Sakkara, nơi đó có ông bá hộ Macchariyakosiya, gia tài lên đến tám trăm triệu đồng vàng. Ông bá hộ này chẳng bao giờ bố thí cho ai hoặc tự mình tiêu xài chút ít chi, dầu chỉ là nhỏ nhen như rót dầu trên đầu cọng cỏ, cho đến những người thân thích ruột rà như vợ con trong nhà hoặc các bậc xuất gia như Sa môn, Bà la môn chẳng hạn, cũng không ai được hưởng phần gia tài khổng lồ mà ông bo bo gìn giữ như hồ nước đầy, không dám cho hao một giọt.

Một hôm, sau khi xuất định Đại bi trong buổi sáng sớm, Đức Bốn Sư dùng Phật nhãn quán xét toàn cõi thế gian tìm kiếm chúng sanh nào có đủ căn lành đáng được tiếp độ, Ngài thấy ở cách xa Ngài độ bốn mươi lăm do tuần, có hai vợ chồng ông Trưởng giả Macchariyakosiya có duyên lành đặc Tu Đà Hườn trong ngày ấy.

Nguyên cách mấy hôm trước, ông Trưởng giả có lên thành Rājagaha yết kiến đức vua, sau khi bãi châu, trở về dọc đường ông có gặp một người dân quê đói bụng đang nhai ngấu nghiến một ổ bánh tẻ ong chắt đầy văng sữa coi bộ ngon lành lắm, làm ông phát thèm. Về đến nhà, ông nghĩ thầm: “Nếu ta hờ môi ra nói là ta muốn ăn bánh tẻ ong, thì chắc có nhiều đứa muốn ăn chung với ta, như thế phải tốn hao nhiều mè, bơ, đường, than, củi đủ thứ... Thôi tốt hơn ta không nên cho ai biết.”. Rán dần tâm đè nén sự thèm khát, ông bỏ đi thất thơ đầy đó.

Nhưng càng đi nhiều, ông càng thấy vỏ vàng gầy guộc, mình nổi gân xanh, chớ không khuấy khoả được sự thèm khát. Về sau, ông phải vào phòng riêng, nằm úp sấp trên giường, cho đến nước ứa mà ông chẳng chịu tỏ thật với ai, chỉ vì sợ hao hụt kho tàng của mình.

Khi ấy, bà Trưởng giả vào thăm lưng cho chồng, hỏi ông:

- Chẳng hay mình đau bệnh chi vậy?
- Ta không có đau ốm chi cả!
- Hay là mình bị đức vua khiển trách?
- Đức vua cũng không khiển trách chi ta cả!
- Hay là con cái hoặc tôi tớ trong nhà có làm điều chi phật lòng của mình?
- Cũng chẳng có ai làm cho ta phật ý cả.
- Thế thì mình có thêm lạt món chi chăng?

Nghe vợ hỏi vậy, ông Trưởng giả lặng thinh, sợ nói ra lời thì thất thố, có thể hao tổn đến kho tàng của ông. Bà Trưởng giả không nghe ông trả lời, bèn lặp lại câu hỏi:

- Mình à, hay là mình thêm lạt món chi?

Ông không dám nói lớn, chỉ ầm ừ trong cuống họng: “Ta thèm ăn một món.”.

- Mình thèm ăn món gì?
- Ta muốn ăn bánh tào ong.
- Chỉ có vậy mình không nói cho tôi biết, để chịu nhịn thèm làm chi. Bây giờ, để tôi làm ổ bánh để đãi cả thị trấn Sakkara này.
- Bà lo cho nhiều người chi vậy, họ muốn ăn thì họ tự lo làm lấy mà ăn chứ.
- Thế thì tôi làm một ổ bánh vừa đủ để đãi tất cả gia nhân trong khu phố để ăn.
- Tôi dư biết là bà giàu có lớn rồi mà.
- Thế thì, tôi sẽ làm một ổ bánh lớn vừa cả gia tộc của mình ăn.
- Tôi vẫn biết bà có tật ưa làm đấy mà.
- Thế thì tôi sẽ làm một ổ bánh vừa đủ vợ chồng con cái mình ăn.
- Con cái ăn làm gì bánh này?
- Vậy tôi sẽ làm vừa đủ để ông và tôi dùng.
- Bà không thèm mà ăn làm chi.
- Vậy thì để tôi làm một cái vừa đủ mình ông ăn.
- Nếu bà nấu bánh tại đây sẽ có đứa biết mà ăn chực, bà chừa gạo tốt ra lấy tấm mền với khuôn lò nướng và chút ít sữa tươi, bơ lỏng, mật ong, đường rồi mang lên lầu bảy, ở đó làm bánh và nướng ngay tại chỗ đó, để tôi ngồi ăn một mình.

Bà Trưởng giả đáp: “Dạ được.”.

Bà cho đem đủ thứ vật liệu cần thiết, lên tuốt trên lầu thượng, rồi cho các nữ tỳ xuống hết, mới kêu ông Trưởng giả lên. Ông Trưởng giả trước hết lo đi đóng kín các cửa lại, gài then cẩn thận, rồi mới lên lầu bảy, đóng cửa bít bùng, ngồi trong phòng, đoạn ông bảo bà đốt lò, làm bánh nướng cho ông ăn.

Khi ấy vừa bình minh, Đức Bốn Sư gọi Đại đức Moggallāna và dạy: “Nầy Moggallāna, cách thành Rājagaha không xa, nơi thị trấn Sakkara có ông Trưởng giả Macchariyakosiya muốn ăn bánh tào ong, nhưng sợ người ngó thấy, nên bảo vợ làm bánh nướng trên từng lầu thứ bảy, ông hãy đến nơi đó thu phục cho được ông Trưởng giả ấy, bảo họ mang theo cả bánh và sữa, bơ, đường, mật, rồi ông hãy dùng thần lực đưa cả hai vợ chồng về Jetavana. Hôm nay ta sẽ ngồi thọ thực tại chùa cùng với năm trăm Tỳ khưu.”.

Đại đức đáp: “Lành thay! Bạch Ngài.”.

Vâng lệnh Đức Bốn Sư, Đại đức dùng thần thông bay đến thị xã Sakkara. Đến đứng trước cửa sổ tòa lầu đài bảy tầng của ông Trưởng giả, Đại đức đứng giữa hư không với tam y quả bát nghiêm trang rực rỡ chói lòa như ngọc Maṇi. Ông trông thấy Đại đức thì nghe trong tim rung động, ông nghĩ: “Ta sợ gặp mặt những người như vậy nên mới lên đến chỗ này, vậy mà ông còn theo ta lên đứng tại cửa sổ.”. Nên ông nói rằng:

- Nầy ông Sa môn ơi! Không có bánh cho ông đâu, ông hãy đi đi.

Không dè Đại đức đã quyết thi hành cho được sứ mạng rồi mới chịu đi, nên Ngài lặng thinh đứng nơi ấy. Ông Trưởng giả nổi xung, nói với giọng mất bình tĩnh, như là muối được ném vào lửa đỏ:

- Này ông Sa môn, ông đứng đó làm chi giữa trời vậy, ông có thể đi lên đi xuống làm thành một con đường mòn giữa hư không, nhưng rốt cuộc ông cũng chẳng được chi cả đâu.

Đại đức Moggallāna liền đi tới đi lui, ngay trước cửa sổ giữa hư không... Ông Trưởng giả liền nói:

- Ông đi tới đi lui làm chi cho mọi người thấy, chỉ mỗi chân thôi, ông có thể ngồi kiết già giữa hư không, nhưng nếu có làm như vậy ông cũng chẳng được chi cả.

Vị Đại đức liền xếp chân ngồi kiết già giữa hư không.

Ông Trưởng giả lại nói:

- Ông ngồi giữa trời mà làm chi, ông có thể đến đứng ngay trên cửa sổ, nhưng rốt cuộc làm như vậy, ông cũng sẽ chẳng được gì.

Vị Đại đức liền đến đứng trước cửa sổ ông Trưởng giả lại nói:

- Ông đứng ngay ngưỡng cửa sổ làm gì, ông có thể phun ra khói, nhưng rốt cuộc làm vậy ông cũng chẳng được gì đâu.

Vị Đại đức liền phun khói ra, cả tòa lâu đài mù mịt trong khói đen, hai mắt ông Trưởng giả xốn xang như bị kim chích. Sợ cháy nhà, ông ta không dám thách thức Đại đức phun lửa, nên làm thỉnh nghĩ rằng: “Ông Sa môn này đeo dính theo ta, nói gì cũng không nhúc nhích. Ta phải thí cho ông một ổ bánh đưa ông đi cho rồi.”

Ông Trưởng giả bảo vợ: “Bà này, hãy nướng một cái bánh nhỏ cho ông Sa môn, bảo ông đi nơi khác đi.”

Bà Trưởng giả đổ chút ít bột vào khuôn, bột nổi phình thành một cái bánh to, choán đầy cả khuôn, thấy

vậy ông nóng ruột, tự nghĩ rằng: “Chắc là đổ nhiều bột quá.”

Ông bèn đứng dậy, tự mình múc một muổng nhỏ bột đổ vào khuôn, cái bánh thứ hai còn phồng to hơn cái bánh trước, ông lại tiếp tục bột bột, nhưng cái thứ ba to lớn hơn thêm, ông tiếp tục bột bột đổ thêm nữa, nhưng cái bánh càng về sau lại càng phồng hơn cái trước. Đến khi mệt mỏi, ông bảo vợ:

- Này bà, hãy lấy một cái bánh cho ông Sa môn đi.

Bà Trưởng giả cầm lấy cái bánh trong giỏ xách, nhưng tự nhiên các ổ bánh dính chùm lại với nhau. Bà gọi chồng:

- Mình à, những ổ bánh này dính chùm lại với nhau, tôi gỡ không ra.

- Bà để đó cho tôi.

Ông Trưởng giả gỡ cũng không ra, hai ông bà nắm hai đầu bánh kéo như căng dây, mà cũng không thể bẻ lè ra được, hai ông bà rần sức kéo một hồi mồ hôi xuất ướt cả mình, hai ông bà khát nước quá, phải buông ra chịu thua. Ông bảo vợ rằng:

- Bà à, ta không cần ăn bánh nữa, bà hãy đem cả giỏ xách này mà cho ông Sa môn đi.

Bà Trưởng giả mang cả giỏ bánh đến gần Đại đức, Đại đức thuyết pháp cho ông bà nghe về ân đức của Tam Bảo và giải cho họ biết về phước báu của các việc lành, nhất là sự bố thí sẽ phát sanh tròn đủ cho các thí chủ như trăng tròn mọc trong ngày rằm vậy.

Được nghe pháp, ông Trưởng giả phát tâm trong sạch thỉnh Đại đức: “Bạch Ngài! Xin thỉnh Ngài vào an tọa nơi đây thọ thực.”

Đại đức đáp: “Nầy Trưởng giả, Đức Chánh Biến Tri hiện đang ngự tọa trong chùa Jetavana, Ngài muốn độ bánh với năm trăm Tỳ khưu tại đó. Ngài đã sai ta đến đây thuyết phục ông bà, rồi đưa ông bà với bánh sữa, đường, mật về Jetavana. Vậy ta hãy chuẩn bị cùng nhau đi đến viếng Đức Bốn Sư.

- Bạch Ngài, hôm nay Đức Bốn Sư ngự tại đâu?

- Ở chùa Jetavana, cách đây độ bốn mươi lăm do tuần đó à.

- Bạch Ngài! Làm sao ta đi được một khoảng đường xa như thế cho kịp bây giờ.

- Nầy ông Trưởng giả, miễn là ông bà hoan hỷ thì đâu xa, ta sẽ dùng thần thông đưa hai người đi, nơi ta đứng trong tòa lâu đài này sẽ là cầu thang, và cổng tam quan của chùa Jetavana là chân cầu thang, chỉ trong thời gian mau lẹ như từ trên lầu này xuống đất, ta sẽ đưa hai ông bà tới Jetavana rồi.

Ông Trưởng giả bằng lòng nên đáp: “Lành thay, bạch Ngài.”.

Đại đức bèn nguyện rằng: “Nơi đây, là cầu thang, xin cho chân thang là cổng của Tịnh xá Jetavana.”.

Lời nguyện của Đại đức thành tựu trong tức khắc. Đại đức và hai ông bà Trưởng giả trong chốc lát đã đến Jetavana, còn mau hơn là từ lầu xuống đất. Hai thí chủ cùng đến báo tin với Đức Bốn Sư: “Đã đến giờ thọ thực.”.

Đức Bốn Sư bèn dắt năm trăm Tỳ khưu, ngự vào trai đường, Ngài ngự lên Phật bảo tọa đã được dọn sẵn, ông Trưởng giả bèn xối nước khai mạc buổi lễ cúng dường bánh đến Đại đức Tăng có Đức Phật là hội chủ. Bà sốt đây bánh đến dâng Như Lai, Đức Bốn Sư thọ dụng bánh vừa

đủ, cả năm trăm Tỳ khưu vẫn như thế, ông Trưởng giả đứng dâng sữa, bơ, mật, đường lỏng, đường cục.

Khi dùng xong bữa, Đức Bốn Sư cùng với năm trăm Tỳ khưu bảo thôi dâng, hai vợ chồng Trưởng giả mới rảnh tay, cùng ăn bánh cho no bụng, bánh còn dư thật nhiều, đem cho đến người xin tàn thực của chư Tăng, ăn cũng không hết. Hai ông bà bèn bạch lại với Đức Thế Tôn :

- Bạch Ngài, bánh còn dư đem bỏ đâu?

Đức Bốn Sư dạy:

- Hãy mang đổ ngoài cổng trước chùa Jetavana.

Khi hai ông bà đem bánh dư đổ xuống triền dốc, gần cổng tam quan chùa, cho đến nay chỗ ấy còn mang tàn tích kỷ niệm là Dốc bánh tàn ong (Kapallapūvapabbhāra), kể đó nhà đại phú hộ cùng vợ đến gần đánh lễ Đức Thế Tôn, rồi đứng sang qua một bên. Đức Thế Tôn đọc kinh phúc chúc.

Nghe hết bài kinh, hai ông bà đặc quả Tu Đà Hườn, đánh lễ Đức Bốn Sư rồi lên cầu thang từ cổng tam quan trở lại lâu đài của mình. Từ đó về sau, ông đem cái kho tàng tám trăm triệu đồng vàng mà ủng hộ Phật pháp.

Sáng hôm sau, chư Tỳ khưu ngồi họp mặt trong giảng pháp đường, đề cao oai lực của Đại đức Moggallāna rằng:

- Chư hiền hữu có thấy oai lực của Đại đức Moggallāna chưa? Đại đức không làm mất đức tin, không làm hao tài sản, chỉ trong chốc lát mà thu phục được ông Trưởng giả Macchariyakosiyā, khiến ông mang cả bánh và đưa ông ta trở về Jetavana yết kiến Đức

Bốn Sư, nhờ đó ông đặc quả Tu Đà Hườn. Đại đức quả thật là một bậc đại thần lực vậy.

Do Thiên nhĩ, Đức Thế Tôn nghe được sự đàm luận của chư Tỳ khưu, Đức Bốn Sư ngự vào phòng họp phán hỏi rằng:

- Này các Tỳ khưu ! Hôm nay các ông hội họp thảo luận về việc chi thế?

- Bạch Ngài, chúng con ... như vậy ...

Nghe chư Tăng đáp xong, Đức Bốn Sư phán dạy:

- Này các Tỳ khưu! Ví như ong chỉ lấy mật trong hoa, Tỳ khưu nào khéo huấn luyện một gia tộc thì không làm mất đức tin, không làm hại tài sản, không làm khổ cực, khó mãi cho gia tộc ấy. Trái lại, khi đến gần người cư sĩ nên làm cho họ biết đến ân đức của Tam Bảo như con trai ta là Moggallāna, đây vậy.

Sau khi thốt lời khen ngợi Đại đức, Đức Bốn Sư thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Yathā pi bhamaro puppham,
Vañṇagandham aṭṭhayam;
Paleti rasam’ādāya,
Evam gāme munī care.”

“Ví như ong nọ tìm hoa,
Lấy xong chút mật rồi là bay đi.

Sắc hương chẳng động làm chi,
Sa môn khát thực cũng y thế mà.”



CHÚ GIẢI:

Trong bài kệ, Phạm ngữ *bhamaro* chỉ cho con ong mật bất cứ thứ nào.

Puppham: Trong vườn hoa, con ong vào ra hút mật, nhưng không làm tổn hại hoa và hương sắc của hoa.

Paleti: Sau khi hút lấy nhụy hoa vừa đủ no, con ong bay về tổ, nhả ra để làm thành mật, nó bay lút vào một bông cây trong rừng rậm nào đó, nhỏ nhụy có lẫn bột phấn hoa ra lọc lấy chất tinh túy chế biến dần thành mật ong nguyên chất. Trong khi bay đi đó khắp vườn hoa, không bao giờ con ong làm thiệt hại hoa hay hương sắc của hoa, sau đó nó bay đi, tất cả vườn hoa vẫn y nguyên như thường.

Evam gāme munī careti: Cũng như thế, bậc xuất gia tịnh giả hữu học hoặc vô học (asekha) đi trì bình khất thực trong làng xóm của người cư sĩ, không bao giờ sự đi lại của các Ngài gây tổn hại đức tin hoặc tài sản của các gia tộc khi vào làng như thế, rồi trở ra, bậc tịnh giả hữu học trái Tăng già lê (saṅghāṭi) ngồi nơi chỗ mát mẻ, có nước, ở ngoài xóm, quán tưởng vật thực đi bát được như thịt của đứa con mình, là người trốn trong rừng bắt đắc dĩ phải ăn để duy trì mạng sống, rồi mới thọ dụng, sau khi đi vào rừng như thế, vị ấy lấy nội tâm làm đề mục tham thiền quán tưởng, đạt được bốn đạo và bốn quả trở thành vị Thánh vô học, trú tâm vào Kiến lạc pháp (Dīṭṭhadhamma sukha) tức là hưởng thụ tịnh lạc hiện tiền do nhờ giác ngộ nội tâm.

Vị này cũng giống như con ong vào rừng nhả nhụy làm hoa, biến chế ra mật nguyên chất vậy. Bậc tịnh giả trong bài kệ này là chỉ bậc Sa môn A La Hán như Đại đức Moggallāna.

Bài kệ vừa dứt, nhiều vị Tỳ khưu chứng đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.

Sau bài pháp này, Đức Thế Tôn còn thốt lời tán dương ân đức cao thượng của Đại đức nữa:

- Này chư Tỳ khưu, không phải Moggallāna chỉ mới thu phục được Trưởng giả trong kiếp này. Trong tiền kiếp Moggallāna cũng đã từng huấn luyện ông ta, khiến ông ta hưởng được nghiệp quả liên quan rồi.

Để chứng minh cho việc này, Đức Bốn Sư giảng tích Illisajātaka (Tích Đoản Kiếm) và ngâm lên kệ rằng: (Jātaka 345)

“Ubho khañjā ubho kuṇī,
Ubho visamacakkhukā;
Ubhinnaṃ pīlakā sīse,
Nāhaṃ jānāmi illisanti.”

“Người què, người lại nhót chân,
Cả hai cặp mắt lé trên không nhìn.
Hai đầu lép cũng giống in,
Ai là đoản kiếm ta nhìn không ra?”



Dịch Giả Cầu Đề

*Khan Nang bá hộ kiết ai bằng?
Thèm bánh tàn ong định trốn ăn.
Giữa đóng then gài che mắt tục,
Lời qua tiếng lại tiến chân Tạng.
Duyên may Phật độ thành Sơ quả.
Phước tốt Sư trừ bớt bệnh căn.
Tự hậu chẳng quên thầy tiếp dẫn,
Tỳ khưu Lậu Tận, bậc kỳ năng.*

DỨT TÍCH BÁ HỘ KHAN NANG





49. The mendicant must sojourn the village for his needs gently like a bee on a flower.

49. Vị Tỳ khưu đi vào làng để khất thực một cách trang nghiêm như con ong đến với hoa.

IV. 6- Tích TU SĨ NGOẠI ĐẠO TIỂU ĐIỆP (*Pāṭikājīvakaṇṭha*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 50)

“Na paresaṃ vilomāni, Na paresaṃ katākatam; Attano’va avekkheyya, Katāni akatāni ca.”	“Đừng oán lời thô bỉ, Việc người làm rồi chưa. Hãy quán xét tự kỷ, Việc mình làm xong chưa.”
--	---

Kệ Pháp Cú này, Đức Bốn Sư đã thuyết ra khi Ngài an ngự gần thành Sāvattthī, đề cập đến tu sĩ Pāṭika (Tiểu ĐIỆP).

Tương truyền rằng: Trong thành Sāvattthī có một bà thí chủ hăng chu cấp cho một tu sĩ ngoại đạo thường xuyên, tên ông ấy là Pāṭika (Tiểu ĐIỆP) mà bà nhận làm con nuôi.

Trong xóm bà ở đó có những người đi nghe Đức Bốn Sư thuyết pháp, lúc về hằng ca tụng ân đức Phật Bảo bằng nhiều lời lẽ như là: “Ôi Pháp của chư Phật thuyết ra thật là huyền diệu phi thường!”.

Được nghe lời tán dương ân đức Phật Bảo, bà này phát tâm muốn đi chùa thỉnh pháp, bèn ngỏ ý với tu sĩ Pāṭika:

- Bạch thầy, tôi muốn đến viếng Đức Phật.

Tu sĩ Pāṭika can rằng: “Thôi đừng đi má ơi!”.

Bà nài nỉ nhiều lần, vị tu sĩ cũng đều can như vậy hết. Sau cùng bà nghĩ rằng: “Thầy không bằng lòng cho ta đi

chùa nghe pháp, thôi thì ta hãy thỉnh Đức Thế Tôn đến đây! Như thế ta sẽ được nghe pháp.”.

Sáng hôm ấy, bà chủ nhà cho gọi cậu con trai đến và bảo:

- Này con, con hãy đi thỉnh Đức Tôn Sư ngày mai đến đây.

Trước khi đi, cậu con trai ghé vào chỗ ngụ của tu sĩ Pāṭika đánh lễ vị ấy rồi ngồi xuống. Vị tu sĩ hỏi cậu:

- Cậu đi đâu vậy?
- Má tôi sai tôi đi thỉnh Đức Tôn Sư.
- Cậu đừng nên đến chỗ ông Sa môn đó.
- Không được đâu thầy. Tôi sợ má tôi lắm. Thôi để tôi đi.
- Cậu đừng đi, đồ lễ vật sắp dựng cho ông ấy, để hai ta cùng chia nhau cùng ăn.
- Thôi thầy ơi! Má hăm đánh, tôi sợ lắm.
- Thế thì cậu hãy đi thỉnh đi, nhưng nhớ đừng chỉ rõ đường nào, lối nào đến nhà ta. Cậu giả như người ở gần đâu đó, và khi từ giả, cậu hãy chạy nhanh cho khuất mắt, rồi rẽ sang ngã khác đến đây.

Vâng lời tu sĩ ngoại giáo ấy, thiếu niên đến thỉnh Đức Bốn Sư rồi làm theo cách thầy ấy đã dặn, xong trở về phục lệnh.

Vị tu sĩ hỏi cậu ta: “Cậu đã làm cách nào?”.

- Thưa thầy, tôi đã làm đúng như lời thầy chỉ dạy.
- Cậu giỏi thật, vậy phần lễ vật dâng cho ông Sa môn ấy, hai đứa mình sẽ chia nhau ăn nhé.

Hôm sau, từ sáng sớm, tu sĩ Pāṭika đã đến nhà bà tín chủ ấy, bà rước tu sĩ vào ngồi trong nhà nghỉ.

Phía nhà trước, những người láng giềng phụ tô vách phòng bằng phân bò ướt, đoạn lấy bông lúa và bông ngũ cốc khô gieo rắc khắp nơi cho đẹp. Họ sửa soạn bảo tọa cực kỳ xinh đẹp và sang trọng để cung thỉnh Đức Bốn Sư ngồi. Quả thật, những người chưa từng thân cận với chư Phật thì không biết rành cách sắp đặt chỗ ngồi cho bậc Sa môn. Và lại, chư Phật không cần phải có người dẫn đường chỉ lối cho Ngài đi. Trong ngày Đức Chánh Biến Tri đặc đạo quả dưới cội Bồ đề, khắp cả mười ngàn thế giới Ta bà đều rung động. Ngài đã thấu rõ con đường luân hồi của chúng sanh: Đây là đường đi địa ngục, đây là đường đi súc sanh, đây là đường đi ngạ quỷ, đây là đường nhân loại, đây là đường chư Thiên và đây là đường bất diệt Đại Níp Bàn. Không bao giờ Ngài cần ai chỉ đường vào làng, hay vào thị trấn, hay đến những nơi khác. Vì thế nên sáng hôm ấy, Đức Bốn Sư mang y bát đến nhà bà đại tín chủ, bà ra khỏi nhà, gieo năm vóc xuống đánh lễ Đức Bốn Sư, thỉnh Ngài an tọa trong nhà xong, xối nước khai mạc lễ cúng dường đến Ngài các vật thực loại cứng loại mềm ngon quý.

Khi Đức Bốn Sư độ xong bữa, bà cận sự nữ xin thỉnh bát Ngài, để Ngài thuyết kinh phúc chúc đến cho bà. Đức Bốn Sư ôn tồn thuyết pháp hồi hướng phước báu đến thí chủ làm cho bà vô cùng thỏa thích, vừa nghe pháp vừa thốt lên lời hoan hỷ: “Lành thay! Lành thay!”.

Khi ấy, tu sĩ Pāṭika ngồi ở nhà trong, nghe tiếng bà má nuôi đang thỉnh pháp mà khen đồn như vậy thì dẫn lòng không được, đứng dậy ra đi trong lòng nghĩ rằng: “Như vậy bà này bây giờ không còn là đệ tử của ta nữa rồi.”.

Tu sĩ Pāṭika xỉ mạt bà đại tín nữ luôn cả Đức Phật

bằng những lời lẽ bất nhã như là: “Mụ già đốn mạt, tới số rồi ã, hãy lo phụng sự hần ta như vậy mãi nghe...”, đoạn bỏ đi luôn.

Bà cặn sự nữ hồ thẹn vì lời mắng nhiếc của tu sĩ Pāṭika tâm bị xao lãng, không còn chú ý nghe pháp nữa.

Thấy vậy Đức Bốn Sư hỏi bà:

- Này bà tín nữ, bà không còn chú ý nghe pháp được nữa phải chăng?

- Bạch Ngài, những lời của thầy ấy làm cho tâm con xao lãng.

Đức Thế Tôn bảo rằng: “ Những lời lẽ của con người ưa khích bác, chống đối như thế, nói ra bà không nên nghĩ nhớ làm gì. Đừng chắt chứa nó trong tâm, chỉ nên xem sự việc mình đã làm xong chưa, và việc mình chưa làm là hơn.”

Nói rồi, Đức Bốn Sư thuyết bài kệ sau đây:

“Na paresaṃ vilomāni,
Na paresaṃ katākatam;
Attano’va avekkheyya,
Katāni akatāni ca.”

“Lời thô bỉ gác ngoài tai,
Việc làm đắc thất của ai mặc tình?
Hãy lo quán xét việc mình,
Việc này việc nọ hoàn thành hay chưa.”



CHÚ GIẢI:

Trong bài kệ này, câu Phạn ngữ *Na paresaṃ vilomāni* nghĩa là không nên để ý đến những lời nói thô bỉ, độc ác, xuyên tạc của kẻ khác.

Na paresaṃ katākatam: Không nên nhìn xem việc đã làm, hoặc không làm của kẻ khác, chẳng hạn như thấy rằng: Ông thiện nam nọ kém đức tin, không trong sạch, chưa hề bố thí tại nhà một vá thực phẩm nào, không làm phước Trai Tăng, không dâng cúng tứ vật dụng... Hoặc là ở nơi đó Tỳ khưu nọ kém đức tin, không trong sạch, không hầu hạ thầy tế độ, không phục vụ thầy tiếp dẫn, không làm tròn bốn phận đối với Tăng mới đến, đối với Tăng sắp đi xa, với Thánh Pháp, nơi làm lễ phát lộ, trong trai đường, trong nhà tắm nước nóng... Vị ấy cũng không thọ chi đầu đà nào, không tinh tấn tham thiền hành đạo...

Attano’va avekkheyya: Tự kỷ hăng quán xét như vậy: Kathambhūtaṃ me rattindivā vitīpatanti: Ngày và đêm qua mau thắm thoát ta đã làm xong việc gì chưa? Người tại gia nên luôn luôn quán xét như vậy, lại phải nhớ đến huấn từ này: “Con người gia giáo có đức tin xuất gia nhập đạo phải tự hỏi rằng: “Tam tướng là Vô thường, Khổ não, Vô ngã. Tại sao ta chưa dứt được bốn ách và chứng đắc Níp Bàn? Phải nên quán việc đã làm hoặc chưa làm như thế.”



Bài kệ vừa dứt, bà tín nữ đắc chứng Tu Đà Hườn quả. Đại chúng thính pháp cũng đều hưởng được sự lợi ích.



Dịch Giả Căn Đề

*Bày mưu thỉnh Phật chỉ sai đường,
 Tiểu Diếp ganh người được tán dương.
 Trước ý làm con cao giọng mắng,
 Sau do biết mẹ nặng tình thương.
 Mất phần thực lộc thà ly biệt,
 Được quả Thịnh Văn cũng đoạn trường!
 Hai lẽ chánh tà không hiệp một,
 Kẻ còn ở lại, kẻ tha phương.*

DỨT TÍCH TU SĨ NGOẠI ĐẠO TIỂU DIỆP



50. Consider only your own commissions and omissions and not those of others.

50. Chỉ nên xem xét những việc mình đã làm hay chưa làm, chứ không nên xem xét việc Của người khác.

IV. 7- Tích THIỆN NAM TẢN THỦ (*Chattapāṇi upasakavatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 51-52)

“Yathā’pi ruciraṃ pupphaṃ,
Vaṇṇavantam agandhakam;
Evaṃ subhāsītā vācā,
Aphalā hoti akubbato.”

*“Như đóa hoa tươi đẹp,
Có sắc chẳng mùi thơm.
Như lời nói tuy đẹp,
Không hành chẳng quả đơm.”*

“Yathā’pi ruciraṃ pupphaṃ,
Vaṇṇavantam sagandhakam;
Evaṃ subhāsītā vācā,
Saphalā hoti sakubbato.”

*“Như đóa hoa tươi đẹp,
Có sắc có mùi thơm.
Như lời nói đã đẹp,
Có hành quả chắc đơm.”*

Kệ Pháp Cú (51 – 52) này, Đức Bốn Sư đã thuyết ra khi Ngài an ngự tại Tinh xá Jetavana, gần thành Sāvatthī đề cập đến thiện nam Chattapāṇi (Tản Thủ).

Quả thật vậy, vào thời ấy ở thành Sāvatthī có vị cận sự nam tên là Chattapāṇi đặc A Na Hàm và thông suốt Tam tạng.

Một buổi sáng nọ, sau khi thọ giới Bát quan, ông ấy đến hầu cận với Đức Thế Tôn, dĩ nhiên là chư Thánh Thinh Văn A Na Hàm thì không cần giữ giới Bát quan trai, vì các vị ấy giữ tròn phạm hạnh và không còn ăn sái giờ nữa. Do đó, có Phật ngôn: “Tâu đại vương! Dầu là người thợ làm chén, làm đồ gốm nhưng nếu ăn một ngày một bữa và giữ phạm hạnh tròn, thì cũng là bậc có giới đức, có thiện pháp, ví như vị A Na Hàm luôn luôn ăn ngày một bữa và giữ tròn phạm hạnh vậy!”.

Tuy nhiên, cận sự nam Chattapāṇi cũng theo lệ thọ trì Bát quan trai giới, rồi đến gần Đức Bốn Sư, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên nghe thuyết pháp.

Ngay lúc bấy giờ, quốc vương Pasenadi Kosala cũng ngự đến hầu Đức Bốn Sư.

Thấy quốc vương đến, ông cận sự nam nghĩ thầm: “Ta có nên đứng dậy hay không?”, ông xét thấy rằng: “Ta đang ngồi châu một vị Hoàng đế mà đứng lên chào một vua chư hầu thì không phải phép. Dầu cho quốc vương có thấy ta không đứng dậy tiếp rước mà giận dữ, ta cũng đành để cho quốc vương giận, chớ ta không đứng dậy. Quả nhiên, nếu thấy các vua mà đứng dậy thì quý trọng đức vua hơn Đức Bốn Sư hay sao? Thôi ta nhất định không đứng.”. Thế rồi, ông cận sự nam ngồi yên như cũ.

Các bậc hiền trí không bao giờ giận người đang ngồi gần vị cao quý hơn mình, khi người này thấy mình mà không đứng dậy. Nhưng quốc vương thấy ông Chattapāṇi không đứng dậy chào mình, nghinh tiếp mình, thì lại bất bình, đánh lễ Đức Thế Tôn rồi ngồi nép qua một bên, Đức Bốn Sư biết đức vua đang giận, bèn đề cao ông thiện nam rằng:

- Tâu đại vương! Cận sự nam Chattapāṇi này là bậc hiền giả, bậc lịch sự, thông suốt Tam tạng Pháp bảo, hiểu rành các điều hữu ích và vô ích.

Quốc vương nghe Đức Bốn Sư ca tụng cận sự nam với ân đức thù diệu thời mới nguôi cơn giận và phát tâm hoan hỷ.

Sau đó, một hôm quốc vương đã thọ thực xong, đang đứng trên lầu cao trong cung đình, trông thấy thiện nam Chattapāṇi, tay cầm dù chân mang dép tiến lên sân ngự, bèn cho quân hầu gọi ông vào đền, ông bỏ dù, cởi dép, đến gần đánh lễ quốc vương, rồi đứng nép qua một bên. Quốc vương phán hỏi:

- Này khanh cận sự nam, sao khanh lại bỏ dù, cởi dép chi vậy?

- Tâu bệ hạ! Vì nghe có lệnh quốc vương dời, nên thần dân bỏ dù cởi dép ra mà vào hầu bệ hạ.

- Chắc hôm nay khanh mới nhận biết trăm là quốc vương phải không?

- Tâu bệ hạ! Thần dân chúng tôi lúc nào cũng nhận biết bệ hạ là quốc vương luôn luôn.

- Nếu nói như thế, tại sao ngày hôm nọ khanh ngồi bên Đức Thế Tôn, thấy trăm đến sao khanh không đứng dậy?

- Tâu đại vương! Như người đang ngồi châu Đức hoàng đế mà trông thấy các vua chư hầu, nếu thần dân đứng dậy lúc ấy hóa ra bất kính thất lễ đối với Đức Bốn Sư. Vì vậy mà thần dân không đứng dậy.

- Khanh nói cũng hữu lý, trăm nghe nói khanh là bậc hiền rành các sự lợi và bất lợi trong kiếp hiện tại và những

kiếp vị lai, thông suốt Tam tạng kinh điển, vậy khanh hãy thuyết pháp ngay trong hậu cung đình cho trăm nghe.

- Tâu bệ hạ, không được.

- Vì lý do nào?

- Tâu bệ hạ, chốn cung đình thâm nghiêm trang trọng, có nhiều nghi thức phiền phức, thần dân không dám phạm thượng.

- Khanh chớ nói như thế, bữa hôm trước khanh trông thấy trăm còn không đứng dậy chào, bây giờ đừng e ngại gì cả.

- Tâu bệ hạ, người cư sĩ tại gia mà vượt quá phận sự của mình đảm nhiệm làm phận sự của Tăng thì mang lỗi. Xin bệ hạ hãy cho triệu thỉnh một bậc xuất gia vào đây thuyết pháp.

Quốc vương phán: “Lành thay, thôi khanh đi đi.”.

Cho phép cận sự nam đi rồi, quốc vương ngự đến yết kiến Đức Thế Tôn và yêu cầu:

- Bạch Ngài, hoàng hậu Mallikā và hoàng hậu Vāsabhakhattiya ngỏ lời muốn ôn nhuần các bài pháp. Xin thỉnh Ngài với năm trăm Tỳ khưu thường nhật vào hoàng cung thuyết giảng cho họ nghe.

- Tâu đức vua, chư Phật không bao giờ đến mãi một nơi nào.

- Bạch Ngài, nếu vậy xin Ngài phái một vị Tỳ khưu khác cũng được.

Đức Bốn Sư bèn giao trọng trách ấy cho Đại đức Ānanda. Đại đức hằng ngày vào thâm cung giảng dạy kinh điển cho hai hoàng hậu. Trong hai bà, bà Mallikā chăm chỉ học tập nên thuộc lòng được các kinh tụng. Bà

Vāsabhakkhattiya trái lại không chăm chỉ học tập cho nên không thể thuộc lòng được các kinh tụng. Một hôm, Đức Bốn Sư phán hỏi Đại đức:

- Này Ānanda! Hai tín nữ ấy có ôn thuần kinh pháp hay không?

- Bạch Ngài, có.

- Người nào chăm chỉ học tập?

- Bạch Ngài, hoàng hậu Mallikā chăm chỉ học tập cho nên có thể nhập tâm được các bài kinh tụng một cách hoàn toàn. Còn bà quyến thuộc của Ngài không chăm chỉ học tập nên không thể nhập tâm kinh tụng một cách mỹ mãn.

Nghe Đại đức trình bày, Đức Bốn Sư kết luận:

- Này Ānanda! Pháp của ta thuyết giảng kẻ nào không nghe, không học, không tập, không thuyết thì không được kết quả gì. Ví như thứ hoa hữu sắc vô hương. Còn kẻ nào ráng nghe, ráng học, ráng tập, ráng thuyết thì sẽ gặt hái nhiều kết quả, hưởng được phước báu to tát.

Nói rồi Đức Bốn Sư ngâm hai bài kệ sau đây:

“Yathā’pi ruciraṃ pupphaṃ,
Vañnavantaṃ agandhakaṃ;
Evaṃ subhāsitaṃ vācā,
Aphalā hoti akubbato.”

“Như hoa sắc đẹp có thừa,
Mùi thơm chẳng có thì chưa quý gì?
Lời lành thuyết để mà chi?
Nếu không cố gắng thực thi việc lành.”

“Yathā’pi ruciraṃ pupphaṃ,
Vañnavantaṃ sagandhakaṃ;
Evaṃ subhāsitaṃ vācā,
Saphalā hoti sakubbato.”

“Như hoa tươi tốt trên cành,
Sắc hương thấm đượm lịch thanh đủ mùi.
Lời lành nếu đã thuyết rồi,
Làm lành kết quả an vui thấy liền.”



CHÚ GIẢI:

Trong bài kệ, Phạn ngữ *ruciraṃ* nghĩa là sáng sủa, đẹp đẽ, tươi tốt.

Vañnavantaṃ: Là có đầy đủ màu sắc.

Agandhakaṃ: Là không có hương thơm, như nhiều loại hoa ở rừng núi, trừ ra hoa lài, hoa sứ, hoa mẫu đơn.

Evaṃ subhāsitaṃ vācā: Lời lành ở đây là Phật ngôn trong Tam tạng Pháp bảo, ví như loài hoa hữu sắc vô hương. Cũng như loại hoa vô hương này nếu có giắt, đeo trên thân mình cũng không thể tiết ra mùi thơm được. Các câu Phật ngôn cũng thế, ai không kính cẩn nghe, không kính cẩn thọ trì, tức là không làm điều đáng làm thì không có mùi thịnh hương, thọ hương, hành hương, không có kết quả. Do đó, Phật dạy câu:

Lời lành thuyết để mà chi?

Nếu không cố gắng thực thi việc lành.

Sandhagankaṃ: Là có mùi thơm, không như tai nấm, hoa lục bình, hoa rau muống... Cũng như thế ấy, ai mang, giắt những thứ hoa thơm trên mình thì thân mình

xông ra mùi hương thơm tho dễ chịu, như người thực hành theo Phật ngôn trong Tam tạng Pháp bảo, tức là kính cần nghe, kính cần thọ trì, là làm việc nên làm thì sẽ gặt hái được nhiều phước báu vậy.



Bài kệ vừa dứt, nhiều vị Tỳ khưu chứng đắc Thánh quả, kỳ dư thánh chúng đều được hưởng sự lợi ích.



Dịch Giả Căn Đề

*Tàn Thủ đa văn lại khéo hành,
 Tại gia đắc quả đáng nêu danh.
 Thấy vua, kính Phật không rời chỗ,
 Trọng pháp, nhường Tăng chẳng hợm mình.
 Mạt Lề Viên, hoa đủ sắc hương,
 Phật ngôn học tập hiểu tình tường.
 Dày công kính cần hành không mỏi,
 Đáng được đời sau mãi tán dương!
 Khoa Tát Ba thì chẳng dụng công,
 Như hoa có sắc thiếu hương nồng.
 Uổng mang tên tuổi Hoàng gia Thích,
 Pháp học, hành chi cũng bất thông...*

DỨT TÍCH THIỆN NAM CHATTAPĀṆI



51. Mere sweet words which never practises,
 Are like flowers without fragrance.

51. Chỉ nói những lời ôn hòa mà ta không thực hành cũng giống như những thứ hoa không có hương thơm.



52. Sweet words which are put into practice are like flowers, beautiful, colourful and fragrant.

52. Những lời nói êm dịu được thực hành cũng như các thứ hoa tươi đẹp, đủ màu sắc và Hương thơm.

IV. 8- Tích ĐẠI TÍN NỮ THIÊN CHI

(Visākhāvatthu)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 53)

“Yathā’pi puppharāsindhā, “Như hoa từ một đồng,
Kayirā mālāguṇe bahū; Kết được nhiều tràng hoa,
Evam jātena maccena, Từ thân người tạm sống,
Kattabham kusalam bahum.” Nhiều thiện sự sanh ra.”

Kệ Pháp Cú này, Đức Bốn Sư thuyết ra khi Ngài an ngự tại Đông Phương Tự (Pubbārāma), đề cập đến bà Visākhā (Thiên Chi).

Tương truyền rằng: Bà Visākhā là con gái của bà Sumanadevī. Bà này là vợ chánh thất của Trưởng giả Dhanañjaya (Hộ Tài Thắng), ông này là con của Trưởng giả Menḍaka (Miên Dương) ở thành Bhaddiya, trong xứ Aṅgaraṭṭha (Ương Già).

Lúc bà Visākhā mới lên bảy tuổi thì Đức Bốn Sư lãnh đạo đại chúng Tỳ khưu ngự vào thành Bhaddiya, vì Ngài nhận thấy nơi đây có nhiều người hội đủ căn lành, có thể chứng đắc quả như ông Bà la môn Sela (Nham Thạch) chẳng hạn.

Vào thời kỳ ấy, gia chủ Menḍaka là người giàu có nhất trong số năm vị đại phú (Pañcamahāpuñña) ở thành đô, vừa được vua phong chức Trưởng giả (Seṭṭhi). Nhà ngũ đại phú Menḍaka cưới được vợ chánh thất tên là Candapadumā (Nguyệt Liên), sanh được người con trưởng nam tên là Dhanañjaya có nàng dâu là nàng Sumanadevī, có được người nô bộc là Puṇṇa (Viên Mãn). Trên toàn lãnh

thổ của vua Bimbisāra không phải chỉ có ông Menḍaka là bậc đại phú gia mà còn có bốn người khác nữa, cũng là bậc đại phú gia phú hữu tứ hải (amitabhogā). Đó là ông Joṭika, Jāṭila, Menḍako Puṇṇaka và Kākavalliyo (Ô Nha Cát Đăng).

Trong năm nhà đại Trưởng giả này, ông Menḍaka biết tin là Đức Thập Lực đã ngự đến gần nhà, bèn gọi cô cháu gái là nàng Visākhā con gái của ông Trưởng giả Dhanañjaya, bảo rằng:

Này cháu, hôm nay là ngày hạnh phúc của cháu, và cũng là ngày hạnh phúc của ông nữa, cháu hãy dắt dẫn năm trăm cháu gái khác, ngồi lái năm trăm chiếc xe có năm trăm nữ tỳ theo hầu, đi cung nghinh Đấng Thập Lực.

Cô bé vâng lời đáp: “Lành thay!”.

Hướng đạo đoàn xe một cách thông thạo, đi đến chỗ xe không còn đi được nữa, cô Visākhā xuống xe đi bộ vào gần Đức Bốn Sư, đánh lễ Ngài rồi đứng qua một bên.

Khi ấy, do duyên lành cô đã gieo từ kiếp quá khứ, Đức Bốn Sư thuyết pháp cho cô nghe. Nghe dứt thời pháp cô Visākhā cùng năm trăm cô bé đều đắc quả Tu Đà Hườn.

Ông Trưởng giả Menḍaka đến yết kiến Đức Bốn Sư khi được nghe pháp của Đức Thế Tôn cũng đắc quả Tu Đà Hườn, ông thỉnh cầu được trai Tăng ngày mai. Hôm sau, tại tư thất của ông, ông đã khoản đãi Đại đức Tăng có Đức Phật làm chủ tọa bằng những thực phẩm ngon lành, loại cứng và loại mềm. Đại lễ Trai Tăng này kéo dài suốt nửa tháng, ngày nào cũng thịnh soạn như vậy cả.

Đức Bốn Sư lưu lại gần thành Bhaddiya cho tới lúc Ngài xét là vừa phải rồi mới rời khỏi nơi đó.

Thời bấy giờ, hai quốc vương Bimbisāra và

Pasenadikosala có tình á nghị (anh em bạn rể) với nhau, cho nên một hôm đức vua Pasenadi nghĩ thầm: “Trong nước của Bimbisāra có đến năm nhà đại Trưởng giả phú hữu vô lượng (amitabhogā), còn trong nước quả nhân, một nhà cũng không có. Vậy để quả nhân sang viếng vua Bimbisāra mà xin thỉnh bớt một nhà đại Trưởng giả mới được.”.

Thế rồi quốc vương ngự giá sang qua nước bạn, trong khi tương hội với vua Bimbisāra, đức vua Bimbisāra hỏi á hoàng đệ rằng:

- Á hoàng đệ sang viếng quả nhân có việc chi chăng?

- Trong nước của hoàng huynh có đến năm nhà đại phúc phú hữu vô lượng cư trú, hoàng đệ muốn có một nhà như vậy trong nước mình, nên mới sang đây cậy hoàng huynh cho đệ xin thỉnh bớt một vị.

- Những nhà thế gia vọng tộc, quả nhân không thể bắt buộc họ đi tản được.

- Nếu không được nhà nào hết thì tiểu đệ sẽ không về nước.

Khi ấy, vua Bimbisāra cho nhóm các đại thần lại thương nghị, rồi phán rằng:

- Việc di chuyển ngũ đại gia, nhất là Trưởng giả Joṭika chẳng khác nào phải di chuyển quả địa cầu. Duy có Trưởng giả Menḍaka có người trưởng nam là Trưởng giả Dhanañjaya, may ra có thể di chuyển được. Vậy thì, á hoàng đệ hãy chờ trăm cho triệu ông ấy vào triều hỏi ý rồi sẽ trả lời dứt khoát.

Nói rồi vua Bimbisāra cho nội thị thỉnh Trưởng giả Dhanañjaya vào triều và phán rằng:

- Này hiền khanh! Quốc vương Kosala ngỏ ý muốn thỉnh một đại Trưởng giả đem về nước, vậy hiền khanh khá mau lên đường đi với quốc vương.

- Tâu bệ hạ! Nếu lệnh bệ hạ sai thì thần ắt phải đi.

- Nếu vậy, hiền khanh hãy lo chuẩn bị khởi hành cho sớm.

Trưởng giả Dhanañjaya lo về nhà sắp xếp các việc cần yếu, rồi dắt cả vợ con gia đình theo vua Pasenadikosala.

Quốc vương Bimbisāra ban nhiều tặng phẩm trọng hậu, sai đại thần đưa vua Pasenadi về nước.

Đoàn lữ hành đi được một ngày đêm, đến một địa phận nọ, có đầy đủ tiện nghi thì đình bộ nghỉ ngơi.

Khi ấy, Trưởng giả Dhanañjaya hỏi vua Pasenadi rằng:

- Tâu bệ hạ! Đây thuộc quốc độ nào?

- Thuộc quốc độ của trăm đấng Trưởng giả.

- Từ đây đến Sāvattthī còn bao xa?

- Độ bảy do tuần.

- Tâu bệ hạ! Ở kinh thành thì dân cư trù mật, mà gia nhân quyến thuộc của hạ thần thì đông đảo quá, nếu lệnh bệ hạ chuẩn tấu, thì hạ thần xin lưu ngụ nơi đây.

- Lành thay!

Sau khi phê chuẩn, quốc vương truyền lệnh sửa sang kiến thiết địa phương này thành một đô thị, ân tứ cho Trưởng giả Dhanañjaya, xong rồi Ngài mới về triều. Vì đại gia đình di tản đến nơi đây vào lúc chiều tối cho nên thành phố được mệnh danh là Sāketa (Mộ Đáo thành).

Thời ấy, nơi thành Sāvattthī có cậu công tử là con ông

Trưởng giả Migāra (Migārasettthi), tên là Puṇṇavaddhana (Mãn Hưng), công tử đến tuổi trưởng thành, hai ông bà bảo với công tử:

- Con à! Con liệu coi có chỗ nào ưng ý thì nói, để cha mẹ lo vợ cho con.

- Thừa ba má, con không muốn có vợ chút nào cả.

- Con à! Con đừng ở vậy không nên, trai không lập gia đình thì không có con trai để nối dõi tông đường.

Thấy song thân nhọc lòng nói mãi:

- Thôi thì, chừng nào ba má tìm được một thiếu nữ nào có ngũ mỹ câu hữu (Pañcakalyānasāmannāgataṃ) thì con sẽ vâng lời cha mẹ.

- Con à, ngũ mỹ câu hữu là những gì vậy con?

- Tóc tốt, thịt tốt, xương tốt, da tốt, tuổi xuân tốt (lẽ thường tóc của những nữ nhân hữu phúc mảnh và mượt, khi xả ra buông thõng xuống lai y nội, ngọn tóc lại uốn cong ngược trở lên, giống như đuôi con công, đó là tóc tốt (Kesākalyāna).

Môi đỏ như trái Bimba (Tân loa) tươi nhuận, mềm mại, đầy đặn nhưng thanh tú, đó là thịt tốt (Mamsakalyāna).

Hai hàm răng trắng, không có kẽ hở, rất đẹp và đều như chuỗi kim cương do thợ ngọc khéo kết, mỗi khi cười thì long lanh như ốc xà cừ. Đó là xương tốt (Atthikalyāna).

Làn da tự nhiên không tô phấn sáp mà mịn màng tươi tắn, không có vết thẹo, bớt đen hoặc nút ruồi, nếu đen thì như hoa sen xanh, còn trắng thì như hoa Kaṇṇikā, đó là da tốt (Chavikakalyāna).

Dầu sanh nở mười lần con cũng như gái một con,

không mất nhan sắc tuổi thanh xuân, đó là tuổi xuân tốt (Vayakalyāna).

Sau khi công tử đưa ra yêu sách như thế, ông bà Trưởng giả lập tức thỉnh một trăm lẻ tám vị Bà la môn đến nhà, đãi ăn long trọng, xong rồi mới hỏi rằng:

- Thưa các Ngài, mỹ nữ có ngũ mỹ câu hữu có tìm được chăng?

- Thưa có.

- Nếu vậy, xin quý vị vui lòng ra công tìm thiếu nữ có mỹ dung như thế giúp chúng tôi.

Ông bà Trưởng giả giao rất nhiều tiền cho những người đi tìm nàng dâu tương lai và đình ninh dặn dò rằng:

- Khi nào được việc quý vị trở về, chúng tôi xin hậu tạ. Bây giờ cứ xin quý vị hãy ráng sức tìm cho gặp được thiếu nữ ngũ mỹ câu hữu như thế. Khi nào tìm được, quý vị hãy giao vòng này cho cô ấy đeo làm lễ vật cầu hôn.

Ông Trưởng giả giao cho họ một cái vòng kim hoa trị giá một trăm ngàn đồng vàng (Kahāpaṇa) và giục họ lên đường.

Các ông mai đi chu du khắp các tỉnh thành, đô thị lớn nhỏ, không tìm gặp được thiếu nữ nào có ngũ mỹ câu hữu, họ quay trở về, đi đến thành Sāketa, nhằm ngày khai sáng thành này, họ nghĩ thầm: “Hôm nay chắc công việc tìm người của chúng ta có kết quả.”.

Tương truyền rằng trong thành này mỗi năm đều có lễ hội kỷ niệm ngày khai sáng thành phố. Vào ngày lễ, tất cả dân chúng, cho đến những nàng tiểu thư khuê các, bất xuất khuê phòng, những gia đình tịnh cư cũng đều ra khỏi nhà, dắt theo đoàn tùy tùng, đầu trần chân không đi bộ xuống bờ sông.

Ngày này, các thiếu niên đầu là vương tôn công tử thuộc dòng Sát Đế Ly, cũng ra đứng nơi ngã ba đường hay ngã tư, chờ gặp các tiểu thư đồng trang lứa hợp ý đi qua, dâng ném hoa kén vợ.

Tám vị Bà la môn cũng vào đứng trong ký túc xá ở gần bờ sông. Lúc ấy, tiểu thư Visākhā tuổi vừa cập kê, mình đeo giắt nhiều loại nữ trang, đang dẫn năm trăm thiếu nữ đi tắm sông, cũng vừa đi đến đó. Thành linh mây đen kéo tới, rồi thì mưa lớn, cả năm trăm thiếu nữ lật đật kéo nhau đi vào ký túc xá tránh mưa. Chỉ riêng tiểu thư Visākhā thông thả bước vào ký túc xá, y phục và các trang sức đều đầm ướt nước mưa, các ông Bà la môn nhìn thấy tiểu thư hội đủ bốn mỹ đức, muốn thử xem răng của nàng, nên giả vờ nói chuyện lớn tiếng với nhau rằng: “Con gái của ta lười quá, chồng nào vô phước mắc phải cô này chắc cháo cũng không có mà húp.”.

Nghe vậy, tiểu thư Visākhā hỏi mấy ông khách lạ:

- Chẳng hay quý ông muốn ám chỉ ai thế?

- Chúng tôi nói cô đó mà.

Tiểu thư dùng lời ôn tồn, ngọt dịu nói như rót mật, hỏi lại: “Vì lý do nào mà quý ông nói tôi như thế?”.

- Đoàn thiếu nữ tùy tùng của cô không bị ướt y phục, đồ vật, nhờ lanh chân chạy vào ký túc xá, còn cô thì đứng đa đủng đỉnh, không lanh lệ chạy vào đụt mưa, y phục nữ trang đều ướt mem, cho nên chúng tôi mới nói cô đó.

- Xin quý ông đừng nói như thế, tôi mạnh khỏe hơn các cô ấy. Vả lại, tôi không hối hả chạy vào đây vì những lý do chánh đáng.

- Cô nói sao?

- Thừa quý ông, đối với bốn hạng chúng sanh, đáng đi mau lẹ xem không đẹp, ngoài ra còn có một lý do khác nữa.

- Bốn hạng người nào mà đáng đi nhanh lẹ coi không đẹp đâu hở cô?

- Thừa ông, quốc vương trong lễ gia miện, long thể trang sức đầy châu báu, mà xắn vén triều phục, bước đi nhanh lẹ giữa sân rồng thì coi không đẹp, thế nào cũng bị thiên hạ chỉ trích rằng: Đại vương gì mà chạy lẹ quá như người gia trưởng vậy. Nếu quốc vương giữ dáng đi chậm rãi coi mới đẹp.

Thốt tượng hạnh phúc (Maṅgala) của quốc vương, đã được trang phục chỉnh tề mà chạy đi nhanh lẹ coi cũng không đẹp, như thế ắt hẳn bị người chê trách, bảo rằng: Loài voi có tướng đi uyển chuyển coi mới đẹp.

Hàng xuất gia mà có tướng đi nhanh lẹ coi cũng không đẹp được như thế, ắt người chê trách, bảo rằng: Ông Sa môn này sao chạy lẹ quá như là người cư sĩ vậy, nếu ông ta đi thông thả thì coi mới đẹp.

Hàng phụ nữ có dáng đi nhanh lẹ coi cũng không đẹp được, thiên hạ sẽ quở trách một cách hợp lý là: Phụ nữ này làm gì mà chạy quá lẹ như nam nhân vậy. Phụ nữ có dáng đi khoan thai như thường thì coi mới được.

Đó là bốn hạng chúng sanh mà đáng đi nhanh lẹ coi không được đó quý ông.

- Ngoài ra, còn lý do nào khác nữa vậy cô?

- Thừa quý ông, các bậc phụ mẫu nuôi dưỡng con cái, ráng gìn giữ cho con mình tay chân được lành lặn. Vì chúng tôi là những món hàng để bán, cha mẹ nuôi cho đến lớn, chờ đàn ông đến là gả tống chúng tôi đi. Nếu trong

khi hấp tấp vội vàng, chúng tôi vướng vấp lại y phục, té ngã xuống đất mà bị gãy tay hay gãy chân. Như vậy có phải là trở nên một gánh nặng cho gia đình chăng? Thà là để cho y phục bị ướt cùng với đồ tư trang, rồi sau sẽ giặt phơi khô. Đó là lý do khiến cho tôi suy nghĩ đắn đo, rồi tôi mới không chạy, thưa quý ông.

Trong lúc tiểu thư nói, tám ông Bà la môn thấy được hai hàm răng đều đặn tốt đẹp của tiểu thư, thì nghĩ thầm:

- Thiếu nữ này có đủ tư cách như vậy chúng ta chưa từng gặp.

Họ bèn tán dương tiểu thư và nói:

- Tiểu thư biện luận thật là đúng lý.

Thế rồi, các ông mai đeo tặng phẩm là chiếc vòng kim hoa cho tiểu thư. Tiểu thư bèn hỏi:

- Chẳng hay quý ông từ thành phố nào đến đây?

- Từ thành Sāvatthī, thưa tiểu thư.

- Vị Trưởng giả mà quý ông đại diện tên là chi?

- Là ông Trưởng giả Migāra, thưa tiểu thư.

- Trưởng nam của ông Trưởng giả tên là chi?

- Là Puṇṇavaḍḍhana công tử, thưa tiểu thư.

Tiểu thư nhận lời cầu hôn vì thấy dòng dõi của Puṇṇavaḍḍhana cũng môn đẳng hộ đối với dòng dõi nhà mình, tiểu thư nhắn tin về cho phụ thân:

- Xin cho kiệu xa đến rước con.

Lúc trước, tiểu thư đi bộ ra khỏi nhà, nhưng từ khi nhận chiếc vòng kim hoa đeo lên cổ rồi thì không được tự do đi bộ như thế nữa.

Các tiểu thư vọng tộc đi bằng kiệu xa nhỏ nhẹ, còn những thiếu nữ hầu trèo lên thứ xe nhỏ thường hoặc là cầm lòng hoặc là lấy quạt che phía trên đầu, bằng chẳng vậy thì các cô lấy y choàng phủ lên vai.

Ông Trưởng giả Dhanañjaya gọi đến cho tiểu thư năm trăm cỗ xe, tiểu thư cùng với các thị nữ đồng lên xe trở về nhà. Tám ông Bà la môn cũng đi theo một lượt.

Khi thấy các ông mai, ông Dhanañjaya hỏi:

- Quý khách từ đâu lại đây?
- Thưa Trưởng giả, từ thành Sāvattihī.
- Trưởng giả thành ấy tên là chi?
- Thưa là Migārasettihī.
- Con trai ông tên là gì?
- Thưa tên là Puṇṇavaḍḍhana công tử.
- Gia sản của ông ấy được bao nhiêu?
- Thưa Trưởng giả được bốn trăm triệu đồng vàng.
- Bấy nhiêu đó mà so sánh với gia sản nhà ta thì đàn ông còn thua xa lắm. Kể ra cũng chưa đủ tiền phẩn sấp cho con gái ta, chớ đừng nói chi đến tiền khác. Tuy nhiên, một khi gặp chỗ xứng đáng cho con gái mình nương tựa thì còn so hơn tính thiệt mà làm gì.

Nói rồi, ông Dhanañjaya nhận lời cầu hôn của các vị Bà la môn, ông cầm các ông mai ở lại khoản đãi trong hai ngày rồi tiễn chân các ông trở về thành Sāvattihī.

Khi về đến kinh thành, họ báo tin mừng cho Trưởng giả Migāra: “Chúng tôi đã tìm được nàng dâu có đủ ngũ mỹ đức.”

- Nàng ấy là con nhà ai?

- Là ái nữ của Trưởng giả Dhanañjaya.

Nghe vậy, Trưởng giả Migāra nghĩ thầm: “Ta may mắn được dâu con nhà vọng tộc. Vậy ta nên cưới đem về cho gấp.”

Ông vào trình với quốc vương để đi Sāketa, lo việc hôn nhân cho trưởng tử.

Quốc vương phán rằng:

- Đại gia tộc ấy là do trăm đã sang viếng vua Bimbisāra, thỉnh được đưa về ngụ nơi Sāketa. Quả nhân cần phải ưu đãi, quý trọng, vậy để quả nhân cùng đi với khanh.

Ông Trưởng giả Migāra vâng lời, đáp: “Lành thay, tâu bệ hạ.”. Đoạn ông trở về nhà, thảo ngay một bức thư gọi cho bá hộ Dhanañjaya, lời lẽ vẫn tắt như vậy: “Khi bị nhân đến sẽ có đức vua cùng đến và quân gia rầm rộ đông đảo, hằng bấy nhiêu người cần phải thù tiếp, tiên sinh liệu có thể lo kham hay không?”.

Ông Dhanañjaya phúc thư rằng: “Dầu cho có mười vị quốc vương đến cũng tốt vậy.”.

Thế là, trọn cả kinh đô rộng lớn như thế, ngoại trừ những người phải trông nom nhà cửa, còn tất cả bao nhiêu cư dân, ông Migāra đều cho đi theo dự lễ thành hôn. Đến một địa điểm cách Sāketa nửa do tuần, ông Migāra lựa chỗ cắm trại, rồi gọi thư báo tin cho đàn ông: “Chúng tôi đến.”.

Ông Dhanañjaya cho người mang nhiều lễ vật đến đãi sui gia, rồi gọi con gái đến hỏi ý kiến rằng:

- Này con, nghe nói cha chồng của con cùng các vương gia xứ Kosala đến đây. Vậy con thử nghĩ: Trong các lâu đài của ta, nên tiếp đãi cha chồng con trong tòa lâu đài

nào, quốc vương tại lâu đài nào, chư Tiểu vương tại ngôi nào?

(Tiểu thư là một bậc hiền minh, có trí tuệ sáng suốt, quyết định mau lẹ chớp nhoáng, nhờ nàng đã phát nguyện từ một trăm ngàn kiếp trái đất về trước.).

Khi nghe phụ thân hỏi, tiểu thư bèn đáp:

- Cha hãy tiếp đãi cha chồng của con ở ngôi nọ, quốc vương ở ngôi nọ, các tiểu vương thì ở những ngôi kia.

Chỉ dẫn cho phụ thân xong rồi, tiểu thư cho gọi các nô tỳ gia đình đến phân phát công việc:

- Bao nhiêu đây hãy lo cơm nước đãi đằng quốc vương, bao nhiêu đây hãy lo đãi các tiểu vương... Ngoài ra các người cũng phải lo sẵn sóc voi, ngựa ăn uống đàn hoàng tử tể, phải lo cho các tượng nô, mã phu theo hầu quốc vương, để họ được rảnh rang mà dự lễ nữa...

- Tại sao vậy?

- Đừng để cho một ai có lời phiền trách, như nói: “Chúng ta đi dự lễ cưới của tiểu thư Visākhā mà chẳng có được chút gì vui thú, vì mắc lo giữ ngựa chăn voi, không đi đâu được hết.”.

Trong ngày ấy, thân phụ của tiểu thư Visākhā cho rước năm trăm thợ kim hoàn đến tư thất, đặt khoán cho họ: “Hãy làm cho con gái ta một sợi dây chuyền thật lớn như cái áo dài.”. Rồi ông giao cho thợ một trăm ngàn đồng vàng (Nikkha), đủ số lượng bạc và kim cương... trân châu, san hô, ngọc thạch để cẩn theo kiểu mẫu...

Quốc vương ở lại vài ba ngày, rồi sai cận thần mang chiếu chỉ cho ông Trưởng giả Dhanañjaya:

- Khanh không thể đảm nhận trọng trách cung cấp cho quả nhân cùng với tất cả binh gia tùy giá lâu dài được. Vậy hiền khanh khá chọn ngày lành tháng tốt làm lễ vu qui đi.

Trưởng giả Dhanañjaya vội vàng gửi sớ phúc đáp quốc vương:

- Bây giờ đang đầu mùa mưa, trọn bốn tháng này, sự lưu thông sẽ bị gián đoạn. Tất cả những nhu yếu phẩm của đạo quân tùy giá, bất cứ món chi bệ hạ cần đến, hạ thần xin gánh chịu hết; bao giờ hạ thần tiền biệt, chừng ấy bệ hạ sẽ ngự giá đăng trình.

Từ đó trở đi, thành Sāketa luôn luôn tưng bừng rộn rịp như trong những ngày tết vậy, từ quốc vương cho đến quân dân không sót một ai, tất cả đều được cung cấp đầy đủ vật dụng như tràng hoa, vật thơm, y phục, thuốc men... Ai ai cũng nghĩ rằng: “Trưởng giả hậu đãi chúng ta thật thanh tình.”.

Ba tháng đã qua như thế, sợi dây chuyền vàng nạm ngọc vẫn chưa làm xong, các nữ giám thị, nữ công nhân đầu bếp thừa với Trưởng giả Dhanañjaya:

- Mọi công việc đều trôi chảy, không chi rắc rối cả, nhưng củi gần hết, không đủ chụm để nấu ăn đãi binh lính trong tháng tới.

- Các người hãy đi khắp thành, xem những chuồng voi, chuồng ngựa, chuồng bò nào mục cũ, và những trại xiêu vẹo tới tuổi rồi thì cứ việc dỡ xuống hết lấy làm củi chụm.

Thứ nhiên liệu này chỉ xài được có nửa tháng, các nữ giám thị lại bẩm cho Trưởng giả biết để liệu định.

- Trong mùa này không làm cách nào kiếm được củi, thôi thì các người hãy mở kho vải ra, lấy vải thô xấu quần bó làm đước, đem tẩm vào các thùng dầu chai để nấu ăn thế cho củi vậy.

Các nữ giám thị vâng lời chủ làm y như thế trong nửa tháng. Như thế là trọn bốn tháng mùa mưa, món nữ trang của tiểu thư cũng làm xong.

Món trang sức đặc biệt này, thợ cần đến bốn gáo (Nali) kim cương, mười một gáo trân châu, hai mươi hai gáo san hô, ba mươi ba gáo ngọc ma ni bảo châu, như thế là nó chứa hết bao nhiêu thứ bảo châu này, bảo châu nọ. Thợ không dùng chỉ thường, mà dùng sợi chỉ làm bằng bạc để kết, nếu thắt nó lại phía trên rồi thả thòng xuống thì đến bàn chân. Ở nhiều nơi thợ kết những nút bằng vàng, khuy thì bằng bạc để gài cho chắc, trên đầu, hai nút ở hai tay, một nút ngay yết hầu, hai nút ở đầu gối, hai nút ở chỗ cánh chỏ, một nút trước ngực, và một nút chỗ eo lưng.

Trong món nữ trang y như cái áo này, thợ có làm một con Khổng Tước (Công) đang múa, cánh phải có năm trăm cái lông đều bằng vàng ròng, cánh trái có năm trăm cái lông cũng toàn là vàng ròng, mỏ công bằng san hô, mắt bằng bảo châu, chỗ cổ và đuôi cũng vậy, đuôi công có năm trăm hình mặt trời, chân công bằng bạc.

Món nữ trang này khi tiểu thư đội lên đầu, trong giống hệt như con Khổng Tước đứng trên chót núi đang múa thật vậy.

Tiếng reo của ngàn cái lông có hình mặt trời nghe du dương như tiếng nhạc thiên thai vang rền như tiếng ngũ âm. Khi đến gần trông thật rõ mới biết không phải là chim thật.

Vật liệu dùng làm món trang sức này trị giá đến chín

mười triệu và tiền công thợ là một trăm ngàn Kahāpaṇa.

(Do phước báu nào mà tiểu thư làm chủ được món nữ trang này? Tương truyền rằng: “Trong thời kỳ Đức Phật Kassapa tiểu thư đã cúng dường y và vải may y đến hai muôn Tỳ khưu, nàng dâng luôn cả kim chỉ màu nhuộm để cho chư Tăng tự ý sử dụng. Do phước cúng dường y phục này mà tiểu thư được sợi dây chuyền to lớn quý giá này. Phụ nữ dâng y thì được phát sanh nữ trang to quý như thế, còn nam nhân khi xuất gia thì có y bát sẵn, do thân thông phát sanh.)

Trưởng giả Dhanañjaya sửa soạn tư trang cho tiểu thư trong bốn tháng như thế, mà còn cho thêm tài sản để làm của hồi môn, đem theo về nhà chồng: năm trăm cỗ xe bò chở đầy tiền vàng, năm trăm cỗ chén quý, đĩa quý bằng vàng, năm trăm cỗ chén đĩa bạc, năm trăm cỗ mâm thau, năm trăm cỗ dầu sữa, năm trăm cỗ đường mía, năm trăm cỗ mâm đồng đen, năm trăm cỗ tơ lụa hàng vải, năm trăm cỗ sanh tô, năm trăm cỗ gạo ngon, năm trăm cỗ nông cụ như lưỡi cày, lưỡi cuốc... Người ta nói rằng: Ông Trưởng giả muốn cho con gái mình về nhà chồng khỏi phải lo thiếu thốn món này món nọ, phải đi chạy mượn của nhà khác, nên cho đủ thứ nông cụ như thế!

Ông Trưởng giả còn cho một trăm chiếc xe kiệu trên mỗi chiếc xe đều có ba nàng tỳ nữ, trang sức lộng lẫy để theo phục dịch tiểu thư. Ông dặn tất cả nữ tỳ hãy lo tắm rửa, cho ăn uống và trang điểm cho tiểu thư.

Khi ấy ông còn tính: “Ta sẽ cho con gái ta nhiều bò cái.”, ông cho gọi gia đình đến và bảo: “Nè mấy đứa bây đi mở cửa chuồng bò nhỏ ra, rồi cách xa ba dặm đường, lấy ba cái trống đứng đó và đứng thành hai hàng hai bên, chừa khoảng trống ở giữa một dặm đường, giữ đừng cho bò cái chạy tán lác bậy bạ. Đứng xong rồi nổi trống hiệu lên.”.

Các gia đình chặn bò vàng lệnh làm y theo như vậy, đàn bò cái ra khỏi chuồng, đi được một dặm thì họ nổi trống, và khi đàn bò đi được ba dặm, họ lại nổi trống báo hiệu lần thứ ba, và chặn bò trong chuồng lại. Trên khoảng đường dài ba dặm (gāvuta) rộng một trăm bốn mươi hắc (usabha) đàn bò cái đứng chật ních, con nọ đụng vai con kia.

Ông Trưởng giả ra lệnh: “Bấy nhiêu bò cái ngoài này cho tiểu thư đủ rồi, thôi bây giờ hãy đóng cửa chuồng lại.”

Trong lúc gia đình vừa đóng cửa chuồng, do quả phước của tiểu thư, những con bò cái tơ khỏe và nhiều con bò mẹ khác đua nhau nhảy qua cửa cổng thoát ra ngoài, các gia đình chặn cách nào cũng không được. Nên sáu chuồng khoảng sáu mươi ngàn con bò đực và sáu mươi ngàn con bò mẹ dẫn theo cũng ngần ấy bò lứa (Do nhân nào cho quả phước khiến cho tiểu thư được thêm bấy nhiêu bò cái đó? Do quả phước cúng dường vật thực mà Tăng đã ngăn cản. Tương truyền rằng: Trong thời giáo pháp của Đức Chánh Biến Tri Kassapa, tiểu thư là Công chúa thứ bảy của vua Kikī, mỹ danh Saṅghadāsī

(Tăng Tỳ), có cúng dường năm món nguời vị đến hai mươi ngàn vị Tỳ khưu. Trong khi ấy có những vị Tỳ khưu và Sa di trẻ tuổi đầy nắp bát lại không nhận nữa, nói rằng: “Thôi, thôi”, nhưng Công chúa vẫn nói ép: “Món này ngon lắm, món này ngọt lắm.” Và đựng cho bằng được. Do phước báu của việc lành đó, khiến cho mấy muôn con bò cái đầu bị ngăn cản cũng cứ nhảy tràn ra.).

Khi Trưởng giả chia gia tài cho tiểu thư bấy nhiêu đó, thì bà Sumanadevī bảo rằng:

- Tất cả mọi thứ ông lo chu đáo rồi, nhưng còn tôi trai tứ gái, kẻ ăn người ở trong nhà sao ông không lo cho nó?

- Bởi vì tôi muốn biết kẻ nào ưa cùng kẻ nào không ưa con gái mình. Tôi không thích cái lối tống cổ đưa đi nếu họ không muốn đi. Vậy đến bữa đưa dâu lên xe hoa, ta sẽ hỏi tất cả gia nhân “Ai muốn theo tiểu thư thì cứ đi. Ai muốn ở lại thì cứ ở lại chớ ta không cấm cản chi đâu.”

Khi đã định ngày cho con gái xuất giá, ông Trưởng giả ngồi trong thư phòng, cho tiểu thư ngồi gần một bên dận dỏ, dạy dỗ rằng:

- Này con! Con gái về nhà chồng thì phải biết làm tròn bốn phận dâu con, đối xử với thân quyến bên chồng phải giữ nề nếp con nhà gia giáo...

Ông Migāra ngồi trong gian phòng bên cạnh cũng nghe được những lời của ông Trưởng giả Dhanañjaya dạy con như thế. Ông Dhanañjaya còn ban huấn từ cho tiểu thư như vậy:

- Này con! Con ở nhà chồng thì:

1. Không nên đem lửa trong nhà ra ngoài.
2. Không nên đem lửa bên ngoài vào nhà.
3. Không nên cho đến kẻ không đáng cho.
4. Nên cho đến kẻ nào đáng cho.
5. Nên cho đến kẻ cho và cả kẻ không cho.
6. Nên ngồi cách an vui.
7. Nên ăn cách an vui.
8. Nên ngủ cách an vui.
9. Nên coi chừng lửa.
10. Nên lễ bái chư Thiên trong nhà.

Sau khi ban thập điều gia huấn cho tiểu thư Visākha.

Ngày hôm sau, Trưởng giả Dhanañjaya triệu thỉnh các tướng lĩnh chỉ huy đoàn quân hộ giá đến chứng minh, rồi ông đứng giữa đó, bảo tám vị Trưởng lão gia tộc làm giám hộ rằng:

- Nếu con ta đến nơi, có ai tố cáo nó lỗi lầm chi, các ông hãy nên làm cho ra lẽ.

Nói rồi, Trưởng giả Dhanañjaya đeo lên cho tiểu thư món nữ trang là sợi dây chuyền to lớn trị giá chín mươi triệu, cho tiểu thư năm trăm bốn mươi triệu đồng tiền vàng là tiền mua mật ong để tắm gội. Đoạn ông sai người thắng xe đưa ông với tiểu thư đi khắp châu thành Sāketa, đánh trống truyền rao cho dân làm công trong mười bốn làng của ông: “Ai muốn đi theo con gái ta thì cứ đi.”.

Dân làng nghe rao, đồng nói: “Nay tiểu chủ của ta ra đi, ta còn ở lại đây mà làm gì?”. Thế là tất cả dân cư trong mười bốn làng ra đi hết, không còn một người nào ở lại.

Trưởng giả Dhanañjaya dâng, biếu nhiều tặng phẩm đến quốc vương cùng Trưởng giả Migāra, đi theo đưa tiễn kiệu hoa cùng các tân khách một đoạn đường rồi mới trở lại.

Ông Trưởng giả Migāra ngồi trên cỗ xe đi sau cùng, trông thấy đoàn người đi theo đông đảo, bèn hỏi:

- Đám người này là ai?

- Họ là những tôi trai tớ gái và người làm công của tiểu thư, dâu của ông đó.

- Họ đông quá, ai mà nuôi cho nổi, hãy đánh đuổi họ chạy bớt đi, còn ai không chịu chạy thì cho họ theo.

Tiểu thư Visākhā liền bảo họ rằng:

- Hãy khoan, đừng ngăn cản họ, đoàn người này sẽ lo cơm nước cho binh lính.

Nghe vậy, Trưởng giả Migāra bảo rằng: “Này con, nhà ta không cần dùng những người ấy, ai đâu mà nuôi họ.”.

Thế rồi, ông lấy đất cục, gây gộc liệng họ và đánh đuổi họ chạy đi bớt, chỉ còn giữ lại một số ít, không chạy đi và nói: “Bấy nhiêu đây cũng đủ dùng rồi.”. Đoạn tiếp tục lên đường.

Khi đến cổng thành Sāvattthī, tiểu thư Visākhā nghĩ thầm: “Ta sẽ ngồi trong xe bút bùng hay là sẽ đứng trên xe nhỏ mà vào thành?”. Rồi tiểu thư nghĩ rằng: “Nếu ta ngồi trong xe bút bùng mà vào thành thì phẩm giá món trang sức quý giá này chẳng một ai thấy hết.”, tiểu thư bèn đứng trên một cỗ xe nhỏ nhẹ mà đi vào thành để cho toàn dân trong thành đều trông thấy tiểu thư hết.

Dân thành Sāvattthī trông thấy tài sản của tiểu thư Visākhā đều nói: “Nghe nói rằng cô dâu là nàng Visākhā, nàng đã đẹp như thế lại giàu quá mức như vậy. Thật là xứng đáng hết sức.”.

Ngày về nhà chồng, tiểu thư Visākhā đã biếu dương tài sản to lớn của mình như thế đó. Ngày ấy, toàn dân chúng trong thành đều gửi quà tùy theo sức của mình mà tặng cô dâu mới, vì họ nghĩ rằng: “Lúc đến Sāketa, thành của Trưởng giả Dhanañjaya, chúng ta được Trưởng giả tiếp đãi trọng hậu.”.

Nhận được tặng phẩm của các nhà gửi đến, tiểu thư liền hoàn lại bằng cách trao đổi quà tặng với các nhà. Tiểu thư khôn khéo gửi quà biếu cho toàn dân trong thành tùy theo tuổi tác và gia thế của họ với những lời lễ triu mến ngọt ngào như những thân nhân: “Đây là quà của thân

mẫu tôi, đây là quà của thân phụ tôi, đây là quà của anh tôi, đây là quà của chị tôi...”.

Lúc chàng vạng tối con ngựa cái trắng của nàng đẻ con, tiểu thư sai bọn nữ tỳ đốt đuốc soi đường đi xuống chuồng ngựa, lấy nước ấm tắm rửa sạch sẽ cho nó, thoa dầu khử phong cho nó rồi mới trở về chỗ ngủ.

Mặc dầu ông Trưởng giả Migāra ở gần chùa nhưng lúc cưới vợ cho con trai, ông chẳng hề lưu ý đến Đức Như Lai cùng chư Tăng. Đã từ lâu rồi, ông đặt niềm tin vào nhóm đạo sĩ lửa thể.

Một ngày nọ, ông dự định cúng dường đến các vị Đại đức của ông, ông cho nấu cơm trắng với sữa tươi rắc ròn trong hàng trăm cái nồi mới, rồi thỉnh năm trăm vị đạo sĩ lửa thể đến nhà, khi họ đã vào nhà rồi, ông cho gọi tiểu thư Visākhā:

- Con dâu của ta, hãy đến và đánh lễ các vị A La Hán.

Nghe tiếng A La Hán, nàng Visākhā rất mừng rỡ vì nàng là nữ Thịnh Văn đã đắc Tu Đà Hườn.

Tiểu thư đến ngay phòng các đạo sĩ đang ăn, trông thấy họ, nàng trách cha chồng rằng:

- Những người này không biết hổ thẹn và ghê sợ tội lỗi như thế, họ không phải là những vị A La Hán đâu. Tại sao cha lại gọi con đến đây?

Tiểu thư bỏ trở về tư thất.

Nhóm đạo sĩ lửa thể trông thấy tiểu thư có thái độ như thế, đồng loạt quở trách nặng nề ông Migāra:

- Này gia chủ, tại sao ông đưa về nhà con tiện tỳ hèn mạt đệ tử của Sa môn Gotama, là kẻ khác đạo của chúng ta. Ông hãy mau lôi cổ, tống nó ra khỏi nhà cho rồi.

Ông Migāra nghĩ thầm: “Dâu ta là con nhà thế gia vọng tộc không thể lười kéo đuôi xô theo lời các Ngài đây được.”.

Trưởng giả đành nói cho xuôi chuyện:

- Bạch các Ngài! Bọn trẻ tuổi làm chi có ý thức được, chỉ là bọn vô ý thức. Xin các Ngài làm thỉnh bỏ qua cho.

Sau khi tiễn đưa các tu sĩ lửa thể, ông Migāra ngồi trên một cái ghế rất đắt tiền, ăn cơm trắng nấu bằng mật ong pha ít nước đựng trong một cái chén bằng vàng. Ngay khi ấy, một vị Đại đức hạnh Đầu đà thường đi khất thực, đi vào cổng nhà ông Trưởng giả, đang đứng quạt hầu cha chồng, nàng Visākhā trông thấy vị Đại đức, bèn đứng nép qua bên để cha chồng nhìn thấy vị Đại đức, chớ tiểu thư không muốn chi. Nhưng Trưởng giả là người kém trí, tuy thấy vị Đại đức nhưng làm như không thấy, chỉ cúi đầu xuống ăn như thường.

Tiểu thư biết rằng cha chồng mình trông thấy vị Đại đức nhưng không thấy lộ vẻ gì cả, bèn bạch rằng:

- Bạch Ngài! Xin đi nơi khác, cha tôi đang ăn vật thực cũ (Purārakam).

Lần trước nghe tiểu thư miệt thị nhóm Nigantha (Ni Kiền Tử), ông Migāra còn nhin được, nhưng lần này nghe nói ông ăn đồ ăn cũ, ông dừng tay lại không ăn nữa và bảo:

- Hãy lấy chén cơm này đem đổ đi và lôi con nhỏ đó ra khỏi nhà ta ngay lập tức. May mà cưới nó về chưa bao lâu mà nó đã dám bảo cha chồng nó ăn đồ dơ như bây giờ đây.

Lúc bấy giờ, gia nhân trong nhà đều là người của tiểu thư thì có ai dám đến gần nàng nắm tay hoặc nắm chân nàng, cũng không ai dám mở miệng nói lời chi cả.

Nghe cha chồng bảo vậy, tiểu thư Visākḥā đáp rằng:

- Thưa cha, bấy nhiêu đó chưa đủ cho con ra khỏi nhà dâu, con không phải là hạng nữ tỳ ở bến tắm mà cha đem về đâu, con là con gái có cha mẹ đáng hoàng đều còn sanh tiền cả. Con được cưới hỏi đủ lễ đem về, không thể ra đi vì chuyện không đáng tội. Vì lẽ này mà khi xuất giá, cha con đã mời tám vị Trưởng lão đến làm giám hộ cho con và nói: “Nếu con gái tôi có bị tố cáo vì lỗi lầm chi thì các ông hãy làm cho ra lẽ minh bạch.”, cha con đã giao phó con cho mấy vị kỳ lão xét đoán, vậy thì cha hãy cho mời mấy ông ấy đến đây phân xử việc này mới được.

Ông Trưởng giả suy nghĩ: “Con này nói phải.”, ông cho mời tám vị kỳ lão đến, trình bày:

- Con nhỏ này, trong khi tôi đang ngồi ăn cơm trong ngày lễ cơm trắng nấu với sữa rắc ròn, đựng trong chén bằng vàng, mà nó dám nói tôi: “Ăn đồ dơ”. Xin các Ngài hãy buộc tội nó, và đuổi nó ra khỏi nhà giùm tôi.

- Có đúng như lời ông nói không, tiểu thư?

- Cháu không bao giờ nói với ý như thế. Trong lúc cha chồng đang ăn, có vị Đại đức trì bình khất thực đến đứng trước cửa nhà, cha chồng cháu đang ăn cơm trắng nấu rắc sữa, không lưu ý đến vị ấy, cháu nghĩ: “Trong kiếp hiện tại cha chồng ta không tạo phước mới, mà chỉ ăn toàn phước cũ không mà thôi.”. Cháu nói với ý nghĩa này, như thế cháu không có tội chi cả.

- Thưa Trưởng giả, nó nói như thế thì không có lỗi, cháu chúng tôi nói đúng lý. Tại sao ông lại giận hờn nó mà chi.

- Thưa quý vị, việc ấy tôi cũng cho là vô tội đi, nhưng có việc này, một đêm nọ nó dắt tôi trai tở gái đi vòng ra phía sau nhà...

- Ông nói thế có đúng như vậy không cháu?

- Thưa các bác, cháu ra đi không vì lẽ gì bậy bạ, nguyên vì con ngựa của cháu đẻ con trong chuồng nhà này. Cháu nghĩ: “Mình biết tin mà ngồi không chẳng làm gì hết thì không phải cách.”. Cháu có bảo đốt đuốc soi đường rồi đi với mấy con tỳ nữ xuống săn sóc cho con ngựa cái mới sanh con. Làm như thế, cháu có tội chi đâu.

- Thưa quý vị, việc này kể là vô tội cũng được. Nhưng còn việc này nữa, khi con này sắp về đây, cha nó có dạy mười điều bằng thứ tiếng lóng, cho nên tôi không hiểu được ý nghĩa ra sao. Tôi muốn nó giải thích cho tôi nghe rõ rệt, chẳng hạn như cha nó bảo rằng: “Không nên đem lửa trong nhà ra ngoài.”. Có thể nào nhà chúng tôi không cho nhà ở hai bên cạnh mỗi lửa được ư?

- Ông nói thế có đúng không cháu?

- Thưa các bác, cha cháu không có ý muốn nói như thế, mà người muốn nói như vậy: Con ơi, đầu cho con có nhìn thấy chỗ xấu của chồng và cha mẹ chồng con, thì giữ kín trong nhà chớ để lọt ra ngoài cho thiên hạ biết. Quả thật không có thứ lửa nào nóng như thế cả.

- Thưa quý vị, việc ấy có thể là được đi. Nhưng cha nó còn dạy rằng: “Không nên đem lửa bên ngoài vào nhà.”, làm sao không có thể lấy lửa từ ngoài đem vào, nếu rủi như nhà tắt hết cả lửa?

- Lời ông nói có đúng không vậy cháu?

- Thưa các bác, cha cháu không có ý nói như thế đâu. Người muốn dạy cháu như vậy: “Nếu như trong những nhà lân cận, người nữ hoặc người nam nói xấu chồng hay vợ hoặc cha mẹ chồng, mình nghe rồi không nên đem về học lại, những người đó đã nói xấu anh chị như thế.”. Không có lửa nào bằng thứ lửa ấy cả.

- Như thế trong cái lý này, cháu chúng tôi không có lỗi.

- Cũng như mấy câu trên, các câu kể được tiểu thư giảng giải lần lượt như sau: Khi cha nàng nói: “Nên cho đến người đáng cho.”, nghĩa là nên cho đến người nào mà sau này khi thọ lãnh được đồ vật còn biết đền đáp, cho trở lại (những người nào mượn đồ đạc, dùng rồi đem trả lại tử tế thì nên cho họ mượn).

Câu: “Không nên cho đến người không cho.”, có nghĩa là không nên cho đến những người nào mà sau khi thọ lãnh đồ vật xin được, không biết đền đáp, cho trở lại (những người nào mượn đồ đạc, dùng rồi không đem trả lại thì không nên cho họ mượn).

Câu: “Nên cho đến người cho và người không cho.”, có nghĩa là đối với thân bằng quyến thuộc nghèo khó, đầu cho họ có thể trả được hay không cũng nên cho họ mượn (nên giúp đỡ họ).

Câu: “Ngồi cách an vui.”, có nghĩa là khi đang ngồi mà thấy chồng hoặc cha mẹ chồng thì phải đứng dậy chào, không nên ngồi nữa.

Câu: “Ăn cách an vui.”, có nghĩa là trước bữa ăn phải lo cơm nước cho chồng và cha mẹ chồng ăn trước, lại phải trông coi tất cả người trong nhà có ai thiếu đủ gì không, rồi mới nên tự mình ăn.

Câu: “Ngủ cách an vui.”, có nghĩa là không nên đi ngủ trước chồng và cha mẹ chồng, phải lo kiểm soát trong nhà, trông coi cửa nẻo, đề phòng người ăn kẻ ở có sai sót việc chi không, sau rồi tự mình mới lên giường.

Câu: “Nên giữ chừng lửa.”, nghĩa là nên coi chồng và cha mẹ chồng cũng như là lửa, cũng như là rắn chúa trong khi tiếp xúc phải lưu tâm cẩn thận.

Câu: “Nên lễ bái chư Thiên trong nhà.”, có nghĩa là nên cung kính chồng và cha mẹ chồng như là chư Thiên.

Nghe tiểu thư giải xong nghĩa lý của mười điều gia huấn, ông Migāra cúi xuống làm thỉnh, không nói lời nào trách cứ được nữa.

Khi ấy các vị bô lão hỏi: “Thưa Trưởng giả, cháu gái của chúng tôi có còn làm lỗi gì nữa chăng?”.

- Thưa quý vị, không.

- Nó không làm lỗi thì tại sao Ngài ra lệnh đuổi nó ra khỏi nhà?

Nghe được lời này, tiểu thư Visākha bèn nói:

- Thưa các bác, ban đầu nghe lời cha chồng cháu đuổi cháu đi, nếu cháu bỏ đi liền thì không phải cách, vì khi cháu xuất giá, cha cháu có đặt cách cháu dưới quyền giám hộ của các bác. Nay các bác đã biết rõ là trong việc này, cháu không có làm lỗi chi tất cả, thì bây giờ cháu ra khỏi nhà này là phải cách lắm.

Nói rồi, tiểu thư cho gọi các tôi trai tớ gái bảo họ chuẩn bị đồ đạc xe cộ đặt lên đường.

Khi ấy Trưởng giả liền phân chứng cùng tám vị kỳ lão và năn nỉ cô dâu rằng:

- Con à! Vì cha không biết xét nên đã nói oan cho con, con hãy thứ lỗi cho cha đi.

- Thưa cha, nếu cha có lỗi gì đáng xóa bỏ thì con xóa bỏ hết. Ngược lại, con chỉ xin cha chấp thuận cho con vậy: Vì con là con gái của một gia tộc có đức tin trong sạch với Phật pháp, không muốn sống cách biệt với chư Đại đức Tăng, nếu cha vui lòng cho con được hộ độ chư Tăng thì con sẽ ở lại đây.

- Này con cứ tự tiện lo việc hộ độ các ông Sa môn đi.

Được lời cha chồng cho quyền tự do, tiểu thư bèn cho người đi thỉnh Đấng Thập Lực ngày hôm sau đến nhà thọ thực ngay tại tư gia của Trưởng giả Migāra. Các đạo sĩ lửa thể được tin Đức Bốn Sư đến thọ lãnh vật thực tại nhà của ông Migāra, bèn ráp nhau đến ngồi xung quanh tư thất của ông.

Sau khi xối nước khai mạc lễ Trai Tăng, tiểu thư Visākhā gửi thư cho cha chồng: “Tất cả lễ vật đều sắp đặt xong, xin thỉnh cha đến sát bát cúng dường đến Đấng Thập Lực.”.

Khi ấy các du sĩ lửa thể liền ngăn cản ông Trưởng giả, nói rằng: “Này gia chủ, ông đừng đi đến chỗ Sa môn Gotama.”.

Ông Trưởng giả phải viết thư trả lời rằng: “Dâu của cha cứ việc lo cúng dường sát bát một mình cũng được.”.

Nàng Visākhā đứng trông nom việc sát bát Đại đức Tăng có Đức Phật là vị Tăng trưởng. Khi các Ngài xong bữa, nàng lại nhắn tin cha chồng đến nghe thuyết pháp.

Khi ấy, ông Trưởng giả nói với nhóm lửa thể ngoại đạo rằng: “Bây giờ mà không đến đó thì bất lịch sự lắm.”.

Thấy ông Trưởng giả muốn đi nghe pháp và năn nỉ nhiều lượt, nhóm đạo sĩ lửa thể nói:

- Thôi được, nếu ông muốn đi nghe pháp của Sa môn Gotama thì hãy đến ngồi bên ngoài bức rèm mà nghe.

Nhóm đạo sĩ lửa thể liền lấy rèm bao quanh chỗ thuyết pháp, ông Trưởng giả đến ngồi bên ngoài rèm. Đức Bốn Sư nghĩ thầm: “Dầu cho ông có ngồi bên ngoài rèm, hoặc là ngoài tấm vách, hoặc là ngồi bên kia dãy núi hay ngoài địa cầu này, hay ngoài thế giới Ta bà đi nữa, Ta là

Phật thì Ta vẫn khiến cho ông nghe được Pháp âm của Ta.”.

Thế rồi, như một người lực sĩ nắm lấy cây Diêm phù to lớn, lắc mạnh, như trời mưa một đám mưa lớn bất diệt, Đức Bốn Sư bắt đầu thuyết lên tuần tự pháp.

Trong lúc Đức Chánh Biến Tri đang thuyết pháp, thì dầu cho người đứng phía trước, đứng phía sau, đứng cách xa cả trăm ngàn do tuần, đứng tận trên tầng trời Sắc cứu cánh, ai cũng cho rằng: “Đức Bốn Sư vì ta mà thuyết pháp, mỗi người đều cảm thấy y như Đức Bốn Sư chiếu cố đến mình và y như mình đang chuyện trò tâm sự vậy, có thể nói: “Chư Phật ví như mặt trăng giữa trời, tất cả chúng sanh ở dưới đất trông lên đều thấy hình như mặt trăng ở trên đầu mình. Cùng như thế ấy, người đứng nơi nào cũng trông thấy như mình đang đứng trước Đức Phật vậy. Đó là do hạnh nguyện Bồ thí Ba la mật mà Đức Bốn Sư đã hoàn thành viên mãn, như Ngài đã tự cắt đầu khôi ngô tuần tú của Ngài, đã móc cặp mắt sáng như sao băng, đã rút quả tim, đã dứt tình thâm thí Hoàng tử Jāli, Công chúa Kaphā, và Hoàng hậu Maddī, để có thể hoàn thành quả vị Phật Toàn Giác, thuyết pháp độ sanh.

Trong lúc Đức Bốn Sư thuyết tuần tự pháp thoại, có lớp có lang, càng nghe càng thấy cởi mở, ông Trưởng giả ngồi bên ngoài bức rèm cảm thông bằng cả ngàn lý lẽ, nên chúng đắc quả vị Dự Lưu đi đôi với đức tin bất thoái, có lòng tin trọn vẹn đối với Tam Bảo. Ông liền vén rèm bước vào nhà, kê miệng ngậm vú nàng dâu và tôn nàng lên làm mẹ mình: “Từ giờ trở đi, người là mẹ của tôi.”.

Kể từ đó, nàng Visākhā được mệnh danh là Migāramātā, về sau khi nàng có con trai, đặt tên con là Migāratissa.

Ông Trưởng giả nhả vú nàng dâu ra, rồi đến nằm mọp đầu dưới chân Đức Thế Tôn, đôi tay mơn trớn và

miệng hun hít đôi bàn chân của Ngài, nói rằng: “Bạch Ngài, con tên là Migāra, bạch Ngài, con tên là Migāra.”.

Sau khi tự xưng tên ba lần như thầy thế, Trưởng giả nói tiếp:

- Bạch Thế Tôn, trong kiếp này con có được hai lần đại phúc, nhờ nàng dâu mà con được thoát khỏi mọi khổ cảnh ác thú đạo. Nàng dâu của con đến nhà này mang theo sự lợi ích, sự tấn hóa, sự an vui đến con.

Nói rồi, ông ngâm lên kệ ngôn rằng:

“Sohaṃ ajjā pajānāmi,
Yattha dinnam mahapphalam;
Atthāya vata me bhaddā,
Sunisā gharamāgatāti.”

Lược dịch:

*“Hôm nay con biết rằng,
Cúng Phật đại quả sanh,
Lợi ích con nhiều thật,
Nhờ cưới được dâu lành.”*

Qua ngày sau, tiểu thư Visākhā lại tái thỉnh Đức Bốn Sư. Nhờ vậy mà mẹ chồng của nàng cũng chứng được Sơ quả trong ngày thứ hai ấy. Từ đó trở đi, ngôi nhà của tiểu thư luôn luôn mở rộng đối với Phật giáo.

Từ đó, ông Trưởng giả nghĩ thầm: “Ta có nhiều cách để biếu dâu ta những tặng vật. Quả thật vậy, món nữ trang của nó thật nặng nề, không thể mang theo luôn được. Ta sẽ làm cho nó món nữ trang vừa phải, có thể đeo luôn cả ngày lẫn đêm trong mọi oai nghi.”.

Ông mượn thợ kim hoàn làm một món nữ trang tên là Ghanamatṭhaka (Phủ Đầu), trị giá hàng trăm ngàn đồng

vàng, khi món nữ trang vừa xong, ông thỉnh Tỳ khưu Tăng có Đức Phật làm Tăng trưởng, đến nhà ông, ông kính cẩn dâng thực phẩm cúng dường, đoạn cho người tắm gội tiểu thư Visākhā bằng mười sáu nôi nước thơm, rồi để tiểu thư đứng trước mặt Đức Thế Tôn mà đeo cho nàng món nữ trang mới, và bảo tiểu thư đánh lễ Đức Bốn Sư. Đức Thế Tôn sau khi phúc chúc xong, Ngài trở về chùa.

Từ ấy trở đi, nàng Visākhā vẫn tiếp tục tạo được nhiều thiện nghiệp, nhứt là năng bố thí, bà đã xin Đức Bốn Sư ban cho bà tám đặc ân:

1. Dâng y đến Tăng suốt đời.
2. Để bát Tăng đến Sāvattthī.
3. Để bát Tăng rời Sāvattthī.
4. Để bát Tỳ khưu bệnh.
5. Để bát Tỳ khưu nuôi bệnh.
6. Dâng thuốc đến Tỳ khưu bệnh.
7. Dâng cháo sáng đến Tăng.
8. Dâng y tắm mưa đến Tỳ khưu Ni.

Thịnh danh của bà ngày càng tăng trưởng cũng như số con cháu của bà vậy. Tương truyền rằng: Bà có đến hai mươi người con, mười trai và mười gái, mỗi người con của bà cũng có hai mươi người con như thế, và mỗi đứa cháu của bà cũng có hai mươi người con như thế. Tổng cộng con và cháu của bà là tám ngàn bốn trăm hai mươi người, bà thọ được một trăm hai mươi tuổi. Trên đầu bà chẳng hề có được một sợi tóc bạc, trông bà lúc nào cũng như cô gái mười sáu tuổi, có khi bà đi chùa dắt theo cả đoàn con cháu, nhiều người trông thấy, hỏi nhau rằng: “Trong đám này, ai là bà Visākhā?”. Những người đang đi gặp bà đang đi thì nghĩ rằng: “Bây giờ ta hãy đi thông thả, đi như bà của

chúng ta đi, như vậy coi mới đẹp.”, những người trông thấy bà đứng, nằm hoặc ngồi thì nghĩ rằng: “Bây giờ ta hãy ngồi thông thả như bà ấy, coi mới đẹp.”, chưa có ai thốt lên lời chê bà một oai nghi nào trong bốn oai nghi cả. Bà có sức mạnh gấp năm lần con đại tượng.

Quốc vương nghe đồn bà Visākhā có sức mạnh gấp năm con đại tượng, bèn ngự giá đến chùa của bà để thỉnh pháp, đến khi trở về, quốc vương muốn thử sức mạnh của bà, nên khiến quân thả con tượng ra, con tượng giơ vòi lên cao, nhắm ngay bà Visākhā tiến tới. Trong nhóm năm trăm nữ nhân theo hầu bà Visākhā, có một số kinh hoàng bỏ chạy, một số ôm lấy chân bà, bà hỏi: “Cái gì thế?”.

Họ đáp: “Quốc vương muốn thử sức mạnh của bà nên cho thả tượng ra đó.”.

Bà Visākhā thấy con voi thì nghĩ thầm: “Việc gì mà ta phải bỏ chạy, để ta bắt nó lại. Nhưng nếu ta dùng cả sức ra chặn bắt nó, chắc nó phải chết.”.

Thế là, bà chỉ dùng hai ngón tay kẹp cứng cái vòi, bắt con tượng đứng lại, con tượng vùng vẫy nhưng rút vòi ra không nổi, rồi nằm xuống nền sân ngự. Đại chúng hoan hô vang dậy.

Bà Visākhā và đoàn phụ nữ theo hầu đều an toàn trở về nhà.

Thời bấy giờ, trong thành Sāvattihī chỉ có bà Visākhā là có nhiều con trai và cháu trai nhất, con cháu của bà đều mạnh khỏe, nên bà được xem là người có hạnh phúc tối thắng, trong số hàng ngàn con cháu ấy, chẳng một ai chết yếu cả.

Dân thành Sāvattihī, trong các đám tiệc lễ cưới bao giờ cũng mời bà Visākhā đến dự trước nhất.

Một hôm nọ, nhân dịp một lễ hội, bà Visākhā mang theo cả món trang sức nổi tiếng đi dự lễ hội, rồi bà lại đi chùa nghe pháp, khi đến chùa bà Visākhā cởi chiếc trang sức lộng lẫy quý giá ấy, giao cho đứa tớ gái mang.

Đoạn này có kinh ghi chép rằng: Thời ấy, trong thành Sāvattihī có lễ hội, nhiều người sửa soạn trang điểm lộng lẫy rồi đi chùa, bà Visākhā cũng trang điểm lộng lẫy đi lễ hội, rồi bà đi chùa, khi thấy bà tháo gỡ món trang sức lộng lẫy ấy, bỏ vào chiếc y Uất Đà La Tăng (vai trái), bỏ cột lại cho đảng hoàng rồi giao cho đứa tớ gái:

- Này con ở đây giữ cái này cho bà nghe.

Tương truyền rằng, khi đến chùa bà tự nghĩ thầm: “Mình đeo món trang sức quý giá này từ trên đầu xuống tới chân, đi vào chùa là không phải cách.”, cho nên bà cởi ra, bỏ lại và trao cho cô tớ gái có sức mạnh gấp năm lần con tượng mà bà là chủ nhân của cô, do theo phước báu của bà. Mạnh như thế nó mới mang nổi món nữ trang như thế, bà dặn nó:

- Này con, hãy cầm giữ món nữ trang này, bà vào bái yết Đức Bốn Sư rồi đeo vào.

Sau khi giao phó món nữ trang nặng nề quý giá ấy cho cô tớ gái, bà đeo chiếc Phủ Đầu, rồi vào gần Đức Bốn Sư ngồi thỉnh pháp, đến cuối thời pháp bà đánh lễ Đức Bốn Sư rồi từ chỗ ngồi đứng lên đi ra, đứa tớ gái bỏ quên món nữ trang quý giá ấy ở trong chùa, đi theo bà mà bà cũng không nhớ nhắc cô ta, khi thiện tín nghe pháp trở về hết, nếu có vật chi bỏ quên trong chùa thì Đại đức Ānanda có phận sự phải lấy đem cất, về sau trả lại cho sở hữu chủ. Vì thế, khi nhìn thấy gói trang sức bỏ quên ấy, Đại đức bạch lên cho Đức Bốn Sư biết:

- Bạch Ngài! Bà Visākhā ra về có bỏ quên món trang sức này lại đây.

- Ông hãy dẹp nó qua một bên đi, này Ānanda.

Đại đức mang món trang sức ấy treo cất tại chỗ lối đi bên cầu thang.

Bà Visākhā nói với bà Suppiyā, hai bà cùng đi rảo trong vòng đất chùa, để tìm xem có chư Tỳ khưu nào mới đến, hoặc sắp đi xa, hoặc đau yếu... ngó hầu lo sắp đặt việc hộ độ cho kịp giờ. Thường thường khi thấy hai bà tín nữ đi trong vòng đất chùa, các Tỳ khưu trẻ cùng các Sa di cần dùng thuốc trị bệnh như bơ, sữa, mật, đường, dầu, đều đem bát đến để nhận. Hôm ấy, chư Sư cũng làm như thế.

Trông thấy một vị Tỳ khưu bệnh, bà Suppiyā bạch hỏi:

- Đại đức cần dùng món chi?

- Nước cốt thịt.

- Dạ được, để đệ tử dâng cho Đại đức. – Nàng Suppiyā đáp.

Qua ngày sau, không kiếm được thịt tam tịnh, nàng Suppiyā cắt thịt bắp vế mình, gởi đến vị Tỳ khưu bệnh ấy. Rồi nhờ đức tin trong sạch nơi Đức Phật, thân thể bà lành lặn nguyên vẹn lại như cũ.

Bà Visākhā sau khi thăm viếng các Tỳ khưu bệnh, Tỳ khưu trẻ cùng với các Sa di, bà tách ra đi bằng một lối đi cổng khác, đứng sát cánh cửa chùa bảo cô tớ gái:

- Này con, hãy mang món trang sức cho ta đeo vào.

Khi ấy, cô tớ gái biết là sắp đi về, mới chợt nhớ mình đã bỏ quên món nữ trang trong chùa, cô bảo rằng:

- Bẩm bà, con bỏ quên rồi.

- Thế thì con hãy vào lấy đem ra đây, nhưng nếu Đại đức Ānanda cất giữ rồi, thì thôi con đừng đòi lại, kể như bà dâng cúng đến Đại đức rồi.

Người ta nói là bà Visākhā biết được việc Đại đức Ānanda có phận sự cất giữ đồ đặc của thiện tín bỏ quên, nên bà dặn cô tớ gái như thế.

Thấy cô nữ tỳ đến, Đại đức hỏi: “Con vào có việc chi?”.

- Dạ con bỏ quên món nữ trang của bà chủ, nên con trở vào lấy nó.

- Sư để nó ở lối lên cầu thang kia, con lại đó lấy đi.

- Bạch Đại đức, chủ con có dặn rằng: “Nếu vật ấy đã được Đại đức đụng tay vào rồi thì thôi, con không nên lấy lại.”.

Nói rồi, cô nữ tỳ trở ra với tay không.

- Thế nào con?

Nghe bà Visākhā hỏi, cô nữ tỳ thuật lại mọi sự.

- Này con, món nữ trang mà Đại đức đã đụng tay vào, bà sẽ không đeo để chưng diện nữa, bà sẽ dứt bỏ để cúng dường Đại đức. Nhưng để chư Tăng gìn giữ nó thì khó khăn cho các Ngài, để bà bán nó đổi lấy vật dụng hợp với lễ đạo, đem đến cúng dường chư Tăng. Vậy con hãy trở vào lấy nó đem ra cho bà.

Cô nữ tỳ đi lấy món trang sức đem ra, bà Visākhā không đeo nó nữa, bà cho gọi thợ kim hoàn đến để đánh giá, thợ nói:

- Món trang sức này trị giá chín mươi chín triệu, thêm một trăm ngàn đồng vàng tiền công.

Nghe vậy, bà Visākhā bảo để món trang sức ấy trên xe:

- Vậy thì các ông hãy bán nó giùm tôi đi.

Nhưng không ai xuất ra món tiền lớn để mua món nữ trang này cho nổi. Thật vậy, phụ nữ có sức mang nổi món nữ trang này khó kiếm được lắm. Trên hoàn cầu vào thời ấy chỉ có ba nàng đeo nổi món nữ trang ấy, đó là bà Visākhā, nàng Mallikā vợ của Bandhula và tiểu thư Mạt Ly con của Trưởng giả ở thành Bārāṇasī, vì vậy, bà Visākhā phải xuất ra số tiền ấy để mua lại món nữ trang của chính mình là chín mươi chín triệu và một trăm ngàn đồng vàng. Đoạn bà cho thắng xe bò, cho chở tiền mang đến chùa, vào đánh lễ Đức Bốn Sư, bạch rằng:

- Bạch Ngài! Đại đức Ānanda đã đụng tay vào món trang sức rồi, thì con không thể đeo được nữa, con định bán nó để mua vật dụng cúng dường cho hợp lễ đạo, nhưng đem bán ra thì không ai mua nổi, thành ra con mua trở lại. Vậy với số tiền đúng theo giá trị của nó, con nên mua món gì để cúng dường, Bạch Ngài?

- Này Visākhā, nếu nàng cất được chỗ ngụ của Tăng chúng ở ngoài cửa thành phía Đông thì phải cách lắm.

Nàng Visākhā hoan hỷ đáp: “Bạch Ngài, phải cách lắm.”.

Đoạn bà xuất ra chín mươi triệu mua đất, chín mươi triệu để xây cất chùa. Một ngày nọ, lúc trời gần sáng, Đức Thế Tôn quan sát thế gian, thấy công tử Bhaddiya, nguyên là một chư Thiên hạ sanh vào gia tộc của Trưởng giả trong thành Bhaddiya, công tử là người có duyên lành đáng được tiếp độ, cho nên sau khi thọ thực nơi nhà Trưởng giả Anāthapiṇḍika, Ngài đi ngay về phía cửa thành đô. Theo lệ thường, khi Đức Bốn Sư thọ thực nơi nhà của bà Visākhā thì Ngài ra cổng thành phía Nam và ngự về Jetavana, còn nếu Ngài thọ thực tại nhà ông Anāthapiṇḍika thì ngự ra cổng thành phía Đông, ngự về Đông Phương Tự

(Pubbārāma). Những người thấy Đức Bốn Sư ngự ra cửa Bắc, thì biết rằng: “Chắc Ngài sắp đi vân du.”.

Trong ngày ấy, bà Visākhā nghe tin Đức Bốn Sư ngự ra cửa Bắc, thì vội vàng theo đón Ngài, đánh lễ xong bạch hỏi rằng:

- Bạch Ngài, có phải Ngài định đi vân du phải chăng?

- Phải đó, này Visākhā.

- Bạch Ngài, con đã dứt bỏ bao nhiêu tiền của để cất chùa dâng Ngài. Xin Ngài hãy trở lại chùa, bạch Ngài.

- Này Visākhā, chuyển đi này ta không trở lại.

Bà Visākhā suy nghĩ rằng: “Hẳn là Đức Thế Tôn thấy điều chi có đủ nhân duyên trong chuyển đi này.”.

Bà Visākhā liền yêu cầu:

- Bạch Ngài, vậy xin Ngài cho bớt một vị Tỳ khưu rành rẽ Phật sự trở lại chùa con, rồi Ngài hãy đi.

- Này Visākhā, nàng ưng thỉnh vị Tỳ khưu nào thì xin thỉnh bát của vị ấy đi.

Mặc dầu yêu mến Đại đức Ānanda hơn vị nào hết, nhưng bà xin thỉnh bát của Đại đức Moggallāna, vì bà nghĩ rằng: “Đại đức Moggallāna có thần thông, nhờ có Ngài công việc của ta sẽ nhẹ nhàng, dễ dãi.”.

Đại đức nhìn Đức Bốn Sư, Ngài phán bảo rằng:

- Này Moggallāna, ông hãy dắt năm trăm Tỳ khưu quay lại đi.

Đại đức vâng lời, làm theo lệnh Đức Thế Tôn.

Do nhờ thần thông của Đại đức, mặc dầu số cây và đá cần dùng cách xa sáu mươi do tuần, những người đi trong ngày hôm ấy đều mang về thật nhiều đá to và cây lớn mà

khỏi phải ra công chất lên xe bò cho cực khổ, tổn thương. Không bao lâu, họ kiến tạo được một tòa nhà lâu hai tầng, tầng dưới có năm trăm căn, tầng trên có năm trăm căn phòng. Thành ra tòa lâu đài có một ngàn căn phòng, tòa lâu đài được xây cất trên một miếng đất trống, đứng trơ trọi giữa trời, xem không đẹp, thế là bà Visākhā cho cất thêm xung quanh năm trăm cái thiên thất, năm trăm ngôi nhà nhỏ, năm trăm ngôi nhà dài.

Đức Thế Tôn đi vân du hết chín tháng, Ngài mới trở lại thành Sāvattihī, công việc kiến tạo Tịnh thất của bà Visākhā vừa hoàn tất sau chín tháng ấy.

Trên nóc lâu, bà Visākhā cho gắn sáu mươi hình nhân đội ghè nước bằng vàng ròng đặc. Khi nghe Đức Bốn Sư ngự về Jetavana, bà ra khỏi thành nghinh tiếp Ngài, rước về chùa của mình và nhận được lời Ngài chuẩn hứa:

- Bạch Ngài! Trong bốn tháng này, xin Ngài đem cả Tỳ khưu Tăng về đây ở, con sẽ cất lâu đài.

Đức Phật nhận lời, từ đó về sau bà Visākhā cúng dường Tỳ khưu Tăng có Đức Phật là Tăng trưởng tại ngôi chùa của bà. Khi ấy, có một cô bạn gái của bà ôm tấm vải đáng giá một ngàn đồng vàng, đến hỏi bà: “Bạn à! Tôi muốn trái tấm vải này làm thảm trải nho nhỏ trong lâu đài của bạn, vậy bạn chỉ chỗ cho tôi trải.”

- Lành thay, này bạn, nếu tôi nói là không có chỗ nào trống thì bạn nghĩ là tôi không muốn cho bạn có dịp làm phước, vậy bạn tự mình đi xem khắp cả ngàn căn phòng trong tòa lâu đài, để kiếm chỗ trải thảm đi.

Bà bạn Visākhā ôm tấm vải một ngàn đồng vàng đi hết phòng nọ phòng kia, ngó không thấy chỗ nào còn nền trống: “Ta không được hùn phước trong tòa lâu đài này.”, bà buồn tủi phạt mình, đứng khóc một mình tại một chỗ nọ.

Khi ấy, Đại đức Ānanda thấy bà đang khóc, bèn hỏi:

- Có sao nàng khóc?

Bà thuật lại hết sự tình, Đại đức khuyên rằng:

- Bà chớ nên buồn, ta sẽ chỉ chỗ cho nàng trải. Bà hãy trái tấm vải này làm thảm chùi chân tại chân cầu thang. Trước khi lên lầu, chư Tăng rửa chân xong, sẽ chùi lên tấm thảm này cho ráo nước rồi mới đi lên, như thế bà được quả phước lớn lắm.

Nghe nói rằng, bà Visākhā còn bỏ sót chỗ ấy vì không để ý đến nơi đó. Bà Visākhā để bát hộ độ chư Tăng có Đức Phật là vị Tăng trưởng suốt cả bốn tháng trong ngôi chùa mới, đến ngày cuối cùng, bà cúng dường y vai trái và y nội đến Đại đức Tăng, những y này có giá trị là hàng ngàn đồng vàng. Tất cả chư Tăng đều được cúng dường một bát đầy thuốc ngừa bệnh (bhesajjā), tổng cộng số tiền làm phước cúng dường là chín mươi triệu, như thế, nếu tính chín mươi triệu tiền mua đất, chín mươi triệu cất chùa và chín mươi triệu tiền cúng dường đại lễ, thì bà Visākhā đã xuất ra hai trăm bảy mươi triệu để làm phước thí trong Phật giáo. Là một nữ nhân trong một gia đình tà kiến khi trước, mà bà đã khéo chuyển gia đình chồng trở về chánh pháp, làm được đại thí như thế đó, ngoài bà Visākhā ra không có một ai khác nữa.

Ngày mà Đông Phương Đại Tự hoàn tất, khi bóng chiều đã tàn, bà Visākhā đã cầm đầu con cháu đông đúc của bà nhiều quanh ngôi chùa mới. Bà nghĩ: “Điều này, điều nọ, ta đã nguyện ước xưa nguyện kia, ngày nay tất cả đều được thành tựu viên mãn.”

Bằng giọng du dương, bà cảm hứng ngâm lên kệ ngôn rằng:

1. “Kadāhaṃ navapāsādam,

Sudhāmaṭṭikalepanaṃ;
Vihāradānaṃ dassāmi,
Saṅkappo mayha pūrito.”

1. “Chừng cất xong lâu đài,
Tô thạch cao trong ngoài,
Ta sẽ dâng chùa mới
Nguyện ta mãi từ nay.”

2. “Kadāhaṃ mañcapīṭhañca,
Bhisibimbohanāni ca;
Senāsanabhaṇḍaṃ dassāmi,
Saṅkappo mayha pūrito.”

2. “Chừng có giường ghế dài,
Gỗ đủ thứ trong ngoài,
Ta sẽ dâng chỗ ngủ,
Nguyện ta mãi từ nay.”

3. “Kadāhaṃ salākabhattaṃ,
Sucimaṃsūpasecanaṃ;
Bhojanadānaṃ dassāmi,
Saṅkappo mayha pūrito.”

3. “Chừng rút thè sốt bát,
Cơm trắng trộn thịt nạc,
Ta sẽ cúng Trai Tăng,
Nguyện ta nay thành đạt.”

4. “Kadāhaṃ kāsikavatthaṃ,
Khomakappāsikāni ca;
Cīvaradānaṃ dassāmi,

Saṅkappo mayha pūrito.”

4. “Chừng có vải Ca Thi,
Vải li nông, vải chỉ,
Ta sẽ cúng đường y,
Nguyện nay ta hoàn mỹ.”

5. “Kadāhaṃ sappinavanītaṃ,
Madhutelañca phāṇitaṃ;
Bhesajjadānaṃ dassāmi,
Saṅkappo mayhan pūrito.”

5. “Chừng có sanh tô lặc,
Mật ong với đường dâu,
Ta sẽ dâng giải khát,
Nay ta mãi nguyện cầu.”

Chư Tỳ khưu nghe tiếng ngâm kệ của bà Visākhā liền bạch với Đức Bốn Sư:

- Bạch Ngài, từ bấy lâu nay chúng con chưa hề nghe bà Visākhā ngâm kệ. Hôm nay sao bà dắt cả đoàn con cháu nhiều vòng quanh tòa lâu đài, vừa đi vừa ca hát như thế, có phải là tâm bà nổi sân hay nổi điên rồi không.

Đức Bốn Sư đáp: “Này các Tỳ khưu, không phải con gái ta ca hát đâu, vì thấy bao nhiêu nguyện ước của mình đã thành tựu mỹ mãn, nó hoan hỷ thỏa thích nên vừa đi vừa ngâm kệ ngẫu hứng đó.”

Chư Tăng bạch hỏi: “Bạch Ngài, bà ấy phát nguyện từ bao giờ mà nay được thành tựu?”.

Nghe vậy, Đức Bốn Sư phán: “Này các Tỳ khưu, các ông hãy lắng nghe.”.

- Chúng con nghe đây, bạch Ngài.

Đức Bốn Sư liền dẫn tích đời quá khứ:

“Nầy các Tỳ khưu, cách đây một trăm ngàn kappa, có Đức Phật hồng danh là Padumuttara giáng thế. Tuổi thọ của Ngài là một trăm ngàn năm, Ngài có một trăm ngàn đệ tử Lậu Tận, kinh đô là Hamsavatī (Nga Thành), phụ vương Ngài là Sunanda, mẫu hậu của Ngài là Sujātādevī. Trong số các đại thí chủ của Ngài, có bà đại thí chủ là một tín nữ xin được tám đặc ân, được nhận làm mẹ nuôi của Ngài, cung phụng cho Ngài bốn món vật dụng, sáng chiều hai lượt đến hầu Ngài, bà luôn luôn đi chùa với một cô bạn, cô này thấy bà chuyện trò thân mật với Đức Phật và được Ngài quý mến thì nghĩ thầm: “Không biết bà làm cách nào mà được chư Phật sủng ái, quý mến như vậy?”. Rồi cô hỏi Đức Bốn Sư: “Bạch Ngài, bà đó là chi của Ngài?”.

- Bà là trưởng ban hộ Tăng.

- Bạch Ngài, bà đã làm gì mà được chức vụ trưởng hộ Tăng?

- Bà đã từng phát nguyện được địa vị này từ một trăm ngàn đại kiếp trở về trước.

- Bạch Ngài! Bây giờ con phát nguyện thì có được không?

- Có thể được.

- Thế thì con xin thỉnh Ngài cùng với một trăm ngàn Tỳ khưu đến thọ thực tại nhà con liên tiếp bảy ngày.

Đức Bốn Sư im lặng nhận lời.

Sau bảy ngày Trai Tăng, trong ngày chót, bà dâng y vai trái và y nội xong, đánh lễ Đức Bốn Sư rồi mọp bên chân Ngài mà phát nguyện rằng:

- Bạch Ngài! Do phước của Đại lễ Trai Tăng này, con không ước nguyện điều chi khác hơn là: Sau này, con sẽ được gặp vị Chánh Đăng Giác thời vị lai, và sau khi yêu cầu sẽ được ban tám đặc ân, được nhận làm mẹ nuôi, cúng dường bốn món vật dụng, có thể trở nên trưởng ban hộ Tăng bên phái nữ trong ngày vị lai.

Đức Bốn Sư tự hỏi: “Lời nguyện của tín nữ này sẽ thành tựu hay không?”. Ngài liền quán sát vị lai một trăm ngàn kiếp, thấy rằng sẽ có vị Chánh Đăng Giác giáng thế, có hồng danh là Gotama. Đến thời ấy, con sẽ là cô tín nữ tên là Visākhā, sẽ được Đức Phật ấy ban cho tám đặc ân, được đứng địa vị mẹ nuôi và sẽ trở nên trưởng ban hộ Tăng bên phái nữ để cúng dường tứ vật dụng.

Cũng như tài sản của ai thì người ấy phải được hưởng, cô tín nữ ấy về sau đã được đắc kỳ sở nguyện vậy.

Cô ấy vẫn tiếp tục làm phước cho tới khi hết tuổi thọ, thác xuống và sanh lên cõi trời và luân chuyển lên xuống hai cõi nhân thiên, cho đến thời kỳ Đức Chánh Biến Tri Kassapa, cô thọ sanh là Công chúa Saṅghadāsī, là con gái thứ bảy của vua Kikī trong xứ Kāsi. Sau khi xuất gia, Công chúa cùng với mấy chị chồng hằng tạo thêm nhiều phước, nhất là bố thí cúng dường, xong rồi mới quì bên chân Đức Chánh Biến Tri Kassapa, nguyện rằng: “Trong kiếp vị lai, xin cho con gặp Đức Phật như Ngài, sẽ ban cho con tám đặc ân và lập làm mẹ nuôi, đứng đầu tất cả các nữ thí chủ lo việc dâng cúng tứ vật dụng.”. Từ kiếp ấy Công chúa Saṅghadāsī luân chuyển lên xuống hai cõi nhân thiên, cho đến kiếp hiện tại, thọ sanh làm con gái Trưởng giả Dhanañjaya, là trưởng nam của đại Trưởng giả Menḍaka, và đã tạo nhiều phước nghiệp trong Giáo Pháp của Ta đây.”

Như thế, nầy các Tỳ khưu, không phải con gái của Ta

ca hát vì lý do khác, nhưng vì thấy bốn nguyên đã thành tựu, cho nên cao hứng ngâm kệ ngẫu hứng đó thôi.

Nói rồi, Đức Bốn Sư thuyết một thời pháp và kết luận rằng:

- Nầy các Tỳ khưu! Một người thợ làm tràng hoa thiện nghệ, sau khi gọt các thứ hoa được dồn thành đồng lớn, rồi từ đó lấy ra kết làm nhiều tràng hoa kiểu mẫu khác nhau như thế nào thì Visākha lưu tâm làm các việc lành cũng như thế ấy.

Đoạn Đức Bốn Sư thuyết kệ rằng:

“Yathā’pi puppharāsimhā,
Kayirā mālāguṇe bahū;
Evam jātena maccena,
Kattabbam kusalam bahum.”

“Như từ một đồng hoa riêng,
Nhiều tràng hoa được thợ liền kết thành.
Từ thân người được phát sanh,
Biết bao nhiêu việc phước lành cho ta.”



CHÚ GIẢI:

Trong bài kệ Phạn ngữ, tiếng *Puppharāsimhā* là nói do từ một đồng đủ các loại hoa.

Kayirā: Là có thể làm ra.

Mālāguṇe bahū: Là các hoa có cuống dính chung, được tách rời ra để kết lại thành nhiều kiểu tràng hoa.

Maccena: Tất cả chúng sanh đều không thoát khỏi bàn tay tử thần. Ta mong được sanh làm con người khá nên tạo nhiều nghiệp lành như bố thí, dâng y chẳng hạn.

Trong bài kệ, Đức Phật dùng tiếng đồng hoa (*Puppharāsi*) cho ta thấy là rất nhiều hoa, chất cả đồng, quả nhiên nếu ít hoa thì thợ làm tràng hoa thiện nghệ không kết thành nhiều tràng hoa được. Còn người không thiện nghệ, dầu cho có nhiều hoa hay ít hoa cũng chẳng làm được chi cả, cho nên cần phải có nhiều hoa và người thợ lành nghề mới có thể làm nhiều tràng hoa được. Cũng như thế, một người có ít đức tin mà lại ít của cải thì không thể làm phước được. Người có đức tin dồi dào mà ít của cải cũng khó làm phước. Chỉ có người có đức tin nhiều, của cải dồi dào thì người ấy mới có thể tạo được nhiều phước lành. Và người đầy đủ khả năng như thế chính là bà Visākha mà Đức Phật đã đề cập đến trong bài kệ:

“Như từ một đồng hoa riêng,
Nhiều tràng hoa được thợ liền kết thành.
Từ thân người được phát sanh,
Biết bao nhiêu việc phước lành do ta.”



Bài kệ vừa dứt nhiều vị Tỳ khưu chứng đắc Thánh quả, nhất là Dự Lưu quả. Đại chúng thính pháp cũng hưởng được nhiều lợi ích.



Dịch Giả Căn Đề

*Tin nữ đứng đầu có Thiện Chi,
 Đức tin sản nghiệp mấy ai bì,
 Cát chùa hộ Phật nuôi Tăng chúng,
 Thánh pháp khuyên cha giữ giới qui.
 Thuở bé đã thành Sơ thánh quả,
 Khi già chưa mất nét xuân thì,
 Con đàn cháu lữ đều khương thọ,
 Phước lộc ba đời chẳng thể suy.*

DỨT TÍCH BÀ VISĀKHĀ



53. All mortals must do plentiful good deeds
 Like making garlands out of a mass of flowers.

**53. Mọi người cần phải làm nhiều thiện sự
 Như kết thành nhiều vòng hoa từ đồng hoa.**

IV. 9- Tích ĐẠI ĐỨC ĀNANDA VẤN ĐẠO (*Ānandattherapañhavatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 54-55)

54. “Na pupphagando paṭivātam eti,
Na candanaṃ tagaramallikā vā;
Satañ ca gandho paṭivātam eti,
Sabbā disā sappuriso pavāyati.”

*“Ngược lại chiều gió thổi,
Hương hoa không bay nổi,
Dầu là Đa già la,
Chiên đàn, Mạt ly hoa,
Chỉ có hương Giới đức,
Khắp phương trời bay xa.”*

55. “Candanaṃ tagaraṃ vā’pi,
Uppalaṃ atha vassikī;
Etesaṃ gandhajātānaṃ,
Sīlagandho anuttaro.”

*“Chiên đàn, Đa già la,
Thanh liên, Vũ quý hoa,
Sánh các hương hoa ấy,
Giới hương vô thượng vậy.”*

Kệ Pháp Cú này, Đức Bốn Sư thuyết ra khi Ngài ngự gần thành Sāvatthī, để giải đáp câu hỏi của Đại đức Ānanda.

Tương truyền rằng: Một buổi chiều nọ, Đại đức ngồi nơi thanh vắng, bỗng tự nghĩ rằng Đức Thế Tôn có nói: “Cần hương (thọ), tâm hương và hương hoa là ba thứ hương cao thượng.”. Nhưng ba thứ hương ấy chỉ bay theo chiều gió chứ không có hương nào mà bay ngược gió cả. Không biết có loại hương nào mà bay xuôi gió, bay ngược gió cũng được, hay bay cả hai chiều gió đều được cả chăng?

Rồi Đại đức lại tính thầm: “Ta cần gì suy nghĩ tìm tòi cho mất công, để về hỏi Đức Bốn Sư là hơn.”

Thế rồi, Đại đức về nơi cư ngụ của Đức Bốn Sư và bạch hỏi Ngài. Đoạn này trong kinh có ghi chép rằng: Khi ấy trong buổi chiều, Đại đức Ānanda từ chỗ tịnh cư đứng dậy, về gần Đức Thế Tôn. Sau khi đến gần bèn bạch với Đức Thế Tôn :

Bạch Ngài, có ba thứ hương, mà hương của nó chỉ bay thuận theo chiều gió, chứ không bay nghịch chiều gió. Thế nào là ba? Hương của rễ, hương của lõi và hương của hoa là ba giống có hương, mà hương nó chỉ bay thuận theo chiều gió, chứ không bay nghịch chiều gió. Bạch Ngài, chẳng hay có giống hương nào mà hương của nó bay thuận chiều gió, nghịch chiều gió, hay bay thuận và nghịch theo chiều gió được chăng?

Khi ấy, Đức Thế Tôn đáp rằng:

- Này Ānanda! Có giống hương mà hương của nó đều gặp gió xuôi, gió ngược cũng đều bay được cả.

- Bạch Ngài! Thế nào là có giống hương mà hương của nó đều gặp gió xuôi, gió ngược hay cả gió xuôi gió ngược đều được cả.

- Này Ānanda! Ở đây nơi thôn quê hay thành thị nào có một nữ nhân hay nam nhân quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, tránh xa sự sát sanh, tránh xa sự trộm cắp, tránh

xa sự tà dâm, tránh xa sự nói dối, tránh xa sự uống rượu và các chất say, là người có Giới đức là người có thiện pháp. Tâm đã dứt bỏ sự bòn xén, sự nhiễm ô. Tuy còn tại gia mà có tâm dứt bỏ, xả thí, thỏa thích trong sự bố thí không nhơ bọt, biết thông cảm đến người xin, hoan hỷ chia sớt vật thí đến tất cả mọi người. Thì từ nơi thôn quê hay thành thị đó, cho đến các phương hướng, chư Sa môn và Bà la môn hằng ca tụng rằng: “Nơi chốn thôn quê hay thành thị nọ, có nữ nhân ấy hoặc nam nhân ấy là người quy y Phật... hoan hỷ chia sớt vật thí đến tất cả mọi người.”. Chư Thiên và nhân loại cũng hằng ca tụng rằng: “Nơi chốn thôn quê hoặc thành thị đó, có nữ nhân ấy, có nam nhân ấy là người quy y Phật... hoan hỷ chia sớt vật thí đến tất cả mọi người.”. Nầy Ānanda, đó là giống hương mà hương của nó bay xuôi chiều gió, bay ngược chiều gió, bay xuôi lẫn ngược chiều gió vậy.

Giải xong, Đức Bốn Sư thuyết lên hai bài kệ:

54. “Na pupphagando paṭivātam eti,
Na candanam tagaramallikā vā;
Satañ ca gandho paṭivātam eti,
Sabbā disā sappuriso pavāyati.”
*“Ngược chiều gió, các hương hoa,
Chiên đàn, Mạt ly, Già la bật đường.
Ngược chiều gió chỉ có hương,
Của người Giới đức muôn phương lan tràn.”*
55. “Candanam tagaram vā’pi,
Uppalam aṭṭha vassikī;
Etesam gandhajātānam,
Sīlagandho anuttaro.”
“Đa già la với Chiên đàn,

*Thanh liên, Vũ quý, các hàng hoa vương.
Dầu thơm cho mấy cũng nhường,
Thứ hương Giới đức là hương tuyệt trần.”*



CHÚ GIẢI:

Trong bài kệ Phạm ngữ, câu đầu có nghĩa là không có hương hoa nào bay ngược chiều gió, như trên cung trời Đao Lợi có cây Pāricchattakarukkha, thân cao và tàng rộng hàng trăm do tuần, hoa của nó phát ra ánh sáng rơi xa năm mươi do tuần, hương hoa lan xa hàng trăm do tuần. Tuy nhiên nó chỉ bay theo chiều gió mà thôi, còn ngược gió thì đầu gần như nửa ngón tay nó cũng không thể bay được. Tất cả các hương hoa đều không thể bay ngược chiều gió như thế cả.

Candanam: Viết cho đủ là candanagandho nghĩa là hương của Chiên đàn.

Tagaramallikā vā: Cũng đề cập đến hương của Đa già la, Mạt ly.

Quả thật, dầu cho hương của các thứ có tiếng là thơm nhất, như là Chiên đàn đỏ, Đa già la, Mạt ly hoa chẳng hạn, cũng chỉ bay xuôi chiều gió chứ không bay ngược chiều gió bao giờ cả.

Satañ ca gandho: Chỉ có hương của người Giới đức là hương của các bậc Thánh Văn đệ tử Phật Toàn Giác và Độc Giác mới bay được ngược gió. Tại sao vậy?

Sabbā disā sappuriso pavāyati: Tại vì tiếng thơm Giới đức của các bậc Thánh Văn, những người Thánh thiện lan truyền đi khắp các phương hướng, cho nên có thể nói là mùi hương Giới đức bay ngược chiều gió. Do đó, Đức Phật đã dùng từ ngữ *Paṭivātameti*.

Vassikī: là Vũ quý, Vũ sanh, tức là loại hoa thơm như lan, huệ.

Etesam: Câu chót có nghĩa là nếu đem so sánh có giống nào mùi thơm như Chiên đàn chẳng hạn, với những bậc Thánh thiện có Giới đức là mùi thơm thì Giới hương là vô thượng, vô tỷ, vô song vậy (anuttaro asadiso appatibhāgo).



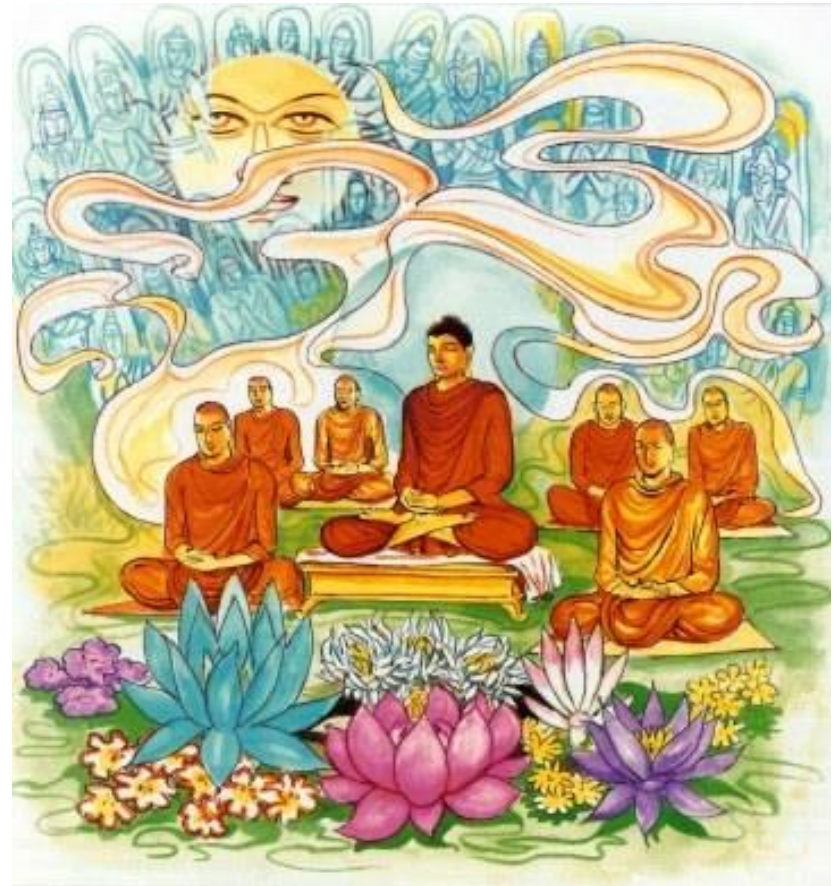
Khi thời pháp chấm dứt, nhiều Tỳ khưu thành đạt chánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả. Đại chúng cũng hưởng được sự lợi ích nhờ nghe pháp.



Dịch Giả Cần Đề

*Đại Đức Nàn Da muốn biết rằng:
Hương bay ngược gió có cùng chăng?
Chiều tà tạm lánh nơi cô tịch,
Trở gót đi tìm Đức Vạn Năng.
Phật dạy: “Hương sanh có thứ này,
Ngược chiều gió thổi chẳng ngừng bay,
Là hương Giới đức cao vô tỷ,
Hương của trăm hoa chẳng sánh tày.”.*

DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC ĀNANDA VẤN ĐẠO



54. Scent of flower or sandal goes not against the wind.
But fragrance of virtue blows everywhere.

54. Hương của Tagara hay chiên đàn (trâm) không bay ngược làn gió. Nhưng hương của đức hạnh bay khắp mọi nơi.



55. Of all fragrances like that of sandal, lavender and jasmine, fragrance of virtue is supreme.

55. Trong tất cả các mùi hương chiên đàn, tagara hay vũ quý (hoa lài) hương đức hạnh là Tối thượng.

IV. 10- Tích ĐẠI ĐỨC MAHĀKASSAPA ĐƯỢC VUA TRỜI ĐỀ BÁT (*Mahākassapatherapiṇḍapātadānavatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 56)

“Appamatto ayam gandho, “Đa già la, Chiên đàn,
Yā’yam tagaracandani; Hương này ít giá trị,
Yo ca sīlavataṃ gandho, Hương Giới đức lan tràn,
Vāti devesu uttamo”. Thấu rõ trời vô tỷ.”

Kệ Pháp Cú này, Đức Bốn Sư đã thuyết ra khi Ngài an ngự tại Trúc Lâm (Veluvana) đề cập đến Đại đức Mahākassapa được đức Đế Thích đề bát.

Thật vậy, một hôm sau bảy ngày Thiền Diệt, Đại đức xuất định, rời chỗ tịnh cư để đi vào thành Vương Xá đi bát từng nhà.

Trong khi ấy, năm trăm ngọc nữ là cung phi của Đức Thiên Vương Đế Thích rủ nhau: “Chúng ta hãy đề bát cúng dường Đại đức”. Rồi họ mang theo năm trăm vắt cơm sữa, xuống đứng đón đường Đại đức và đồng hỏi:

- Bạch Ngài, xin Ngài thọ lãnh vắt cơm này rồi hãy đi, xin Ngài tế độ chúng con.

Các cô hãy tránh đường cho ta đi độ những người khổn khó.

- Bạch Ngài, xin Ngài đừng xua đuổi chúng con, xin Ngài từ bi tế độ chúng con.

Đại đức biết họ là năm trăm Thiên nữ, nên một mực

từ chối, nhưng họ không chịu tránh đường, cứ theo van xin mãi. Đại đức thầm bảo họ: “Mấy cô thật không biết tự lượng. Hãy tránh đi chỗ khác đi.”. Nói rồi Đại đức búng ngón tay kêu thành tiếng. Nghe tiếng búng tay của Đại đức các ngọc nữ đều cứng mình, không thể diên trì ở đó được nữa nên đồng chạy trở về thiên đình. Đức Đế Thích hỏi: “Các nàng đi đâu về đó?”.

- Tâu Thiên vương! Chúng em thấy Đại đức Mahākassapa vừa xuất đại định nên rủ nhau xuống để bát cúng dường Đại đức rồi về đây.

- Các nàng có để bát được chăng?
- Đại đức không chịu thọ.
- Ngài bảo sao?
- Tâu Thiên vương! Đại đức bảo: “Để ta tiếp độ những người khốn khó.”.
- Các nàng đi với lối trang phục như thế nào?
- Tâu Thiên vương, cũng y như thế này.

Đức Đế Thích chê rằng: “Sang như các nàng, để bát Đại đức thì làm sao Đại đức chịu nhận.”

Đế Thích tự mình cũng muốn để bát, nên Đức Thiên vương hóa làm ông lão thợ dệt già lụm cùm, răng rụng, tóc sương, gần đất xa trời. Thiên hậu Sujātā cũng hóa thành một bà lão tuổi tác cũng già nua như thế. Đức Đế Thích hóa hiện một con đường dẫn đến chỗ ngụ là mái tranh tồi tàn, trong đó là hai ông bà già đang kéo chỉ.

Đại đức Mahākassapa đang đi vào thành tìm người khốn khó để tế độ, vừa đến ngoài cổng thành trông thấy con đường, có mái chòi tranh, hai ông bà lão nghèo khổ đang ở đó. Khi ấy Đế Thích đang giăng chỉ, còn Thiên hậu

thì quần chỉ đã se thành cuộn.

Đại đức suy nghĩ: “Hai người này tuổi tác đã già mà còn làm việc lao động, chắc chắn trong thành này không có ai nghèo khổ hơn họ, đâu họ chỉ chùng một vá cơm, ta cũng nên tế độ thọ dụng cho họ có phước.”. Đại đức đi đến cửa nhà của hai ông bà.

Đức Đế Thích thấy Đại đức đi đến bèn bảo Thiên hậu:

- Này ái khanh, Đại đức của chúng ta đã đến rồi kia, khanh cứ ngồi làm thinh, giả đồ như không thấy Đại đức, để ta nói gạt Đại đức đặt mình để bát Ngài nghe.

Đại đức đến đứng trước cửa nhà, hai ông bà làm như không thấy Đại đức, cứ chăm chỉ lo làm công việc của mình, một lát sau mới đi vào nhà. Bây giờ, Đế Thích mới bảo vợ:

- Trước cửa nhà mình in như có vị Đại đức đứng, bà coi có phải vậy chăng?

- Thôi, ông hãy ra xem đi ông à!

Đức Đế Thích ra khỏi nhà, gieo năm vóc xuống đánh lễ Đại đức, hai tay gác lên đầu gối nói rằng:

- Chà khổ dữ a! Không mấy thuở mà Đại đức Mahākassapa của ta quang lâm đến tệt xá, bà ở trong nhà có món chi chút đình không hả?

Nàng Sujātā làm ra vẻ lấm cùm, chậm chạp trả lời rằng:

- Có ông à!

Đức Đế Thích không nói xả giao: “Bạch Ngài, có vui lòng nhận thực phẩm ngon lành không?”, mà chỉ rước bát Ngài, nói:

- Xin Ngài hãy tế độ chúng tôi.

Đại đức thầm nghĩ: “Mấy người này chỉ để một nắm rau hay cám, ta cũng sẽ thọ cho họ có phước.”, rồi đưa bát ra.

Đức Đế Thích vào trong nhà, bới cơm trong nồi ra đổ đầy bát, rồi đem trao qua tay của Đại đức. Cơm của Đế Thích để bát có cả canh và thức ăn, mùi thơm ngon lan ra khắp cả thành Rājagaha.

Lúc bấy giờ, Đại đức nghĩ rằng: “Người này coi bộ nghèo khó, để bát đồ cao quý như là đồ ăn của Đức Đế Thích, ai đây há?”.

Khi quán xét biết rõ là Đức Thiên vương ở cung trời Đao Lợi. Đại đức trách rằng: “Nghệp của Thiên vương tạo đây nặng lắm, không khác nào cướp phước của kẻ nghèo khó. Thật vậy, kẻ nào nghèo khổ thế mấy, nhưng hôm nay đặt bát cho ta thì nhất định phải chiếm được địa vị, Đô đốc hay Trưởng giả chẳng sai.

- Bạch Ngài, không có ai nghèo khổ hơn trăm cả.
- Có lý nào mà Thiên vương nghèo khổ trong khi Thiên vương làm chúa tể cả hai cõi trời.
- Bạch Ngài, quả thật như thế, là vì trăm tạo nghiệp lành nhằm thời kỳ chưa có Phật. Còn ba vị Thiên vương như Cūlaratha (Tiểu Xa), Mahāratha (Đại Xa) và Anekavajña (Đa Sắc) nhờ tạo nghiệp lành trong thời Đức Phật hiện tại giáng thế. Khi sanh lên Thiên cung, gần cung của trăm thì có oai lực bằng nhau và đều thắng xa trăm về vẻ huy hoàng xán lạn. Quả thật, gần ba vị ấy thì ngôi sao của trăm trở nên lu mờ, đen tối, trăm phải dắt cả đoàn cung phi ngọc nữ kiếm đường thoát thân, chạy vào tư cung. Ánh sáng từ mình họ chiếu ra bao trùm ngọc thể của trăm, còn ánh sáng từ ngọc thể của trăm chiếu ra không

thấu tới mình họ. Vậy thì ai là người khốn khổ hơn trăm, bạch Ngài?

- Dầu vậy mặc lòng, từ rày về sau, Thiên vương đừng gạt bần Tăng mà để bát nữa nhé!

- Bạch Ngài, gạt Ngài để bát như thế, trăm có được phước lành hay chăng?

- Có được đạo hữu à!

- Nếu vậy thì tạo nghiệp lành là bốn phận của trăm, bạch Ngài.

Nói rồi, đức Đế Thích đánh lễ Đại đức, dắt nàng Sujātā nhiều quanh Đại đức rồi bay bổng lên hư không, cất tiếng cao hứng reo rằng: “Ôi sự bố thí, bố thí Ba la mật nơi Đức Mahākassapa trường tồn âm chất.”

Trong Tam Tạng kinh có nhiều chỗ chép rằng:

Một thời, Đức Thế Tôn trú tại Veluvana, trong vùng nuôi sóc, gần thành Rājagaha.

Trong thuở ấy, Đại đức Mahākassapa an cư trong động Pippaliguhā (Lạc Tiêu), ngồi kiết già nhập định suốt bảy đêm ngày, khi mãn hạn bảy ngày, Đại đức Mahākassapa mới xuất định, khi đã xuất định, Đại đức Mahākassapa nghĩ rằng: “Ta hãy vào khát thực trong thành Rājagaha.”.

Ngay lúc đó, độ năm trăm nàng Thiên nữ cố gắng muốn để bát cúng dường đến Đại đức Mahākassapa, khi ấy Đại đức Mahākassapa từ khước sự cúng dường của năm trăm thiên nữ, xong rồi Ngài sửa soạn đắp y mang bát vào thành Rājagaha để khát thực.

Ngay lúc bấy giờ, Đức Đế Thích (Sakka) có ý muốn để bát cúng dường Đại đức Mahākassapa, hóa ra người thợ

dệt đang se chỉ, nàng Sujātā là công chúa A tu la đang quay xe.

Khi ấy Đại đức Mahākassapa đi ngay đến nhà của Đế Thích Hoàn Nhân. Khi thấy Đại đức Mahākassapa đi từ phía xa lại, đức Đế Thích đi ra khỏi nhà để tiếp đón, rước lấy bát để đem vào nhà, xúc cơm trong nồi đơm đầy bát rồi dâng cúng đến Đại đức Mahākassapa, cơm trong bát có nhiều canh và các món phụ tùng.

Khi ấy, Đại đức Mahākassapa tự nghĩ: “Chúng sanh này lài ai mà có thần thông oai lực như thế này?”. Rồi Đại đức Mahākassapa lại nghĩ: “Đây chắc là Đế Thích Hoàn Nhân.”.

Sau khi hiểu biết như vậy, Đại đức nói với Đế Thích Hoàn Nhân rằng: “Việc của Thiên vương đã làm hôm nay rồi thì thôi, đừng làm như vậy nữa đạ.”.

- Bạch Đại đức Mahākassapa, chúng tôi cũng còn thiếu phước, chúng tôi cũng phải tạo phước vậy.

Nói rồi, đức Đế Thích đánh lễ Đại đức Mahākassapa, nhiễu quanh Ngài đoạn bay bổng lên hư không giữa trời, cao hừng thốt lên ba lần câu nói sau đây:

“Ôi! Sự bố thí, bố thí Ba la mật nơi Đại đức Mahākassapa trường tồn âm chất!

Ôi! Sự bố thí, bố thí Ba la mật nơi Đại đức Mahākassapa trường tồn âm chất!

Ôi! Sự bố thí, bố thí Ba la mật nơi Đại đức Mahākassapa trường tồn âm chất!”.

Pāli:

“Aho dānaṃ paramadānaṃ kassape supatitṭhi tanti.”

Đức Thế Tôn đứng trong chùa, nghe tiếng của Thiên

vương reo lên như vậy, bèn kêu chư Tỳ khưu và bảo rằng:

- Này các Tỳ khưu, hãy nhìn coi Đế Thích Hoàn Nhân, ông ta cao hừng ca ngâm rồi bay đi trên hư không kia.

- Ông ta làm gì mà cao hừng vậy bạch Ngài?

- Gạt được Kassapa con trai ta, để bát cúng dường rồi, ông ta thỏa thích, vừa đi vừa cao hừng ngâm nga.

- Bạch Ngài, làm sao mà ông ta biết là nên để bát cúng dường cho Đại đức?

- Này các Tỳ khưu, Tỳ khưu thọ pháp Đầu đà hằng đi khát thực như con trai ta, thì chư Thiên hay nhân loại gì cũng đều thương mến cả.

Nói rồi, chính Ngài cũng ngẫu hứng ngâm nga.

Trong kinh chỉ ghi chép có bấy nhiêu thôi.

Do nhờ thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân, Đức Thế Tôn nghe được Đế Thích, sau khi bay bổng lên không ở giữa trời cao hừng reo lên ba lần:

“Ôi! Sự bố thí, bố thí Ba la mật nơi Đại đức Mahākassapa trường tồn âm chất!

Ôi! Sự bố thí, bố thí Ba la mật nơi Đại đức Mahākassapa trường tồn âm chất!

Ôi! Sự bố thí, bố thí Ba la mật nơi Đại đức Mahākassapa trường tồn âm chất!”.

Thế rồi, sau khi hiểu rõ chuyện này, Đức Thế Tôn cao hừng thốt lời ngẫu hứng sau đây:

“Piṇḍapātikassa bhikkhuno

Attabharassa anaññaposino

Devā pihayanti tādino

Upasantassa sadā satīmatoti.”

*“Tỳ khưu nguyện giữ hạnh trì bình,
Xin chẳng nuôi ai, đủ miệng mình,
Người vậy chư Thiên hằng cảm mến,
Tâm thường thanh thản, trí viên minh.”*

Sau bài kệ ngẫu hứng, Đức Thế Tôn phán bảo rằng:

- Này các Tỳ khưu, đức Đế Thích sở dĩ để bát cúng dường con trai ta, chẳng qua vì mộ hương Giới đức vậy.

Rồi Ngài thuyết lên kệ Pháp Cú:

56. “Appamatto ayam gandho,
Yā’yam tagaracandanī;
Yo ca sīlavatam gandho,
Vāti devesu uttamo”.

56. “Đa già la với Chiên đàn,
Hương này chưa mấy cao sang trên đời.

Hương người Giới đức tuyệt vời,
Xông lên thấu các cõi trời cao siêu.”



CHÚ GIẢI:

Trên đây, tiếng appamatto nghĩa là nhỏ nhen, ít oi.

Yo ca sīlavatam: Nghĩa là Giới hương nào của người Giới đức, không phải ít giá trị như hương Đa già là, như Chiên đàn đó đâu, mà nó có sức bay lan thật xa vậy.

Vāti devesu uttamo: Nghĩa là quý giá, cao cả không hương nào bằng, và tỏa rộng ra khắp cả các nơi, kể cả các cảnh giới của chư Thiên và nhân loại.

Khi thời pháp chấm dứt, nhiều Tỳ khưu chứng đắc

Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả, đại chúng thính pháp đều hưởng được sự lợi ích.



Dịch Giả Căn Đề

*Ba Diếp Ma Ha định tế bản,
Độ nhằm Đế Thích giả cùng nhân,
Mới hay trời cũng tranh làm phước,
Kèo sống thua người thấy tui thân.
Bằng tâm dối gạt giúp cho người,
Phước cũng mười phân đủ trọn mười,
Chỉ tội chú nghèo chưa biết mặt,
Hạt làm bá hộ một phen chơi.
Đi bát hằng ngày Phật vẫn khen,
Nhưng mà chịu cực phải cho quen,
Bằng không sẽ thấy buồn trong ruột,
Bỏ hạnh Tỳ khưu chẳng trống kèn.*

**DỨT TÍCH VUA TRỜI ĐẾ THÍCH
ĐỂ BÁT ĐẠI ĐỨC MAHĀKASSAPA**





56. The fragrance of the virtuous wafts even among the gods. All others fall short of that.

**56. Hương đức hạnh bay đến tận Chư thiên.
Các loài hương khác đều thiếu đặc tính này.**

IV. 11- Tích ĐẠI ĐỨC CỒ ĐIỆT VIÊN TỊCH (*Godhikattheraparinibbānavatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 57)

“*Tesaṃ sampannasīlānaṃ, Appamādavihāriṇaṃ; Sammadāñña vimuttānaṃ, Māro maggaṃ na vindati.*” *“Những người đủ Giới đức, Vững tâm không phóng dật, Chánh trí thoát lao lung, Ma chẳng thấy hành tung.”*

Kệ Pháp Cú này, Đức Bốn Sư đã thuyết ra khi Ngài an ngự trong Veluvana (Trúc Lâm), gần thành Rājagaha (Vương Xá), đề cập đến sự viên tịch của Đại đức Godhika (Cồ Điệt).

Thời ấy, Đại đức Godhika an cư nơi làng Kālasilā (Hắc Nham) trên sườn núi Isigili (Ấn Sĩ), nhờ chuyên cần tinh tấn hành đạo một mình, nên chứng đạt trên tâm giải thoát tạm thời (*Sāmāyikaṃ cetovimuttiṃ*). Nhưng bị một chứng bệnh kinh niên làm cho sa sút, mất pháp đã chứng.

Đại đức hành thiền lần thứ nhì, lần ba cho đến lần thứ sáu cũng không chứng đắc pháp thiền đã mất, đến lần thứ bảy, Đại đức bỗng phát khởi ý nghĩ: “Ta đã sáu lần rút ra khỏi đề mục thiền. Hành giả mà rút ra khỏi thiền thì cảnh giới tái sinh kể như bất định. Vậy bây giờ ta phải dùng đến lưỡi dao mới được.”

Thế rồi, Đại đức lấy con dao cạo tóc lên, nằm trên giường định cắt đứt cuống họng.

Ma vương biết được tâm niệm của Đại đức, thì nghĩ rằng: “Tỳ khưu này có ý muốn lấy dao, lấy dao rồi lại muốn

tận diệt mạng sống của mình. Ông ấy mà an tâm vào Minh sát tuệ thì chắc là phải đắc A La Hán quả. Nếu ta đứng ra cản ông ấy thì chắc ông ấy chẳng chịu nghe lời ta, chỉ bằng ta cậy mượn Đức Bốn Sư cản ngăn ông ấy.”.

Ma vương liền hóa thân thành một khách lạ, đến gần Đức Bốn Sư, đọc lên kệ ngôn như vầy:

“Mahāvīra mahāpaññā,
Iddhiyā yāsasā jala;
Sabbaverabhayātita,
Pāde vandāmi cakkhuma.
Sāvako te mahāvīra,
Maraṇaṃ maraṇābhibhū;
Ākaṅkhati cetayati,
Taṃ nisedha jutindhara.
Kathaṃ hi bhagavā tuyhaṃ,
Sāvako sāsane rato;
Appattamānaso sekho,
Kālaṃ kayirā janesutāti.
Tasmiṃ khaṇe therena,
Satthaṃ āharitaṃ hoti.”

Lược dịch:

*“Kính bạch Đức Đại Hùng Đại Trí,
Bậc uy danh lừng lẫy khắp nơi,
Bậc đã qua oán cù biến đời,
Bậc Hữu Nhãn, tôi thời đánh lễ.
Bậc Đại Hùng, trong hàng môn đệ,
Của Ngài từng áp chế tử thân,
Có Thịnh Văn muốn là trần,*

*Bạch Ngài tráng hệ, Ngài cần cản ngăn.
Trong đạo Ngài, Thịnh Văn vui vẻ,
Bạch Thế Tôn, sao kẻ chán đời,
Không lo tu tập đến nơi,
Lại toan tự vận, Ngài thời biết cho.
Giây phút này tôi lo Đại đức,
Đã lấy dao để dứt mạng căn.”*

Đức Bốn Sư biết rõ: “Người này là Ma vương”, nên Ngài đáp lời bằng bài kệ rằng:

“Evaṃ hi dhīrā kubbanti,
Nāvakaṅkhanti jīvitam;
Samūlaṃ taṇhaṃ abbuyha,
Godhiko parinibbutoti.”
*“Quả thật kẻ hiền năng làm thế,
Chẳng duy trì mạng sống để thừa,
Ái dục nhổ gốc chẳng chừa,
Cồ Diệt đã nhập Vô Dư Níp Bàn.”*

Kế đó, Đức Thế Tôn cùng với nhiều Tỳ khưu ngự đến bên giường, chỗ Đại đức Godhika nằm với lưỡi dao cắt cổ.

Trong khi ấy, ác ma muốn biết: “Thức tái sanh của Đại đức này trú nơi đâu?” Nên liền hóa ra một luồng khói đen tỏa đi các hướng để tìm tâm thức của Đại đức.

Đức Thế Tôn chỉ làn khói đen cho chư Tỳ khưu thấy và bảo rằng:

- Nay các Tỳ khưu, đó là ác ma đi tìm kiếm tâm thức của Godhika, nó tự hỏi: “Tâm thức của Ngài Godhika đang trú nơi đâu?”. Nay các Tỳ khưu! Tỳ khưu Godhika đã Vô

Dư Níp Bàn rồi, cho nên tâm thức không còn trú nơi đâu nữa vậy.

Dầu là Ma vương, y cũng không thể tìm thấy tâm thức của Ngài Godhika. Hẳn liền hiện hình là một thanh niên, tay ôm cây đàn Tỳ bà vàng lợt, đến gần Đức Bốn Sư hỏi rằng:

“Uddham adho ca tiriyaṃ,
Disā anudisā svahaṃ;
Anvesaṃ nādhigacchāmi,
Godhiko so kuhiṃ gatoti.”

Lược dịch:

*“Đường lên xuống bằng ngang hay dọc,
Khắp hướng phương, xó hóc gần xa,
Tôi tìm không gặp ông ta,
Chẳng hay Cô Diệt đi qua cõi nào?”*

Đức Bốn Sư đọc kệ đáp rằng:

“Yo dhīro dhisampanno,
Jhāyī jhānarato sadā;
Ahorattaṃ anuyuñjaṃ,
Jīvaṃ anikāmayāṃ.
Jetvāna maccuno senaṃ,
Anāgantvā punabbhavaṃ;
Samūlaṃ taṇhaṃ abbhuyha,
Godhiko parinibbutoti.”

Lược dịch:

*“Người trí tuệ, hùng hào cương nghị,
Hằng vui thiên, mến vị vui thiên,*

*Đêm ngày mãi miết cần chuyên,
Không tham mạng sống cần chuyên dài dòng
Thắng phục được binh ròng thần chết,
Đường tái sanh đã hết bước đi,
Ái dục bừng gốc còn chi,
Cô Diệt đã nhập Vô Dư Níp Bàn.
Nghe vậy, Ác Ma đứng thở than tiếc rẻ,
Không vững lây, khỏi té xuống sâu,
Từ đây bất hạnh khổ sầu,
Dạ xoa vội biến đi đâu mất liền.”*

Tuy nhiên, Đức Bốn Sư cũng còn nói tiếp rằng:

- Nay ác ma, người đừng luống công đi tìm chỗ tái sanh của Godhika làm chi vô ích. Quả thật, đâu có một trăm hay một ngàn kẻ như người đi tìm kiếm nữa cũng chẳng thấy được.

Nói rồi, Đức Bốn Sư thuyết kệ Pháp Cú:

57. “Tesaṃ sampannasīlānaṃ,
Appamādavihāriṇaṃ;
Sammadaññā vimuttānaṃ,
Māro maggaṃ na vindati.”

57. *“Những người Giới đức đủ điều,
Vững tâm những ngã theo chiều buông lung,
Chánh trí giải thoát tột cùng,
Ma vương có thấu hành tung bao giờ.”*



CHÚ GIẢI:

Tiếng *tesaṃ* trên đây chỉ những người đã Vô Dư Níp Bàn, tâm thức chẳng còn trú vào chỗ nào nữa cả, y như Đại đức Godhika vậy.

Sampannasīlānaṃ: Nghĩa là đầy đủ Giới đức.

Appamādavihāriṇaṃ: Nghĩa là những người có tâm an vui, trú trong sự chuyên cần, không phóng dật, tức là những người có pháp ghi nhớ (gọi là Chánh niệm) đến sự lợi ích to lớn là Níp Bàn.

Sammadaññā vimuttānaṃ: Chánh trí giải thoát, là có trí hiểu biết về nhân (hetu), pháp (naya), lý (kāraṇa) của sự giải thoát. Những người giải thoát lại được dứt trừ phiền não theo năm pháp:

1. Tadaṅgavimutti: Giải thoát tạm thời, do quán xét.
2. Vikkhambhanavimutti: Giải thoát năm pháp che lấp (pháp cái) của thiên định, gọi là áp chế giải thoát.
3. Samucchadavimutti: Giải thoát do đạo tuệ, gọi là đoạn trừ giải thoát.
4. Paṭippassaddhivimutti: Giải thoát do đắc quả.
5. Nissaraṇavimutti: Giải thoát do Vô Dư Níp Bàn.

Māro maggaṃ na vīdati: Đối với những bậc đại Lậu Tận như thế, thì tất cả các chỗ của các Ngài đi trên con đường đạo, Ma vương chẳng biết chẳng thấy, chẳng đến được giai đoạn nào cả.



Thời pháp vừa dứt, nhiều vị Tỳ khưu chứng đắc Thánh quả, nhất là Sơ quả. Đại chúng thính pháp cũng đều được hưởng nhiều lợi ích.

Dịch Giả Căn Đề

*Tâm chứng từng cao, kế sứt liền,
Bởi Ngài Cổ Diệt bịnh kinh niên,
Sáu phen sức đầy không vào định,
Một nhát dao đưa mới đắc thiên.
Quyết chí thân tàn thành quả Thánh,
Nguyện đi nước lớn rạng danh hiền,
Ma vương ngũ uẩn, Ma phiền não,
Hết biết đường theo phải lạng yên.*

DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC GODHIKA VIÊN TỊCH





57. Of the diligent and the virtuous totally freed through wisdom, death never tracks the path.

57. Thân chết không bao giờ tìm thấy con đường của những người đức hạnh tinh cần được giải thoát hoàn toàn nhờ trí tuệ.

IV. 12- Tích ÔNG OÁN TRÁCH THÍ (*Garahadinnavatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 58-59)

“Yathā saṅkāradhānasmim Ujjhitasmim mahāpathe Padumaṃ tattha jāyetha Sucigandhaṃ manoramaṃ.”	“ <i>Như từ đồng rác đen, Vút trên bờ đại lộ, Mọc lên một đóa sen, Sạch thơm ai cũng mộ.</i> ”
--	--

“Evaṃ saṅkārabhūtesu Andhabhūte puthujane Atirocati paññāya Sammāsambuddhasāvako.”	“ <i>Từ chúng sanh như rác, Phàm tục và ngu si, Sáng ngời với tuệ giác, Đệ tử đấng Toàn Tri.</i> ”
---	--

Hai bài kệ này, Đức Bốn Sư đã thuyết pháp ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến một đệ tử của nhóm ngoại đạo Nigantha (Ni Kiên Tử: Ly Hệ Giả), tên là Garahadinna (Oán Trách Thí).

Thời bấy giờ, trong thành Sāvatthī có hai người bạn là ông Sirigutta (Thủ Danh Dự) và ông Garahadinna (Oán Trách Thí). Ông Sirigutta là một cận sự nam, Garahadinna lại là đệ tử của nhóm ngoại đạo Ly Hệ Giả (Nigantha), các du sĩ ngoại đạo này thường xúi bả ông Garahadinna rằng:

- Ông vốn là bạn của Sirigutta, sao ông không chỉ dạy ông ấy rằng: “Bạn theo Sa môn Gotama làm chi? Theo đạo ông ta bạn có được lợi ích chi?”, ông nên khuyến dụ ông ấy đến nghe chúng ta thuyết pháp.

Vâng theo lời thầy, ông Garahadinna thường lân la gần gũi với ông Sirigutta. Những lúc hai người đứng hoặc ngồi chung, ông khuyên bạn như vậy:

- Bạn à! Bạn theo Sa môn Gotama làm chi? Theo ông ấy bạn có lợi ích gì? Sao bạn không tìm đến cúng dường các Đại đức của tôi?

Mặc dầu nghe bạn nhắc nhở như thế trong nhiều ngày, ông Sirigutta vẫn làm thỉnh bỏ qua.

Nhưng một hôm, ông Sirigutta hỏi ông Garahadinna:

- Này bạn, bạn thường đến chơi với tôi, trong lúc đứng hoặc ngồi chung, bạn hay nhắc nhở tôi rằng: “Theo đạo của Sa môn Gotama bạn sẽ được lợi ích gì? Bạn hãy đến cúng dường chư Đại đức của tôi.”. Thưa bạn, xin lỗi bạn đừng buồn. Đối với tôi các Đại đức của bạn nào có biết chi đâu.

- Thôi thôi bạn ơi, bạn đừng có nói vậy. Chư Đại đức của tôi thì có gì mà chẳng hiểu biết. Các Ngài thông suốt tất cả nghiệp do thân, khẩu, ý trong ba đời quá khứ, hiện tại và vị lai. Các Ngài biết trước việc nào sẽ xảy ra cùng không xảy ra, việc nào có thể cùng không thể được.

- Bạn nói chắc không?

- Dạ thưa bạn, chắc chắn.

- Nếu quả vậy thì bạn tệ thật. Từ bấy lâu nay sao bạn không chỉ rõ giùm tôi việc đó. Đến hôm nay tôi mới biết oai lực tuệ giác của các Đại đức bạn à, tôi nhờ bạn thay mặt tôi đi thỉnh giùm chư Đại đức đến đây để tôi cúng dường.

Ông Garahadinna bèn đến chùa của nhóm Nigantha, đánh lễ các thầy và bạch rằng: “Bạn tôi là Sirigutta xin thỉnh chư Đại đức ngày mai đến nhà ông ấy.”.

- Chính ông Sirigutta nói với ông phải không?

- Dạ phải, bạch chư Đại đức.

Nhóm ngoại đạo vui mừng hớn hờ bảo nhau:

- Chúng ta bây giờ thấy khỏe rồi, chỉ có việc nằm ngủ mà thôi. Hễ được Sirigutta tin tưởng nơi chúng ta rồi, thì từ này về sau có thứ lễ vật nào mà chúng ta chẳng có được.

Chỗ ở của ông Sirigutta rất lớn và rộng, trong khuôn đất đó nơi có khoảng trống giữa hai ngôi nhà, ông cho đào một cái mương dài rồi lấy sinh non và phân lấp đầy mương bằng mặt đất. Ngoài hai đầu mương, ông cho đóng hai cây cừ ló đầu lên, cột dây giăng dài trên đường mương, đoạn ông cho sắp ghế thành một hàng, chân trước ghế nằm trên mép mương trước, chân ghế sau nằm gá lên đường dây, như thế, người ngồi trên ghế sẽ bật ngựa ra sau, té chông gọng, muốn che giấu cái đường mương, ông cho trải thảm phủ lên hàng ghế. Phía sau nhà, ông cho sắp nhiều cái khạp không, lấy lá chuối và vải cũ bịt miệng khạp, đoạn lấy cháo, cơm, bơ, đường, bánh vụn trải trên bên ngoài. Sáng hôm sau, ông Garahadinna lật đặt đến nhà bạn thật sớm và hỏi:

- Lễ vật cúng chư Đại đức đã sẵn sàng chưa?

- Đàng hoàng hết cả rồi bạn à.

- Đầu để tôi coi thử coi.

- Trong mấy cái khạp đó, đây là khạp đựng cháo, kia là khạp đựng cơm, những khạp đó bơ, khạp đường, khạp bánh đủ thứ...Ghế ngồi cũng đã sắp sẵn cả rồi.

Ông Garahadinna nói: “Lành thay”, rồi ông ra đi, khi ông vừa đi ra thì năm trăm du sĩ Nigantha cũng vừa đi đến.

Ông Sirigutta ra khỏi nhà, gieo năm vốc xuống lễ

chào các Nigantha, đứng dậy chấp tay nguyện thầm rằng: “Nghe nói quý Ngài quán trí quá khứ, vị lai, việc gì cũng biết, chính người hộ độ cho quý Ngài đã nói với tôi như thế. Nếu quả thật quý Ngài toàn tri thì quý Ngài đừng vào nhà tôi, vì khi quý Ngài vào nhà tôi, Ngài nào té xuống mương phần thì sẽ lấy cây khệnh.”.

Nguyện rồi, ông Sirigutta dặn nhỏ các gia đình: “Các người biết cách sắp đặt ghế ngồi như thế nào rồi. Vậy các người hãy chờ bên mép mương phía sau ghế đặng rút mấy tấm thảm, đừng cho dính đồ dơ.”.

Đoạn ông lên tiến thỉnh Nigantha:

- Bạch Ngài, xin thỉnh quý Ngài vào trong này.

Nhóm Nigantha vào tới trong sân, định ngồi lên ghế đã được trải sẵn tọa cụ. Nhưng các gia đình ngăn lại rằng:

- Bạch các Ngài chậm lại một chút, xin đừng ngồi liền như thế.

- Tại sao vậy?

- Vào nhà chúng tôi, các Ngài nên biết phận sự của mình trước rồi hãy ngồi sau.

- Phải làm phận sự chi ạ, hồi đạo hữu?

- Mỗi Ngài nên vào đứng trước chỗ của mình đều đủ hết cả rồi, chừng ấy mới ngồi xuống một lượt.

Đây là các gia đình nghe lời dặn của chủ, cho họ lọt xuống mương đồng loạt, đừng cho họ ngồi lẻ tẻ.

Các Nigantha đáp: “Lành thay!”, trong tâm họ nghĩ rằng: “Chúng ta nên làm y theo lời chỉ dẫn của các nhân viên này.”.

Khi ấy, các gia đình bảo họ:

- Bạch Ngài, xin các Ngài hãy ngồi xuống cho thật lẹ.

Khi nhóm Nigantha vừa dợm ngồi xuống cho thì các gia đình rút hết tấm thảm lót, trước khi dứt các tu sĩ đứng tới ghế, mấy vị ấy vô tình đồng ngồi xuống một lượt, những chân ghế trên sợi dây tuột ra lún xuống, nhóm ngoại đạo ngồi không vững té ngã ra sau, lọt xuống mương phần. Thấy họ té xuống mương sinh trộn phần, ông Sirigutta khiến gia đình:

- Bây đóng cửa lại, hễ ông nào dưới mương bò lên thì hỏi: “Tại sao ông không tiên tri quá khứ, vị lai?” Và khệnh cho ông ta mấy hèo.

Sau khi cho các Nigantha một trận no đòn, chủ nhà mới bảo gia đình mở cổng thả họ ra. Họ tranh nhau chạy thoát thân, không dè Sirigutta đã khiến gia đình tráng một lớp phấn bầy lầy trên mặt đường đi làm cho đường trở nên trơn trượt. Thành ra bọn ngoại đạo còn té lên té xuống nhiều keo, chủ nhà còn nói đưa đẩy họ đi: “Thôi bấy nhiêu đó đã đủ cho các ông rồi nhé.”. Bị một võ quá đau, các Nigantha kéo nhau đến trước nhà Garahadinna, vừa đi vừa khóc:

- Ông ám hại chúng tôi, ông ám hại chúng tôi.

Nhìn thấy sự thảm hại nhục nhã của các thầy mình, ông Garahadinna nổi giận, nguyện rửa Sirigutta: “Ông này tới số rồi, cho nên mới dám đánh đập làm hại các vị Đại đức của ta, là những bậc Ứng Cúng, là những phước điền mà chư Thiên trên sáu cõi trời cùng hoan hỷ lễ bái cúng dường.”.

Kế đến, ông Garahadinna đệ sớ lên đức vua, xin Ngài phạt vạ ông Sirigutta một ngàn đồng vàng. Đức vua hạ chiếu cho vời Sirigutta đến, ông vào triều đánh lễ Đức vua, xong tâu rằng: “Tâu bệ hạ, thần mong ân bệ hạ xét đoán

công minh rồi hãy phạt, để tránh sự võ đoán bất công.”.

- Trẫm sẽ xét xử rồi mới kết án.
- Lành thay, tâu bệ hạ, xin bệ hạ xử án.
- Vậy thì sự việc thế nào, khanh hãy tâu ngay đi.

- Tâu bệ hạ! Bạn của tôi là đệ tử nhóm Nigantha, thường ngày đến nhà tôi, thừa dịp đứng hay ngồi chung dụ rằng, như nói: “Bạn ơi, bạn theo Sa môn Gotama làm chi, bạn nào có được lợi ích gì?”.

Và ông Sirigutta đem mọi sự việc đã qua trình tấu một hồi, đoạn nói tiếp:

- Tâu bệ hạ, nếu trong việc này, bệ hạ thấy kẻ hạ thần đáng tội, thì bệ hạ hãy xử phạt đúng theo luật nước.

Quốc vương nhìn ông Garahadinna và phán hỏi:

- Lời khai của bạn ông, khanh nghe có đúng sự thật không ?

- Tâu bệ hạ, đúng sự thật.

- Mấy ông ngu dốt, vô minh như thế mà khanh tôn xưng là sư phụ, đi tới đâu cũng ca ngợi các Ngài biết hết tất cả. Tại sao khanh lại còn mong dụ hoặc Thỉnh Văn của đấng Như Lai, khanh đã kêu nài đòi xử phạt thì khanh phải chịu hình phạt.

Thế là, ông Garahadinna bị thất kiện mất cả tiền ký quỹ một ngàn đồng. Chẳng khác nào bị đánh đòn, đuổi đi như các Đại đức của ông ta. (Ông *Burlingame* dịch là: Ông ấy bị vua hành phạt, còn các Đại đức của ông bị đánh đòn trục xuất.)

Cầm tức vì thua bạn, từ ngày ấy cho đến nửa tháng sau, ông ta lánh mặt không chuyện vãn với ông Sirigutta, ông nói thầm: “Hành động như thế thì ta không hợp lý. Ta

nên báo hại các thầy tổ của ông ấy mà trả đũa thì hơn.”.

Ông nhân buổi bãi triều, đến giả lả với Sirigutta và kêu: “Bạn Sirigutta ơi!”

- Dạ, có chuyện chi đó bạn?

- Thân bằng quyến thuộc cũng có khi cãi lẩy tranh chấp nhau. Sao gặp tôi bạn chẳng nói năng chi cả. Tại sao bạn lại đối xử với tôi như thế?

- Này bạn, tại vì bạn không chuyện trò cùng tôi, thì tôi mới không nói chuyện. Nhưng đâu giữa hai ta có điều chi xích mích, chúng ta không lẽ đoạn giao tình nghĩa bạn bè.

Từ đó về sau, hai người lân la, thân mật, cùng ngồi và đứng gần bên nhau.

Cho đến một hôm, ông Sirigutta bảo ông Garahadinna:

- Bạn theo nhóm Nigantha nào có được lợi ích gì? Sao bạn không Quy y với Đức Bốn Sư, hoặc là để bát cúng đường Đại đức Tăng có phải là quý hơn không?

Ông Garahadinna chỉ chờ mong có thế, nên khi nghe bạn mở lời, chẳng khác nào gãi nhằm chỗ ngứa của mình. Ông bèn hỏi Sirigutta: “Chẳng hay Lịnh Tôn Sư Ngài biết được cái gì?”.

- Này bạn ơi! Bạn đừng nên hỏi như thế, Đức Bốn Sư chẳng có cái gì mà Ngài chẳng biết. Ngài thông suốt cả quá khứ, hiện tại, vị lai, Ngài phân tích tâm của tất cả các chúng sanh ra làm mười sáu chap liên tiếp.

- Vậy mà tôi không được biết. Tại sao bấy lâu nay bạn không tỏ thật cho tôi hay. Thôi thì, bạn làm ơn đi thỉnh Đức Bốn Sư giùm tôi, ngày mai tôi sẽ để bát. Xin Đức

Tôn Sư cùng với năm trăm vị Tỳ khưu đến nhà tôi thọ thực.

Ông Sirigutta đi đến chỗ ngụ của Đức Bốn Sư đánh lễ Ngài rồi bạch rằng:

- Bạch Ngài, bạn con là ông Garahadinna nhờ con đến thỉnh Ngài và năm trăm vị Tỳ khưu, ngày mai đến thọ bát cơm của ông ta. Hôm trước con có trác các vị Đại đức của ông ta một võ nặng, hôm nay con không biết có phải ông ta định trả đũa hay là ông ta thật tâm trong sạch đặt bát chư Tăng. Xin Ngài hãy minh xét, nếu hợp lẽ đạo thì Ngài nhận, còn bằng không thì thôi.

Đức Bốn Sư quán xét: “Garahadinna định làm gì Như Lai đây?”, Ngài thấy rằng: “Ở chỗ sân trống giữa hai ngôi nhà, ông cho đào một hầm rộng lớn, cho đem độ tám mươi cỗ xe bò cũi khô chất đầy hổ, rồi châm lửa đốt. Định tâm rằng: “ Khi Như Lai rơi xuống hầm lửa thì ông sẽ chỉ trích.”. Rồi Đức Bốn Sư quán thêm nữa rằng: “Do nhân duyên như thế, Như Lai có cần ngự đến hay không?”, Ngài thấy rằng: “Như Lai sẽ bước chân lên hầm lửa, tấm đệm che giấu miệng hổ sẽ biến mất, lộ ra hầm lửa, từ đó lộ ra đóa liên hoa lớn bằng bánh xe. Khi ấy, Như Lai bước lên cánh sen đi trên hầm lửa vào ngự lên Bảo tọa, các Tỳ khưu cũng theo lối ấy mà đến chỗ ngồi. Đại chúng sẽ tụ tập đông đảo, giữa hội trường Như Lai đọc kệ phúc chúc. Dứt bài kệ sẽ có tám mươi lễ bốn ngàn chúng sanh sẽ giác ngộ Chánh Pháp. Cả Sirigutta và Garahadinna cũng đạt được Thánh quả đầu tiên, mỗi người sẽ xuất kho vàng của mình ra mà gieo vào giáo pháp. Như Lai nên đi đến tế độ ông Garahadinna vậy.”.

Quán xét xong rồi, Đức Bốn Sư nhận lời đi thọ bát. Khi biết Đức Bốn Sư đã nhận lời, Sirigutta trở về báo tin cho Garahadinna biết và dặn rằng: “Bạn hãy lo sắp đặt

những lễ vật thượng phẩm để cúng dường đấng Như Lai.”.

Garahadinna đáp: “Cảm ơn bạn, tôi bây giờ phải biết làm thế nào coi cho được chứ.”.

Chờ bạn ra về rồi, ông lập tức bảo gia nhân đào một cái hầm rộng lớn, đem tám mươi xe bò cũi chất đầy hầm, châm lửa đốt, gắn ống thổi bể (bhasitā) thổi suốt đêm cho cũi cháy thành than đỏ. Trên miệng hầm, ông lót ván mỏng, rồi phủ đệm lên che kín, lấy phân bò thoa trét coi như nền trắng. Ở một phía ông bảo làm một lối đi, trên mặt hầm, ông cho gác những đòn tay nhỏ yếu và cũng che đầy không cho thấy dấu. Ông tưởng tượng rằng: “Làm vậy, khi họ bước chân lên để đi qua, thế nào mấy cây đòn tay cũng gãy và họ cũng té lộn nhào xuống dưới hầm lửa.”.

Phía sau nhà ông, ông cũng sắp nhiều khạp không, làm theo cách của Sirigutta lúc trước, các chỗ ngồi ông cũng bảo sửa soạn như thế.

Sáng hôm sau, Sirigutta đến nhà bạn thật sớm, nói rằng:

- Bạn ơi! Lễ vật bạn lo đã xong chưa?
- Xong cả rồi bạn à.
- Bạn để đâu?
- Mời bạn vào đây coi với tôi.

Ông Garahadinna chỉ cho bạn coi các lễ vật mình đã sắp đặt theo cách của Sirigutta bữa trước. Sirigutta tán thành: “Lành thay!”. Lúc đấy, dân chúng tụ hội rất đông, người tà kiến mà phát tâm thỉnh Đức Bốn Sư thì bao giờ thiên hạ cũng tụ hội đông đảo như thế. Nhóm tà kiến rủ nhau đi cho đông, để xem: “Sa môn sẽ bị mất mặt.”

(vippakra), còn nhóm chánh kiến cũng rủ nhau đi cho đông, vì “Hôm nay Đức Bốn Sư sẽ thuyết một thời pháp lớn. Chúng ta sẽ được chứng kiến thần oai đại lực của Đức Phật.”.

Ngày ấy, Đức Bốn Sư cùng với năm trăm Tỳ khưu ngự đến trước cổng nhà ông Garahadinna. Ông nẩy ra khỏi nhà, gieo năm vóc xuống đánh lễ Ngài, đoạn đứng trước mặt Ngài chấp tay nguyện thầm rằng: “Bạch Ngài, nghe đồn rằng Ngài biết việc quá khứ, hiện tại, vị lai, phân tích được tâm chúng sanh ra làm mười sáu chập. Chính Thiện tín ruột của Ngài đã khoe với tôi như thế. Nếu quả thật Ngài tiên tri thì Ngài không vào nhà tôi. Vì Ngài vào nhà tôi chẳng có cơm cháo chi ráo... Tất cả các Ngài lọt xuống hầm lửa rồi thì tôi sẽ chỉ trích cho mà coi...”.

Nguyện thầm rồi, Garahadinna rước lấy bát của Đức Bốn Sư miệng nói: “Xin thỉnh Thế Tôn vào.”, nhưng ông ta tiếp theo liền: “Bạch Ngài, Ngài nên biết trước cách thức vào nhà tôi rồi hãy vào.”.

- Cách thức sao đạo hữu?
- Các Ngài đi vào từng vị một, vị trước vào chỗ ngồi, vị sau mới nên tiếp theo.

Trong thâm tâm ông Garahadinna tính như vậy: “Hễ cùng đi vào một lượt, người đi đầu lọt xuống hầm lửa, rồi thì mấy vị sau thấy sẽ không đi tới nữa. Đi riêng lẻ từng người, họ sẽ sa đọa hết và ta sẽ chê trách họ.”.

Đức Bốn Sư đáp: “Lành thay!”, đoạn Ngài cùng đi vào một lượt với Garahadinna. Đi đến chỗ hầm lửa, Garahadinna đứng tránh qua một bên, nói: “Xin thỉnh Ngài đi trước.”.

Đức Bốn Sư đưa chân lên ngay miệng hầm lửa, chiếc đệm phủ trên mặt biển mắt, ván lót nứt ra, để lộ ra một

hầm lửa đỏ, rồi từ bên dưới mọc ra những đóa hoa sen to như bánh xe, Đức Thế Tôn bước lên những cánh hoa sen đi qua hầm lửa, vào ngự lên Phật bảo tọa đã được soạn sẵn. Chư Tăng cũng theo lối ấy vào, ngồi lên các ghế ngồi.

Garahadinna tự nhiên nghe trong mình nóng nảy như bị lửa thiêu đốt, ông liền chạy tìm Sirigutta và kêu cứu:

- Ngài ơi! Ngài làm ơn cứu giùm tôi.
- Cái chi vậy?
- Năm trăm Tỳ khưu đã vào trong nhà mà cháo cơm gì chẳng có chi ráo. Tôi biết làm sao bây giờ?
- Chớ hôm qua đến nay bạn đã làm gì?
- Ở khoảng giữa hai ngôi nhà, tôi đã cho đào một cái hầm chứa đầy than đỏ, chờ mấy Ngài té xuống đó thì tôi sẽ chê trách. Cái hầm lửa giờ đây mọc lên toàn những cánh hoa sen. Tất cả Tỳ khưu đều bước lên những cánh hoa sen đi vào, ngồi trên những chỗ ngồi được soạn sẵn. Bây giờ, tôi làm gì đây?
- Ủa! Tôi nhớ ban sáng bạn đã chỉ cho tôi thấy, đây là những khạp cháo, kia là những khạp cơm... Dù cả rồi mà.
- Thưa bạn, tôi nói dối đấy, mấy khạp ấy đều trống trơn cả.
- Không sao, bạn ra giờ mấy khạp cháo, khạp cơm ấy ra coi lại đi.

Ngay lúc ấy, những khạp nào mà Garahadinna nói dối là khạp cháo thì đều đầy cháo, những khạp nào mà ông nói là cơm thì đầy cơm... Thấy oai lực đặc biệt hiển nhiên của Đấng Bốn Sư, Garahadinna phát sanh phỉ lặc khắp mình. Trong tâm hết sức trong sạch tin tưởng, ông cung

kính sát bát hộ độ chư Đại đức Tăng có Đức Phật là vị Tăng trưởng, khi các Ngài dùng xong bữa, ông ta thỉnh bát của Đức Bốn Sư để yêu cầu Ngài thuyết kinh phúc chúc.

Sau bài kinh hoan hỷ phước báu của thí chủ, Đức Bốn Sư dạy rằng: “Những chúng sanh này do không có pháp nhân nên không nhận thức được ân đức của Phật Pháp và chư Tăng đệ tử của Ta. Người không có tuệ nhãn, Ta gọi là kẻ mù, người có trí tuệ, Ta gọi kẻ ấy là người sáng mắt.

Nói rồi, Đức Bốn Sư thuyết lên hai bài kệ:

58. “Yathā saṅkārādhānasmiṃ,
Ujjhitasmiṃ mahāpathe;
Padumaṃ tattha jāyetha,
Sucigandhaṃ manoramaṃ.”

“Như từ đồng rác bùn nhơ,
Vứt lên đại lộ không ngờ mọc ra,
Đóa sen thanh khiết nở nà,
Mùi hương thơm ngát, trẻ già cũng ham.”

59. “Evaṃ saṅkārābhūtesu,
Andhabhūte puthujjane;
Atirocati paññāya,
Sammāsambuddhasāvako.”
“Từ nơi nhân chứng tục phạm,
Tối tăm mê muội như giam dưới bùn
Thịnh Văn của đấng Đại hùng,
Nêu cao đuốc tuệ, soi cùng thế gian.”



CHÚ GIẢI:

Trong bài kệ, Phạn ngữ *saṅkārādhānasmiṃ*: Nghĩa là trong đồng rác dơ.

Ujjhitasmiṃ mahāpathe: Nghĩa là đồ bỏ trên đại lộ.

Sucigandhaṃ: tức là surabhogandhaṃ, nghĩa là hương thơm ngào ngạt.

Manoramaṃ: là có ý ưa thích nơi đó.

Saṅkārābhūtesu: nghĩa là những chúng sinh căn bản cũng như rác vậy.

Puthujjane: Là phàm phu ám chỉ cho những người còn bị phiền não chi phối là phần đông nhân loại trên thế gian.

Bài này Đức Phật dạy rằng: Cũng như đồng rác dơ dấy vứt trên đại lộ, tuy là đáng kinh tởm, gớm ghê nhưng đóa hoa sen từ đó mọc lên, lại thơm tho, thanh khiết, dầu cho quan quyền, vua chúa cũng ưa thích, mền chuộng, ai cũng đẹp ý muốn cài, giắt nó lên đầu của mình. Cũng như thế, đám chúng sanh phàm phu xuất thân từ nơi bần tiện như nơi đồng rác, trong đại chúng vô trí tuệ, mù quáng có những người nhờ tuệ lực của mình, thấy tội lỗi ngũ trần dục lạc và phước báu của hạnh xuất gia, bèn lìa nhà đi tu theo hạnh không nhà, cố gắng hành đạo theo Giới, Định, Tuệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến, trở nên bậc Tỳ khưu lậu tận. Thánh đệ tử của Đức Chánh Biến Tri vượt qua khỏi đám chúng sanh phàm phu ngu muội chói sáng rực rỡ.



Bài pháp chấm dứt thì tám muôn bốn ngàn chúng sanh giác ngộ chánh pháp, Garahadinna và Sirigutta đều chúng đắc Tu Đà Hườn quả. Hai người, về sau mang hết của cải của mình, xuất ra để phục vụ đạo pháp.

Đức Bốn Sư từ Phật bảo tọa đứng dậy, ngự về chùa. Lúc xế chiều, chư Tỳ khưu câu hội tại giảng đường, đề khởi pháp luận như vậy: “Ôi! Huyền diệu thay là oai lực của chư Phật. Sức nóng như hầm lửa đây than nóng, lửa đỏ đến thế, phải nhường chỗ cho những cánh hoa sen mọc lên.”.

Đức Bốn Sư ngự đến phán hỏi: “Nầy các Tỳ khưu, hôm nay các ông câu hội thảo luận đề tài gì thế?”.

- Bạch Ngài, việc này đây...

Nghe đáp, Đức Bốn Sư dạy rằng: “Nầy chư Tỳ khưu! Việc hôm nay Ta khiến được hoa sen mọc lên từ trong hầm lửa đỏ, không có chi là huyền diệu vì Ta đã thành Phật. Trước kia còn là Bồ tát, Ta cũng đã từng khiến cho cánh sen mọc như thế rồi.”.

Chư Tỳ khưu yêu cầu:

- Bạch Ngài, việc ấy có từ bao giờ, xin Ngài chỉ dạy cho chúng con.

Theo lời cầu xin của chư Tăng, Đức Bốn Sư thuyết giảng Kinh Bốn Sanh “Hầm lửa đỏ” (Khadīraṅgārajātaka), rồi Ngài ngâm kệ:

“Kāmaṃ patāmi nirayaṃ,
Uddhampādo avamsiro,
Nānariyaṃ karissāmi
Handa piṇḍaṃ paṭiggahā'ti.”

“Ta sa địa ngục ngũ trần,
Thất điền bát đảo, giờ chân chẳng rời,
Ta quyết không như kẻ tồi,
Lấy cái ống nhổ làm nơi đựng cơm.”

Địch Giả Cầu Đề

*Trách Thí đề cao phải ngoại môn,
Thủ Danh vì bạn phá “mê hồn”,
Một mương phần, đợi người thiếu trí,
Vài miếng đòn, đưa kẻ đại ngôn.
Chẳng cộp sao ham kêu tiếng cộp,
Là chôn phải chịu ló đuôi chôn,
Tư đây thêm rạng đèn Chánh giác,
Đại chúng qui đầu Đức Thế Tôn.*

DỨT TÍCH ÔNG GARAHADINNA



DỨT PHẨM HOA



58. *Just as a fragrant and lovely lotus may blossom forth
out of a garbage-heap on the roadside...*

**58. Như hoa sen tươi đẹp và thơm ngát
Có thể nở ra từ đống rác bên vệ đường.**

59. *Likewise in this worldly mess, the disciple outshines
the blinded worldlings by his wisdom.*

**59. Cũng vậy, giữa cảnh đời trần tục, vị đệ tử
Phật với trí tuệ sáng ngời vượt lên những kẻ
phàm phu mê muội.**

V. PHẨM NGU NHƠN (BĀLAVAGGA)

16 bài kệ: Pháp Cú số 60 – 75

15 tích truyện



V. 1- Tích TRAI NGHÈO CÓ VỢ ĐẸP (Aññatarapurisavatthu)



KỆ NGÔN: (Pháp cú số 60)

“Dīghā jāgarato ratti,	“Đêm dài đôi kẻ thức,
Dīghaṃ santassa yojanaṃ;	Dặm dài đôi kẻ nhọc,
Dīgho bālānaṃ saṃsāro,	Đường sanh tử rất dài,
Saddhammaṃ avijānataṃ.”	Đối kẻ dốt Chánh pháp.”

Kệ Pháp Cú này, Đức Bốn Sư đã thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến một thanh niên nọ và đức vua Pasenadi Kosala.

Tương truyền rằng: Nhân một ngày quốc lễ, quốc vương Pasenadikosala vận đại triều phục, ngự lên một thớt bạch tượng thuần sắc, tên là Puṇḍarikā (Bạch Liên), ngự du một vòng kinh thành với đoàn quân hộ giá tiền hô hậu ủng, đầy đủ vẻ uy nghi tráng lệ của bậc Đế vương.

Quần chúng đi xem lễ đông nghẹt các nẻo đường, tiếng nói cười nhộn nhịp, náo nhiệt. Họ bị quân dọn đường lấy đất, đá và gây gộc đánh đuổi, tuy bị chạy tán loạn nhưng họ vẫn ngoái cổ lại nhìn. (Người ta nói rằng:

Sở dĩ nhà vua được vinh hiển, tốt bụng như thế, là do sự bố thí đầy đủ duyên trong quá khứ.)

Ngày ấy, vợ một chàng thanh niên nghèo khổ nọ, nàng đang đứng trên tầng thượng của một tòa nhà bảy tầng, nghe tiếng có đức vua ngự qua thì mở một cửa sổ nhìn xuống, ngay lúc quốc vương cũng vừa ngược nhìn lên. Thiếu phụ vội thụt vào, đóng cửa sổ lại. Quốc vương nhìn theo ngơ ngẩn, như đang mong đợi mặt trăng rằm vừa khuất sau áng mây đen. Tương tự một đóa hoa hèn, lòng quốc vương cảm thấy nóng nảy bồn chồn, ngồi chẳng vững trên lưng tượng, Ngài đốc thúc cuộc diễu hành quanh thành phố cho mau chấm dứt.

Về đến cung đình, quốc vương phán hỏi một cận thần thân tín: “Lúc này, tại chỗ đó khanh có trông thấy tòa lâu đài mà trăm nhìn lên không?”.

- Tàu bệ hạ, có thấy.
- Trong lâu đài ấy, khanh có trông thấy một nữ nhân không?

- Tàu bệ hạ, thần có thấy.
- Vậy khanh hãy đến đó hỏi nàng ấy có chồng chưa?

Viên hầu cận thân tín đi, rồi trở về tàu lại cho đức vua biết rằng: “Nàng ấy đã có chồng.”. Quốc vương bèn ra lệnh:

- Vậy khanh hãy triệu chồng nàng ấy vào triều cho ta.

Vị quan vâng lệnh đức vua, gặp chàng thanh niên nghèo khổ, bảo rằng: “Lại đây bạn ơi, đức vua triệu bạn vào triều.”.

Thanh niên nghĩ thầm: “Việc này e có liên quan đến vợ ta.”. Không dám trái lệnh vua, thanh niên vào triều bái đức vua rồi đứng chờ.

Đức vua phán hỏi thanh niên: “Trẫm phong cho khanh làm thị vệ quân.”.

- Muôn tâu bệ hạ, thần không dám nhận lãnh chức đó. Xin cho thần ở ngoài hành nghề, đóng thuế cho bệ hạ, thần chỉ quen với lối sống bình dân.

- Trẫm không cần đến tiền khanh đóng thuế. Kể từ nay về sau khanh hãy theo hầu trẫm.

Quốc vương ban cho thanh niên bộ võ phục, một lưỡi gươm và một cái khiên (mộc). Thanh niên nghĩ: “Nếu mình có điều chi sơ xuất với đức vua thì phạm tội khi quân, chẳng khỏi chết chém. Ta phải lo sợ mới được.”.

Vì sợ tội chết, thanh niên siêng năng hầu hạ đức vua.

Quốc vương không tìm được lầm lỗi nào của thanh niên, thì lòng mong hưởng dục lạc lại càng tăng trưởng, nghĩ thầm: “Phải tìm cơ buộc tội hắn thì trăm nghìn làm vua mới yên.”.

Quốc vương liền triệu thanh niên đến và phán rằng:

- Này khanh, khanh hãy đi đến một địa điểm ấy, cách đây độ một do tuần, xuống sông hái nhiều hoa sen xanh và trắng, móc lấy đất đỏ như màu mặt trời bình minh, đem về đây vào buổi chiều cho kịp trăm tám. Nếu khanh để trì hoãn, không về kịp lúc ấy, trăm cứ luật mà gia hình.

(Người ta bảo rằng: “Thị vệ quân là chức thấp kém nhất trong bốn hạng tôi đòi. Quả nhiên, hạng làm vườn ăn tiền chẳng hạn, có thể lấy cơ đau bệnh, mệt mỏi mà xin nghỉ được. Còn thị vệ thì không được phép nghỉ, hễ lệnh vua sai khiến là phải thi hành chớ không được khoái thác.) Thanh niên suy nghĩ: “Nhất định là ta phải đi đến đó. Nhưng hoa sen xanh, trắng cùng đất đỏ như mặt trời bình minh chỉ có cảnh giới Long Vương, còn trên thế giới nhân

gian ta biết tìm lấy ở đâu cho được.”.

Càng suy nghĩ, càng sợ tội chết, thanh niên về nhà bảo vợ:

- Minh ơi! Cơm nấu chín chưa?
- Dạ thưa, mới vừa bắc lên nấu mình à!

Thanh niên không chờ cơm chín, liền nhấc xuống bảo vợ lấy vá xúc cơm chưa ráo nước, đổ vào giỏ, chan thêm canh nóng vào, rồi mang theo cất bước lên đường. Trong lúc đi đường cơm cũng vừa chín.

Thanh niên sốt riêng ra một phần lớn, không rớ tay đến, chỉ ăn chút ít còn lại. Khi đang ăn, thấy một lữ khách đi đến, thanh niên nói: “Tôi sốt ra, chỉ ăn có chút ít, phần cơm này tôi không đụng đến, ông hãy lấy dùng đi.”.

Khách lấy cơm dùng. Thanh niên độ xong bữa, còn thừa lại một nắm cơm đem bỏ xuống nước, rửa mặt súc miệng, la lớn rằng: “Cầu xin Long vương, Kim sí điều và chư Thiên ngự nơi thủy quốc này hãy nghe tôi nói đây: Quốc vương ra lệnh khiến tôi thi hành việc này. Là đến đây lấy cho được sen xanh, sen trắng cùng với đất màu đỏ như mặt trời bình minh đem về triều. Tôi đã bố thí cơm cho người lữ hành được ngàn phần phước, tôi đã bố thí cơm cho cá dưới nước được một trăm phần phước nữa. Tất cả bấy nhiêu phước báu tôi xin chia hết cho các Ngài. Xin các Ngài hãy đem hoa sen xanh, hoa sen trắng và đất màu đỏ mặt trời bình minh đến cho tôi.”.

Thanh niên la lớn đủ ba lần như vậy. Long vương là chúa rồng ngự tại nơi đó, nghe tiếng của thanh niên:

- Chú em nói gì thế?

Thanh niên lặp lại y như trước.

- Chú hãy chia phước cho ta với. – Ông lão nói.
- Tôi xin chia phước đến ông, thanh niên đáp.

Sau khi bảo thanh niên chia phước hai ba lần như vậy rồi, Long vương đem hoa sen xanh, trắng và đất mặt trời màu bình minh tặng lại thanh niên.

Trong khi ấy, quốc vương tính thầm rằng: “Người đời có nhiều kẻ giỏi chú thuật. Nếu như gã ấy dùng pháp thuật mà kiếm được các món ấy, thì mưu cơ của trẫm không thể thành tựu.” Đức vua liền cho đóng kín tất cả cửa vào thành.

Sau khi kiếm được hoa sen xanh, trắng cùng với đất đỏ, thanh niên vội quay về cho kịp giờ đức vua tắm gội, nhưng cửa thành đã bế chặt, không thể vào thành được. Thanh niên yêu cầu tiếp xúc với thủ môn quan và bảo: “Mở cửa ra.”.

- Không thể mở cửa được. Đức vua đã xuống chiếu truyền lệnh đóng hết các cửa thành Sāvattihī.

- Ta là Khâm sai (rajadūta) của đức vua. Hãy mở cửa cho ta vào.

Thanh niên nói gì thì nói, các quan giữ cửa thành vẫn không mở cửa.

Không vào được, thanh niên ngẫm nghĩ: “Bây giờ chắc hẳn mạng căn của ta đã tuyệt. Ta phải làm sao đây?”.

Thanh niên đặt cục đất đỏ lên đầu cổng thành, cầm mấy cành hoa lên cục đất, rồi cất tiếng la lớn lên rằng: “Hỡi dân cư ngụ trong kinh thành! Xin các vị hãy biết rằng việc này: Đức vua sai tôi đi công cán, tôi đã thi hành xong. Bây giờ đức vua cố ý ngăn trở không cho tôi vào, để có cơ mà giết tôi.”. La to ba lần như thế, thanh niên lại nghĩ: “Ta đi đâu bây giờ? À! Chư Tỳ khưu có tiếng là từ tâm, vậy ta

hãy vào ngủ nhờ trong chùa.”.

Quả thật những chúng sanh như thanh niên này, trong thời kỳ an vui không bao giờ nghĩ tưởng đến chư Tỳ khưu đâu, chỉ khi nào lâm vấp cảnh khổ rồi mới có ý muốn đi chùa. Thanh niên tự nghĩ: “Ta không còn chỗ nào khác để nương nhờ.”, bèn đi vào chùa, kiếm một chỗ tiện nghi để nằm ngủ.

Đêm ấy trong hoàng cung, quốc vương không sao an giấc điệp, vì hình bóng của thiếu phụ vẫn ám ảnh tâm tư. Quốc vương chỉ mong trời mau sáng để xử tử thanh niên, ngõ hầu đoạt vợ của chàng.

Cũng trong giờ đêm tăm tối ấy, dưới địa ngục đồng sôi, rộng khoảng sáu mươi do tuần, có bốn thanh niên bị đọa lạc xuống đó, đang bị nấu trong chảo dầu sôi, nổi lên chìm xuống như những hạt gạo. Từ trên miệng chảo chìm xuống đến tận đáy trải qua một thời gian là ba muôn năm, lại trải qua ba muôn năm khác mới trôi lên tới miệng chảo. Bốn chàng ngóc đầu lên, thấy được nhau, mỗi chàng định nói bài kệ nhưng không nói kịp, mỗi chàng chỉ nói kịp một tiếng rồi lại bị chìm xuống, lộn đầu rơi xuống đáy chảo.

Đang băn khoăn, thao thức, vào lúc nửa đêm, quốc vương mộng nghe được bốn tiếng la của tội nhân dưới địa ngục ấy, thì giật mình kinh sợ, lo lắng tự nghĩ: “Đây chắc là điềm báo cho trăm hoặc hoàng hậu sẽ băng hà, hay là ngại vàng sẽ đổ nát...”. Thế là suốt đêm hôm ấy, quốc vương không sao chợp mắt được.

Mặt trời vừa mọc, quốc vương cho triệu vị Quân sư vào triều và phán hỏi:

- Thưa quân sư, vào khoảng giữa đêm hôm nay, trăm nghe có tiếng la thật lớn, rất đáng kinh sợ. Trăm không biết đó là điềm báo sự tai hại đến ngại vàng, đến hoàng

hậu hay đến chính bản thân trăm. Cho nên trăm mới triệu quân sư vào đây.

- Tâu đại vương, đại vương nghe được những tiếng gì?

- Thưa quân sư, trăm nghe được bốn tiếng rồi rạc là Du, Sa, Na, So. Xin Quân sư hãy giải rộng nghĩa lý của những chữ này.

Vị quân sư Bà la môn như người đi trong đêm tối, chẳng nhận ra đường lối nào cả. Sợ thú thật mình không biết thì chứng tỏ mình là kẻ bất tài, sẽ mất cả uy tín và bổng lộc, ông ta bèn kêu bướng rằng: “Tâu đại vương, điềm này hệ trọng lắm.”.

- Thưa Quân sư, điềm chi vậy?

- Đó là điềm tai họa có liên quan đến thọ mạng của đại vương.

Quốc vương nghe lời bàn ầu, tưởng chắc thật, càng thêm lo sợ bội phần, phán hỏi ông Bà la môn:

- Thưa Quân sư, có cách chi ngăn ngừa tai họa ấy được chăng?

- Tâu đại vương, có. Xin đại vương hãy bình tâm đừng có lo sợ. Hạ thần thông suốt Tam Phệ Đà (Veda) mà.

- Cần phải làm gì để tránh tai họa?

- Tâu bệ hạ, phải hi sinh người và vật, mỗi thứ là một trăm để cúng tế thì bệ hạ sẽ tăng thêm tuổi thọ.

- Quân sư cần những gì?

- Trăm con voi, trăm con ngựa, trăm bò đực, trăm bò cái, trăm dê đực, trăm dê cái, trăm gà trống, trăm con heo, trăm đồng nam và trăm đồng nữ.

Như thế là, cứ mỗi loại chúng sanh, ông Bà la môn xin đức vua cho cắt đủ trăm, vì ông nghĩ rằng: “Nếu ta xin bệ hạ bắt dân chúng nạp thú rừng thì họ nói là ta có ý bắt để ăn thịt.” Nên ông mới xin đức vua cho bắt cả voi, ngựa và người vậy.

Quốc vương nghĩ thầm: “Trăm phải tiên bảo kỳ thân, tự mình lo bảo tồn sanh mạng mới được.”.

Vua bèn hạ lệnh: “Bắt tất cả chúng sanh cho mau.”. Lệnh trên ban xuống, cấp dưới lập tức thừa hành, bắt vật hy sinh nhiều hơn con số đã ấn định.

Trong kinh liên quan đến xứ Kosala, có đoạn liên quan đến việc ấy như sau: “Thời ấy, quốc vương Pasenadikosala dự định cử hành đại lễ bằng sinh vật có năm trăm con bò đực, năm trăm bò cái, năm trăm dê đực, năm trăm dê cái, tất cả đều bị bắt cột chung chỗ xây cột tế, còn những nô lệ nam, nữ, những kẻ phục dịch, công nhân của đức vua bị hăm dọa sợ đòn, mặt đầy nước mắt, vừa khóc vừa lo sắp đặt công việc tế lễ.”.

Dân chúng thương tiếc quyến thuộc của mình đã bị bắt, mạnh ai nấy khóc than kể lể, tiếng kêu la ồn ào, hỗn độn, nghe như quả địa cầu có tri giác cũng biết xót xa vậy.

Khi ấy, hoàng hậu Mallikā nghe tiếng dân chúng kêu la, bèn vào triều kiến đức vua và hỏi rằng:

- Tâu đại vương, đại vương vẫn còn nguyên vẹn, đầy đủ lực căn, mà sao thân thiếp trông đại vương có vẻ bơ phờ hốc hác như thế?

- Ái hậu Mallikā, hậu không hay biết rằng: “Trăm muốn điếc con ráy rồi sao?”.

- Tâu bệ hạ, việc chi vậy?

- Ban đêm, trầm nghe được những tiếng quái gở như vậy, trầm cho triệu quân sư vào hỏi thì quân sư cho biết đó là điềm tai hại đến tánh mạng của trầm, phải cúng tế người vật, mỗi thứ là một trăm thì trầm mới được trường thọ. Trầm nghe lời quân sư để bảo tồn mạng sống, nên ra lệnh tìm bắt cho đủ tế vật để hy sinh.

Nghe vậy, hoàng hậu Mallikā nói rằng:

- Tâu đại vương! Đại vương thật là mù quáng, si mê. Dầu sao đại vương cũng là bậc ăn trên ngồi trước, là chúa thiên hạ, hưởng lộc nhiều hơn cả mọi người, có lý nào đại vương có trí kém cỏi như thế.

- Sao hậu lại nói vậy?

- Tại sao đại vương nghe chỉ lời của tên Bà la môn mù quáng, ngu si, tự mình muốn sống lại gây sự chết chóc cho kẻ khác, gieo rắc sự khổ sâu thẳm khốc cho dân chúng như vậy? Trong chùa Jetavana gần đây, có Đức Bốn Sư đang ngụ, Ngài là bậc Đại hùng, Đại lực, là Thầy của chư Thiên và nhơn loại. Các việc quá khứ, hiện tại, vị lai Ngài thông suốt cả. Đại vương nên đến học hỏi nơi Ngài.

Khi ấy, đức vua liền ngự lên chiếc loan xa nhỏ, cùng đi với hoàng hậu Mallikā đến chùa. Trong tâm còn lo sợ chết, nên chẳng nói năng chi được hết. Quốc vương chỉ đánh lễ Đức Bốn Sư, rồi ngồi nép vào một bên.

Đức Bốn Sư mở lời, hỏi rằng:

- Kia đại vương từ cõi trời hay cõi nào đến đây?

Quốc vương nghe vậy cũng làm thinh, không trả lời. Hoàng hậu Mallikā bèn đem mọi sự trình bạch lên Đức Thế Tôn:

- Bạch Ngài, đức vua nói rằng vào khoảng giữa đêm có nghe những tiếng quái dị, hỏi quân sư thì ông ấy cho

biết là có điềm tai họa đến sinh mạng của đức vua. Nếu muốn ngăn ngừa phải bắt vật hy sinh mỗi thứ là một trăm, cắt cổ lấy huyết tế thần thì sẽ được trường thọ. Quốc vương đã sai bắt nhiều chúng sanh, vì vậy con hướng dẫn đức vua đến đây.

- Hoàng hậu nói thế có đúng không hờ đại vương?
- Bạch Ngài, đúng thế.
- Đại vương đã nghe thấy những tiếng gì?

Quốc vương bèn nhắc lại những tiếng mà mình đã nghe. Đức Như Lai nghe vừa dứt lời, thì đã hiểu rõ mọi sự như làn chớp xẹt một cách nhanh lẹ. Ngài bèn vỗ an đức vua: “Đại vương chớ có sợ hãi. Chẳng có việc chi tai hại đến đại vương cả, những chúng sanh tạo ác nghiệp muốn tỏ bày nỗi thống khổ của chính mình nên mới nói lên như thế đó.”

- Bạch Ngài, bọn họ đã làm gì?

Để giải rõ những nghiệp báo của bốn chúng sanh ấy, Đức Thế Tôn phán rằng: “Thế thì đại vương hãy lắng nghe.”

Nói rồi, Ngài dẫn tích như sau:

Thời quá khứ, lúc tuổi thọ của loài người là hai muôn năm thì Đức Thế Tôn có hồng danh Kassapa giáng thế, Ngài cùng với hai muôn vị A la hán vân du khắp nơi, rồi ngự đến thành Bārāṇasī. Dân chúng trong thành rù nhau, từ hai ba người hay đông hơn nữa, cùng họp nhau luân phiên để bát cúng dường thực phẩm đến các khách Tăng.

Thời bấy giờ, trong thành Bārāṇasī có bốn vị công tử là con nhà Trưởng giả, nhà nào cũng có tài sản lên đến bốn trăm triệu đồng vàng. Họ giao du với nhau rất thân mật, họ thường hỏi nhau: “Nhà ta giàu có, tiền của ta để làm gì?”

Trong thời Đức Phật đang tại thế, Ngài đang vân du khắp nơi, chúng ta hãy bố thí, cúng dường, tôn thờ, lễ bái, hãy thọ trì Tam quy Ngũ giới... không có cậu nào đề nghị như thế cả. Một cậu thì nói lên rằng: “Uống rượu nồng, ăn thịt béo rồi chúng ta sẽ thả rong chơi, đời sống chúng ta như thế cũng là thú vị lắm rồi.”. Cậu khác nói: “Phải đó, gạo thơm ngon như hoa ngọc lan, với nhiều món sơn hào hải vị, ta ăn rồi thả đi chơi.”.

Cậu thứ ba thì bảo: “Ta bảo đầu bếp nấu món cà ri thập cẩm có đủ thứ gia vị, ăn rồi ta sẽ đi chơi.”.

Cậu thứ tư lại có ý kiến: “Này các bạn, ta sẽ chẳng nấu cơm nước chi ráo, ta sẽ đem tiền của ra cho thế thường, chẳng có nữ nhân nào lại chẳng ham tiền, hễ ta rải tiền ra cám dỗ mua chuộc thì vợ con nhà ai mà thoát khỏi tay ta.”.

- Hay! Hay!...

Tất cả bốn cậu đều chấp thuận đề nghị này, từ đó về sau hễ thấy phụ nữ có sắc đẹp thì họ bỏ tiền ra quyến rũ làm cho phải thất tiết mới nghe. Họ phạm tội gian dâm như thế trong hai muôn năm, đến lúc chết bị sa xuống đại địa ngục A tỳ. Họ bị thiêu đốt trong đó suốt một thời gian không có Phật. Khi mạng chung do quả dư sót, họ lại sanh lên địa ngục đồng sôi, có bề sâu là sáu mươi do tuần, từ trên miệng chảo chìm mãi xuống đáy là ba muôn năm, rồi trải qua ba muôn năm nữa mới trời đầu lên miệng chảo. Họ muốn nói nguyên một bài kệ mà nói không kịp, chỉ kịp mở miệng la lên có một tiếng rồi lộn chìm xuống đáy chảo. Đại vương hãy nói, đại vương nghe trước được tiếng gì?

- Bạch Ngài, tiếng DU.

Quốc vương chỉ nói ra vồn vện có một tiếng vắn tắt mà Đức Bốn Sư bồ túc thành bài kệ như sau:

1. “Dujjīvitamajjīvimhā,
Yesanno na dadāṃha se;
Vijjamānesu bhogesu,
Dīpaṃ nākamha attanoti.”
*“Xưa ta sống nhuốc nhơ,
Chẳng bố thí bao giờ,
Tuy có nhiều tiền của,
Không tạo chỗ nương nhờ.”*

Sau khi giải nghĩa bài kệ trên cho quốc vương hiểu,
Đức Bốn Sư hỏi tiếp:

- Tàu đại vương, lần thứ hai, lần thứ ba, lần thứ tư
đại vương nghe được những tiếng gì?
- Bạch Thế Tôn, nghe được những tiếng này...

Cứ mỗi lần đức vua đáp lời, Đức Bốn Sư lại bổ túc
thêm thành ba bài kệ, theo thứ tự như sau:

2. “Saṭṭhivassasahassāni,
Paripuṇṇāni sabbaso;
Niraye paccamānānaṃ,
Kadā anto bhavissati.”
*“Ta ở sáu muôn năm,
Tròn đủ, nếu không lâm,
Trong địa ngục thọ khổ,
Chừng nào hết bị cầm.”*
3. “Natthi anto kuto anto,
Na anto paṭidissati;
Tadā hi pakataṃ pāpaṃ,

Mama tuyhañca mārisā.”
*“Không hết cũng không cùng,
Không thấy chỗ cáo chung,
Bởi xưa ta tạo ác,
Tôi cùng với các ông.”*

4. “Sohaṃ nūna ito gantvā,
Yoniṃ laddhāna mānusiṃ;
Vadaññū sīlasampanno,
Kāhāmi kusalaṃ bahunti.”
*“Nếu tôi được thoát thân,
Đầu thai làm thế nhân,
Hiếu biết giữ đủ giới,
Tạo thiện pháp nhiều lần.”*

Lần lượt đọc ba bài kệ và giải thích nghĩa lý xong,
Đức Bốn Sư tiếp lời rằng:

- Tàu đại vương, bốn chàng khổ đó, mỗi chàng đọc
một bài kệ, mà đọc không kịp, chỉ mở miệng nói được một
tiếng thôi, rồi chìm trở xuống trong lòng chảo vấy.

(Kể từ khi quốc vương Pasenadikosala nghe tiếng của
bốn chúng sanh địa ngục ấy, cho đến nay đã hơn hai mươi
lăm thế kỷ mà họ cũng vẫn còn đang chìm xuống mãi mãi
như thế.).

Nghe dứt thời pháp, đức vua phát sanh đại kinh cảm,
đức vua nghĩ thầm: “Nghệp tà dâm quả thật là nặng nề
thay! Đức Thế Tôn bảo rằng bọn họ bị thiêu đốt trong lòng
địa ngục suốt khoảng thời gian không có Phật, mãi kiếp
lại tái sanh vào địa ngục đồng sôi, bị nấu luộc sáu muôn
năm như vậy, không biết đến thời gian nào mới được thoát

khổ? Trăm đây cũng có tâm tà vậy, yêu thương vợ kẻ khác, đến nổi trần trọc suốt đêm ngủ không an giấc. Từ bây giờ trở đi, trăm quyết sẽ không nuôi ý niệm tà dâm nữa.”.

Nghĩ rồi, quốc vương bạch Đức Như Lai:

- Bạch Ngài, hôm nay trăm mới biết là đêm dài.

Thanh niên là cựu thị vệ quân, đang ngồi nơi hội trường nghe mấy lời của đức vua, trong tâm nghĩ: “Ta gặp được cơ hội may mắn rồi.”. Thanh niên bèn bạch với Đức Bốn Sư:

- Bạch Ngài, đức vua hôm nay mới thấy đêm dài bấy nhiêu đó, còn con ngày hôm qua chính con đã biết là dậm đường dài.

Đức Bốn Sư so sánh hai câu nói của hai người, rồi bảo rằng:

- Đêm dài đối với một số người, dậm dài đối với một số người, con đường luân hồi dài đối với kẻ ngu si.

Nhân đó, Đức Thế Tôn thuyết lên một thời pháp, rồi Ngài kết luận bằng bài kệ rằng:

60. *Dīghā jāgarato ratti,*

Dīgham santassa yojanam;

Dīgho bālānam saṃsāro,

Saddhammam avijānatam.”

60. *“Đêm dài vì giấc chẳng an,*

Dậm dài chìm nổi, lại càng thấy xa,

Đường đời vụn vụn quan hà,

Kẻ dốt Chánh pháp, chậm qua luân hồi.”



CHÚ THÍCH:

Tiếng *Dīghā* trên đây nghĩa là dài. Thường thì một đêm có ba canh (theo bên Ấn Độ thời xưa), nhưng đối với người thao thức cầm canh thì thấy như là đêm dài gấp đôi gấp ba vậy.

Đêm không thấy dài đối với người chỉ biết ăn no ngủ kỹ, mặt trời lên cao mà còn lặn qua trở lại trên giường. Người đại lãn ăn đồ (mahākusito) cao lương mỹ vị, nằm ngủ chỗ sang trọng, người toại hưởng ngũ trần cũng chẳng biết rằng đêm dài.

Hành giả tinh cần hành thiền suốt đêm, vị Pháp sư thuyết pháp và thính giả ngồi trong hội trường, người bị bệnh hành như nhức đầu, nhức răng chẳng hạn, hoặc người thọ khổ vì bị thương như đứt tay chân, là lũ khách dạ hành mới biết đêm dài.

Yojanam: Là do tuần, dài bằng bốn dậm (độ mười sáu cây số), nhưng đối với khách lũ hành một mồi thì thấy như là dài gấp đôi, gấp ba lặn. Quả nhiên, khách đi đường xa cả ngày đã mệt nhừ, mà thấy hành trình còn thăm thẳm, gặp ai cũng hỏi: “Thôn, xã ở phía trước, cách đây còn bao xa?”, nghe đáp: “Một do tuần.”, khách ráng đi một lát lại hỏi người khác, người này cũng đáp “Một do tuần.”, khách hỏi đi hỏi lại, hết người này đến người kia, họ đều đáp: “Một do tuần.”. Khách thấy chán ngán than rằng: “Cha! Một do tuần! Sao mà dài như thế?”. Và người ấy thấy dài gấp đôi, gấp ba lúc bình thường.

Bālānam: Là những kẻ ngu si, không biết đến sự lợi ích (tức là Níp Bàn) trong đời này và kiếp sau, những kẻ ngu si không thể chấm dứt cái vòng luân hồi được. Những người nào thông hiểu Chánh Pháp (Saddhamma) nhứt là ba mươi bảy nhân sanh Bồ đề (Sattatimsa Bodhipakkhiya) những người ấy mới tận cùng con đường sanh tử được, còn

đối với những kẻ dốt Chánh Pháp thì con đường này dài vô tận. Vả lại, đặc tính của nó bao giờ cũng vậy, cho nên mới gọi là dài. Đề cập đến nó, có Phật ngôn rằng: “Anamataggoyam bhikkhave saṃsāro pubbā kotim na paññāyatiti.” – “Nầy các Tỳ khưu! Đường luân hồi vốn vô thủy, khởi điểm của nó không thể thấy được.”.

Đối với những người ngu si không thể tận cùng con đường sanh tử, thì thấy nó dài hết sức dài.



Thời pháp vừa dứt, thanh niên chứng đắc quả Nhập lưu, ngoài ra nhiều người khác cũng chứng đắc Thánh quả, nhứt là Nhập Lưu. Đại chúng thính pháp cũng hưởng được lợi ích.

Quốc vương đánh lễ Đức Bốn Sư, ngự về nơi cây trụ cột chúng sanh là tế vật, truyền quân mở troi, phóng thích cả người lẫn vật đã bị bắt chuẩn bị hy sinh.

Cả bọn nam, nữ được thả tự do ấy, được tắm gội sạch sẽ, rồi ai trở về nhà nấy. Lúc đi đường, họ ca tụng công ơn của hoàng hậu Mallikā, nói rằng:

- Chúng mình còn được sống sót ngày nào, cũng là nhờ ơn cứu tử của hoàng hậu Mallikā.

Chiều hôm ấy, chư Tỳ khưu câu hội nơi giảng pháp đường, khởi lên pháp luận như sau: “Hiền trí thay bà Mallikā nầy. Nhờ có trí tuệ, bà đã cứu tử hườn sanh cho bấy nhiêu người và vật như thế.”.

Đức Bốn Sư ngự đến giảng đường, phán hỏi: “Nầy chư Tỳ khưu ! Hôm nay các ông thảo luận về việc chi vậy?”.

- Bạch Thế Tôn, việc như vậy...

Đức Bốn Sư bảo rằng:

- Nầy các Tỳ khưu, chẳng phải chỉ bây giờ nàng Mallikā dùng trí tuệ của mình mà cứu tử cho nhiều người, thuở xưa nàng cũng đã từng như thế, đã cứu mạng nhiều người lắm rồi.

Để minh chứng việc này, Đức Bốn Sư thuật lại tiền tích như sau:

Thời quá khứ, có vị hoàng tử xứ Bārāṇasī, đi đến gốc một cây đa, khẩn vái thọ thần hóa sanh nơi cây ấy rằng: “Cầu xin Thiên vương chứng giám. Trong cõi Diêm Phù này có một trăm lẻ một quốc vương và một trăm lẻ một hoàng hậu. Nếu khi phụ hoàng tôi thăng hà mà tôi được kế vị ngai vàng, tôi sẽ lấy huyết cổ của họ mà cúng tế Thiên vương.”.

Khi vua cha thăng hà, thái tử ấy được tôn vương, nghĩ rằng: “Do nhờ Thiên vương phù hộ, mà trăm được lên ngôi cửu ngũ. Vậy trăm phải lo việc trả lễ hoàn nguyện.”.

Tân vương bèn cử đại đội hùng binh, ngự giá thân chinh, đánh chiếm một nước láng giềng, bắt được đức vua và hoàng hậu, rồi mang theo đi đánh chiếm nước khác, lần lượt bắt được tất cả các đức vua và hoàng hậu của một trăm lẻ một nước.

Đại vương Bārāṇasī đem tất cả đến gốc cây đa, chỉ trừ một mình bà hoàng hậu của vua Uggasena (Kiêu Bình) tên là Dhammadinnā (Pháp Thí) được miễn vì đang hoàn thai.

Đại vương sai quân lính quét dọn quanh gốc cây đa, tính rằng: “Để cho bấy nhiêu người đây uống độc được rồi ta sẽ hành quyết họ.”.

Vị Thọ thần nơi gốc cây đa nghĩ rằng: “Quốc vương nầy đã cho rằng nhờ ta phù trợ mà chiến thắng, bắt được bấy nhiêu đức vua cùng hoàng hậu, nên định lấy máu của họ mà cúng tế ta. Nếu để cho quốc vương nầy hành quyết

họ thì giòng giống vua chúa trên cõi Diêm Phù phải bị tiêu diệt, mà gốc cây đa cũng bị lem ố. Ta có thể nào ngăn trở được cuộc lưu huyết này chăng?”.

Sau khi quán xét, biết mình không đủ khả năng, vị Thọ thần lại đi tìm vị chư Thiên khác, nhưng khắp thế giới Ta bà, gặp vị chư Thiên nào, vị ấy cũng đều khước từ cả.

Vị Thọ thần đến cầu cứu nơi Tứ Đại Thiên Vương, các vị này cũng kinh sợ thối thác rằng: “Chúng tôi không đủ quyền năng, Ngài hãy tìm vị nào mà phước báu cùng trí tuệ cao trội hơn chúng tôi mà sở cậy.”.

Thọ thần bèn lên cung trời Đao Lợi vấn kế nơi đức Đế Thích và nói khích rằng: “Tâu Thiên vương, nếu Ngài cứ ngồi khoanh tay không chịu can thiệp thì ắt là giòng giống vua chúa phải tận diệt. Xin Ngài tế độ, chớ che cho họ.”.

Đức Đế Thích đáp: “Chính trẫm cũng không làm sao ngăn trở được việc này. Nhưng để trẫm bày cách cho khanh.”

Phán rồi, đức Đế Thích dạy rằng: “Bây giờ khanh hãy trở về vận y phục toàn màu đỏ cho quốc vương dễ ngó thấy, rồi khanh hiện hình từ trong thân cây bước ra, đứng trước mặt đức vua. Khi đức vua thấy khanh, ắt nghĩ rằng: “Vị chư Thiên của trẫm đến rồi kia. Để trẫm yêu cầu Ngài chậm lại một giây phút.”.

Chờ cho đức vua xin điều này, điều nọ xong, khanh hãy bảo rằng: “Quốc vương trước có hứa với ta là sẽ bắt đủ một trăm lẻ một đức vua và một trăm lẻ một hoàng hậu đem đến cây này lấy máu cổ mà cúng tế ta để trả lễ. Hiện nay các vua thì đủ mà thiếu một vị hoàng hậu của vua Uggasena. Ta không nhận lễ của người dối trá như quốc vương đâu.”.

Khanh nói như thế, khi đức vua nghe được sẽ cho bắt hoàng hậu Dhammadinnā đến, hoàng hậu sẽ thuyết pháp thức tỉnh quốc vương và cứu thoát cho bấy nhiêu nhân mạng.

Đức Đế Thích chỉ bày cách thức cho vị Thọ thần. Vị này y theo kế ấy mà thi hành. Quả nhiên, đức vua khiến bắt luôn hoàng hậu Dhammadinnā đem đến gốc cây đa. Hoàng hậu Dhammadinnā đến nơi, nằng đi đến đánh lễ chồng, là vị vua ngồi phía sau cùng của các vua chư hầu.

Đức vua cả giận, bắt lỗi hoàng hậu Dhammadinnā rằng:

- Trẫm là đàn anh lớn nhất nơi đây, sao nàng không đánh lễ, lại đi đánh lễ nhà vua đàn em tất cả vậy?

Hoàng hậu bình tĩnh trả lời rằng:

- Thiếp có gì trực thuộc nơi đại vương đâu? Đức vua này là phu quân của thiếp, đã ban cho thiếp danh quyền tước lộc, mà bảo thiếp đừng đánh lễ để đi đánh lễ đại vương, thì nghĩa là sao?

Vị Thọ thần hiện ra, tán dương hoàng hậu Dhammadinnā:

- Đúng như thế nàng ạ! Đúng như thế.

Đoạn Thọ thần cúng dường nàng một năm hoa.

Quốc vương lại hỏi rằng:

- Thế nàng không đánh lễ trẫm thì thôi. Còn vị ban cho Trẫm vương quyền là chư Thiên có đại oai lực như thế, sao nàng không đánh lễ?

- Tâu đại vương, sở dĩ đại vương bắt được các vua chư hầu đó là do công lao phước đức của đại vương, chớ nào phải vị chư Thiên bắt nạt cho đại vương đâu?

Lần thứ hai, vị Thọ thần lại tán dương: “Phải lắm nàng à.”, rồi Thọ thần lại dâng cho hoàng hậu năm hoa thứ hai.

Khi ấy, hoàng hậu Dhammadinnā lại nói tiếp:

- Đại vương cho rằng vị chư Thiên này đã bắt các chư hầu mà nạp cho đại vương ư. Hiện giờ đây, tàng cây phía bên trái của vị chư Thiên của đại vương đã bị cháy, tại sao vị chư Thiên không dập tắt lửa được, nếu vị ấy có thần oai đại lực?

Lần thứ ba, Thọ thần lại hiện ra khen: “Đúng lắm, nàng à! Phải lắm nàng à.”, và lại dâng thêm một năm hoa như trước.

Đang đứng nói, bỗng nhiên hoàng hậu cất tiếng khóc, rồi lại cười. Khi ấy, quốc vương lấy làm lạ hỏi:

- Bộ nàng điên rồi hay sao?
- Tại sao bệ hạ lại nói như thế? Những người như thiếp không phải là điên đâu!
- Không điên thì tại sao nàng lại khóc, rồi lại cười khan như thế?
- Tâu đại vương, đại vương hãy nghe đây: Trong quá khứ thiếp sanh làm con gái của một gia đình gia giáo, đến khi xuất giá theo về nhà chồng. Nhận thấy người bạn của chồng đến chơi, muốn làm cơm đãi khách, thiếp đưa tiền bảo tớ gái đi mua thịt, nó đi rồi trở về bảo: “Không có thịt.”. Nghe vậy, thiếp bắt con dê cái đem ra phía sau nhà, dè xuống chặt đầu làm cơm đãi khách. Vì tội chặt đầu con dê cái, thiếp bị hình phạt trong địa ngục, do quả còn dư sót, thiếp bị chặt đầu nhiều lần bằng số lông con dê mà đền tội như vậy. Còn đại vương sát hại bấy nhiêu mạng người này thì không biết đời nào mới thoát khỏi tội khổ?

Vì nhớ tưởng đến nỗi đau khổ to lớn của đại vương mà thiếp khóc lên như vậy.

Nói rồi hoàng hậu ngâm kệ rằng:

“Ekissā kaṇṭham chinditvā,

Lomagaṇanāya paccisaṃ;

Bahunnaṃ kaṇṭhe chetvāna,

Katham kāhasi khattiyāti.”

“Thiếp chặt cổ một con dê cái,

Bằng số lông kiếp phải thọ hình,

Chặt cổ quá nhiều chúng sanh,

Làm sao thoát khỏi tội tình, đại vương?”

- Còn nàng cười là vì sao?
- Tâu đại vương! Thiếp cười vì biết rằng: Chỉ còn đền tội một lần nữa là thiếp được thoát khổ.

Lần thứ tư, vị Thọ thần hoan hô: “Phải lắm nàng à.”, và Thọ thần lại dâng hoàng hậu Dhammadinnā một năm hoa nữa.

Quốc vương thở dài than rằng: “Ôi nghiệp của trăm nặng lắm thay. Theo lời nàng nói, nàng chỉ giết một con dê cái mà bị đọa địa ngục thọ khổ rồi, do nghiệp còn dư sót, khi tái sanh trở lại còn phải chịu bị chặt đầu trong số kiếp nhiều bằng số lông dê ấy. Huống chi giờ đây, trăm sát hại biết bao nhiêu người, thì biết đến bao giờ trăm mới đạt đến an vui được.”.

Quốc vương liền đích thân mở trời, thả các vua chư hầu rồi đánh lễ các vị vua cao niên, chấp tay xá các vị trẻ tuổi, cầu xin tất cả hãy tha lỗi cho mình. Đoạn sắp đặt tiền đưa mỗi vị trở về nguyên quốc.

Sau khi thuyết dứt tích này, Đức Bốn Sư kết luận:

- Như thế, này các Tỳ khưu, không phải chỉ bây giờ hoàng hậu Mallikā mới đem trí tuệ của mình ra áp dụng mà cứu từ đại chúng đâu. Xưa kia nàng cũng từng cứu từ như thế rồi.

Đoạn Đức Bốn Sư dẫn giải thêm rằng: Quốc vương Bārāṇasī lúc xưa, nay là đức vua Pāsenadīkosala, hoàng hậu Dhammānā nay chính là nàng Mallikā, vị Thọ thần nay chính là Như Lai vậy.

Dẫn giải xong, Đức Bốn Sư lại thuyết pháp thoại, rồi nhắc nhở chư Tăng rằng: “Này các Tỳ khưu! Tội sát sanh quả là điều chẳng nên làm, thật vậy, những kẻ sát sanh hằng khóc lóc, thở than vĩnh kiếp.”.

Rồi Đức Bốn Sư ngâm lên kệ ngôn sau đây:

“Evañce sattā jāneyyumaṃ,
Dukkhaṃ jātisambhavo;
Na paṇo paṇinaṃ haññe,
Paṇaghātī hi socatīti.”

“Chúng sanh nên biết rành như thế,
Sanh mạng này chẳng dễ được đâu,
Đừng ham sát hại lẫn nhau,
Vì kẻ háo sát hằng đau khổ hoài.”



Dịch Giả Cầu Đề

*Thân nghèo có vợ sắc tươi xinh,
Báo hại chàng trai suốt lụy mình,
Trưởng gấm hầu vua, e vạn tử,
Dặm đường kiếm vật, khó toàn sanh.
Vào chùa tạm lánh cơn tai biến,
Gặp Phật liền tan mối hận tình,
Cổ sát, tà dâm nghe đã rõ,
Ngàn đau, muôn khổ, tội nên kinh.*

DỨT TÍCH CHÀNH THANH NIÊN CÓ VỢ ĐẸP





60. To the sleepless, night is long; to the weary, the league; to the ignorant the cycle of existence.

60. Đêm dài đối với những người không ngủ. Đoạn đường dài đối với người mệt mỏi, và vòng luân hồi đối với người ngu si.

V. 2- Tích ĐỆ TỬ CỦA ĐẠI ĐỨC MA HA CA DIẾP

*(Mahākassapaṭṭherassa
saddhivihārikavatthu)*



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 61)

“Carañce nādhigaccheyya,
Seyyaṃ sadisamattano;
Ekacariyaṃ daḥhaṃ kayirā,
Natthi bāle sahāyatā.”

“Nếu chẳng được chung đường,
Người hơn hoặc tương đương,
Thà quyết đi độc chiếc.
Kẻ ngu không chỗ nương.”

Kệ Pháp Cú này, Đức Bốn Sư đã thuyết ra khi Ngài ngự an gần thành Sāvatthī, đề cập đến một đệ tử của Đại đức Mahākassapa.

Câu chuyện này phát khởi từ thành Rājagaha (Tàu âm là La Duyệt Kỳ).

Tương truyền rằng: Thuở ấy, Đại đức nương nấu trong động Pippaliguhā (Lạt Tiêu), phụ cận thành Rājagaha, Ngài có được hai đệ tử theo hầu.

Trong hai vị, một vị thì chăm làm phận sự dâng hoàng, tử tế, còn vị kia thì xảo trá, thường mạo nhận công việc của bạn như là của chính mình làm. Như khi biết bạn sắp đặt nước rửa mặt, cây chà răng xong rồi, thì ông mau

chân đến bạch với Đại đức trước rằng: “Bạch Ngài, nước rửa mặt, cây chà răng đã sẵn rồi, xin thỉnh Ngài đi rửa mặt.”. Đến giờ Đại đức rửa chân hoặc tắm gội chẳng hạn, ông ta cũng đi thỉnh Đại đức như thế đó.

Vị đệ tử siêng năng làm phận sự, thấy vậy nghĩ rằng: “Ông này luôn cướp công lao của ta, làm Đại đức ngỡ là của ông. Ta phải làm cho ông bỏ tật ấy mới được.”.

Đến xế chiều, vị kia ngủ dậy, thấy hơi nước nóng xông ra, nghĩ rằng: “Chắc có nước sôi nấu sẵn để trong nhà tắm.”, có ngờ đâu khi ông lười biếng, ăn rồi đi ngủ, vị siêng năng nấu nước tắm, châm đầy bình, giấu phía sau phòng tắm, chỉ chừa lại trong nồi độ gạo nước sôi đủ cho có hơi nước bay ra thôi.

Thế nên, vị lười biếng đi đến bạch với Đại đức: “Xin thỉnh Ngài đi tắm.”. Nói rồi, ông ta cùng với Đại đức đi vào nhà tắm.

Không thấy có nước, Đại đức hỏi: “Nước ở đâu, đạo hữu?”.

Vị ấy liền đi vào nhà nấu nước, đưa vá vào nồi nước, mới biết là nồi không, bèn xách bình đi ra giếng, vừa đi vừa căn nhắc: “Hãy coi đó, thứ đồ mất dạy, nó bắc cái nồi không lên bếp rồi bỏ đi đâu mất. Làm mình tưởng có sẵn nước trong nhà tắm, mới đi thỉnh Đại đức.”.

Khi ấy, vị đệ tử siêng năng xách cái bình nước nóng giấu sau nhà tắm, đem vào nhà tắm. Đại đức nghĩ: “Ông sư trẻ nói: Nước nấu sẵn rồi, để trong nhà tắm, thỉnh Ngài đi tắm, mà giờ đây lại vừa xách bình đi múc nước vừa căn nhắc, thế là nghĩa làm sao?”.

Đợi vị ấy trở lại, Đại đức bảo ông ngồi đằng hoàng, rồi ban huấn từ rằng:

- Này đạo hữu, phạm là Tỳ khưu thì việc nào có làm mới nhận là của mình làm, bằng không thì thôi. Còn ông, ông đã nói với ta: “Trong nhà tắm đã có nước sẵn, thỉnh Ngài đi tắm.”. Nhưng ta vào thì đứng chờ, còn ông thì xách bình vừa đi ra vừa căn nhắc. Người xuất gia không nên làm như thế.

Vị đệ tử nói thầm: “Ai mà coi, Ngài Đại đức mà còn làm như vậy đó. Vì vấn đề nước tắm mà Ngài rầy ta nặng nề như thế.”. Ông giận thầy tế độ, nên hôm sau không đi khất thực với Đại đức.

Đại đức cùng với đệ tử kia đi đến một địa phương nọ. Trong lúc vắng Đại đức, vị đệ tử cứng đầu, vị ấy đi đến nhà của người hộ độ Đại đức. Chủ nhà hỏi:

- Bạch Ngài, Đại đức đâu rồi?

- Đại đức trong mình không được khỏe nên còn ngồi trong chùa.

- Bạch Ngài, tôi phải làm gì bây giờ đây?

- Ông hãy đặt bát dâng cho Đại đức những thực phẩm có tên như vậy... như vậy...

Tỳ khưu ấy giả cách đi bát về nuôi thầy, nên nói món gì thì chủ nhà lo tìm đủ món ấy rồi để bát cúng dường. Ông ta đi nửa đường, kiểm chỗ ngồi ăn hết rồi mới đi về chùa.

Ở địa phương nơi Đại đức đến, người ta dâng cho Đại đức lá y lớn, bằng vải nhuộm rất tốt. Đại đức cho lại vị đệ tử theo mình. Ông này mừng rỡ lấy chiếc y mới đắp lên mình.

Qua hôm sau, Đại đức đến nhà người hộ độ của mình. Chủ nhà bạch lại rằng:

- Bạch Ngài! Nghe nói Ngài không được khỏe trong mình, chúng con có sắp đặt thực phẩm theo lời chỉ dẫn của ông Tỳ khưu trẻ và gởi ông đem về dâng Ngài. Chẳng hay Ngài dùng rồi, nghe có khỏe trong mình chưa?

Đại đức nghe vậy, Ngài làm thỉnh. Đại đức về đến chùa, khi vị ấy đánh lễ Ngài xong, Đại đức dạy rằng:

- Này đạo hữu! Nghe nói ngày hôm qua ông đã làm việc như vậy. Những người xuất gia không nên ăn, dùng những thực phẩm mà mình quán thấy không hợp lẽ đạo như vậy.

Bị rầy lần này, ông đệ tử giận lắm, bèn cột oan trái với Đại đức: “Bữa hôm trước về vụ nước, Ngài đã cho ta là kẻ láo xược, ngày hôm nay thực phẩm mà Thiện tín hộ độ của Ngài dâng ta, ta đã ăn hết rồi. Ngài còn bảo là phải quán xét rồi mới nên thọ dụng. Được y mới tốt, Ngài cho riêng đệ tử theo hầu Ngài. Ôi! Nghiệp của Ngài nặng lắm thay! Đã đối xử khắc nghiệt với ta thì ta cũng sẽ biết cách mà đối phó lại vậy.”.

Hôm sau, thừa lúc Đại đức đi vào làng, ông Sư ấy ở lại một mình nơi chùa, lấy gậy đập bể hết các đồ vật dụng của Đại đức, lại nổi lửa đốt cái cốc lá của Đại đức. Còn món nào không thể cháy, ông ta lấy chày vô đập bể ra rồi bỏ đi luôn. Về sau, ông ta chết bị đọa xuống địa ngục Vô Gián (Avīci).

Đại chúng khởi lên bàn tán việc này như vậy: “Nghe nói đệ tử của Đại đức không chịu đựng nổi sự giáo hóa của Đại đức, nổi xung lên đã đốt cháy cái thảo am của Đại đức và bỏ đi mất rồi.”. Sau đó, có một Tỳ khưu rời thành Rājagaha đến thành Sāvatthī, đi vào Tịnh xá Jetavana để yết kiến Đức Bốn Sư. Khi vị này đánh lễ xong, Đức Bốn Sư tiếp chuyện thân hữu, rồi hỏi rằng: “Ông từ đâu về đây?”.

- Bạch Ngài, con từ thành Rājagaha đến đây.

- Kassapa con trai ta có được dễ chịu chăng?

- Bạch Ngài, được dễ chịu. Tuy nhiên có một vị đệ tử của Ngài đã chẳng nghe lời giáo huấn của Đại đức, mà còn sanh tâm thù hận, nổi lửa đốt cháy thảo am của Đại đức rồi bỏ đi mất.

Đức Bốn Sư minh định rằng: “Không phải chỉ bây giờ ông ấy mới căm thù khi được nghe lời giáo hóa đâu. Xưa kia, ông cũng đã từng căm thù như thế rồi. Không phải chỉ bây giờ ông ta mới phá cốc đâu, xưa kia ông ta cũng đã từng phá hoại như thế ấy rồi.”. Đoạn Đức Bốn Sư tiếp theo thuật lại tiền tích của ông đệ tử ngộ nghịch.

Thuở xưa, dưới triều đại của vua Brahmadata, đóng đô tại kinh thành Bārāṇasī. Trong miền núi Tuyết Lãnh, có một con sáo trú ẩn trong ổ của nó làm.

Một hôm, trong lúc mưa giông, một con khi rét run lập cập, mon men đi vào miền núi ấy. Sáo thấy khi bèn hét lên bài kệ rằng:

“Manussasseva te sīsaṃ,
Hatthapādā ca vānara;
Atha kena nu vaṇṇena,
Agārante na vijjatīti.”

“Anh có đầu giống người,
Đủ tay chân, khi ới,
Sao không làm nhà ở,
Đề lang thang ngoài trời.”

Khi ta nghĩ thầm: “Đầu ta có đủ tay chân, nhưng ta còn thiếu trí tuệ sáng suốt để kiến tạo nhà.”.

Muốn nói cho sáo biết việc này, khi cũng hú lên kệ rằng:

“Manussasseva me sīsaṃ,
Hatthapādā ca siṅgila;
Yāhu seṭṭhā manussesu,
Sāme paññā na vijjatī.”
*“Ta có đầu giống người,
Đủ tay chân sáo ơi!
Nhưng ta thiếu trí tuệ,
Phải thua kém người đời.”*

Câu chuyện đối đáp về nhà ở giữa cầm và thú, ban đầu còn êm ái, nhưng lần lần đi đến chỗ gay gắt. Sáo liền nói lên hai bài kệ trách khi rằng:

“Anavaṭṭhitacittassa,
Lahucittassa dubbhino;
Niccaṃ addhavasīlassa,
Sukhabhāvo na vijjati.”
*“Người có tâm bất an,
Nóng nảy gây oan trái,
Thường bồn chồn liếng khi,
Không vui vẻ hân hoan.”*
“So karassānubhāvaṃ tvam,
Tvam vītivattassu sīliyaṃ;
Sītavātaparittāṇaṃ,
Karassu kuṭikaṃ kapīti.”
*“Tự nâng cao giá trị,
Thời giờ đừng lãng phí,*

*Anh nên cắt cái chòi,
Gió rét có nơi nghỉ.”*

Con khi tức giận nói rằng: “Con này dám chê ta là kẻ có tâm bất an, có tâm nóng nảy, ưa gây oan trái và thường bồn chôn. Bây giờ, ta hãy cho nó thấy sự ưa gây oan trái của ta một lần cho nó tởn.”. Khi ta liền bứt phá tan hoang ổ của con sáo. Con sáo thấy động ổ, vội thoát ra ngoài rồi bay mất.

Sau khi thuyết xong tích này, Đức Bốn Sư dẫn giải rằng: “Con khi lúc trước nay là vị Tỳ khưu phá cốc thầy tế độ, còn con sáo nay là Mahākassapa vậy.”.

Để kết luận, Đức Bốn Sư lập lại rằng:

- Như thế, này các Tỳ khưu, không phải bây giờ người giáo huấn mà bị phá hoại chỗ ngụ của người. Còn con trai của ta là

- Mahākassapa mà ở chung với kẻ ngu si như thế, thà là ở một mình đơn chiếc còn hơn.

Nói rồi, Đức Bốn Sư thuyết kệ rằng:

61. “Carañce nādhigaccheyya,
Seyyaṃ sadisamattano;
Ekacariyaṃ daḷhaṃ kayirā,
Natthi bāle sahāyatā.”

*61. “Ví như chẳng được kết đôi,
Với người cao hoặc bằng ngời thứ mình.
Thà rằng quyết chí độc hành,
Kẻ ngu chẳng phải bạn lành thâm giao.”*



CHÚ GIẢI:

Tiếng *Caram* trên đây nghĩa là đi, chỉ một trong bốn oai nghi, được dùng một cách vắn tắt, phải hiểu rộng ra là “đi tìm bạn lành”.

***Seyyam sadisamattano*:** Là nếu không gặp được người nào cao hơn mình hoặc ngang hàng mình về phương diện Giới, Định, Tuệ.

***Ekarariyam*:** Thà là đi một mình. Quả thật vậy, kết bạn với người cao thì Giới hạnh càng thêm tăng tiến, kết bạn với người bằng thì Giới hạnh không suy giảm, còn kết bạn với kẻ kém hèn, khi ở chung, ăn chung, làm việc chung thì Giới hạnh lần lần bị thua sút. Có Phật ngôn rằng: “Evarūpo puggalo na sevitabbo na bhajitabbo na payirupāsitaṭṭho aññatra anuddayā aññatra anukampāti.” – “Kẻ nam tử như vậy ta không nên thân cận, không nên giao du, không nên liên kết, trừ ra vì lòng thương xót muốn tế độ.”. Cho nên nếu vì lòng bi mẫn ta thấy rằng: Được nương theo ta, thanh niên này sẽ tăng trưởng Giới hạnh. Rồi ta đối đãi tử tế mà không cầu mong sự đền đáp chút nào, nếu ta làm được như vậy thì rất tốt, bằng không được như vậy thà ở một mình tốt hơn.

***Dalham kayirā*:** Là nơi cô tịch một mình kiên cố, bền bỉ trú tâm trong bốn oai nghi như là bạn đồng cư. Tại sao vậy?

***Natthi bāle sahāyatā*:** Không có tình bạn nơi kẻ ngu. Tiếng *sahāyatā* (tình bạn) được dùng với nghĩa phần Tiểu giới, phần Trung giới, phần Đại giới, mười đề luận (kathāvatthūni), mười ba chi pháp Đầu đà (dhutaṅga), Pháp Minh sát, bốn Đạo, bốn Quả, ba cái Minh (vijjā), sáu cái Thông (abhiñña). Những Giới đức trên đây không có nơi kẻ ngu si.

Khi thời pháp chấm dứt, vị Tỳ khưu khách chứng đắc Tu Đà Hườn quả. Các vị khác cũng có nhiều vị chứng đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả. Đại chúng thính pháp đều hưởng được sự lợi ích.

**Dịch Giả Căn Đề**

*Đại đức Ma Ha Ca Diếp dạy kẻ ngu,
Không ơn thì chớ, lại sanh thù,
Mưu cơ sắp sẵn liền thiêu cốc,
Thả đoạn hành xong, vội rút dùi.
Bạc nghĩa đã đành sa cảnh khổ,
Vong tình còn chịu phí đời tu,
Kiếp xưa là khi, nay người ngợm,
Xác đổi nhưng mà trí vẫn lưu.*

DỨT TÍCH ĐỆ TỬ CỦA ĐẠI ĐỨC MA HA CA DIẾP





61. *If one finds no equal or superior for company,
A solitary career is commendable*

**61. Nếu ta không tìm được người bạn bằng mình
hoặc hơn mình, thì nên sống đơn độc là tốt nhất.**

V. 3- Tích TRƯỞNG GIẢ A NAN (*Ānandasetṭhivatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 62)

“Puttā m’atthi dhanam m’atthi, “*Ta có con, có của,*
Iti bālo vihaññati; *Kẻ ngu cứ lo âu,*
Attā hi attano natthi, *Bản thân không tự chủ,*
Kuto puttā kuto dhanam.” *Nào con đâu, của đâu.”*

Kệ Pháp Cú này Đức Bốn Sư thuyết ra khi Ngài ngự gần thành Sāvattthī, đề cập đến ông Trưởng giả Ānan (A Nan).

Tương truyền rằng: Thời ấy trong thành Sāvattthī, có vị Trưởng giả tên là Ānan, có đại gia sản đến tám trăm triệu đồng vàng, nhưng lại có tiếng là Đại Hà Tiện.

Cứ mỗi kỳ nửa tháng, ông ta nhóm họp thân quyến một lần, rồi trước mặt mọi người trong gia tộc ông gọi công tử Mūlasiri (Tiền Tài) là con trai ông, nhắc nhở rằng:

- Chớ nên cho rằng tám trăm triệu đồng đây là nhiều rồi. Dầu có của cũng chẳng nên bố thí. Hãy ráng làm cho tiền của sanh lên mãi, dầu một đồng cũng chẳng nên tiêu phí mà hao hụt gia tài.

Ông nhắc nhở con trai ba lần như thế. Kế đó, ông đọc luôn bốn câu kệ:

“Añjanānam khayam disvā,
Upacikānañca ācayam;
Madhūnañca samāhāram,
Paṇḍito gharamāvaseti.”

Lược dịch:

*“Thấy những giọt thuốc hư,
Mới góp chứa vào ô,
Cơm với chút mật dư,
Hiền sĩ ngồi nhà độ.”*

Thời gian sau, không kịp chỉ năm hầm lớn tài sản của mình cho con biết, ông Trưởng giả Ānan hà tiện nhưng rất tự mãn ấy qua đời. Tâm thức của ông tái sanh vào lòng một phụ nữ Chiên đà la (Caṇḍāla: giai cấp cùng đinh của Ấn Độ thời xưa) cư ngụ trong một làng nhỏ ngoài cổng thành Sāvattthī.

Quốc vương hay tin ông Anan từ trần, bèn triệu công tử Mūlasiri vào bệ kiến, rồi phong chức Trưởng giả cho công tử.

Một ngàn gia đình Chiên đà la vẫn cùng nhau làm thuê, làm mướn chung quanh để sống qua ngày. Nhưng từ lúc ông Trưởng giả hà tiện tái sanh vào giòng họ thì họ không còn tìm được việc làm như trước nữa, đầu chỉ là một việc làm được trả công bằng bữa cơm, họ bàn rằng: “Chúng ta ngày nay đi xin việc làm để kiếm ăn cũng không có, chắc là trong bộ lạc của chúng ta có những kẻ xui xẻo (Kāḷakaṇṇī) ở chung.”. Họ bèn chia làm hai nhóm, lựa chọn lần đầu để loại ra kẻ hắc vận. Khi loại đến cặp vợ chồng là cha mẹ của đứa bé ấy, thì họ biết rằng: “Trong gia đình này có kẻ xui xẻo sanh ra.”. Họ bèn đuổi mẹ của ông ta ra khỏi bộ lạc.

Phụ nữ này còn đang mang thai ngày nào là còn vất vả ngày ấy, đi xin việc làm sống lây lất cho đến lúc sanh ra đứa con trai, đứa bé này tay chân vẹo vọ, mắt lé, mũi và miệng đều không nằm đúng vị trí thông thường. Với hình dung cổ quái như ngạ quỷ, trông nó xấu không thể tưởng

tượng được. Tuy nhiên, mẹ nó cũng không bỏ rơi nó. Tình thương của người mẹ đối với đứa con ruột do mình sanh ra quả thật là đậm đà mãnh liệt.

Phụ nữ nuôi đứa con này cũng gặp nhiều khó khăn, ngày nào bà đem nó theo là ngày ấy bà chẳng được chút chi cả. Còn bỏ nó lại nhà đi một mình thì ngày ấy bà tìm được việc làm có lương.

Đến khi đứa bé trọng tuổi, có thể ôm bát đi xin ăn, tự nuôi mạng sống được thì bà mẹ trao cho đứa con cái bát và bảo:

- Con à, cha mẹ vì con mà phải đau khổ ê chề, bây giờ không nuôi nổi con nữa. Trong thành này, người ta có thí cơm cho những người bần cùng hành khất. Vậy con hãy vào đó đi xin ăn mà nuôi mạng.

Nói rồi, bà mẹ thả con đi một mình.

Lần theo từng nhà đi xin ăn, đứa bé đi đến xóm, nơi nó ở trong tiền kiếp là Trưởng giả Ānan. Đến đây, thấy lại được cảnh cũ, nó nhớ lại được chuyện xưa, bèn xăm xăm đi ngay vào nhà của nó. Qua ba từng cửa cổng, không một ai lưu ý đến nó, đến từng cổng thứ tư, đứa con trai nhỏ của Trưởng giả Mūlasiri trông thấy nó, hoảng sợ khóc thét lên.

Khi ấy, các gia đình của ông Trưởng giả đuổi nó:

- Đi ra, đồ hắc ám.

Họ còn đánh đập và ôm đứa bé ăn mày ném lên đồng rác. Bấy giờ, Đức Bốn Sư cùng với Đại đức Ānanda là vị Sa môn thị giả, ngự đi trì bình, cũng vừa đến nơi đó. Ngài nhìn Đại đức, Đại đức bạch hỏi nguyên do. Ngài giải rõ câu chuyện tái sanh của ông Trưởng giả Ānan hà tiện.

Đại đức bảo gia đình đi mời Trưởng giả Mūlasiri đến. Đại chúng thấy lạ nên tụ lại xem rất đông.

Đức Bốn Sư gọi Trưởng giả Mūlasiri và hỏi:

- Ông có biết đứa bé ấy chẳng?
- Thưa, tôi không biết.

Đức Bốn Sư chỉ ngay rằng: “Nó là Trưởng giả Ānan, cha của ông kiếp trước đó!”.

Thấy Trưởng giả Mūlasiri chưa tin lời, Đức Bốn Sư bảo đứa bé ăn mày:

- Này Trưởng giả Ānan, ông hãy chỉ chỗ năm hàm đại tài sản đã chôn cho con trai ông đi.

Sau khi đứa bé chỉ năm hàm của chôn giấu, ông Mūlasiri hết sức tin tưởng nơi Đức Bốn Sư, nên ông xin quy y với Ngài.

Đức Bốn Sư nhân cơ hội ấy, thuyết pháp đến ông Mūlasiri, rồi Ngài đọc lên kệ ngôn rằng:

“Puttā m’atthi dhanam m’atthi,
Iti bālo vihaññati;

Attā hi attano natthi,
Kuto puttā kuto dhanam.”

“Người ngu chấp ngã, tự hào,
Đây con, đây của, ta đào tạo ra,
Nhưng không biết chính mình ta,
Còn không tự chủ, hưởng là của, con.”



CHÚ GIẢI:

Hai câu đầu: *Puttā me atthi dhanam me atthi, iti bālo vihaññati*: Nghĩa là ta có của, có con, kẻ ngu do lòng luyến ái của, luyến ái con mà lo âu, phiền muộn, khổ tâm,

khổ vì sợ “con ta chết”, khổ vì “con ta đang chết”, khổ vì “con ta sẽ chết”. Đối với của cải cũng vậy, thành ra sáu trường hợp phải khổ tâm. Người có con, phải lo nuôi con hằng ngày, lo ngày đêm, lo trên đường bộ, trên đường thủy, cố gắng cách nào cũng không hết chuyện lo. Người muốn có của cải phải lo buôn chải làm ăn, buôn bán, đầu hành nghề gì cũng không khỏi lo.

Attā hi attano natthi: Tự mình còn làm chủ không được, như bao nhiêu nỗi khổ đã giải ở trên, mình không thể đối trở thành vui sướng được. Lúc lâm chung mình cũng không tự chủ được, nằm trên giường thọ khổ, lúc hấp hối một mình, chẳng khác nào bị màn lưới lửa bao vây thiêu đốt, gân cốt dường như tan nát, rã rời, đầu cho có ai mở mắt nhìn thấy cái khổ lúc sắp bước sanh cảnh giới khác, rồi nhìn lại kiếp hiện tại, chăm sóc o bế xác thân, mỗi ngày tắm gội nó đôi ba lần, nuôi cơm ba lần, trang điểm hương hoa đủ thứ cho nó suốt đời đi nữa, cũng không làm cho nó vị tình, nhớ ơn cấp dưỡng mà giảm bớt khổ cho ta được.

Bản thân còn không phải của mình, vì mình không tự chủ tức là không làm chủ được xác thân như đã giải rồi, thì *Kuto puttā kuto dhanam* nào là con, nào là của có thể làm được gì để giảm khổ cho ta được?

Như Trưởng giả Ānan chẳng hề bố thí cho ai chút gì, bao nhiêu tài sản gom góp giao lại cho con, mà con và của có làm chi được trong tiền kiếp, lúc ông sắp lâm chung. Vì trong kiếp hiện tại, khi ông chịu hậu quả khổ sở như vậy, mà con đâu? Của đâu? Sao không chia sót sự khổ cho ông, sao không chia vui cho ông?

Thời pháp vừa dứt, tám muôn bốn ngàn chúng sanh giác ngộ Chánh Pháp. Đại chúng dự thính cũng được hưởng lợi ích.

Dịch Giả Cần Đề

*Bá hộ mãn đời bị tái sanh,
 Làm tên xui xẻo cấp cùng đình,
 Từ trong bụng mẹ đã mang khổ,
 Tận cửa nhà con vẫn thọ hình,
 Mất mũi đường ma, ai chẳng góm,
 Hình dung tợ quỷ, cháu còn kinh,
 Vàng lời Phật, chỉ hằm chôn của,
 Mới được đoàn viên, phụ tử tình.*

DỨT TÍCH TRƯỜNG GIẢ A NAN



62. The unwise man prides over his children and his wealth. But he has not even himself.

62. Người ngu si kiêu hãnh về con cái và tài sản. Nhưng ngay cả tự thân người ấy cũng không có.

V. 4- Tích NGƯỜI ĐIỂM MÓC TÚI

(*Gaṇḍhibhedakacoravatthu*)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 63)

“Yo bālo maññati bālyam, “Ngu mà tự biết ngu,
Paṇḍito vā'pi tena so; Người vậy ắt thành trí,
Bālo ca paṇḍitamānī, Ngu mà tưởng mình trí,
Sa ve bālo'ti vuccati.” Thật đáng gọi là ngu.”

Kệ Pháp Cú này Đức Bốn Sư đã thuyết ra khi Ngài an ngự tại Jetavana, đề cập đến một tên móc túi.

Tương truyền rằng: Thời ấy có hai người bạn, cùng đi với đại chúng đến chùa Jetavana để nghe thuyết pháp. Một người chăm chỉ theo dõi thời pháp, một người để ý xem cái gì trộm được thì lấy ngay.

Người nghe pháp chứng đắc quả Dự lưu. Người kia thì rút được một món tiền của người vô ý.

Tên móc túi ở nhà, ngày nào cũng ăn uống sung sướng thỏa thuê, còn bạn của anh ta thì cửa nhà có hơi bần chật. Thấy vậy, kẻ trộm đạo hỏi rằng:

- Hai vợ chồng anh là người thông minh, trí tuệ, sao không làm cho ra tiền để ăn tiêu, để chi mà thiếu trước hụt sau vậy.

Vị Thánh Thỉnh Văn nghĩ thầm: “Anh này quả thật là người ngu si mà lại tự cho mình là bậc hiền trí.”. Rồi vị ấy rủ các quyến thuộc cùng đi đến chùa Jetavana, thuật lại việc này với Đức Bốn Sư.

Đức Bốn Sư thuyết pháp cho họ nghe, rồi Ngài ngâm lên kệ:

“Yo bālo maññati bālyam,
Paṇḍito vā'pi tena so;
Bālo ca paṇḍitamānī,
Sa ve bālo'ti vuccati.”

“Ngu mà tự nghĩ mình khôn,
Thật là ngu đặc, không còn biết chi.
Ngu mà tự biết mình si,
Cũng là người trí, không suy nghĩ lắm.”



CHÚ GIẢI:

Câu *Yo bālo maññati bālyam* nghĩa là: Người nào ngu dốt kém trí tuệ, tự mình có ý nghĩ rằng: “Ta là kẻ ngu dốt” người đó tuy ngu nhưng biết nhận thức đúng trạng thái ngu dốt của mình: Nghĩa là do lẽ đó mà người ấy (tena kārāṇena so puggalo) *Paṇḍito vā'pi*: Cũng bằng như bậc hiền trí vậy. Quả nhiên, nhờ biết rằng: “Ta là kẻ ngu” người ấy lân la thân cận với bậc đáng thân cận, là bậc hiền trí để tìm cách mở mang trí tuệ. Nhờ cố gắng học hỏi, ghi nhớ những lời giáo huấn, hàng ngày ôn tập các điều đã học, về sau sẽ thành bậc hiền trí hoặc là cao hơn thầy mình.

Sa ve bālo'ti: Người nào ngu mà có ý nghĩ rằng: “Ta là người quảng kiến đa văn, thuyết pháp lưu loát, rành rẽ Tạng Luật, nguyện giữ hạnh Đầu đà, không có ai sánh bằng”. Vì tự cho mình là bậc hiền trí nên không tìm lân la thân cận với bậc hiền trí nào khác, không chịu học thêm Tam Tạng, không chịu tiến hành các pháp thiền Chỉ Quán, thiên chấp một cách ngu xuẩn. Đức Thế Tôn cho rằng:

“Thật đáng gọi là người ngu.”.



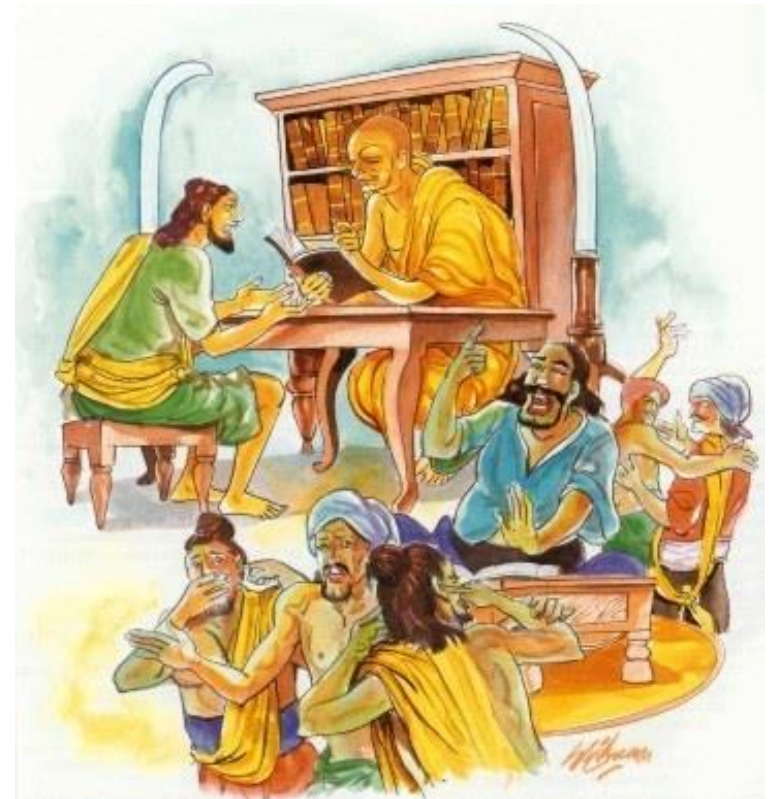
Đức Bốn Sư vừa thuyết dứt bài pháp, những quyển thuộc của vị Thánh Thỉnh Văn chứng đắc Tu Đà Hườn quả một lượt với hàng đại chúng.



Dịch Giả Câu Đề

*Hàng ngày móc túi để sanh nhai,
Nhà cửa trang hoàng chẳng kém ai,
Liếc mắt nhìn sang anh bạn khó,
Chê anh hữu trí, lại vô tài.
Bạc trí thà cam chịu cảnh nghèo,
Ai giàu phi nghĩa chẳng đưa theo,
Cùng nhau dốt dẩn trên đường chánh,
Đốc núi dầu cao cũng cội trèo.*

DỨT TÍCH NGƯỜI ĐIỂM MÓC TÚI



63. An unwise man who knows he's a fool is a wise man thereby. Knowing it not he's truly a fool.

63. Người ngu biết mình ngu, do đó thành người trí, người mà không biết điều ấy, quả thật đó là người ngu.

V. 5- Tích ĐẠI ĐỨC ƯU ĐÀ DI (Udāyitheravattthu)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 64)

“Yāvajivam’pi ce bālo, “Người ngu dẫu suốt đời,
Paṇḍitaṃ payirupāsati; Thân cận bậc hiền minh,
Na so dhammaṃ vijānāti, Chẳng hiểu Pháp đến
Dabbī sūparasam yathā.” nơi,
Nhu muốn đổi vị canh.”

Kệ Pháp Cú này, Đức Bốn Sư đã thuyết ra khi Ngài an ngự tại Jetavana, đề cập đến Đại đức Udāyi (Ưu Đà Di).

Tương truyền rằng: Thừa lúc các vị cao Tăng đi vắng, Đại đức thường vào giảng đường, ngồi lên pháp tọa, vì thế, một hôm những Tỷ khưu ở xa mới tới trông thấy Đại đức ngỡ rằng: “Vị này chắc là bậc cao Tăng, nghe nhiều học rộng.” Cho nên đến nhờ Đại đức giảng giải về Pháp số như Ngũ uẩn chẳng hạn. Té ra Đại đức không biết gì ráo. Chư Tăng bèn trách rằng: “Ông sư đó là ai? Ở chung chùa với Đức Phật làm chi mà Ngũ uẩn, Tứ đại, Lục căn gì hỏi ông cũng không biết hết?”. Đoạn chư Tăng đem việc ấy bạch lên Đức Như Lai.

Đức Bốn Sư nhân dịp đó, thuyết pháp cho chư Tăng nghe, rồi đọc lên kệ ngôn:

“Yāvajivam’pi ce bālo,
Paṇḍitaṃ payirupāsati;
Na so dhammaṃ vijānāti,

Dabbī sūparasam yathā.”

“Người ngu gần bậc cao thâm,
Suốt đời cũng chẳng nhập tâm pháp màu.
Muống nào biết nếm vị dẫu,
Dẫu cho vẫn nhúng ngập dẫu trong canh.”



CHÚ GIẢI:

Bālo: Là người ngu dốt mà không chịu học hỏi, thật đáng gọi là người ngu. Theo như lời của Đức Phật, dẫu cho cả đời gần gũi, thân cận bậc trí tuệ cũng không được ít nhiều Phật ngôn trong tam tạng, hoặc là không phân biệt rành rẽ rằng: “Đây là chỗ Tịnh cư, đây là chỗ hành đạo (ācāro), đây là chỗ khát thực (gocaro). Điều này phạm giới, điều này không phạm giới, việc này nên làm theo, việc này chẳng nên làm theo. Việc này phải hành, việc này phải tự mình chứng nghiệm...”.

Dabbī sūparasam yathā: Như muốn đổi với vị canh. Quả thật cái muống nằm trong tô canh có nhiều gia vị, cho tới cận hết tô canh đi nữa, cũng không nếm được mùi vị của canh là mặn hay chua, hay là lạt, đắng, hay là cay... hoặc ngon hay dở như thế nào thì người ngu dốt suốt đời ở bên cạnh người trí cũng không biết được các pháp đã giải ở trên, cũng như thế ấy.



Đến cuối thời pháp, tâm của chư khách Tăng giải thoát hết mọi lậu hoặc.



Dịch Giả Căn Đề

*Sống gần bên Phật suốt đời ông,
 Kinh Luật không rành, đạo chẳng thông,
 Pháp tọa lên ngôi cao ngất ngưỡng,
 Chư Tăng vẫn nặn cái chổng ngồng.
 Phật ví ông như cái muỗng sành,
 Hằng ngày vẫn tắm, nhúng trong canh,
 Nhưng vì thiếu hẳn phần trí giác,
 Mùi vị làm sao có thể sanh?*

DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC ƯU ĐÀ DI



64. The unwise misses the Dhamma though close to the wise, like a spoon misses flavour of food.

64. Người ngu không biết Chánh pháp dù ở gần người trí, cũng như cái muỗng không biết vị Thức ăn.

V. 6- Tích NHÓM TỖ KHƯU BẠT ĐỀ (*Pāṭheyyakabhikkhuvatthu*)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 65)

“Muhuttamapi ce viññū, “Người trí dẫu một khắc,
Paṇḍitaṃ payirupāsati; Gần gũi bậc hiền minh,
Khippaṃ dhammaṃ vijānāti, Cũng hiểu pháp tức khắc,
Jivhā sūparasam yathā.” Như lưỡi nếm vị canh.”

Kệ Pháp Cú này, Đức Bốn Sư đã thuyết ra khi Ngài an ngự tại Jetavana, đề cập đến ba mươi vị Tỳ khưu trong xứ Pāṭheyyaka (Bạt Đề).

Quả vậy, những Tỳ khưu ấy nguyên là những công tử quý tộc, nhân khi đi tìm một cô gái giang hồ, gặp Đức Thế Tôn trong khu rừng Kappāsikavanasaṇḍa (Miền Hoa Lâm). Lần đầu tiên được nghe Đức Thế Tôn thuyết pháp, tất cả đều chứng đắc quả bậc thấp và đều xuất gia Thiện lai Tỳ khưu, tự nhiên có đầy đủ y bát do thần thông của Ngài. Sau khi thọ mười ba chỉ pháp Đầu đà, hành đạo một thời gian khá lâu, chư Tỳ khưu ấy trở về gần Đức Bốn Sư, được nghe bài pháp về con đường sanh tử vô thủy (Anamataggadhamma) liền chứng đắc quả A La Hán ngay tại chỗ ngồi.

Khi biết được việc này, chư Tăng câu hội trong giảng đường, đề khởi Pháp thoại rằng: “Ồi! Quả thật, các Tỳ khưu này thông hiểu giáo pháp mau vậy thay.”.

Nghe lời bình luận của chư Tăng, Đức Bốn Sư giải

thêm rằng:

- Đây các Tỳ khưu! Không phải chỉ trong kiếp hiện tại, mà trong kiếp quá khứ, ba mươi vị Tỳ khưu này cũng đã là những bạn bè, nhờ nghe pháp của Tuṇḍila (Tuân Đề La) mà nhận thức ngay được Chánh pháp, nên đã thọ trì Ngũ giới, nhờ đó mà ngày nay chứng đắc A La Hán quả ngay tại chỗ ngồi như thế.

Nói rồi, Đức Bốn Sư thuyết kệ rằng:

“Muhuttamapi ce viññū,
Paṇḍitaṃ payirupāsati;
Khippaṃ dhammaṃ vijānāti,
Jivhā sūparasam yathā.”

“Người khôn gần bậc hiền minh,
Chỉ trong khoảnh khắc hiểu rành lý chơn.
Lưỡi kia chỉ nếm một lần,
Vị mùi canh đã biệt phân rõ ràng.”



CHÚ GIẢI:

Trong bài kệ Phạn ngữ *Viññū* là người khôn, người trí, đồng nghĩa với tiếng Paṇḍita. Người khôn đã có căn bản trí tuệ, khi được gần gũi với các bậc trí tuệ khác, thì học hỏi rất mau lẹ, không bao lâu đã thông hiểu Kinh, Luật, Luận, thọ trì đề mục Minh Sát, tinh tấn hành thiền chứng đắc Đạo Quả. Cũng như người có lưỡi lành mạnh, sạch sẽ, khi muốn biết vị của một món gì thì để nó lên trên lưỡi mà nếm, tức khắc biết ngay vị của nó là ngọt, mặn hay thế nào, thì người trí cũng mau biết pháp Siêu thế như thế ấy.



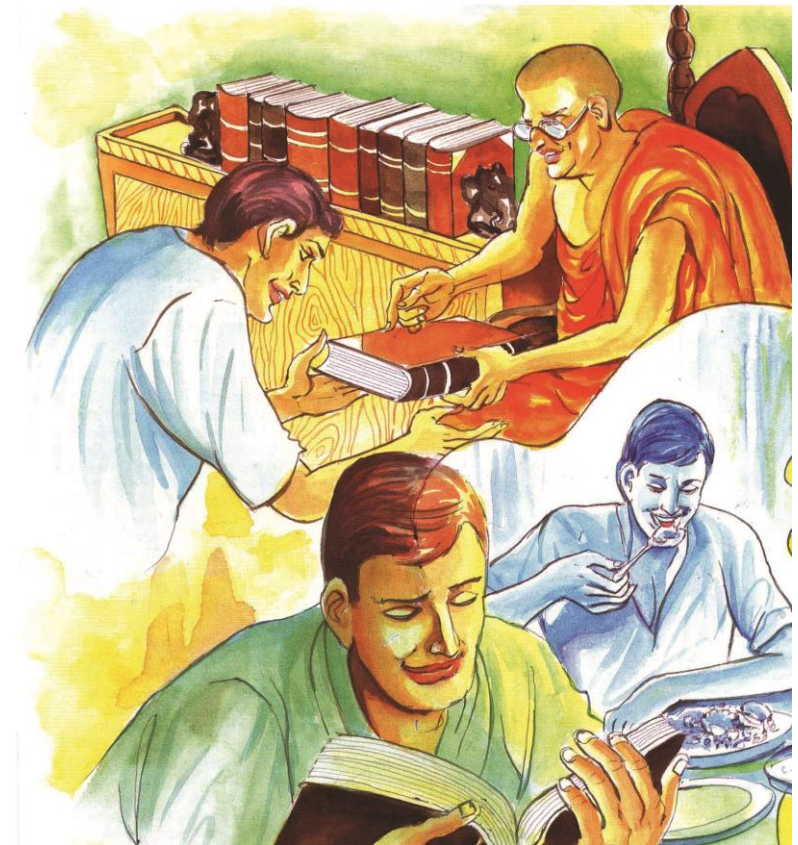
Khi thời pháp chấm dứt, rất nhiều Tỷ khưu chứng đắc quả A La Hán.



Dịch Giả Căn Đề

*Ba mươi vị trước có tu rồi,
Nay chúng Vô Sanh tại chỗ ngồi,
Phước đã tạo nhiều, duyên đã đủ,
Bằng không há dễ được cao ngời.
Phật ví Thánh Tăng tựa lưỡi lành,
Chỉ cần được nếm một lần canh,
Do nhờ có sẵn phần trí giác,
Mùi vị đương nhiên phải phát sanh.*

DỨT TÍCH NHÓM TỶ KHƯU BẠT ĐỀ



65. The wise speedily gathers the Dhamma from the wise
like the tongue the flavour of food.

**65. Người trí nhanh chóng hiểu Chánh pháp từ
bậc trí, giống như cái lưỡi biết vị thức ăn.**

V. 7- TÍCH ÔNG THIỆN GIÁC CÙI (*Suppabuddhakutṭhivatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 66)

“Caranti bālā dummedhā, *“Kẻ vô trí, kẻ ngu,*
Amitten’eva attanā; *Với kẻ nghịch cùng đi,*
Karontā pāpakam kammam, *Là ác nghiệp đã tạo,*
Yam hoti kaṭukapphalam.” *Để chịu quả đắng cay.”*

Kệ Pháp Cú này, Đức Bốn Sư đã thuyết ra khi Ngài an ngự tại Veluvana, đề cập đến ông Thiện Giác cùi (Suppabuddhakutṭhi).

Đây chỉ là một đoạn trích trong sự tích của ông Suppabuddha (Kinh Udāna), kể từ khi ông gặp Đức Bốn Sư về sau mà thôi.

Quả nhiên, khi ông Suppabuddha cùi, ngồi ngoài vòng của cử tọa, nghe pháp do Đức Thế Tôn thuyết xong, chứng đắc quả Tu Đà Hườn, ông muốn bạch rõ sự chứng đắc của mình với Đức Bốn Sư, nhưng ông không dám rẽ lối giữa hàng tứ chúng mà đi vào chùa, cho nên ông chờ đợi chúng đánh lễ Đức Bốn Sư ra về hết rồi, ông sẽ đi.

Trong giây phút ông còn trì hoãn, Thiên Vương Đế Thích biết rằng: “Suppabuddha này có ý định bạch lên Đức Bốn Sư sự chứng quả Nhập Lưu của mình.”.

Thiên Vương định thử thách ông Suppabuddha bèn hiện ra đứng trên hư không, cho ông ta thấy và bảo rằng:

“Này ông Suppabuddha! Người là kẻ bần cùng, là kẻ khốn khó, ta sẽ ban cho người một kho tàng vô biên vô lượng nếu người chịu nói Phật không phải là Phật, Pháp không phải là Pháp, Tăng không phải là Tăng. Ta hết quy y Phật, ta hết quy y Pháp, ta hết quy y Tăng.”.

Nghe vậy, ông Suppabuddha hỏi: “Ông là ai?”.

- Ta là Đế Thích. – Vua Trời đáp.

Hỡi ông mù quáng ngu si, không biết xấu hổ, những lời của ông thốt ra với tôi đó, nghe không hợp lý chút nào. Ông cho rằng tôi là kẻ khốn khó, kẻ bần cùng, kẻ hành khát, nhưng tôi không hề chịu cảnh khốn khó, bần cùng đâu. Tôi đã đạt đến cảnh an vui, tôi là bậc có đại tài sản.

“Saddhā dhanam sīladhanam,
Hirī ottappiyaṃ dhanam;
Sutadhaṇaṇṇa cāgo ca,
Pañña ve sattamaṃ dhanam.
Yassa ete dhanā atthi,
Itthiyā purisassa vā;
Adaliddoti taṃ āhu,
Amoghaṃ tassa jīvitam.”
*“Tín, giới, tà, quý, văn, thí, tuệ,
Bảy thứ tài sản kể trên đây,
Ai mà có được đủ đây,
Dầu nam hay nữ, người này chẳng nên.
Lấy tiếng “vô sản” gọi tên,
Đời này chẳng phải hư hèn rỗng không.”*

Bảy Thánh sản này tôi đều có đủ. Những ai có đủ bảy thứ Thánh sản này, thì chư Phật Toàn Giác hoặc chư Phật Độc Giác và Thinh Văn Giác không bao giờ gọi họ là kẻ bần

cùng vô sản cả.

Nghe dứt lời đối đáp của ông Thiện Giác cùi, Đức Đế Thích bèn từ giả ông ở khoảng giữa đường, đến chỗ ngự của Đức Bốn Sư và thuật lại tất cả những lời biện giải của ông ấy. Đức Bốn Sư bèn phán rằng:

- Này Đế Thích, dầu cho một trăm hay một ngàn người như ông, cũng không thể nào bảo Suppabuddha phủ nhận Phật, Pháp, Tăng cho được.

Ông Suppabuddha cũng tự mình đến đánh lễ Đức Bốn Sư. Sau khi trả lời những câu hỏi thân thiện xả giao của Ngài, ông bèn đem việc mình được đắc quả Tu Đà Hườn bạch lên, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

Ông đi không bao lâu thì bị con bò cái tơ húc chết dọc đường.

Nghe nói rằng: Con bò cái ấy là một nữ Dạ xoa, hóa hiện ra để báo oán. Nó đã từng hóa làm bò cái húc chết bốn người là Ngài Bāhiyadārucīriya, Ngài Pukkusāti, Ngài Tambadāṭhika (Đao phủ râu đỏ) và Ngài Suppabuddha.

Tương truyền rằng: Vào thời quá khứ, bốn vị ấy là bốn vị công tử, một hôm có dắt theo một nàng kỹ nữ đi dạo chơi trong hoa viên, họ vui thú cùng nhau trọn ngày, khi chiều xuống, bốn công tử bàn tính cùng nhau rằng: “Chỗ này vắng vẻ, không có ai lai vãng, nàng này đã đập đổ chúng ta với thù lao là một ngàn đồng vàng. Ta hãy giết chết cô ta, để khỏi trả một ngàn đồng vàng và thâu đoạt hết những trang sức mà cô ta mang trên mình đi.”

Cô gái giang hồ nghe được việc mưu sát của bốn công tử ấy, nghĩ rằng: “Những kẻ vô si này đã cùng ta hoan lạc, bây giờ lại muốn giết chết ta. Ta sẽ biết cách đối phó với họ.”

Khi bị họ sắp hạ sát, cô nguyện rằng: “Bốn tên này giết ta như thế nào, chết rồi ta nguyện làm Dạ xoa để có thể giết họ trở lại mà báo thù này.”. Do nhân ấy mà nữ Dạ xoa ấy đã hóa làm bò cái húc chết cả bốn người, trong đó có Suppabuddha.

Nhiều Tỳ khưu đem việc Suppabuddha vừa từ trần bạch lên Đức Bốn Sư và hỏi: “Ông ấy nay sanh về đâu? Do nhân gì mà Suppabuddha bị bệnh cùi?”.

Đức Bốn Sư giải rằng: “Ông đã đắc quả Dự lưu và sanh về cõi Đạo Lợi. Có một kiếp ông gặp Đức Phật Độc Giác Tagarasikhi, ông đã phun nước bọt lên mình Đức Phật, nên khi mệnh chung phải thọ khổ rất lâu ở cõi địa ngục và quả của nghiệp còn dư sót nên kiếp này mang bệnh cùi phun lở lói.”.

Đức Bốn Sư kết luận rằng: “Này các Tỳ khưu, những chúng sanh ấy đi lang thang trên con đường hành ác, tự mình tạo nghiệp và tự mình hứng chịu hậu quả đắng cay như thế.”.

Đoạn Đức Bốn Sư thuyết thêm một thời pháp cao thượng, rồi đọc lên kệ ngôn rằng:

“Caranti bālā dummedhā,
Amitten’eva attanā;
Karontā pāpakam kammam,
Yam hoti kaṭukapphalam.”
*“Người ngu, vô trí chung đàng,
Với kẻ thù địch mưu toan hại mình,
Là nghiệp ác lúc bình sinh,
Hậu quả cay đắng tự mình mà ra.”*



CHÚ GIẢI:

Tiếng *Caranti* nghĩa là đi, là một trong bốn oai nghi, theo nghĩa thông thường. Ở đây nghĩa là tạo nghiệp bất thiện.

Bālā: Những kẻ ngu là những kẻ không biết được sự lợi ích lớn trong kiếp này và kiếp sau.

Dummedhā: Những kẻ thiếu trí và vô trí tuệ.

Amitten'eva: Như là những kẻ thù nghịch.

Kaṭukapphalam: Là quả cay đắng, khổ sở cùng cực.



Đến cuối thời Pháp, nhiều vị Tỳ khưu chứng đắc Thánh quả, nhất là quả Dự lưu.

**Dịch Giả Cầu Đề**

*Khoa học ngày nay nói bịnh phong,
 Sanh ra vì bị nhiễm vi trùng,
 Tích xưa có chuyện chàng Thiện Giác,
 Nhắc nhở lên thân Đức Đại Hùng.
 Do mình tạo nghiệp quả mình mang,
 Nghiệp ác không rời kẻ ác gian,
 Chỉ đợi thời cơ là trở quả,
 Mới hay thù địch vẫn chung đường.*

DỨT TÍCH ÔNG THIỆN GIÁC CÙI

66. The unwise of committing crimes of evil consequences live as enemies to themselves.

66. Người ngu phạm tội lỗi đưa đến ác quả,

Cũng như kẻ thù làm hại bản thân mình.

V. 8- Tích NGƯỜI NÔNG PHU MẮC NẠN (Kassakavatthu)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 67)

“Na tam kammap katam sādhu, Yam katvā anutappati; Yassa assumukho rodam, Vipākam paṭisevati.”	“ <i>Nghềp nào mà không hay Làm xong hối tiếc ngay Mặt đây lệ than khóc Chịu quả khô đắng cay.</i> ”
--	--

Kệ Pháp Cú này, Đức Bốn Sư đã thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến người nông phu.

Tương truyền rằng: Người ấy đang cày một thửa ruộng cách thành Sāvatthī không xa. Lúc ấy có một nhóm trộm đạo, do theo một con kênh nước, đi vào trong thành, đào một đường hầm đột nhập vào một gia đình Trưởng giả, chúng tóm thâu rất nhiều vàng bạc, rồi theo con kênh mà thoát ra ngoài.

Một tên trộm lừa đồng bọn, giấu đi một ngàn đồng vàng, bỏ vào một cái túi trước khi bọn chúng đến tại thửa ruộng để phân chia tài vật. Lúc mang tài vật của mình đi, tên trộm ấy làm rơi túi tiền ngàn đồng vàng ra khỏi bọc mà không hay biết.

Ngày ấy, vào lúc sáng tinh sương, Đức Bốn Sư quán sát thế gian, thấy hình ảnh của nông phu lọt vào giác võng của Ngài. Ngài tự hỏi: “Sắp có việc chi đây?”. Quán thêm nữa, Ngài thấy rằng: “Người nông phu này sẽ đi cày vào buổi sáng. Những tài chủ theo dấu kẻ trộm, tìm được túi

tiền vàng trong thửa ruộng của y và sẽ bắt oan người vô tội. Ngoài ta ra không ai mục chứng được việc ấy. Và lại, người nông dân này có duyên lành đắc đạo quả Tu Đà Hườn. Vậy ta nên đến đó.”.

Người nông phu trông thấy Đức Bốn Sư ngự đến cùng với Đại đức Ānanda là vị thị giả hầu Ngài. Y liền bỏ cày, đi đến đánh lễ Đức Bốn Sư, rồi tiếp tục cày ruộng.

Đức Bốn Sư chẳng nói chi với người nông phu, Ngài đưa Đại đức Ānanda đi đến nơi túi tiền vàng rớt, nằm dưới đất, chỉ cho Đại đức trông thấy và bảo:

- Này Ānanda! Ông có thấy con rắn độc không?
- Bạch Ngài! Con có thấy con độc xà ghê tởm.

Nghe mấy lời đối đáp giữa Đức Bốn Sư và Đại đức Ānanda người nông dân nghĩ thầm: “Mình tới số hay chưa mà nghe nói có con rắn độc lai vãng nơi đây vậy kia?”.

Khi Đức Bốn Sư đi khỏi, người nông phu định giết chết con độc xà, bèn cầm gậy đi đến túi tiền, thấy nó thì nghĩ: “Chắc Đức Bốn Sư đã ám chi vật này đây.”. Y liền lượm cái túi tiền lên, đem trở lại ruộng cày, vụng về đặt nó xuống một bên, che đậy sơ sài rồi tiếp tục cày ruộng.

Lúc trời rực sáng, những người trong ngôi nhà bị trộm, biết mình mất đồ, bèn men theo dấu chân đi lần đến chỗ thửa ruộng của người nông phu. Nơi đó, họ gặp được nơi bọn trộm chia tài vật và thấy có dấu chân người nông phu. Theo dấu, họ moi đất lên, tìm thấy túi tiền vàng dưới đất. Họ phui sạch bụi, lấy cái túi lên rồi mắng chửi, đánh đập người nông phu, bảo rằng:

- Mấy đào trộm của người ta, rồi giả vờ ra đi cày hả?

Họ bắt anh dân cày giải đến quốc vương để định tội. Quốc vương nghe xong câu chuyện trộm đồ có tang chứng,

bền hạ lệnh mang anh ta ra từ hình. Võ đạo quân bắt trói kẻ anh ta, lấy roi quất vào người rồi dẫn y ra pháp trường.

Trong lúc bị đòn roi, anh ta vừa đi vừa nói luôn miệng: “Này Ānanda, ông có thấy con rắn độc không? Bạch Ngài, con thấy con độc xà ghê gớm!”.

Võ đạo quân hỏi: “Chú mày lạy đi lạy lại những lời đối thoại như thế để làm gì?”.

- Bao giờ đến gặp đức vua tôi sẽ nói.

Nghe vậy, võ đạo quân giải tội nhân đến sân rồng, và tâu lên đức vua việc ấy. Quốc vương phán hỏi:

- Tại sao ngươi lại nói như thế?

- Tâu bệ hạ, con không phải là kẻ trộm.

Nói rồi, anh thuật lại mọi sự cho đức vua nghe, từ lúc nói đến cày ruộng cho tới khi bị bắt. Nghe xong, đức vua phán rằng:

- Này khanh, khanh quả là bậc trượng phu quân tử, cho nên Đức Bốn Sư mới làm nhân chứng, nếu hành phật khanh thì không hợp lý. Trẫm sẽ biết nên hành động thế nào cho hợp lý.

Chiều hôm ấy, quốc vương dắt người dân cày đến bái yết Đức Bốn Sư, đoạn hỏi rằng:

- Bạch Ngài, Ngài có ngự du với Đại đức Ānanda đến thửa ruộng cày của người nông phu này phải chăng?

- Phải, tâu đại vương.

- Nơi đó, Ngài đã thấy vật chi?

- Tâu đại vương, thấy cái túi tiền vàng.

- Lúc thấy nó, Ngài đã phán dạy chi?

- Này đại vương, Như Lai đã nói như vậy...

- Bạch Ngài, nếu người này không viện Ngài ra làm nhân chứng thì chắc sẽ không toàn mạng, nhờ có những lời đối đáp giữa Ngài và Đại đức Ānanda mà hân mới được tồn sanh.

Nghe quốc vương nói vậy, Đức Bốn Sư đáp:

- Phải đó, tâu đại vương, Như Lai đã nói lên bấy nhiêu lời rồi mới đi. Lễ thường, đối với bậc trí tuệ, nghiệp nào hễ đã làm rồi, về sau phải ăn năn hối hận thì chẳng nên làm.

Đề cập đến việc này, Đức Bốn Sư thuyết lên thời pháp, đoạn Ngài thuyết lên kệ ngôn:

67. “Na tam kammam katam sādhu,
Yam katvā anutappati;
Yassa assumukho rodam,
Vipākam paṭisevati.”

67. “Nghiệp nào là nghiệp ác tà,
Làm xong hối tiếc, lệ sa đẫm dề,
Mặt mày nhăn nhó ử ê,
Thọ ngay quả báo nặng nề đắng cay.”



CHÚ GIẢI:

Yam katvā: Nghiệp nào mà khi làm xong, nó có thể đưa mình đến khổ cảnh, như sa địa ngục chẳng hạn và mỗi khi nhớ lại thì ăn năn hối tiếc, nghiệp ấy chớ khá làm, vì nó không tốt, không đẹp, không êm dịu đâu.

Yassa assumukho: Nghiệp ấy có hậu quả là sẽ khóc lóc than van với bộ mặt đầm đìa nước mắt.

Khi dứt thời pháp, cận sự nam là người nông phu đặc Tu Đà Hườn quả. Những Tỳ khưu hiện diện cũng có nhiều vị chứng đắc Thánh quả, nhứt là quả Tu Đà Hườn.



Dịch Giả Cầu Đề

*Nông phu lượm ví rớt bên đường,
Và gió ai ngờ lại phải mang,
May có Đức Thầy làm chứng giúp,
Bằng không uống kiếp, chịu hàm oan.
Bị lính đánh đòn chẳng thờ than,
Tự mình mình biết thật vô can,
Người ngay mắc nạn cam lòng nhẫn,
Nhờ Phật từ bi mới mạng toàn.*

DỨT TÍCH NGƯỜI NÔNG PHU MẮC NẠN



67. That action which is likely to make one repent later, is not good action at all.

67. Các hành động nào có thể làm cho ta ăn năn về sau, tất nhiên không phải là Thiện nghiệp.

V. 9- Tích ÔNG HÀNG HOA HẢO Ý (*Sumanamālākāravatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 68)

“*Tañca kammaṃ katam sādhu,
Yaṃ katvā nānutappati;
Yassa patīto sumano,
Vipākaṃ paṭisevatīti.*”
*“Nghịệp nào là nghịệp lành,
Làm xong chẳng hối quá,
Tâm thỏa thích hân hoan,
Thọ hưởng ngay thiện quả.”*

Pháp Cú này, Đức Bốn Sư đã thuyết ra khi Ngài ngự tại Veluvana, đề cập đến người kết tràng hoa, tên là Sumana (Hảo Ý).

Tương truyền rằng: Ông Sumana mỗi ngày từ sáng sớm phải đem nạp cho đức vua Bimbisāra tám vòng hoa Sumanī (Tổ Hình) và nhận tiền ân tứ là tám đồng tiền vàng (kahāpaṇa). Ông vẫn thi hành việc ấy đều đặn. Cho đến một hôm, khi ông Sumana mang hoa đi vào thành nội thì Đức Thế Tôn cũng đang ngự vào thành Rājagaha để khất thực, có dẫn theo đại chúng Tỳ khưu. Từ kim thân, Ngài phóng hào quang sáu màu rực rỡ, biểu lộ thần oai lực của một đấng Chánh Đẳng Giác (Có những lúc Đức Thế Tôn khuất lấp hào quang lục sắc dưới bộ y vàng, giống như vị Sư Đầu đà đang đi khất thực, chẳng hạn như khi Ngài

vượt quãng đường xa ba mươi do tuần để đón đường tướng cướp Ahimsa (tức Aṅgulimāla). Hoặc cũng như lúc ngự vào hoàng cung Kapilavatthu, Ngài cũng phóng ra sáu đạo hào quang.). Trong ngày này cũng thế, từ kim thân tỏa ra hào quang lục sắc, biểu lộ thần oai đại lực của một đấng Chí Tôn, trong lúc Ngài ngự vào thành Rājagaha.

Khi trông thấy tướng mạo quang minh của Đức Thế Tôn quý giá dường châu báu, ông Sumana nhìn kỹ thấy được ba mươi hai tướng tốt và tám mươi phụ tướng của bậc đại nhân đều có đầy đủ nơi Ngài, ông phát tâm trong sạch, nghĩ rằng: “Ta lấy chi để dâng lên Đức Thầy đây?”. Thấy mình chẳng có vật chi khác ngoài mấy tràng hoa ông nghĩ thầm: “Ta sẽ dâng cúng Đức Thầy những đóa hoa này.”. Kể đó, ông tự hỏi lấy mình: “Hoa này là phẩm vật hàng ngày phải nạp vào cung vua, nếu như hôm nay vua không nhận được hoa, đức vua sẽ giam cầm, sẽ xử tử hoặc sẽ lưu đầy ta thì sao?”. Nhưng rồi ông quả quyết tự nhủ rằng: “Thôi thà là ta liều để đức vua xử tử hoặc lưu đầy chi cũng được. Xét cho kỹ, dầu đức vua có dung dưỡng ta, thì Ngài cũng chỉ ban cho ta tài sản quý nhất là mạng sống trong kiếp này mà thôi. Còn nếu ta cúng dường Đức Bốn Sư thì chắc chắn ta sẽ được nhiều sự lợi ích, sự bình an trong hằng mấy mươi triệu kiếp trái đất, không sai chạy vậy.”.

Sau khi nhất định dứt bỏ sanh mạng để cúng dường Đức Như Lai, ông Sumana còn tự thúc hối rằng: “Ta hãy cúng dường ngay bây giờ, kéo để trì hoãn e cái tâm trong sạch của ta nó lui sụt.”. Thế là, ông hết sức hoan hỷ, thỏa thích dâng cúng tám vòng hoa lên Đức Thế Tôn. Lần thứ nhất, ông tung hai vòng hoa nhắm phía trên đầu Đức Thế Tôn mà vung tới, những hoa ấy xòe ra như tầng lọng rồi đứng lơ lửng trên không. Ông lại tung tiếp hai vòng hoa nữa ở bên phải, những cánh hoa lại kết thành bức màn hoa

che phía tay phải của Đức Thế Tôn. Ông Sumana tung hai vòng hoa thứ ba thì những cánh hoa sa xuống làm tấm màn che phía sau lưng Đức Thế Tôn. Và lần thứ tư, ông tung hai vòng hoa cuối, thì hoa nở thành màn hoa che bên tay trái của Đức Bốn Sư. Như thế, tám vòng hoa được chia làm bốn chỗ chung quanh kim thân đấng Như Lai và chùa trống phía trước như cánh cửa ngõ vậy.

Các cọng hoa đều quay vào trong với nhau, chỉ phô các cánh hoa ra làm mặt, màu trắng sáng như những chiếc đĩa bạc bao quanh kim thân Đức Bốn Sư. Khi Ngài cất bước đi, tuy là giống vô tri nhưng hoa dường như cũng có tâm sùng kính ái mộ, không rời xa Đức Thế Tôn, chúng quần quít đi theo. Khi Ngài dừng chân thì chúng cũng đứng lại. Từ kim thân Ngài phát ra ngàn lần điện quang. Cả bốn phía trước, sau, phải, trái và trên đầu Ngài đều phát ra quang tuyến như nhau. Những tia sáng này chẳng có tia nào chạy lảng ra xa. Tất cả đều nhiễu quanh Đức Thế Tôn ba vòng rồi nhập lại thành những cây ánh sáng bằng cớ cây thốt nốt còn tơ, đoạn chạy trước vệt đường làm cho cả kinh thành đều náo động.

Trong số một trăm tám mươi triệu dân chúng, chín mươi triệu ở trong thành và chín mươi triệu ở ngoài, đều là nam hay nữ, không một ai không mang vật thực để bát và ra khỏi nhà. Quần chúng reo vang như tiếng sư tử rống, vừa ve vầy hàng ngàn khúc lự, tỏ vẻ hoan nghênh cùng đi theo tiếp rước Đức Bốn Sư. Chỉ trong giây lát, tin Đức Thầy thị hiện thần thông, làm hiển lộ công đức cúng dường của người bán hoa được lan truyền khắp cả kinh thành rộng ba phần tư do tuần, y như có người mang trống đi cổ động vậy.

Khi ấy, ông bán hoa nghe khắp châu thân tràn đầy năm thứ phi lạc, ông từ từ nổi gót theo Đức Như Lai, đi vào vòng hào quang của Ngài như lặn xuống một hồ nước

thơm ngon mát mẻ (manosilārase). Đoạn ông thốt lời tán dương Đức Bốn Sư, đánh lễ cáo biệt Ngài và phui sạch hai tay không, trở gót về nhà.

Khi ấy vợ ông hỏi rằng: “Hoa đâu?”.

- Tôi đã cúng dường Đức Bốn Sư rồi.

- Nếu vậy, lỡ vua bắt tội thì làm sao?

- Dầu vua có xử tử hoặc lưu đầy chi cũng đành, tôi nguyện thí bỏ thân mạng mà cúng dường Đức Bốn Sư, cho nên chia tất cả số hoa làm tám vòng hoa dâng cúng như vậy, như vậy... Còn đại chúng lúc ấy cũng phát lên reo hò đi theo sau Đức Bốn Sư, làm cho trong thành vang rền hàng ngàn tiếng hoan hô như vậy...

Sau khi nghe hết câu chuyện Đức Phật thị hiện thần thông như thế, người vợ ngu si mù quáng, đã chẳng phát tín tâm trong sạch, mà còn trách cứ chồng rằng: “Các quốc vương hùng mạnh thường hay bạo ngược, một khi bị chọc giận, các Ngài có thể gia hình nhiều hình phạt nặng nề như xuống lệnh chặt tay, chặt chân chẳng hạn. Tội lỗi của ông làm thì tôi cũng phải bị liên can không ít.”.

Nói rồi, bà vợ của ông Sumana dắt hết những đứa con trai vào triều, xin bệ kiến đức vua. Quốc vương phán hỏi:

- Nàng kia, nàng muốn tâu xin việc chi?

- Tâu đại vương! Chồng của con đã mang số hoa phải đem nạp đại vương ngày hôm nay, lại cúng dường hết đến Đức Bốn Sư, rồi đi tay không trở về nhà. Con hỏi: “Hoa đâu?” Thì ông ấy đáp lời như thế, như thế. Con rầy ông rằng: “Thường thường các đức vua hay

Có tính hung bạo, một khi đã nổi trận lôi đình, ắt là các Ngài bắt tội, hình phạt ta bằng nhiều cách như là chặt

cả tay lẫn chân chẳng hạn. Tội của ông làm mà tôi cũng bị vạ lây.”. Nói rồi, con từ bỏ ống và đến đây ngay. Công việc dâng hoa đến Phật do chính ông làm, thì đâu có phước cũng chỉ có riêng ông ấy nhờ, còn như có tội thì cũng chỉ mình riêng ông gánh chịu, chớ con với chồng con đã đoạn tuyệt nhau rồi. Mong ân đại vương minh xét cho con nhờ.

Quốc vương là vị Thánh Thịnh Văn, lúc gặp Đức Phật lần đầu tiên, Ngài đã đặc quả Tu Đà Hườn, có đức tin kiên cố trong Chánh pháp. Vừa nghe qua mấy lời của vợ ông Sumana, đức vua nghĩ: “Ồi! Nữ nhân này thật là mù quáng ngu si làm sao, thấy ân Đức Phật phi thường như thế mà chẳng phát tâm trong sạch tin tưởng nơi Ngài.”.

Quốc vương giả cách nổi giận, phán hỏi rằng:

- Nàng nói sao? Chồng nàng đã mang số hoa phải nộp cho trăm mà cúng dường Đức Phật hết rồi phải không?

- Tâu đại vương, phải!

- Con từ bỏ hẳn ta là phải lắm. Kẻ nào đem hoa của trăm mà cúng dường, trăm sẽ liệu cách mà đối xử với hẳn.

Sau khi truyền lệnh cho nữ nhân ấy ra về, quốc vương vội vàng ngự đi đón Đức Bốn Sư, đánh lễ Ngài xong rồi, cùng đi bách bộ với Ngài.

Đức Bốn Sư hiểu rõ tâm trạng của đức vua, cho nên Ngài ngự hành đi qua đại lộ chánh trong kinh thành, tiến về phía hoàng cung. Đến trước ngọ môn, quốc vương xin rước bát của Đức Bốn Sư, ngỏ ý muốn thỉnh Ngài nhập vào vương điện. Nhưng Đức Thầy dừng chân nơi sân ngự trước đền, rút tọa cụ ra.

Quốc vương hội ý, bèn lập tức truyền lệnh cho dân thợ hãy gấp rút dựng lên một cái trại nghỉ mát cho mau.

Đức Bốn Sư an tọa nơi đó cùng với Tỳ khưu Tăng. Tại sao Ngài không ngự vào đền vua? Theo truyền ngôn thì Đức Thế Tôn nghĩ rằng: “Nếu Như Lai ngự vào trong đền, thì đại chúng bên ngoài sẽ không thấy được Như Lai. Như thế thì công đức của người dâng hoa không được hiển dương. Như Lai an tọa nơi sân ngự như vậy, đại chúng sẽ ngắm xem mãi mãi và công đức của người dâng hoa sẽ được hiển dương.”.

(Quả thật, chỉ có chư Phật mới biểu dương công đức của các bậc hữu ân như thế, chớ thường nhân trong khi tán tụng công đức của các bậc hữu ân thì tiết kiệm từng lời nói.”).

Khi ấy, bốn bức màn hoa đứng ở bốn phía, đại chúng lũ lượt đi theo Đức Thế Tôn đến chỗ ngự.

Quốc vương chăm lo dâng cúng những thực phẩm ngon quý đến Tỳ khưu Tăng, có Đức Phật làm tọa chủ.

Sau bữa ngọ, Ngài thuyết kinh phúc chúc thí chủ xong rồi, Đức Bốn Sư ngự trở về Veluvana. Cũng như lúc đến, bốn bức màn hoa lại che phủ kín thân vào đại chúng lại rần rộ theo tiến chân Ngài, tiếng hoan hô vang rền như tiếng sấm từ rống.

Quốc vương cũng ngự đưa Đức Bốn Sư một quãng đường, đoạn đánh lễ cáo biệt Ngài mà trở lại hoàng cung. Khi ấy, đức vua cho đòi ông Sumana vào triều phán hỏi:

- Nhà ngươi đã nói gì khi cúng dường Đức Bốn Sư những hoa tươi mà ngươi phải nạp cho trăm?

- Tâu đại vương, con đã nguyện hi sinh tánh mạng mà cúng dường Đức Bốn Sư, nên nói rằng: “Đầu đức vua có lấy luật gia hình hoặc giết bỏ, hoặc tù đầy chỉ con cũng cam tâm.”.

Quốc vương ban khen rằng: “Khanh quả là một bậc đại Trưởng phu (Mahāpuriso).”. Phán rồi, đức vua ân thưởng cho ông Sumana tám voi, tám ngựa cùng với nhiều tôi trai, tớ gái, tám y phục trang trí cực kỳ sang trọng và tám ngàn đồng vàng, tám cung nữ điểm trang lộng lẫy được phóng thích khỏi hoàng cung để về làm vợ Sumana. Quốc vương còn cấp thêm cho ông tám làng trù phú để thu thuế nữa. Nói tóm lại là ông Sumana được ban thưởng trọng hậu đủ mọi thứ, mỗi thứ là tám lần như vậy.

Được mục kích chuyện này, Đại đức Ānanda nghĩ rằng: “Từ sáng sớm đến giờ đã được hưởng hàng ngàn tiếng hoan hô, và được đại chúng phật lựa đón đưa nồng nhiệt trong ngày hôm nay như thế. Không biết ông Sumana sẽ được hưởng Dị thực quả (vipāka) nào nữa trong ngày vị lai?”.

Đại đức Ānanda bạch hỏi Đức Thế Tôn. Ngài bèn giải rằng:

- Nay Ānanda, ông chớ suy tư cho rằng nghiệp lành của ông bán hoa đây là nhỏ nhen. Ông ấy đã dám hy sinh tánh mạng để cúng dường ta. Do nhờ có tâm trong sạch với ta như thế mà ông khỏi khổ cảnh trong hằng trăm kappa (kiếp trái đất).

“Kappānaṃ satasahassaṃ,
Duggatīṃ na gamissati;
Ṭhatvā devamanussesu,
Phalaṃ etassa kammuno.
Pacchā paccekasambuddho,
Sumano nāma bhavissati.”

“Trong hằng ngàn kappa,
Khỏi cảnh khỏi đọa sa,

*Hưởng nhơn thiên phước báu,
Do quả nghiệp vừa tạo,
Sau thành Phật Bích Chi,
Danh Hảo ý vẫn y.”*

Khi Đức Bốn Sư an ngự về chùa, Ngài ngự vào Hương thất thì những cánh hoa kia rơi xuống nằm tại ngưỡng cửa.

Chiều hôm ấy, trong Luận Pháp Đường, chư Tỳ khưu khởi lên pháp thoại như vậy: “Ồi! Thật là huyền diệu hy hữu thay, nghiệp lành của Sumana dám hy sinh tính mạng để dâng hoa đến Đức Phật hiện tại, mà trong khoảnh khắc hưởng được đủ thứ bổng lộc như thế.”.

Đức Bốn Sư từ hương thất ngự ra, đi kinh hành rồi Ngài ngự đến Luận pháp đường, ngồi an tọa trên Phật Bảo Tọa. Ngài phán hỏi: “Nầy chư Tỳ khưu! Hôm nay các ông đang ngồi luận bàn về việc chi đó?”.

- Bạch Ngài, chuyện như vậy, như vậy...

Nghe vậy, Đức Bốn Sư xác nhận rằng: “Phải đó, các Tỳ khưu, nghiệp nào mà khi làm xong ta không ăn năn hối hận, mà còn phát tâm thỏa thích hân hoan mỗi khi ta nhớ lại nó, thì nghiệp đó là nghiệp tốt cần nên làm vậy.”.

Tiếp theo, Đức Thế Tôn thuyết lên một thời pháp để giải rộng thêm nghĩa lý, đoạn Ngài kết luận bằng bài kệ này:

“Taṇca kammaṃ kataṃ sādhu,
Yaṃ katvā nānutappati;
Yassa patīto sumano,
Vipākam paṭisevatīti.”

“Nghiệp nào là nghiệp tốt hay,
Làm xong chẳng chút mảy may hận phiền,
Nghiệp nào Hảo Ý vui yên,

Thọ ngay phước báu tùy duyên hợp thời.”

CHÚ GIẢI:

Trong kệ ngôn Phạn ngữ trên đây, câu thứ hai *Yam katvā* ám chỉ nghiệp nào mà sau khi làm xong ta không bị lương tâm cắn rứt hay đau khổ, buồn phiền vì nó, mà trái lại ta còn được tái sinh về nhân cảnh, mà hưởng phước báu Nhơn Thiên, hoặc hưởng quả Níp Bàn.

Yassa patīto sumano: Sau khi đắc Đạo hoặc hưởng quả của phước báu, mỗi lần nhớ lại nghiệp cũ, tâm lại thỏa thích hoan hỷ, vui vẻ thêm lên (Trong câu này có hàm tên ông bán hoa là Sumano (Hào Ý) là nhân vật điển hình cho loại thiện nghiệp này vậy.).

Vipākam patisevati: Hễ Hao Ý được thỏa mãn rồi, từ đó mới phát sanh quả Dị thực của Thiện nghiệp trong kiếp quá khứ vậy.

Tam kammam katam sādhu: Nghiệp ấy là nghiệp nên làm vì nó tốt đẹp, trong sạch. (Đây là câu kết luận, nhưng trong bài kệ này được đặt lên hàng đầu, có lẽ vì Đức Thế Tôn muốn biểu dương thiện nghiệp của người thọ bán hoa Sumana để làm gương cho mọi người bắt chước vậy.)



Thời pháp vừa chấm dứt, tám muôn bốn ngàn chúng sanh được tỏ ngộ Chánh Pháp.



Dịch Giả Cử Đề

*Hào Ý dâng hoa chẳng hận phiền,
 Liều thân đại thí nguyện gieo duyên,
 Phật cho hiển lộ phần công đức,
 Vua khiến vinh thăng chỗ lợi quyền.
 Hiên tại nghiệp lành sanh phước lớn,
 Tương lai quả chánh đợi người hiền,
 Ai ngờ bỏ cả mà được cả,
 Mãn kiếp sanh nhân sướng tự tiên.*

DỨT TÍCH ÔNG BÁN HOA SUMANA





68. *Deeds whose results one faces with glee without remorse, are good deeds indeed.*

68. Các nghiệp nào có kết quả làm ta sung sướng, không ăn năn,

V. 10- Tích NỮ THÁNH UPPALAVANṆĀ (Uppalavaṇṇātherīvatthu)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 69)

“Madhu’vā maññatī bālo, “*Người ngu tưởng mật ngọt,*
Yāva pāpaṃ na paccati; *Khi ác quả chưa mùi,*
Yadā ca paccatī pāpaṃ, *Đến chùng quả thuần thực,*
Attha dukkhaṃ nigacchatī.” *Phải chịu khổ không thôi.”*

Kệ ngôn này, Đức Bốn Sư thuyết ra khi Ngài ngự an tại Jetavana, đề cập đến nàng Thánh nữ Uppalavaṇṇā (Thanh Liên Sắc).

Tương truyền rằng: Nàng Uppalavaṇṇā đã từng phát đại nguyện dưới chân Đức Phật Padumuttara và tiếp tục gieo trồng vào ruộng phước trong hằng trăm ngàn đại kiếp. Sau khi luân hồi lên xuống các cõi trời, người, trong thời Đức Phật hiện tại, nàng tái sinh vào một gia đình Trưởng giả ở trong thành Sāvatthī. Cô được cha mẹ đặt tên là Uppalavaṇṇā, vì da mặt cô tuy đen nhưng mịn màng, tươi tắn, thanh lịch như cánh sen xanh phong nhụy. Đến tuổi cặp kê, cô được các vương tôn, công tử nhà quyền quý, danh vọng trong cõi Diêm phù mang lễ vật đến cầu hôn.

Trưởng giả là thân phụ của cô không dứt khoát hồi hôn, từ chối một ai, nhưng ông tự nghĩ: “Ta không thể nhận lời, chiều theo ý muốn của tất cả những này. Vậy ta phải lập ra một phương thế.”.

Ông cho gọi tiểu thư đến và hỏi:

- Này con, con có thể xuất gia được chăng?

Trường giả vừa dứt lời, nàng Uppalavaṇṇā nghe trong đầu cô bùng nóng, như có đầu sôi trăm đạo, nên cô đáp lại ngay:

- Thừa cha, con sẽ xuất gia.

Trường giả liền thiết tiệc linh đình để làm lễ tiễn đưa con gái, rồi đưa nàng đến chùa của Tỳ khưu Ni (Bhikkhunūpassayaṃ), cho nàng xuất gia Tỳ khưu Ni.

Xuất gia không bao lâu, nàng Uppalavaṇṇā chứng quả A La Hán. Hôm ấy, nhằm phiên nàng quét dọn, sửa soạn chỗ làm lễ Phát Lồ sám hối của Tăng Ni.

Sau khi quét tước xong chỗ kiết giới, nàng đốt đèn lên, nàng nhìn lại ngọn đèn làm đối tượng cho đề mục thiền, đặc luôn quả vị A La Hán với Tuệ Phân Tích và các Thắng trí thần thông (abhiññā).

Thời gian sau, nàng Uppalavaṇṇā đi vân du, rồi đi vào rừng Manh Lâm (Andhavana) hành đạo. Lúc bấy giờ chưa có học giới cấm Tỳ khưu Ni ngụ trong rừng.

Khi ấy, nhiều người phát tâm cất cốc cho nàng, bên trong có kê giường, bên ngoài có màn che bốn phía. Nàng đi vào thành Sāvattthī khát thực rồi đi trở ra.

Một thanh niên tên là Nanda, vốn là anh em cô cậu của nàng Uppalavaṇṇā (Mātulaputto), đã nặng tình luyến ái nàng từ khi nàng còn ở gia đình. Nay hay tin nàng trở lại kinh thành, chàng ta thừa lúc nàng chưa về, lên đến rừng Andhavana, lén vào trong cốc của nàng, núp dưới gầm giường.

Khi nàng về đến lều, vào trong đóng cửa lại, vừa lên ngồi trên giường thì thanh niên Nanda từ gầm giường chun ra, trèo lên giường. Nàng la lên: “Đồ ngu, đừng có liều mạng. Đồ ngu, đừng có liều mạng.”. Bất chấp sự kháng

cự của người nữ Ni, thanh niên dùng cường lực cưỡng hiếp vị Thánh nữ cho thỏa lòng dục vọng rồi y bỏ chạy đi.

Khi ấy, địa đại dường như không chịu nổi tội ác nặng nề của chàng thanh niên Nanda, nên nứt đôi, chàng ta sa vào nơi đất nứt, bị đọa vào đại địa ngục A Tỳ (Mahāvīci).

Nữ ni Uppalavaṇṇā muốn cho tâm mình khỏi tắc trách bèn đem chuyện này trình lên Giáo Hội Tỳ khưu Ni. Chư Ni bạch lại chư Tăng và chư Tăng bạch trình lên Đức Bốn Sư.

Nghe vậy, Đức Thế Tôn gọi các Tỳ khưu đến phán dạy:

- Này các Tỳ khưu! Đối với hàng tứ chúng là Tỳ khưu, Tỳ khưu ni, Cận sự nam, Cận sự nữ, nếu kẻ ngu nào gây ra ác nghiệp thì đầu cho kẻ ấy có vui sướng thỏa mãn được chút ít chi, cũng ví như người nếm qua hương vị ngọt ngào của chất đường và mật chẳng hạn.

Tiếp theo đây, Đức Bốn Sư thuyết lên thời pháp rồi đọc kệ ngôn rằng:

“Madhu’vā maññatī bālo,
Yāva pāpaṃ na paccati;
Yadā ca paccatī pāpaṃ,
Attha (bālo) dukkhaṃ nigacchati.”

*“Khi quả ác nghiệp chưa mùi,
Người ngu lâm tưởng yên vui mật đường.
Đến giờ quả chín như thường,
Người ngu mới thấy chán chường khổ đau.”*



CHÚ GIẢI:

Madhuvā: Câu kệ Pāli thứ nhất có ý nói việc làm tội lỗi của người ngu vui sướng thỏa thích như là ăn kẹo ngọt, như mật, như đường. Đây là trường hợp của thanh niên Nanda nghĩ tưởng sai quấy như vậy.

Yāva: Trong lúc mà...

Pāpaṃ na paccati: Quả ác dị thực chưa trở, chưa chín trong kiếp này hoặc trong những kiếp về sau thì người ngu vẫn còn tưởng như trên.

Yadā: Đến chừng hưởng ác quả, đã làm bằng cách thế này thế nọ, đến thời trở quả chín mùi hoặc trong kiếp này hoặc trong kiếp sau thì kẻ ác phải chịu khổ thọ hình như ở hỏa ngục chẳng hạn.

Attha bālo dukkhaṃ nigacchati: Khi ấy kẻ ngu đi đến khổ cảnh, là phải bị khổ, bị thọ khổ như vậy.



Khi thời pháp chấm dứt, nhiều vị chứng đắc Thánh quả, nhứt là Tu Đà Hườn quả.

Vào thời khác, đại chúng Tỳ khưu cùng nhau luận đạo trong phòng Pháp hội, đề xướng Pháp thoại như vậy: “Dầu là bậc Lậu Tận (Khīṇāsavā), theo ý tôi nghĩ, các Ngài cũng còn thọ hưởng dục lạc, vui thích ngũ trần, chớ chẳng lẽ làm ngơ. Thật thế, các Ngài đâu phải là bông cây hay gò mồi gì cho cam. Thân thể các Ngài cũng biết thọ hưởng dục lạc, vui thích ngũ trần...”.

Đức Thế Tôn ngự đến phán hỏi: “Nầy các Tỳ khưu, hôm nay các ông ngồi luận việc chi?”.

Khi nghe đáp: “Bạch Ngài, việc như vậy, như vậy...”, Đức Bốn Sư đính chính rằng: “Nầy các Tỳ khưu, các bậc Lậu Tận (A La Hán) không vui thích ngũ trần, không thọ

hưởng dục lạc. Thật thế, như trên mặt những lá sen, nước rơi xuống không thấm ướt, không ứ đọng mà tuột đi luôn và trên đầu mũi kim, hột cải không thể đeo dính, đứng vững được mà phải lăn tuột đi. Cũng như thế ấy, trong tâm bậc Lậu Tận, dục lạc ngũ trần không đeo dính và không ứ đọng lại được.”.

Đến đây, Đức Bốn Sư thuyết pháp giải rộng thêm nghĩa lý rồi Ngài kết luận bằng câu kệ Pháp Cú sau đây:

“Vāri pokkharapatt’eva,
Āraggeriva sāsapo;
Yo na lippati kāmesu,
Tam ahaṃ brūmi brāhmaṇanti.”

Lược dịch:

“Như nước giọt lá sen,
Hột cải gác đầu kim,
Người không nhiễm dục lạc,
Ta gọi Bà la môn.”

Bài kệ này nghĩa lý rõ rệt, phù hợp với phẩm Bà la môn, nên về sau được sắp chung vào phẩm ấy.

Nhân dịp này, Đức Bốn Sư triệu thỉnh quốc vương Pasenadikosala đến và đề nghị rằng:

- Tâu đại vương! Trong giáo pháp này có bao nhiêu công tử thì cũng có bấy nhiêu tiểu thư, đều là con nhà gia giáo vọng tộc, đã từ bỏ quyền thuộc đông đảo và tài sản dồi dào mà xuất gia hành đạo, cư ngụ trong rừng. Khi ngụ trong rừng, các nữ tu ấy hằng bị các thanh niên ác quấy, đe hèn, manh tâm làm khó, đôi khi còn gây tai hại, làm hư hỏng phạm hạnh nữa là khác.

Vì thế, cần phải xây cất chỗ ngụ cho Tỳ khưu ni ở

trong vòng kinh thành.

Quốc vương đáp: “Lành thay.”, rồi vâng theo lời đề nghị của Đức Thế Tôn, khiến quan quân kiến thiết một cảnh già lam riêng biệt cho Giáo Hội Tỳ khưu Ni trên một địa điểm trong vòng thành đô.

Từ đó về sau, các Tỳ khưu ni chỉ cư ngụ trong vòng đô thành mà thôi.



Dịch Giả Cầu Đề

*Thanh Liên Sắc quý mấy ai bì,
 Chẳng khứng làm dàu, khứng đắp y,
 Lừa đồ thiên tâm hơn nữ tử,
 Rừng xanh phạm hạnh quá nam nhi.
 Từ hôn đã cắt duyên trần tục,
 Dắt quả còn mang nợ thiếu thì...
 Hỷ Lạc nài hoa, say mật ngọt,
 Ngờ đâu đất sụp, đạo A Ty.*

DỨT TÍCH THÁNH NỮ UPPALAVANNA



69. The unwise thinks evil deeds are sweet till they ripen not. As they ripen he's plunged in grief.

69. Người ngu tưởng ác nghiệp là ngọt ngào khi chúng chưa chín mùi. Khi ác nghiệp chín mùi, kẻ ấy tràn ngập khổ đau.

V. 11- Tích JAMBŪKĀJĪVAKA
(Jambūkājīvakavatthu)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 70)

**“Māse māse kusaggena,
Bālo bhuñjeyya bhojanam;
Na so saṅkhātadhammānam,
Kalam agghati soḷasim.”**

***“Tháng tháng chỉ dùng cơm.
Vít bằng đầu cỏ thơm,
Người ngu không bì kịp,
Một phần mười sáu pháp,
Người chớ đắc lý chơn.”***

Kệ Pháp Cú này, Đức Bồ Sư đã thuyết ra khi Ngài ngự an tại Veluvana, đề cập đến tu sĩ ngoại đạo Jambūka (Hào Cầu).

Tương truyền rằng: Thuở xưa vào thời Đức Chánh Đẳng Giác Kassapa, trong một làng nọ có ông Trưởng giả (Kutumbiko) phát tâm cất chùa, thỉnh một vị Tỳ khưu ở đó làm trụ trì và thường xuyên hộ độ bốn món vật dụng. Vị trụ trì này mỗi ngày đến thọ thực nơi nhà của người đại tín gia hộ độ.

Một hôm, có vị Thánh Tăng Lậu Tận đi trì bình khất thực, đến đứng trước nhà của Trưởng giả. Phú ông nhìn thấy vẻ thanh bần thoát tục, kham nhẫn của bậc thanh tịnh thì phát tâm trong sạch, cung thỉnh vị Thánh Tăng vào nhà, trân trọng dâng cúng các món thực phẩm thượng vị.

Kế đó, gia chủ cúng dường một khăn choàng lớn và bạch:

- Bạch Ngải, xin Ngải nhuộm khăn choàng này rồi làm y nội mà mặc.

Và gia chủ còn thỉnh cầu thêm rằng: “Bạch Ngài! Tóc Ngài khá dài, để con gội thợ cạo đến phải sạch cho Ngài. Thỉnh Ngài về chùa trước rồi con sẽ cho người đem giường nằm đến dựng Ngài liền bây giờ.”.

Vị trụ trì vẫn đến thọ thực nơi nhà tín chủ hằng ngày, trông thấy ông ta quý trọng vị Sư mới đến như vậy thì không phát tâm trong sạch tùy hỷ chút nào. “Ông chủ này mới vừa gặp mặt vị Sư kia mà đã dâng cúng trọng thể dường ấy, còn mình đến nơi nhà ông ta mỗi ngày mà ông ta chớ hề dâng cúng lễ vật cho mình.”, vị sư trụ trì nghĩ thầm như vậy, nhưng chẳng nói ra, trở về chùa. Vị khách Tăng cũng theo chân vị trụ trì về chùa, nhuộm khăn choàng của thí chủ dâng cúng, rồi đắp làm y nội.

Phú Trường giả rước thợ cạo đến phửi tóc cho vị sư trì bình, cho người khiêng giường nằm đến lót kê đàn tràng rồi thỉnh rằng:

- Bạch Ngải, xin Ngải tự tiện nằm nghỉ trên giường này.

Trước khi ra về, chủ nhân còn thỉnh cả hai vị Đại đức ngày mai đến nhà mình thọ bát.

Thấy gia chủ tỏ vẻ hâm mộ vị khách Tăng và sẵn sàng vị ấy, vị trụ trì không đành lòng ganh tị. Chiều hôm ấy, ông ta đích thân vào tận phòng của vị A La Hán và nhục mạ Ngài bằng bốn điều như vậy: “Nầy đạo hữu tân đáo! Đạo hữu không nên đến thọ thực nơi nhà của phú Trưởng giả, thà đạo hữu ăn phần dơ còn hơn. Đạo hữu không nên để cho thợ cạo đến cạo tóc, thà đạo hữu lấy lá thốt nốt mà cạo còn hơn. Đạo hữu không nên mặc y, cứ ở trần truồng là hơn. Không nên nằm trên giường của thí chủ kê lót, thà

đạo hữu nằm dưới đất còn hơn.”.

Bị người đồng đạo xỉ mạt, vị Đại đức im lặng, tự nghĩ: “Không nên để cho kẻ ngu này vì ta mà phải sa đọa.”. Sáng hôm sau, Ngài thức dậy thật sớm, bỏ chùa ra đi vân du ta bà, chớ không theo lời thỉnh cầu mà đến nhà thí chủ thọ thực.

Sáng hôm ấy, vị trụ trì cũng dậy sớm, lo việc công phu lễ bái sớm trong chùa. Đến giờ đi bát, không thấy vị khách Tăng đâu cả, ông ta nói:

- Ông Sư khách này, đến giờ vẫn còn ngủ. Ta phải gõ kèng đánh thức ông ta dậy.

Sau khi lấy đầu móng tay gõ vào kèng cho có chũm, vị trụ trì ôm bát đi vào làng một mình.

Khi ấy, phú Trưởng giả đã chuẩn bị lễ vật cúng dường, còn đang ngóng trông hai vị Đại đức, thấy vị trụ trì đến, phú ông hỏi: “Bạch Ngài, còn vị khách Tăng đi đâu mà chưa đến?”.

- Nay đạo hữu, thôi đừng nhắc đến vị Đại đức của ông nữa. Hôm qua, ở đây trở về chùa, ông ta vào nằm luôn trong lều, cho tới sáng hôm nay, tôi dậy quét chùa, xách nước uống, nước xài đầy cả, châm đầy vào các lu khắp. Tiếng khua động, cả đến tiếng kèng báo giờ đi lấy bát, ông ta cũng chẳng nghe biết chi.

Vốn là bậc trí thức, phú ông ngẫm nghĩ: “Vị Đại đức này có oai nghi tế hạnh dường ấy, mà bảo rằng còn ngủ đến giờ này thì không có lý. Chắc chắn là vì thấy ta cúng dường trọng thể đến Ngài mà vị trụ trì có buông lời chỉ xức phạm đến Ngài chăng?”.

Nhưng phú Trưởng giả vẫn một mực cung kính để bát hộ độ vị trụ trì và khi vị này xong bữa, ông xin bát đem

rửa thật sạch, rồi sốt đây bát bằng đồ cao lương mỹ vị và bạch rằng:

- Bạch Ngài, nếu Ngài về gặp vị Đại đức, xin Ngài hoan hỷ sốt bát cơm này cúng dường Ngài Đại đức dùm con.

Vị trụ trì nhận lãnh bát cơm, nghĩ thầm: “Nếu ông ta thọ dụng bát cơm này, thế nào ông ta cũng sẽ lưu luyến ở mãi nơi đây chẳng sai.”.

Về đến nửa đường, vị trụ trì dốc bát đổ sạch bát cơm canh, rồi đi thẳng về lều của vị khách Tăng, nhưng nhìn tìm không thấy vị ấy.

Mặc dù đã tu hạnh Sa môn trong thời gian là hai muôn năm (vīsativassasahassāni), sau khi đã tạo ác nghiệp nặng nề như vậy, thiện pháp của vị Tỳ khưu này cũng không đủ sức cứu nổi ông ta. Khi mãn tuổi thọ, ông bị sa vào địa ngục Vô Gián (Avīci) thọ khổ khốc liệt suốt cả một thời gian không có vị Phật. Mãi đến thời Đức Phật hiện tại giáng lâm, ông được tái sanh làm người trong một gia tộc dư ăn dư để (bahu annapāne), cư ngụ trong thành Rājagaha.

Tuy là con nhà khá giả, nhưng từ lúc biết đi cậu bé không bao giờ chịu nằm giường, cũng không chịu ăn cơm, chỉ ăn ròng đồ xú uế do thân mình phóng ra.

Đến tuổi trưởng thành, ông cũng không chịu mặc y phục, cứ ở trần truồng mà đi lang thang, ngủ thì vẫn nằm dưới đất và ăn thì nhai lại những đồ mà mình đại tiện ra.

Khi ấy, cha mẹ ông buồn phiền chán nản, vì ông không thể giáo hóa được, nên bàn tính cùng nhau:

- Thằng này chắc cốt tử của nó không phải là con nhà mình, cho nên không biết xấu hổ chi hết. Có lẽ nó hợp với phái tu sĩ Ājīvaka (phái lửa thể).

Thế rồi, hai ông bà đem ông ta cho dứt nhóm ngoại đạo lửa thế, yêu cầu họ cho ông xuất gia nhập đạo.

Phái này cho Jambūka xuất gia theo nghi lễ của họ, để cậu đứng dưới một cái mương sâu tới cần cổ, bắt hai tấm ván đề trên vai cậu ta, rồi ngồi trên tấm ván ấy, dùng sóng lá thốt nốt mà cạo đầu của cậu.

Sau đó, cha mẹ cậu thỉnh các tu sĩ Ājīvaka ngày mai đến nhà mình thọ thực, rồi đồng cáo thối.

Ngày hôm sau, nhóm du sĩ lửa thế bảo Jambūka:

- Lại đây, chúng ta cùng nhau đi vào làng.

Tu sĩ mới này không chịu đi, nói: “Xin các Ngài cứ đi đi, còn tôi xin được ở lại giữ chùa.”.

Nhóm tu sĩ ấy năn nỉ nhiều lần không được bèn ra đi. Khi ấy, Jambūka bèn mở cửa cầu tiêu, tuột xuống hầm cầu, hai tay bốc phần vắt thành từng vắt mà ăn. Các tu sĩ Ājīvaka ở trong làng gửi cơm canh về cho Jambūka, nhưng ông ta không thọ lãnh. Khi họ nài ép, ông ta mới trả lời rằng:

- Tôi khỏi cần vật thực này, vì tôi có được phần ăn rồi.
- Phần ăn ở đâu mà có?
- Chỉ ở gần đây chứ không xa đâu.

Qua ngày thứ hai, thứ ba, thứ tư, mỗi khi đi vào làng, nhóm Ājīvaka đều rủ ông ta nhiều lượt, nhưng ông vẫn một mực từ chối không chịu đi, bảo rằng: “Xin cho tôi ở lại chùa.”.

Thái độ kỳ hoặc của Jambūka làm cho nhóm tu sĩ ngoại đạo sanh nghi: “Ông đạo này hằng ngày không chịu đi vào làng, mà vật thực ta gửi về cho ông, ông cũng chẳng ăn, cứ nói: “Tôi ở đây có phần ăn rồi.”. Chúng ta phải rình

coi cho biết ông ở lại chùa làm cái gì mới được.”.

Thế là, hôm sau khi đi vào làng, họ giao cho hai người ở lại núp xem Jambūka làm cái chi. Cũng như mấy ngày trước, khi thấy nhóm đồng đạo đi vắng hết, Jambūka tuột xuống hầm cầu ăn phần, không ngờ bị lộ tẩy, hai tu sĩ nọ bắt được hành động xấu xa của Jambūka, bèn thuật lại cho cả nhóm nghe. Tất cả đều đồng tình rằng: “Chao ôi! Việc này thật là tồi tệ quá lắm. Giá như các Thỉnh Văn của Sa môn Gotama hay biết rằng: “Các tu sĩ Ājīvaka thường ngày ăn phần, và truyền bá tin này ra thì thật là nhục nhã cho chúng ta. Tên Jambūka này không xứng đáng danh là một tu sĩ Ājīvaka chút nào.”.

Thế rồi, nhóm tu sĩ ngoại đạo tuyên bố trục xuất Jambūka ra khỏi nhóm mình.

Trong một cánh đồng, chỗ đại chúng phóng uế tự do, có một tảng đá bằng phẳng, trên mặt đá có lỗ trũng xuống rất lớn, đại chúng ưa đại tiện xuống nơi đó. Sau khi bị đuổi ra khỏi chùa, Jambūkājīvaka đi đến gần tảng đá ấy, chờ đêm xuống ra bốc phần mà ăn. Ban ngày khi thấy đại chúng đi phóng uế thì ông lấy tay vịn tảng đá và đứng một chân, còn chân kia giơ lên tỳ vào đầu gối chân đứng, miệng thì há ra, hướng về phía có gió.

Đại chúng thấy vậy, đến gần đánh lễ ông ta, họ nói:

- Bạch Đại đức, sao Ngài đứng há miệng như thế?
- Ta lấy gió làm cơm, chớ không có độ vật thực chi khác hết.
- Bạch Ngài, còn tại sao Ngài chỉ đứng có một chân, còn chân kia rút lên tỳ vào đầu gối chân đứng như vậy?
- Bần đạo tu khổ hạnh dị thường lắm, nếu đứng cả hai chân xuống đất thì quả đất sẽ rung động. Cho nên bần

đạo chỉ đứng có một chân còn chân kia co lên như thế. Quả thật ta phải đứng mãi mãi chứ không nằm ngồi bao giờ cả.

Thế thường con người hễ nghe ai già hàm lợi khẩu, nhiều lời biện thuyết thì tin nghe theo. Cho nên đại chúng bảo nhau: “Ồi thật là phi thường, những nhà tu khổ hạnh đến mức ấy, từ trước đến giờ ta chưa từng gặp gỡ vị nào như thế.”.

Nhân dân trong hai xứ Aṅga (Ương Già) và Magadha xông xao, náo động, nườm nượp kéo nhau đến đánh lễ tu sĩ Jambūka, và hàng tháng mang nhiều lễ vật trọng hậu đến cúng dường ông, nhưng ông ta không thọ lãnh lễ vật của ai hết, bảo rằng:

- Ta chỉ lấy gió làm cơm, chớ không độ vật thực nào khác. Nếu ta ăn món chi khác, sợ hư hỏng, lui sụt hạnh khổ hạnh của ta đi chẳng?

Nhiều người cứ theo nài nỉ: “Bạch Đại đức, xin Ngài thương xót tế độ chúng con. Được bậc tu khổ hạnh như Ngài thọ lễ cúng dường thì chúng con mới mong thành tựu sự lợi ích, sự bình an lâu dài đó, bạch Ngài.”.

Thấy đại chúng cầu khẩn thái quá, tu sĩ Jambūka cũng phải xiêu lòng, thọ lãnh chút ít bơ, đường, sữa, mật... và nói: “Mấy thứ này không gọi là vật thực chi khác, thôi ta thọ lãnh cho cư gia bá tánh được sự lợi ích, sự bình an mà trở về nhà.”.

Nói rồi, ông ta lấy đầu ngọn cỏ thơm (kusagga) vít mỗi thứ một chút để lên chót lưỡi ném cho có vị rồi ra dấu cho thí chủ đi về.

Tu sĩ Jambūka đã trải qua năm mươi lăm năm với nếp sống khổ hạnh dị thường như thế, là luôn luôn trần truồng, ăn phần, nhổ tóc và nằm trên đất.

Theo thông lệ, chư Phật hằng quán xét khắp thế gian vào lúc sáng tinh sương. Vì thế, một hôm trong khi Đức Thế Tôn quán sát khắp cõi Diêm Phù Đề vào buổi trời hừng sáng, thì hình ảnh của tu sĩ Jambūka lọt vào giác võng của Ngài. Quán thêm nữa, Đức Thế Tôn thấy rằng tu sĩ ấy có duyên lành chứng A La Hán với Tuệ phân tích. Câu chuyện Ngài tế độ ông ta sẽ được diễn tiến như sau:

Trước tiên, Jambūka sẽ làm như vậy, như vậy, Đức Thầy sẽ thuyết lên một bài kệ, khi bài kệ chấm dứt, tám muôn bốn ngàn chúng sanh sẽ giác ngộ Chánh Pháp. Nhờ nương theo Ngài gia giáo này mà đại chúng đạt đến hạnh phúc cao thượng vậy.

Sau khi biết rõ như thế rồi, ngày ấy Đức Bốn Sư vào thành Rājagaha khát thực. Trên đường về chùa, Ngài bảo Đại đức Ānanda:

- Này Ānanda! Như Lai sẽ đi đến chỗ ngụ của Jambūkāṇḍivaka.

- Bạch Ngài, Ngài sẽ ngự hành đến chỗ như vậy hay sao?

- Phải đó, Như Lai sẽ đi đến chỗ như vậy.

Nói rồi, Đức Bốn Sư ngự đi ngay đến chỗ ngụ của Jambūka nhằm lúc buổi xế chiều.

Chư Thiên suy nghĩ rằng: “Chiều nay Đức Bốn Sư ngự đến chỗ của Jambūkāṇḍivaka, mà chỗ ở của ông ta là một tảng đá, ngập tràn rác rến dơ dáy, là chỗ thiên hạ đại tiện hết sức uest trược. Vậy ta cần làm mưa gột rửa chỗ ấy.”.

Nghĩ rồi, chư Thiên dùng thần lực làm cho mưa xuống tức khắc, dội rửa tảng đá bằng cho sạch sẽ tinh khiết. Kế đó, lại có đám mưa hoa ngũ sắc rơi xuống trên mặt thạch bàn. Đến chiều, Đức Thiên Nương Sư đến chỗ

ngự của Jambūkājīvaka, Ngài cất tiếng gọi: “Jambūka.”.

Jambūka nghĩ thầm: “Không biết ông này là ai mà gọi xách mé tên ta như vậy.”. Ông hỏi “Ai đó?”.

- Như Lai đây, Jambūka ạ.
- Ông Đại Sa môn muốn nói chi?
- Ông hoan hỷ cho Như Lai tạm ngụ đêm nay ở đây nhé.
- Ở đây không có chỗ nghỉ, ông Đại Sa môn à.
- Nay Jambūka, ông đừng nên chia rẽ như vậy. Hãy hoan hỷ cho Như Lai nghỉ nhờ một đêm. Phàm là bậc xuất gia thì tập hợp với bậc xuất gia, người thế tập hợp với người thế và thú vật thì tập hợp với thú.
- Vậy ông có phải là bậc xuất gia chẳng?
- Cố nhiên ta là bậc xuất gia.
- Nếu ông là bậc xuất gia, thì bát cơm, bầu nước, những vật tùy thân của bậc xuất gia sao ông không có?
- Ta có đủ hết, nhưng mang theo làm chi nhiều thứ kèn cang, đi đứng bất tiện. Ta để nơi kín đáo, khi nào đi bát mới mang theo.

Jambūka nổi giận rằng:

- Nếu thế, ông chỉ mang theo khi đi bát mà thôi à?
- Đức Thế Tôn ôn tồn bảo:
- Nay Jambūka, đừng nóng nảy. Hãy chỉ chỗ cho Như Lai nghỉ đi.
 - Nay ông Đại Sa môn, ta đã nói: Ở đây không có chỗ nghỉ rồi mà.

Đức Bốn Sư đưa tay chỉ một sườn núi cách đó, nơi trú

của Jambūka chẳng bao xa và hỏi: “Ai ở nơi sườn núi đó?”.

- Không ai cả, ông Đại Sa môn à.
- Thế thì, ông hoan hỷ cho Như Lai nghỉ ở đó nghe.
- Nơi đó thì tùy ý ông liệu định, ông Đại Sa môn.

Đức Bốn Sư mang tọa cụ trái nơi sườn núi xong, ngự tọa nơi đó. Đêm hôm ấy, trong canh đầu Tứ Đại Thiên Vương từ bốn hướng phóng ra bốn đạo hào quang, rồi nhập chung lại, bay đến hầu Đức Thế Tôn. Jambūka trông thấy ánh sáng tự hỏi: “Ánh sáng gì đây?”. Trong canh giữa có Đức Đế Thích ngự đến, Jambūka trông thấy Ngài thì nghĩ thầm: “Ông nào vậy?”. Trong canh cuối là Đức Đại Phạm Thiên ngự đến, mỗi ngón tay của Ngài phát ra một đạo hào quang có thể soi sáng cả cõi Ta bà. Cả mười ngón tay phát ra mười đạo hào quang có thể soi cả mười phương thế giới, cho nên khi ấy toàn thể khu rừng chỗ Đức Bốn Sư ngự tọa sáng rực như một đám cháy lớn. Thấy Đại Phạm Thiên, Jambūka tự hỏi: “Ông này là ai vậy?”.

Sáng sớm hôm sau, Jambūka đi đến chỗ ngự của Đức Thế Tôn, chào hỏi thân thiện rồi đứng nép một bên, hỏi Ngài rằng:

- Nay ông Đại Sa môn, hồi đầu hôm có ông nào mà hào quang chói sáng cả bốn góc trời đến chỗ của ông vậy?
- Đó là Tứ Đại Thiên Vương.
- Mấy ông đến chi vậy?
- Đến để hầu hạ Như Lai.
- Nói vậy thì ông cao thượng hơn cả Tứ Đại Thiên Vương hay sao?
- Phải đó Jambūka, Như Lai quả thật là vị Tối Thượng Vương (atirāja) trên hết các vì vua.

- Còn lúc canh giữa, ông nào đến vậy?
- Thiên Vương Đế Thích.
- Ông đến chi vậy?
- Đến để hầu hạ Như Lai.
- Nói vậy, ông cũng cao thượng hơn Thiên Vương Đế Thích nữa sao?

- Phải đó, Jambūka. Như Lai cao thượng hơn cả Đế Thích. Ông ta là người nuôi bệnh và hầu hạ cơm nước, thuốc men của Như Lai cũng như vị Sa di vậy.

- Còn trong canh chót, ông nào đến mà hào quang chói sáng khắp cả khu rừng vậy?

- Ông đó là Đại Phạm Thiên mà các thầy tế lễ như các thầy Bà la môn trên cõi thế đều nương nhờ kính ngưỡng, và mỗi khi trở về, mấy ông thường niệm: “Nam mô Đại Phạm Thiên.” Đó.

- Nói vậy, ông còn cao thượng hơn Đại Phạm Thiên nữa sao?

- Phải đó Jambūka! Như Lai quả là vị tối thượng Phạm Thiên, trên tất cả Đại Phạm Thiên.

- Chà! Ông Đại Sa môn thật là bậc phi thường. Ta ở nơi đây ròng rã năm mươi năm rồi, mà trong mấy ông đó không một ông nào đến để hầu hạ ta cả. Mặc dầu suốt cả thời gian dài đằng đằng ta tu khổ hạnh, lấy gió làm vật thực, mà cũng chưa được mấy ông ấy đến hầu hạ như đối với ông bao giờ.

Khi ấy Đức Bốn Sư bảo:

- Này Jambūka! Nhà người quen thói dối gạt đại chúng mù quáng si mê, bây giờ định dối gạt cả Như Lai

nữa sao? Trong thời gian năm mươi năm qua, người há đã chẳng lấy phân làm cơm, lấy đất làm giường, lấy da mẹ đẻ làm y phục, lấy sống lá thốt nốt làm đồ nhổ tóc hay sao? Thế mà người dám lừa dối thiên hạ nói rằng: “Ta chỉ lấy gió làm cơm, đứng mãi một chân chớ không ngồi, nằm chi cả.”. Trong quá khứ, người đã có kiến thức đề hèn, nên hiện tại phải chịu ăn phân, nằm đất, lỏa thể và nhổ tóc bằng sống thốt nốt trong bấy nhiêu lâu. Vậy mà giờ đây người còn cố chấp các thứ tà kiến tội lỗi đề hèn ấy mãi ư?

- Trước kia ta đã tạo nghiệp gì đâu, ông Đại Sa môn?

Khi ấy Đức Bốn Sư mới chỉ rõ tiền nghiệp của Jambūka cho ông ta biết.

Nghe Đức Thầy giải đến đâu, Jambūka phát sanh kinh cảm đến đó, hết sức ghê sợ và hổ thẹn tội lỗi của mình. Ông bắn khoản hồi hận. Ngay khi ấy, Đức Thế Tôn ném cái choàng tằm (Udakasātaka) xuống, bố thí cho ông ta. Ông vận y rồi, đứng lên đánh lễ Đức Thầy và ngồi xuống một bên.

Bấy giờ, Đức Bốn Sư mới đem tuần tự pháp thoại mà thuyết cho Jambūka nghe. Nghe dứt thời pháp, ông chứng đắc A La Hán quả với Tuệ phân tích, bèn cúi xuống đánh lễ Đức Tôn Sư, đoạn đứng lên ngỏ lời xin Ngài cho ông xuất gia và cho thọ luôn Cự túc giới.

Như thế là từ đây, bao nhiêu nghiệp báo tiền khiên của Tỳ khưu này đã hết sạch. Tội mạng sát vị Đại đức Lậu Tận bằng bốn thơ ác ngữ của ông trong thời quá khứ đã làm cho địa đại rộng khoảng hai do tuần phải rung động. Sau khi mạng chung, ông đã bị thiêu đốt trong địa ngục A Tỳ, quả dư sót khiến ông thọ khổ trong năm mươi lăm năm qua, đến nay mới chấm dứt. Còn phần phước ông đã tạo bằng sự thực hành Sa môn Pháp trong hai muôn năm trước không vì tội kia mà hư hoại, cho nên Đức Bốn Sư đưa

thăng cánh tay mặt của Ngài ra, phán bảo:

- Thiện lai Tỳ khưu! Lại đây Tỳ khưu, ông hãy thực hành phạm hạnh đi.

Ngay lúc ấy, ông Jambūka mất hẳn hình dáng người cư sĩ. Trông ông có vẻ nghiêm trang đạo mạo như Đại đức có sáu mươi tuổi hạ, có đầy đủ tám món vật dụng Sa môn (y, bát, dây lưng, dao cạo, ống đựng kim, bình lọc nước).

Dân chúng trong hai xứ Aṅga và Magadha đều nghe danh của Jambūka, nên ngày nào cũng mang lễ vật đến cúng dường ông. Sáng hôm ấy, khi họ đến trông thấy Đức Như Lai thì phân vân tự hỏi: “Không biết Đại đức Jambūka của mình với Sa môn Gotama, ai lớn hơn ai?”. Rồi họ tự giải đáp rằng: “Nếu như Sa môn Gotama lớn hơn thì Đại đức của mình phải đi đến chỗ của ông ta. Đằng này, Sa môn Gotama đi đến tìm Đại đức của mình thì chắc hẳn là Đại đức của mình lớn hơn rồi vậy.”.

Đức Bốn Sư hiểu rõ tư tưởng của đại chúng, bèn phán:

- Này Jambūka! Ông hãy đoạn nghi cho tín đồ của ông đi.

- Bạch Ngài, con cũng định làm như vậy.

Rồi Ngài Jambūka nhập vào Tứ thiền, đoạn đứng dậy bay bổng lên cao cỡ khoảng cây thốt nốt, tuyên bố rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn, Ngài là Đức Tôn Sư còn con là Thinh Văn đệ tử của Ngài.

Nói rồi, từ trên hư không ông đáp xuống đánh lễ Ngài, đoạn bay lên cao độ hai cây thốt nốt, cao khoảng ba cây thốt nốt...cho đến lần cuối cao khoảng bảy cây thốt nốt, tuyên bố lên như trước, đoạn hạ xuống đánh lễ Đức Thế Tôn, cho đại chúng biết mình là Thinh Văn của Đức

Thế Tôn.

Thấy vậy, đại chúng nghĩ thầm: “Ôi! Ân đức của Đức Phật thật là vô thượng, phi thường.”.

Nhân lúc quần chúng phát tâm tín ngưỡng, Đức Bốn Sư thuyết pháp để phá chấp tà kiến của họ, Ngài bảo:

- Tỳ khưu này, bấy lâu nay cho rằng mình ở đây hành đạo cao thượng(papacaraṇa), cho nên lễ vật của các người đem dâng cúng, ông chỉ lấy ngọn cỏ thơm, vít một chút để lên chót lưỡi mà thôi. Nhưng cho dầu lúc trước, ông có tu hành khổ hạnh như thế cả trăm năm đi nữa, việc làm ấy của ông chẳng có giá trị bằng một phần mười sáu của người hiểu thông chân lý nhin ăn một bữa cơm vì có tâm nghi ngại sợ ô nhiễm phạm hạnh của mình.

Tiếp theo, Đức Bốn Sư thuyết pháp, giải rộng thêm, rồi đọc lên kệ ngôn rằng:

“Māse māse kusaggena,
Bālo bhuñjeyya bhojanam;
Na so saṅkhātadhammānam,
Kalam agghati soḷasinti.”

*“Người ngu tháng tháng như nhau,
Ăn chút vật thực bằng đâu cỏ thơm.*

*So người chứng đắc pháp chơn,
Một phần mười sáu không hơn được mà.”*



CHÚ GIẢI:

Theo nghĩa lý bài kệ trên, người ngu (bālo) không thông hiểu chánh pháp, đã xuất gia tu theo tà giáo ngoại đạo, không tôn trọng giới luật chẳng hạn. Cho nên mới nghĩ rằng: “Ta quyết tu khổ hạnh cho đến mức rất ráo.”.

Thế rồi tháng này tháng khác, người ấy chỉ thọ thực chút ít bằng đầu ngọn cỏ thơm, nhưng đầu ép xác như thế cả một trăm năm, công phu của người ấy cũng không có giá trị bằng một phần mười sáu của người chứng đắc chơn lý.

Saṅkhātadhamme: Pháp Giác ngộ tức là pháp tri kiến (ñātadhammo), pháp Quán xét (tūlitadhammo), ở tầng dưới có pháp Giác ngộ của bậc Tu Đà Hườn, còn ở tầng trên có pháp của bậc Lưu Tận, là pháp bậc Thánh nhân, mà người ngu không thể bì kịp một phần mười sáu của các bậc ấy.

Nếu đem so sánh: Tác ý (cetanā) của những người ngu rảnh hành khổ hạnh như vậy suốt cả một trăm năm, với tác ý của bậc Giác ngộ chơn lý chịu nhin một bữa ăn để cho tâm mình khỏi tắc trách, hối hận thì tác ý trước tuy có lâu dài, nhưng giá trị cũng chẳng bằng một phần mười sáu của tác ý sau vậy.

Và lại, nếu đem quả phước do tác ý của người chứng ngộ chơn lý mà chia ra làm mười sáu phần nhỏ nữa, thì một phần nhỏ của quả phước này cũng còn to lớn gấp bội công phu khổ hạnh của người ngu kia.



Khi Đức Bốn Sư chấm dứt pháp thoại, có đến bốn muôn tám ngàn chúng sanh giác ngộ chân lý.



Dịch Giả Căn Đề

*Hành khổ mong cho thoát khổ sâu,
Tu theo tà kiến, khổ thêm lâu,
Ăn dơ, lấy bụi thay quần áo,
Ngủ đất, dùng cây nạo tóc râu.
Quả ác trở qua ngày cuối chót,
Căn lành nhớ lại hạnh ban đầu,
Ngồi nghe Phật thuyết kinh tuần tự,
Hào Cầu Ty khưu đắc đạo mau.*

DỨT TÍCH JAMBŪKĀJĪVAKA





70. *Senseless austerities of reduced eating are not worth a fragment of grasping the Dhamma.*

70. Những Pháp khô hạnh nhịn ăn ngu xuẩn không có giá trị bằng một ít kiến thức của người hiền Chánh pháp.

V. 12- Tích NGẠ QUI MÌNH RẮN

(*Ahipetavatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 71)

“Na hi pāpaṃ kataṃ kammaṃ,
Sajju khīraṃ’va muccati;
Ḍahantaṃ bālaṃanveti,
Bhasmācchanno’va pāvako.”

“*Nghiệp ác như sữa bò,
Mới vắt chưa nổi dậy,
Như lửa ngùn dưới tro,
Ngâm theo đốt kẻ quấy.*”

Kệ Pháp Cú này, Đức Bốn Sư thuyết ra khi Ngài an ngự tại Veluvana, đề cập đến con ngạ qui mình rắn (ahipeta).

Quả nhiên, một ngày nọ, Đại đức Lakkhaṇa (Thiện Tướng), nguyên là một trong số cả ngàn cựu đạo sĩ hỏa giáo (Jatila) rủ Đại đức Moggallāna cùng đi vào thành Rājagaha khất thực. Trong lúc hai Ngài từ trên núi Gijjhakūṭa (Kỳ Xà Quật) đi xuống. Đại đức Moggallāna trông thấy con ngạ qui mình rắn nên mỉm cười. Đại đức Lakkhaṇa vì không có thiên nhãn, nên ngạc nhiên hỏi:

- Vì cố chi mà đạo hữu mỉm cười?

- Thừa đạo hữu, bây giờ không phải là lúc trả lời câu hỏi của đạo hữu, đạo hữu hãy hỏi tôi khi nào chúng ta gặp mặt Đức Thế Tôn.

Sau khi đi bát vào trong thành Rājagaha trở ra, hai bạn đồng đạo đến đánh lễ Đức Thế Tôn. Ngồi yên chỗ xong, Đại đức Lakkhaṇa liền hỏi rằng:

- Này đạo hữu Moggallāna! Lúc ở trên núi Gijjhakūṭa đi xuống, thấy bạn mỉm cười, tôi có hỏi cho rõ nguyên do, bạn bảo rằng: Nên hỏi bạn trước mặt Đức Thế Tôn. Vậy bây giờ bạn hãy giải rõ việc ấy đi.

Đại đức Moggallāna liền đáp:

- Thừa đạo hữu, buổi sáng nay tôi có mỉm cười khi trông thấy con ngạ quỷ mình rắn. Con quỷ dị hình này, đầu giống như đầu người, còn thân thì suôn đuột giống như mình rắn (ahipeta), bề dài của nó ước độ hai mươi lăm do tuần. Từ trước đầu nó, ngọn lửa bốc cháy lên dài tới sau đuôi, rồi lại bắt đầu từ đuôi cháy ra hai bên, cháy ngược tới trước đầu, hoặc từ giữa mình bốc lửa lên cháy lan ra hai bên, rồi từ hai bên mình bốc lên cháy ra hai phía, rồi từ hai phía bốc cháy nhập lại khúc giữa.

Theo tục truyền rằng: Về giống ngạ quỷ này có hai con, mình dài đến độ hai mươi lăm do tuần, kỳ dư những con khác chỉ dài độ ba phần tư do tuần mà thôi. Thứ dài hai mươi lăm do tuần như con mình rắn trên đây là một. Còn một con nữa là con ngạ quỷ Ô Nha (kākapeta), hình thù như con quạ.

Con sau này, Đại đức Moggallāna cũng thấy trên đỉnh núi Gijjhakūṭa. Thấy nó bị lửa thiêu đốt, Đại đức có thuyết kệ hỏi tiền nghiệp của nó như vậy:

“Pañcayojanikā jivhā,
Sīsante navayojanam;
Kāyo accuggato tuyham,
Pañcavīsatiyojanam;

Kinnu kammaṃ karitvāna,
Pattosi dukkhamīdissanti.”

Lược dịch:

*“Với lưỡi năm do tuần,
Đầu người chín do tuần,
Mình người dài thườn thượt,
Hai mươi lăm do tuần,
Do nghiệp gì kiếp trước,
Người thọ khổ hiện thân?”*

Ngạ quỷ đáp:

“Ahaṃ bhante Moggallāna
Kassapassa mahesino
Saṅghassābhihaṭaṃ bhattam
Āharesiṃ yathicchakanti.”

Lược dịch:

*“Bạch Đại đức Mục Kiền Liên
Thời Ca Diếp đại hiền,
Lúc Tăng chưa thọ bát,
Con ăn vụng trước tiên.”*

Tiếp theo bài kệ, ngạ quỷ kể tích rằng:

- Bạch Ngài, trong thời kỳ Đức Phật Kassapa, có nhiều vị vào làng khất thực. Dân trong làng thấy chư Tăng thì phát tâm ái mộ, nên cung thỉnh quý Ngài vào an ngự trong nhà khách sảng, lấy nước rửa chân quý Ngài rồi thoa xức đầu. Kế đó, họ dựng cháo điểm tâm và đồ ngọt giải lao. Trong khi chờ đến giờ để cúng dường cơm ngọ, họ xúm nhau ngồi nghe thuyết pháp.

Sau thời pháp, các thánh giả xin thỉnh bát không của quý Ngài, rồi mạnh ai nấy về nhà của mình, lựa toàn cao lương mỹ vị để đầy mỗi bát mà đem đến khách đường.

Lúc bấy giờ, con là một con quạ đang đậu trên mái nhà khách, thấy vậy mới bay xuống mổ ăn ba lần ba vắt cơm bát. Cơm ấy Đại đức Tăng chưa nhận lãnh cũng như chưa kiểm soát rồi bố thí, cũng không phải là cơm của thí chủ từ nhà mình đem đến, với tác ý cúng dường đến toàn thể Đại đức Tăng.

Vì ăn trước ba vắt cơm ấy, và cũng chỉ có tiền ác nghiệp ấy thôi, mà đến khi mạng chung con phải trả quả, bị thiêu đốt trong lửa địa ngục A Tỳ, quả còn dư sót nên giờ đây phải hóa sanh làm ngạ quỷ Quạ (kākapeta) ở trên núi Gijjhakūṭa, để chịu khổ như thế này đây.

Trên đây là tiền tích của ngạ quỷ Quạ, đã thuật lại với Đại đức Moggallāna.

Hôm nay, trước mặt Đức Thế Tôn, Đại đức quả quyết rằng:

- Tôi đã mỉm cười khi thấy ngạ quỷ mình rắn.

Bấy giờ, Đức Bốn Sư xác nhận lời của Đại đức và phán:

- Này các Tỳ khưu, Moggallāna đã nói sự thật. Chính Như Lai từ ngày đắc quả Chánh Giác cũng đã từng thấy ngạ quỷ rắn ấy nhưng không nói cho người khác biết vì nghĩ rằng: “Những ai không tin lời Như Lai, ắt gặp sự bất lợi.”.

Sau khi minh chứng, xác nhận sự mục kích của Đại đức Moggallāna cùng với Lakkhaṇa trong buổi sáng hôm ấy, Đức Bốn Sư thuyết về nhị thập điều (Visativatthūni: Có lẽ hai mươi phạm sự của bậc Sa môn: là

setthabhūmissayo... sikkhāpadāripūrī (xin xem “Kho tàng Pháp Bảo” của Đại đức Bửu Chơn).

Nghe Pháp xong, chư Tỳ khưu còn muốn biết sinh tiền nghiệp của ngạ quỷ mình rắn, nên bạch hỏi Đức Bốn Sư. Ngài từ bi thuyết tiếp sự tích sau đây:

Tương truyền rằng: Trong thời dĩ vãng xa xưa, có nhiều người hiệp nhau cất lên một thảo xá (paṇṇasālā) ở cạnh bờ sông gần thành Bārāṇasī, rồi dâng đến Đức Phật Độc Giác.

Từ khi an ngự nơi đó, Ngài vẫn thường thường đi vào khất thực trong thành.

Dân chúng trong thành cũng quen lệ, sáng và chiều mang theo lễ vật như hương hoa đi cúng dường Đức Phật Độc Giác. Con đường của mọi người đi viếng Đức Phật xuyên qua đám ruộng cây của một thanh niên nọ, cũng là dân ở trong thành Bārāṇasī. Vì thế, mỗi ngày hai lần sáng và chiều, tất cả đại chúng đi đến thảo xá của Đức Phật Độc Giác, ai cũng giẫm đạp lên đám ruộng của thanh niên ấy.

Chàng trai đã nhiều phen can ngăn không cho quần chúng giẫm đạp lên đất ruộng của mình, nhưng cũng vô hiệu. Tức quá, không biết làm cách nào khác, chàng ta nghĩ quấy rằng: “Nếu như không có thảo xá của vị Sa môn ở đây, thì họ bắt đường lui tới, đâu có đạp bừa lên ruộng của ta.”.

Vì qui tội cho thảo xá của Đức Độc Giác Phật, nên chàng nông phu thừa lúc Ngài đi vào thành khất thực, chàng đập phá những đồ vật dụng của Ngài tan nát, rồi châm lửa đốt luôn cọc lá.

Khi thấy chỗ ngụ của mình đã cháy tiêu, Đức Phật Độc Giác rời bỏ chỗ ấy đi, không chút gì luyến tiếc.

Đại chúng mang hương hoa đến, trông thấy cốc bị cháy, hỏi chuyện nhau rằng: “Không biết Đại đức của chúng ta đi đâu?”. Chàng trai khi ấy cũng có mặt trong nhóm đại chúng, đến chỗ cốc cháy, chàng đứng giữa đám đông tự khoe rằng: “Chính tay tôi đã đốt thảo xá của ông ấy.”.

Quần chúng nổi giận la lên: “Hãy giữ chặt tên ấy. Tại vì nó gây tội ác mà chúng ta không còn được gặp Đức Phật Độc Giác nữa.”. Rồi kẻ tay chân, người gây gộc đánh đập chàng nông dân ấy đến vong mạng. Chết rồi, chàng ta bị đọa xuống A tỳ địa ngục, bị thiêu đốt mãi mãi, cho đến khi địa đại cao lên thêm một do tuần mới thoát khỏi nơi đó. Vì còn dư sót quả, chàng ta phải hóa sanh ngạ quỷ Rắn, ở trên núi Gijjhakūṭa hiện nay vậy.

Khi thuật hết tích trên đây, Đức Bốn Sư kết luận rằng:

- Này các Tỳ khưu, nghiệp ác bao giờ cũng giống như sữa tươi vậy. Hễ sữa tươi mới vắt ra không biến chất như thế nào thì nghiệp ác bao giờ khi làm chưa thuần thực như thế ấy. Nhưng khi nghiệp quả chín mùi thì lúc bấy giờ kẻ ác phải mang lấy thống khổ triền miên vậy.

Đức Thế Tôn thuyết pháp giải rộng thêm nghĩa lý trường hợp trên đây, rồi Ngài kết thúc bằng bài kệ này:

“Na hi pāpaṃ kataṃ kammaṃ,
Sajju khīraṃ’va muccati;
Dahantaṃ bālaṃanveti,
Bhasmācchanṇo’va pāvakoti.”

“Nghiệp ác vừa mới làm ra,
Như sữa mới nặn khó mà đông ngay.
Tro tàn lửa ngùn còn đây,
Ngâm theo kẻ ác, hằng ngày đốt thiêu.”

CHÚ GIẢI:

Sajju khīraṃ: Sữa tươi mới nặn, là sữa từ trong vú bò cái mới nặn ra.

Muccati: Là chín mùi, biến chất, nổi dậy. Sữa bò để lâu mới biến chất thành chua hoặc có đóng váng trên mặt, hoặc đông đặc lại, chớ lúc mới vừa nặn ra nó chưa bị mất tính chất sữa tươi của nó. Cho nên người làm sanh tô, lạc, đề hồ cần phải ủ sữa và chờ đợi một thời gian mới có kết quả.

Nghiệp ác cũng vậy, khi mới vừa làm nó chưa trở quả liền ngay lúc ấy. Nếu quả ác thuần thực ngay thì không có ai dám tạo ác nghiệp cả. Những kẻ làm ác sở dĩ còn sống an nhiên do nhờ nghiệp lành quá khứ còn duy trì Ngũ uẩn hiện tại. Nhưng sau khi Ngũ uẩn phân ly, nghiệp quả thuần thực, những người ấy sẽ sa đọa vào khổ cảnh ác thú chẳng sai.

Dahantaṃ bālaṃanveti: Ngâm theo đốt kẻ ngu.

Bhasmācchanṇo pāvako: Như lửa ngùn dưới tro. Thật thế, than lửa bị vùi lấp dưới tro nóng thì không cháy lên ngọn, vì có tro che. Nhưng ai vô ý cào lớp tro mặt mà đụng nhằm lửa than thì sẽ bị phỏng da mặt, cháy tay ngay và sẽ có cảm giác nóng dữ dội như lửa cháy xém tới trong óc.

Cũng như thế, sau khi tạo nghiệp ác, kẻ ngu bị nghiệp theo đốt mãi mãi, nhứt là bị sa hỏa ngục trong kiếp thứ hai hoặc kiếp thứ ba chẳng hạn.



Khi thời pháp chấm dứt, nhiều vị Tỳ khưu chứng đắc Thánh quả, nhứt là Tu Đà Hườn quả.



Dịch Giả Căn Đề

*Gặp Phật mà không tạo phước gì,
 Còn gây tội ác rõ ngu si,
 Ruộng kia trồng trái, ngăn người đến,
 Đường nọ liền trơn, cấm chúng đi.
 Vọng chấp tu điên, đồ địa chất,
 Hòa thiên thảo xá, cảnh Liên trì,
 Nay làm ngạ quỷ mình như rắn,
 Thọ khổ trường miên khó thoát ly.*



DỨT TÍCH NGẠ QUỖ MÌNH RẮN



71. Results of evil acts ripen not as swiftly as curdling milk. They smoulder like sparks under ash.

71. Hậu quả ác nghiệp không chín ngay, cũng như sữa không đông ngay. Chúng cháy ngầm như đốm lửa dưới tro tàn.

V. 13- Tích NGẠ QUI BỊ BÚA ĐẬP ĐẦU

(*Saṭṭhikūṭapetavatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 72)

“Yāvadeva anattāya,
Ñattam bālassa jāyati;
Hanti bālassa sukkaṃsaṃ,
Muddham assa vipātayanti.” *“Trí danh và tai hại,
Đồng đến với kẻ dại,
Phá thiện pháp để dành,
Đập đầu y tan hoại.”*

Kệ Pháp Cú này, Đức Bốn Sư đã thuyết ra khi Ngài an ngự tại Veluvana, đề cập đến ngạ qui bị búa đập đầu (*Saṭṭhikūṭapeta*). Quả nhiên, cũng như trong truyện tích trước, khi Đại đức Moggallāna đang đi với Đại đức Lakkhaṇa từ trên núi Gijjhakūṭa xuống, đến một địa điểm nọ, Ngài mỉm cười. Để trả lời câu hỏi về lý do của cái cười này, Ngài bảo bạn đồng hành:

- Đạo hữu nên hỏi tôi trước mặt Đức Bốn Sư.

Thế rồi, sau khi đi bát xong, hai vị Đại đức đồng đến bái kiến Đức Bốn Sư. Khi ngồi xuống đã yên nơi rồi, Đại đức Lakkhaṇa nhắc lại câu hỏi buổi sáng.

Đại đức Moggallāna đáp: “Thưa đạo hữu, tôi đã thấy một con ngạ qui thân hình cao lỏi ba phần tư do tuần. Phía trên đầu nó có đến sáu muôn cái búa sắt chày lên ngọn lửa, bay lên giáng xuống không ngớt, đập đi đập lại sọ óc của nó nát tan, rồi lại huờn như cũ. Từ trước đến giờ, tôi chưa từng gặp chúng sanh nào có hình thù như thế, nên nay thấy nó, tôi mỉm cười.”

Trong kinh: Chuyện ngạ qui (*Petavatthu*) có bài kệ như vậy:

“Saṭṭhī kūṭasahassāni,
Paripuṇṇāni sabbaso;
Sīse tuyhaṃ nipatanti
Obhindanteva matthakanti.”

Lược dịch:

“Sáu muôn búa sắt,
Đều đủ một loạt,
Rớt xuống đầu người,
Đập cho nó nát.”

Bài kệ này đề cập đến con ngạ qui mà Đại đức Moggallāna vừa mới gặp thấy đây vậy.

Khi nghe Đại đức Moggallāna vừa nói dứt lời, Đức Bốn Sư xác nhận rằng:

- Này các Tỳ khưu, Như Lai cũng đã từng thấy chúng sanh ấy từ khi đắc quả Chánh Đẳng Giác dưới cội Bồ Đề, nhưng vì lòng bi mẫn, Như Lai không hề thổ lộ với những người khác, vì e có những kẻ không tin lời Như Lai sẽ gặp phải điều bất hạnh. Bây giờ, đã có Moggallāna là nhân chứng, nên Như Lai mới nói rõ ra đây.

Nghe vậy, chư Tỳ khưu bạch xin Đức Thế Tôn giải về tiền nghiệp của con ngạ qui nát đầu. Do đó, Đức Bốn Sư thuyết sự tích sau đây:

Tương truyền rằng: Thời quá khứ trong thành Bārāṇasī có người đàn ông què, nhưng y có tài về thuật búng giàn thun (*Sālittakasippa*) bá phát bá trúng.

Hằng ngày, anh ta đến ngồi dưới gốc một cây đa to tại cổng vào thành. Lũ trẻ con trong làng xúm nhau yêu

cầu: “Chú lấy sạn bắn thủng lá cây da cho thành hình con voi coi chú, cho thành hình con ngựa coi chú...”.

Nhờ biểu diễn tài bắn đạn cho nhóm nhi đồng coi thỏa thích, nhà thiện xạ què được chúng đem cơm bánh, vật thực đến cho anh ta ăn.

Một hôm, có đoàn xa giá đức vua ngự đi đến tại gốc cây da tại cổng thành. Lũ trẻ lôi anh què vào giữa những chùm rễ phụ của cây da rồi bỏ chạy trốn hết.

Đức vua ngự vào đứng tại gốc cây da để nghỉ mát, Ngài thấy bóng râm phủ lên long thể loang lổ khác thường. Ngài tự nghĩ: “Sao kỳ lạ thế?”. Khi ngược nhìn lên thấy những hình voi, ngựa... theo các lỗ thủng trong tàng lá cây, đức vua phán hỏi: “Ai đã làm việc này?”.

Khi nghe thị thần đáp là: “Anh què làm.”, đức vua cho đòi anh ta đến trước long nhan và phán rằng: “Viên Ngự sử (purohito) của trăm rất già hàm lợi khẩu. Dầu trăm có cố gắng khuyên nhủ nhiều phen, ông ta vẫn cứ lảm lời, khiến trăm phải bức bối khó chịu. Nhà người có thể bắn chũm một gáo phân dê vào miệng ông ta được không?”

- Tâu hoàng thượng, được. Xin hoàng thượng cho người đặt con ngời sau bức rèm có khoét lỗ nhỏ. Rồi hoàng thượng cùng ngời với quan Ngự sử phía ngoài. Con sẽ có cách thừa hành thánh lệnh.

Đức vua làm y theo kế của anh què.

Anh này lấy mũi dao nhọn khoét một lỗ trống trong bức rèm, rồi theo đó phóng viên phân dê vào miệng vừa hả ra của viên Ngự sử đang ngồi lý luận với đức vua. Mãi mê hùng biện để thuyết phục đức vua, vị quan già không hay biết có chuyện khác thường. Hễ lộn phần nào lọt vào miệng là ông ta nuốt luôn viên phần ấy với nước miếng.

Khi đã bắn hết phân dê, anh què lay động bức rèm. Đức vua nhận được mật hiệu của anh ta, biết là phân dê đã hết, bèn phán bảo viên Ngự sử: “Nầy khanh Đại học sĩ (ācariya), quả nhân chịu thua, không thể nào biện luận hơn khanh nổi, vì khanh già hàm lợi khẩu quá! Nuốt hết gáo phân dê rồi mà khanh chưa chịu ngậm miệng làm thinh.”.

Vị quan Bà la môn hết sức hổ thẹn, từ đó không thể mở miệng nói thêm lời nào với đức vua nữa.

Đức vua hài lòng, triệu anh què vào cung và phán rằng:

- Nhờ khanh mà trăm mới được an vui.

Đoạn nhà vua ban thưởng cho anh ta đủ thứ phẩm vật, và còn ân tứ thêm bốn làng trừ phú (gāmavara) ở bốn phía thành.

Khi hay biết chuyện này, vị quân sư (amacco) đặc lực của đức vua có thuyết kệ rằng:

“Sādhū kho sippakannāma,

Api yādisakīdisam;

Passa khañjappahārena,

Laddhā gāmā catuddisāti.”

“Nếu tập luyện cho tinh,

Nghề nào cũng là vinh,

Như anh què bắn sạn,

Được làng bốn phương thành.”

Vị quân sư lúc bấy giờ chính là Như Lai ngày nay vậy.

Thời ấy, có gã nam tử (puriso) trông thấy anh què được hiển vinh phú túc, tự nói thầm rằng: “Ông què này còn được tài sản lớn lao, chỉ nhờ vào tài bắn sạn. Vậy ta

cũng cần học tập nghề ấy.”.

Nghĩ rồi, thanh niên đến bái kiến ông què để xin thọ giáo.

Chàng nói:

- Xin giáo sư (ācariya) truyền nghề bắn sạ cho con.
- Ta không thể truyền nghề bắn sạ cho chú em được.

Tuy bị từ chối, thanh niên cũng không nản chí, cứ lần la chịu đựng, nắm bóp tay chân, phục thị ông thầy què, quyết làm cho ông hài lòng mà thâm nạp mình làm đệ tử. Lâu lâu, mỗi khi thấy thầy có vẻ vui, chàng nhắc lại lời yêu cầu.

Về sau, ông xạ sư cũng siêu lòng, không nỡ phụ rầy công lao khó nhọc của người hầu hạ, ông mới đem hết sở trường của mình truyền lại cho y. Khi thanh niên đã tinh thông nghề bắn sạ, giáo sư hỏi chàng: “Bây giờ con đã thành nghề, vậy con định sẽ làm gì sau khi xuất sư?”.

- Thưa thầy, con sẽ ra đi để thực hiện tài nghệ của con.

- Nghĩa là con sẽ làm gì?

- Dạ thưa, con sẽ hạ sát bò cái hay là người ta bằng một phát đạn.

- Con ơi, con bắn chết bò cái thì phải bồi thường một trăm đồng vàng, còn bằng bắn chết người thường dân thì phải bồi thường ngàn đồng vàng nhân mạng. Con đem bán vợ đợ con mà mang tai họa đổ con. Trừ khi vật gì không gia tộc, cha mẹ vợ con chi, khi bị bắn thì không có ai đòi tiền thiệt hại.

- Thưa sư phụ, vâng.

Đoạn chàng ta lượm sạ bỏ đây một cái bao nhỏ

mang theo kè trên bắp vế, ra đi tìm mồi. Gặp con bò cái, gã không dám hạ sát, vì nghĩ rằng: “Con bò này có chủ.”.

Thời bấy giờ, có vị Đức Giác Phật (Paccekabuddha) hồng danh là Thiện Nhân, Ngài an cư trong một thảo xá ở phụ cận thành. Lúc ấy, Ngài đi vào thành khát thực, còn đang đứng tại cổng thành.

Thấy Ngài, thanh niên nghĩ rằng: “Ông này không cha, không mẹ, không bà con họ hàng chi cả, có bắn chết ông ta cũng không ai đòi bồi thường nhân mạng. Vậy để ta bắn ông này thí nghiệm tài nghệ của ta.”.

Giương giàn thun thẳng cánh, thanh niên nhắm ngay lỗ tai phải của Đức Phật Độc Giác, bắn ra một phát. Viên sạ bay vào lỗ tai phải, rồi lọt ra ngoài theo lỗ tai trái. Đức Phật Độc Giác thọ khổ thái quá, không đi bát được nữa, nên bay về thảo xá và Vô dư Níp Bàn.

Dân chúng thấy vắng bóng Đức Phật đi trì bình, nghĩ: “Chắc có lẽ Ngài đau yếu chi chăng?”.

Khi đến thảo xá, trông thấy Ngài đã viên tịch, ai cũng thở than, khóc lóc.

Thấy thiên hạ kéo nhau đến thảo xá, thanh niên cũng đi theo. Đến chỗ nhục thể của Đức Độc Giác, chàng tự thú nhận rằng mình đã hạ sát Ngài: “Ông này đi vào thành khát thực, còn đang đứng giữa cổng, ngay trước mặt tôi. Hôm nay là ngày tôi xuất sư, nên tôi bắn ông ta để thử tay nghề đó.”.

Đại chúng đồng thanh la ó: “Giữ chặt nó lại, giữ chặt nó lại. Hắn đã tự xưng là thủ phạm bắn chết Đức Phật Độc Giác của chúng ta.”. Thế rồi, phần đông xúm nhau đánh đập gã thanh niên sát nhân cho đến khi y mệnh chung. Chết rồi, chàng ta bị đọa vào hỏa ngục Vô Gián (Avīci), bị thiêu đốt rất lâu, cho đến thời địa cầu này dày thêm một

do tuần, mới thoát khỏi nơi đó. Do quả còn dư sót, chàng ta hóa sanh làm con ngựa quí bị búa đập đầu ở trên núi Gijjhakūṭa.

Thuật dứt câu chuyện này, Đức Bốn Sư kết luận rằng:

- Nầy các Tỳ khưu! Phàm là người ngu mà được nghề nghiệp thiện xảo hoặc của tiền quyền chức, thì họ tự hại lấy bản thân như thế.

Đức Bốn Sư thuyết pháp giải rộng thêm nghĩa lý, rồi đọc kệ ngôn rằng:

“Yāvadeva anattāya,
Ñattam bālassa jāyati;
Hanti bālassa sukkamsam,
Muddham assa vipātayanti.”
*“Người ngu được trí danh nhiều,
Tài cao để khiến tự chiêu tội tình.
Làm tiêu thiện pháp để dành,
Đầu y cũng phá tan thành chẳng sai.”*



CHÚ GIẢI:

Yāvadeva: Là tiếng liên từ hay tiếp tục từ (nipāto) có ý nghĩa là vô lượng vô biên (avaddipanicchedana).

Ñattam: Là trạng thái của người có kiến thức, có danh tiếng, người nào có nghề nghiệp hay nghiệp giỏi hoặc có quyền cao chức trọng thì bao giờ cũng được tiền của danh vọng, từ trong gia đình cho đến ngoài xã hội. Ai ai cũng nghe biết đến thân thế của họ một cách rõ ràng. Tiếng *Ñattam* hàm cả hai ý nghĩa như trên.

Đối với người ngu, hễ tài năng, chức nghiệp hoặc là

của tiền quyền thế phát sanh lên lúc nào thì tai họa cũng đồng thời phát sanh lên y lúc ấy. Bởi vì y ý vào trí danh ấy mà tự chiêu lấy tội vào thân.

Hanti: Phá hủy, tiêu diệt.

Sukkamsam: Là thiện pháp để dành, tức là phước tích trữ do nghiệp lành quá khứ.

Quả nhiên, trong lúc trí danh bắt đầu phát sanh lên cho kẻ ngu thì vốn thiện pháp để dành từ trước của y cũng bắt đầu suy sụp, tiêu hoại.

Muddham: Là cái đầu hay cân não, nghĩa bóng là trí tuệ.

Vipātayam: Là tiêu diệt, phá tan, đập vỡ ra. Quả nhiên, người ngu bị trí danh phá tan vỡ thiện pháp của họ, phá tan vỡ luôn cái gọi là trí tuệ, đầu não của họ nữa.



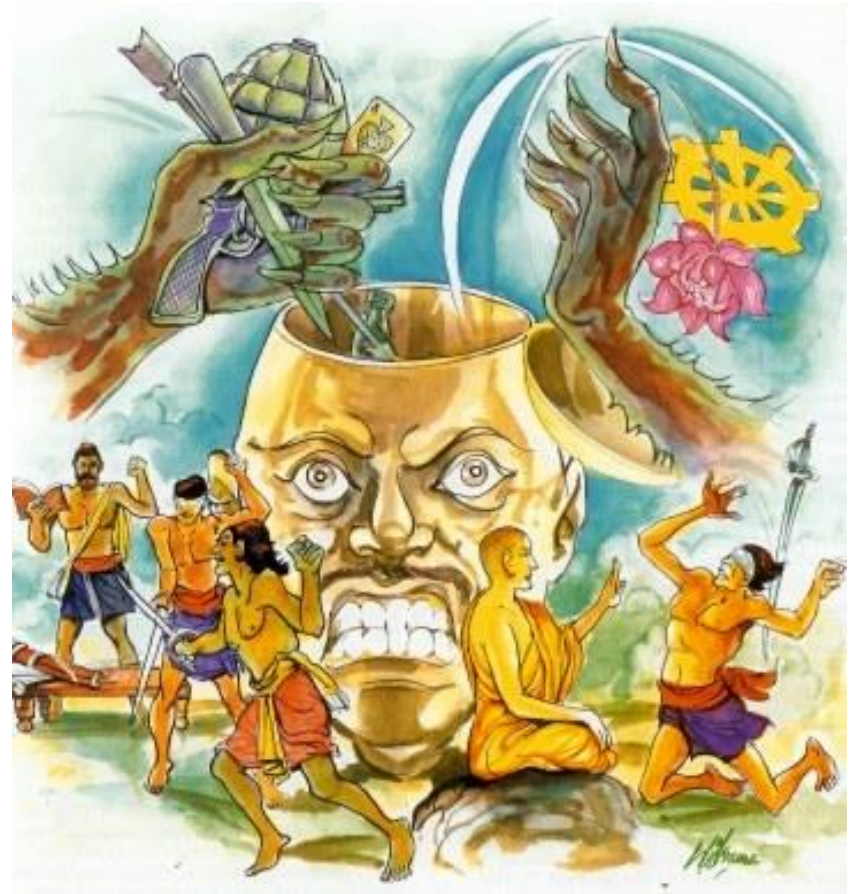
Thời pháp vừa dứt, nhiều vị Tỳ khưu đắc Thánh quả, như là quả Tu Đà Hườn.



Dịch Giả Cử Đề

*Người ngu được thế dám làm ngang,
Gặp bậc chân tu bắn giết càng,
Sạn nhỏ một viên vào óc Phật,
Búa to muôn cái đập đầu chàng.
Phô danh chưa thấy danh thêm rạng,
Tạo khổ nào hay khổ lại mang,
Hỏa ngục thiêu còn dư sót lại,
Làm thân ngạ quỷ đĩnh Linh Sơn.*

DỨT TÍCH NGẠ QUỖI BỊ BÚA ĐẬP ĐẦU



72. Learning of the unwise leads to his destruction.
Blasting his goodness it ruins him totally.

72. Kiến thức của người ngu đưa kẻ ấy đến chỗ diệt vong. Nó tàn phá vận may và hủy hoại kẻ ấy.

V. 14- Tích ĐẠI ĐỨC THIỆN PHÁP (Sudhammattheravatthu)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 73 – 74)

73. “Asantaṃ bhāvanamiccheyya
Purekkhāraṇa ca bhikkhusu;
Āvāsesu ca issariyaṃ,
Pūjā parakulesu ca.”
*“Ham danh không tương xứng,
Chức vị Tỳ khưu trưởng,
Quyền hành tại chùa chiền,
Lễ vật ngoại nhân cúng.”*
74. Mam’eva kata maññantu,
Gihī pabbajitā ubho;
Mam’eva ativasā assu,
Kiccākiccesu kismici;
Iti bālassa saṅkappo,
Icchā māno ca vaḍḍhati.”
*“Mỗi việc chính ta làm,
Tăng tục cả hai ban,
Phải tùy ta sắp đặt,
Tùng chi tiết nhỏ nhặt,
Người ngu chỉ bao hàm,
Càng ngã mạn tham lam.”*

Kệ Pháp Cú này, Đức Bốn Sư đã thuyết ra khi Ngài an cư tại Jetavana, đề cập đến Đại đức Thiện Pháp

(Sudhamma) và một cận sự nam. Chuyện ấy phát khởi từ thành Macchikāsaṇḍa (Mạc Thi Ca), về sau chấm dứt tại thành Sāvattihī (Xá Vệ).

Quả thật, trong thành Macchikāsaṇḍa (Mạc Thi Ca), có vị cư sĩ tên là Citta (Hữu Tâm), khi trông thấy Đại đức Mahānāma, thuộc nhóm năm vị Kiều Trần Như, đang trì bình khát thực, tướng mạo trang nghiêm thì sanh lòng tín ngưỡng, bèn ra rước bát và thỉnh Đại đức vào nhà để cúng dường thực phẩm.

Sau khi Đại đức thọ thực xong, ông được Đại đức thuyết pháp cho nghe, khiến ông đắc quả Tu Đà Hườn. Với đức tin kiên cố, ông muốn kiến tạo một ngôi vườn du ngoạn của mình, mệnh danh là Ambāṇakavana, thành một cảnh Già Lam của Đại đức Tăng, nên ông làm lễ dâng cúng ngôi vườn bằng cách xối nước lên tay của Đại đức Mahānāma và phát nguyện rằng: “Ngay trong sát na này, xin cho Phật Pháp được thành tựu.”. Nước xối vừa hết thì khắp mặt địa cầu đều chuyển động.

Tiếp theo đó, nhà đại gia sản lo sửa sang ngôi vườn, lập nên ngôi đạo tràng đại tự, là nơi lúc nào cũng mở rộng cửa ngõ mà đón tiếp khách Tăng tứ phương. Đại đức Sudhamma được cử làm vị trụ trì ở xứ Macchikāsaṇḍa.

Khi hay tin hai vị Thượng Thỉnh Văn của Đức Thế Tôn đi gần đến, ông Citta ra đi một quãng đường xa nửa do tuần để nghinh tiếp và đưa Ngài về chùa mình. Lo phục dịch cho hai vị khách Tăng, tẩy trần và dâng nước giải lao xong, ông ngỏ lời xin Đức Pháp Chủ (Dhammasenāpati):

- Bạch Ngài, con ao ước được nghe thuyết pháp đã lâu. Xin Ngài từ bi hoan hỷ ban bố cho con một vài lời.

- Khi ấy, Đại đức Sārīputta đáp:

- Này ông thiện nam, chư Tăng chúng tôi còn mệt mỏi vì đi đường xa, nên chỉ thuyết chút ít thôi. Vậy ông hãy rón nghe.

Trong lúc vị Pháp chủ thuyết pháp, ông Citta chú ý lắng nghe và đắc quả A Na Hàm.

Đến cuối thời pháp, ông đánh lễ hai vị Thượng Thỉnh Văn:

- Bạch hai Ngài, con xin cung thỉnh hai Ngài cùng với một ngàn vị Tỷ khưu, ngày mai đến thọ thực nơi nhà con.

Thỉnh những khách Tăng trước rồi, sau đó ông Citta mới thỉnh đến vị trụ trì là Đại đức Sudhamma: “Bạch Ngài, con cũng xin thỉnh Ngài, ngày mai đi chung với hai Ngài Đại đức.”.

Cho rằng mình bị mất mặt vì được thỉnh sau các vị khách Tăng, vị trụ trì nổi giận khước từ ngay. Mặc dầu thí chủ van nài khẩn khoản, Đại đức cũng không đổi ý.

Thấy vậy, ông thiện nam Citta đành ra về với lời từ giả:

- Bạch Ngài, xin Ngài thông cảm giùm con.

Ngày hôm sau, ông Citta ở nhà lo sắp đặt cuộc lễ Trai Tăng rất long trọng.

Từ mờ mờ đất, vị trụ trì ở chùa cũng không ngồi yên, nghĩ thầm rằng: “Để sáng mai ta đến nhà thí chủ coi ông ta cúng dường hai vị Thượng Thỉnh Văn những lễ vật thể nào cho biết.”.

Chờ khi trời sáng tỏ, Đại đức Sudhamma đắp y mang bát, đi đến nhà Citta, nhưng không chịu ngồi. Mặc dầu gia chủ có lời cầu thỉnh, Đại đức nói rằng: “Ta không ngồi đâu,

ta sẽ đi trì bình khất thực.”.

Nói rồi, Đại đức đưa mắt nhìn xem những lễ vật sắp đem cúng dường đến hai vị Thượng Thỉnh Văn, cố ý muốn xúc phạm đến dòng dõi gia chủ, mới bảo rằng:

- Này gia chủ, những lễ vật cúng dường của ông trọng thể quá, nhưng hiem vì còn thiếu một món.

- Bạch Ngài, còn thiếu món chi.

- Bánh mè (Tilasaṅkulikā), gia chủ ạ.

Nghe lời châm chích khiếm nhã, ông Citta thuật chuyện ngụ ngôn “Con quạ và con gà mái”, có ý khuyên vị trụ trì thốt ra những lời đạo đức như Phật ngôn chẳng hạn, chớ đừng dùng những tiếng lóng như tiếng “bánh mè”.

Đại đức Sudhamma bất mãn còn nóng nảy thêm, vì đổ lỗi cho ông cư sĩ, dám so sánh mình với con quạ: “Này, gia chủ, Ta sẽ ra khỏi đất chùa của ông liền bây giờ đây.”.

Mặc dầu ông Citta hết sức phân trần là mình không dám nói phạm thượng và yêu cầu Đại đức Sudhamma đến ba lượt, Đại đức cũng bỏ chùa, đi về Sāvatthī đánh lễ Đức Bốn Sư và tường trình cuộc đấu khẩu giữa Đại đức và ông Citta.

Đức Bốn Sư phán rằng: “Cận sự nam của ông là người có đức tin trong sạch, mà ông lại thô lỗ cộc cằn miệt thị người ta.”. Phán rồi, Đức Bốn Sư triệu tập Tăng chúng, dạy tụng tuyên ngôn khuyến cáo, nhắc nhở (paṭisāra-niyakamma) Đại đức Sudhamma (bài tuyên ngôn bằng Pāli có ghi trong Tạng Luật, quyển thứ 9, chương 134).

Sau khi sám hối giữa chư Tăng, Đại đức còn phải vâng lời Đức Bốn Sư trở về chùa để chịu lỗi với ông Citta nữa.

Về chỗ cũ, đến giáp mặt ông thiện nam Citta, Đại đức nói:

- Nầy gia chủ, ta đã biết lỗi, người hãy miễn lỗi cho ta.

Nhưng gia chủ Citta từ chối không chịu tha thứ, nói rằng:

- Con không thể tha thứ.

Đại đức Sudhamma ngổ ngàng quá, không mở miệng được, vì nhớ lại chuyện mình đã cương quyết bác bỏ lời thỉnh cầu của ông ta. Đại đức làm thỉnh quay về Sāvattthi một lần nữa.

Vẫn biết vị Tỳ khưu này cống cao ngã mạn, nhứt định không chịu lỗi với thiện nam, thà là đi suốt quãng đường xa ba mươi do tuần rồi trở về không, nên Đức Bốn Sư cứ để cho đi mà không chỉ dạy cách thức xin lỗi làm sao cả.

Khi Đại đức trở về Jetavana, Đức Bốn Sư phái một Tỳ khưu khác cùng đi với Đại đức để giúp cho Đại đức tự thắng được tánh ngã mạn và dạy rằng:

- Ông hãy đi chung với ông này đi xin lỗi ông thiện nam.

Đức Bốn Sư còn nhấn mạnh thêm rằng:

- Hễ là Sa môn thì không nên nghĩ quấy như vậy: Chùa của ta, đạo tràng của ta, thiện nam của ta, tín nữ của ta hoặc lộ vẻ kiêu căng, tật đố. Vì làm như thế thì các thứ phiền não, nhất là tật đố và ngã mạn tự nhiên tăng trưởng thêm lên.

Kết luận xong, Đức Bốn Sư thuyết pháp, đoạn Ngài chấm dứt bằng kệ ngôn rằng:

73. “Asantaṃ bhāvanamiccheyya
Purekkhāraṇa ca bhikkhusu;
Āvāsesu ca issariyaṃ,
Pūjā parakulesu ca.”

“Ham danh không xứng đức tài,
Chức vị Sư trưởng quyền oai nhất chùa.
Gôm râu đệ tử tín đồ,
Lễ vật dâng cúng dư thừa cũng cam.”

74. “Mam’eva kata maññantu,
Gihī pabbajitā ubho;
Mam’eva ativasā assu,
Kiccākiccesu kismici;
Iti bālassa saṅkappo,
Icchā māno ca vaḍḍhati.”

“Việc này do chính ta làm,
Việc lớn, việc nhỏ bao hàm tự ta...
Người ngu cứ tưởng sai ngoa,
Muốn cho Tăng tục biết qua việc mình.
Nên lòng ngạo mạn phát sinh,
Lòng tham lam cũng mặc tình gia tăng.”



CHÚ GIẢI:

Asantaṃ...: (Là danh không xứng): Nghĩa là Tỳ khưu ngu dốt lại ham muốn danh vọng mà mình không xứng đáng vì thật không có tài đức, ví dụ mình không có chánh tín mà tuyên bố: Tôi là người có chánh tín và muốn cho ai nấy cũng nhìn nhận mình là người có chánh tín. Do tà dục, người ngu nói ra những lời tương tự như vậy, chẳng hạn mình là người tà tín, phá giới, ít kiến văn, không thích độc cư, biếng nhác, tâm bất định, trí tuệ kém, chưa dứt trừ lậu hoặc mà vẫn tuyên bố: “Hãy biết rằng tôi là người ai cũng tán dương: Đây là bậc chánh tín, bậc giới đức, bậc đa văn, bậc độc cư, bậc tinh tấn, bậc có tâm thanh tịnh, có đây

đủ trí tuệ, là bậc Lộ Tận.”. Như vậy gọi là ham danh không xứng đáng.

Purekkhāraṃ: Chúc vị Tỳ khưu trưởng (dẫn đầu cả nhóm), nghĩa là ham muốn chỗ ngồi trên trước cả đoàn Tỳ khưu trong chùa, để Tăng chúng hộ tống mình và bầm bạch hỏi han mọi công việc.

Āvāsesu: (Quyền hành tại chùa chiền, nơi đạo tràng): Là trong chỗ ngụ của Tăng chúng, như ở giữa vườn chùa có chỗ ngồi cao sang thì mình dành riêng cho các Tỳ khưu bạn mới bạn cũ của mình. Chính mình chiếm địa điểm quý báu nhất. Còn đối với các khách Tăng thì chỉ định những chỗ ngụ dơ bẩn, bất tiện, ở bên ranh vườn chùa và chỗ có phi nhơn giữ gìn. Như vậy là muốn chiếm độc quyền về chỗ ngụ trong chùa.

Pūjā parakulesu ca: (Lễ vật ngoại nhân cúng): Tỳ khưu có tâm tham tứ vật dụng của tín thí cúng dường, muốn rằng: “Cha, phải chi họ chỉ dừng đến một mình ta, chớ dừng dừng cho ai khác hết.”.

Mam’eva kata maññantu, gihī pabbajitā ubho: (Mọi việc chính ta làm, Tăng tục cả hai ban): Người ngu hăng tư duy, tự lập công trạng như vậy: Tất cả hai bên Cư sĩ và Xuất gia phải biết rằng: Bất cứ việc chi lớn nhỏ trong chùa từ việc quét tước, sắp đặt trong chỗ Tăng phát lộ cho đến việc kiến thiết những cơ sở mới đều do Đại đức của ta đứng ra chỉ huy mới thành tựu, mới kết quả mỹ mãn.

Mam’eva ativasā assu, kiccākiccesu kismici: (Phải tùy theo ta sắp đặt, từng chi tiết nhỏ nhất.) Người ngu tư duy như vậy: Tất cả hai hạng Cư sĩ và Xuất gia đều nhờ quyền lực ảnh hưởng của ta mới có được nào là xe cộ, bò bê, dao mác, búa rìu. Dầu là việc nhỏ nhen như việc nấu cháo ăn sáng, tất cả mọi công việc lớn nhỏ phải làm cách

nào đều phải hỏi lại ta để ta định đoạt.

Iti bālassa saṅkappo, icchā māno ca vaḍḍhati: (Người ngu nghĩ như vậy, càng ngã mạn tham lam). Khi tà tư duy đã phát sanh lên như vậy thì không bao giờ có được Tuệ minh sát hay là Đạo quả tăng tiến được nữa. Trái lại, ái dục (taṇhā) sẽ dấy lên theo sáu cửa và đồng tăng trưởng với tâm ngã mạn như toàn thể nước thủy triều dâng lên trong dục hải.



Khi thời pháp chấm dứt, nhiều vị Tỳ khưu chứng đắc Thánh quả, như là Dự Lưu.

Đại đức Sudhamma nghe Đức Thế Tôn ban huấn từ xong, đánh lễ Ngài, rời khỏi chỗ ngồi, đứng lên nhiễu quanh Ngài ba vòng, đoạn cùng vị Tỳ khưu bạn lên đường đi Macchikāsaṇḍa.

Vừa trông thấy ông thiện nam Citta, Đại đức đã lên tiếng chịu lỗi và xin ông miễn thứ. Ông Citta đáp:

- Bạch Ngài, con xin miễn lỗi cho Ngài. Nếu con có lỗi chi, xin Ngài tha thứ cho con.

Sau khi sám hối với ông thiện nam, Đại đức Sudhamma lấy huấn từ của Đức Bốn Sư làm đề tài suy niệm và ngày sau Đại đức đã giác ngộ đắc ngay quả A La Hán với Tuệ phân tích.

Còn ông thiện nam nghĩ thầm: “Từ lúc đắc quả Tu Đà Hườn ta chưa gặp được Đức Bốn Sư, kể đến đắc quả A Na Hàm ta cũng chưa gặp được Ngài. Vậy ta phải đến bái yết Ngài mới được.”.

Thế rồi, ông Citta chuẩn bị lễ vật cúng dường như là gạo, mè, đường, sữa, khăn... chất đầy năm trăm cỗ xe bò. Ông thỉnh chư Tăng vị nào muốn đến bái yết Đức Bốn Sư thì nên đi chung đoàn, khỏi lo đi bát cực nhọc. Ông thỉnh

Tỳ khưu Tăng, Ni, và luôn cả cận sự nam, nữ nữa.

Thành ra tất cả năm trăm Tỳ khưu, năm trăm Tỳ khưu ni, năm trăm Thiện nam và năm trăm Tín nữ nữa, vây đoàn cùng đi với ông Citta cùng với ba ngàn tùy tùng của ông. Với con số của đoàn lữ hành cùng với con đường dài ba mươi do tuần đồng đảo như thế, mà ông lo lắng sắp đặt mọi việc rất chu đáo, không để cho ai phải thiếu cơm, vật thực chi hết.

Khi hay đoàn hành hương đã lên đường, chư Thiên lập trại cách khoảng đường từng mỗi do tuần một, để khoản đãi đại chúng bằng những vật thực như cháo, cơm, bánh, nước... của cõi Trời. Do đó, không ai thiếu thốn món chi cả.

Được chư Thiên đón đưa như thế, đoàn hành hương đi mỗi ngày được một do tuần. Đúng một tháng họ mới đến kinh thành Sāvattihī. Số đồ vật đem theo còn đầy nguyên trên năm trăm cỗ xe bò, chư Thiên và nhân loại đồng dốc tay cho hết tặng phẩm rồi mới từ biệt.

Hôm ấy, Đức Bốn Sư bảo Đại đức Ānanda: “Này Ānanda, chiều nay, khi bóng xế tà, gia chủ Citta dắt theo năm trăm Thiện nam, sẽ đến đánh lễ Như Lai.”.

- Bạch Ngài, trong lúc ông đánh lễ Ngài, sẽ có hiện tượng huyền diệu chi chẳng?

- Này Ānanda, sẽ có.

- Lúc đánh lễ Như Lai, thì khắp một vùng vương thổ rộng độ tám sào, sẽ có chư Thiên làm mưa hoa dầy đặc rơi xuống, bề cao ngập lút đầu gối.

Kim ngôn này được dân chúng trong thành nghe được, họ truyền tin cho nhau: “Nghe nói có một gia trưởng tên là Citta, là bậc đại phước sẽ đến đây hôm nay để đánh

lễ Đức Bốn Sư. Nghe nói sẽ có hiện tượng huyền diệu như vậy. Chúng ta cũng nên đi xem cho biết mặt nhà đại phước ấy.”. Thiên hạ mang theo quà biếu, ra đứng chờ hai bên lề đường.

Khi đến gần chùa Jetavana, năm trăm vị Tỳ khưu vào trước nhứt, gia trưởng Citta dắt đoàn Tín nữ: “Quý bà quý cô hãy rón chờ vào sau.”, rồi tự mình dắt cả đoàn năm trăm thiện nam đi đến chỗ Đức Bốn Sư đang ngự.

(Theo lệ thường, ngay trước mặt Đức Thế Tôn không có ai dám đứng hoặc ngồi hay làm cái chi khác, luôn luôn người ta chừa trống con đường trước mặt Đức Thế Tôn và chỉ đứng thành hàng ở hai bên.)

Thấy chỗ trống rộng rãi, gia trưởng Citta đi ngay vào đó.

Những Thánh Thinh Văn đặc từ Tam quả trở xuống, lấy mắt nhìn nhau, hồi hộp, đại chúng cũng chăm chú nhìn, họ kháo nhau: “Ông ta là gia trưởng Citta phải không?”.

Đến chỗ Đức Thế Tôn đang ngự, ông Citta đi vào trong vòng hào quang sáu màu của Ngài, rồi sụp xuống đánh lễ và ôm chân của Ngài.

Ngay trong giây phút ấy, hoa trời rơi xuống như mưa. Muôn ngàn tiếng chúc: “Lành thay! Lành thay!” Vang dậy.

Ông Citta lưu lại bên Đức Thế Tôn trong thời gian một tháng. Lúc ấy, mỗi ngày đều có lễ Trai Tăng trong chùa Jetavana, do Thiện tín cúng dường cho toàn thể chư Tỳ khưu Tăng có Đức Phật làm tọa chủ. Ông Citta và đoàn tùy tùng của ông cũng được thiết đãi tại chùa. Không có ngày nào mà ông phải đi lấy vật dụng chi để trên xe bò của ông cả. Chư Thiên trong nhân loại mang tặng phẩm đến Trai Tăng và đảm đương tất cả mọi việc cúng dường.

Đến giáp tháng, ông Citta vào đánh lễ Đức Bốn Sư và bạch rằng:

- Bạch Ngài, con đến đây với mục đích cúng dường, nhưng con không lấy được món gì trên xe con đem theo mà cúng dường đến Ngài được cả, vì đã có chư Thiên và nhân loại mang lễ vật đến cúng dường suốt một tháng qua. Dầu cho con có nán ở lại đây một năm nữa, nhằm con không có thể dâng cúng lễ vật của con được bao giờ. Nay con định về xứ, xin Ngài chỉ định chỗ nào cho con chắt hết đồ đạc trên xe bò xuống, để trở về xe không.

Đức Bốn Sư dạy Đại đức Ānanda: “Này Ānanda! Ông hãy chỉ cho ông Thiện nam này địa điểm để ông ấy chắt đồ trên xe bò xuống, để trở về xe không.”.

Đức Bốn Sư bảo Đại đức Ānanda, Đại đức vâng lệnh, chọn một địa điểm thích nghi, rồi họp Tăng tụng tuyên ngôn, nhìn nhận địa điểm đúng theo Luật (Kappiyabhūmi). Tương truyền rằng: Đức Bốn Sư cho phép chỉ định địa điểm thích hợp là do nơi lời yêu cầu của gia trưởng Citta vậy.

Sau khi dốc hết đồ vật trên xe bò xuống, ông thiện nam Citta cùng với ba ngàn tùy tùng lên đường trở về xứ. Nhưng chư Thiên và nhân loại đồng nói “Thưa Ngài, chẳng lẽ Ngài đi xe không mà về hay sao?”. Nói rồi đồng đem đồ thất bảo làm quà tặng chắt đây các cỗ xe bò.

Ông Citta đích thân đứng ra phân phát bố thí các tặng phẩm cho quần chúng, hết rồi mới đi.

Thấy vậy, Đại đức Ānanda đánh lễ Đức Bốn Sư và bạch rằng:

- Bạch Ngài, trong lúc gia chủ Citta từ nhà đến yết kiến Ngài, ông đã đi suốt một tháng, và ở đây mãi một tháng ông lại trở về, suốt cả thời gian ấy, ông không ngớt

nhận tặng phẩm mỗi ngày. Hôm nay, biết tin ông cúng dường hết tặng phẩm trên xe bò để trở về với xe không, chư Thiên và nhân loại lại dâng rằng: “Thưa Ngài, chẳng lẽ Ngài đi về xe không?”, rồi đem đồ thất bảo làm quà tặng chắt đây các cỗ xe bò cho ông và nghe nói đích thân ông đứng ra bố thí hết tặng phẩm đến đại chúng rồi mới đi. Bạch Ngài, có phải là ông chỉ được danh dự như thế trong khi đến hầu Ngài mà thôi, hay khi đến hầu vị nào khác, ông cũng được như vậy?

- Này Ānanda! Dầu là đến với Như Lai hay đến với vị nào khác, danh dự cũng phát sanh lên cho ông thiện nam này. Quả thật vậy, vì ông là người có đức tin trong sạch, có đầy đủ giới hạnh. Người như thế đi đến xứ nào cũng được sự tôn kính của mọi người.

Thuyết đến đây, Đức Bốn Sư đọc bài kệ này, về sau được xếp vào phẩm Tập Lục (Pakinnaka vagga).

“Saddho sīlena sampanno
Yaso bhogasamappito;
Yam yam padesaṃ bhajati,
Tattha tattheva pūjitoti.”
*“Bậc chánh tín, giới hạnh,
Hữu danh, tài sản Thánh,
Dầu đến ở xứ nào,
Cũng được người tôn kính.”*

Nghĩa lý của bài kệ này sẽ được giải thích rõ ràng nơi phẩm Tập Lục.

Nghe vậy, Đại đức Ānanda bạch xin Đức Thế Tôn thuật tiền nghiệp của gia chủ Citta.

Đức Bốn Sư bèn nhắc tích rằng:

“Này Ānanda! Citta đã từng phát nguyện dưới chân Đức Phật Padumuttara. Sau khi luân hồi lên xuống trong các cõi trời và người hết một trăm ngàn đại kiếp (kappa), đến thời Đức Phật Kassapa ông thọ sanh vào dòng thợ săn nai (Migaluddaka). Đến tuổi trưởng thành, ông cũng sống về nghề săn bắn.

Một hôm nhằm lúc trời mưa, ông cầm lao đi vào rừng để săn thịt. Đang lúc nhìn kiếm nai, chợt trông thấy vị Tỳ khưu đầu trùm y, đang ngồi sườn núi, ông nghĩ thầm: “Đây chắc là vị Sa môn đang hành Sa môn pháp, ta hãy đem cơm đến dâng cúng Ngài.”.

Ông thợ săn nai hồi hả trở về nhà bảo vợ nhóm lò lửa, một lò nấu thịt săn được hôm qua, một lò nấu cơm. Khi ấy, vật thực đã sẵn sàng, ông thấy những Tỳ khưu khác đang đi trì bình khát thực, ông cũng ra thỉnh bát, dọn chỗ mời các vị ngồi, rồi dặn người nhà lo hộ độ các vị Đại đức trì bình, còn mình thì lấy giỏ đựng cơm bát đem đi. Dọc đường, ông hái nhiều thứ hoa đặt trên nắp bát rồi đi ngay đến chỗ vị Đại đức đang tịnh tọa.

- Bạch Ngài, xin Ngài từ bi tế độ cho con.

Nói rồi, ông rước lấy bát, sốt đây cơm canh xong, dâng hai tay đến Đại đức và cúng dường luôn những hoa tươi mới hái.

Khi ấy, ông phát nguyện rằng: “Do tâm con thỏa thích trong khi cúng dường bát cơm ngon lành cùng với những đóa hoa tươi đẹp như vậy như thế nào, xin cho con tái sanh lên cõi nào, bất cứ nơi đâu cũng được hằng ngàn quà tặng đem đến cho con và có mưa hoa ngũ sắc trên trời rơi xuống, làm cho tâm con thỏa thích cũng như thế ấy.”. Nhờ tạo thiện nghiệp suốt đời, đến lúc hết tuổi thọ ông được siêu sanh lên Thiên giới. Nơi ông sanh ra, có hoa trời mưa xuống, cao tới đầu gối. Bây giờ cũng như ngày ông

chào đời, lúc ông đến nơi đây, ông được hoa trời rơi xuống đón mừng, được vô số tặng phẩm đem đến biếu và được bảy vật báu chất đầy xe bò như thế, là do nơi quả phước cúng dường của tiền nghiệp ấy vậy.”.



Dịch Giả Cầu Đề

*Vì chút si mê muốn đứng đầu,
Trụ trì Thiện Pháp nặng lo âu,
Danh cao chẳng trọn, công đành bỏ,
Chức lớn không toàn, lợi miễn thâu.
Trách kẻ hữu tâm, lời nhũ nhận,
Quên mình vô ý, tánh cầu màu,
Nhờ kinh Pháp Cú, thầy khuyên dứt,
Diệt ngã hành thâm đắc đạo màu.*

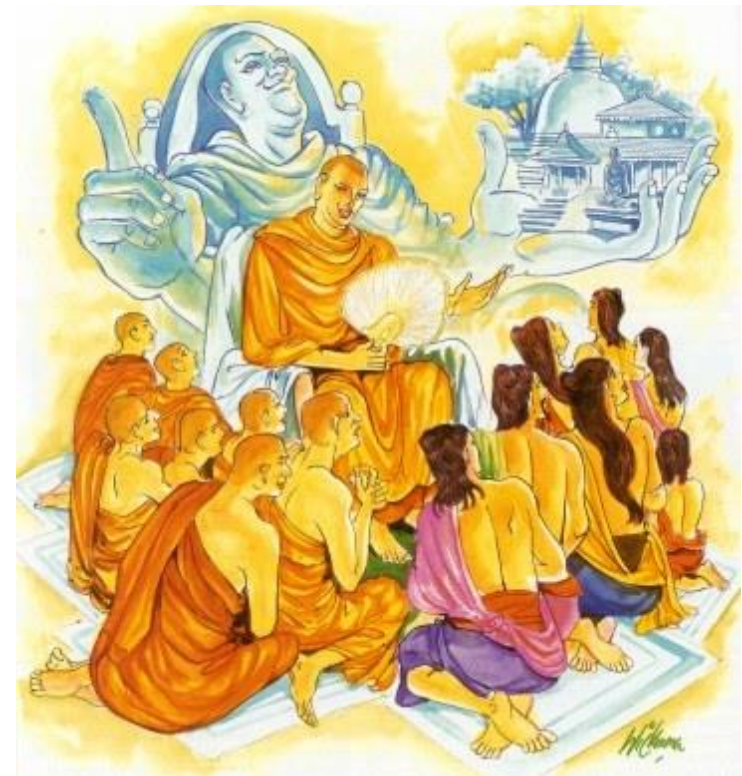
DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC THIỆN PHÁP





73. Unwisely he wishes for undeserved honour, privileges, and attention in the midst of laymen.

**73. Người ngu ước muốn hư danh, đặc quyền
Và sự tôn kính giữa đám người đời.**



74. As the untutored disciple claims for recognition by monk and layman, his pride increases.

**74. Kiêu mạn tăng trưởng khi vị đệ tử Phật không
tu tập, mong muốn cả hai giới Tăng và tục tôn
trọng mình.**

V. 15- Tích ĐẠI ĐỨC ĐỀ XÁ Ở RỪNG

(*Vanavāsītissattheravatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 75)

“Aññā hi lābhūpanisā,	<i>“Đường theo lợi thế khác,</i>
Aññā nibbānagāminī;	<i>Đường đến Níp Bàn khác,</i>
Evametam abhiññāya,	<i>Như vậy hiểu biết rành,</i>
Bhikkhu buddhassa sāvako;	<i>Tỳ khưu, đệ tử Phật,</i>
Sakkāram nābhinandeyya,	<i>Chớ vui theo lợi danh,</i>
Vivekam anubrūhayeti.”	<i>Hãy chuyên tu giải thoát.”</i>

Kệ Pháp Cú này, Đức Bốn Sư đã thuyết ra khi Ngài an ngự tại Jetavana, đề cập đến Đại đức Tissa (Đề Xá) ở rừng (Vanavāsi).

Chuyện này phát khởi trong thành Rājagaha.

Tương truyền rằng: Thân phụ của Đại đức Sārīputta là ông Bà la môn Vaṅganta, có người bạn là ông Bà la môn Mahāsena (Đại Bình), cư ngụ trong thành Rājagaha.

Một hôm nọ, nhân lúc đi trì bình khất thực, Đại đức Sārīputta đến trước cửa nhà ông, để tiếp độ ông ta. Ông Bà la môn này bấy giờ gia tài đã khánh tận, thành ra người nghèo xác xơ. Ông nghĩ thầm: “Con trai ta đến trước nhà ta khất thực, chắc hẳn chưa biết ta đang túng quẫn bần hàn, không có vật chi để bát cả.”. Thấy không tiện gặp mặt Đại đức, ông ta bèn lẩn tránh. Ngày khác, Đại đức lại đến đứng trước nhà của ông, ông cũng lánh mặt nữa, vì không tìm được chút chi để bát cả.

Nhưng có một hôm, nhờ tụng kinh một cuộc lễ của môn phái mình, ông Bà la môn được chia một phần cơm trắng và một cái choàng tắm lớn. Lúc mang lễ vật về nhà, ông sức nhớ đến Đại đức Sārīputta. Ông nói thầm: “Phần cơm này, ta nên để dành cúng dường đến Đại đức của ta.”

Ngay sát na ấy, Đại đức nhập thiền vừa xuất ra, quán thấy ông Bà la môn, Đại đức nghĩ rằng: “Ông Bà la môn vừa có được lễ vật, còn đang chờ ta đến để cúng dường. Vậy ta nên đến đó.”. Đại đức đáp y Tăng Già Lê (Saṅghāti), ôm bát đi bộ đến đứng ngay trước cửa nhà ông Mahāsena, cho ông ngó thấy mình. Trông thấy Đại đức, ông Bà la môn phát tín tâm trong sạch, ra đón chào đánh lễ Đại đức, thỉnh Đại đức vào ngồi trong nhà, đoạn đem phần cơm trắng của ông vừa được, sốt vào bát của Đại đức.

Đại đức chỉ nhận nửa phần cơm, thì lấy tay đập miệng bát. Ông Bà la môn xin: “Bạch Đại đức, Ngài hãy nhận hết, chỉ chừng ấy thì con được có nửa phần thôi. Xin Ngài tế độ con trong những kiếp về sau, chớ đừng tế độ trong đời này. Còn phần cơm còn lại đây, tôi muốn cúng dường hết cho Ngài.”. Nói rồi ông sốt luôn vào bát Đại đức. Đại đức thọ bát luôn tại đó. Khi Đại đức dùng xong bữa, ông Bà la môn đem cái y choàng ra, đánh lễ Đại đức và nguyện:

- Bạch Ngài, tôi nguyện xin đắc pháp mà Ngài đã đắc.

Đại đức chúc phúc: “Nầy ông Bà la môn, cầu chúc cho ông được như ý.”. Sau lời phúc chúc, Đại đức từ chỗ ngồi đứng dậy, ra đi vân du, lần hồi về đến Jetavana.

Trong lúc cùng quẫn mà tạo được sự bố thí, ông Bà la môn vui mừng không xiết tả. Sau khi để bát, ông phát tín tâm trong sạch vô cùng hoan hỷ và sanh lòng ái mộ Đại đức vô hạn. Còn đang quyến luyến Đại đức thì ông bỏ xác

lìa đời, tâm thức nhập vào bào thai của một tín nữ là người hộ độ Đại đức, cư ngụ trong thành Sāvattthī.

Liên đó, mẹ tương lai của ông, bảo chồng rằng: “Em đã thọ thai rồi anh ạ.”. Người chồng chăm sóc thuốc thang để bảo dưỡng thai nhi. Dụng cụ cũng ráng kiêng cử các thức ăn nóng lạnh, hoặc chua cay thái quá, vì sợ ảnh hưởng không tốt đến bào thai. Do đó, dụng cụ phát sanh sự thèm muốn: “Chà, phải chi mình thỉnh được năm trăm Tỷ khuư có Đại đức Sārīputta làm tọa chủ, rước vào ngồi trong nhà, rồi cúng dường toàn là cơm nấu rỗng sữa tươi. Còn mình thì đắp y vàng ôm bát bằng vàng ngồi nổi phía sau Tăng chúng và ăn dùng cơm dư của các Ngài Tỷ khuư ấy sốt bát ra cho lại.”.

Tương truyền rằng: Phụ nữ này phát sanh chứng thèm đắp y và ăn cơm bát như vậy là điềm báo trước cho biết là đứa bé trong thai sau này sẽ xuất gia đầu Phật.

Khi ấy, các thân bằng quyến thuộc, như là cha mẹ chồng, nhìn nhận rằng: “Sự thèm muốn của dâu ta hợp theo lẽ đạo.”.

Một cuộc trai Tăng được tổ chức và Đại đức Sārīputta được thỉnh làm tọa chủ đoàn năm trăm Tỷ khuư vị, đến thọ bữa cơm nấu rỗng với sữa tươi.

Dụng cụ, bên dưới vận y vàng, trên khoác y vàng khác, lấy bát bằng vàng đến ngồi phía sau rốt chư Tăng và ăn những vật thực mà chư Tăng sốt bát cho nàng.

Hết chứng thèm khát, cho đến thời kỳ sanh nở, gia đình thiếu phụ lại thỉnh thoảng tổ chức đại lễ Trai Tăng.

Sau mười tháng hoài thai, thiếu phụ sanh được một cậu con trai, trong nhà nàng lại thỉnh đoàn Tỷ khuư Tăng năm trăm vị có Đại đức Sārīputta làm tọa chủ, để bát cúng dường cơm nấu với mật ong pha ít nước.

Tương truyền rằng: Do nhờ quả phước của đứa bé cúng dường bố thí cơm trắng đã gieo trong kiếp làm ông Bà la môn mà trong ngày ăn mừng nó chào đời, buổi sáng nó được tắm gội sạch sẽ, mặc đồ sang trọng, đặt nằm trên giường chạm trổ tinh vi, có trái lót gấm trị giá một trăm ngàn đồng vàng.

Nằm trên nhung lụa, đứa bé sơ sanh nhìn Đại đức nhớ lại rằng: “Ông này là thầy của ta trong kiếp trước (pubbācāriya), Ta nhờ Ngài mà được phú quý như vậy. Ta phải cúng dường Ngài một món đồ.”.

Khi người nhà bỗng đứa bé định đem đến xin Đại đức truyền Qui giới cho nó, thì nó lấy ngón tay út xoắn một góc tấm vải lót bằng gấm, rồi nắm chặt lại. Nhiều người bảo: “Tay nó dính trong tấm lót gấm kia, gỡ ra.”.

Đứa bé khóc lên. Các quyến thuộc bảo: “Thôi đừng làm cho nó khóc.”. Người nhà phải ôm luôn tấm lót gấm đi với đứa bé.

Khi được đặt xuống để nó đánh lễ Đại đức đặng xin thọ Qui giới, đứa bé buông tay ra, thả tấm lót gấm rớt ngay chân của Đại đức. Thấy vậy, các quyến thuộc không nói: “Trẻ con ngu dốt làm việc vô ý thức.”, nhưng họ lại nói: “Bạch Ngài, xin Ngài thọ nhận lễ vật chúng tôi cúng dường, do đứa con trai của chúng tôi bỏ xuống như vậy.”.

Tiếp theo đó, họ yêu cầu: “Bạch Ngài, xin Ngài hoan hỷ truyền thập giới cho thiện nam đã cúng dường Ngài cái y gấm có giá trị một trăm ngàn đồng vàng.”.

Đại đức hỏi: “Đứa bé này tên chi?”

- Bạch Ngài, xin Ngài tùy ý đặt tên cho nó.

- Vậy thì hãy gọi nó là Tissa nhé.

Nghe nói, Đại đức Sārīputta khi chưa xuất gia, Ngài

có tên là Upatissamāṇava. Tiếng Upa có nghĩa là ở gần, kèm theo. Cha mẹ của cậu Tissa nghĩ rằng: “Không nên để cho con trai của ta xa lìa Thầy Tế độ của nó.”. Sau cuộc lễ Trai Tăng, đặt tên đứa bé, đến lễ đầy tháng, lễ giáp tuổi, rồi lễ xỏ lỗ tai đeo nhẫn hoàn... bất cứ cuộc lễ nào, cha mẹ đứa bé cũng đều thỉnh năm trăm Tỷ khưu có Đại đức Sārīputta làm tọa chủ, đến dự lễ cúng dường cơm trắng nấu rỗng sữa hay mật ong pha chút ít nước như thế cả.

Khi đứa bé lớn lên, vừa tròn bảy tuổi, cậu lại xin mẹ:

- Thừa mẹ, con muốn xuất gia tu học với Đại đức.

Bà mẹ chấp nhận ngay: “Lành thay! Con à. Từ trước đến giờ mẹ hằng nguyện trong tâm rằng: “Xin cho con của mẹ đừng xa lìa Thầy Tế độ của nó.”. Vậy con hãy xuất gia đi.”.

Bà mẹ sai người đi thỉnh Đại đức đến nhà, để bát xong, rồi bạch rằng: “Bạch Ngài, kẻ tôi tớ của Ngài đây, nó đòi xuất gia. Để chiều nay chúng con sẽ dắt nó đến chùa.”. Sau khi tiễn chân Đại đức về buổi chiều hôm ấy, cha mẹ đứa bé sắm lễ vật trọng hậu rồi dắt nó đến chùa gởi cho Đại đức.

Đại đức khuyến bảo nó rằng: “Này Tissa, việc tu hành rất khó nhọc, khi mình cần dùng đồ nóng thì lại được đồ lạnh, còn khi cần dùng đồ lạnh thì lại được đồ nóng. Hễ là người xuất gia tu hành thì phải sống kham khổ, còn con sống sung sướng đã quen, sợ e chịu không nổi chăng?”.

- Bạch Ngài, những điều Ngài kể ra đó, con có thể chịu được hết.

- Lành thay! – Đại đức khen.

Đoạn Đại đức làm lễ xuất gia Sa di của Tissa bằng cách truyền cho cậu đề mục tham thiền, niệm xuôi và

ngược năm thể trước đầu tiên trong thân thể con người là tóc, lông, móng, răng, da. Tất cả có đến ba mươi hai thể trước, nhưng trong một thời gian không thể truyền dạy hết một lượt cho nên vị Thầy Tế độ truyền cho đệ tử có một phần căn yếu để dứt trừ tham dục. Tất cả chư Phật đều không loại bỏ nó, vì nhờ niệm từng phần như trên, nhứt là bằng đầu bằng tóc, mà các Tỷ khưu, Tỷ khưu ni, thiện nam, tín nữ thường chứng đắc A La Hán quả không ngớt. Những vị Tỷ khưu rảnh rỗi Tăng sự, khi cho đệ tử xuất gia, không để cho đệ tử xa lìa con đường đạo quả A La Hán. Vì vậy, Đại đức Sārīputta cho Tissa xuất gia bằng cách chỉ dạy đề mục tham thiền trước, rồi cho truyền thọ mười giới của Sa di tiếp theo.

Sau lễ xuất gia Sa di của Tissa, cha mẹ ông Sa di này thiết lễ Trai Tăng liên tiếp bảy ngày tại chùa để cúng dường cơm trắng nấu với mật ong pha chút ít nước, hay sữa bò nguyên chất đến Tỷ khưu Tăng có Đức Phật làm tọa chủ. Nhiều Tỷ khưu than phiền: “Mỗi ngày dựng cơm nấu với mật ong, chúng ta ăn mãi không xiết.”.

Nhưng cuộc lễ Trai Tăng chấm dứt trong ngày thứ bảy, và thí chủ cũng trở về nhà. Đến ngày thứ tám, Sa di bắt đầu theo các Tỷ khưu vào thành khất thực.

Dân chúng trong thành Sāvatthī loan tin cho nhau: “Hôm nay ông Sa di vào thành khất thực, chúng ta hãy dự bị lễ vật để cúng dường.”. Họ đem theo năm trăm cái y choàng đã xếp gọn và năm trăm phần cơm bát ra cúng dường, đứng chờ Tissa và để bát cho ông. Qua ngày sau, dân chúng lại đến khu rừng ở bên cạnh chùa để đón Sa di Tissa để bát và dâng y như bữa trước. Thế là trong hai ngày liền, Sa di Tissa nhận được một ngàn lá y cùng với ngàn phần cơm bát và ông cúng dường đến chư Tăng Tỷ khưu.

(Theo truyền ngôn đó là quả phước của ông đã cúng

dường y choàng lớn cùng với phần cơm của mình khi còn là Bà la môn.)

Khi ấy, chư Tỳ khưu mệnh danh cho Sa di là Tissa Thí Thực (Piṇḍapātadāyakatissa).

Qua ngày hôm sau nữa, ông Sa di đi trong vườn chùa, nhằm khi trời lạnh, thấy chư Tỳ khưu chỗ này, chỗ nọ, nhứt là trong các phòng sưởi (aggisālā) đang ngồi xúm xít hơi ấm. Ông hỏi:

- Bạch các Ngài, sao các Ngài ngồi hơi lửa chi vậy?
- Chúng tôi lạnh quá, ông Sa di ơi.
- Bạch các Ngài, hễ trời lạnh thì chúng ta nên trùm y gấm ngự hàn (kambala) là có thể hết lạnh ngay.
- Này Sa di, ông có đại phước, có được y gấm ngự hàn, chớ chúng tôi thì lấy đâu mà có.
- Nếu vậy, xin các Ngài cần dùng y gấm hãy cùng đi với tôi.

Các Tỳ khưu rù nhau theo Sa di Tissa bảy tuổi này để kiếm y ngự hàn, tất cả có đến ngàn vị.

Chẳng chút ngần ngại suy tính rằng: “Bấy nhiêu Tỳ khưu, ta biết tìm gấm ở đâu cho đủ.”, Sa di Tissa dẫn đầu, hướng cả đoàn Tỳ khưu đi thẳng vào trong thành (quả thật, người có tâm hảo thí (sudinna) mới có thái độ hiên ngang, hùng dũng như thế được.). Tuần tự đi từng nhà, từ ngoài vào đến cổng thành, Sa di có được năm trăm chiếc y gấm, rồi mới vào thành. Đi đến nơi này, nơi nọ, ông được dân chúng đem y gấm đến dâng nữa.

Khi ấy, có một người nam (puriso) đi qua đầu chợ, trông thấy người bán hàng đang bày ra năm trăm y gấm chờ khách, thì bảo:

- Bạn ơi! Có một Sa di đi tìm y gấm, đang đi gần đến đây rồi, bạn hãy lo giấu y của bạn đi.

- Thế nào bạn, ông là người lấy của chùa cho hay là lấy của đã cho rồi?

- Ông lấy của cho rồi (dinnaka).

Người bán hàng xua đuổi anh chàng nhiều chuyện rằng:

- Nếu vậy, tôi có vui lòng cho thì ông ấy mới lấy, không vui lòng cho thì thôi, việc gì phải giấu. Thôi bạn hãy đi đi.

(Thật vậy, những kẻ ngu si mù quáng bao giờ cũng bòn xén, rít róng. Khi thấy người khác làm phước bố thí, thì họ cũng tiếc của, nóng ruột. Đến lúc lâm chung, tâm bòn xén của họ nhất định đưa họ sa xuống địa ngục chẳng sai.)

Người bán hàng nghĩ thầm: “Anh chàng này cứ luôn đến bảo ta: Ông hãy giấu hết y gấm của ông đi. Nhưng ta thiết nghĩ: Ông Sa di chỉ lấy của đã cho, còn vật sở hữu chủ của ta, ta có quyền cho hay không là tùy ý ta. Tuy vậy, chớ mình có của bày ra trước mắt mà nói không có đồ cho thì cũng mắc cỡ miệng lắm. Và lại, đồ của mình mà, mình giấu đi có tội chi đâu! Trong số năm trăm lá y này có hai lá y trị giá hằng trăm ngàn đồng vàng, ta phải giấu hai lá y này mới được.”.

Nghĩ rồi, người bán hàng lấy hai chiếc y gấm quý giá xếp chung lại, giấu vào giữa những lá y thường. Ông Sa di dắt đoàn tùy tùng đến ngay đầu chợ. Ông bán hàng vừa thấy ông Sa di thì sanh lòng thương mến như con ruột của mình, mỗi tình phụ tử hầu như tràn đầy cơ thể ông ta. Ông nói thầm: “Thấy mặt Sa di này rồi, tim gan mình cũng có thể móc ra cho, nói gì đến y gấm chứ?”.

Thế rồi, ông bán hàng lấy hai chiếc y gấm quý, đem dâng dưới chân Sa di Tissa, đánh lễ xong rồi, đứng lên nguyện rằng: “Bạch Ngài, xin cho tôi được pháp mà Ngài đã đắc.”. Sa di Tissa đọc kinh phúc chúc và nói: “Xin cho người được như ý.”.

Đi vòng trong thành, ông Sa di cũng được năm trăm cái y gấm. Thế là, chỉ trong một ngày Tissa đã tìm được ngàn cái y gấm, dâng lên chư Tỳ khưu Tăng. Và ông được chư Tỳ khưu mệnh danh là Tissa Thí Y (Kambaladāyakatissa).

(Sở dĩ Sa di Tissa được danh thơm tiếng tốt trong ngày nay lúc vừa được bảy tuổi, là do nhân cúng dường y kiếp trước bây giờ trở quả, khiến cho ông kiếm được ngàn lá y gấm vậy.)

Quả thật, ngoại trừ Phật giáo, không có một tôn giáo nào khác, khi Bồ thí ít mà lại được kết quả nhiều và Bồ thí nhiều càng được kết quả nhiều hơn gấp bội. Cho nên Đức Thế Tôn có dạy rằng: “Này các Tỳ khưu, nơi nào có Tỳ khưu Tăng như thế, dầu ít cũng được nhiều kết quả, nếu nhiều càng được nhiều kết quả hơn nữa.”.

(Như chuyện Sa di, trước kia chỉ dâng một lá y mà bây giờ mới lên bảy tuổi đã được dâng cúng ngàn lá y gấm vậy.)

Trong khi Tissa ngụ tại Jetavana, những thân quyến trẻ tuổi luôn luôn tìm đến thăm viếng chuyện trò. Ông nghĩ thầm rằng: “Nếu ta cứ ở đây, những trẻ con thân thuộc của ta cứ đến nói chuyện hoài, ta không thể ngồi lặng thinh được, còn hễ ta góp chuyện với họ thì là một trở ngại cho việc tu hành của ta. Vậy ta hãy đến xin Đức Bốn Sư ban cho một đề mục để tu tập, học xong, ta sẽ đi trú trong rừng.”.

Sa di Tissa bèn đến đánh lễ Đức Thế Tôn, ngỏ lời yêu

cầu Ngài truyền dạy đề mục niệm cho đắc quả A La Hán. Được đề mục rồi, ông về đánh lễ từ biệt Thầy Tế độ, mang cả y bát đi ra khỏi chùa, đi luôn một mạch một trăm hai mươi do tuần, vì nghĩ rằng: “Nếu ta ở quanh vùng này, các quyến thuộc của ta sẽ theo dõi quấy rầy ta được.”.

Đến cuối lộ trình, Sa di Tissa đi vào cổng một làng nọ, gặp vị bô lão, Sa di bèn hỏi thăm:

- Thưa ông thiện nam, trong địa phương này có ngôi thiền lâm, tịnh xá nào chăng?

- Bạch Sư, có.

- Xin ông làm ơn chỉ dùm đường cho tôi.

Ông lão này vừa gặp Sa di đã sanh lòng thương mến, ông ta xem như là con ruột của mình. Ông lão không chỉ đường, mà lại nói: “Sư hãy đi theo tôi, tôi đưa Sư đến đó.”. Nói rồi, dẫn Sa di đi.

Trong lúc cùng đi với ông lão vào làng, đến năm hoặc sáu địa điểm dọc đường, theo đường có trồng nhiều hoa quả, Sa di hỏi:

- Thưa ông thiện nam, chỗ này tên chi? Chỗ này tên chi?

Và ông lão đều nói tên cho ông Sa di biết cả. Khi đến ngôi tịnh xá trong rừng, ông lão đưa đường nói:

- Bạch Sư, xin cầu chúc cho Sư ở lại đây bình an.

Rồi ông hỏi pháp danh Sa di, Sa di đáp rằng:

- Thưa ông thiện nam, pháp danh tôi là Tissa Cư Lâm (Vanavāsī Tissa).

Nghe vậy, ông lão thỉnh:

- Ngày mai, Sư nên vào làng chúng tôi đi bát.

Nói rồi, ông lão về làng thông tin cho dân làng hay rằng: “Có vị Sa di pháp danh là Vanavāsītissa mới đến tỉnh xá, ta nên dự bị đem cơm cháo để bát cho ông.”

Vị Sa di này, đầu tiên được thầy tế độ đặt tên là Tissa, sau đó được chư Tăng mệnh danh là Tissa Thí Thực, Tissa Thí Y và Tissa Cư Lâm. Như vậy, chỉ mới bảy tuổi mà vị ấy có đến bốn pháp danh.

Sáng hôm sau, ông Sa di vào làng trì bình khất thực, nhiều người để bát xong, còn đánh lễ vị ấy nữa, Sa di chúc rằng: “Xin cho người được an vui, xin cho người được thoát khổ.”. Trong số những người để bát rồi, không một ai trở về nhà được cả, tất cả đều đứng nán lại để ngắm nhìn Sa di cho thỏa thích. Sa di Tissa Cư Lâm thọ vật thực vừa đủ một mình thôi. Toàn thể dân làng cúi mọp dưới chân vị Sa di nhỏ, mà bạch rằng:

- Bạch Ngài, xin Ngài nhập hạ ba tháng nơi đây và truyền Tam qui và Ngũ giới để chúng tôi thọ trì thường nhật và truyền bát giới để chúng tôi vâng giữ hành theo trong những ngày Uposatha. Xin Ngài hoan hỷ nhận lời của chúng tôi.

Xét thấy dân làng có lòng thành khẩn, Tissa Cư Lâm hứa chịu nhập hạ gần đây, rồi hăng ngày đi vào làng khất thực. Mỗi lần thí chủ để bát và đánh lễ, ông luôn luôn chúc lại bằng hai câu: “Xin cho người được an vui, xin cho người được thoát khổ.”, rồi mới đi nơi khác.

Sa di Tissa Cư Lâm an cư nơi đây, trải qua hai tháng, trong tháng thứ ba, vị ấy chứng đắc A La Hán với Tuệ phân tích. Đến khi mãn mùa an cư, làm lễ tự tứ xong, Thầy Tế độ đến đánh lễ Đức Bốn Sư và xin rằng:

- Bạch Ngài, con sẽ đi thăm Sa di Tissa.
- Ông cứ đi đi, này Sārīputta.

Đại đức Sārīputta dắt theo năm trăm Tỳ khưu tùy tùng, đến báo tin cho Đại đức Moggallāna hay:

- Này đạo hữu Moggallāna, tôi sẽ đi thăm Sa di Tissa đây.

Đại đức Moggallāna liền đáp:

- Tôi cũng đi nữa, đạo hữu ạ.

Nói rồi, Đại đức cũng dắt theo năm trăm Tỳ khưu tùy tùng của mình ra đi. Hay tin này, tất cả chư Đại Thánh Văn như Đại đức Mahākassapa, Anurudha, Upāli, Puṇṇa... mỗi vị dắt theo năm trăm Tỳ khưu của mình cùng ra đi. Con số tổng cộng các nhóm Tỳ khưu lên đến tám mươi bốn ngàn vị.

Các Ngài đồng bộ hành suốt cả lộ trình một trăm hai mươi do tuần mới đến làng, nơi trú của Sa di.

Khi ấy, vị Thiện nam hộ độ thường trực của Sa di Tissa nhà ở gần cổng làng, thấy Đại đức Tăng trước nhất, bèn ra đánh lễ chào đón các Ngài. Đại đức Sārīputta hỏi:

- Này ông Thiện nam, trong địa phương này có ngôi thiền lâm, tịnh xá nào chăng?

- Bạch Ngài, có.
- Có Tỳ khưu nào thường trú chăng?
- Bạch Ngài, có.
- Vị thường trú ấy có pháp danh là chi?
- Bạch Ngài là Tissa Cư Lâm.
- Nếu vậy, ông hoan hỷ chỉ đường cho chúng tôi đi.
- Bạch Ngài, chẳng hay Ngài là chi của Đại đức?
- Chúng tôi là khách đến viếng Sa di.

Vị thiện nam lưu ý, nhìn kỹ từ Đại đức Pháp chủ cho đến tất cả chư Đại Thánh Văn để nhớ mặt. Tự nhiên ông cảm thấy toàn thân ông tràn trề một niềm phi lạc vô biên. Ông yêu cầu:

- Bạch các Ngài, xin các Ngài hãy đình độ đôi chút.

Đoạn ông hồi hã vào làng, cất tiếng kêu gọi:

- Hôm nay có chư Đại đức Tăng quang lâm đến bốn thôn, do Ngài Sārīputta lãnh đạo, có tám mươi vị Đại Thánh Văn, mỗi vị dẫn theo năm trăm vị Tỳ khưu tùy tùng, đồng đến để viếng Sa di. Các người hãy đem vật thực, vật dụng như giường, ghế, ngọa cụ, đèn, dầu... đến tịnh xá cho mau.

Mọi người y theo lời kêu gọi, đem giường ghế các thứ vật dụng theo chân các Ngài Đại đức, đồng đi đến tịnh xá.

Sa di Tissa nhận biết chư Tỳ khưu Tăng, bèn ra rước bát Ngài Đại Trưởng Lão và làm các phận sự đối với khách Tăng và cất hết y bát của các Ngài xong, thì trời nhá nhem tối. Đại đức Sārīputta bảo các thiện nam: “Thôi, các Thiện nam hãy về đi, tối rồi.”

- Bạch Ngài, hôm nay là ngày nghe pháp, chúng con không về. Chúng con ở lại chờ nghe pháp. Vả lại, từ trước đến giờ chúng con chưa từng được thính pháp bao giờ.

- Thế thì, này Sa di, ông hãy đốt đèn lên rồi tuyên bố giờ thuyết pháp cho thiện tín biết.

Sa di Tissa làm theo lời của Đại đức. Kế đến, Đại đức lại bảo rằng:

- Này Tissa, các Thiện tín của ông đã ngỏ lời muốn nghe pháp, vậy ông hãy thuyết pháp cho họ nghe đi.

Các thiện nam đồng loạt đứng dậy, bạch rằng:

- Bạch Đại đức, Sư của chúng con chỉ thuộc lòng có hai câu kệ phúc chúc “Xin cho người được an lạc, xin cho người được thoát khổ.”, ngoài ra không biết pháp nào khác. Vậy xin Ngài từ bi hoan hỷ thuyết pháp khác cho chúng con nghe.

Ngài Sa di Tissa tuy chứng đạt A La Hán nhưng không hề thuyết pháp cho thiện tín nghe. Khi ấy, vị Thầy Tế độ của Ngài bảo:

- Này Sa di, ông hãy lấy hai mệnh đề: Những người được an vui, những người được thoát khổ làm đề tài mà thuyết giảng rành rẽ nghĩa lý đi.

- Lành thay! Bạch Ngài.

Đáp xong, Sa di cầm lấy cây quạt đẹp, trèo lên pháp tọa, ngồi nghiêm trang tề chỉnh, rồi bắt đầu thuyết giảng nghĩa lý Kinh điển, từ cạn đến sâu, từ thấp lên cao, phân tích lần lượt Ngũ uẩn, Tứ đại, Lục căn, Ba mươi bảy phẩm trợ đạo là con đường đưa đến mức tối cao là A La Hán quả. Thời pháp bao la phổ cập như đám mưa rào dội ướt khắp cả bốn châu thiên hạ.

Để kết luận, Sa di Tissa nói:

- Bạch Ngài, người đã đắc quả A La Hán được an vui là như thế, người đắc A La Hán quả được thoát khổ là như thế, là người đã thoát khỏi tứ khổ sanh, lão, bệnh, tử cũng là khổ sanh vào ác đạo, nhất là địa ngục mà phạm phu nhân loại thường phải vương mang.

- Lành thay, này ông Sa di. Hai câu phúc chúc ông đã khéo giảng lắm đấy. Bây giờ ông hãy giảng tiếp theo phần Vi Diệu Pháp đi.

Vâng lời thầy, Sa di Tissa giảng thêm về Vi Diệu Pháp. Đến khi trời rạng sáng, những người hộ độ của Sa di

chia làm hai nhóm:

Một nhóm bất bình vì nghĩ rằng: “Thật từ trước đến giờ chúng ta chưa từng thấy ai lãnh đạm, bạc bẽo như thế. Ông ta thuyết pháp thông suốt như thế mà bấy lâu nay đối với những người có công hộ độ, cấp dưỡng ông ta chẳng khác nào cha mẹ nuôi con, ông chẳng hề giảng thuyết một câu Pháp Cú nào cho họ nghe.”.

Còn nhóm kia hoan hỷ, nghĩ rằng: “Thật chúng ta có phước quá. Những vị Sư như thế mà chúng ta chỉ biết hộ độ chứ không biết tài đức của vị ấy, hôm nay chúng ta được may duyên nên nghe được Ngài thuyết pháp.”.

Ngày hôm ấy, từ sáng tinh sương, Đức Bốn Sư vẫn theo thông lệ, Ngài quán sát thế gian, thấy được những Cận sự nam của Tissa Cư Lâm lọt vào giác võng của Ngài: “Chuyện chỉ xảy ra?”, khi quán thêm nữa, Ngài thấy rằng: “Trong số các tín đồ của Tissa Cư Lâm có nhóm bất mãn, có nhóm hoan hỷ”. Những ai bất bình chống đối với con Như Lai sẽ bị sa đọa xuống địa ngục chẳng sai. Thế thì Như Lai phải đi đến đó, nhờ có Như Lai đến, tất cả đều khởi tâm Từ đối với Sa di Tissa và được thoát ly khỏi khổ não.

Ở chốn thiên lâm, dân chúng thỉnh cầu được chư Tỳ khưu Tăng, bèn trở về làng lo cất trại và nấu sẵn cơm cháo, dọn sẵn tọa vị, rồi ngồi chờ chư Tăng đến.

Chư Tỳ khưu tắm gội xong, đến giờ đi bát, sắp sửa vào làng bèn hỏi Sa di:

- Này Tissa, ông cùng đi một lượt với chúng tôi hay là ông đi sau?

- Xin các Ngài đi trước.

Chư Tỳ khưu đáp y mang bát đồng đi vào làng.

Tại Jetavana, Đức Bốn Sư cũng đáp y, mang bát và

chỉ trong một sát na tâm (cittakhaṇo: lẹ hơn trong nháy mắt), Ngài đã hiển hiện, đứng trước mặt chư Tỳ khưu. “Có lẽ Đức Chánh Biến Tri ngự đến.”, tin này làm cho khắp cả làng xôn xao, náo động. Mọi người đều vui mừng hỉ dạ, đồng thời thỉnh chư Tăng có Đức Phật làm tọa chủ, an tọa xong rồi cúng dường cháo và đồ ngọt điểm tâm.

Trong khi chư Tăng độ chưa xong bữa, thì Sa di Tissa đi vào làng. Dân chúng tán bột ra, cung kính để bát cho Sa di.

Sa di thọ bát vừa xong, đem dâng lên Đức Bốn Sư, Ngài bảo:

- Đưa đây, Tissa.

Và Ngài đưa tay thọ bát, trao Đại đức Sārīputta vừa bảo: “Này Sārīputta, đây là bát của Sa di Tissa, đệ tử của ông.”

Đại đức nhận lấy bát trên tay của Đức Bốn Sư rồi cho lại Sa di và dạy: “Ông tìm chỗ ngồi phải lẽ rồi thọ thực đi nhé.”. Sau khi hộ độ Tỳ khưu Tăng có Đức Phật làm tọa chủ xong, dân làng đồng xin Đức Bốn Sư thuyết kinh phúc chúc.

Đức Bốn Sư thuyết giảng như sau: “Này các thiện gia nam tử, các ông thật là hữu phúc, nhờ có Sa di này mà các ông hộ độ hàng ngày đây, các ông mới được dịp hội kiến với Sārīputta, Moggallāna, Mahā Kassapa, luôn cả tám mươi vị Đại Thỉnh Văn. Chính Như Lai hôm nay đến đây cũng là vì ông Sa di Tissa mà các ông hộ độ hằng ngày đó. Nhờ có Sa di mà các ông hân hạnh được diện kiến Đức Phật. Thật là các ông hữu phúc lắm mới được như vậy.”.

Đại chúng đều suy nghĩ rằng: “Ôi! Chúng ta hân hạnh biết mấy, sở dĩ chúng ta có thể thỉnh được Đức Phật và chư Tăng để cúng dường Trai Tăng là nhờ các Ngài đến thăm

vị Đại đức của ta...”.

Những người bất bình Sa di lúc trước, bây giờ cũng vui mừng. Còn những người đã hài lòng thì càng có đức tin trong sạch đối với ông thêm nữa.

Đức Bốn Sư phúc chúc xong, có nhiều vị chứng đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn.

Đức Bốn Sư từ chỗ ngồi đứng lên đi ra, dân chúng kéo nhau theo tiễn biệt, đánh lễ Ngài và quay trở lại.

Đức Bốn Sư dắt Sa di Tissa cùng đi đến những địa điểm mà trước kia khi mới đến ông đã hỏi thăm vị bộ lão, khi ấy Đức Bốn Sư cũng hỏi ông:

- Này ông Sa di, xứ này tên chi? Xứ kia tên chi?

Vị Sa di vừa đi vừa đáp lời rằng:

- Bạch Ngài, đây là xứ... Đây là xứ...

Đến chỗ ngụ của Sa di, Đức Bốn Sư leo lên tận đỉnh núi. Từ chỗ Ngài đứng trông xuống thì thấy mặt biển mênh mông. Đức Bốn Sư phán hỏi Sa di:

- Này Tissa, ông đứng nơi này, nơi nọ trên đỉnh núi nhìn xuống thì thấy cái chi?

- Bạch Ngài, con thấy đại hải.

- Thấy đại hải, ông nghĩ thế nào?

- Bạch Ngài, con nghĩ rằng: Số lượng nước mắt mà con đã khóc ra trong những khi sầu khổ, có lẽ còn nhiều hơn nước biển trong bốn đại dương.

- Lành thay, lành thay! Này Tissa, thật quả như thế, số lệ của mỗi chúng sanh tuôn trào trong những khi sầu khổ còn nhiều hơn nước trong bốn đại trùng dương.

Nói rồi, Đức Bốn Sư ngâm kệ rằng:

“Cātusu samuddesū jalam parittakam,
Tato bahum assujalam anappakam;
Dukkkena phutthassa narassa socato,
Kim kārana samma tvam pamajjasī’ti.”

*“Nước trong bốn biển có bao nhiêu,
Nước mắt so ra mới thật nhiều,
Khắp cõi nhân gian đây khổ lụy,
Sao con lơ đãng thả xuôi chiều.”*

Đức Bốn Sư lại hỏi Sa di:

- Này Tissa, ông ngụ ở đâu?

- Bạch Ngài, tại hang núi này đây.

- Lúc ngụ tại đây, ông nghĩ như thế nào?

- Bạch Ngài, con nghĩ rằng: “Đến khi chết thì con bỏ xác luôn nơi đây, khỏi phải lo kiếm chỗ nằm trên mặt đất bằng.”

- Lành thay! Lành thay! Này Tissa, quả thật cũng như thế ấy, những chúng sanh này (xác thân chết) nằm trên mặt đất cũng không đến bất tử được.

Nói rồi, Đức Thế Tôn ngâm lên kệ ngôn rằng:

“Upasālhakanāmānam,
Sahassāni catuddasa;
Asmiṃ padese dadḍhāni,
Natthi loke anāmatam.
Yamhi saccaṇca dhammo ca,
Ahimsā saṃyamo damo;
Etadariyā sevanti,

Etam loke anāmatanti.”

*“Một muôn lại với bốn ngàn,
Thổ dân đã rụi xương tàn nơi đây.*

*Không bao giờ cỗi tạm này,
Có nơi bất diệt cho thân phàm trần.*

*Nơi nào Đạo pháp chánh chân,
Vô não thu thúc, tâm thân tự điều.*

*Là nơi chư Thánh tiêu diêu,
Nơi ấy bất diệt, nghịch chiều thế gian.”*

Dứt hai bài kệ, Đức Bốn Sư thuyết tích Bốn Sanh Upasāhaka (Dân xứ). Theo phong tục, họ đặt thi thể nằm trên đất bằng, mong sao người chết theo dấu ông bà về xứ Bất tử (amata pubbepadese). Nhưng sự thật, người thường không ai về đến xứ ấy cả. Chỉ những bậc như Đại đức Ānanda mới được viên tịch, theo dấu tiên nhân lên đến Bất tử mà thôi.

Tương truyền rằng: Lúc được một trăm hai mươi tuổi, Đại đức Ānanda quán xét thấy thọ mạng của mình sắp hết, bèn báo tin cho Thiện tín hay: “Bảy ngày nữa, bản Tăng sẽ nhập diệt.”

Hay tin này, trong số người ở hai bên bờ sông Rohinī, nhóm ở bên bờ này nói rằng: “Chúng ta hộ độ Đại đức nhiều, chắc là Ngài sẽ viên tịch trên phần đất của ta.”

Nhóm người bên kia sông cũng nói: “Chúng ta hộ độ Ngài nhiều, chắc là Ngài sẽ viên tịch trên phần đất của ta.”

Đại đức nghe cả hai bên nói giống nhau như thế, thì nghĩ rằng: “Thiện tín ở hai bên bờ sông đều hộ độ cho ta nhiều cả. Nhưng ta không thể chiều ý theo cả hai bên, nếu ta viên tịch ở bên này thì nhóm cư sĩ bên bờ kia sẽ tranh cãi. Do nơi ta mà họ sẽ đối chọi lẫn nhau. Ta phải làm sao

cho họ sẽ vì ta mà chấm dứt mọi tranh chấp.”

Nghĩ rồi, Đại đức bèn báo hai nhóm thiện tín rằng: “Quý vị ở bờ sông bên này, cũng như quý vị ở bờ sông bên kia, đều là những người có công hộ độ cho ta cả. Ta không thể nào theo ai mà bỏ ai.

Thôi thì quý vị ở bên này hãy tập hợp ở bên bờ ấy, và quý vị ở bờ bên kia hãy tập hợp ở bờ bên kia.”

(Đến ngày thứ bảy, Đại đức ngồi kiết già ở giữa sông, lơ lửng trên từng cao độ bảy cây thốt nốt mà thuyết pháp cho đại chúng nghe.)

Thuyết pháp xong, Ngài nguyện: “Xá lợi của ta hãy phân làm hai, một rơi xuống bờ này, một rơi xuống bờ kia.”

Đoạn Ngài nhập vào hòa giới, lửa bốc lên có ngọn thiêu nhục thân Ngài. Xá lợi tự nhiên chia đôi, một phần rơi xuống bờ này, một phần rơi xuống bờ kia.

Đại chúng kêu gào than khóc nghe như mặt đất vô tình cũng vỡ tan từng mảnh, nấc lên những tiếng ai bi.

Khi Đức Bốn Sư Níp Bàn, quả đất vang rền tiếng than khóc não ruột của đại chúng trong bốn tháng dài, nghe thật bi ai sâu thẳm, mọi người đi lang thang kể lể rằng: “Đức Bốn Sư Ngài đã Níp Bàn, chúng ta không còn được trông thấy ánh từ quang, không còn được trông thấy kim thân của Ngài đáp y mang bát như thuở tại tiền.”

Dứt tích Bốn Sanh, Đức Bốn Sư phán hỏi Sa di Tissa:

- Này Tissa, trong khu rừng này có những tiếng cộp, beo gầm thét mà ông không sợ sao?

- Bạch Thế Tôn, chẳng những con không sợ mà khi nghe tiếng gầm thét của loài dã thú, con càng vui thích với cảnh lâm tuyền.

Nói rồi Sa di ngâm lên bài kệ trường thiên gồm sáu mươi đoạn mô tả phong cảnh núi rừng.

Khi ấy, Đức Thế Tôn phán gọi:

- Này Tissa.
- Dạ bạch Ngài.
- Như Lai sẽ đi với Tăng chúng, còn ông sẽ đi hay là trở lại?

- Bạch Ngài, nếu Thầy Tế độ của con dắt đi thì con đi, nếu người trở lại thì con trở lại.

Đức Bốn Sư cùng với Tăng chúng đồng lên đường. Ông Sa di đi lui lại tìm Thầy Tế độ. Gặp ông, Đại đức hỏi:

- Này Tissa, nếu ông muốn trở về chỗ ngụ thì cứ đi.

Ông Sa di Tissa đành lễ cáo biệt Đức Bốn Sư và Tỳ khưu Tăng rồi trở lại. Đức Bốn Sư thì đi luôn về Jetavana.

Trong phòng pháp hội, giữa các Tỳ khưu, pháp thoại sau đây được đề khởi: “Chà! Tội nghiệp ông Sa di Tissa bây giờ tu khổ hạnh quá. Từ ngày ông tục sanh, song thân ông đã thiết lập bảy cuộc đại thí cơm trắng nấu với sữa tươi hay mật ong pha đặc để cúng dường đến năm trăm vị Tỳ khưu. Đến khi ông xuất gia, song thân ông lại thiết lễ Trai Tăng bảy ngày liền trong chùa, cúng dường cơm trắng này với mật pha chút ít nước đến Tỳ khưu Tăng có Đức Phật làm tọa chủ. Xuất gia rồi, từ ngày thứ tám ông vào làng đi bát, trong hai ngày được cúng ngàn bát cơm cùng ngàn bộ y tắm. Qua ngày sau được thêm ngàn lá y gấm ngự hàn. Đến nay, ông vào cư ngụ trong rừng lại có lễ lộc dồi dào phát sanh đến cho ông, mà rồi ông cũng xả bỏ tất cả lợi danh như thế, đi vào rừng sâu, ăn cơm trộn lộn trong bát. Thật là ông Sa di tu hành khổ hạnh quá.

Đức Bốn Sư ngự đến phán hỏi: “Này các Tỳ khưu, hôm nay các ông ngồi thảo luận việc chi đó?”.

- Bạch Ngài, chuyện như vậy...

Nghe vậy, Đức Bốn Sư dạy rằng:

- Phải đó, này các Tỳ khưu, có hai đường lối khác nhau. Con đường thiên về thế lợi như trên là khác và con đường hành đạo để chứng đạt Níp Bàn là khác. Thật thế, Tỳ khưu nào cứ mong ước: “Ta sẽ được lễ lộc như thế.”, dẫu cho có thọ các chi Đâu đà nhất là ngụ trong rừng mà còn lo gìn giữ lợi danh thì nhất định bốn cảnh ác thú đang mở rộng chờ đón ông ta. Còn Tỳ khưu muốn đặt bước lên đường Níp Bàn, thì xả bỏ hết lợi danh, lễ lộc, vào cư ngụ trong rừng vắng, tinh tấn hành đạo không xao lãng, thì sẽ chứng đắc quả A La Hán chẳng sai.

Đức Bốn Sư kết luận xong, còn thuyết pháp giải rộng thêm những nghĩa lý và đọc bài kệ này:

“Añña hi lābhūpanisā,
Añña nibbānagāminī;
Evametam abhiññāya,
Bhikkhu buddhassa sāvako;
Sakkāraṃ nābhinandeyya,
Vivekamanubrūhayeti.”

*“Một đường hưởng lộc thế gian,
Một đường tu chứng Níp Bàn vô sanh.
Tỳ khưu Phật tử phải rành,
Chớ nên tham đắm lợi danh thế quyền.
Đạo màu ráng để tâm chuyên,
Đi đường giải thoát bình yên lâu dài.”*



CHÚ GIẢI:

Aññā hi lābhūpanisā, aññā nibbānagāminī: (Đường theo thể lợi khác, đường đến Níp Bàn khác). Quả nhiên, muốn có lợi lộc phát sanh, vị Tỳ khuru phải gây tạo một vài nghiệp bất thiện, tà vạy, nhất là thân tà hạnh (*kāyavaṇṇa*), nhờ vậy mới kiếm được lợi lộc. Thật thế, như phần cơm bát chẳng hạn, nếu có giơ tay ra thẳng cánh, không chịu cong queo thì bàn tay sẽ ngay ra để xuống chỉ có đụng được mà thôi. Còn như chụm tay lại đưa xuống, đến khi giờ lên thì có thể bốc lấy cục cơm mà đem lên được. Chính khi nào làm việc tà vạy, nhất là thân tà hạnh như thế, mà lẽ lộc phát sanh, thì con đường tu hành này chỉ thiên về danh lợi thế gian, không hợp theo lẽ đạo (*adhammika*), còn dính mắc trong vòng tái sanh luân hồi. Lợi lộc phát sanh hợp theo lẽ đạo là khi nào vị Tỳ khuru chỉ nương theo y bát, nghiêm trì giới luật, cư ngụ trong rừng... Tỳ khuru là hành giả đi trên đường đến Níp Bàn phải dứt bỏ tất cả tà hạnh do thân khẩu là nhiều nhứt, không đui phải làm như đui, không câm phải làm như câm, không điếc phải làm như điếc, không nên lường gạt tráo trở, giả dối điêu ngoa.

Evametam abhiññāya bhikkhu buddhassa sāvako: (Như vậy hiểu biết rành, Tỳ khuru đệ tử Phật). Sau khi hiểu biết rành rẽ con đường đưa đến Níp Bàn và con đường theo thể lợi khác nhau như vậy, Tỳ khuru là Thinh Văn đệ tử Phật, đã giác ngộ được đâu là Chánh pháp, đâu là phi pháp.

Sakkāraṃ nābhinandeyya, vivekamanubrūhayeti: (Chớ vui theo lợi danh, hãy chuyên tu giải thoát). Đây là huấn từ dạy thêm vị Tỳ khuru, không nên vui theo tứ vật dụng và sự lẽ bái phi pháp, nhưng nếu lẽ vật ấy hợp pháp thì cũng đừng từ chối. Hãy thực hành tịnh pháp (*viveka*), nhất là thân thanh tịnh, ở đây có nghĩa là thân sống độc cư (*kāyassa ekābhāva*). Tâm thanh tịnh (*upadhiviveka*) tức là

Níp Bàn. Người có thân thanh tịnh là người xa lánh chỗ đông đảo, bè phái. Người có tâm thanh tịnh là người xa lánh việc chắt chứa phiền não. Người có thủ thanh tịnh là người xa lánh được tất cả pháp hữu vi. Thân thanh tịnh là duyên sanh tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh là duyên sanh thủ thanh tịnh.

Cũng có thể giải rằng: Người có thân thanh tịnh (*kāyaviveka*) là người thỏa thích trong sự xuất gia hành đạo; một mình ở chỗ hẻo lánh quạnh hiu; người có tâm thanh tịnh (*attaviveka*) là người đã đạt đến mức thánh thiện tối cao về mặt tinh thần; và người có thủ thanh tịnh (*upadhiviveka*) là người đã chấm dứt cái vòng luân hồi, không còn bị pháp hữu vi (*saṅkhāra*) chi phối để phải tái sanh làm người lại nữa.

Tỳ khuru nên ráng xúc tiến thực hành tròn đủ ba pháp Thanh tịnh trên đây luôn luôn.



Đức Bốn Sư vừa dứt thời pháp, có nhiều Tỳ khuru chứng đắc Thánh quả, nhất là quả Tu Đà Hườn.



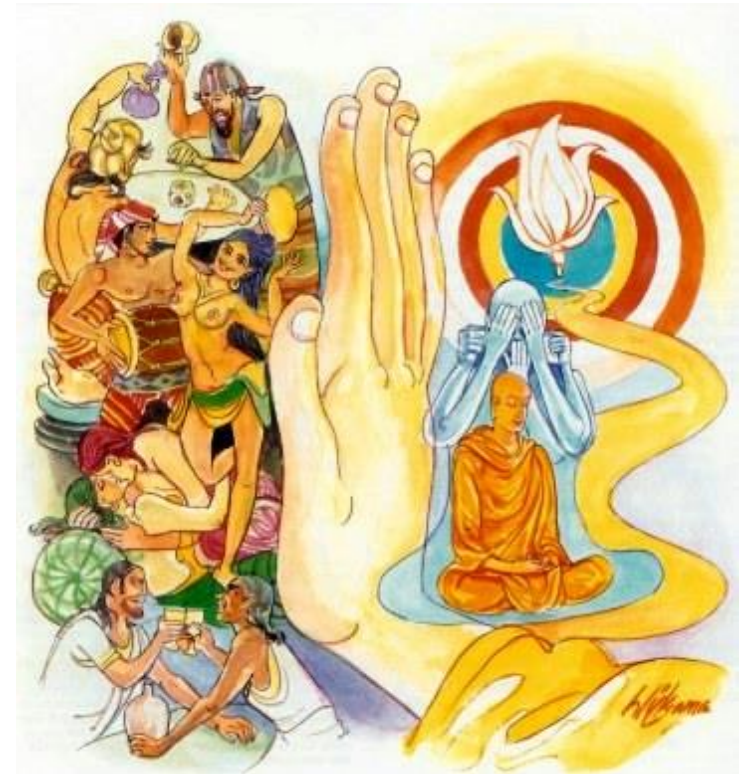
Dịch Giả Căn Đề

*Đề Xá Sa di bảy tuổi đầu,
Tu rừng giác ngộ lý cao sâu,
Sườn non thấy tiếp màu xương trắng,
Nước biển xem thua suối lệ sầu.
Lẽ lộc hơn người thêm khổ lụy,
Tài danh quán chúng nặng lo âu,
Con đường thế lợi nhiều khê lăm,
Thà sống an vui với đạo màu.*



DỨT TÍCH TISSA CƯ LÂM

DỨT PHẨM NGU NHƠN



75. The true disciple should know the path to worldly gain as one and that to Nibbāna as another.

75. Vị đệ tử chân chánh phải biết rõ con đường đi đến lợi lạc thế gian khác với con đường đi đến Níp Bàn.

VI. PHẨM HIỀN TRÍ (PAṆḌITAVAGGA)

14 bài kệ: Pháp Cú số 76- 89

11 tích truyện



VI. 1- Tích ĐẠI ĐỨC LA ĐÀ (Rādhatheravattṭhu)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 76)

“Nidhīnaṃ’ vapavattāra, Yaṃ passe vajjadassināṃ; Niggayhavādiṃ medhāviṃ, Tādisaṃ paṇḍitaṃ bhaje; Tādisaṃ bhajamānassa, Seyyo hoti na pāpiyoti.”	“Được hiền nhân thánh thiện, Chỉ bày lối thô thiên, Nên hoan hỷ kết tình, Tôn như bậc cao minh. Chỉ đường ta kiếm lại, Hâm chôn giấu của cải, Thân hiền lợi ích nhiều, Chẳng có chi tai hại.”
--	--

Kệ Pháp Cú này, Đức Bốn Sư đã thuyết ra khi Ngài an ngự tại Jetavana, đề cập đến Đại đức Rādha (La Đà).

Tương truyền rằng: Lúc còn ở tại gia, Đại đức trên đây vốn là một ông Bà la môn nghèo khó, cư ngụ trong thành Sāvattṭhī. Vì muốn xuất gia để sống gần gũi chư Tỳ khưu, ông ta đến chùa xin ở làm công quả, nhứt là phụ giúp chư Tăng trong các việc lật vật như quét dọn cốc liêu, đựng nước rửa mặt... Tuy nhiên, chư Tăng không nhận cho

ông xuất gia, không được toại nguyện, ông trở nên ốm o gầy mòn.

Một hôm, trong lúc quán sát thế gian vào lúc sáng sớm, Đức Bốn Sư quán thấy ông Bà la môn ấy. Để xem ông ta có đủ căn lành hay không, Ngài quán thêm nữa thì biết ông sẽ đắc quả A La Hán. Cho nên, chiều hôm ấy, Đức Thầy ung dung bách bộ trong vòng tinh xá, như đi kinh hành rồi ngự ngay đến chỗ ở của ông Bà la môn và phán hỏi rằng:

- Này ông Bà la môn, thường ngày làm công việc chi?
- Bạch Ngài, con làm tất cả mọi việc hộ giúp chư Tăng.
- Ông có được chư Tỳ khưu tế độ chăng?
- Bạch Ngài, về vật thực thì con được tiếp độ, nhưng chư Tăng không nhận cho con xuất gia.

Nhân dịp này, Đức Bốn Sư triệu tập Tăng chúng và phán hỏi về vấn đề Bà la môn.

- Này các Tỳ khưu, trong các ông, có ai nhớ ra rằng mình đã có thọ bát của ông Bà la môn này chăng?

Đại đức Sārīputta đáp rằng:

- Dạ bạch Ngài, con đã nhớ ra, trong lúc con đi trì bình trong thành Rājagaha, chính ông này đã đích thân để bát cúng dường đến con một vá thực phẩm. Con nhớ rằng con đã thọ bát của ông ta.

- Này Sārīputta, một người hộ giúp ông như thế, không đáng được ông giải khổ hay sao?

Nghe Đức Bốn Sư hỏi vậy, Đại đức Sārīputta vội đáp:

- Lành thay! Bạch Ngài, con sẽ tế độ ông ta.

Nói rồi, Đại đức làm lễ xuất gia cho ông Bà la môn ấy. Mỗi lần nhập chúng trong Trai tăng đường, vị tân sư này phải khó khăn vất vả trong sự thọ lãnh vật thực như cơm cháo, vì ông phải đi đến chỗ ngồi ở phía sau cùng chư Tỳ khưu. Thấy vậy, Đại đức mới dắt ông đi du phương, một thầy một trò và nhân thể luôn kèm dạy lẫn lẫn, nhắc nhở ông những điều nên hành và những điều phải tránh.

Là người dễ dạy, hết lòng tôn kính thầy chỉ dạy, Sư Rādhā chăm chỉ hành đúng theo huấn từ của Đại đức Sārīputta, mấy ngày sau Đại đức Rādhā chứng đắc A La Hán quả. Kế đó, Đại đức dắt Sư trở về yết kiến Đức Bốn Sư. Sau khi hai vị đệ tử đánh lễ và ngồi xuống, Đức Bốn Sư hỏi Đại đức những câu hàn huyên thông thường rồi Đức Bốn Sư hỏi Đại đức rằng:

- Này Sārīputta! Học trò mới của ông có dễ dạy không?

- Bạch Ngài, ông ta rất mềm mỏng, dễ dạy. Ông ta không hề tỏ ra nóng giận mỗi khi bị chỉ trích đâu là phạm lỗi nhỏ nhen chút ít.

- Này Sārīputta, nếu được những người như vậy theo xin ông tế độ, thì ông sẽ thu nhận bao nhiêu cho xuất gia.

Một hôm nọ, chư Tỳ khưu câu hội trong giảng đường, đưa ra luận đề như vậy: “Tiếng đồn Đại đức Sārīputta là người biết ghi ơn và biết đền ơn. Sau khi nhớ lại sự hỗ trợ của ông Bà la môn nghèo, đầu chỉ một vá thực phẩm, cũng chịu khó tế độ cho ông ta xuất gia. Đại đức Rādhā cũng là người giỏi chịu đựng, uốn nắn, mới gặp được thầy khéo dạy dỗ như thế.”.

Khi Đức Bốn Sư ngự đến giảng đường, nghe chư Tỳ khưu bạch lại đề tài của cuộc luận đạo, Ngài phán rằng:

- Này các Tỳ khưu, không phải bây giờ mới như thế đâu, trước kia Sārīputta cũng đã từng là người biết ghi ơn và biết đền ơn như thế rồi.

Đoạn Ngài lại dẫn tích xưa, bắt đầu đọc kệ rằng:

“Alīnacittam nissāya,
Pahaṭṭhā mahatī camū;
Kosalam senāsantuṭṭham,
Jīvaggāham agāhayi.
Evam nissaya sampanno,
Bhikkhu āraddhavīriyo;
Bhāvayaṃ kusalam dhammam,
Yogakkhemassa pattiya;
Pāpuṇe anupubbena,
Sabbasaṃyojanakkhayanti.”

*“Nhờ phẩn chấn tâm dẫn đầu,
Đại bình hoan hỷ phục thù san hà.
Sanh cầm vua Kiêu Tát La,
Phá tan quân địch bắt hòa chúa tôi.
Cũng vậy phẩn chấn tâm rồi,
Tỳ khưu tinh tấn trau dồi thiện duyên,
Chăm lo trì giới tham thiền,
Níp Bàn tịch tịnh chứng liên chẳng sai.
 Bao nhiêu kiết sử dằng dai,
Lần lượt cắt hết một hai chẳng còn.”*

Kế đó, Đức Bốn Sư thuyết giảng rành mạch tích Bốn Sanh Phẩn Chấn Tâm (Alīnacitta Jātaka), gồm có hai phân đoạn trên đây. Trong đó, con tượng chúa độc chiếc, đã đem con tượng con toàn sắc trắng của mình hiến tặng cho

ông thợ mộc vì nhớ ơn người đã chữa lành vết thương nơi chân, chính là Đại đức Sārīputta đây vậy.

Sau khi kể sự tích tiền thân Đại đức Sārīputta, Đức Bốn Sư lại đề cập đến Đại đức Rādha.

- Này các Tỳ khưu, bất kể là Tỳ khưu nào, cũng nên noi gương dễ dạy của ông Rādha đây mà bắt chước. Nếu được người trí thức chỉ rõ lỗi mình, không nên nóng giận trong lúc nhận lãnh những lời dạy dỗ. Phải xem người ban huấn từ như là bậc hướng đạo chỉ cho mình chỗ có hầm chôn giấu của cải vậy.

Pāli:

“Nidhīnaṃ’va pavattāraṃ,
Yaṃ passe vajjadassinaṃ;
Niggaḃhavādiṃ medhāvīṃ,
Tādisaṃ paṇḍitaṃ bhaje;
Tādisaṃ bhajamānassa,
Seyyo hoti na pāpiyoti.”

Dịch:

“Gặp người hiền trí giải bày,
Những điều lầm lỗi sửa sai cho mình.
Hãy nên cùng họ kết tình,
Xem họ như bậc cao minh chỉ đường.
Cho ta tìm thấy kho tàng,
Gần hiền vô hại, lợi càng gia tăng.”



CHÚ GIẢI:

Trong Pāli, tiếng *Nidhīnaṃ* nghĩa là: Những kho tàng bí mật, hay là những chỗ nào mà người đã đào lên chôn

giấu của cải, thường là những chỗ đựng đầy vàng, bạc chẳng hạn.

Pavattāraṃ: Người chỉ lỗi không khác nào người có lòng từ mẫn muốn tế độ những kẻ khốn cùng khỏi cảnh vất vả lâm than, bèn kêu: “Hãy lại đây, ta sẽ chỉ cho các người một lối sống an vui.”, rồi dắt họ đến tận chỗ chôn của để dành, lấy tay chỉ và bảo họ: “Hãy lấy của này và sống an vui đi.”.

Vajjadassinaṃ: (Người cho thấy lỗi). Có hai hạng Tỳ khưu ưa vạch lỗi của người khác. Một là hạng Tỳ khưu tiểu tâm tìm lỗi lầm sơ suất của Tỳ khưu bạn, để lên mặt khiển trách người ở giữa Tăng chúng. Hai là hạng Tỳ khưu có tâm bi mẫn, muốn tế độ người tăm tối dốt nát, muốn dắt y đi lần đến chỗ sáng suốt, thông minh, giúp cho y tăng trưởng về mặt trí đức, cho nên mỗi việc lầm lỗi của y đều vạch ra cho y nhìn thấy để sửa chữa, ngõ hầu tiến lên bậc trên, trở nên con người đạo hạnh gương mẫu, tiếng *Vajjadassinaṃ* trong bài kệ chỉ hạng Tỳ khưu thứ hai này vậy.

Quả thật, ví như một người khốn cùng, gặp được người chỉ bảo: “Hãy lấy của này đi!”. Dầu cho người ấy có dọa nạt, đánh đập anh ta chẳng nữa, anh ta cũng không nóng giận mà còn vui thích là khác khi mà mắt anh ta nhận thấy được chỗ chôn vàng.

Cũng vậy, Tỳ khưu nào nhận thấy điều sơ suất lỗi lầm của mình bị vạch ra, không nên tỏ vẻ nóng giận trong khi được chỉ dạy. Trái lại, phải hết lòng hoan hỷ và phải yêu cầu như vậy: “Bạch Ngài, ơn Ngài chỉ bảo thật rất trọng đại, xin Ngài hãy nhận làm Thầy Tiếp dẫn hoặc Thầy Tế độ của con mãi mãi, để ban thêm nhiều huấn từ giáo hóa cho con.”.

Niggaḃhavādī: (Là người phản đối, khiển trách).

Như có một số Thầy Tế độ (Hòa thượng) hoặc Thầy Tiếp dẫn (Yết Ma) nhìn thấy các đệ tử sơ suất phạm lỗi, nhưng không dám nói ra vì cho rằng: “Ông này chăm lo hầu hạ ta đàng hoàng tử tế, phục vụ ta được nhiều việc, nhất là dùng nước rửa mặt, nếu ta vạch lỗi ông ta sợ e ông ta sẽ không hầu hạ ta nữa, như thế thì ta sẽ bị thiệt thòi.”. Tỳ khưu nghĩ như vậy không đáng gọi là Niggayhavādī. Vị ấy dung túng tội lỗi, như người xả rác trong giáo pháp này vậy.

Còn vị thầy nào thấy đệ tử mình phạm lỗi như thế, mà chỉ dạy, nhắc nhở giới luật, có khi đe dọa đòi đuổi, bắt chịu hình phạt hoặc không cho ở trong chùa thì mới đáng gọi là Niggayhavādī. Cũng như câu kim ngôn của Đức Chánh Biến Tri có dạy rằng: “Này Ānanda, việc đáng phản đối thì Như Lai khiển trách, cấm ngăn. Này Ānanda, việc đáng ủng hộ thì Như Lai khích lệ, thúc đẩy.” (Niggayha niggayhāham, Ānanda, vakkhāmi; paggayha paggayhāham Ānanda vakkhāmi. Yo sāro soṭhassatīti.).

Medhāvīṇ: Bực này có đầy đủ trí tuệ đã nếm được hương vị của Pháp Bảo.

Tādisaṇ: Nên giao hảo, nương nhờ, học hỏi với bậc hiền trí như thế.

Quả thật, vị đệ tử mà nương nhờ học hỏi với Giáo sư như vậy thì thâm hoạch được nhiều lợi ích, không bao giờ phải chịu thiệt thòi, hoặc tăng thêm những điều quấy ác tai hại.



Thời pháp vừa dứt, nhiều vị Tỳ khưu chứng đắc Đạo quả.



Dịch Giả Căn Đề

*Đầu on nhỏ mọn cũng không quên,
Đợi lúc lâm nguy mới đáp đền,
Người trí tày cơ mà ứng biến,
Giúp cho bạn cũ được làm nên.
Giữ tánh nhu hòa diệt nét sân,
Một lòng cầu tiến, học chuyên cần,
Càng mau thấy lỗi càng mau sửa,
Thầy đó, trò đây, thầy Thánh nhân.*

DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC RĀDHA





76. Associate with wise persons
Who like treasure-revealers show your faults
constructively.

**76. Hãy thân cận những bậc trí chỉ bảo các lỗi
lầm của ta vì các vị ấy cùng như người phát hiện
kho báu.**

VI. 2- Tích ÁC TĂNG (Assajipunabbasukavatthu)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 77)

“Ovādeyyānusāseyya, “*Những người hay khuyên giải,*
Asabbhā ca nivāraye; *Cản ngăn điều chẳng phải,*
Sataṃ hi so piyo hoti, *Người sáng trí kính yêu,*
Asataṃ hoti appiyoti.” *Kẻ tối thì trái lại.*”

Kệ Pháp Cú này, Đức Bốn Sư thuyết ra khi Ngài an ngự tại Jetavana, đề cập đến nhóm Tỳ khưu Assajipunabbasuka (Ác Tăng).

Câu chuyện của nhóm Tăng này đã phát khởi tại miền núi Kiṭa.

Tương truyền rằng: Họ là những Tỳ khưu quấy ác, không biết hổ thẹn tội lỗi, mặc dầu vị nào cũng đã từng là đệ tử của hai vị Thượng Thánh Văn. Họ quy tụ được đồ chúng cũng quấy ác như họ, gồm có năm trăm Tỳ khưu cùng trú ngụ chung nhau, tự mình trồng hay bảo kẻ khác trồng hoa... sửa kiếng... Nói tóm lại là họ tạo nhiều việc tà hạnh, làm hư hỏng các gia đình thiện tín, để nhờ đó mà nuôi sống bằng tứ vật dụng tà mạng. Họ chấp chứa các Tỳ khưu quấy ác như thế, còn những vị trong sạch thì bị họ đuổi đi, không cho ở (anāvāsaṃ akāṃsu).

Việc tác tệ của nhóm Tỳ khưu này thấu đến tai Đức Thế Tôn. Để hành Tăng sự trục xuất (pabbājanīyakam-makaraṇa) họ ra khỏi vùng cư trú, Đức Thầy gọi hai vị Thượng Thánh Văn cùng với đoàn tùy tùng của các Ngài, đến phán bảo:

- Này Sārīputta, các ông hãy ra đi... Hễ những ai không vâng lệnh các ông, thì các ông hãy cho đọc tuyên ngôn trục xuất họ. Còn những ai vâng lệnh thì ông hãy dạy dỗ nhắc nhở họ. Quả thật, đối với người dạy dỗ, nhắc nhở thì những kẻ thiếu trí không mấy gì yêu mến, nhưng những người sáng suốt thì lại kính yêu.

Tiếp theo đó, Đức Bốn Sư thuyết pháp và kết luận bằng kệ ngôn rằng:

“Ovādeyyānusāseyya,
Asabbhā ca nivāraye;
Sataṃ hi so piyo hoti,
Asataṃ hoti appiyoti.”

*“Người hay dạy dỗ khuyên răn,
Thấy ai phạm lỗi can ngăn tức thì.
Người sáng trí kính yêu vì,
Kẻ tối, trái lại sân si oán thù.”*



CHÚ GIẢI:

Tiếng *Ovādeyya* trên đây nghĩa là chỉ dạy về điều lỗi nào đã hoặc đang phạm. Còn tiếng *anusāseyya* là chỉ dạy khuyên răn về điều lỗi nào chưa phạm nhưng có thể phạm trong tương lai, và làm hạ phẩm giá của người phạm lỗi.

Dạy dỗ người cách trực tiếp, lúc giáp mặt gọi là *ovadati*, còn dạy dỗ gián tiếp hoặc bằng thơ, hoặc bằng lời nói nhắn thì gọi là *anusāsati*.

Dạy dỗ chỉ một lần cũng gọi là *ovadati*, còn dạy dỗ theo cách dạy đi dạy lại nhiều lần nối tiếp theo thì dạy những lần sau gọi là *anusāsati*.

Câu kệ đầu là nói về sự chỉ dạy bằng cả hai cách như đã giải trên.

Asabbhā có nghĩa là ngăn cấm các bất thiện pháp và khuyến khích các thiện pháp.

Sataṃ: người sáng trí như thế, hằng được các bậc đại nhân, nhất là chư Phật mến yêu.

Asataṃ: những người chưa giác ngộ chơn lý giải thoát, xuất gia chỉ có mục đích kiếm ăn để nuôi thân sống mà thôi cho nên đối với người dạy dỗ khuyên răn họ, họ trả lời trắng trợn như muốn xia xối vào mặt: “Sư không phải là Thầy Tế độ, không phải là Thầy Tiếp dẫn của chúng tôi, tại sao Sư lại muốn dạy chúng tôi?”; kẻ tối mê không ưa mà còn ghét người dạy dỗ như thế.



Đến cuối thời Pháp nhiều vị Tỳ khưu chứng đắc Thánh Quả, nhất là Tu Đà Hườn.

Sau khi nhận lãnh huấn từ của Đức Bốn Sư, Đại đức Sārīputta cùng Đại đức Moggallāna ra đi đến dạy dỗ, nhắc nhở nhóm Tỳ khưu tà hạnh. Có một số nhận lãnh huấn từ giáo hóa, cải tà qui chánh, một số tự động xin hoàn tục, còn một số không nhận lỗi bị Tăng tụng tuyên ngôn trục xuất ra khỏi địa phương Kìta.



Dịch Giả Cử Đề

*Phẩm giá nhà sư chẳng giữ gìn,
Làm điều tà hạnh để mưu sinh,
Biết nghe lời dạy còn yêu Phật,
Ngao cổ thì theo hản thế tình...*

DỨT TÍCH ASSAJIPUNABBASUKA





77. Advice of wise persons pleases the virtuous and displeases the evil ones.

77. Lời khuyên của bậc trí làm vui lòng người hiền và làm mất lòng người ác.

VI. 3- Tích ĐẠI ĐỨC SA NẶC (Channattheravattu)



Kệ ngôn: (Pháp Cú số 78)

“Na bhaje pāpake mitte, Na bhaje purisādhame; Bhajetha mitte kalyāṇe, Bhajetha purisuttameti.”	“Đừng thân cận bạn ác, Đừng thân kẻ tiểu nhân, Tìm bạn lành, hiệp tác, Gặp quân tử cầu thân.”
---	--

Kệ Pháp Cú này, Đức Bốn Sư thuyết ra khi Ngài an ngự tại Jetavana, đề cập đến Đại đức Channa (Sa Nặc).

Tương truyền rằng: Đại đức có lần thốt ra lời mai mỉa hai vị Thượng Thỉnh Văn như sau: “Trong khi Thái tử, con đại vương ta phát nguyện xuất gia tu hành khổ hạnh, thì Ngài ra đi chỉ có một mình, ta chẳng thấy có mặt nào khác. Thế mà, bây giờ có người đi đâu cũng tự xưng tên: Ta là Sāriputta, ta là Moggallāna. Chúng ta là Thượng Thủ Thỉnh Văn...”

Đức Bốn Sư được chư Tỳ khưu bạch lại việc này, bèn cho gọi Đại đức đến khuyên răn, dạy. Đại đức nín nhịn được ba lần như vậy, nhưng sau đó lại vẫn mỉa mai hai vị Thượng Thủ Thỉnh Văn như trước.

Trong khi đang mỉa mai như thế, lần thứ ba Đại đức bị Đức Bốn Sư đòi đến và phán dạy rằng:

- Này Channa, hai Tỳ khưu ấy là Thượng Thỉnh Văn, chính là bậc đại trượng phu quân tử, là những bạn lành

của ông. Ông nên thân cận giao kết với những bạn lành như thế.

Nói rồi, Đức Bốn Sư nhân đó thuyết một thời pháp, Ngài kết luận bằng bài kệ này:

“Na bhaje pāpake mitte,
Na bhaje purisādhame;
Bhajetha mitte kalyāṇe,
Bhajetha purisuttameti.”

*“Đừng thân cận bạn ác, ngu,
Đừng gần gũi kẻ thất phu tục tử.
Chỉ nên kết nghĩa kim bằng,
Với bậc hiền đức, trí năng hơn đời.”*



CHÚ GIẢI:

Bài kệ trên đây có ý khuyên các Tỷ khưu không nên giao thiệp với hai hạng bạn ác: Một là bọn người truy hoan trong các bất thiện pháp, nhất là thân tà hạnh (kāyaduccaritā) như hành động trộm cướp chẳng hạn. Và hai là hạng đê tiện thấp hèn trong số hai mươi một hạng người không nên thân cận. Trái lại, những người lành, thuộc hạng trượng phu quân tử thì nên tìm đến mà cầu thân giao kết.



Sau thời pháp, có nhiều Tỷ khưu chứng đắc Thánh quả, nhứt là Tu Đà Hườn quả.

Đại đức Channa mặc dù nghe được huấn từ, sau đó cũng vẫn còn tiếp tục mĩa mai, nhiếc móc các Tỷ khưu. Chư Tăng lại bạch lên Đức Thế Tôn việc làm khiếm nhã này. Đức Thầy phán rằng: “Nầy các Tỷ khưu, trong lúc Như

Lai còn tại thế, các ông không thể nào bắt buộc Channa vâng giữ điều học được. Rán chờ khi Như Lai Níp Bàn rồi, các ông sẽ dạy dỗ ông ta.”.

Và khi Ngài sắp Níp Bàn, nghe Đại đức Ānanda bạch hỏi:

- Bạch Ngài, chúng con phải dùng pháp nào để cảm hóa Đại đức Channa?

Ngài dạy rằng:

- Nầy Ānanda, hãy dùng hình phạt Phạm Đàn (Brahmmadāṇa) một cách phạm tội là tuyệt giao, không tiếp xúc chuyện trò chi với vị Sư phạm tội cả, mà phạt Tỷ khưu Channa.

Trong lúc Đức Bốn Sư Níp Bàn, vừa nghe tiếng Đại đức Ānanda đã tuyên bố phạt Phạm Đàn mình, Đại đức Channa đang buồn khổ phải ngất xỉu đến ba lần, tỉnh lại thì kêu than:

- Bạch các Ngài, xin đừng hủy diệt.

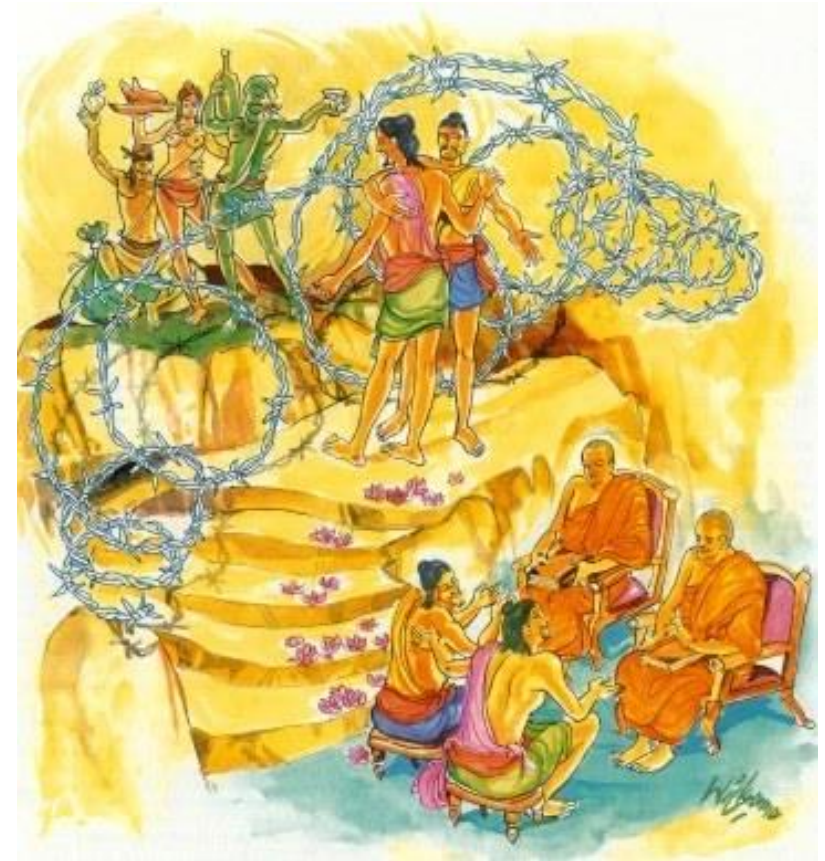
Sau khi hối ngộ không bao lâu, Đại đức thực hành tròn đủ Phạm hạnh nên đắc quả A La Hán với Tuệ phân tích.



Dịch Giả Căn Đề

*Thếp còn bị lửa đốt mềm thay,
 Sa Nặc đành thua một phép này,
 Phật tại, phạm hình chưa đúng lúc,
 Nhân sanh, nghiệp quả phải chờ ngày.
 Vô đòn tâm lý, sao mà nặng,
 Bài học ừ sâu, nghĩ cũng hay,
 Gái bình công cao vừa trị diết,
 Thì ngôi La Hán đã phô bày.*

DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC CHANNA



78. Associate not with the wicked and the evil. Seek the company of noble and virtuous friends.

78. Đừng nên thân cận với người ác độc và người hèn hạ. Hãy thân cận với người bạn đức hạnh và người bạn cao thượng.

VI. 4- Tích ĐẠI ĐỨC MA HA KIẾP TÂN NA (*Mahākappinattheravatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 79)

**“Dhammapīti sukhaṃ seti, *“Các pháp hỷ thành thoi,*
Vippasannena cetasā; *Với tâm tư thuần khiết,*
Ariyappavedite dhamme, *Nghe pháp Thánh nhân thuyết,*
Sadā ramati paṇḍitoti.” *Người trí mãi vui chơi.”***

Kệ Pháp Cú này, Đức Bốn Sư đã thuyết ra khi Ngài ngự an tại Jetavana, đề cập đến Đại đức Mahākappina (Ma Ha Kiếp Tân Na).

Và đây là sự tích kể theo thứ lớp.

Tương truyền rằng: Từ thời quá khứ, Đại đức Mahākappina đã từng cúng dường, rồi phát nguyện dưới chân Đức Phật Padumuttara. Trong thời gian phiêu lưu trong vòng luân hồi, có kiếp Đại đức tái sanh vào gia tộc ông trưởng đoàn thợ dệt, trong một khu phố dệt cách thành Bārāṇasī không bao xa.

Vào thời ấy, có một ngàn vị Độc Giác Phật, sau khi trú ở miền Tuyết Sơn đã tám tháng, các Ngài đến thành Bārāṇasī để tìm nơi an cư trong bốn tháng mùa mưa. Các Ngài dừng chân tại một địa điểm cách thành Bārāṇasī không xa, cử tám vị đi yết kiến quốc vương để xin nhân công đến xây cất chỗ ngụ cho các Ngài.

Bấy giờ, nhằm lúc đức vua đang bận tổ chức cuộc lễ gieo mạ. Khi nghe quan hầu báo tin có chư Phật Độc Giác ngự đến, quốc vương lâm triều và phán hỏi cho rõ mục

đích của cuộc tiếp xúc này.

- Bạch chư Đại đức, trẫm không thể chuẩn nhận lời xin của chư Đại đức bởi vì sáng mai trẫm sẽ cử hành cuộc lễ gieo mạ kéo dài cả ba ngày đêm liền.

Phán rồi, quốc vương trở vào hoàng cung không mời thỉnh chư Phật Độc Giác cúng dường vật thực chi cả. Các Ngài đành ra khỏi thành, tính thăm: “Chúng ta sẽ đến một làng khác.”

Ngay trong lúc ấy, bà vợ của ông trưởng đoàn thợ dệt đang đi vào thành Bārāṇasī vì một chút việc cần. Gặp chư Phật Độc Giác bà đành lễ xong, bạch hỏi:

- Bạch chư Đại đức, sao các Ngài đến trễ quá vậy?

Sau khi nghe rõ đầu đuôi câu chuyện, người nữ có đầy đủ đức tin và trí tuệ ấy mới thỉnh cầu:

- Bạch chư Đại đức, con xin thỉnh các Ngài, sáng mai đến thọ bát tại nhà con.

- Này cô, chư Tăng chúng tôi đông lắm

- Bạch chư Đại đức, các Ngài có tất cả bao nhiêu?

- Độ một ngàn vị cô ạ.

- Bạch chư Đại Đức, trong làng có một ngàn gia tộc, mỗi làng sẽ lo để bát một vị. Các Ngài hãy nhận thọ bát trước, rồi con sẽ lo liệu việc cất liêu cốc, chỗ ngụ để cúng dường các Ngài sau.

Chư Phật Độc Giác bèn nhận lời. Bà tín nữ đi vào làng, cất tiếng kêu gọi rằng: “Tôi đã gặp độ ngàn vị Phật Độc Giác và đã cung thỉnh Ngài, vậy quý vị hãy lo sắp đặt chỗ ngồi, nấu sẵn cơm cháo...”. Sau đó dựng lên một trang trại ở ngay giữa làng, trái lót tọa cụ đằng hoàng và qua ngày mai họ thỉnh chư Phật Độc Giác an tọa, rồi dâng cúng

vật thực ngon quý. Sau khi các Ngài dùng xong bữa, bà tín nữ dắt tất cả nữ nhân trong làng cùng đi với mình đến đánh lễ chư Phật Độc Giác và thỉnh các Ngài chấp nhận ở lại nơi đó an cư mùa mưa ba tháng.

Kế đó, bà tín nữ vào làng, cất tiếng kêu gọi rằng:

- Này các người ơi! Mỗi nhà hãy đơn cử một người nam, đem theo búa rìu vào rừng đốn cây làm vật liệu mang về dựng kiến tạo chỗ ngụ hộ các chư Đại đức.

Dân chúng trong làng, theo lời của bà tín nữ, mỗi nhà đưa ra một nam nhân, hiệp lực công tác dựng lên ngàn thảo am (paṇṇasālā) có đủ chỗ hành đạo và nghỉ ngơi. Đến gần ngày an cư, các chủ nhà của những thảo xá tranh nhau cung thỉnh chư Phật Độc Giác và hứa hẹn: “Tôi nguyện sẽ hộ độ Ngài từ tế đàn hoàng.”. Nhà nào thỉnh được vị Phật nào ở thảo xá của mình thì lo hộ độ vị đó. Đến khi mãn hạ, mỗi nhà đều nhắc vị Phật của mình may y và dâng mỗi vị một xấp vải may y đáng giá một ngàn đồng.

Sau khi mãn mùa an cư, chư Phật Độc Giác tụng kinh phúc chúc cho các thí chủ xong, thì từ giả ra đi. Còn dân chúng trong làng nhờ tạo phước này, đến khi chết siêu sanh lên cõi trời Đao Lợi (Tāvātimsa) mệnh danh là thiên chúng (Gaṇadevaputta), hưởng lộc trời. Đến thời kỳ Đức Chánh Biến Tri Kassapa, họ cùng tái sanh vào những gia đình Trưởng giả trong thành Bārāṇasī, ông đoàn trưởng thợ dệt tái sanh làm con trai của ông Đại Trưởng giả trong thành, bà vợ của ông lại là một tiểu thư con của một Đại Trưởng giả khác. Tất cả các bà vợ của ông thợ dệt cũng là các tiểu thư của các nhà Trưởng giả và khi khôn lớn họ lại tái hợp với nhau như thuở trước.

Một hôm, dân chúng cùng rủ nhau vào tinh xá nghe thuyết pháp. Khi nghe nói: “Có Đức Bốn Sư thuyết pháp.”, tất cả Trưởng giả đồng thanh: “Chúng ta hãy đi nghe

pháp.”, và dắt luôn vợ đi vào tinh xá.

Lúc họ đến giữa vườn chùa thì trời đổ mưa. Những ai có người quen thuộc hoặc là thân quyến của các vị Sa di... thì chạy vào đụt mưa trong cốc của các vị ấy. Còn những ai không có người quen thì không biết chạy đâu, đành đứng y giữa sân tinh xá mà chịu trận.

Khi ấy, ông Đại Trưởng giả nói với họ rằng: “Quý vị hãy nhìn xem thảm trạng của chúng ta! Là con nhà danh giá cả, mà phải chịu cái cảnh xấu hổ như vậy. Thưa quý vị, bây giờ ta phải tính sao?”.

- Chúng ta sở dĩ gặp phải cảnh trạng huống như vậy là do thiếu chỗ thân thiện có thể nương nhờ. Vậy chúng ta nên bỏ tiền ra chung đậu lại mà cất lên một ngôi chánh điện (pariveṇa).

- Lành thay, thưa quý vị.

Ông Đại Trưởng giả bỏ ra ngàn đồng vàng, kỳ dư đều bỏ ra năm trăm đồng vàng cho mỗi vị, còn các nữ nhân thì cũng bỏ ra mỗi người hai trăm năm mươi đồng vàng để hùn vào. Khi góp được số tiền lớn ấy, họ khởi công xây cất một chánh điện mệnh danh là Đại Giảng Đường (Mahāpariveṇa), gồm cả ngàn cái nóc để cúng dường đến chư Tăng có Đức Bốn Sư là tọa chủ. Công trình kiến trúc đồ sộ quá, phí tổn rất nhiều, thành ra số tiền góp được khi trước không đủ, họ phải góp thêm hai lần phân nửa như vậy nữa.

Ngày khánh thành ngôi Giảng Đường Trùng Các này, họ cung thỉnh Đức Bốn Sư đến chứng minh cuộc đại lễ Trai Tăng suốt bảy ngày, và lúc sắp kết thúc đại lễ, họ lại cúng dường y đến hai muôn vị Tỳ khưu.

Vợ của Đại Trưởng giả không chịu đồng hưởng phước như mọi người, mà định sử dụng trí tuệ của mình để tạo ra

công đức tối thắng hơn: “Ta sẽ cúng dường đến Đức Bốn Sư.”. Nghĩ như vậy, bà lấy một đóa hoa Anoja (Hoàng Hoa), gói trong một khăn choàng có màu như hoa Anoja trị giá một trăm ngàn đồng vàng, chờ khi Đức Bốn Sư sắp tụng kinh phúc chúc, bà dâng y cùng hoa đến Ngài, đặt tẩm y choàng quý giá dưới chân Đức Phật, bà phát nguyện: “Bạch Ngài, xin cho con tái sanh trong cảnh giới nào, cũng được thân thể sáng màu vàng cam như sắc Hoàng Hoa (Anoja) đây vậy, và xin cho con được mang tên là Anoja (Hoàng Hoa) nữa.”.

Đức Phật phúc chúc: “Chúc con được mãn nguyện.”. Tất cả những gia trưởng trên đây sống tùy theo tuổi thọ, sau khi mạng chung đều thọ sanh về Thiên giới. Đến thời Đức Phật hiện tại, ông Đại Trưởng giả thời trước, từ cõi trời tái sanh vào hoàng tộc, tại thành Kukkuṭavati (Hùng Kê), đến tuổi trưởng thành thì được tôn vương, ngự hiệu là đức vua Mahākappina. Các Trưởng giả xưa kia cũng tái sanh vào cõi người, trong những gia tộc đại thần cả. Bà Đại Trưởng giả thì tái sanh vào hoàng tộc trong thành Tāyala, xứ Madda, được song thân đặt tên là công chúa Anoja (Hoàng Hoa), vì toàn thân công chúa có ánh sắc vàng cam như bông Anoja vậy. Các bà Trưởng giả kia cũng đều sanh vào các gia tộc quyền quý, đến khi trưởng thành lại kết hôn với những công tử con quan trong triều vua Mahākappina, theo đúng như quan hệ từ trước. Còn công chúa Anoja thì được hoàng đế Mahākappina rước về làm hoàng hậu trong triều.

Tất cả những quý tộc này đều giàu sang ngang hàng với quốc vương. Khi nào quốc vương vận triều phục, điểm trang lộng lẫy, cỡi voi ngự đi du ngoạn, thì họ cũng xuất hành đi theo chung thể, chứ không chịu kém. Còn quốc vương cỡi ngựa hoặc ngồi xe thì họ cũng cỡi ngựa hoặc ngồi xe mà đi như quốc vương. Họ được vinh hiển đồng

đẳng như vậy là do nhờ hưởng quả của những phước lành mà họ đã tạo dựng chung một lượt với nhau.

Quốc vương có năm con tuần mã tên là Bala (Lực), Balavāhana (Lực Tải), Puppha (Hoa), Pupphavāhana (Hoa Tải) và Supatta (Thiện Đạt). Quốc vương chỉ cỡi con Supatta, còn bốn con thì giao cho những sứ giả của vua cỡi để đi săn tin. Mỗi sáng quốc vương đãi đằng các vương sứ ăn uống xong rồi, phán bảo họ: “Chư khanh hãy đi, trải qua độ hai ba do tuần để nghe ngóng, dò hỏi: Khi biết rõ có Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng ra đời thì mang phúc tín về cho quả nhân.”.

Bốn vị vương sứ theo bốn cửa thành ra đi bốn hướng, trải qua hai ba do tuần chẳng bắt được tin lành, bèn trở về trào.

Một hôm, đức vua cỡi con tuần mã Supatta cùng với ngàn quan đại thần hộ giá, xuất thành du ngoạn, bỗng thấy năm trăm người lái buôn dạn dày sương gió, đang đi vào thành, quốc vương nghĩ thầm: “Những người lái buôn này có vẻ mệt mỏi phong trần vì đi đường xa. Trẫm sẽ hỏi thăm họ, may ra nghe được tin lành nào chẳng?”. Quốc vương cho đòi đoàn lái buôn đến và phán hỏi:

- Các người từ đâu đến đây?
 - Tâu đại vương, cách đây độ một trăm hai mươi do tuần, có một kinh thành tên là Sāvatthī. Chúng tôi từ đó đến đây.
 - Trong xứ đó của các người, có tin lành gì phát sanh lên chăng?
 - Tâu đại vương! Chẳng có tin lành chi khác ngoài ra cái tin Đức Chánh Biến Tri đã giáng thế.
- Vừa nghe tới đó, long thể tràn đầy năm thứ phi lạc,

quốc vương không suy tính được gì cả, một chập sau mới phán hỏi rằng: “Các khanh nói sao?”.

- Tâu đại vương, Đức Phật đã giáng thế.

Lần thứ nhì, rồi lần thứ ba quốc vương cũng ngỡ ngẩn vì quá vui mừng trong chốc lát như thế. Lần thứ tư, quốc vương lại phán hỏi: “Các khanh nói chi?”.

Khi nghe trả lời: “Tâu đại vương! Đức Phật đã giáng thế.”, quốc vương phán rằng:

- Nầy chư khanh, trẫm sẽ ân thưởng chư khanh một trăm ngàn đồng.

Phán rồi quốc vương lại hỏi tiếp:

- Về sau còn có tin lành nào khác nữa chẳng, các khanh?

- Tâu đại vương! Đức Pháp đã giáng thế.

Nghe tin này, đức vua cũng ngây ngất trong chốc lát ba lần như trước. Đến khi nghe câu: “Đức Pháp đã giáng thế.” Lần thứ tư, đức vua cũng hứa: “Trẫm sẽ ân thưởng chư khanh một trăm ngàn đồng.”. Hứa xong, đức vua lại phán hỏi:

- Về sau, có tin lành nào khác nữa không?

- Tâu đại vương, có Đức Tăng đã giáng thế.

Nghe vậy, đức vua cũng ngây ngất vì vui mừng trong chốc lát như ba lần trước. Và lần thứ tư khi nghe câu: “Đức Tăng đã giáng thế.”, đức vua cũng tuyên bố sẽ ân thưởng một trăm ngàn đồng vàng cho đoàn thương buôn báo tin lành đến Ngài.

Đoạn đức vua đưa mắt nhìn ngàn quan đại thần tùy giá hỏi rằng: “Chư hiền khanh, sẽ làm gì?”.

- Tâu bệ hạ, chẳng hay bệ hạ định làm gì?

- Nầy chư khanh! Bây giờ đã biết tin lành Đức Phật đã giáng thế, Đức Pháp đã giáng thế, Đức Tăng đã giáng thế, quả nhân sẽ không thối chuyển, nhất định sẽ tìm đến Đức Thế Tôn để xin xuất gia với Ngài.

- Tâu bệ hạ! Chúng tôi cũng sẽ xuất gia đi chung với bệ hạ.

Quốc vương khiến quan hầu lấy vàng lá, thảo tín thư trao cho những lái buôn và dặn rằng:

- Chư khanh về triều trao tín thư này đến hoàng hậu Anoja, hoàng hậu sẽ ban thưởng cho các khanh ba trăm ngàn đồng vàng. Khi ấy, chư khanh hãy tâu với hoàng hậu như vậy: “Quốc vương truyền ngôi và giao phó giang sang đế nghiệp về tay hoàng hậu. Vậy hoàng hậu hãy tùy nghi sử dụng.”. Nếu hoàng hậu có hỏi chư khanh: “Hoàng thượng bây giờ ngự ở đâu?”, thì chư khanh nên cho biết rằng: Ngài tuyên bố: “Trẫm sẽ đi tìm Đức Bốn Sư để xuất gia.”, và Ngài đã đi rồi.

Còn ngàn quan đại thần cũng thảo thư, mỗi vị đều báo tin cho vợ mình như thế cả.

Sau khi lái buôn từ biệt rồi, quốc vương lập tức lên đường tâm sư học đạo cùng với ngàn viên đại thần tùy tùng. Ngày ấy, lúc sáng tinh sương, trong khi Đức Bốn Sư quán sát thế gian, Ngài trông thấy quốc vương Mahākappina cùng với đoàn hộ giá. Quán thêm nữa, Ngài biết rõ rằng: đức vua Mahākappina khi nghe đoàn lái buôn báo tin đã có Tam Bảo giáng thế thì ban thưởng cho họ ba trăm ngàn đồng vàng, rồi rời bỏ ngai vàng, dắt theo ngàn quan đại thần đi tìm Như Lai để xuất gia hành đạo. Ngày mai, đức vua sẽ đến đây xuất gia, sẽ đảnh quả A La Hán với Tuệ phân tích một lượt với ngàn quan tùy tùng. Như Lai sẽ

đón tiếp để tế độ đức vua.

Qua hôm sau, cũng như vị Chuyển Luân Vương ngự đón đường một vị thôn trưởng, Đức Thế Tôn đắp y mang bát, một mình vượt qua quãng đường một trăm hai mươi do tuần, đi về hướng có quốc vương, đến ngồi tại bờ sông Candabhāgā (Nguyệt Phần), dưới gốc cây đa và phóng tỏa ra hào quang lục sắc.

Còn quốc vương đang đi tìm Đức Phật, đến một con sông, bèn hỏi quan tùy tùng:

- Con sông này tên chi?
- Tàu bệ hạ! Đây là sông Aravacchā.
- Sông này sâu rộng thế nào vậy chư khanh?
- Tàu bệ hạ, bề sâu của nó là một dặm, bề rộng là hai dặm (gāvuta).
- Nơi đây có thuyền bè chi để qua sông chăng?
- Tàu bệ hạ, không có.

Trong lúc các quan lo tìm kiếm thuyền bè... quốc vương khẩn thềm rằng: “Vì chúng tôi nhận thấy sự sanh dất dẫn đến sự già, sự già dất dẫn đến sự chết, nên bá quan đã một lòng cùng trăm ra đi để tìm Tam Bảo. Do nhờ oai lực của Tam Bảo, xin cho nước sông này hãy đừng giống như nước.”.

Sau khi suy tư đến Hồng Ân Tam Bảo, quốc vương bắt đầu tưởng niệm: “Itipiso Bhagavā Arahāṃ Sammāsambuddhoti.” (Ngài là Đức Thế Tôn, bậc Ứng Cúng, Đức Chánh Biến Tri...) chú tâm giữ vững đề mục Niệm Phật, quốc vương với đoàn tùy tùng ngồi trên lưng cả ngàn con ngựa, lướt trên mặt nước mà qua sông. Những con tuần mã vó câu dồn dập như chạy trên mặt đá, đầu

móng chân không bị thấm ướt chút nào cả.

Qua khỏi con sông này, quốc vương đi trước lại gặp một con sông khác, liền phán hỏi:

- Sông này tên chi?
- Tàu bệ hạ, nó tên là Nīlavahanā (Thanh Sắc Cấp Thủy Hà).
- Nó sâu, rộng bao nhiêu?
- Tàu bệ hạ, bề sâu cũng như bề rộng của nó là nửa do tuần.

Trong lúc các quan lo tìm kiếm thuyền bè để qua sông. Quốc vương cũng khẩn nguyện như lần trước, nhưng với con sông này quốc vương tưởng niệm câu Svākkhāto bhagavatā dhammoti” (Pháp mà Đức Thế Tôn khéo thuyết giảng...). Chú tâm giữ vững đề mục Niệm Pháp, quốc vương phóng ngựa vượt qua sông an toàn.

Nhưng vượt qua sông này rồi, quốc vương lại gặp một con sông khác nữa, lại phán hỏi các quan:

- Sông này tên chi?
- Tàu bệ hạ, tên nó là Candabhāgā (Nguyệt Phần).
- Bề sâu và rộng của nó là bao nhiêu?
- Bề sâu và rộng của nó là một do tuần.

Trong lúc bá quan nhìn kiếm thuyền bè quốc vương cũng khẩn nguyện như trước, nhưng với con sông này, quốc vương khẩn nguyện, niệm tưởng Ân Đức Tăng “Supaṭipanno bhagavato sāvakaṃghoti” (Tăng là các Bậc Thinh Văn đệ tử Phật đã tu hành đúng theo Chánh pháp). Chú tâm giữ vững đề mục Niệm Tăng, quốc vương vượt sông an toàn.

Qua sông rồi, quốc vương tiếp tục hành trình đi mãi đi mãi, cho đến khi trông thấy những tia hào quang sáu màu từ kim thân của Đức Bốn Sư phóng ra. Toàn cả cây đa, chỗ Đức Bốn Sư ngự, những cành lá và rễ phụ đều lóng lánh y như bằng vàng ròng. Quốc vương nghĩ thầm: “Trẫm chưa từng thấy ánh sáng rực rỡ dường này bao giờ. Nó không phải là của mặt trăng, mặt trời, hay chư Thiên, Ma Vương, Phạm Thiên, Long vương, Kim sí điểu... hoặc của ai khác nữa. Trên đường đi tâm sư học đạo chắc là trẫm được gặp Đức Phật Tổ Gotama bây giờ đây.”.

Quốc vương bèn xuống ngựa, hạ mình nương theo ánh hào quang mà đến gần Đức Bốn Sư. Như người lặn trong hồ nước thơm, mát mẻ (manosilārasa), quốc vương đến bên trong vùng hào quang của Đức Phật, đánh lễ ra mắt Đức Bốn Sư xong rồi, ngồi xuống một bên cùng với một ngàn cận thân.

Đức Bốn Sư thuyết tuần tự Pháp (anupubbīkathā), đến cuối thời pháp, quốc vương cùng đoàn tùy tùng đều đắc quả Tu Đà Hườn. Khi ấy, tất cả đồng đứng dậy, ngó lời xin xuất gia.

Đức Bốn Sư tự vấn: “Những thiện gia tử quý tộc này có y bát do thần thông lực được chăng?”. Khi quán xét, Ngài thấy rằng: “Những thiện gia tử này đã có cúng dường một ngàn lá y đến ngàn vị Độc Giác Phật, và trong thời Đức Chánh Biến Tri Kassapa đã cúng dường hai muôn lá y đến hai muôn Tăng chúng. Không có chi lạ, nếu có y bát phát sanh đến cho họ do thần thông lực.”.

Biết rõ như thế, Đức Bốn Sư đưa tay phải ra, phán rằng: “Thiện lai Tỳ khưu! (Hãy đến đây hỡi chư Tỳ khưu!) Hãy thực hành Phạm hạnh cho chơn chánh, ngõ hầu chấm dứt mọi nỗi khổ đau.”

Ngay khi ấy, những Tỳ khưu mới này có đầy đủ tám

món vật tùy thân, có hình dáng trang nghiêm như những vị Đại đức hăng trăm tuổi hạ, đồng bay bổng lên hư không, đáp xuống đánh lễ Đức Bốn Sư, rồi ngồi yên nơi đó.

Nói về các thương khách, về đến kinh đô vào triều kiến hoàng hậu, báo tin rằng mình có mang lời ủy thác của đức vua, khi được hoàng hậu truyền lệnh: “Hãy vào!”, họ bèn vào triều bái tung hô xong, đứng nép qua một bên.

Khi ấy, hoàng hậu phán hỏi họ: “Chư khanh đến có việc chi cần yếu?”.

- Chúng tôi được lệnh quốc vương phái về tiếp kiến hoàng hậu ban cho chúng tôi ba trăm ngàn đồng.

- Chư khanh xin sao nhiều quá vậy? Chẳng hay chư khanh đã làm điều chi khiến hoàng thượng phát tâm trong sạch đối với chư khanh, mới ban thưởng cho chư khanh số tiền to lớn như thế ấy?

- Tâu hoàng hậu, chúng tôi chẳng có làm điều chi khác ngoài việc báo một tin lành đến quốc vương biết.

- Chư khanh báo tin lành ấy đến cho ta nghe được chăng?

- Tâu hoàng hậu, được.

- Thế thì chư khanh hãy nói đi.

- Tâu hoàng hậu, Đức Phật đã giáng thế.

Nghe được tin này, từ lần thứ nhất đến lần thứ ba, cả ba lần ngọc thể tràn đầy phỉ lạc, hoàng hậu không còn tưởng nghĩ điều chi được nữa. Khi nghe tiếng Đức Phật (Buddho) lần thứ tư, hoàng hậu mới phán hỏi: “Chư khanh, nghe câu này hoàng thượng đã ban thưởng bao nhiêu?”

- Tâu hoàng hậu, một trăm ngàn.

- Chư khanh, nghe được tin lành như thế mà hoàng thượng chỉ ban cho chư khanh có một trăm ngàn, như thế thì không xứng đáng. Quả thật, ta sẽ ban tặng cho chư khanh món quà nhỏ mọn của ta là ba trăm ngàn đồng. Chư khanh còn báo tin gì khác cho hoàng thượng biết nữa chăng?

Các thương khách lần lượt tâu cho hoàng hậu biết hai tin lành khác: “Tâu hoàng hậu, Đức Pháp đã giáng thế.”, “Tâu hoàng hậu, Đức Tăng đã giáng thế.”.

Cũng như lần đầu, long thể hoàng hậu biết hai tin lành ấy, cả ba lần đều ngẩn ngơ. Nghe đến lần thứ tư, hoàng hậu tỉnh trí, khiến ban thưởng cho các thương khách hai lần, mỗi lần ba trăm ngàn đồng vàng nữa. Thế là các nhà đem tin báo tiếp được lãnh tất cả là một triệu hai trăm ngàn đồng vàng.

Sau đó, hoàng hậu phán hỏi các thương khách:

- Này chư khanh, hiện giờ hoàng thượng đang ở đâu?
- Tâu hoàng hậu, hoàng thượng có nói: “Trẫm sẽ đến xuất gia nơi Đức Phật.”, và Ngài đã lên đường.
- Thế hoàng thượng có nhắn lời gì cho ta?
- Ngài dặn tâu lại rằng: Tất cả quyền tước của Ngài, Ngài giao phó cho hoàng hậu toàn quyền sử dụng, rằng hoàng hậu hãy thừa hưởng hương vị tùy theo sở thích.
- Này chư khanh, còn các quan cận thần đi đâu?
- Tâu hoàng hậu, bá quan cũng có nói: “Chúng tôi sẽ xuất gia theo cùng với đức vua.”, và cũng ra đi cả rồi.

Hoàng hậu cho triệu tập các mệnh phụ phu nhân của ngàn vị đại thần và phán hỏi rằng:

- Chư tỉ muội, chồng của các chị em đã nói: “Chúng ta sẽ đi xuất gia với quốc vương.”, và đã ra đi. Vậy các chị em tính làm sao đây?

- Tâu hoàng hậu, các ông ấy có nhắn lời gì cho chúng tôi chăng?

- Các chị em, hoàng thượng cùng các ông ấy, nghe nói là giao hết sự sản của mình lại cho chị em, bảo chị em cứ tha hồ hưởng thụ đi.

- Tâu hoàng hậu, chẳng hay giờ đây hoàng hậu tính sao?

- Này chị em, khi hoàng thượng đang đứng ngoài đường, khi nghe được tin lành này, đã xuất ra ba trăm ngàn đồng để cúng dường Tam Bảo, rồi từ bỏ giang san sự nghiệp như thế, như người nhổ bỏ nước bọt. Ngài tuyên bố: Trẫm sẽ đi xuất gia, và đã ra đi. Còn ta, khi nghe tin lành Tam Bảo đã khởi hiện, ta cũng đã cúng dường Tam Bảo chín trăm ngàn đồng. Quốc vương đã từ bỏ vương vị, xả phú cầu bần thì ta cũng nên xả phú cầu bần, chứ ai lại quì gối xuống đất, há miệng liếm lại nước bọt của quốc vương đã nhổ bỏ hay sao? Ta không cần vương vị làm chi, ta cũng sẽ đi tìm Đức Bốn Sư mà xin xuất gia hành đạo.

- Tâu hoàng hậu, chị em chúng tôi cũng sẽ đi xuất gia một lượt với hoàng hậu.

- Nếu được vậy thì quý lắm chị em ạ.

- Tâu hoàng hậu, được lắm.

Sau khi cho thắng ngàn chiếc xe, hoàng hậu đích thân ngự lên một chiếc, cùng với các mệnh phụ phu nhân khởi hành, rời bỏ kinh đô.

Dọc đường, hoàng hậu thấy con sông thứ nhứt, cũng đã phán hỏi như quốc vương lúc trước. Khi đã nghe rõ tự

sự, hoàng hậu khiến các phu nhân tìm xem quốc vương đã đi về ngã nào.

- Tâu hoàng hậu, chúng tôi không thấy dấu chân của những tuần mã đầu cả.

Nghe vậy, hoàng hậu đoán rằng: “Có lẽ hoàng thượng đã phát nguyện, đem cả tâm chân thành ra đi tìm cầu Tam Bảo, cho nên đã đi trót lọt.”. Nay ta cũng ra đi tìm cầu Tam Bảo. Xin nhờ oai lực Tam Bảo mà nước sông này không giống như nước thường.

Chú tâm niệm ân đức Tam Bảo, hoàng hậu ra lệnh cho một ngàn chiếc xe vượt qua sông. Mặt nước khi ấy đặc cứng như mặt đá bằng, các vành bánh xe lăn qua không dính chút nước nào cả.

Cũng bằng cách ấy, mà đoàn xe lữ hành vượt qua hai con sông kia. Đức Bốn Sư biết rằng hoàng hậu và các phu nhân sắp đến, bèn khiến cho những Tỳ khưu đang ngồi gần bên Ngài biến mất hình dạng.

Đoàn phụ nữ quý tộc đang đi, bỗng thấy những tia ánh sáng từ kim thân Đức Phật phóng ra, cũng có ý nghĩ như quốc vương lúc trước, bèn đến đánh lễ Ngài rồi đứng nép qua một bên.

- Bạch Ngài, đức vua Mahākappina đã ra đi để tìm Ngài. Theo chúng con tưởng, chắc có lẽ đức vua đã đến đây rồi. Vậy nhờ Ngài từ bi chỉ giùm chúng con biết, hiện giờ đức vua ở đâu?

- Các bà hãy ngồi xuống đây đi, rồi ta sẽ chỉ cho thấy đức vua.

Tất cả phụ nữ quý tộc đều hài lòng, ngồi xuống vừa thầm nghĩ: “Theo lời Ngài nói, chúng tôi ngồi nơi đây, rồi thì sẽ được gặp mặt các đấng lang quân.”.

Đức Bốn Sư bắt đầu thuyết tuần tự pháp, nghe dứt thời pháp, hoàng hậu Anoja cùng đoàn mệnh phụ thấy đều chứng đắc Tu Đà Hườn quả.

Đại đức Mahākappina ngồi nghe thời pháp của Đức Bốn Sư thuyết để tiếp độ các nữ nhân ấy thì lại chứng đắc A La Hán quả cùng với Tuệ phân tích, cùng với ngàn vị Tỳ khưu tùy tùng chứng đạt như thế.

Ngay sát na ấy, Đức Bốn Sư khiến cho các nữ nhân được thấy chư Tỳ khưu đã đắc A La Hán quả (Người ta cho rằng: Lúc các mệnh phụ vừa đến mà gặp mặt ngay chồng mình cạo tóc, đắp y thì không thể giữ được tâm định tĩnh, do đó sẽ không chứng đắc đạo quả chi hết. Bởi thế cho nên, Đức Thế Tôn mới chờ khi họ đã có tín tâm kiên cố rồi mới khiến cho họ nhìn thấy chư Tăng A La Hán.).

Khi nhìn thấy chư Thánh Tăng này, quý bà liền gieo năm vóc xuống đánh lễ và bạch rằng: “Bạch chư Đại đức, lúc này chư Đại đức đã đạt đến mục đích tối cao của người xuất gia rồi chăng?”.

Kế đó, quý bà đánh lễ Đức Bốn Sư, rồi đứng nép qua một bên ngỏ lời xin xuất gia (có một số người nói rằng: “Nghe vậy, Đức Bốn Sư nghĩ đến nàng Uppalavaṇṇā, nàng biết được tư tưởng của Đức Thế Tôn, nên hiện đến nơi ấy, Đức Thế Tôn phán bảo Uppalavaṇṇā cho ngàn nữ nhân xuất gia, rồi đưa các Tỳ khưu Ni ấy trở về Jetavana Ni viện bằng thần thông lực.”).

Đức Bốn Sư bèn bảo các tín nữ ấy rằng: “Các con hãy đến thành Sāvattthī vào chùa Sư nữ mà xin xuất gia.”.

Các tín nữ vâng lời ra đi, họ trải qua quãng đường xa một trăm hai mươi do tuần, lần hồi mới đến thành Sāvattthī, dọc đường họ được đại chúng đón đường cúng dường lễ vật rất vinh quang.

Sau khi đến Ni viện, được xuất gia Tỳ khưu ni, đoàn phụ nữ ấy về sau chứng đắc A La Hán quả cả thảy.

Đức Bốn Sư cũng dắt ngàn vị Tỳ khưu bay trở về Jetavana.

Tương truyền rằng: Đại đức Mahākappina hằng đi tới lui trong các nơi hàng hiên hoặc nơi nghỉ ngơi... cao hứng thốt lên câu: “Ồi sung sướng thay!Ồi sung sướng thay!”. Chư Tỳ khưu bèn bạch với Đức Thế Tôn:

- Bạch Ngài, Đại đức Mahākappina hằng đi tới lui cao hứng thốt lên câu: “Ồi sung sướng thay!Ồi sung sướng thay!”. Có lẽ Đại đức muốn nhắc lại thời sung sướng vương giả của mình chăng?

Đức Bốn Sư cho gọi Đại đức đến và phán hỏi:

- Này Mahākappina, nghe nói rằng ông hồi tưởng đến thời sung sướng vương giả, toại hưởng ngũ trần, nên thốt lên những lời cao hứng phải chăng?

- Bạch Thế Tôn, Ngài vẫn biết con có hay là không có thốt ra lời cao hứng vì hồi tưởng đến dục lạc ngũ trần rồi.

Đức Bốn Sư xác nhận rằng: “Này các Tỳ khưu, con trai Ta không phải vì ngũ trần dục lạc, sự sung sướng vương giả mà thốt lên lời cao hứng đâu. Pháp hỷ đã phát sanh đến con trai Ta, và con trai Ta đã nếm vị của Bất tử Níp Bàn nên mới thốt lên câu cảm hứng khái thế ấy vậy.”.

Nói rồi, Đức Bốn Sư thuyết pháp và kết luận bằng bài kệ:

“Dhammapīti sukham seti,
Vippasannena cetasā;
Ariyappavedite dhamme,
Sadā ramati paṇḍitoti.”

“Người đắc pháp hỷ thành thơi,
Với tâm khiết tịnh, sống đời thanh cao.

Người trí mãi mãi hân hoan,
Lắng nghe Pháp Phật bảo ban giáo truyền.”



CHÚ GIẢI:

Tiếng *dhammapīti* trên đây nghĩa là người được no vui nhờ pháp, ví như đứa bé được mẹ cho bú sữa là pháp vậy. Gọi là Pháp (dhammo) này, không thể uống, húp hay bú như cháo, sữa đựng trong chén, bát... người tu hành nhờ đề mục niệm mà chứng được chín pháp Siêu Thế (Lokuttaranavaddhamma), giác ngộ bằng trực giác chân lý Tứ Diệu Đế, nhứt là Khổ Đế. Gọi là người uống được pháp, tức là đắc Pháp hỷ vậy.

Sukham seti: Sống an vui luôn luôn trong bốn oai nghi, cả trong lúc thức và trong lúc nghỉ.

Vippasannena: Với tâm khiết tịnh không nhiễm ô, không phiền não.

Ariyappavedite: Được các bậc Thánh nhân như Đức Phật... thuyết giảng rành rẽ về các nhân sanh quả Bồ Đề (Bodhipakkhiyadhamma), Tứ niệm xứ...

Sadā ramati: người đắc pháp hỷ như thế, tâm hằng thanh tịnh, thuần khiết. Có đầy đủ trí tuệ sáng suốt thì luôn luôn hoan hỷ thành thơi, vui một niềm vui thoát tục.



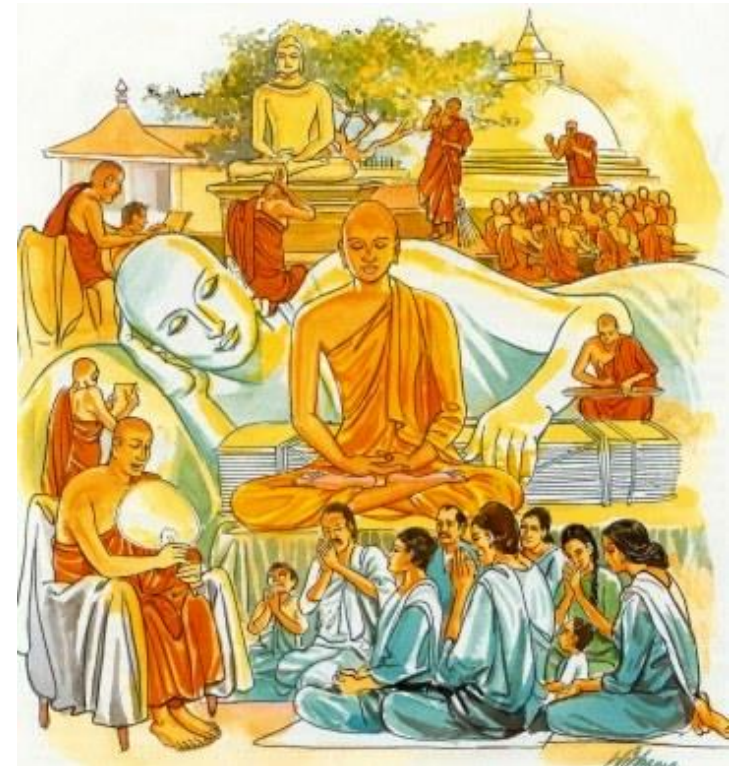
Thời pháp vừa dứt có nhiều vị chứng đắc Thánh quả, nhứt là Tu Đà Hườn quả.



Dịch Giả Căn Đề

*Ai bằng Đại đức Kiếp Tần Nà,
Ngàn dặm xuyên sơn kiếm Phật Đà,
Tư ngôi nguyện sống đời tu sĩ,
Bỏ vợ hầu nương hạnh xuất gia.
Giữa chốn thanh bần vui biết mấy,
Nghe tên Chánh Pháp sướng thay là,
Của tiền danh vọng cần chi nữa,
Một quả vô sanh quá đủ mà.*

DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC MAHĀKAPPINA



79. A Dhamma-lover dwells in peace and comfort,
Delighting in the noble teaching.

**79. Người yêu mến Chánh pháp thường trú trong
an lạc thanh tịnh, thích thú Giáo lý của
Bậc Thánh.**

VI. 5- Tích SA DI TRÍ GIẢ (*Paṇḍitasāmaṇeravatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 80)

**“Udakaṃ hi nayanti nettikā, “Người dẫn thủy dẫn nước,
Usukārā namayanti tejanaṃ; Thợ làm tên nắn tên,
Dāruṃ namayanti tacchakā, Thợ mộc uốn gỗ uốn,
Attānaṃ damayanti paṇḍitāti.” Trí giả tự điều tâm.**

Kệ Pháp Cú này, Đức Bốn Sư đã thuyết ra khi Ngài ngự an tại Jetavana, đề cập đến Sa di Paṇḍita (Trí Giả).

Vào thời quá khứ, có một lần nọ Đức Chánh Biến Tri Kassapa ngự vào thành Bārāṇasī, dắt theo hai muôn vị Thánh Lậu Tận.

Dân chúng tự lượng sức mình, rủ nhau từng nhóm tám người cũng có, mười người cũng có, chung lo tiếp đãi chư Tăng mới đến, nhứt là Bồ thí cúng dường tứ vật dụng.

Thế rồi, một hôm sau khi thọ thực, Đức Thầy nhân dịp này tỏ lời hoan hỷ cuộc phước thí, thuyết giảng như sau:

- Này các thiện gia tử, nơi đây có một số người nghĩ rằng: “Ta nên xuất của nhà ra, tự mình làm việc phước thí, cần gì kêu rủ ai khác làm chi?”. Thế rồi, những người này tự mình làm việc phước chớ không kêu rủ ai khác cả. Trong kiếp tái sanh, họ được tài sản dồi dào, nhưng không được đông đảo người tùy thuộc. Lại có một số người nữa, chỉ kêu gọi người làm phước còn tự mình chẳng bố thí chi cả, cho nên trong kiếp vị lai họ được nhiều người tùy

thuộc, nhưng tài sản chẳng được dồi dào. Còn một số người tự mình không bố thí, cũng không kêu gọi ai bố thí thì trong kiếp vị lai họ không thể nào được phú túc về mặt tài sản và tùy thuộc cả. Trái lại họ còn nghèo túng đến phải xin ăn cơm thừa cá cặn mà sống qua ngày. Một số người tự mình làm phước bố thí và kêu gọi người khác bố thí thì kiếp sau họ được đầy đủ phước báu, tài sản dồi dào, tùy thuộc đông đảo.

Nghe vậy, một người nam là bậc có trí, đứng gần đó nghĩ thầm rằng: “Bây giờ ta sẽ làm theo cách của nhóm người thứ tư, để sau này được dồi dào về cả hai mặt.”.

Ông đánh lễ Đức Bốn Sư và bạch rằng:

- Bạch Ngài, ngày mai xin các Ngài hãy thọ bát của chúng con.

- Ông cần bao nhiêu Tỳ khưu?

- Bạch Ngài! Chư Tăng theo Ngài có được là bao nhiêu vị Tỳ khưu?

- Hai muôn vị Tỳ khưu.

- Bạch Ngài, con xin Ngài với tất cả chư Tỳ khưu ngày mai hãy thọ cơm bát của con.

Đức Bốn Sư im lặng nhận lời.

Thiện nam có trí ấy đi vào làng báo tin cho dân chúng hay:

- Các người ơi! Tôi thỉnh được chư Tỳ khưu Tăng có Đức Phật là vị tọa chủ, ngày mai đến thọ bát nơi nhà tôi. Các người ai có sức hộ độ được bao nhiêu vị Tỳ khưu thì hãy hộ độ bấy nhiêu vị.

Nghe vậy, dân làng tùy theo sức mình, người thì nói: Chúng tôi sẽ để bát mười vị, chúng tôi hai mươi vị; chúng

tôi năm trăm vị... Thiện nam ấy lấy giấy ghi tất cả danh sách thí chủ ấy, từ đầu đến cuối.

Thuở ấy, trong thành có chàng nông dân nghèo khó, quá đói nghèo, nên mọi người gọi là là Mahāduggata (Đại Bần Khố). Gặp anh ta, Thiện nam ấy cũng rú:

- Này bạn Mahāduggata! Ngày mai tôi thỉnh Tỳ khưu Tăng có Đức Phật cầm đầu đến tại nhà tôi, ngày mai dân thành sẽ cúng dường làm phước. Vậy phần bạn, bạn lãnh để bát bao nhiêu vị Tỳ khưu?

- Dạ thưa ông, nhà tôi mà ông hỏi để bát Tỳ khưu ư? Để bát cho Tỳ khưu phải là người giàu có, còn tôi buổi sáng kiếm một nhúm gạo để nấu cũng chẳng có thay. Tôi làm thuê làm mướn sống lay lắt qua ngày, tôi biết lấy chi để bát Tỳ khưu mà ông kêu gọi.

Người đi khuyên nhủ người khác làm phước phải là người khéo nói, mới thuyết phục người khác làm theo mình được. Bởi vậy, ông thiện nam đầu nghe anh Mahāduggata than túng, cũng không làm thỉnh mà nói tiếp rằng: “Này bạn Mahāduggata, trong thành này, có nhiều người ăn ngon, mặc áo đẹp, nằm trên giường ngà chiếu ngọc, thân thể thì trau giồi, đeo giắt nhiều loại nữ trang quý giá. Họ thì hưởng phước lộc dồi dào như vậy, còn bạn thì mỗi ngày phải làm thuê làm mướn cực khổ, kiếm ăn cũng chưa no bụng. Thế mà bạn chẳng nghĩ biết gì rằng: Vì ta không gieo chút ít phước chi trong quá khứ, cho nên trong đời này ta chẳng hưởng được chút ít quả gì ư?”.

- Thưa ông, tôi biết lắm chứ.

- Thế thì tại sao bây giờ bạn không làm phước? Bạn còn trẻ trung, đầy sức mạnh. Nếu bạn làm thuê lãnh tiền công rồi, tùy theo sức mình mà làm phước bố thí, há chẳng nên ư?

Trong lúc ông thiện nam đang dùng tài hùng biện để giảng giải, thì anh Mahāduggata phát sanh kinh cảm (samvegappatto), bèn hứa rằng: “Làm thuê được nhiều ít chi, tôi cũng sẽ để bát một vị Tỳ khưu.”.

Ông thiện nam không ghi vào sổ, vì cho rằng: “Có một vị Tỳ khưu thì biên vào sổ để làm chi?”.

Ông Mahāduggata về nhà bảo vợ rằng:

- Này hiền nội, mai này dân chúng trong thành sẽ đặt bát Trai Tăng, ông hội trưởng có gọi anh để bát, hộ độ một vị Tỳ khưu. Và anh cũng đã hứa: “Ngày mai chúng tôi sẽ để bát hộ độ một vị Tỳ khưu.”.

Khi ấy, vợ chàng không nói: “Chúng ta nghèo túng, sao anh nhận lời làm chi?”, mà nàng lại nói rằng: “Thưa chàng, chàng nhận lời là phải lắm. Chúng ta trong kiếp trước không bố thí chút gì, nên kiếp này sanh ra gặp cảnh khốn cùng. Vậy hai vợ chồng ta hãy đồng đi làm thuê để góp tiền công, lo sót bát hộ độ một vị Tỳ khưu.”.

Nói rồi, hai vợ chồng đồng ra khỏi nhà, đi đến chỗ chợ thuê người làm công (bhattiṭṭhāṇa).

Ông đại Trưởng giả trông thấy chàng Mahāduggata thì hỏi:

- Này Mahāduggata, chú làm được công việc chi chẳng?

- Dạ được, thưa ông chủ.

- Chú làm được việc chi?

- Dạ bất cứ việc gì mà ông chủ sai bảo con làm.

- Thế thì, mai này ta có thỉnh để bát hai trăm, ba trăm vị Tỳ khưu. Chú em hãy đến bữa cúi nghe.

Đại Trưởng giả bảo người nhà mang dao, búa ra trao

cho Mahāduggata. Anh buộc thắt lưng lại cho thật chặt, ráng sức bừa củi, khi thì dùng dao, khi thì thay búa, làm liên tay tùy theo cây củi.

Thấy vậy, Trưởng giả hỏi rằng: “Này chú em, hôm nay chú em làm việc hết sức siêng năng, hăng hái là do có chi vậy?”.

- Thưa chủ! Vì mai này con được để bát cho một vị Tỳ khưu.

Nghe vậy, đại Trưởng giả phát tâm hoan hỷ, trong sạch đối với chàng Mahāduggata, vì nghĩ rằng: “Chà! Chuyện của chú này làm quả thật là khó lắm thay. Chú làm thình, không than thở là: “Tôi nghèo khổ.”, còn xuất lực để làm thuê, và nói: “Tôi sẽ để bát một vị Tỳ khưu.”.

Bà Trưởng giả khi thấy vợ chàng Mahāduggata cũng hỏi:

- Này con! Con làm được việc chi?

- Dạ thưa, tùy bà chủ sai làm việc chi thì con làm việc ấy.

Nghe vậy, bà Trưởng giả dắt nàng vào trong trại giã gạo, khiến người nhà mang cối, chày trao cho chị ta. Chị hớn hờ giã gạo, sàng gạo, làm việc nhanh nhẹn như người khiêu vũ. Thấy vậy, bà Trưởng giả hỏi rằng:

- Này con, con làm việc siêng năng vui vẻ hết sức là do có chi vậy?

- Thưa bà chủ, con làm thuê lấy công đặng chúng con cúng dường để bát đến một vị Tỳ khưu.

Nghe nàng nói như thế, bà Trưởng giả cũng phát tâm hoan hỷ và trong sạch với nàng, vì nghĩ rằng: “Chà! Cô này làm được một việc khó làm thật.”.

Đại Trưởng giả bảo gia nhân đong cho chàng Mahāduggata bốn gáo gạo Sālī và nói: “Đây là phần công một ngày bừa củi.”, và ông còn sai cho thêm anh bốn gáo gạo Sālī nữa, bảo rằng: “Còn đây là phần thưởng cho sự siêng năng của anh.”.

Chàng về nhà bảo vợ: “Phần anh làm thuê được lãnh tám gáo gạo Sālī, phần này để nấu cơm được rồi. Còn phần công của em, em hãy nài đổi lấy sanh tô, đầu và các món gia vị nghe.”.

Vợ chàng thì được bà Trưởng giả trả công bơ lỏng và sanh tô, mỗi thứ một tô nhỏ và một tô gia vị cùng với một gáo gạo Sālī rỗng. Như thế vợ chồng được lãnh tất cả là chín gáo gạo Sālī cùng đồ gia vị. Hai vợ chồng bảo nhau: “Chúng mình đã có đồ dâng cúng rồi.”. Nhờ vui thích, sáng hôm sau hai người thức thật sớm. Vợ bảo chồng rằng: “Anh ơi, anh hãy đi tìm lá (nấu cà ri) chấp sẵn đem về đây cho em.”.

Anh Mahāduggata đi đến chợ tìm lá, nhưng không thấy có bèn thả ra bờ sông để hái lá. Trong tâm chàng vô cùng thỏa thích, vừa đi vừa hát nghêu ngao rằng: “Ta sẽ được để bát cúng dường các Ngài Đại đức.”.

Một ngư phủ vừa ném cái chài xuống nước, đứng gần đó, nghe tiếng hát văng vẳng thì nghĩ rằng: “Đây chắc là tiếng của anh Mahāduggata.”. Khi thấy chàng đến, người chài cá hỏi:

-Ồ! Có việc chi làm tâm anh thỏa thích lắm sao, mà anh ca hát nghêu ngao như vậy?

- Dạ tôi tìm lá anh ạ.

- Để làm chi vậy anh?

- Tôi sẽ để bát cúng dường đến vị Tỳ khưu.

- Chà! Vị Tỳ khưu nào được chiếc lá của anh chắc hạnh phúc lắm thay.

- Thưa anh, tôi làm sao tìm được lá cúng dường để bát?

- Thế thì, anh hãy lại đây.

- Dạ tôi đến để làm gì?

- Anh hãy lựa những con cá này, chia để riêng ra thành từng mớ, tùy theo giá tiền: Thứ một đồng (pāda), thứ nửa đồng và thứ một đồng vàng (kahāpaṇa).

Anh Mahāduggata làm đúng theo lời dặn. Từng mớ, từng mớ cá đã xỏ râu sẵn, được dân chúng trong kinh thành lần lượt đến mua đem về để cúng dường sót bát chư Tỳ khưu mà mình đã thỉnh.

Anh Mahāduggata vừa phân chia hết đồng cá từng râu xong thì đã đến giờ để bát. Anh sợ trễ liền nói với người chài:

- Tôi phải về anh à, về cho kịp giờ rước chư Tăng.

- Còn mớ cá nào không vậy?

- Thưa, hết sạch cả rồi.

- Nếu vậy, còn bốn con cá thu của tôi để dành ăn, tôi vùi dưới cát. Nếu anh muốn để bát cúng dường Tỳ khưu thì anh hãy đào lên mà lấy đem đi.

Và anh thợ chài cho Mahāduggata cả bốn con cá thu.

Ngày ấy, trong buổi sáng tinh sương, Đức Bốn Sư quán xét thế gian, thấy anh Mahāduggata lọt vào giác vãng của Ngài: “Chuyện gì sẽ xảy ra?”. Quán thêm nữa, Ngài thấy rằng: “Anh Mahāduggata này, cùng vợ anh, ngày hôm qua đã làm thuê để lấy tiền công mua sắm đồ để bát một vị Tỳ khưu.”. Ngài tự hỏi: “Anh ta sẽ gặp được vị Tỳ khưu

nào?”. Quán tiếp, thì Ngài biết rằng: “Mọi người coi theo bảng ghi danh các Tỳ khưu mà mình thỉnh để bát, sẽ thỉnh các vị ấy về nhà mình. Riêng chàng Mahāduggata này, ngoài Ta ra thì sẽ không được vị Tỳ khưu nào khác cả.”.

Theo truyền ngôn thì chư Phật hằng tế độ những người nghèo khó, vì thế cho nên sáng hôm ấy, sau khi tắm gội, Đức Bốn Sư vào an ngữ trong hương thất, nghĩ rằng: “Ta sẽ tiếp độ chàng Mahāduggata.”.

Trong khi chàng Mahāduggata xách cá đi vào nhà, thì ngay vàng bằng Thạch Anh vàng của Đức Đế Thích phát nóng lên. Thiên Vương biết rằng: “Ngày hôm qua, chàng Mahāduggata đã hứa: “Tôi sẽ đặt bát vị Tỳ khưu.”, rồi cùng vợ đi làm thuê, anh ta sẽ gặp được vị Tỳ khưu nào?”. Thiên Vương nghĩ như thế và được thấy rằng: “Anh không được vị Tỳ khưu nào khác ngoài Bạc Chánh Đăng Giác.”. Hiện Ngài đang an ngữ trong hương thất, nghĩ rằng: “Ta sẽ tiếp độ chàng Mahāduggata.”.

Và Mahāduggata tự mình phải lo cho có thực phẩm xứng đáng như cháo, cơm và cà ri lá cấm (paṇṇasūpeyya)... để cúng dường Đức Như Lai. Vậy ta hãy đến nhà Mahāduggata lãnh phần nấu nướng.

Hóa thành một người lạ mặt, Thiên Vương đi đến túp lều của Mahāduggata, ứng tiếng lên hỏi: “Ở đây, có công việc chi cần người làm không?”.

Thấy khách lạ, Mahāduggata hỏi:

- Này bạn, bạn làm được việc chi?

- Thưa ông chủ, tôi bá nghệ, không nghề nào mà tôi không biết cả. Nhất là nghề nấu nướng cơm cháo thì tôi rành lắm.

- Này bạn, chúng tôi rất cần tay bạn phụ giúp trong việc này, nhưng khổ nỗi chúng tôi không có tiền để trả công cho bạn.

- Thưa ông, ông cần việc chi?

- Chúng tôi đang cần người nấu nướng cháo cơm cho vị ấy.

- Nếu ông sót bát cúng dường đến Tỳ khưu, thì cần chi trả công cho tôi. Vậy ông chia phước cho tôi chẳng quý hơn sao?

- Nếu được như vậy thì tốt lắm. Vậy mời bạn vào nhà.

Đức Đế Thích vào nhà Mahāduggata, bảo đem gạo ra cho mình, rồi giục anh đi rằng: “Thôi anh hãy đi thỉnh vị Tỳ khưu về phần anh để bát, rồi rước về đây.”.

Vị Trưởng ban đứng trông coi cuộc đại thí, phân chia các nhóm Tỳ khưu. Tùy theo thứ tự trong bảng ghi danh sách thí chủ mà đưa chư Tăng đến nhà các thí chủ.

Anh Mahāduggata đến gặp vị ấy và nói: “Xin cho tôi một vị Tỳ khưu lấy bát ở nhà tôi.”.

Trong lúc ấy, vị Trưởng ban hộ Tăng mới chực nhớ lại, bèn đáp: “Tôi đã quên ghi vị Tỳ khưu của chú rồi.”.

Anh Mahāduggata nghe như bị dao nhọn, bén cắt vào bụng mình. Anh ôm chập lấy hai tay khóc than, kể lể rằng: “Ông ơi! Sao ông nỡ giết hại tôi chi? Hôm qua nghe lời ông kêu rú, tôi với vợ tôi làm mướn trọn ngày lấy tiền công và sáng hôm nay tôi đã phải thả ra mé sông mà kiếm lá cắm về nấu canh. Ông ơi, ông hãy cho tôi một vị Tỳ khưu đi, ông ơi...”.

Nhiều người tụ hội lại, hỏi rằng: “Việc gì thế? Này anh Mahāduggata!”, anh liền thuật lại hết tự sự. Họ bèn

hỏi ông Trưởng ban hộ Tăng rằng:

- Anh ta nói rằng ông đã kêu gọi anh ta hãy đi làm việc phước. Anh đã đi làm thuê để được để bát cho một vị Tỳ khưu. Có thật vậy hay chăng?

- Thưa các Ngài, có ạ.

- Việc làm của ông là quấy lắm. Ai lại lo phân chia bấy nhiêu vị Tỳ khưu như thế, lại chẳng để cho anh ta được một vị.

Vị Trưởng ban nghe đại chúng trách cứ, lấy làm hổ thẹn, bảo chàng Mahāduggata rằng: “Này bạn Mahāduggata, xin bạn đừng giết hại tôi, tôi vì bạn mà khổ tâm hết sức. Mọi người tùy theo bản nêu danh sách sắp sẵn mà thỉnh các Tỳ khưu về nhà của mình lấy bát cả rồi, không còn sót lại vị Tỳ khưu nào nữa mà giao lại cho anh cả.

Bây giờ, chỉ có Đức Bốn Sư, sau khi rửa mặt, đang tĩnh tọa trong Hương thất. Bên ngoài, các Tiểu vương, Đại thần... đang chờ trông, tính rằng: “Chúng ta ở đây đợi Ngài ra khỏi Hương thất, tiếp đón và lãnh bát của Ngài đem đi.”. Thường thì chư Phật hay tế độ những người khổn khó. Vậy anh hãy vào chùa xin với Đức Thầy: “Bạch Ngài, con là kẻ khốn cùng, xin Ngài từ bi tế độ cho con.” Nếu anh hữu phước may ra anh sẽ được Ngài chấp thuận.”.

Anh Mahāduggata bèn đi đến chùa.

Thấy anh ta, các Tiểu vương, Đại thần... tưởng lầm anh ta là người xin ăn tàn thực như những người khác, bèn nói rằng:

- Này Mahāduggata, bây giờ chưa phải là giờ thọ thực, mà chú đến làm chi?

Anh đáp: “Dạ thưa tôi biết chưa tới giờ thọ thực, tôi

đến để đánh lễ Đức Bốn Sư.”.

Vừa nói, anh ta vừa phủ phục xuống, đập đầu lên ngưỡng cửa Hương thất, lạy rồi bạch rằng:

- Bạch Ngài, trong kinh thành này, không có ai nghèo khổ hơn con. Xin Ngài hãy là người bảo trợ cho con. Xin Ngài hãy tế độ cho con đi.

Đức Bốn Sư mở cửa Hương thất, lấy bát của Ngài đặt trên tay của anh Mahāduggata. Anh ta vui mừng sung sướng như được tôn lên làm Chuyển Luân Vương. Các Tiểu vương, Đại thần trở mắt nhìn nhau. Quả thật, bát của Đức Thế Tôn trao cho thanh niên Mahāduggata rồi thì không ai có thể dùng quyền lực nào mà lấy lại được cả. Các vương tử đồng nói: “Này bạn Mahāduggata, bạn hãy giao bát của Đức Bốn Sư lại cho ta đi, chúng ta sẽ trả bạn một số tài vật như thế... Bạn đang nghèo khổ, hãy lấy tiền của đi, chớ lấy bát mà làm gì?”.

Mahāduggata đáp: “Dầu sao đi nữa, tôi cũng không giao bát, tiền của thì tôi không cần, tôi chỉ cần để bát cúng dường Đức Bốn Sư mà thôi.”. Các Tiểu vương nài nỉ lấy bát không được liền trở về cung. Quốc vương nghĩ thầm: “Gã Mahāduggata này, dầu đem cả tài sản ra dụ dỗ, gã cũng chẳng giao bát, nhứt định tự mình cúng dường Đức Thế Tôn, không ai có thể dành lấy được với gã. Gã sẽ cúng dường thực phẩm loại nào? Trẫm phải chờ đến giờ gã cúng dường rồi, ra rước bát Đức Thế Tôn về cung, để bát Ngài những vật thực đã sắp sẵn.”.

Nghĩ rồi, đức vua cùng đi với Đức Bốn Sư.

Thiên Vương Đế Thích đã dọn sẵn cơm, cháo, cà ri... lấy tọa cụ của Đức Bốn Sư, trải ra rồi ngồi nghỉ.

Anh Mahāduggata rước Đức Thế Tôn về đến nhà, thỉnh rằng:

- Xin thỉnh Ngài ngự vào nhà con.

Túp lều của anh ta thấp lụp xụp, nếu không khom lưng cúi đầu thì không thể vào được. Chư Phật không bao giờ cúi đầu chun vào nhà. Thật vậy, vì khi Ngài bước vào nhà, thì mặt đất lõm xuống, và cái nhà thì lại vươn lên cao. Đây là do quả phước của hạnh bố thí tốt đẹp của các Ngài. Khi các Ngài trở ra đi thì tất cả đều hườn y lại như thường. Bởi thế, Đức Bốn Sư cứ thẳng người mà đi vào trong nhà rồi ngự lên bảo tọa của Đức Đế Thích dọn sẵn.

Khi Đức Bốn Sư an tọa, quốc vương hỏi rằng:

- Này Mahāduggata! Trẫm và chư vương tử hỏi xin lấy bát của Đức Thế Tôn, nhưng bạn vẫn một mực chối từ. Vậy bây giờ trẫm muốn xem bạn cúng dường đến Đức Thế Tôn đến mức nào cho biết.

Khi ấy, Đức Đế Thích giờ nấp các nồi cháo, cơm ra cho vua ngó thấy. Mùi thơm bát ngát từ các nồi xông ra, tỏa lan khắp cả châu thành, quốc vương nhìn các món thực phẩm, rồi bạch cùng Đức Bốn Sư:

- Bạch Ngài! Quả nhân nghĩ thầm: “Lễ vật cúng dường của Mahāduggata sẽ trọng hậu bậc nào, trẫm chờ cho gã để bát rồi, trẫm sẽ rước Ngài về cung mà dâng vật thực đã soạn sẵn.”. Vì nghĩ vậy nên trẫm mới đến đây. Nhưng vật thực như vậy, trẫm chưa từng thấy, nếu trẫm đứng mãi ở đây, sợ làm rộn cho Mahāduggata, vậy trẫm xin cáo từ lui gót.

Quốc vương đánh lễ Đức Bốn Sư rồi ra đi.

Nói về Đức Đế Thích, sau khi dâng cháo đến Đức Bốn Sư rồi, thì chăm lo tiếp đãi Ngài rất kỹ lưỡng. Đức Bốn Sư thọ thực xong, tụng kinh phúc chúc cho thí chủ, rồi từ bảo tọa đứng lên, ngự ra đi.

Đức Đế Thích ra dấu cho Mahāduggata, anh bèn ôm bát đi theo sau Đức Thế Tôn. Đức Đế Thích quay trở vào, đứng ngay cửa nhà anh Mahāduggata, nhìn lên trời, từ trên hư không, vật báu rớt xuống như mưa, đầy hết các lu khạp rồi tràn ra đầy cả nhà của Mahāduggata, không có chỗ nào trống cả.

Đức Đế Thích quay trở vào, đứng ngay cửa nhà Mahāduggata, khi ấy, vợ và con trai của Mahāduggata ra đứng ở ngoài sân.

Sau khi tiến chân Đức Bốn Sư, anh Mahāduggata quay trở về, trông thấy lũ trẻ đứng ngoài sân, bèn hỏi:

- Có việc gì đây?

- Anh à! Khắp nhà ta bây giờ tràn ngập bảy báu, không còn chỗ nào trống để chúng ta vào trong.

Mahāduggata nghĩ thầm: “Do nhờ phước báu ta cúng dường hôm nay, nên ta mới được ban thưởng như vậy.”

Anh bèn vào triều bái yết quốc vương, nghe quốc vương phán hỏi: “Khanh đến có việc chi?”, anh đáp:

- Tâu hoàng thượng! Nhà con chứa đầy vật báu, xin hoàng thượng hãy nạp dụng những vật báu ấy.

Đức vua nghĩ thầm: “Ôi! Sự cúng dường lễ vật đến chư Phật đưa đến phước tối cao phát sanh hiện tiền như thế.”

Đức vua phán hỏi: “Khanh cần có những gì?”.

- Xin hoàng thượng hãy ban cho ngàn cỗ xe bò đi chở những vật báu ấy, đem về chất đống nơi giữa sân rộng.

Đống báu vật ấy cao ngùn ngụt đến ngọn cây thốt nốt. Đức vua cho triệu tập dân chúng trong thành vào triều, quốc vương phán hỏi:

- Trong thành này có ai có được bấy nhiêu bảo vật như vậy chăng?

- Tâu bệ hạ, không có.

- Vậy thì ta nên làm gì với người chủ kho tàng này?

- Tâu bệ hạ, bệ hạ hãy phong chức Trưởng giả cho người ấy.

Quốc vương ban thưởng cho Mahāduggata trọng hậu và ban chức đại Trưởng giả đến anh. Kế đó, đức vua chỉ chỗ nền nhà cũ của Trưởng giả và phán rằng: “Nầy khanh, hãy chỉnh trang nơi ấy và cất lầu đài lên mà ở.”.

Trong lúc quét dọn và san bằng mặt đất, những người làm khi cuốc đất nơi này, nơi nọ, phát giác được những ché đựng đồ chôn dấu đã di chuyển khỏi vị trí cũ.

Mahāduggata trình báo lại đức vua, đức vua phán rằng:

- Đó là phần phước của khanh, khanh cứ giữ lấy mà dùng.

Mahāduggata cất xong dinh thự, bèn thỉnh Đức Phật và chư Tăng đến tư gia để cúng dường. Từ đó về sau anh làm phước suốt đời. Đến khi hết tuổi thọ, được sanh về nhàn cảnh, hưởng lộc trời suốt một khoảng thời gian hai đời vị Phật. Cho đến thời Đức Phật hiện tại, anh mệnh chung từ Thiên giới, tái sanh vào lòng của một tiểu thư con nhà Trưởng giả, là một gia tộc thiện tín đệ tử của Đại đức Sāriputta cư ngụ trong thành Sāvattihī.

Khi cha mẹ biết thai đậu thì lo chăm nom thuốc thang bảo dưỡng thai nhi. Khi thai đã lớn, bà mẹ phát sanh chứng thêm kỳ lạ. Bà ao ước: “Ôi! Phải chi ta được cúng dường, sốt bát năm trăm vị Tỳ khưu, có Đại đức Sāriputta cầm đầu, với thực phẩm ngon lành như cá thu,

rồi ta đắp y vàng, ngồi phía sau Tăng chúng, dùng những vật thực của chư Tăng dùng dư thừa sót cho ta.”.

Nghĩ rồi, dựng phụ ngò lời cho cha mẹ biết và thực hành ý định ấy. Bệnh ốm nghén liền dứt.

Từ đó về sau, trong bảy cuộc lễ trong gia tộc, thí chủ lại cúng dường sót bát năm trăm vị Tỳ khưu, có Đại đức Sārīputta cầm đầu, với món vật thực đặc biệt là cá thu (đoạn này giải rộng ra y như tích công tử Tissa).

Đó là do phước báu của Mahāduggata lúc trước đã cúng dường cá thu, bây giờ trở quả như vậy.

Đến ngày lễ đặt tên con, thiếu phụ bạch với Đại đức Sārīputta:

- Bạch Ngài! Xin Ngài truyền giới cho kẻ tôi tớ của Ngài.

Nghe người mẹ bạch, Đại đức hỏi:

- Đứa bé trai này tên chi?

- Bạch Ngài! Kể từ khi con thọ thai về sau, trong nhà này đâu là kẻ ngu khờ cũng trở nên bậc trí giả, cho nên con mới đặt tên là Paṇḍita (Trí Giả Tử).

Đại đức truyền giới cho đứa hài nhi.

Kể từ ngày đứa con ra chào đời, tự nhiên bà mẹ phát tâm nguyện rằng: “Ta nhất định sẽ không phá hoại căn lành của con trai ta.”.

Đến khi lên bảy, cậu con trai ngó ý với bà mẹ:

- Thừa mẹ, con sẽ xuất gia với Đại đức.

Bà mẹ liền tán thành rằng:

- Tốt lắm con, mẹ đã phát nguyện là sẽ không phá hoại căn lành của con.

Nói rồi, bà thỉnh Đại đức đến cúng dường để bát, bạch rằng: “Bạch Ngài! Kẻ tôi tớ của Ngài, nó muốn xuất gia. Để chiều nay con sẽ mang nó vào chùa.”.

Tiến chân Đại đức về chùa rồi, bà triệu tập quyền thuộc báo tin cho họ biết rằng: “Hôm nay là ngày cuối cùng con trai tôi là tại gia cư sĩ, nên tôi thiết đãi nó một buổi tiệc tiễn hành xứng đáng.”.

Sau bữa tiệc long trọng, bà mẹ dắt con trai đến chùa giao cho Đại đức và bạch rằng: “Xin Ngài cho hài tử này xuất gia.”. Đại đức nói: “Đời sống của người xuất gia rất khó khăn, nhiều cực nhọc lắm.”. Cậu bé đáp:

- Bạch Ngài, con sẽ tuân hành theo huấn từ của Ngài.

Nghe vậy, Đại đức nói: “Nếu vậy thì con hãy lại đây.”.

Đại đức truyền giáo năm chi đầu của đề mục tham thiền ba mươi hai thể trước, khởi đầu bằng tóc để làm phép xuất gia Sa di cho cậu Paṇḍita.

Cha mẹ của Sa di Paṇḍita lưu lại chùa trong bảy ngày để làm phước Trai Tăng, cúng dường thực phẩm là cá thu đến chư Tăng có Đức Phật là tọa chủ. Chiều ngày thứ bảy, hai ông bà mới trở về nhà. Qua ngày thứ tám, lúc đi vào làng khát thực, Đại đức dẫn theo Sa di Paṇḍita, chớ Ngài không đi chung với chư Tăng. Tại sao vậy? Vì Sa di mới tu, cách đắp y mang bát hoặc trong bốn oai nghi chưa được tề chỉnh nghiêm trang. Và lại, trong chùa Đại đức cũng có nhiều phận sự phải làm, trong lúc chư Tăng vào làng khát thực thì Đại đức dạo khắp trong chùa để quét dọn, đổ đầy nước uống, nước xài vào những lu khắp còn trống... sắp lại những giường, ghế dài để sắp chỗ... Xong đâu đó rồi, Ngài mới đi vào làng khát thực. Một lễ nữa, Đại đức nghĩ rằng: “Chúng ta đừng để cho nhóm ngoại đạo buông lời chỉ trích như vậy, khi họ vào viếng chùa: “Chúng ta hãy nhìn xem

chỗ ngồi của các đệ tử Sa môn Gotama như thế này.”.

Chỉ khi nào nhìn thấy khắp chùa chu đáo rồi, Đại đức mới đi vào làng khất thực. Cho nên ngày ấy, sau khi xong công việc tại chùa, Đại đức bảo Sa di Paṇḍita theo Đại đức đi vào làng. Đang đi với Thầy Tế độ, dọc đường Sa di nhìn thấy một lạch nước, Sa di hỏi:

- Bạch Ngài, cái này gọi là gì?
- Đây Sa di, tên nó là lạch nước.
- Người ta dùng nó để làm gì?
- Người ta dẫn nước đi đến chỗ này, chỗ nọ, để tưới vào ruộng của mình.
- Bạch Ngài, nước có tâm thức chăng?
- Không có đâu, này Sa di.
- Bạch Ngài, một vật không có tâm thức mà người ta dẫn dắt đến chỗ người ta muốn để làm công việc, thì tại sao những chúng sanh có tâm lại chẳng có thể tự điều chế tâm mình để hành Sa môn pháp?

Đi thêm đoạn nữa, Sa di tự mắt trông thấy người thợ làm tên đang hơ cây gậy cứng bằng lõi cây trên lửa nóng để uốn cho ngay thẳng, bèn hỏi:

- Bạch Ngài, những người này gọi là chi?
- Gọi là thợ làm tên, Sa di ạ.
- Họ đang làm chi đó, Bạch Ngài.
- Họ đang hơ lửa một khúc cây có lõi cứng để uốn cho thẳng.
- Bạch Ngài, cây ấy có tâm thức chăng?
- Không có tâm đâu, này Sa di.

Sa di nghĩ thầm: “Nếu một khúc cây vô tâm mà người ta có thể hơ lửa cho thẳng được, thì tại sao những chúng sanh hữu tâm lại chẳng có thể tự điều chế tâm mình để hành Sa môn pháp?”.

Lại đi thêm một đôi nữa, Sa di trông thấy nhiều thợ mộc đang làm cũi, vành, đùm xe, bèn hỏi:

- Bạch Ngài, những người này kêu là chi?
- Gọi là thợ mộc, Sa di ạ.
- Họ đang làm cái chi thế?
- Họ lấy cây làm thành đùm, bánh xe, vành xe của những chiếc xe nhỏ.
- Những vật ấy có tâm không, bạch Ngài?
- Không có tâm đâu, Sa di ạ.

Khi ấy, Sa di Paṇḍita suy nghĩ: “Nếu như người ta có thể lấy cây rừng là vật vô tâm làm thành bánh xe thì tại sao những chúng sanh hữu tâm lại chẳng có thể tự điều chế tâm mình để hành Sa môn pháp?”.

Sa di suy nghĩ thấy được những lý lẽ trên đây chín chắn rồi, bạch rằng: “Bạch Ngài, nếu y bát này của Ngài thì xin Ngài hãy cầm giữ lấy, con cần phải trở về chùa.”.

Đại đức không nghĩ trong tâm rằng: “Ông nhỏ này mới xuất gia Sa di, lúc đang đi sát bên ta mà còn nói như thế à.”.

Nhưng Đại đức bảo rằng: “Hãy đưa đây, này Sa di.”.

Nói rồi, Đại đức tự cầm giữ lấy y bát của mình, Sa di đánh lễ Thầy Tế độ, rồi quay trở lại, miệng còn nói:

- Bạch Ngài, khi Ngài lấy phần cơm của con mang về, xin Ngài hãy lấy phần cơm cá thu cho con.

- Này con, làm sao ta có được.

- Bạch Ngài, nếu như Ngài không có được do phước của Ngài, thì Ngài sẽ có được do phước của con.

Đại đức nghĩ thầm: “Nếu để Sa di này ngồi bên ngoài, e có sự tai hại nguy hiểm.”, nên trao chìa khóa cho Sa di và dặn rằng: “Con hãy mở cửa cốc của ta, vào ngồi trong ấy.”.

Sa di Paṇḍita vâng theo lời thầy dạy, ngồi tịnh trong thất của thầy. Khi ấy, do oai lực ân đức của Sa di, chiếc ngai vàng của Đế Thích nóng ran lên. Thiên Vương tự hỏi: “Tại có nào vậy?”. Quán xét thì thấy được Sa di Paṇḍita sau khi giao y bát lại cho thầy, trở về hành Sa môn pháp: “Ta cũng nên xuống nơi đó.”.

Nghĩ rồi, Đế Thích triệu bốn vị Thiên Vương đến khiến rằng:

- Chư Thiên Vương hãy đi tuần gần tinh xá Jetavana, đuổi hết chim, thú đi hết, lo việc canh phòng cho chu đáo.

Phán rồi, Thiên Vương ra lệnh cho Thái Âm Thiên Tử (Candadevaputta): “Hãy níu giữ mặt trăng lại.”, ra lệnh cho Thái Dương Thiên Tử (Suriyadevaputta): “Hãy níu giữ mặt trời lại.”.

Xong rồi, tự thân Thiên Vương làm người đứng canh giữ cái chốt quả lắc chuông cho Sa di. Trong tinh xá lặng thinh, dù một tiếng lá khô rụng cũng không có.

Tâm của Sa di đến mức an tịnh, chỉ trong thời gian độ xong bữa cơm, ông chứng đạt đạo quả, đạt đến ba tầng Thánh đầu. Trong lúc Sa di đang ngồi trong tinh xá, thì Đại đức Sāriputta nghĩ thầm: “Ta nên đến nhà ai để có thể kiếm được vật thực cho Sa di?”. Đại đức đi đến nhà một gia chủ hộ độ Đại đức, nơi đây trong ngày ấy, người ta có được nhiều cá thu, và đang chờ đợi Đại đức đến để đặt bát.

Khi thấy Đại đức đến gần, họ bạch rằng:

- Bạch Ngài, Ngài đến thật là đúng lúc. Xin thỉnh Ngài vào trong.

Khi Đại đức vào trong nhà, họ dâng cháo và kẹo bánh, điểm tâm xong, họ đặt bát cơm với vật thực là cá thu. Đại đức định mang bát ra đi, những họ thỉnh: “Xin Ngài hãy thọ thực bát này đi, còn phần mang về tinh xá chúng con sẽ dâng thêm sau.”.

Khi Đại đức dùng xong bữa rồi, họ xin bát không để rỗng cơm cá thu đầy bát, rồi dâng đến tay Ngài.

Đại đức vội vã ra đi, nghĩ thầm: “Sa di của ta chắc hẳn đang đói bụng.”.

Ngày hôm ấy, Đức Bốn Sư thọ thực trong lúc phải thời xong rồi và đã trở về tinh xá. Ngài quán thấy rằng: “Sa di Paṇḍita đã trao bát lại cho Thầy, với ý niệm “Ta sẽ hành Sa môn pháp.”, và đã trở về liêu.”. Ngài tự hỏi: “Sa di này có đắc được đạo quả chi chăng?”. Khi quán thấy, Sa di chứng đạt được ba quả Thánh, Ngài lại xét tiếp: “Sa di có thể chứng đắc A La Hán quả chăng?”. Và Ngài lại biết rằng: “Ông Sa di này chứng đắc quả A La Hán.”. Khi ấy, Đức Bốn Sư suy nghĩ: “Sāriputta đang hối hả đem cơm về cho Sa di sớm quá, chính là gây chướng ngại cho Sa di. Vậy ta hãy đón Sāriputta, hỏi ông ta bốn câu hỏi, khi ông ta giải đáp xong thì Sa di cũng chứng đắc A La Hán với Tuệ phân tích.”.

Thế rồi, Đức Bốn Sư ngự ra đứng trước cổng tinh xá, và khi Sāriputta đang về, Ngài hỏi Đại đức bốn câu hỏi, Đại đức đã giải đáp đầy đủ. Tương truyền rằng: Cuộc vấn đáp này đã diễn tiến như sau:

- Này Sāriputta, ông được vật chi?

- Bạch Ngài, là vật thực (āhāra).
- Cái gọi là vật thực, đem vật chi đến? Hỡi Sārīputta.
- Bạch Ngài, Thọ uẩn (vedanaṃ).
- Thọ uẩn đem vật chi đến? Hỡi Sārīputta.
- Bạch Ngài, Sắc uẩn (rūpaṃ).
- Sắc uẩn đem vật chi đến! Hỡi Sārīputta.
- Bạch Ngài, Xúc (phassaṃ).

Những lời vấn đáp vấn tắt trên, chúng ta nên hiểu rộng như sau: Do sự đói khát, chúng sanh dùng vật thực (āhāra), vật thực tiêu hóa từ lần mang đến sự thọ vui (sukhaṃ vedanaṃ). Trong khi sự thọ vui phát sanh lên do nhờ sự thỏa thích thọ dùng vật thực, thì toàn thân của con, nó có màu sắc tươi tốt, đầy đủ, như thế là thọ (vedanā) đem đến Sắc (rūpaṃ). Nhờ sự an vui của Sắc phát sanh từ vật thực (āhārajarūpa) mà sự hi lạc (sukha somanasso) phát sanh. Bây giờ đây con thỏa mãn xứ (assādo) đầu gối hay nằm, lúc nào con cũng tiếp xúc với sự an vui (sukhasamphassaṃ).

Khi Đại đức Sārīputta giải đáp xong bốn câu hỏi như trên, thì Sa di Paṇḍita cũng vừa đặc quả A La Hán với Tuệ phân tích.

Đức Bốn Sư bèn bảo với Đại đức: “Này Sārīputta, hãy đem cơm vào cho Sa di của ông ăn đi.”.

Đại đức đến gõ cửa cốc. Sa di bước ra, thọ lãnh bát từ tay Đại đức, rồi đứng qua một bên, lấy quạt quạt hầu Thầy Tế độ. Đại đức bảo:

- Này Sa di, hãy dùng cơm đi.
- Bạch Ngài, còn Ngài thì sao?

- Ta dùng rồi, con cứ dùng đi.

Vị Sa di mới bảy tuổi đầu, xuất gia được tám ngày đã chứng đặc quả A La Hán như hoa sen vừa nở đẹp, bèn ngồi xuống quán tưởng bát cơm, rồi thọ dụng.

Khi Sa di rửa bát sạch sẽ dâng hoàng, Nguyệt thần phóng thích mặt trăng, Nhựt thần phóng thích mặt trời. Tứ Đại Thiên Vương giải tỏa sự giữ gìn bốn hướng, Đức Đế Thích cũng thôi không giữ chùng chốt nữa. Mặt trời đứng bóng, bóng chệch qua rất lẹ, thành ra mới đó mà đã xế chiều.

Chư Tỳ khưu bàn tán xôn xao rằng: “Bỗng nhiên đã xế tà, mặt trời từ trên đỉnh thượng đã trịch qua rất lẹ, có phải là chớ Sa di độ xong bữa, hay là sao vậy?”.

Đức Bốn Sư hiểu biết việc này, bèn ngự đến phán hỏi:

- Này chư Tỳ khưu! Các ông đang thảo luận việc chi đó?
- Bạch Ngài, như thế, như thế...

- Đúng vậy, này các Tỳ khưu, trong lúc bậc hữu phúc (puñṇavato) đang hành Sa môn pháp, Nguyệt thần phải níu giữ chặt mặt trăng, Nhựt thần níu giữ mặt trời. Tứ Đại Thiên Vương canh giữ bốn hướng, Đức Đế Thích xuống giữ chốt cửa và chính ta là Đấng Chánh Đẳng Giác cũng không ngồi an nhiên được, nên giữ tại cổng Jetavana con trai ta.

Khi nhìn thấy những người dẫn thủy nhập điền bằng cống rãnh, những người thợ làm tên uốn thẳng cây tên và những thợ mộc bào gỗ, dẻo ván. Bậc trí giả lấy những đối tượng ấy làm đề mục tham thiền, rồi tự mình điều chế lấy mình mà đặc quả A La Hán như thế đó.

Sau khi dẫn giải như vậy, Đức Bốn Sư thuyết giảng một thời pháp trong đó có bài kệ này:

“Udakaṃ hi nayanti nettikā,
Usukārā namayanti tejanam;
Dāruṃ namayanti tacchakā,
Attānaṃ damayanti paṇḍitāti.”

“Người tưới nước vào điền,
Thợ làm cung nắn ngay liền mũi tên.
Thợ mộc uốn gỗ cần chuyên,
Trí giả điều chế tâm viên của mình.”



CHÚ GIẢI:

Kệ ngôn thứ nhất đề cập đến những người thợ dẫn nước (nettikā), sau khi ban chỗ đất gò xuống thấp, đắp chỗ trũng cho bằng, làm thành nương, lạch lộ thiên, hoặc đặt ống bằng cây có bông, xong rồi có thể theo ý muốn, họ dẫn nước đến chỗ cần dùng.

Tejanam: Cây tên để bắt vào cung, nỏ để bắn. Kệ ngôn này ý nói: Những người thợ dẫn nước tùy theo sở thích, thợ làm tên cũng vậy, sau khi hơi nóng cây tên rồi, họ uốn nắn cho nó ngay thẳng, và thợ mộc nữa, muốn làm thành những cạm xe... họ đeo gọt rồi sửa cho ngay ngắn, hoặc uốn cong nó được tùy theo sở thích.

Bậc trí giả, sau khi quán niệm bấy nhiêu đề mục trên đây, đã làm phát khởi Tu Đà Hườn đạo tâm... Rồi điều chế tự ngã mà đắc A La Hán luôn liền theo đó.

Dầu với vật vô tâm hay hữu tâm, hành giả đều phải hạ thủ công phu mới đạt đến chỗ diệu dụng được.



Sau thời pháp, nhiều vị Tỳ khưu chứng đắc Thánh quả...

Dịch Giả Cần Đề

*Sa di Trí giả đủ cần lành,
Nửa bước theo thầy, tuệ giác sanh,
Thấy vật vô hình, người biến chế,
Lo thân hữu phước, tự điều hành.
Phật trời hội giúp tâm không sụt,
Nhứt nguyệt ngừng cho quả kịp sanh,
Nguyện cũ mãn rồi trong kiếp chót,
Níp Bàn bảy tuổi đã nên danh.*

DỨT TÍCH SA DI PAṆḌITA





80. *The wise discipline themselves as irrigators water, fletchers, and carpenters wood.*

80. Bậc trí điều phục bản thân như người trị thủy dẫn nước, người làm tên uốn tên và người thợ mộc bào gỗ.

VI. 6- Tích ĐẠI ĐỨC BẠT ĐÀ LÙN

(Lakuṇṭakabhaddiyattheravatthu)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 81)

“Selo yathā ekaghano, Vātena na samīrati; Evaṃ nindāpasamsāsu, Na samīñjanti paṇḍitāti.”	“ <i>Như tảng đá không động, Gió thổi chẳng bạt đi, Trí giả tâm không động, Mặc tiếng đời thị phi.</i> ”
---	--

Kệ Pháp Cú này, Đức Bốn Sư đã thuyết ra khi Ngài ngự an tại Jetavana, đề cập đến Đại đức Bhaddiya (Bạt Đà) lùn.

Tương truyền rằng: “Khi gặp Đại đức, chư phạm Tăng, nhất là các vị Sa di, ông thì rờ đầu, vị thì kéo tai hay bóp mũi Đại đức mà trêu chọc: “Sao chú không bắt mẫn trong giáo pháp này mà lại thỏa mẫn lắm vậy?”.

Đối với những người quấy nhiễu như thế, Đại đức không bao giờ giận hờn, căm tức họ.

Trong giảng đường, chư Tăng đề khởi pháp thoại như sau:

- Các vị hãy coi đó, gặp mặt Đại đức Bhaddiya lùn thì các vị Sa di trêu ghẹo như vậy, như vậy... thế mà Đại đức chẳng có tâm giận hờn căm tức họ...

Đức Bốn Sư ngự đến phán hỏi:

- Nầy chư Tỳ khưu, các ông đang bàn luận về việc gì vậy?

- Bạch Ngài, câu chuyện như thế này...

Nghe đáp xong, Đức Bốn Sư xác nhận rằng:

- Đúng vậy, này chư Tỳ khưu, các bậc Lưu Tận thì không bao giờ nóng nảy giận hờn, giống như những tảng đá đặc ruột, nằm yên không lay động.

Nói rồi, Đức Bốn Sư thuyết pháp giải thêm về đề tài trên và đọc bài kệ này:

“Selo yathā ekaghano,
Vātena na samīrati;
Evam nindāpasamsāsu,
Na samiñjanti paṇḍitāti.”

“Ví như đá núi Tây đĩnh,
Giông nào lay chuyển, rung rinh bao giờ.
Tâm người đại trí trơ trơ,
Chê khen cũng mặc, lộng lờ như không.”



CHÚ GIẢI:

Tiếng *Nindāpasamsāsu* trên đây, nghĩa là những lời chê khen, tức là hai pháp thế gian (*lokadhammā*), bao gồm tất cả những tiếng đời thị phi, mai mỉa. Còn là phạm phu, ai cũng phải chịu ảnh hưởng tai hại của tám pháp thế gian: Được lợi (*lābho*), mất lợi (*alābho*), được danh (*yaso*), mất danh (*ayaso*), được khen (*pasamsā*), bị chê (*ninda*), hạnh phúc (*sukha*) và đau khổ (*dukkha*). Tám pháp này như gió trốt lồi cuốn, xoay vần làm cho tâm chúng sanh phải điên đảo luôn luôn.

Quả thật, cũng như tảng đá đặc, không tâm bọng, không hề bị gió bốn phương lay động, xê dịch, lúc lắc, các bậc trí giả đâu còn ở trong vòng tám pháp thế gian, vẫn không hề bị phiền phức. Tâm các bậc ấy không lay động,

biến đổi vì ảnh hưởng của sự náo hại hay là bất thân thiện.



Đến cuối thời pháp, nhiều vị Tỳ khưu chứng đắc Tu Đà Hườn quả...



Dịch Giả Cử Đề

*Tướng tuy lùn bé khó tự hào,
Đại đức Bạt Đà chẳng núng nao,
Mặc kệ rờ đầu cùng bóp mũi,
Đầu ai hạ thấp hoặc đề cao.
Vô sanh Thánh cảnh đã đi tới,
Tục lụy phàm phong hết lọt vào,
Tâm trí kiên cường như núi đá,
Ngoài da bạn lẽ biết đâu nào.*

DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC BHADDIYA LÙN





81. Both in praise and blame the wise are unshaken like the rock in the wind.

81. Như tảng đá không lay động trước gió, bậc trí không lay động trước những lời chê khen.

VI. 7- Tích MẸ CÔNG CHÚA CÀ NA

(Kāṇāmātāvattu)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 82)

“Yathāpi rahado gambhīro,	“Nhu lòng sâu biển hồ,
Vippasanno anāvilo;	Yên lặng không nhiễm ô,
Evam dhammāni sutvāna,	Khi đã nghe Chánh pháp,
Vippasīdanti paṇḍitāti.”	Tâm trí giả thanh tịnh.”

Kệ Pháp Cú này, Đức Bốn Sư đã thuyết ra khi Ngài ngự an tại Jetavana, đề cập đến mẹ nàng Kāṇā.

Chuyện này trích từ Tạng Luật, trong đó ghi lại rằng:

Mẹ nàng Kāṇā, không muốn con mình tay không trở về nhà chồng, nên đã làm bánh. Nhưng bốn lần làm bánh đều dâng cúng cho bốn vị Tỷ khưu trong giờ thọ thực, do đó Đức Bốn Sư đã ban hành điều học cấm Tỷ khưu thọ lãnh vật thực quá bốn bát.

Chồng nàng Kāṇā cưới vợ khác. Sau khi hay tin này, nàng Kāṇā gặp mặt các Tỷ khưu thì buông lời, mắng nhiếc, chửi rủa rằng: “Mấy ông Sư này phá hoại gia can nhà ta.”. Chư Tỷ khưu chẳng dám đi trên con đường ấy nữa.

Hay biết việc này, Đức Bốn Sư ngự đến nhà mẹ nàng Kāṇā. Bà đánh lễ Đức Thế Tôn, thỉnh Ngài ngự vào nơi được soạn sẵn, rồi dâng cháo cùng đồ ngọt.

Sau bữa điểm tâm, Đức Bốn Sư phán hỏi:

- Nàng Kāṇā đâu?

- Bạch Ngài, Kāṇā thấy Ngài, nó hổ thẹn đang đứng khóc một mình.

- Tại sao thế?

- Bạch Ngài, vì nó mắng nhiếc chư Tỳ khưu, cho nên thấy Ngài nó xấu hổ, đứng khóc như thế.

Đức Thế Tôn bảo gọi nàng Kāṇā đến và hỏi:

- Này Kāṇā, tại sao thấy Như Lai con lại xấu hổ, lánh mặt ta mà khóc như thế?

Nàng Kāṇā bạch lại mọi việc nàng đã làm, mắng nhiếc chư Tỳ khưu, Đức Thế Tôn bèn hỏi rằng:

- Này mẹ Kāṇā, thế nào? Các đệ tử Như Lai nhận vật của bà có dāṅg cúng thì họ phạm lỗi chi hay là vật không có dāṅg cúng?

- Bạch Ngài, đồ vật không có dāṅg cúng.

- Nếu thế, khi đệ tử Như Lai khát thực, đến đứng trước cửa nhà bà, nhận được vật dāṅg cúng thì họ phạm lỗi chi?

- Bạch Ngài, chư Đại đức không có lỗi chi cả, chi Kāṇā là có lỗi thôi.

Đức Bốn Sư bèn bảo nàng Kāṇā:

- Này Kāṇā, chư Thinh Văn đệ tử của Ta khi đi bát khát thực, đến trước cửa nhà này, nhận được bánh của mẹ con cúng dường, thì các Thinh Văn đệ tử của Ta có phạm tội lỗi gì?

- Bạch Ngài, chư Đại đức không có lỗi gì cả, chỉ mình con là có lỗi thôi.

Nói đoạn, nàng đánh lễ Đức Thế Tôn và xin sám hối. Nhân đó, Đức Phật thuyết lên tuần tự pháp cho nàng nghe,

và nàng chứng đắc quả vị Tu Đà Hườn.

Đức Bốn Sư từ chỗ ngồi đứng dậy, ngự về tinh xá, đi ngang qua sân rồng, đức vua trông thấy Ngài, bèn phán hỏi thị thần:

- Hình như là Đức Bốn Sư, có phải không chư khanh?

- Tâu bệ hạ, phải.

Nghe tâu như vậy, đức vua phán bảo thị thần ra đón Đức Bốn Sư: “Chư khanh mau ra bạch với Ngài rằng: Trẫm xin đến đánh lễ Ngài.”.

Đức Bốn Sư đứng dừng lại trong sân ngự, quốc vương đến gần Ngài, đánh lễ xong bạch rằng:

- Bạch Ngài, chẳng hay Ngài đi đâu đây?

- Tâu Đại vương! Như Lai đến nhà của mẹ nàng Kāṇā.

- Bạch Ngài, vì lẽ gì vậy?

- Nghe rằng: nàng Kāṇā mắng nhiếc chư Tỳ khưu nên Như Lai đã đến nhà mẹ nàng.

- Bạch Ngài, có lẽ Ngài đã khiến được nàng Kāṇā thôi mắng nhiếc phải không?

- Tâu Đại vương! Như Lai đã khiến nàng dứt bỏ sự mắng nhiếc chư Tỳ khưu, đồng thời thâu hoạch được Thánh tài (Lokuttarakuṭumba).

- Bạch Ngài, Ngài khiến nàng thu được Thánh tài, phần trẫm, trẫm sẽ khiến nàng được làm chủ thể tài (lokiyakuṭumba).

Nói rồi, đức vua đánh lễ cáo từ Đức Bốn Sư. Về triều, đức vua phái một cỗ loan xa có màn che sáo phủ đi rước nàng Kāṇā vào cung, khiến cung phi trang điểm và đeo đủ

thứ trang sức quý giá cho nàng rồi lập nàng lên làm đại công chúa. Sau đó, đức vua báo tin cho các quan hay rằng: “Ai có thể nuôi dưỡng con gái trăm thì hãy đến rước công chúa về nhà.”

Khi ấy, có viên Đại thần Tế tướng tâu rằng:

- Hạ thần xin lãnh nuôi công chúa.

Ông rước công chúa đem về nhà mình, giao nàng đủ cả quyền hạn trong tay và bảo:

- Công chúa hãy làm phước theo tùy thích đi.

Từ đó, công chúa Kāṇā sai nhiều người đàn ông đứng gác ở bốn cửa để đón rước chư Tăng, nhưng chỉ hoài công chờ đợi, vì không gặp được Tỳ khưu và Tỳ khưu ni đặng mà để bát. Thành ra tại bốn cửa nhà nàng vật thực cứng mềm đã dự bị để cúng dường đều còn nguyên, ối động dồn dập mãi phần nhiều như thác nước.

Trong giảng đường, chư Tăng đề khởi pháp thoại như sau:

- Này chư huynh đệ, lúc trước nàng Kāṇā làm cho bốn vị Đại đức Trưởng lão phải ăn năn hối tiếc. Là người gây sự phiền phức như vậy, mà khi Đức Bốn Sư đến viếng, nàng lại có đức tin đầy đủ. Đức Thế Tôn đã khiến được nàng đem của nhà đến gần chư Tỳ khưu. Nhưng bây giờ nàng muốn có chư Tăng hoặc chư Ni để cúng dường thì kiếm cũng không ra. Ôi! Ân đức Phật bảo quả là kỳ diệu thay.

Đức Bốn Sư ngự đến phán hỏi:

- Này chư Tỳ khưu, hôm nay các ông hội thảo về vấn đề gì?

- Bạch Ngài, việc như vậy... như vậy...

- Này các Tỳ khưu, Đức Bốn Sư dạy, không phải nàng Kāṇā chỉ làm cho chư Tỳ khưu cao hạ phải hối hận bây giờ mà thôi. Trước kia nàng đã từng làm như thế rồi. Không phải bây giờ là lần đầu tiên

Ta đã khiến được nàng vâng lời, trước kia ta cũng đã từng khiến được nàng như thế rồi.

Chư Tăng muốn nghe Bốn Sanh, bèn thỉnh cầu Đức Thế Tôn, Ngài ngâm kệ mở đầu rằng:

“Yattheko labhatī babbu,
Dutiyo tattha jāyati;
Tatiyo ca catuttho ca,
Idante babbukā bilanti.”

*“Khi nào thấy một chú mèo,
Thì một chú nữa hiện theo chẳng từ,
Rồi chú ba và chú tư,
Hang này mèo nọ hình như thích tìm.”*

Đức Bốn Sư dẫn giải rằng: “Bốn vị Trưởng lão hôm nay là bốn chú mèo thuở trước, nàng Kāṇā đã là con chuột cái, còn Như Lai là người thợ ngọc vậy.”

Giải rằng: Đức Bốn Sư dạy rằng: “Này các Tỳ khưu, trong thời quá khứ, nàng Kāṇā cũng đã từng gặp cảnh buồn rầu, khổ tâm như thế rồi, nhưng nhờ nghe lời Như Lai mà nàng được tâm thanh tịnh như hồ nước trong veo.”

Kết luận xong, Đức Bốn Sư lại thuyết pháp và đọc lên bài kệ này:

“Yathāpi rahado gambhīro,
Vippasanno anāvalo;
Evaṃ dhammāni sutvāna,
Vippasīdanti paṇḍitāti.”

*“Hiền nhân nghe pháp vừa xong,
Tâm liền thanh tịnh, sạch trong nước hồ.
Nước sâu, gương phẳng lặng tờ,
Trong veo sáng suốt, chẳng như bụi hồng.”*



CHÚ GIẢI:

Danh từ *Rahado* trên đây nghĩa là hồ, nhưng là hồ sâu rộng lắm. Dầu cho bốn bộ binh (quân, xa, mã, tượng) xuống hết dưới hồ đó, nước hồ cũng không tràn dâng lên. Như vậy thì chỉ có đại trùng dương (nīlamahāsamuddo), bề sâu tám muôn ngàn do tuần mới xứng với tên *Rahado*. Quả thật, từ dưới đáy hồ của nó ở chỗ sâu độ tám mươi bốn ngàn do tuần (cattālīsayojanasahassa), nước chao động vì cá, khoảng giữa độ sâu bốn ngàn do tuần thì nước đứng yên, còn ngang phía trên mặt nước chao động vì gió. Chỗ yên lặng ấy có thể gọi là hồ sâu thăm vậ (*gambhīrarahado*).

Evam dhammāni (nghe pháp) đây chỉ cho những thời pháp thuyết: Theo định nghĩa trên, cũng như hồ sâu không bị xáo trộn, thì nước của nó trong sạch, yên tịnh, lặng trang như thế nào; cũng như thế ấy, sau khi nghe thời pháp của Ta thuyết, do nơi Tu Đà Hườn đạo... bậc trí giả đạt đến tâm thanh tịnh, xa lìa phiền não chứng đắc A La Hán quả.

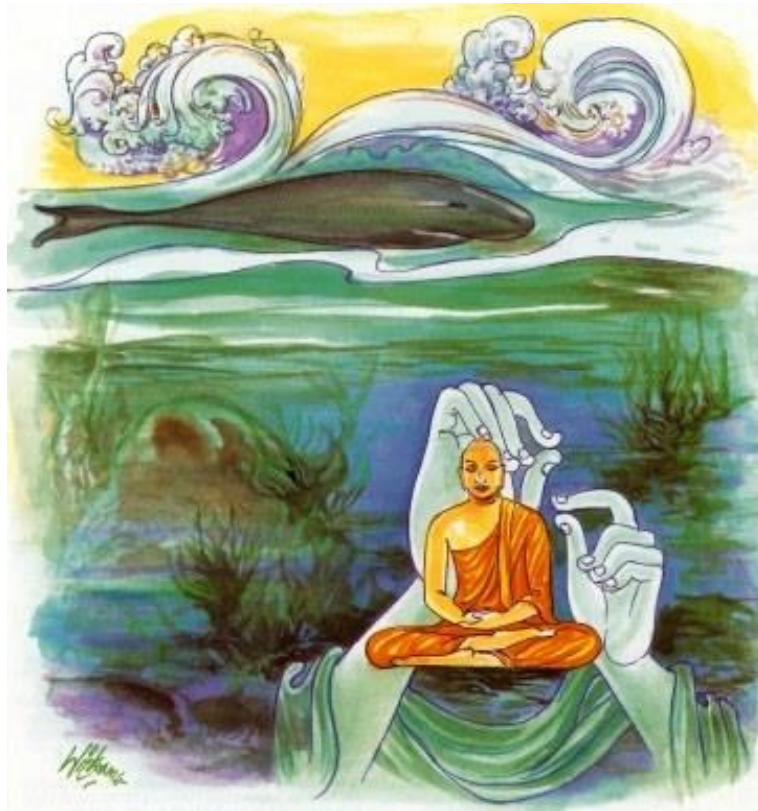


Dịch Giả Cầu Đề

*Đợi bánh, Gà Nà bị mất chồng,
Tiếc mình, đổ tội bốn Sư ông,
Nhờ nghe Pháp Phật, tâm liền tịnh,
Hường lộc trời ban giữa bệ rồng.
Trước lở buông lời nhieếc lão Tăng,
Sao lo bù đắp lại cho bằng,
Mỗi ngày công chúa lo làm phước,
Chờ mãi hoài công, nghĩ chán chẳng?*

DỨT TÍCH MỆ NÀNG KĀNĀ





82. *The Buddha's teaching makes the wise tranquill
Like a fathomless lake still and clear.*

**82. Giáo Pháp làm cho bậc trí an tịnh
Giống như hồ nước sâu thẳm, tĩnh lặng và
Trong sáng.**

VI. 8- Tích NĂM TRĂM VỊ TỖ KHƯU (*Pañcasatabhikkhuvatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 83)

“Sabbattha ve sappurisā cajanti,
Na kāmakāmā lapayanti santo;
Sukhena phuṭṭhā atha vā dukkhena,
Na uccāvacam paṇḍitā dassayanti.”

*“Trượng phu là mọi pháp,
Không bàn đến dục lạc,
Trí giả gặp khổ vui,
Không lo nghĩ cao thấp.*

Kệ Pháp Cú này, Đức Bốn Sư khi ngự tại tịnh xá Jetavana đề cập đến năm trăm vị Tỳ khưu phát sanh tại Verañja (Huê Lan Nhã). Thật thế, sau khi chứng đắc quả Chánh Giác dưới cội Bồ Đề, Đức Thế Tôn ngự đến thành Verañja trước hạ kỳ đầu tiên, được ông Bà la môn Verañja thỉnh cầu Ngài an cư kiết hạ nơi đó với năm trăm vị Tỳ khưu. Ông Bà la môn Verañja bị Ma vương ám ảnh, khiến ông quên lãng lời thỉnh cầu, không nhớ đến Đức Tôn Sư, đầu chi là một ngày. Lúc ấy, thành Verañja gặp cảnh mất mùa, đói kém, chư Tỳ khưu đi bát khắp thành Verañja mà không tìm được vật thực, tình cảnh rất gian nan, vất vả. May nhờ đoàn lái ngựa nhìn lại từng nhúm cơm khô để bát, chư Tăng mới sống lây lất qua ngày.

Thấy chư Tăng vất vả, Đại đức Moggallāna có ý muốn lấy chất dinh dưỡng bên dưới mặt đất (*paṭhavojaṃ*) cúng dường Tăng, và muốn dùng thần thông đưa chư Tăng sang

Bắc Cưu Lư Châu đi bát, nhưng Đức Thế Tôn không cho Đại đức làm như vậy.

Còn chư Tỳ khưu không có ngày nào than phiền việc đi bát có ít ỏi vật thực cả. Các Ngài đã dứt được lòng tham dục nên vẫn sống an vui với đời đạo hạnh.

Đến khi mãn mùa an cư nơi đó, Đức Bốn Sư đến từ già ông Bà la môn Verañja, Ngài được ông ta cúng dường kính ngưỡng, và Ngài truyền thụ Quy giới cho ông ta.

Rời khỏi Verañja, Đức Bốn Sư ngự đi vân du, cho đến một thời Ngài ngự về thành Sāvattthī, vào ngự an nơi tinh xá Jetavana.

Dân cư trong thành Sāvattthī thiết đại lễ Trai Tăng cúng dường mừng ngày Đức Bốn Sư trở về. Khi ấy có một số năm trăm người ăn tàn thực nương theo chư Tỳ khưu, cũng cư ngụ trong vòng tinh xá. Xin được những món ăn dư thừa của chư Tăng, toàn là thực phẩm ngon, quý, họ ăn uống xong rồi, ngủ xong thức dậy, đi ra mé bờ sông chơi giỡn la hét, chia phe đấu vật với nhau trong vòng hoặc ngoài vòng tinh xá.

Trong chư Tăng, nơi giảng đường đề khởi lên Pháp thoại như sau: “Nầy chư huynh đệ, bọn người dùng tàn thực này, trong khi ở thành Verañja nhằm mùa đói kém thì họ không tỏ ra vẻ sái quấy. Bây giờ về đây, được ăn uống cao lương mỹ vị như vậy, họ lại phô bày ra lắm trò bi ối hằng ngày. Chư Tỳ khưu khi ở Verañja tuy vậy mà được an tịnh, còn bây giờ thì không được an tịnh.”

Đức Bốn Sư ngự vào giảng đường, phán hỏi: “Nầy các Tỳ khưu, các ông đang thảo luận chi vậy?”

- Bạch Ngài, việc này...

Nghe vậy, Đức Thế Tôn phán dạy: “Những người ấy

xưa kia đã là năm trăm con lửa sanh ra từ những con lửa mẹ. Những con lửa này đã dùng nước cốt nho tươi của năm trăm con tuần mã được thuần phục uống, còn dư là cặn bã bất tịnh, người nài ngựa pha trộn thêm nước lã, rồi lược bằng giẻ bố và gọi rằng: “Tịnh thủy”, thứ nước hư bỏ, lạt lẽo, hèn hạ như vậy mà chúng nó xúm nhau uống như uống rượu ngon và sau khi uống lại hò hét la lối như người say rượu.

Thời ấy, đức vua nghe tiếng ồn ào, huyên náo, phán hỏi. Đức Bồ Tát tường trình hành vi của bọn lửa ấy như sau:

“Vālodakam apparasam nihīnam,
Pitvā mado jāyati gadrabhānam;
Imañca pitvāna rasam paṇītam,
Mado na sañjāyati sindhavānam.
Appampivivāna nihīnajacco,
So majjatī tena janinda phuttho;
Dhorayhasilī ca kulamhi jāto,
Na majjatī aggarasam pivivā’ti.”

Lược dịch:

“*Tịnh thủy’ lạt lẽo thấp hèn,
Bầy lửa uống bị ma men nhập vào.
Rượu nho ngon ngọt thanh cao,
Ngựa tuần uống, chẳng khi nào biết say.
Tàu quốc vương, kẻ không hay,
Nhấp chút ít rượu là say tức thì.
Con nhà dòng dõi lễ nghi,
Không say, dù uống rượu gì quý ngon.*”

Sau khi giải rộng tích Bốn Sanh Tịnh Thủy (vālodaka), Đức Bốn Sư kết luận rằng: “Nầy chư Tỳ khưu, các bậc hiền nhân quân tử hằng giữ được phẩm hạnh như thế. Xa lìa tham dục rồi, đầu gặp hoàn cảnh vui buồn, sướng khổ thế nào, các bậc ấy cũng vẫn điềm đạm, an nhiên.”.

Kết luận xong, Đức Bốn Sư lại thuyết pháp và đọc bài kệ này:

“Sabbattha ve sappurisā cajanti,
Na kāmakāmā lapayanti santo;
Sukhena phutṭhā atha vā dukkhena,
Na uccāvacam paṇḍitā dassayanti.”

“Trượng phu chẳng chút bận lòng,
Đến đâu tham dục không nên luận bàn.
Trí giả, tâm đã tịnh an,
Gặp cảnh sướng khổ, chẳng màng nói ra.”



CHÚ GIẢI:

Tiếng *Sabbattha* (khắp nơi) trên đây ám chỉ tất cả mọi pháp, nhất là khắp tất cả mọi thành phần của Ngũ uẩn (thân và tâm).

Sappurisā (Trượng phu) là những nam nhân tốt (Sappurisā), tức là những bậc hiền nhân quân tử.

Vajanta (lìa bỏ), đây là dứt bỏ được ái dục (chandarāga) do nhờ chứng đắc A La Hán đạo tuệ (Arahattamaggaññāṇa).

Na kāmakāmā: không bàn đến động cơ của dục lạc (kāmayantā) nhân của dục lạc (kāmahetu), lý do của dục lạc (kāmakāraṇā).

Santo: Bậc an tịnh như chư Phật... thì không tự mình nói hoặc bảo kẻ khác nói đến nhân dục lạc... Quả vậy, những vị Tỳ khưu nào lúc đi trì bình khát thực, đến đứng chỗ mình ưa thích rồi mở lời rằng: “Nầy ông thiện nam, vợ con ông mạnh giỏi không?”; hoặc “Ông có việc chi phiền phức chớ?”. Tỳ khưu nói chuyện vô ích phù phiếm, như chuyện vua quan, trộm cướp... chừng ba bốn câu như vậy, là là *lapayanti* (nói phiếm). Khi gia chủ nghe rồi, đáp lại: “Bạch Ngài, cả nhà con đều được an vui, không có điều chi phiền phức. Bây giờ, chúng con dư dả vật thực, xin thỉnh Ngài ở lại đây.”. Tỳ khưu nói ướm để được thỉnh mời như vậy, gọi là *lapayanti*. Bậc Tịnh giả không nói theo hai cách trên đây.

Dầu tiếp xúc với cảnh vui hay cảnh khổ, dầu bị tám pháp thế gian đụng chạm đến các Ngài, bậc Trí giả cũng không to tiếng, lộ vẻ bất bình khen tốt, chê xấu, hãnh diện hay hổ thẹn chi cả.

Cuối thời pháp, có nhiều vị Tỳ khưu chứng đắc quả Tu Đà Hườn...



Dịch Giả Căn Đề

*Tịnh giả dầu trong cảnh ngộ nào,
 Cũng là trăm mặc chẳng xôn xao,
 Khi vui, lúc khổ, tâm thường trụ
 Bữa được, ngày thua, trí vẫn cao.
 Lan Nhã đã qua mùa đói kém,
 Kỳ Viên còn gặp nhóm tâm phào,
 Thói đời no đủ sanh nhiều chuyện,
 Theo Phật ăn dư lại tị hào.*

DỨT TÍCH NĂM TRĂM VỊ TỶ KHƯU



83. The wise are not elated hoặc depressed by happiness hoặc by pain. The wise do renounce all.

83. Bậc trí không vui hay buồn vì lạc hay khổ, vì bậc trí từ bỏ tất cả.

VI. 9- Tích ĐẠI ĐỨC HỢP PHÁP (*Dhammikattheravatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 84)

“Na attahetu na parassahetu,
Na puttamicche na dhanam na raṭṭham;
Na iccheyya adhammena samiddhimattano,
Sa sīlavā paññavā dhammiko siyā.”

“Không vì người, vì mình,
Không mong con, của, xứ,
Không mong được không thành,
Rằng lời, mất, danh dự,
Thế mới gọi hợp pháp,
Giới đức và trí tuệ.”

Kệ Pháp Cú này, Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự an tại Jetavana, đề cập đến Đại đức Dhammika (Hợp Pháp).

Tương truyền rằng: Trong thành Sāvatthī có một Thiện nam đang sống an vui với gia đình, một hôm phát tâm muốn xuất gia. Ông ngồi gần bên vợ, chuyện trò vui vẻ rồi nói: “Này mình, anh có ý muốn xuất gia.”

Người vợ can: “Anh hãy khoan đi đã, trong khi em còn bụng mang dạ chứa như vậy.”

Người chồng hoãn lại ý định xuất gia, chờ tới khi đứa hài nhi biết đi, rồi mới từ biệt để đi tu. Người vợ lại van:

- Anh ơi! Anh hãy chờ đợi con khôn lớn.

Nghe vậy, ông Thiện nam suy nghĩ: “Dầu vợ ta chấp thuận hay không, ta cũng sẽ tự mình làm cho mình hết khổ!”. Thế rồi, ông xuất gia đi tu.

Sau khi thọ đề mục, ông tinh tấn tham thiền quán tưởng, tự mình hoàn tất phận sự xuất gia, xong rồi mới quay trở về Sāvatthī, cốt để thuyết pháp tế độ gia tộc cho thấu đạt chân lý. Con trai của ông cũng xuất gia theo ông và sau đó không bao lâu chứng đắc quả A La Hán.

Lúc bấy giờ, còn vợ ông ở nhà, tự nghĩ: “Ta vì chồng con mới ở nhà lo coi sóc gia đình. Nay cả hai đều xuất gia cả rồi, thì ta còn ở nhà mà làm chi. Ta sẽ xuất gia.”. Sau khi xuất gia không bao lâu, bà cũng chứng đạt A La Hán.

Một hôm, trong giảng đường, câu chuyện này được đề khởi:

- Này các hiền giả! Thiện nam Dhammika tự mình sống theo Chánh Pháp xong rồi xuất gia hành đạo thành bậc A La Hán, thế mà cũng còn sanh tâm ái luyến vợ con.

Đức Bốn Sư ngự đến hỏi:

- Này các Tỷ khưu, hôm nay các thầy câu hội bàn tán chuyện gì thế?

- Bạch Ngài, chuyện như vậy...

Nghe vậy, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Này các Tỷ khưu, đã gọi là bậc Trí giả thì không bao giờ nên vì mình, vì người mà mong thành đạt kết quả, chỉ nên nương theo pháp, làm việc hợp pháp mà thôi.

Để kết thúc, Đức Thế Tôn thuyết lên bài kệ này:

“Na attahetu na parassahetu,
Na puttamicche na dhanam na raṭṭham;
Na iccheyya adhammena samiddhimattano,

Sa sīlavā paññavā dhammiko siyā.”

“Không vì mình, vì người,
Không cầu con, ruộng, tiền,
Không mưu thần, chước quỷ,
Chỉ sống thuần đức hạnh,
Chánh trí, hợp chánh pháp.”

(Bản dịch của Ngài H.T. Minh Châu)

Người trí không làm điều tà,
Không vị thiên hạ, hoặc là riêng ai.
Không nên, bằng việc quấy sai,
Cầu mong vương quốc, con trai, sự giàu.
Không nên tha thiết mong cầu,
Dùng phương bất chánh ngõ hầu thành công.
Được vậy mới thật đáng phong,
Đạo đức, trí tuệ, có lòng thẳng ngay.”



CHÚ GIẢI:

Na attahetu: Bậc xứng danh là trí giả (paṇḍita) thì không thiên vị vì mình hoặc vì người khác mà làm việc quấy ác.

Na puttamicche: Bậc trí giả không cầu mong được con, tài sản, xứ bằng việc làm quấy ác, mà đâu có mong muốn đi nữa, cũng không vì vậy mà tạo thêm ác nghiệp.

Samiddhim attano: Dầu việc chi có lợi ích đến mình, bậc trí cũng không muốn được bằng phi pháp, cho nên không làm ác vì lý do lợi ích vậy.

Sa sīlavā: Bậc quân tử, trượng phu như vậy chính là bậc có đức hạnh, có trí tuệ và sống hợp Chánh pháp. Ngoài

ra không có ai khác.



Cuối thời pháp, nhiều vị Tỷ khưu đắc Thánh quả,
nhất là Tu Đà Hườn quả.

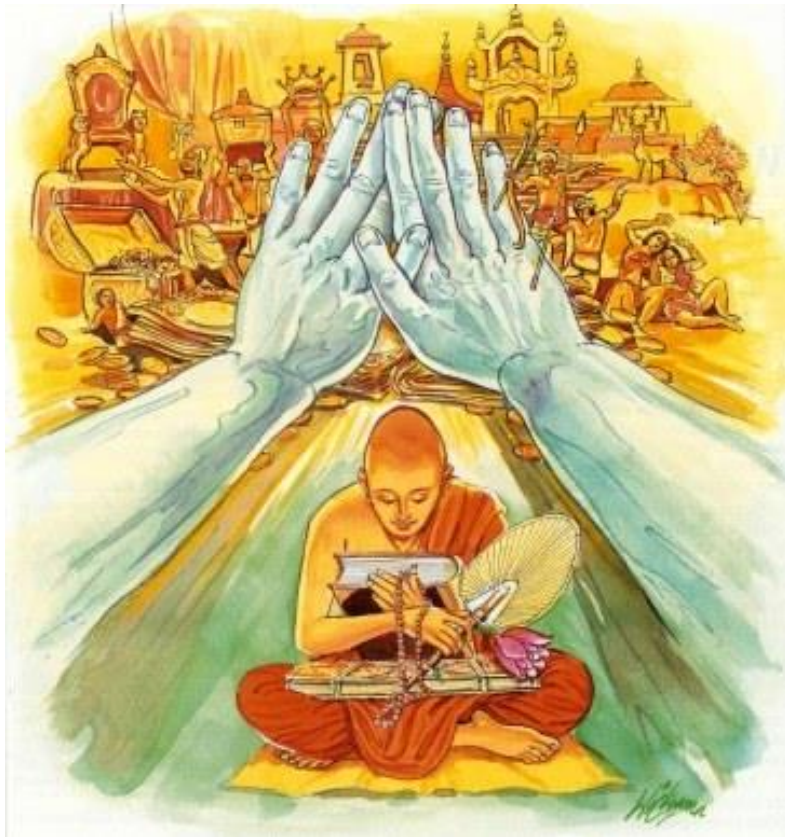


Dịch Giả Cử Đề

*Lý đạo thông rồi, quyết xuất gia,
Xá chi con, vợ, xá chi nhà,
Trước lo giải thoát riêng mình một,
Sau tính châu toàn trọn cả ba.
Bậc trí trước sau hành đúng đắn,
Người ngu cao thấp nói sai ngoa,
Mất trần khó biết phân tà chánh,
Hợp Pháp Tỷ khưu, Là Hán mà.*

DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC DHAMMIKA





84. *The wise will never do any wrong for the sake of any gain whatsoever.*

84. Bậc trí không bao giờ làm gì Phi Pháp vì bất cứ lợi lộc nào ở đời.

VI. 10- Tích NGHE THUYẾT PHÁP (*Dhammassavanavatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 85 – 86)

“Appakā te manussesu, Ye janā pāragāmino; Athāyaṃ itarā pajā, Tīramevānudhāvati.”	“Giữa nhân loại ít người, Bờ kia đạt đến nơi, Có nhiều người còn lại, Chạy theo bờ này mãi.”
--	---

“Ye ca kho sammadakkhāte,
Dhamme dhammānuvattino;
Te janā pāramessanti,
Maccudheyyaṃ suduttaraṃ.”

“Nương theo Pháp khéo dạy,
Nhưng ai chân hành trì,
Vượt biển dục nan giải,
Sẽ đạt đến bờ kia.”

Kệ Pháp Cú này, Đức Bốn Sư đã thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến nhóm thiện tín nghe pháp.

Tương truyền rằng: Nhiều người ở dọc theo một con đường trong thành Sāvathī, thỏa hiệp lập thành một nhóm Thiện tín, làm phước Trai Tăng xong, rủ nhau ở lại chùa suốt đêm để nghe pháp. Tuy nhiên, họ không thể thức để nghe pháp suốt đêm theo ý định, một số bị lòng tham dục thúc đẩy, tự động rút về nhà, một số khác bị sự sân hận nổi lên cũng bỏ chùa ra đi, một số nữa bị hôn trầm thụy miên còn ngồi nán lại gục lên, gục xuống chớ không

nghe được pháp. Ngày sau, chư Tỳ khưu câu hội trong giảng đường, đem đề tài “nghe pháp” này ra đàm luận, Đức Bốn Sư ngửa đến hỏi:

- Này các Tỳ khưu, hôm nay các thầy câu hội bàn luận việc chi?

- Bạch Ngài, việc này...

Nghe vậy, Đức Bốn Sư giải thích:

- Này các Tỳ khưu! Những chúng sanh ấy hằng sống theo cõi Dục, dính mắc trong cõi Dục như thế, nên rất ít người đạt được Níp Bàn.

Để kết thúc thời pháp, Đức Thế Tôn nói lên kệ ngôn:

85. “Appakā te manussesu,

Ye janā pāragāmino;

Athāyaṃ itarā pajā,

Tīramevānudhāvati.”

“Ít người giữa nhân loại,

Đến được bờ bên kia,

Số lớn người còn lại,

Xuôi ngược bờ bên này.”

86. “Ye ca kho sammadakkhāte,

Dhamme dhammānuvattino;

Te janā pāramessanti,

Maccudheyyaṃ suduttaraṃ.”

“Những ai chơn chánh hành trì,

Theo chánh pháp khéo dạy,

Sẽ đạt đến bờ kia,

Vượt ma giới khó thoát.”

(Bản dịch của Ngài H.T. Minh Châu)

85 – 86. “*Nội trong đám nhân quần này,*

Bờ kia đạt đến một vài mà thôi,

Còn thì vơ vẩn bồi hồi,

Bao nhiêu người khác tại nơi bờ này.

Những người nghe được pháp hay

Ráng hành cho đúng lời thầy chẳng sai,

Bờ kia sẽ đạt đến ngay,

Biển trần lao ắt có ngày vượt qua.”



CHÚ GIẢI:

Appakā: Số ít, không có nhiều.

Pāragāmino: Đáo bỉ ngạn, qua đến bờ kia là đến Níp Bàn.

Athāyaṃ itarā pajā: Số người còn lại, là phần đông nhân loại vì thân kiến, tức là thành kiến ngã chấp, cứ bám chặt vào danh sắc, nên cứ chạy theo bờ bên này.

Sammadakkhāte: Được chỉ dạy đúng đắn, khéo thuyết giảng.

Dhamme: Trong các pháp đã thuyết.

Dhammānuvattino: Pháp mà được nghe thuyết rồi, theo đó thực hành cho đầy đủ, để chứng đạt đạo quả.

Pāramessanti: Những người như thế sẽ đạt đến bờ kia, tức là Níp Bàn.

Maccudheyyaṃ: Trong vòng tứ thân, ám chỉ cõi trần, nơi mà chúng sanh bị cái gọi là phiền não Ma vương

(Kilesamārasaṅkhāta) bao vây.

Suduttaraṃ: Những ai thực hành đầy đủ theo pháp đã nghe thì thoát qua khỏi vòng vây của Ma vương rất khó vượt qua và đạt đến bờ kia là Níp Bàn.



Cuối thời pháp, nhiều thánh giả đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.



Dịch Giả Cử Đề

*Rủ nhau làm phước, thức nghe kinh,
Ý niệm đầu tiên quả thật lành,
Ma dục xen vào, về nghĩ lạ,
Lửa sân nổi giận, bỏ đi nhanh.
Lắm anh ngã gập, gần như chết,
Nhiều chị hôn trầm, tựa mới sanh,
Vượt biển khổ qua bờ giải thoát,
Xưa nay rất hiếm bậc viên thành.*

DỨT TÍCH NGHE THUYẾT PHÁP



85. Only a few cross over to the further shore. Others run helplessly along the near shore.

**85. Chỉ một số ít người vượt qua đến Bờ bên kia.
Số người khác chạy tán toan ở Bờ bên này.**



86. Those who practise Dhamma and whose action is right will cross to Nibbāna, the Deathless.

86. Những ai thực hành Chánh Pháp và Chánh Nghiệp sẽ đạt đến Níp Bàn, Bất tử.

VI. 11- Tích KHÁCH TẶNG (*Āgantukabhikkhuvatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 87 – 88 – 89)

“Kaṇhaṃ dhammaṃ vippahāya, “Người trí bỏ hắc pháp,
Sukkaṃ bhāvētha paṇḍito; Tu tập theo bạch pháp,
Okā anokamāgamma, Xuất gia sống không nhà,
Viveke yattha dūramaṃ.” Một mình ở nơi xa.”

“Tatrābhiratimiccheyya, “Người trí gột rửa sạch,
Hitvā kāme akiñcano; Cầu uế ở nội tâm,
Pariyodapeyya attānaṃ, Là đục không ô nhiễm,
Cittakilesehi paṇḍito.” Hầy cầu vui Níp Bàn.”

“Yesaṃ sambodhiyaṅgesu, “Những người giữ chánh tâm,
Sammā cittaṃ subhāvitaṃ; Tu giác chi bảy pháp,
Ādānapaṭinissagge, Xa lìa mọi thủ chấp,
Anupādāya ye ratā; Không ái nhiễm hỷ hoan,
Khīṇāsavā jutimanto, Sẽ sanh không lậu hoặc,
Te loke parinibbutā.” Hiện sắp chứng Níp Bàn.”

Kệ Pháp Cú này, Đức Bốn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến năm trăm vị Tỳ khưu khách.

Tương truyền rằng: Có năm trăm vị Tỳ khưu đã kết hạ an cư trong xứ Kosala. Sau khi mãn mùa an cư, các vị ấy trở về Jetavana để yết kiến Đức Bốn Sư. Đến nơi, đánh lễ Đức Bốn Sư rồi, các vị ấy ngồi xuống một bên.

Sau khi lắng nghe chư Tăng phúc trình sự hành đạo của riêng từng nhóm, Ngài thuyết pháp và ngâm lên bài kệ rằng:

87. “Người trí hắc pháp bỏ ra,
Tu tập bạch pháp lìa xa gia đình,
Xuất ly, tự sống một mình,
Y theo giới đức, lộ trình Sa môn.”
88. “Người trí phải gội sạch trơn,
Những điều cấu uế chỉ tồn trong tâm.
Thú vui Chánh Pháp nên tâm,
Xa lìa ngũ dục, nhập tâm Níp Bàn.”
89. “Không còn cố thủ chấp nê,
Rời tâm ái dục, diệt bề trăm lao,
Để thành sáng suốt thanh cao,
Níp Bàn ắt sẽ chứng vào hiện nay.”
87. “Kẻ trí bỏ hắc pháp,
Tu tập theo bạch pháp,
Bỏ nhà sống không nhà,
Độc thân rất khó hưởng.”
88. “Hãy cầu vui Níp Bàn,
Bỏ dục không nhiễm uế,
Kẻ trí tự rửa sạch,
Mọi cấu uế nội tâm.”
“Những ai thường chánh tâm,
Tu tập pháp Giác chi,
Xa lìa mọi chấp trước,
Hoan hỷ không nhiễm ái,

Sẽ sống không lậu hoặc,
Sáng chói, chứng Níp Bàn,
Ngay trong đời hiện tại.”
“Không còn cố thủ chấp nê,
Rời tâm ái dục, diệt bề trăm lao,
Để thành sáng suốt thanh cao,
Níp Bàn ắt sẽ chứng vào hiện nay.”

(Bản dịch của Ngài H.T. Minh Châu)



CHÚ GIẢI:

Kaṇham dhamma: Sau khi rời bỏ hắc pháp, là pháp bất thiện, nhất là thân ác hạnh.

Sukka bhāvētha: Người trí xuất gia tu lên Tỷ khưu rồi, từ đó nên hành cho đắc A La Hán đạo, tu tập bạch pháp, nhất là thân thiện hạnh, làm sao?

Okā anokamāgamma: Okam đây chỉ cho chỗ ngụ, là gia đình.

Anokaṃ: Là vô gia đình, cốt bước lên con đường đến Níp Bàn.

Tatrābhiratimiccheyya: Ám chỉ trạng thái vô gia đình, cô tịch, Níp Bàn. Người tu tập thất giác chỉ nên thỏa thích trong trạng thái đó.

Hitvā kāme: Là đã rời xa vật dục và phiền não dục, không còn bị ô nhiễm tâm tịch tịnh an vui.

Cittakilesehi: Năm pháp cái hầy tự mình gột rửa, tẩy sạch.

Sambodhiyaṅgesu: Chi Thất giác chi.

Sammā cittaṃ subhāvitam: Đào luyện phát triển chánh tâm cho càng tăng trưởng, ưu tú.

Ādānapaṭṭinissagge: Ādāna là bám níu, cầm nắm, nay từ bỏ sự bám níu. Cả bốn cái thủ đều dứt bỏ hết thì được hoan hỷ.

Jutimanto: Bậc có oai lực, nhờ ánh sáng của A La Hán đạo tuệ lúc tan rã Ngũ uẩn sẽ Vô dư Níp Bàn vì đã giác ngộ lý pháp.

Te loke: Những người trong thế gian là Ngũ uẩn này, sau khi Níp Bàn. Từ khi đắc quả A La Hán, về sau đã liệng bỏ cả vòng Ngũ uẩn với sự diệt tận cuối cùng bằng Vô dư Níp Bàn. Người đã Níp Bàn là người không còn chấp thủ thứ gì cả, giống như cây đèn tắt vậy.



Cuối thời pháp, nhiều vị Tỳ khưu chứng đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.



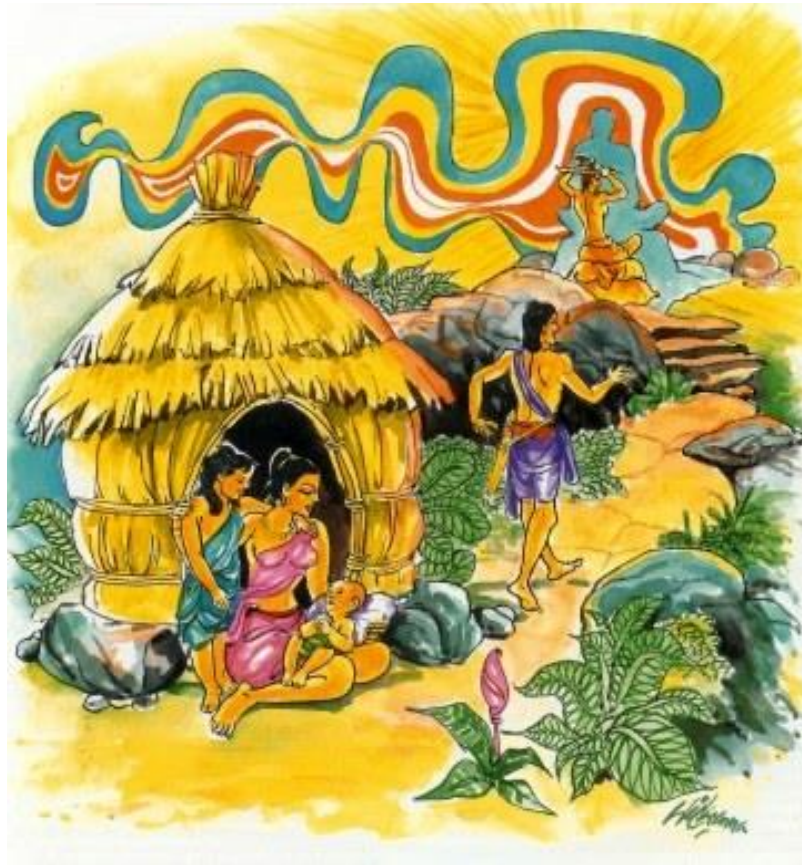
Dịch Giả Căn Đề

*Năm trăm Tăng khách Kiều Tát La,
Về đến Kỳ Viên lễ Phật Đà,
Ngài đã ban truyền ba pháp kệ,
Dạy khuyên bậc trí hạnh không nhà.
Một nên độc chiếc hành phạm hạnh,
Hai phải tròng thanh ngũ dục ra,
Ba ráng tu theo bảy nhánh giác,
Níp Bàn quả vị sẽ không xa.*

DỨT TÍCH KHÁCH TĂNG

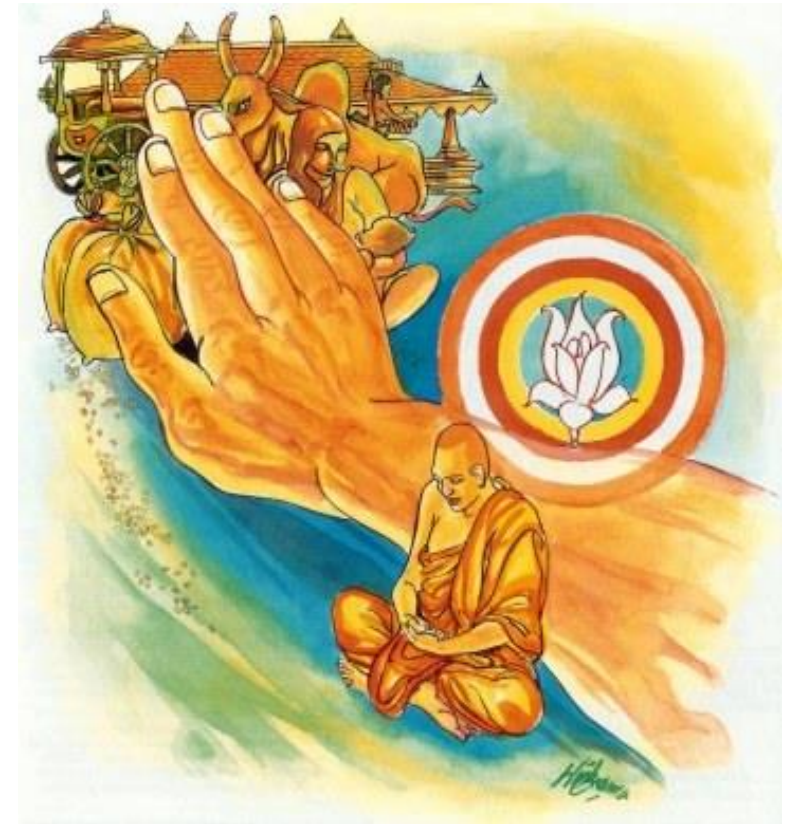
DỨT PHẨM HIỀN TRÍ





*87. Abandon unwholesome views,
Become homeless and wisely strive for Nibbāna.*

**87. Hãy đoạn trừ tà kiến, sống đời xuất gia, và
khéo nỗ lực tinh tấn đắc Níp Bàn.**



*88. The wise person purifies himself, being non-attached,
desireless and by forsaking pleasures.*

**88. Người trí tự thanh tịnh thân tâm, ly tham và
bỏ dục lạc.**



89. Practice of the seven factors and non-attachment ensures Nibbāna.

89. Thực hành Bảy Giác Chi và ly tham chắc chắn đạt Níp Bàn.

MỤC LỤC**III. PHẨM TÂM (CITTA VAGGA)**

III. 1- Tích TRƯỞNG LÃO MÊ KỲ DẠ (Meghiyattheravatthu).....	10
III. 2- Tích VỊ TỀ KHUU Ở THỦY LƯU THÔN (Aññatarabhikkhavatthu)	16
III. 3- Tích VỊ TỀ KHUU BẤT MÃN (Ukkhaññhitabhikkhuvatthu)	29
III. 4- Tích ĐẠI ĐỨC HỘ TĂNG DIỆT (Bhāgineyyasaṅgharakkhitattheravatthu).....	35
III. 5- Tích ĐẠI ĐỨC PHỤC TÂM (Cittahatthattheravatthu)	42
III. 6- Tích CÁC TỀ KHUU QUÁN TỰ NGÃ (Āraddhavipassakabhikkhuvatthu)	55
III. 7- Tích ĐẠI ĐỨC TISSA THÚI THÂY (Pūtigattatissatheravatthu).....	64
III. 8- Tích NAN ĐÀ CHỦ TRẠI BÒ (Nandagopālakavatthu)	71
III. 9- Tích ĐẠI ĐỨC TU LỆ DA (Soreyyattheravatthu)	76

IV. PHẨM HOA (PUPPHAVAGGA)

IV. 1- Tích 500 VỊ TỀ KHUU ĐÀM LUẬN VỀ ĐỊA ĐẠI (Paṭhavikathāpasutapañcasatabhikkhuvatthu).....	89
---	----

IV. 2- Tích TỀ KHUU QUÁN BÀO ẢNH (Marīcikammaṭṭhānikattheravatthu).....	96
IV. 3- Tích VIDŪḌABHA (LƯU LY VƯƠNG) (Viḍḍābhavatthu)	101
IV. 4- Tích NÀNG SỰ PHỤ (Patipūjikāvatthu)	135
IV. 5- Tích BÁ HỘ KHAN NANG (Macchariyakosiyaseṭṭhivatthu).....	142
IV. 6- Tích TU SĨ NGOẠI ĐẠO TIỂU DIỆP (Pāṭikājivakavatthu)	155
IV. 7- Tích THIỆN NAM TẢN THỦ (Chattapāṇi upasakavatthu).....	162
IV. 8- Tích ĐẠI TÍN NỮ THIỆN CHI (Visākhāvatthu)	171
IV. 9- Tích ĐẠI ĐỨC ĀNANDA VẤN ĐẠO (Ānandattherapañhavatthu)	216
IV. 10- Tích ĐẠI ĐỨC MAHĀKASSAPA ĐƯỢC VUA TRỜI ĐỂ BÁT (Mahākassapattherapiṇḍapātadānavatthu)	223
IV. 11- Tích ĐẠI ĐỨC CỒ DIỆT VIÊN TỊCH (Godhikattheraparinibbānavatthu)	233
IV. 12- Tích ÔNG OÁN TRÁCH THÍ (Garahadinnavatthu).....	241

V. PHẨM NGU NHON (BĀLAVAGGA)

V. 1- Tích TRẠI NGHÈO CÓ VỢ ĐẸP (Aññatarapurisavatthu)	257
V. 2- Tích ĐỆ TỬ CỦA ĐẠI ĐỨC MA HA CA DIẾP (Mahākassapattherassa saddhivihārikavatthu).....	281

V. 3- Tích TRƯỞNG GIẢ A NAN (Ānandasetṭhivattu)	291
V. 4- Tích NGƯỜI ĐIỂM MÓC TÚI (Gaṇḍhibhedakacoravattu)	298
V. 5- Tích ĐẠI ĐỨC ƯU ĐÀ DI (Udāyitheravattu)	302
V. 6- Tích NHÓM TỖ KHUU BẠT ĐỀ (Pāṭheyyakabhikkhuvattu)	306
V. 7- Tích ÔNG THIỆN GIÁC CÙI (Suppabuddhakutṭhivattu)	310
V. 8- Tích NGƯỜI NÔNG PHU MẮC NẠN (Kassakavattu)	316
V. 9- Tích ÔNG HÀNG HOA HẢO Ý (Sumanamālākāravattu)	322
V. 10- Tích NỮ THÁNH UPPALAVANNA (Uppalavaṇṇātherivattu)	333
V. 11- Tích JAMBŪKĀJĪVAKA (Jambūkājīvakavattu)	340
V. 12- Tích NGẠ QUỶ MÌNH RẮN (Ahipetavattu)	357
V. 13- Tích NGẠ QUỶ BỊ BÚA ĐẬP ĐẦU (Saṭṭhikūṭapetavattu)	366
V. 14- Tích ĐẠI ĐỨC THIỆN PHÁP (Sudhammattheravattu)	376
V. 15- Tích ĐẠI ĐỨC ĐỀ XÁ Ở RỪNG (Vanavāsītissattheravattu)	392

VI. PHẨM HIỆN TRÍ (PAṆḌITAVAGGA)

VI. 1- Tích ĐẠI ĐỨC LA ĐÀ (Rādhatheravattu)	418
--	-----

VI. 2- Tích ÁC TĂNG (Assajipunabbasukavattu)	42
VI. 3- Tích ĐẠI ĐỨC SA NẶC (Channattheravattu)	431
VI. 4- Tích ĐẠI ĐỨC MA HA KIẾP TÂN NA (Mahākappinattheravattu)	436
VI. 5- Tích SA DI TRÍ GIẢ (Paṇḍitasāmaṇeravattu)	456
VI. 6- Tích ĐẠI ĐỨC BẠT ĐÀ LÙN (Lakuṇṭakabhaddiyattheravattu)	481
VI. 7- Tích MẸ CÔNG CHÚA CÀ NA (Kāṇāmātāvattu)	485
VI. 8- Tích NĂM TRĂM VỊ TỖ KHUU (Pañcasatabhikkhuvattu)	493
VI. 9- Tích ĐẠI ĐỨC HỢP PHÁP (Dhammikattheravattu)	500
VI. 10- Tích NGHE THUYẾT PHÁP (Dhammassavanavattu)	505
VI. 11- Tích KHÁCH TĂNG (Āgantukabhikkhuvattu)	511



90/TG. In xong nộp lưu chiểu Quý III-2011

Chú giải Kinh Pháp Cú
(DHAMMAPADA-AṬṬHAKATHĀ)

QUYỂN 2

Trưởng lão PHÁP MINH dịch

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Phường Yên Hòa- Quận Cầu Giấy-Hà Nội

ĐT: 0437822845

Chịu trách nhiệm xuất bản:

NGUYỄN CÔNG OÁNH

Biên tập : Nguyễn Tường Long

Sửa bản in : Tỳ khưu Định Phúc

Trình bày : Phước Tâm

Bìa : Huyền Thanh

In lần thứ 1. Số lượng: 1.000 cuốn. Khổ 14cm × 20cm.
In tại Nhà In Chi Nhánh NXBGTVT, số 92 Nam Kỳ Khởi
Nghĩa, TP. Hồ Chí Minh. Giấy phép số: **2011/CXB/-**